



TIẾNG VIỆT

MỀN YÊU

D

East Side Union High School District

Tiếng Việt Mến Yêu



First Printing, 2013

*For our future generations
May the beauty of the Vietnamese language, culture,
and literature help you:*

- ♦ *become long-life learners,*
- ♦ *be more humane, and*
- ♦ *protect our Mother Earth.*

The Tiếng Việt Mến Yêu
authors, editors and teachers

Board of Trustees

Frank Biehl, *President*
J. Manuel Herrera, *Vice President*
Van Le, *Clerk*
Magdalena Carrasco, *Member*
Lan Nguyen, *Member*

Chris Funk, *Superintendent*

**Copyright © 2013 by East Side Union High School District.
All rights reserved.**

No part of this publication may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording, or otherwise, without the prior permission of the publisher.

Printed in the United States of America

Contact:

Instructional Services Division

East Side Union High School District

830 N. Capitol Ave., San Jose, CA 95133

(408) 347-4961

www.esuhsd.org

Tiếng Việt Mến Yêu

Authors

Hoang Dinh

B.A. Business Administration
California State University, Sacramento

Lily Lam

B.A. Mathematics
San Jose State University
M.A. Arts of Teaching
National University

Kim-Dong Vo

A.A. English
A.S. Education
Social Science and Humanities College
Vietnam

Van Huang

B.A. Business
M.A. French
California State University, Fullerton

An Thieu

B.A. Computer Science and Mathematics
M.A. Mathematics
San Jose State University

Editors

Nguyet Kim Dinh

B.A. Social Science
M.A. Educational Administration and
Supervision.
San Jose State University

Co Le

B.A. English
University of Hue, Vietnam

Technical and Language Support

- Khanh The Vu
- Tri Cao

Typists

- Nguyet To
- Ngoc Uong

Illustrators

- Khoa Nguyen
- ViVi

ACKNOWLEDGMENTS

*Uống nước nhớ nguồn,
While drinking the water, think of its source.
Vietnamese Proverb*

We deeply appreciate the following people who have made it possible for us to develop the Vietnamese for Native Speakers Program and the Tiếng Việt Mền Yêu textbooks at East Side Union High School District (ESUHSD).

- Assemblyman Joe Coto, Former Superintendent, ESUHSD
- Board of Trustees: Frank Biehl, J. Manuel Herrera, Van Le, Magdalena Carrasco, Lan Nguyen
- Chris Funk, Superintendent
- Juan Cruz, Assistant Superintendent of Instructional Services
- Dr. Eugene Garcia, Former Director, Office of Bilingual Education & Minority Language Affairs (OBEMLA), U.S. Department of Education
- Dang Pham, Former Deputy Director, OBEMLA, U.S. Department of Education
- Refugee School Impact Grant Program Administrators, California Department of Education
- The late Dr. Professor Nguyễn Đình Hoà
- The late Dr. Professor Huỳnh Đình Tế
- District administrators, principals, and APEDs,
- Teachers who have piloted the curriculum: Hoang Dinh, Lily Lam, Pauline Nguyen, Quang Nguyen, Phach Nguyen, Diep Vu, Chi Nguyen, Van Huang, Huyen Nguyen, An Thieu, and Mary Pollett
- Vietnamese language students and parents

and most importantly

- All the authors, editors, illustrators, and technical staff who have spent endless time on this project.

Nguyet Dinh
Administrator of Language Minority Programs
ESUHSD



UNITED STATES DEPARTMENT OF EDUCATION

OFFICE OF BILINGUAL EDUCATION AND
MINORITY LANGUAGES AFFAIRS

JUN 9 1995

Dear Colleagues:

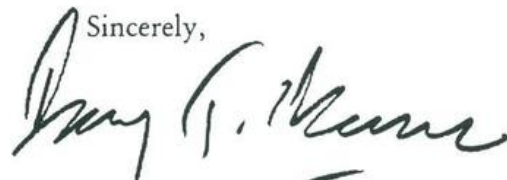
We are pleased to share with you the "Vietnamese for Vietnamese Speakers" series that was just published by East Side Union High School District (ESUHSD). The material is the first of its kind in the nation. It includes three (3) volumes of the student's textbooks and teacher's edition.

These textbooks are the result of a truly collaborative effort among the educators who have taught the Vietnamese language and culture in the United States and in Vietnam. In the effort to meet the needs of the Vietnamese students in the region, the East Side Union High School District has taken on a pioneering endeavor in developing this material for these students.

After reviewing these textbooks, we would like to congratulate ESUHSD for producing this excellent material. Such fine products should be disseminated to other school districts throughout our nation that have the same need. ESUHSD should be commended for its effort in ensuring the success of the linguistically and culturally diverse students of this great country.

Best wishes for your effort.


Eugene E. Garcia, Ph.D.
Director

Sincerely,

Dang T. Pham
Deputy Director



Program Components

High Interest Reading

- Blend of Literature and Culture
- High School Age-Appropriate

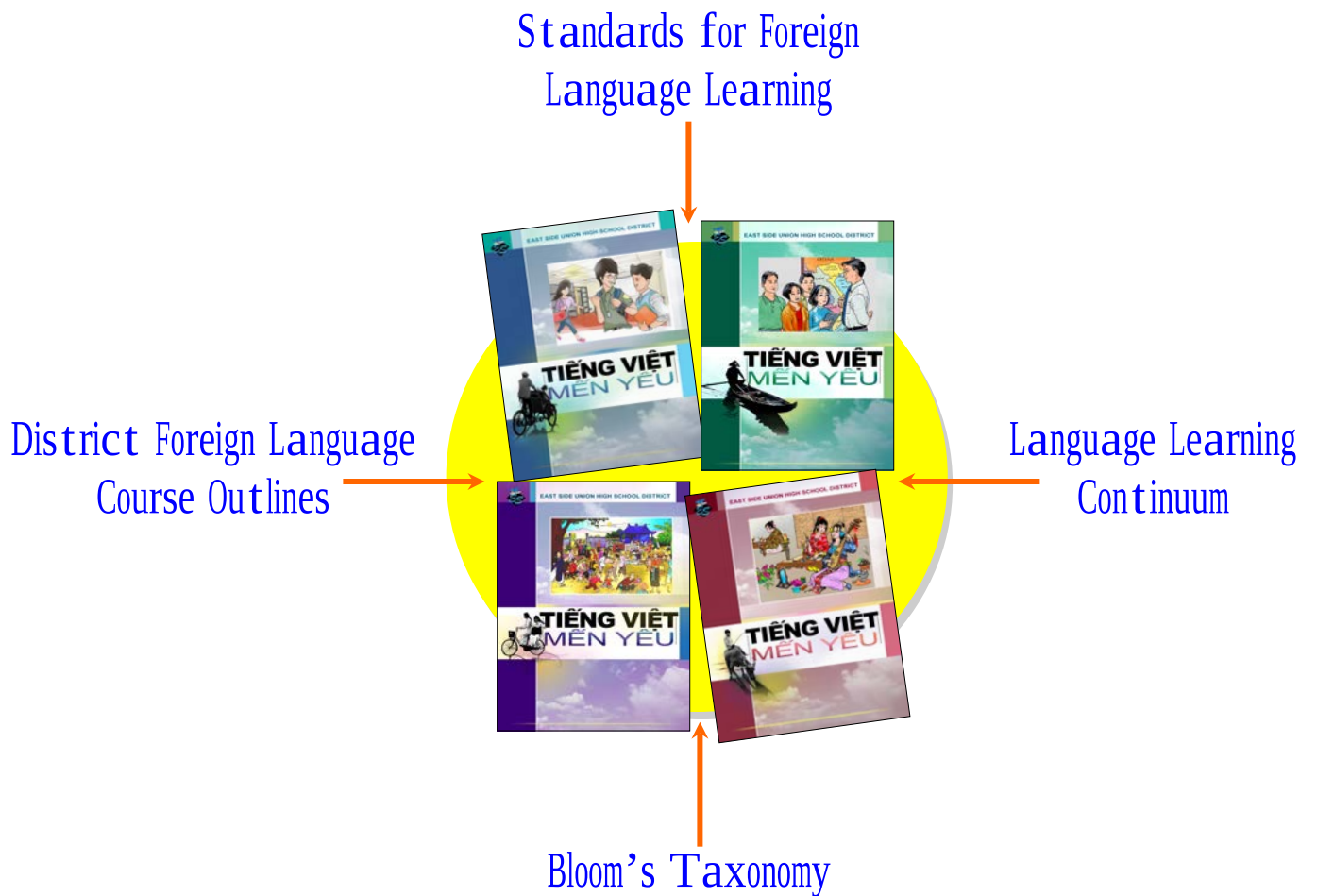
Systematic Instruction in All Areas

- Listening Activities
- Speaking Activities
- Reading Activities
- Writing Activities
- Multicultural Education
- Vocational Education

Curriculum-Embedded Assessment

- End-of-Lesson Tests
- Unit Tests

The Tiếng Việt Mến Yêu Curriculum



Standards for Foreign Language Learning

Preparing for the 21st Century

Communication

Communicate in Languages Other Than English

Cultures

Gain Knowledge and Understanding of Other Cultures

Connections

Connect with Other Disciplines and Acquire Information

Comparisons

Develop Insight into the Nature of Language and Culture

Communities

Participate in Multilingual Communities at Home & Around the World

Source: American Council on the Teaching of Foreign Language, Inc.

Mục Lục / Contents

Bài/Lesson			Trang/Page
	Học kỳ I		
1	Truyện ngắn Anh Phải Sống	<i>Khái Hưng</i>	12
2	Thơ Cảm Xúc	<i>Hồ Dzếnh</i>	36
3	Thơ Nhớ Rừng	<i>Thế Lữ</i>	50
4	Truyện ngắn Rừng Mắm	<i>Bình Nguyên Lộc</i>	70
5	Truyện ngắn Cây Huê Xà	<i>Sơn Nam</i>	97
6	Truyện dài Nửa Chừng Xuân	<i>Khái Hưng</i>	
	• Bài 1: Hai Chị Em		114
	• Bài 2: Ân Nhân (Duyên nợ)		128
	• Bài 3: Đôi Đầu		140
	• Bài 4: Trên Đồi		153
	• Bài 5: Bên Lò Sưởi		164
7	Thơ Thế Thái Nhân Tình	<i>Nguyễn Bình Khiêm</i>	179
8	Thơ Thú Nhàn	<i>Nguyễn Bình Khiêm</i>	192
9	Thơ Chí Làm Trai	<i>Nguyễn Công Trứ</i>	205
10	Thơ Đi Thi Tự Vịnh	<i>Nguyễn Công Trứ</i>	218
11	Thơ Tương Tư	<i>Nguyễn Công Trứ</i>	227
12	Thơ Thăng Long Thành Hoài Cổ	<i>Bà Huyện Thanh Quan</i>	238
13	Thơ Qua Đèo Ngang	<i>Bà Huyện Thanh Quan</i>	250
14	Thơ Chúc Tết	<i>Trần Tế Xương</i>	263
15	Thơ Tự Trào	<i>Trần Tế Xương</i>	273

Học kỳ II

16	Truyện ngắn Mẹ Con	<i>Nguyễn Văn</i>	281
17	Thơ Áo Lụa Hà Đông	<i>Nguyễn Sa</i>	308
18	Thơ Màu Tím Hoa Sim	<i>Hữu Loan</i>	321
19	Thơ Đôi Mắt Người Sơn Tây	<i>Quang Dũng</i>	344
20	Thơ Truyện Kiều	<i>Nguyễn Du</i>	
	• Bài 1: Giới Thiệu Truyện Kiều		362
	• Bài 2: Kiều Đi Thanh Minh		379
	• Bài 3: Hai Kiều Gặp Kim Trọng		392
	• Bài 4: Phận Hồng Nhan		405
	• Bài 5: Ngày Sum Hạp		424
21	Thơ Chinh Phụ Ngâm	<i>Đặng Trần Côn, Đoàn Thị Điểm dịch</i>	
	• Bài 1: Sửa Soạn Lên Đường		440
	• Bài 2: Phút Chia Tay		459
	• Bài 3: Mơ Ngày Chiến Thắng		470
	Bảng Từ Vựng / Glossary		480

Khái Hưng (1896 - 1947)



Khái Hưng tên thật là Trần Giur, nhưng ông thêm từ Khánh thành Trần Khánh Giur, có lẽ để giống vị tướng Trần Khánh Dư, đời Trần. Bút hiệu Khái Hưng của ông được ghép từ các chữ cái của tên Khánh Giur. Ông sinh năm 1896, xuất thân trong một gia đình quan lại ở xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, Hải Dương, nay thuộc Hải Phòng. Một số tài liệu khác ghi ông sinh năm 1897.

Khái Hưng quen Nhất Linh trong khoảng thời gian từ 1930 đến 1932, khi họ cùng dạy ở trường tư thục Thăng Long và sau đó trở thành một cặp tác giả nổi tiếng. Tuy Khái Hưng hơn Nhất Linh 9 tuổi nhưng bước vào văn đàn sau nên được gọi là Nhị Linh.

Khái Hưng tham gia Tự Lực Văn Đoàn do Nhất Linh thành lập năm 1933, gồm ba thành viên trụ cột là Nhất Linh, Khái Hưng và Hoàng Đạo.

Cùng thời gian đó, Tự Lực Văn Đoàn ra tờ báo *Phong Hoá*. Về sau khi *Phong Hoá* bị đóng cửa thì tờ *Ngày Nay* thay thế. Cùng với báo, Tự Lực Văn Đoàn còn có nhà xuất bản Đồi Nay. Toàn bộ tác phẩm của Khái Hưng đều do *Ngày Nay* và *Đồi Nay* xuất bản.

Khái Hưng là một trong những cây bút chính của nhóm. Tiểu thuyết đầu tay của Khái Hưng, *Hồn Bướm Mơ Tiên* (1933), cũng là tiểu thuyết đầu tiên của Tự Lực Văn Đoàn. Trước đây, người ta cho rằng tiểu thuyết cuối cùng của ông là *Thanh Đức* (1943) và cũng là tiểu thuyết cuối cùng của nhóm. Thật ra, về sau, năm 1945, ông viết thêm cuốn *Bóng Giai Nhân*. Khái Hưng cũng viết chung với Nhất Linh hai tiểu thuyết là *Gánh Hàng Hoa* và *Đời Mưa Gió*, và ra đời chung tập truyện ngắn *Anh Phải Sống* năm 1934.

Giống như các tiểu thuyết khác của Tự Lực Văn Đoàn, tác phẩm của Khái Hưng thường đề cao tình yêu tự do, chống lại các lễ giáo phong kiến, ít nhiều mang tính cải cách xã hội. Khái Hưng cũng có viết một số vở kịch, thường chỉ một hồi, nhưng ít được công diễn. Trong những năm 1935 đến 1940, Khái Hưng là nhà văn được nhiều thanh niên thành thị ưa chuộng. Khái Hưng cũng là một dịch giả. Bài thơ *Tình Tuyệt Vọng* của Félix Arvers do ông dịch rất nổi tiếng:

*Lòng ta chôn một khối tình,
Tình trong giây phút mà thành thiên thâu.*

*Tình tuyệt vọng, nỗi thảm sầu,
Mà người gieo thảm như hầu không hay.*

Trong thời Đệ nhị Thế chiến, cũng như Nhất Linh, Khái Hưng tham gia hoạt động chính trị. Do tham gia Đảng Đại Việt Dân Chính thân Nhật nên Khái Hưng từng bị chính quyền thực dân Pháp bắt giam. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp tháng 3 năm 1945, Khái Hưng được trả tự do. Ông cùng Hoàng Đạo và Nguyễn Tường Bách cho ra tờ *Ngày Nay Kỷ Nguyên Mới*. Sau Cách Mạng Tháng Tám, Khái Hưng có viết một loạt bài báo, truyện ngắn, kịch ngắn trên các báo của Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Khái Hưng mất năm 1947 gần ga Cự Đà, thuộc Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Ông mất đi để lại nhiều tác phẩm giá trị.

Tiểu thuyết

- *Hồn Bướm Mơ Tiên* (1933)
- *Đời Mưa Gió* (cùng Nhất Linh, 1933)
- *Gánh Hàng Hoa* (cùng Nhất Linh, 1934)
- *Trống Mái* (1936)
- *Gia Đình* (1936)
- *Tiêu Sơn Tráng Sĩ* (1937)
- *Thoát Ly* (1938)
- *Hạnh* (1938)
- *Đẹp* (1940)
- *Thanh Đức* (1942)
- *Bóng Giai Nhân* (1945)

Tập truyện ngắn

- *Anh Phải Sống* (cùng Nhất Linh, 1934)
- *Tiếng Suối Reo* (1935)
- *Đợi Chờ* (1940)
- *Cái Ve* (1944)

Kịch

- *Tục Lụy*
- *Đồng Bệnh*

Tóm lược tác phẩm

Anh Phải Sống lấy bối cảnh quê Yên Phụ và sông Nhị Hà. Vào một buổi chiều mùa hạ, với nước sông Nhị Hà lên cao, hai vợ chồng nghèo Thức và Lạc tìm cách vớt củi trôi theo dòng sông để kiếm tiền nuôi con. Chẳng may thuyền bị lật, Thức dìu vợ bơi vào bờ nhưng bị đuối sức. Lạc mong chồng sống để nuôi con nên đã buông tay trôi theo dòng nước.

Anh Phải Sống



I

Trên đê Yên Phụ một buổi chiều mùa hạ. Nước sông Nhị Hà mới bắt đầu lên to, **cuồn cuộn** chảy, tưởng muốn **lôi phăng** cái **cù lao** ở giữa sông đi.

Theo dòng nước đỏ **lờ đờ**, những thân cây, những cành khô trôi từ rừng về, nổi **lênh bênh**, như một dãy thuyền nhỏ liên tiếp chạy thật nhanh tới một trạm không bờ không bến.

Đứng trên đê, bác **phó nề** Thức đưa mắt trông theo những khúc gỗ ấy tỏ ý thèm muốn, rồi quay trở lại, **dăm dăm** nhìn vợ, hỏi thăm ý kiến. Người vợ, ngắm sông, ngắm trời, lắc đầu thờ dài, nói:

- Gió to quá, mà đám mây đen kia ở chân trời **đùn** lên mau lắm. Mưa đến nơi mất, mình ạ!

Người chồng cũng thờ dài, đi lững thững.

Rồi bỗng đứng dừng lại, hỏi vợ:

- Mình đã **thối cơm** chưa?

Vợ buồn rầu đáp:

- Đã. Nhưng chỉ đủ cơm cho hai con ăn bữa chiều hôm nay.

Hai vợ chồng lại im lặng nhìn nhau... Rồi hình như cùng bị một vật, một **định kiến** nó **thôi miên**, nó **kiềm áp**, hai người đều quay lại phía sông. Những thân cây vẫn phăng phăng trôi giữa dòng nước đỏ.

Chồng mỉm cười, cái cười **vơ vẩn**, bảo vợ:

- **Liều!**

Vợ lắc đầu không nói. Chồng hỏi:

- Mình đã đến nhà bà Ký chưa?

- Đã.
- Thế nào?
- Không ăn thua. Bà ấy bảo có đem củi vớt đến, bà ấy mới giao tiền. Bà ấy không cho **vay** trước.
- Thế à?
Hai chữ “thế à” rần rời như hai nhát **bay** cuối cùng gõ xuống viên gạch đặt trên tường đương xây. Thức quả quyết sắp thi hành một việc **phi thường**, quay lại bảo vợ:
- Này, mình về nhà, trông coi thằng Bò.
- Đã có cái Nhón, cái Bé chơi với nó rồi.
- Nhưng mình về thì vẫn hơn, cái Nhón nó mới lên năm, nó trông nom sao nổi hai em nó.
- Vậy thì tôi về... Nhưng mình cũng về chứ, đứng đây làm gì?
- Được, cứ về trước đi, tôi về sau.
Vợ Thức **ngoan ngoãn**, về làng Yên Phụ.

II

Tối nhà, gian nhà **lụp xụp**, âm thấp, tối tăm, chị phó Thức đứng dừng lại ở ngưỡng cửa, ngắm cái cảnh nghèo khó mà đau lòng. **Lúc nhúc** trên phản gỗ không chiếu, ba đứa con đương cùng khóc lóc gọi **bu**. Thằng Bò kêu gào đòi bú. Từ trưa đến giờ, nó chưa được tí gì vào bụng.

Cái Nhón dỗ em không nín cũng **mếu máo**, luôn mồm bảo cái Bé:

- Mày đi tìm bu về để cho nó bú.

Nhưng cái Bé không chịu đi, nằm lăn ra phản vừa chửi vừa kêu.

Chị phó Thức chạy vội ẵm con, **nói nựng**:

- Nao ôi! Tôi đi mãi để con tôi đói, con tôi khóc.

Rồi chị ngồi xuống phản cho con bú. Song thằng Bò, ý chừng bú mãi không thấy sữa, nên mồm nó lại **nhả vú** mẹ nó ra mà gào khóc to hơn trước.

Chị Thức thở dài, hai giọt lệ long lanh trong cặp mắt đen quầng. Chị đứng dậy, vừa đi vừa hát ru con. Rồi lại nói nựng:

- Nao ôi! Tôi chả có gì ăn, hết cả sữa cho con tôi bú!

Một lúc thằng bé vì mệt quá, lặng thiếp đi. Hai đứa chị, người mẹ đã đuổi ra đường chơi để được yên tĩnh cho em chúng nó ngủ.

Chị Thức lặng lặng ngồi ôn lại cuộc đời đã qua. Bộ óc **chất phác** của chị nhà quê **giản dị**, không từng biết tưởng tượng, không từng biết xếp đặt trí nhớ cho có thứ tự. Những điều chị nhớ lại **chen chúc** nhau hỗn độn hiện ra như những hình người, vật trên một tấm ảnh chụp. Một điều chắc chắn, chị ta nhớ **một cách rành mạch**, là chưa bao giờ được hưởng chút sung sướng thư nhàn như những người giàu có.

Năm mười hai, mười ba, Lạc, **tên tục** chị phó Thức, **xuất thân làm phu hồ**. Cái đời chị, nào có chi lạ. Ngày lại ngày, tháng lại tháng, năm lại năm...

Năm chị mười bảy, một lần cùng anh phó Thức cùng làm một nơi, chị làm phu hồ, anh **phó ngoã**. Câu nói đùa đi, câu nói đùa lại, rồi hai người yêu nhau, rồi hai người lấy nhau.

Năm năm ròng trong gian nhà lụp xụp âm thấp, tối tăm ở chân đê Yên Phụ, không có một sự gì êm đềm đáng ghi chép về hai cái đời trống rỗng của hai người **khốn nạn**, càng khốn nạn hơn khi họ đã đẻ luôn ba năm ba đứa con.

Lại thêm gặp buổi khó khăn, việc ít, công hạ khiến hai vợ chồng loay hoay, chật vật suốt ngày này sang ngày khác vẫn không đủ nuôi thân, nuôi con.

Bỗng mùa nước năm ngoái, bác phó Thức nghĩ ra được một **cách sinh nhai** mới. Bác vay tiền mua một chiếc **thuyền nan**, rồi hai vợ chồng ngày ngày chờ ra giữa dòng sông vớt củi. Hai tháng sau, bác trả xong nợ, lại kiếm được tiền ăn tiêu thừa thãi.

Vì thế năm này túng đói, vợ chồng bác chỉ mong chóng tới ngày có nước to. Thì hôm qua, cái ăn, trời bắt đầu đưa đến cho gia đình bác.

Nghĩ đến đó. Lạc mỉm cười, **se sẽ** đặt con nằm yên trên cái tã, rồi **rón rén** bước ra ngoài lên đê, hình như quả quyết làm một việc gì.

III

Ra tới đê, Lạc không thấy chồng đâu. Gió vẫn to, vù vù, gầm thét dữ dội và nước vẫn mạnh, réo ầm ầm chảy nhanh như thác. Lạc ngược mắt nhìn trời: da trời một màu đen sẫm. Chị đứng ngẫm nghĩ, tà áo bay kêu phành phạch như tiếng sóng vỗ mạnh vào bờ. Bỗng trong lòng nảy ý tưởng, khiến chị hoảng hốt chạy vụt xuống phía đê bên sông. Tới chỗ buộc thuyền, một chiếc thuyền nan, Lạc thấy chồng đang ra sức **niu** lại các nút lạt. Chị yên lặng đăm đăm đứng ngắm đợi khi chồng làm xong công việc, mới bước vào thuyền hỏi:

- Mình định đi đâu?

Thức trừng mắt nhìn vợ, cất tiếng gắt:

- Sao không ở nhà với con?

Lạc sợ hãi ấp úng:

- Con... nó ngủ.

- Nhưng mình ra đây làm gì?

- Nhưng mình định đem thuyền đi đâu?

- Mình hỏi làm gì? Đi về!

Lạc bưng mặt khóc. Thức cảm động:

- Mình không đi được... nguy hiểm lắm!

Lạc cười:

- Nguy hiểm thời nguy hiểm cả... Nhưng không sợ, em biết bơi.

- Được!

Tiếng được lạnh lùng. Lạc nghe rùng mình. Gió thổi vẫn mạnh, nước chảy vẫn dữ, trời một lúc một đen. Thức hỏi:

- Mình sợ?

- Không.

Hai vợ chồng bắt đầu đưa thuyền ra giữa dòng, chồng lái, vợ bơi. Cố chống lại với sức nước, chống cho mũi thuyền quay về phía **thượng du**, nhưng thuyền vẫn bị trôi phăng xuống phía dưới, khi nhô, khi chìm, khi ẩn, khi hiện trên làn nước **phù sa**, như chiếc lá tre khô nổi trong vũng máu, như con muỗi mất chết đuối trong nghiêng son. Nhưng nửa giờ sau, thuyền cũng tới được giữa dòng. Chồng giữ ghè lái, vợ vớt củi.

Chẳng bao lâu thuyền đã gần đầy, và vợ chồng sắp sửa quay trở vào bờ thì trời đổ mưa... Rồi chớp nhoáng như xé mây đen, rồi sấm sét như **trời long đất lở**.

Chiếc thuyền nan nhỏ, đầy nước, nặng trĩu. Hai người cố bơi, nhưng vẫn bị sức nước kéo phăng đi...

Bỗng hai tiếng kêu cùng một lúc:

- Trời ơi!

Thuyền đã chìm. Những khúc củi vớt được đã nhập bọn cũ và lạnh lùng trôi đi, lôi theo cả chiếc thuyền nan lật sấp...

IV

Chồng hỏi vợ:

- Mình liệu bơi được đến bờ không?

Vợ quả quyết:

- Được!

- Theo dòng nước mà bơi. Gối lên sóng!

- Được! Mặc em!

Mưa vẫn to, sấm chớp vẫn dữ. Hai người tưởng như mình sống trong vực sâu hồ thẳm. Một lúc sau, Thức thấy vợ đã **đuối sức**, liền bơi lại gần hỏi:

- Thế nào?

- Được! Mặc em!

Vợ vừa **nói buông lời** thì cái đầu chìm lìm. Cổ hết **sức bình sinh** nàng lại mới **ngoi** lên được mặt nước. Chồng vội vàng đến cứu. Rồi một tay **xốc** vợ, một tay bơi. Vợ mỉm cười, âu yếm nhìn chồng. Chồng cũng mỉm cười. Một lúc Thức kêu:

- Mọi lần rồi, mình vịn vào vai tôi, để tôi bơi! Tôi không xốc nổi mình nữa.

Mấy phút sau chồng nghe chừng càng mỏi, hai cánh tay rã rời. Vợ khẽ hỏi:

- Có bơi được nữa không?

- Không biết. Nhưng một mình thì chắc được.

- Em buông ra cho mình vào nhé?

Chồng cười:

- Không! Cùng chết cả.

Một lát, một lát nhưng Lạc coi lâu bằng một ngày, chồng lại hỏi:

- Lạc ơi! Liệu có cố bơi được nữa không?

- Không!... Sao?

- Không thôi đành chết cả đôi.

Bỗng Lạc run run khẽ nói:

- Thăng Bò! Cái Nhón! Cái Bé!... Không!... Anh phải sống!

Thức bỗng thấy nhẹ hẫng đi. Cái vật nặng không thấy bám vào mình nữa. Thì ra Lạc nghĩ đến con đã lẳng lặng buông tay ra để chìm xuống đáy sông, cho chồng đủ sức bơi vào bờ.

Đèn điện sáng rực suốt bờ sông. Gió đã im, sóng đã lặng. Một người đàn ông bế một đứa con trai ngồi khóc. Hai đứa con gái nhỏ đứng bên cạnh. Đó là gia đình bác phó Thức ra bờ sông từ biệt lần cuối cùng **linh hồn** kẻ đã hy sinh vì lòng thương con.

Trong cảnh bao la, nước sông vẫn **lãnh đạm** chảy xuôi dòng.

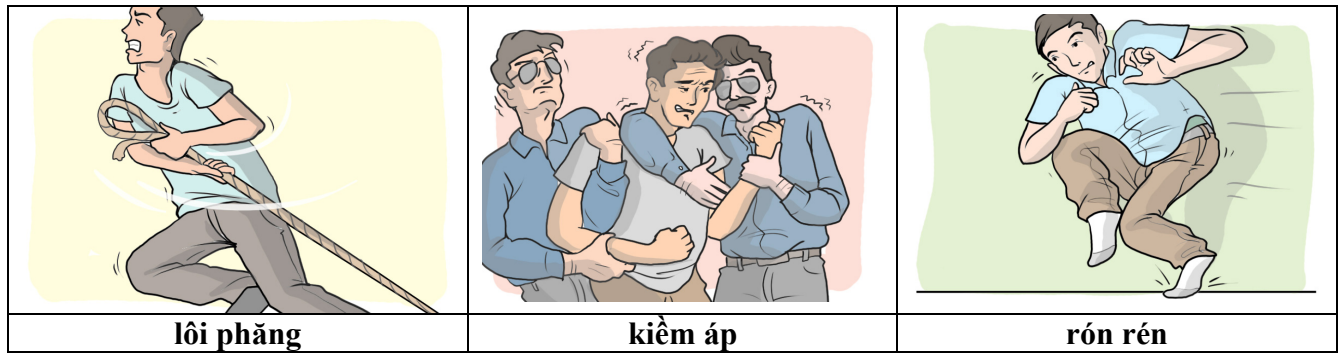
Khái Hưng (Viết chung với Nhất Linh)

Từ Vựng

1. cuồn cuộn	(trt.):	(chảy) mạnh, thành từng cuộn, từng lớp tiếp theo nhau	<i>(run) rapidly, swiftly</i>	(adv.)
2. lôi phăng	(đt.):	lôi mạnh và nhanh, một cách dứt khoát	<i>to drag, to pull, to yank</i>	(v.)
3. cù lao	(dt.):	mô đất nhỏ nhô lên giữa sông	<i>island, islet</i>	(n.)
4. lờ đờ	(trt.):	yếu ớt, không mạnh, không nhanh	<i>slowly, sluggishly</i>	(adv.)
5. lênh bênh	(trt.):	nổi hần lên trên mặt và nhẹ nhàng trôi theo làn sóng	<i>buoyantly</i>	(adv.)
6. phó nề	(dt.):	người thợ xây tường, xây nhà	<i>a mason</i>	(n.)
7. đăm đăm	(trt.):	(nhìn) lâu, không chớp mắt	<i>(look) fixedly, intently</i>	(adv.)
8. đùn	(đt.):	dồn lại	<i>to gather</i>	(v.)
9. thối cơm	(đt.):	nấu cơm	<i>to cook a meal</i>	(v.)
10. định kiến	(dt.):	ý kiến riêng có sẵn từ trước, khó thay đổi	<i>prejudice, fixed views</i>	(n.)
11. thôi miên	(đt.):	làm cho người nào đó ngủ đi bằng sự ám thị và sai khiến của người có ý chí và nhân diện mạnh hơn (thôi = thúc giục, miên = ngủ)	<i>to hypnotize</i>	(v.)
12. kiềm áp	(đt.):	giữ lại, không cho hoạt động	<i>to restrain</i>	(v.)
13. vơ vẩn	(tt.):	bâng quơ, không có mục đích rõ ràng	<i>aimless</i>	(adj.)
14. liều	(đt.):	bất chấp hiểm nguy, táo bạo	<i>to take risk, to venture</i>	(v.)
15. vay	(đt.):	mượn (v.d: tiền) với điều kiện phải trả lãi	<i>to borrow with interest</i>	(v.)
16. bay	(dt.):	dụng cụ của thợ nề có lưỡi bằng sắt hoặc thép mỏng, cán tròn	<i>trowel</i>	(n.)

17. phi thường	(tt.):	vượt quá mức bình thường	<i>extraordinary</i>	(adj.)
18. ngoan ngoãn	(tt.):	dễ bảo, luôn luôn biết nghe lời	<i>obedient</i>	(adj.)
19. lụp xụp	(tt.):	thấp bé, rách nát, tồi tàn	<i>low, shabby, ramshackle</i>	(adj.)
20. lúc nhúc	(đt.):	chen chúc và luôn chuyển động	<i>to swarm</i>	(v.)
21. bu	(dt.):	(phương ngữ miền quê Bắc Việt) mẹ	<i>mother</i>	(n.)
22. mếu máo	(đt.):	méo xệch miệng khóc, hoặc sắp khóc	<i>to get ready to cry</i>	(v.)
23. nói nựng	(đt.):	âu yếm (v.d., trẻ con) bằng lời nói	<i>to soothe with words</i>	(v.)
24. nhả (vú)	(đt.):	buông khỏi miệng	<i>to let fall (from one's mouth)</i>	(v.)
25. chất phác	(tt.):	thật thà, mộc mạc	<i>simple-hearted, simple minded</i>	(adj.)
26. giản dị	(tt.):	đơn giản	<i>simple</i>	(adj.)
27. chen chúc	(đt.):	chen lấn nhau một cách lộn xộn, không có trật tự	<i>to hustle, push one another</i>	(v.)
28. một cách rành mạch	(trt.):	rõ ràng	<i>clearly</i>	(adv.)
29. tên tục	(dt.):	tên do cha mẹ đặt lúc mới sinh ra, chỉ gọi lúc còn bé	<i>given name</i>	(n.)
30. xuất thân làm/là	(động ngữ):	có gốc gác là, nguyên là	<i>originally be/do</i>	(phrasal v.)
31. phu hồ	(dt.):	người phụ thợ nề	<i>mason coolie, mason aide</i>	(n.)
32. ngoã	(dt.):	ngói	<i>tile, tiling</i>	(n.)
33. phó ngoã	(dt.):	thợ lợp ngói	<i>roofer</i>	(n.)
34. khốn nạn	(tt.):	vô cùng cực khổ	<i>miserable, wretched</i>	(adj.)

35. cách sinh nhai	(dt.):	cách làm ăn sinh sống	<i>livelihood, making a living</i>	(n.)
36. thuyền nan	(dt.):	thuyền nhỏ đan bằng nan tre, được sơn kín hai mặt trong và ngoài	<i>small bamboo boat</i>	(n.)
37. se sẽ	(trt.):	khe khẽ, nhẹ nhàng, không gây ra tiếng động	<i>gently, softly, quietly</i>	(adv.)
38. rón rén	(trt.):	(đi) một cách nhẹ nhàng, thông thả, tránh gây tiếng ồn	<i>(walk) silently, (walk) on tip-toe, stealthily</i>	(adv.)
39. núu	(đt.):	giữ chặt lại	<i>to tighten</i>	(v.)
40. thượng du	(dt.):	vùng cao, miền rừng núi	<i>highlands</i>	(n.)
41. phù sa	(dt.):	đất mịn, nhiều chất màu được cuốn theo dòng nước, hoặc lắng đọng lại ven sông	<i>alluvium deposit, silt</i>	(n.)
42. trời long đất lở		trời đất rung chuyển dữ dội	<i>sky rending, earth shaking</i>	
43. đuối sức	(tt.):	kiệt sức	<i>exhausted</i>	(adj.)
44. nói buông lời	(đt.):	thốt ra lời nói	<i>to utter</i>	(v.)
45. sức bình sinh	(dt.):	sức sống còn lại	<i>one's own strength</i>	(n.)
46. ngoi	(đt.):	nhô lên	<i>to raise, emerge, come to the surface</i>	(v.)
47. xốc	(đt.):	đỡ cánh tay ở dưới hông mà nâng một người lên	<i>to lift someone to a higher position/level</i>	(v.)
48. linh hồn	(dt.):	phần tâm linh của một người	<i>soul</i>	(n.)
49. lãnh đạm	(trt.):	một cách thờ hững, ơ thờ	<i>coldly, indifferently</i>	(adv.)



Bài tập 1

Xem phần I và II của truyện *Anh Phái Sống* rồi dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **cuồn cuộn, tên tục, chất phác, phó nê, cách sinh nhai, định kiến, cù lao, xuất thân, dăm dăm, phu hồ, lôi phăng, thôi miên, giản dị, kiềm áp.**

- Đứng trên đê, bác _____ Thức đưa mắt trông theo những khúc gỗ ấy tỏ ý thêm muốn, rồi quay trở lại _____ nhìn vợ, hỏi thăm ý kiến.
- Bộ óc _____ của chị nhà quê _____, không từng biết tưởng tượng, không từng biết xếp đặt trí nhớ cho có thứ tự.
- Rồi hình như cùng bị một vật, một _____ nó _____, nó _____, hai người đều quay lại phía sông. Những thân cây vẫn phăng phăng trôi giữa dòng nước đỏ.
- Năm mươi hai, mười ba, Lạc, _____ chị phó Thức, _____ làm _____.
- Bỗng mùa nước năm ngoái, bác phó Thức nghĩ ra được một _____ mới.
- Nước sông Nhị Hà mới bắt đầu lên to _____ chảy, tưởng muốn _____ cái _____ ở giữa sông đi.

Bài tập 2

Xem phần III và IV của tác phẩm rồi dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **sức bình sinh, phù sa, trời long đất lở, linh hồn, trôi phăng, ngoi, thượng du.**

- Rồi chớp nhoáng như xé mây đen, rồi sấm sét như _____.
- Cố chống lại với sức nước, chống cho mũi thuyền quay về phía _____, nhưng thuyền vẫn bị _____ xuống phía dưới, khi nhô, khi chìm, khi ẩn, khi hiện trên làn nước _____, như chiếc lá tre khô nổi trong vũng máu, như con muỗi mất chết đuối trong nghiền son.
- Cố hét _____ nàng lại mới _____ lên được mặt nước.
- Đó là gia đình bác phó Thức ra bờ sông từ biệt lần cuối cùng _____ kẻ đã hy sinh vì lòng thương con.

Bài tập 3

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **lềnh bềnh, vơ vẩn, xuất thân, lời phăng, giản dị, liều, phù sa, long trời lở đất, tên tục, chất phác, mếu máo.**

1. Nước chảy dữ dội _____ chiếc cầu bắc qua suối.
2. Tiếng nổ như _____ làm mọi người lo sợ.
3. Tấm ván nổi _____ trên mặt sông.
4. Khi chưa quen thân, đừng nên gọi người lớn bằng _____.
5. Chú Tám là một nông dân _____ và _____.
6. Nghiêng nón nàng cười, đôi má thắm,
Ta nhìn _____ áng mây xa. (*Thanh Tịnh*)
7. Dòng sông chở nặng _____.
8. Thằng bé _____ khóc gọi mẹ.
9. Cậu Tân _____ từ một gia đình nghèo khó.
10. Đói ăn vụng, túng làm _____ . (*Tục ngữ*)

Bài tập 4

Đặt câu với mỗi từ sau đây:

- | | |
|----------------|---------------|
| 1. lờ mờ | 6. lãnh đạm |
| 2. thương du | 7. se sẽ |
| 3. ngoan ngoãn | 8. lúc nhúc |
| 4. thuyền nan | 9. dăm dăm |
| 5. đuổi sức | 10. cuồn cuộn |

Bài tập 5

Ghép mỗi từ ở cột A với định nghĩa thích hợp ở cột B.

- | A | B |
|-------------------|---|
| 1. cù lao | a. cách làm ăn sinh sống |
| 2. định kiến | b. tất cả sức sống còn lại |
| 3. lúc nhúc | c. ý kiến có sẵn từ trước |
| 4. khốn nạn | d. thực hiện bất chấp hiểm nguy |
| 5. sức bình sinh | e. chen chúc và luôn chuyển động |
| 6. ngoi | g. âu yếm trẻ con bằng lời nói và cử chỉ |
| 7. rón rén | h. nhô lên trên mặt nước |
| 8. cách sinh nhai | i. mô đất nhỏ nhô lên giữa sông |
| 9. nụng | k. một cách nhẹ nhàng, tránh gây tiếng ồn |
| 10. liều | l. vô cùng cực khổ |

Bài tập 6

Tìm từ đồng nghĩa với những từ sau đây:

- | | | |
|--------------|---|-------|
| 1. chất phác | = | _____ |
| 2. lãnh đạm | = | _____ |
| 3. thương du | = | _____ |
| 4. se sẽ | = | _____ |
| 5. giản dị | = | _____ |

Phân Tích

A. Văn thể: Văn xuôi

B. Giọng văn: Buồn bã

C. Bối cảnh: Đê Yên Phụ; sông Nhị Hà, chiều mùa hạ.

D. Nhân vật: Thức và Lạc

E. Bố cục: Có thể chia làm bốn phần.

Phần 1: “*Trên đê Yên Phụ... về làng Yên Phụ.*”

- Hai vợ chồng muốn đi vớt củi để kiếm tiền, nhưng còn e ngại.

Phần 2: “*Tới nhà... quả quyết làm một việc gì.*”

- Cảnh nghèo khổ của gia đình Thức và Lạc.

Phần 3: “*Ra tới đê... chiếc thuyền nan lật sập.*”

- Tai nạn khi đi vớt củi.

Phần 4: “*Chồng hỏi vợ... lãnh đạm chảy xuôi dòng.*”

- Lạc hy sinh để chồng sống nuôi con.

G. Đại ý: Đức hy sinh của người phụ nữ Việt Nam.

Ngữ Pháp

Nhóm Từ

Xét các câu sau đây:

1. Chị Thức thở dài, hai giọt lệ long lanh **trong cặp mắt đen quầng**.
2. Nước sông Nhị Hà mới bắt đầu lên to, cuộn cuộn chảy, tưởng muốn lôi phăng cái cù lao ở **giữa sông** đi.

Trong câu 1, **trong cặp mắt đen quầng** là một nhóm từ có chức năng của một trạng từ chỉ nơi chốn, phụ nghĩa cho động từ **long lanh**.

Trong câu 2, **ở giữa sông** là một nhóm từ có chức năng của một tính từ, phụ nghĩa cho danh từ **cù lao**.

Tóm Lược và Đại Ý của Một Bài Văn

Học sinh thường hay lẫn lộn **đại ý** với **tóm lược** nên cần lưu ý những điểm sau đây:

1. **Đại ý**: Đọc một bài văn hay một tác phẩm, chúng ta có thể thu thập được nhiều ý nhưng ý nổi bật nhất, quan trọng nhất, ảnh hưởng đến cả bài văn là đại ý. Khi nói đến đại ý tức là nói đến **ý tưởng** chứ không phải là **sự kiện**. Khi đọc xong truyện *Con Sáo Của Em Tôi*, điều cứ vương vấn trong óc người đọc không phải là con sáo, đứa em, bà mẹ, hay bà con nội ngoại, mà là sự lo lắng của người anh đối với em, **tình thương của anh đối với em**. Truyện *Ông Đồ Bể* cũng vậy. Khi đọc xong, điều mà chúng ta luôn luôn nghĩ đến không phải là ông thân, công chúa Liên Hương, hay là bà chủ quán, mà là lối sống của ông Đồ, **là phần thưởng xứng đáng dành cho những con người thật thà, ngay thẳng, biết tự lập**. Ông Đồ là gương sáng cho mọi người noi theo.

Vậy đại ý là ý chính có tính chung nhất, tổng quát nhất.

2. **Tóm lược**: Phần tóm tắt những điểm chính trong bài, bao gồm các sự kiện diễn tiến theo thứ tự từ đầu đến cuối.

Ví dụ, khi viết tóm lược bài *Con Sáo Của Em Tôi* thì phải kể từ hoàn cảnh gia đình, nỗi khổ tâm của bà mẹ, khi làm tổ bắt sáo, khi chia sáo, nuôi sáo, làm lồng cho sáo cho đến khi giết sáo làm thịt, v.v... Như vậy đại ý và tóm lược khác nhau rất xa, không thể nhầm lẫn được.

Dưới đây là **tóm lược** và **đại ý** của truyện *Anh Phải Sống*:

a. Tóm lược

Để có tiền sinh sống, vợ chồng nghèo Thức và Lạc liêu đi vớt củi trên dòng nước lũ. Chặng may thuyền chìm, Lạc kiệt sức. Thức xốc vợ được một lúc rồi cũng đuối sức. Khi vợ chồng định cùng chết với nhau thì Lạc nghĩ đến con. Nàng quyết định buông tay chịu chết một mình để chồng đủ sức bơi vào bờ, sống mà nuôi con.

b. Đại ý

Đức hy sinh của người phụ nữ Việt Nam.

3. **Tìm ý**: Vậy muốn tìm đại ý một bài văn, việc đầu tiên là phải biết phân biệt **ý tưởng** với **sự kiện**, phải biết tìm **ý tưởng ẩn trong các sự kiện**.

Khi nghe câu:

“*Êm đềm sóng lụa trôi trên lúa*” (Bàng Bá Lân) thì chúng ta nghĩ ngay đến **gió**.

Trong bài *Đôi Mắt Người Sơn Tây*, khi đọc tới những câu:

“*Mẹ tôi em có gặp đâu không?
Bao xác già nua ngập cánh đồng.
Tôi nhớ một thằng con bé nhỏ,
Bao nhiêu rồi xác trẻ trôi sông!*”

thì chúng ta phải hiểu tác giả muốn nói rằng: *Không biết trong số những người già chết trên cánh đồng có mẹ tôi không? Không biết trong số những xác trẻ trôi sông có con tôi không?*

Bài tập 7

Đặt câu với mỗi nhóm từ sau đây:

1. ở giữa dòng sông
2. trên đê Yên Phụ
3. trên phản gỗ không chiếu
4. dưới chân đê
5. trên dòng nước đỏ ngầu

Bài tập 8

Tìm những nhóm từ làm trạng từ chỉ nơi chốn trong đoạn văn sau đây:

...Hai vợ chồng bắt đầu đưa thuyền ra giữa dòng, chồng lái, vợ bơi. Cố chống lại với sức nước, chống cho mũi thuyền quay về phía thượng du, nhưng thuyền vẫn bị trôi phăng xuống phía dưới, khi nhô, khi chìm, khi ẩn, khi hiện trên làn nước phù sa, như chiếc lá tre khô nổi trong vũng máu, như con muỗi mất chết đuối trong nghiêng son...

Độc Hiểu

Bài tập 9

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Cho biết bối cảnh (thời gian và nơi chốn) của truyện *Anh Phái Sống*.
2. Bác Phó Thức nhìn dòng sông tỏ ý thêm muốn điều gì?
3. Bác Phó bảo vợ: “*Liều!*” là có ý nói gì?
4. Phần mở đầu cho ta biết tình cảnh của gia đình vợ chồng Thức và Lạc thế nào?
5. Hai vợ chồng Thức và Lạc có đồng ý với nhau về việc vớt củi không? Tại sao?
6. Tại sao Thức quyết định liều mạng?
7. Có gì đặc biệt trong cách đặt tên cho ba đứa con của vợ chồng Thức và Lạc?
8. Vì sao chị Thức thờ dài?
9. Chị Thức nhớ điều gì một cách rành mạch?
10. Hãy kể ra vài điều trong truyện *Anh Phái Sống* không có hay không hợp pháp ở xã hội Mỹ ngày nay.
11. Từ “khốn nạn” trong câu “... *không có một sự gì êm đềm đáng ghi chép về hai cái đời trống rỗng của hai người khốn nạn...*” có nghĩa gì?
12. “Nước to” là điều đáng sợ, có thể bị nạn lụt, nhưng tại sao vợ chồng Thức lại chỉ mong chóng tới ngày nước to?
13. Thức có phải là người lười biếng, dằn dặt không?
14. “*Bỗng trong lòng nảy ý tưởng, khiến chị hoảng hốt...*” đó là ý tưởng gì?
15. Điều gì cho thấy Lạc là người có ý thức, chịu đựng và hy sinh?
16. Phía thượng du là phía nào? Tại sao vợ chồng Thức cố chống cho mũi thuyền quay về phía thượng du?
17. Vì sao hai vợ chồng Thức cùng kêu một lúc: “*Trời ơi!*”?

18. Hai vợ chồng tưởng như đang sống trong vực sâu hố thẳm, cận kề cái chết nhưng có lúc cả hai cùng mỉm cười. Em hãy giải thích.
19. Trong cảnh đói khổ, nhìn củi trôi trên sông, Thức nói: “*Liều!*” Khi vợ cho biết không vay được tiền, Thức hỏi: “*Thế à?*” và khi vợ nằng nặc đòi đi theo, Thức trả lời: “*Được!*” Em hãy giải thích ý nghĩa hàm chứa trong những lời đối thoại cộc lốc này.
20. Em có ý kiến gì về sự hy sinh của Lạc?

Bài tập 10

Điền vào chỗ trống trong cột **Nguyên nhân** hoặc **Hậu quả**.

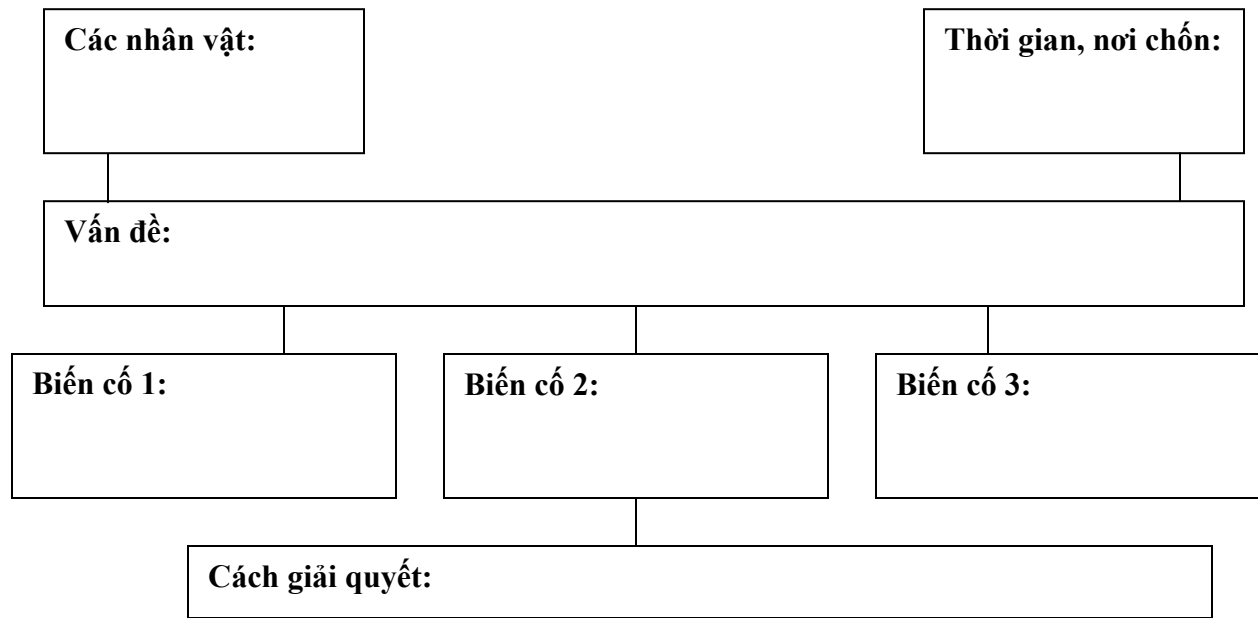
Nguyên nhân	Hậu quả
1. Vì nước sông Nhị mang nhiều củi từ rừng về	
2. Vì bà Ký chỉ muốn có củi mới trả tiền	
3.	nên cái Nhón la cái Bé và bắt nó đi tìm mẹ về cho em bú.
4. Vì quá nghèo và suy dinh dưỡng	
5. Vì Lạc làm phu hồ cùng chỗ với anh phó ngoã Thức	
6.	nên Thức nghĩ thêm cách sinh nhai vớt củi.
7. Vì lo cho tính mạng của Thức trước sóng to gió lớn	
8.	nên bị chìm.
9. Vì vợ bị đuối sức	
10. Vì sợ cả hai đều chết đuối	

Bài tập 11

Hãy điền vào chỗ trống trong sơ đồ dưới đây.

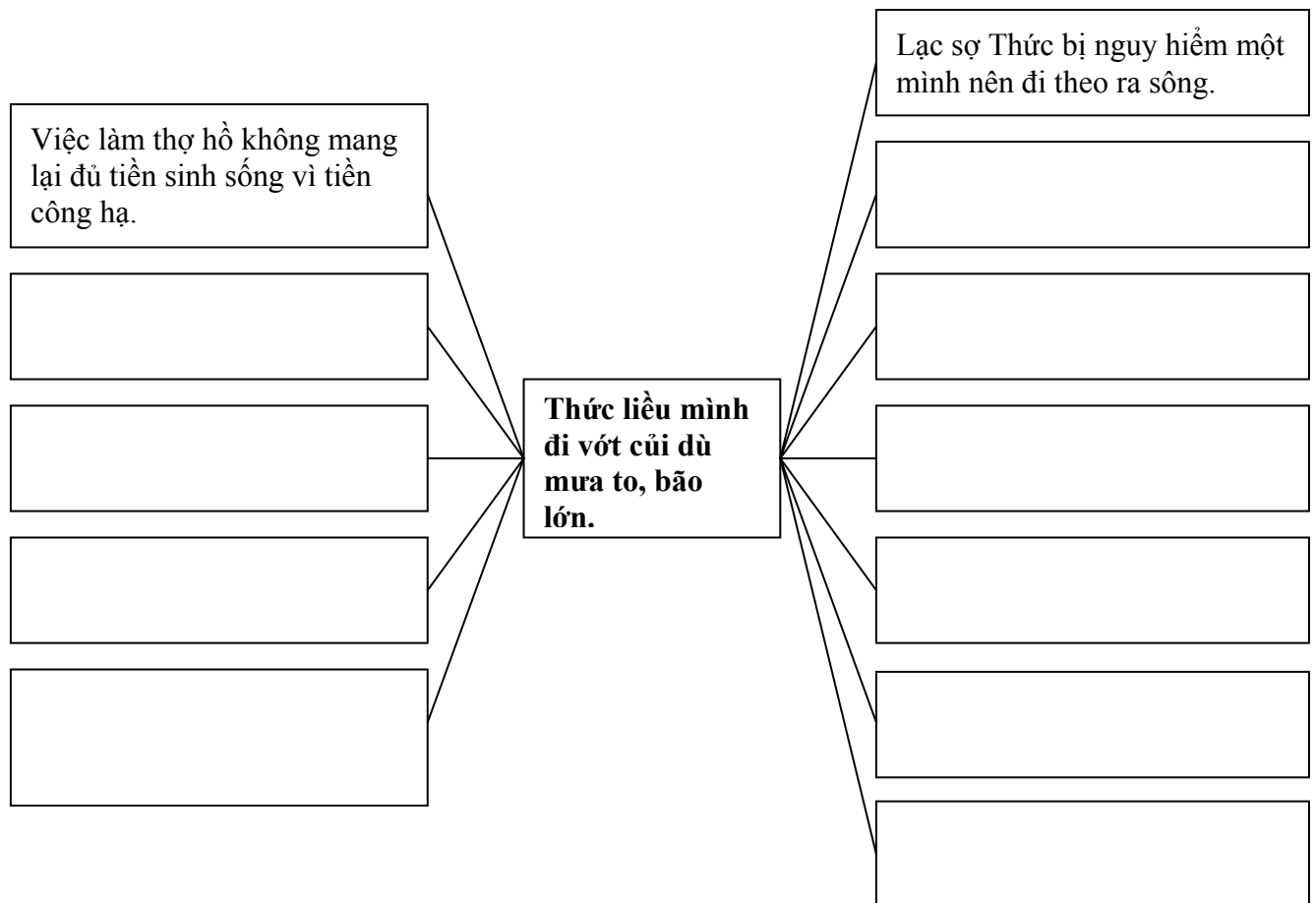
Tác phẩm: _____

Tác giả: _____



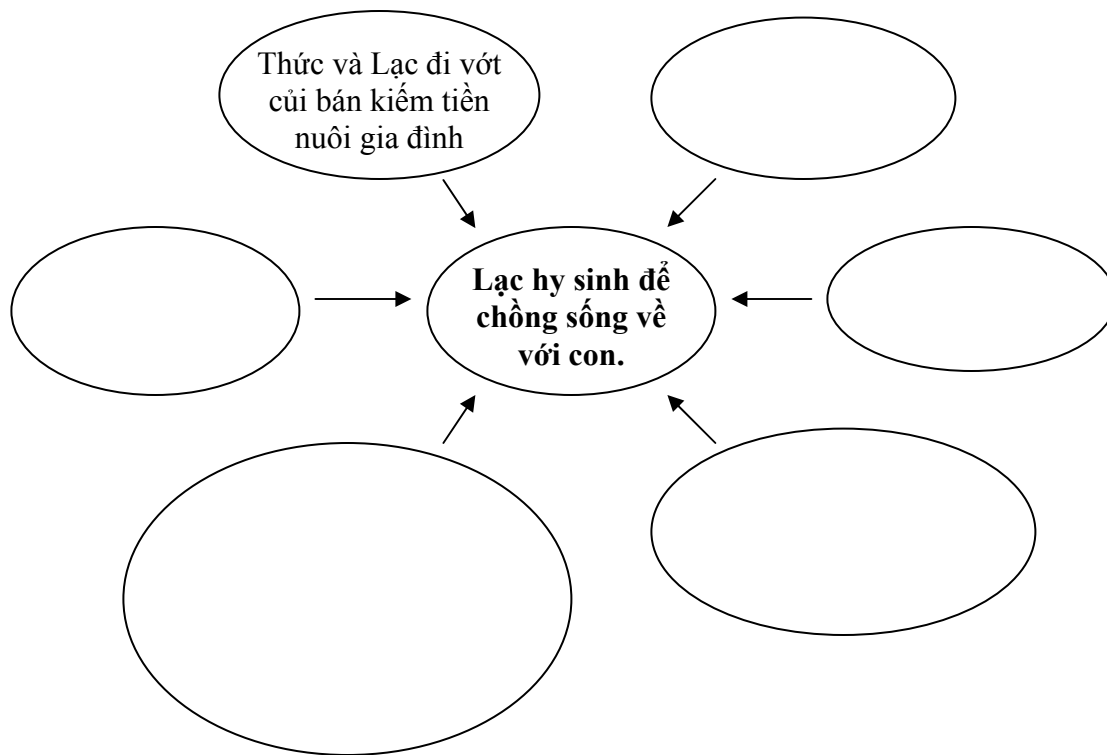
Bài tập 12

Hãy điền những chi tiết trong câu chuyện có liên hệ đến đề tài vào sơ đồ dưới đây.



Bài tập 13

Hãy điền những chi tiết trong câu chuyện có liên hệ đến đề tài vào sơ đồ dưới đây.



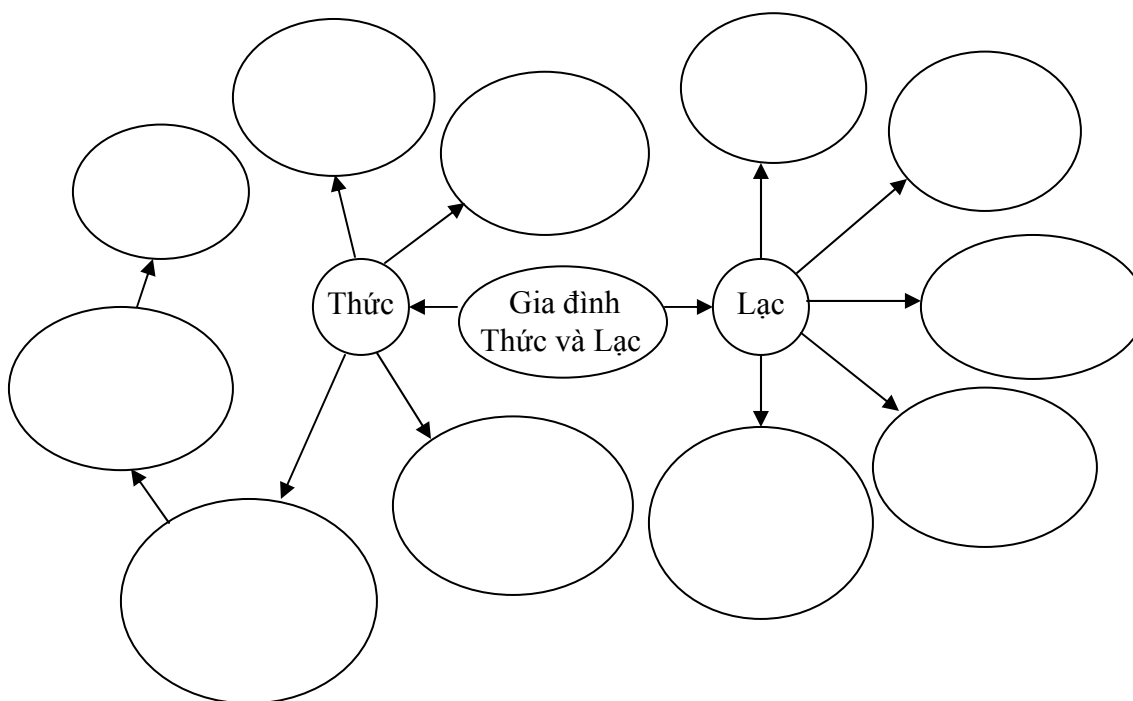
Bài tập 14

Đúng hay sai. Viết chữ **Đ** vào câu đúng; viết chữ **S** vào câu sai.

1. Đ S Dòng nước đỏ lờ lờ có nghĩa là dòng nước chảy chậm.
2. Đ S Bác Phó Thức dăm dăm nhìn vợ hỏi thăm ý kiến có nghĩa là hỏi bằng ánh mắt.
3. Đ S Người ta gọi Thức là phó ngoã vì Thức làm phụ thợ nề.
4. Đ S Chị Phó Thức làm phụ hồ từ năm 12, 13 tuổi.
5. Đ S Thăng Bò khoảng chừng ba tuổi.
6. Đ S Chị Phó Thức khoảng 23 tuổi.
7. Đ S Vợ chồng Phó Thức đẻ luôn ba năm ba đứa con là điều hạnh phúc cho gia đình họ.
8. Đ S Thức là người thông minh và can đảm.
9. Đ S Công việc chính của vợ chồng Phó Thức là vớt củi trên sông.
10. Đ S Đê Yên Phụ dùng để ngăn nước sông Nhị Hà tràn bờ.

Bài tập 15

Hãy điền vào chỗ trống trong sơ đồ sau đây bằng những điều em biết được về gia đình Thức và Lạc qua hai nhân vật chính.



Tập Làm Văn

Bài tập 16

Hãy viết một bài văn năm đoạn kể lại một câu chuyện mà nhân vật chính đã hy sinh vì người khác. (Ví dụ: ba mẹ đã hy sinh cho các con bằng cách làm nhiều nhưng hưởng ít, để dành tiền để lo cho con cái về sau, v.v...)

Nói Với Nhau

Tuấn và Phụng là hai chị em họ. Phụng đến Mỹ lúc 13 tuổi nên dù sống ở đây đã hơn 15 năm, Phụng vẫn còn giữ cá tính của người Việt. Tuấn thì giống người Mỹ vì sinh ra và lớn lên ở Mỹ. Hai người có quan niệm khác nhau nhưng họ vẫn rất thân bởi vì Tuấn sống chung với Phụng từ bé.

Tuấn: Chị Phụng ơi! Hôm nay lớp Tiếng Việt đọc và phân tích bài *Anh Phái Sống*.

Phụng: Vậy hả? Em thấy bài ấy ra sao?

Tuấn: Hay, mà sao buồn quá! Em không hiểu nhiều nhưng vẫn buồn cả ngày. Chị ơi, sao người Việt mình viết bài không đúng sự thật vậy chị?

Phụng: Tại sao em lại nói thế?

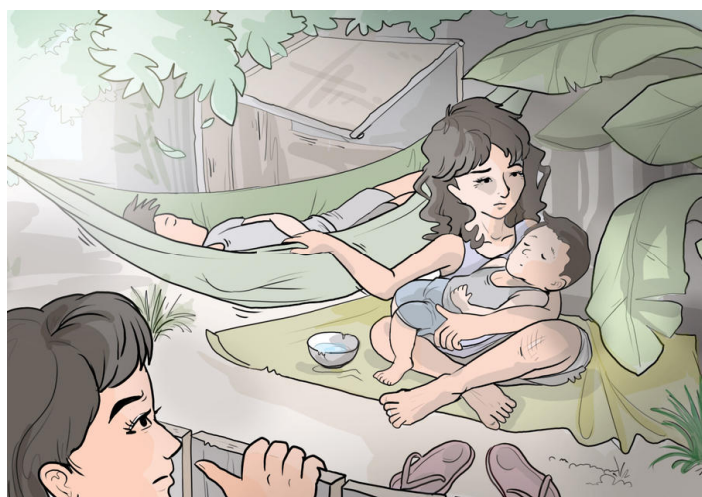
Tuấn: Ai đời không tiền mà sinh ra nhiều con. Đứa con năm tuổi thì làm gì biết giữ hai đứa em. Nhà họ gần sông nước mà bỏ bê con không sợ lở chân sao? Em thấy vô lý quá!

Phụng: Nghe như không thật, mà có thật đó em. Có nhiều gia đình nghèo lắm nên phải để con cái bù lem bù luốc. Bố mẹ bận kiếm sống thì cứ để bọn nhỏ tự lo lấy. Nếu đói thì cũng chết nên họ cứ liều.

Tuấn: Ngày xưa thôi, chứ giờ chắc đâu có.

Phụng: Vẫn còn đó em...

Phụng kể lại câu chuyện mà chính cô đã tận mắt chứng kiến.



Năm chị khoảng bảy hay tám tuổi, thỉnh thoảng chị đi về quê chơi. Chị có biết cô bé Thuý, cô hàng xóm trạc tuổi của chị. Chị chưa từng nói chuyện với cô ấy. Chị chỉ biết là cô ấy có mấy người em đã chết. Lúc đó chị chưa hiểu thế nào là sống hay chết. Lúc đó, chị chỉ biết chạy nhảy trong vườn của Nội. Chị đâu biết rằng, cô bé hàng xóm với đôi mắt buồn rười rượi hay ngồi đưa vòng ru những đứa em lem luốc, luôn sống trong cảnh đói khát. Những đứa em khác của Thuý đã lần lượt chết vì đói. Sau này, chị tự hỏi tại sao không ai giúp gia đình ấy.

Có lẽ ai cũng nghèo nên họ chọn cách ngoảnh mặt làm ngơ. Họ cũng như chị đã để cho những đứa bé chưa đầy một tuổi kia chết đói. Đến giờ, chị vẫn thường tự hỏi không biết con Thuý và thằng em kế của nó có còn sống không.

Một lần đi Đà Lạt, chị thấy một em bé trạc bốn tuổi, có vẻ bệnh nặng. Thế mà ai đó lại để em ở trên bậc thềm để xin tiền du khách. Người ta đi qua đi lại, thấy tội thì cho em vài đồng rồi vội cất bước. Lẽ ra, cậu bé phải được chữa trị đàng hoàng nhưng có lẽ nhà nghèo nên nằm đợi cái chết đến.

Những câu chuyện này kể mãi vẫn không hết đâu em. Có dịp về Việt Nam, chị sẽ dẫn em đi để có thể tận mắt chứng kiến.



Tuấn: Nếu là sự thật, em không biết có muốn chứng kiến cảnh ấy không. Em đọc truyện đã buồn cả ngày, nhưng nếu thấy rồi ngoảnh mặt làm ngơ thì sẽ buồn mãi như chị.

Tập Nói Chuyện

1. Kể một câu chuyện về cảnh nghèo mà em biết hay nghe nói đến.
2. Em nghĩ gì về truyện *Anh Phải Sống*? Em có đồng ý với cách nhìn của Tuấn không?

Tập Viết Văn

Hãy viết phân kết cho số phận của Thuý và người em.

Đàm Thoại – Nghe Hiểu

Sau khi cha con vua Hồ Quý Ly bị bắt, nước Việt trải qua nhiều cảnh khổ dưới sự cai trị của nhà Minh. Năm 1418, Lê Lợi, người anh hùng áo vải đất Lam Sơn đứng lên khởi nghĩa lấy hiệu là Bình Định Vương. Vì lúc đầu lực lượng chưa được mạnh, có lần ông cùng các tướng bị vây khốn ở núi Chí Linh, tình thế rất ngặt nghèo...

Nguyễn Trãi: Ô, đã hơn một tháng nay chúng ta bị quân Minh dồn vào chân núi Chí Linh này. Chúng ngày càng siết chặt vòng vây, chẳng lẽ chúng ta phải chịu thua ở đây sao?

Trần Nguyên Hân: Lương thực nay đã cạn, binh sĩ phải đào củ trong rừng và giết ngựa mà ăn. Tình hình thật nguy khốn.

Lê Lai: Lực lượng nghĩa binh lại bị phân tán mỏng sau cuộc tấn công vừa qua, chúng ta khó mà tập hợp, mở đường để thoát thân.

Lê Lợi: Nếu chúng ta dùng kế trá hình, địch sẽ dồn lực lượng về một phía để tấn công tạo nên kẽ hở. Nhân cơ hội đó, ta sẽ tìm cách rút lui. Nhưng... ai là người sẽ thay ta đứng ra mà gạt quân Minh đây?

Trước ý kiến táo bạo này của Lê Lợi, mọi người đều im lặng, như chìm vào niềm suy tư của riêng mình. Một cặp chim bay vút lên bầu trời xanh mênh mông, vắng vắng xa xa tiếng quân giặc reo hò... Lê Lợi thở dài, chưa bao giờ ông thấy khó xử đến như vậy. Bỗng nhiên, một tiếng nói vang lên...

Lê Lai: Tôi sẽ làm việc đó. Hãy để tôi khoác áo bào của ngài, dắt quân cưỡi ngựa ra đón giặc. Trong lúc chúng đuổi theo vì tưởng tôi là Lê Lợi, ngài và các tướng hãy gấp rút tìm đường lui quân, ẩn nấp chờ cơ hội giúp nước.

Lê Lợi: Lê Lai, ông vì đại nghĩa mà hy sinh tính mệnh, ơn này chúng tôi xin ghi tạc. Ông có muốn nhận lại gì không?



Lê Lai:

Tôi ra đi có lẽ không bao giờ trở lại. Xin ngài thay tôi mà lo giúp cho gia đình tôi được yên ổn.

Lê Lai lên ngựa thi hành nhiệm vụ. Ông bị quân Minh bắt, giải về Đông Quan và sau đó bị giết. Nhờ sự hy sinh của Lê Lai, Lê Lợi thoát khỏi vòng vây, gây dựng lại lực lượng. Sau mười năm kháng chiến, ông dành lại nền độc lập cho nước nhà, lên ngôi vua lấy hiệu là Lê Thái Tổ (1428) và lập nên nhà Hậu Lê. Để tưởng nhớ Lê Lai, vua cho dời hài cốt ông về Lam Sơn, phong tước cho ông và con cháu ông.

Bài tập 17

Chọn câu trả lời đúng nhất.

1. Khi bắt đầu cuộc kháng chiến chống quân Minh, Lê Lợi lấy hiệu là
 - a. Anh Hùng Vùng Thanh Hoá.
 - b. Bình Định Vương.
 - c. Lý Thái Tổ.
 - d. Người Hùng Chí Linh.
2. Lê Lợi và các tướng bị bao vây ở núi Chí Linh vì
 - a. lực lượng quân Minh quá hùng hậu.
 - b. có nội phản bên trong hàng ngũ của mình.
 - c. quân của Lê Lợi chưa đủ mạnh.
 - d. Lê Lợi đặt bản doanh ở đó.
3. Theo Nguyễn Trãi, tình hình nguy ngập vì
 - a. núi Chí Linh có địa thế hiểm trở.
 - b. kho lương đã cạn.
 - c. nhiều binh lính bỏ trốn.
 - d. quân Minh bao vây hơn tháng trời.
4. So với quân Minh, quân của Lê Lợi
 - a. thiếu lương thực.
 - b. thiếu kỷ luật.
 - c. thiếu lòng dũng cảm.
 - d. thiếu vũ khí.
5. Diệu kế của Lê Lợi là gì?
 - a. Mỹ nhân kế.
 - b. Kế nghi binh.
 - c. Kế hoãn binh.
 - d. Kế trá hình.
6. Cái giá Lê Lai phải trả để cứu Lê Lợi là gì?
 - a. Mất chức tước.
 - b. Mất nhiều vàng bạc.

- c. Mất tính mạng.
 - d. Mất đường rút quân.
7. Lê Thái Tổ là người sáng lập ra triều đại nào?
- a. Nhà Tiền Lê.
 - b. Nhà Hậu Lê.
 - c. Nhà Lê Trung Hưng.
 - d. Nhà Lê.
8. Điều gì sau đây cho thấy công lao Lê Lai được nhớ đến?
- a. Người ta xây lăng miếu ở Thăng Long để thờ ông.
 - b. Vua cho người đắp tượng ông.
 - c. Vua trọng thưởng con cháu ông.
 - d. Nước Việt có ngày quốc lễ mang tên ông.
9. Ý chính của bài này là:
- a. Lê Lợi là một vị anh hùng.
 - b. Lê Lai là một vị tướng rất giỏi.
 - c. Lê Lợi ngàn đời nhớ ơn Lê Lai.
 - d. Lê Lai hy sinh mạng sống vì đại nghĩa.

Giáo Dục Đa Văn Hoá



Đức Tính Hy Sinh của Người Phụ Nữ Việt Nam

Người dân quê miền Bắc Việt Nam trong thời Pháp thuộc phải sống trong cảnh nghèo đói, bần cùng, suốt tháng quanh năm không đủ cơm ăn áo mặc. Gia đình anh chị phó nề Thức là một ví dụ điển hình cho đời sống thiếu thốn và khốn nạn của người dân trong thời buổi khó khăn đó. Nhân vật chị Thức trong truyện *Anh Phải Sống* gợi lên hình ảnh người phụ nữ Việt Nam với đức tính tốt đẹp, với lòng hy sinh tận tụy, suốt đời thương chồng thương con. Người phụ nữ với vai trò người vợ, người mẹ trong đời sống chật vật đó, lúc nào cũng luôn xoay xở tìm cách sinh nhai cho gia đình. Khi phải đối diện với một quyết định quan trọng, vấn đề sinh tử, người phụ nữ đó đã làm một việc phi thường: nhận lấy cái chết để chồng được sống mà lo cho con. Thế mới biết tình mẹ thương con cao cả lắm thay, không chỉ sánh được!

Người phụ nữ Việt Nam ngày nay sống trên đất người vẫn luôn giữ cho đức tính truyền thống tốt đẹp đó không bị mai một. Đối với họ, mái ấm hạnh phúc gia đình vẫn là nền tảng vững chắc nhất trong cuộc sống.

Câu hỏi thảo luận:

1. Đức tính hy sinh của người phụ nữ đóng vai trò như thế nào trong cuộc sống gia đình? Hãy dẫn chứng.
2. Hãy đưa ra những bài thơ, những câu ca dao, hay đoạn văn ngắn ca tụng đức tính hy sinh vì lòng thương con của người phụ nữ.

Tục Ngữ và Ca Dao

1. Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
2. Mồ côi cha ăn cơm với cá,
Mồ côi mẹ lót lá mà nằm.
3. Còn cha gót đỏ như son,
Đến khi cha chết gót con đen sì.
4. Có cha có mẹ thì hơn,
Không cha không mẹ như đèn đứt dây.
5. Có nuôi con mới biết lòng cha mẹ.
6. Má ơi đừng đánh con đau,
Để con bắt ốc hái rau má nhờ.
7. Sinh nghề, tử nghiệp.
8. Mỗi đêm mỗi thấp đèn trời,
Cầu cho cha mẹ sống đời với con.
9. Gà trống nuôi con.



Hồ Dzếnh (1916 – 1991)



Hồ Dzếnh sinh năm 1916. Ông tên thật là Hà Triệu Anh. Cha ông là người Quảng Đông (Trung Quốc), sang Việt Nam sinh sống rồi lấy một cô lái đò Thanh Hoá và sinh ra ông. Gia đình ông sống trên một chiếc thuyền, mua bán, đổi chác ở các bến chợ ven sông. Sau đó, họ định cư ở làng Đông Bích, xã Hoà Trường, nay là xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá. Hồ Dzếnh sinh ra ở đây.

Ông từng theo cha lên vùng rừng núi huyện Như Xuân, song ông thường sống với mẹ, lớn lên bên cạnh mẹ, và tình cảm mẹ con đã ảnh hưởng rất sâu đậm tới sáng tác của ông sau này. Sau khi ông bố lấy vợ lẽ, mẹ con về sống ở làng Đông Bích rồi chuyển ra thị xã Thanh Hoá; Hồ Dzếnh theo học tiểu học ở trường của thị xã. Sau đó, ông ra học tiếp trung học ở Hà Nội và bắt đầu kiếm sống

bằng nghề dạy kèm và làm công cho các hiệu buôn Hoa kiều.

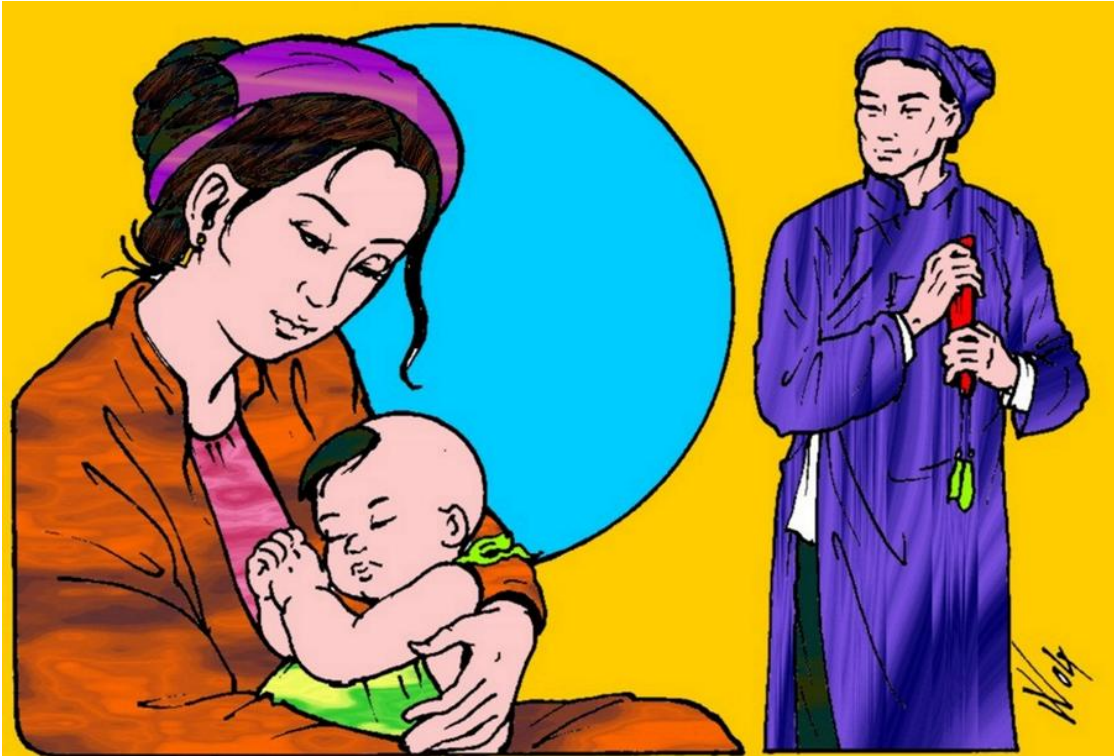
Hồ Dzếnh bắt đầu sáng tác từ năm 1937, đăng trên Tiểu Thuyết Thứ Bảy, tập san *Mùa Gặt Mới*, Trung Bắc Chủ Nhật. Tác phẩm của ông gồm có:

- *Dĩ Vãng* (truyện vừa, 1940)
- *Quê Ngoại* (tập thơ, 1942)
- *Chân Trời Cũ* (tập truyện ngắn, 1943)
- *Một Truyện Tình 15 Năm Về Trước* (truyện dài, lấy bút danh Lưu Thị Hạnh, 1943)
- *Hoa Xuân Đất Việt* (tập thơ, 1945)
- *Cô Gái Bình Xuyên* (truyện vừa, 1946)
- Một vở kịch đã công diễn, chưa xuất bản và nhiều truyện ngắn, thơ đăng báo, v.v...

Tóm lược tác phẩm

Qua bài thơ *Cảm Xúc*, tác giả nêu ra đức tính hy sinh, nhẫn nhục của người phụ nữ Việt Nam.

Cảm Xúc



Cô gái Việt Nam ơi!
Từ thuở **sơ sinh lận đận** rồi,
Tôi biết tình cô **u uất** lắm,
Xa nhau đành chỉ nhớ nhau thôi.

Cô chẳng bao giờ biết **bướm hoa**,
Má hồng mỗi tiết mỗi **phôi pha**,
Khi cô vui thú, là khi đã
Bồng bế con thơ, đón tuổi già.

Cô gái Việt Nam ơi!
Ngọn gió thời gian đổi hướng rồi,
Thế hệ huy hoàng không đủ xoá
Nghìn năm **vằng vặc** ánh trăng soi.

Tôi đến đây tìm lại bóng cô,
Trở về đường cũ, **hái mơ xưa**,
Rau sam vẫn mọc chân rào trước,
Son sắt lòng cô vẫn đợi chờ.

Dãi lúa cô trồng nay đã tươi,
Gió xuân **ý nhị vít** bông, cười...

Ai hay lòng kẻ từng chăm lúa,
Trong một làng con, đã héo rồi!

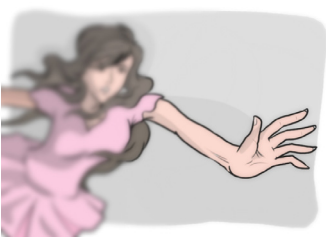
Cô gái Việt Nam ơi!
Nếu chữ hy sinh có ở đời,
Tôi muốn **nạm** vàng muôn khổ cực
Cho lòng cô gái Việt Nam tươi.

Hồ Dzếnh

Từ Vựng

1. cảm xúc	(dt.):	sự rung động trong lòng khi gặp chuyện vui buồn	<i>feeling, emotion</i>	(n.)
2. sơ sinh	(tt.):	mới được sinh ra	<i>newly born</i>	(adj.)
3. lận đận	(tt.):	chật vật, vất vả	<i>unfortunate</i>	(adj.)
4. u uất	(tt.):	buồn rầu, dồn chứa trong lòng, không tỏ bày cùng ai	<i>spleenful</i>	(adj.)
5. phôi pha	(tt.):	phai nhạt đi, kém vẻ tươi thắm	<i>fading</i>	(adj.)
6. thế hệ	(dt.):	lớp người cùng lứa tuổi	<i>generation</i>	(n.)
7. huy hoàng	(tt.):	rực rỡ, sáng ngời	<i>golden, glorious</i>	(adj.)
8. vằng vặc	(trt.):	rất sáng, một cách rõ ràng	<i>(of moonlight) clearly, brightly</i>	(adv.)
9. rau sam	(dt.):	một loại rau bò lan, màu tím tím, lá nhỏ và dày, có vị chua và ăn được	<i>portulacea, purslane</i>	(n.)
10. son sắt	(trt.):	thủy chung, không bao giờ thay đổi	<i>faithfully, loyally</i>	(adv.)
11. ý nhị	(trt.):	nhẹ nhàng và sâu sắc	<i>delicately</i>	(adv.)
12. vít	(đt.):	kéo xuống	<i>to pull down</i>	(v.)
13. nạm (vàng)	(đt.):	gắn vào (dát kim loại hay đá quý để trang trí hay tăng giá trị)	<i>to embed</i>	(v.)
14. buồm hoa	(dt.):	nghĩa đen: bắt bướm hái hoa, thú vui thời thơ ấu; nghĩa bóng: chuyện yêu đương, trai gái	<i>flirtation</i>	(n.)

15. **mơ** (dt.): trái mơ *apricot* (n.)
16. **hái mơ xưa** (đt.): tìm lại giấc mơ xưa (nghĩa bóng) *to look for old dreams* (v.)
17. **ngọn gió thời gian** (dt.): thời đại thay đổi *changing time* (n.)

		
phôi pha	rau sam	ý nhị

Bài tập 1

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **nạm, vàng vạc, son sắt, vít, phôi pha, lặn đục, huy hoàng, ý nhị, rau sam, sơ sinh, u uất, thể hệ.**

- Dải lụa cô trông nay đã tươi,
Gió xuân _____ bông, cười...
- Tôi biết tình cô _____ lắm,
Xa nhau đành chỉ nhớ nhau thôi.
- _____ vẫn mọc chân rào trước,
_____ lòng cô vẫn đợi chờ.
- Cô gái Việt Nam ơi!
Từ thuở _____, _____ rồi.
- Tôi muốn _____ vàng muôn khổ cực
Cho lòng cô gái Việt Nam tươi.
- Cô chẳng bao giờ biết bướm hoa,
Má hồng mỗi tiết mỗi _____.
- _____ không đủ xoa,
Nghìn năm _____ ánh trăng soi.

Bài tập 2

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **u uất, son sắt, nạm, rau sam, thể hệ, vàng vạc, vít, lặn đục, phôi pha, huy hoàng.**

- Chị Ba hái _____ về nấu canh.
- Sáng trăng _____ hôm rằm,
Nửa đêm về sáng trăng bằng ngọn tre. (Ca dao)

3. Bà Lý chẳng biết giải bày cùng ai nỗi buồn _____ của mình.
4. Hai vợ chồng chia tay nhau vì tình nghĩa đã _____.
5. Hằng đưa đôi tay _____ cảnh quít xuống.
6. Cuộc đời của cô Tám đã _____ ngay từ lúc mới sinh.
7. Chị tôi vẫn một lòng _____ đợi chồng.
8. Chúng ta phải luôn noi gương dũng cảm của _____ cha anh.
9. Một tương lai _____ đang chào đón Quân.
10. Sau khi tốt nghiệp trung học, ba mua cho Vy cây viết máy _____ vàng.

Bài tập 3

Đặt câu với mỗi từ sau đây:

- | | |
|------------|---------------|
| 1. sơ sinh | 6. lặn lội |
| 2. thể hệ | 7. son sắt |
| 3. ý nhị | 8. phơi pha |
| 4. vắng vẻ | 9. rau sam |
| 5. cảm xúc | 10. huy hoàng |

Bài tập 4

Ghép mỗi từ ở cột A với định nghĩa thích hợp ở cột B.

- | A | B |
|--------------|--|
| 1. u uất | a. lớp người cùng lứa tuổi |
| 2. cảm xúc | b. kéo xuống |
| 3. vút | c. mới được sinh ra |
| 4. huy hoàng | d. phai nhạt đi, kém vẻ tươi thắm |
| 5. phơi pha | e. rất sáng, sáng lắm |
| 6. ý nhị | g. buồn rầu, đôn chứa trong lòng |
| 7. sơ sinh | h. gắn vào, dát kim loại hay đá quý |
| 8. nạm | i. thuỷ chung, không bao giờ thay đổi |
| 9. vắng vẻ | k. rực rỡ, sáng ngời |
| 10. lặn lội | l. nhẹ nhàng và sâu sắc |
| | m. chật vật, vất vả |
| | n. sự rung động trong lòng khi gặp chuyện vui buồn |

Bài tập 5

Hãy điền vào sơ đồ “Ý nghĩa của từ trong bối cảnh bài thơ” cho các từ sau đây: **cảm xúc, phơi pha, ý nhị, hái mơ, nạm vàng**. Một từ mẫu đã có sẵn cho em. Các từ này được dùng trong bài học.

Từ	Ý nghĩa của từ trong bối cảnh bài thơ
1. Cảm xúc	Tình cảm đối với người phụ nữ.
2.	

3.	
4.	
5.	

Bài tập 6

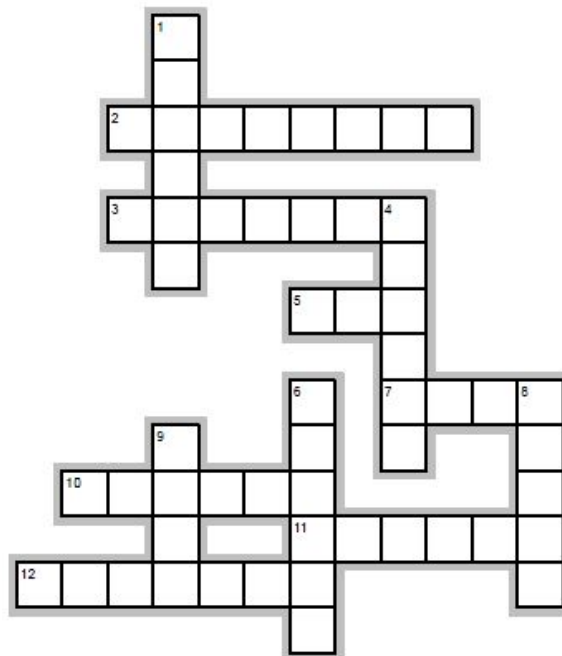
Dùng những từ trong bài *Cảm Xúc* để điền vào chỗ trống và ô chữ thích hợp.

Ngang

2. sáng ngời, rực rỡ
3. rất sáng
5. gắn vào
7. buồn rầu, dằn chứa trong lòng
10. vất vả, chật vật
11. mới được sinh ra
12. phai nhạt đi

Dọc

1. loại rau bò lan, màu tím, lá nhỏ và dầy, có vị chua và ăn được
4. sự rung động tình cảm
6. thủy chung, không thay đổi
8. lớp người cùng lứa tuổi
9. nhẹ nhàng



Phân Tích

- A. **Văn Thể:** Thơ tự do
- B. **Giọng văn:** Triu mến
- C. **Bối cảnh:** Đất nước Việt Nam vào thời kỳ của Hồ Dzếnh, tức thời Pháp thuộc.
- D. **Nhân vật:** Cô gái Việt Nam (mẹ, chị, em, vợ)
- E. **Đại ý:** Ca tụng đức hy sinh của người phụ nữ.

Ngữ Pháp

1. Thán Từ: “Ơi”

Trong câu “Cô gái Việt Nam ơi!”, **ơi** là một thán từ.

Thán từ là tiếng dùng để bộc lộ một tình cảm đột nhiên hay để cho câu nói thêm phần mạnh mẽ, linh hoạt.

2. Phân Tích Chủ Ngữ và Vị Ngữ

Trong câu “Cô chẳng bao giờ biết bướm hoa.”,

- **Cô** là chủ ngữ,

- **chẳng bao giờ biết bướm hoa** là vị ngữ.

Chủ ngữ chỉ người hay vật được nói đến, đứng làm chủ trong câu.

Vị ngữ là những gì nói về người hay vật ấy, gồm có động từ và các phần phụ thuộc. (vị = nói)

Bài tập 7

Dùng thán từ **ơi** để kêu gọi các đối tượng sau: **cha, mẹ, anh, chị, em, cung, quê hương, đất nước, tổ quốc, đồng bào.**

(Nhớ dùng dấu chấm than (!) sau mỗi lần kêu gọi.)

Bài tập 8

Tìm chủ ngữ và vị ngữ các câu thơ trong đoạn bốn và năm của bài đọc.

Chủ ngữ

Vị ngữ

Đọc Hiểu

Bài tập 9

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Theo ý của bài thơ, cuộc đời cô gái Việt Nam thế nào?
2. Cuộc sống tình cảm của người con gái Việt Nam xưa kia thế nào?
3. Cô gái Việt ngày xưa có được tự do yêu đương không?
4. Cô chỉ được hưởng niềm vui vào lúc nào?
5. Câu “*Ngọn gió thời gian đổi hướng rồi*” ý muốn nói điều gì?
6. Hãy giải thích hai câu thơ:
“*Thế hệ huy hoàng không đủ xoá,
Ngàn năm vằng vặc ánh trăng soi.*”

7. Tác giả ngụ ý điều gì khi viết: “*Son sắt lòng cô vẫn đợi chờ*”?
8. “*Dài lúa cô trồng*” ám chỉ điều gì?
9. Tác giả muốn “*nạm vàng muôn khỗ cực*” là muốn nói đến điều gì?
10. Tác giả có dụng ý gì khi lặp lại ba lần câu: “*Cô gái Việt Nam ơi!*”?
11. Trong đoạn 5, tác giả dùng hai từ “*tươi - héo*” có dụng ý gì? Nêu ra sự tương phản.
12. Vì sao “*Cô chẳng bao giờ biết bướm hoa*”?
13. Vì sao nếp sống mới rực rỡ vẫn không làm phai mờ tấm gương sáng của người con gái trước kia?
14. Hãy kể ra ba đức tính người con gái trong bài thơ.
15. Em đồng ý hay không đồng ý với lối sống của người con gái Việt Nam trong bài thơ?
16. Trong câu “*Son sắt lòng cô vẫn đợi chờ*”, “*son sắt*” làm chức vụ gì?

Bài tập 10

Hãy viết bố cục bài thơ *Cảm Xúc* và ý chính của mỗi phần: mở bài, thân bài và kết luận. Nói rõ mỗi phần gồm những câu nào?

Bài tập 11

Đọc kỹ bài thơ *Cảm Xúc*, viết vào bảng dưới đây những câu thơ nêu ra những đức tính của cô gái Việt Nam.

Đức Tính	Câu Thơ
chịu đựng vất vả	<i>Từ thuở sơ sinh lận đận rồi</i>
đoan trang	
hy sinh	
thủy chung	
cần cù	

Bài tập 12

Học sinh làm việc theo hai nhóm; mỗi nhóm chọn một đề tài sau đây để thảo luận rồi trình bày trước lớp.

1. Sự hy sinh chịu đựng của người con gái Việt Nam ngày xưa có hoàn toàn tốt cho họ không? Tại sao?
2. Những đức tính đoan trang, thủy chung, hy sinh, cần cù của người con gái Việt Nam ngày xưa có còn cần thiết ở xã hội Mỹ không?

Tập Làm Văn

Cấu Trúc của Một Bài Luận Văn

Một bài văn dù thuộc thể loại nào cũng thường gồm có năm đoạn:

- Phần mở đề: một đoạn
- Phần thân bài: ba đoạn
- Phần kết thúc: một đoạn

Nếu cần viết nhiều hơn năm đoạn, ta thêm vào phần thân bài.

Đề bài: Hãy phân tích bài thơ *Cảm Xúc* và cho biết quan điểm của em về đức tính hy sinh của phụ nữ Việt Nam.

Bài mẫu

Bài thơ *Cảm Xúc* của Hồ Dzếnh nói lên tình cảm của tác giả đối với những người con gái Việt Nam. Mặc dù bài thơ đưa ra những chi tiết về cuộc đời riêng của một người, tác giả đã dựa vào đó để kể ra những đức tính chung của phụ nữ Việt Nam. Hồ Dzếnh muốn cho người đọc thấy phụ nữ Việt Nam có những đức tính đáng quý trọng và tình cảm của ông đối với họ rất sâu xa.

Hai đoạn thơ đầu tiên đã cho thấy ngay phụ nữ Việt không may mắn. Đa số dân Việt sống nghèo vào thời đó. “Từ thuở sơ sinh lận đận rồi”, người phụ nữ từ lúc ra đời là đã chịu cảnh khổ cực. Thêm nữa, luân lý thời cũ không cho phép nam nữ tự do yêu nhau, cho nên cô gái “Xa nhau đành chỉ nhớ nhau thôi”, và “chẳng bao giờ biết bướm hoa”. Người phụ nữ Việt Nam hầu như không bao giờ được phép biết đến tình cảm lãng mạn. Niềm vui duy nhất mà họ được hưởng trong tình yêu, trong gia đình là khi có con, hoặc khi về già được nghỉ ngơi đôi chút.

Trong hai đoạn thơ kế tiếp, tác giả nói đến đức tính nhẫn nại, hy sinh của cô gái Việt Nam. Tác giả nói tới đức tính đó vẫn muôn đời sáng vàng vạc dù thời đại có thay đổi. Tuy sống cực khổ, tuy không có quyền tự do yêu đương, cô gái vẫn kiên nhẫn, vẫn dịu dàng, vẫn chung thủy: “Son sắt lòng cô vẫn đợi chờ”. Cảnh vật quê hương vẫn như xưa, với cây mơ, với ngọn rau sam; cô gái quê cũng vẫn còn đó chờ người đi xa về.

Đoạn thơ thứ năm nói tới một đức tính đáng quý nhất của cô gái Việt: tính chăm chỉ làm việc. Đi qua một thửa ruộng đang mùa, ai mà không thích nhìn cảnh gió nhẹ lướt qua đòng đưa từng bông lúa chín, nhưng ít ai nghĩ tới những cô gái quê đã góp phần chăm sóc ruộng lúa để cho “gió xuân ý nhị vít bông cười”. Cuộc đời họ đã héo tàn đi trong cảnh sống nông thôn để kiếm sống cho gia đình. Thuở ấy, người phụ nữ Việt Nam là trụ cột kinh tế. Thuở nhỏ ở nhà phụ giúp cha mẹ, rồi lớn lên lại tiếp tục gánh vác gia đình cho chồng con được no ấm.

Để kết thúc bài thơ, tác giả lập lại: “Cô gái Việt Nam ơi!”, tỏ hết lòng quý trọng và nhấn mạnh thêm bằng sự biết ơn: tác giả muốn nạm vàng vào những nỗi khổ cực để vinh danh cô gái ấy. Hồ Dzếnh quả thật đã ca ngợi người phụ nữ Việt Nam rất thật lòng. Riêng em, em thấy bài thơ còn chứa đựng một thông điệp khác: không chỉ biết ơn và quý trọng, chúng ta còn cần phải làm sao cho số phận của phụ nữ được tốt đẹp hơn.

Bài tập 13

Sau khi đọc bài luận văn mẫu:

1. Cho biết đoạn nào là mở đề, đoạn nào là thân bài, đoạn nào là kết luận.
2. Chép lại những câu chủ đề trong từng đoạn.

Bài tập 14

Dùng các câu trả lời trong bài tập 10 để viết một bài văn năm đoạn nói về ý chính bài thơ *Cảm Xúc*.

Nói Với Nhau

Anh Tuấn, Anh Khoa và Bích Vân là ba anh em người Pháp gốc Việt. Tháng này, họ được ba mẹ cho qua Mỹ để thăm ông bà ngoại. Họ gặp chị Quyên là chị em bạn dì.

Chị Quyên: Ủa, sao bé Bích Vân giỏi quá! Em thạo tiếng Việt ghê? Anh Tuấn với Anh Khoa hình như chỉ nói tiếng Pháp thôi.

Anh Khoa: Tui em cũng biết tiếng Việt chút chút.

Anh Tuấn: Em còn biết viết tiếng Việt nữa.

Chị Quyên: Vậy là hai em cũng giỏi ghê!

Bích Vân: Đâu bằng em, em giỏi nhất.

Anh Khoa: Bé Vân không nói tiếng Pháp tại bé Vân chỉ biết có tiếng Việt thôi. Vậy mà dám nói là giỏi.

Bích Vân: Hừ! Em đi học toàn là nói tiếng Tây thôi. Ở nhà phải nói tiếng Việt chứ. Ai như hai anh, người Việt mà làm như người Pháp, thật là mắc cỡ.

Chị Quyên: Bé Vân nói tiếng Pháp cho chị nghe thử coi.

Bích Vân: Em là cô gái Việt thì phải nói tiếng Việt với người Việt chứ. Em đâu có muốn giống hai anh của em đâu.

Anh Khoa: Ở Pháp thì nói tiếng Pháp chứ có gì đâu. Bé Vân khó quá!

Bích Vân: Khó gì đâu mà khó!

Anh Tuấn: Khoa cãi làm chi, một chút bé Vân lại méc mẹ cho coi.

Bích Vân: Ai thèm méc. Chị ơi, dẫn em đi chơi đi. Nói chuyện với mấy anh này bức mình quá!



Tập Nói Chuyện

1. Tại sao bé Vân không muốn nói tiếng Pháp?
2. Khi bé Vân lớn bằng hai anh, em nghĩ bé có còn thích nói tiếng Việt nữa không?
3. Tại sao Anh Tuấn và Anh Khoa dùng tiếng Pháp nhiều hơn?

Tập Viết Văn

Em nghĩ gì về cô bé Bích Vân? Viết một đoạn văn ngắn nói lên những điều em nghĩ.

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

Ba: Ngọc à, ba mới nhận được thư từ Vĩnh Long. Cô Hiền bị bệnh phải vào nhà thương.

Ngọc: Cô Hiền là ai vậy ba?

Ba: Cô Hiền là chị họ của ba. Con không biết cô vì con sanh ở Mỹ, chưa bao giờ gặp cô cả. Lúc ba đi học xa, cô rất thương ba và săn sóc ba chẳng khác gì em ruột.

Ngọc: Lúc đó ba ở trọ nhà cô hả?

Ba: Ừ. Lúc đó cô Hiền cũng có bốn đứa em ở lứa tuổi của ba và còn đi học. Cha mẹ mất sớm cô phải nghỉ học, ra buôn bán nuôi các em. Nhà nghèo, các em lại còn nhỏ, cô hết sức làm việc mới đủ nuôi các em ăn học. Ban ngày cô đi bán hàng, tối về cô còn làm việc nhà tới tận khuya mới đi ngủ.

Ngọc: Thế cô Hiền không có chồng giúp đỡ sao?

Ba: Không. Cô không lấy chồng vì muốn để dành hết thì giờ và tâm lực nuôi các em. Khi các em lớn khôn, học hành nên người thì cô đã già.

Ngọc: Chắc các em của cô thương cô lắm.

Ba: Phải. Khi các em có gia đình, cô lại giúp họ chăm sóc cháu nhỏ. Khi các cháu lớn hết cả không cần chăm sóc nữa, cô Hiền thường đi chùa hay làm việc từ thiện.

Ngọc: Vậy là cả đời cô chỉ sống cho người khác. Làm sao vui được?

Ba: Đa số phụ nữ thời trước sống như vậy con à. Họ chỉ sống để hy sinh cho gia đình mà ít khi nghĩ đến hạnh phúc riêng mình.

Ngọc: Con có ý kiến này nè ba. Tại sao hè này ba không về Vĩnh Long thăm quê, thăm cô Hiền luôn. Ba cho con theo về với! Con chưa biết Việt Nam, chưa gặp cô Hiền bao giờ.

Ba: Ừ, để ba bàn với má xem sao!



Bài tập 15

Đúng hay sai. Viết chữ **Đ** vào câu đúng; viết chữ **S** vào câu sai.

1. Đ S Ba Ngọc, má Ngọc và Ngọc đang nói chuyện với nhau.
2. Đ S Ba Ngọc mới nhận được một lá thư từ Canada.
3. Đ S Cô Hiền là chị họ của ba Ngọc.
4. Đ S Cha mẹ cô Hiền qua đời để lại bốn đứa em.
5. Đ S Cô lấy chồng giàu để nuôi các em ăn học.
6. Đ S Khi các em cô lớn khôn thì cô đã già.
7. Đ S Cô Hiền còn giúp các em nuôi cháu nhỏ.
8. Đ S Sau cùng cô Hiền vào chùa tu.
9. Đ S Ngọc đề nghị ba về Vĩnh Long thăm quê và thăm cô Hiền.
10. Đ S Ba Ngọc nói Ngọc sửa soạn mua vé máy bay.

Bài tập 16

Đọc những câu sau đây. Gạch bỏ những câu nào không đúng với ý của đoạn đối thoại:

1. Ba Ngọc nhận được một lá thư gửi từ Vĩnh Long. 2. Ngọc không biết cô Hiền là ai vì Ngọc sinh ra ở Mỹ. 3. Cô Hiền là mẹ nuôi của Ngọc. 4. Ba của Ngọc mới sinh ra ở nhà cô Hiền. 5. Cô Hiền làm việc vất vả để nuôi hai em. 6. Cô không lấy chồng vì không gặp người ý hợp tâm đầu. 7. Cô nuôi các em lớn khôn ăn học nên người. 8. Các em lập gia đình riêng nên không còn thương cô Hiền như xưa nữa. 9. Cô còn giúp đỡ các em nuôi con nhỏ. 10. Đến tuổi già cô Hiền vẫn làm việc từ thiện. 11. Cả đời cô chỉ sống để hy sinh cho gia đình. 12. Ngọc xin ba cho mình về Vĩnh Long săn sóc cô Hiền. 13. Ba Ngọc nói để bàn với má xem sao.

Giáo Dục Đa Văn Hoá

Tính Hy Sinh của Người Phụ Nữ Việt Nam

Tính hy sinh, một đức tính cao quý của người phụ nữ, được ca ngợi rất nhiều qua thơ văn và chiếm một vị trí quan trọng trong nền văn hoá cổ truyền Việt Nam. Người con gái khi sinh ra và lớn lên chỉ biết sống cho gia đình, đôi lúc hy sinh cả hạnh phúc cá nhân để tròn hiếu đạo với cha mẹ. Người phụ nữ Việt Nam khi đã lập gia đình, thì hy sinh cho chồng cho con. Họ lo cho hạnh phúc của những người thân chứ không lo cho bản thân dù đôi lúc phải chịu muôn vàn khổ cực. Người vợ, người mẹ đó tần tảo sớm hôm, lo miếng ăn giấc ngủ cho chồng con mình, lo cho con ăn học nên người. Đức tính hy sinh đó thật cao quý lắm thay!

Ngày nay người phụ nữ Việt Nam vẫn giữ được phần nào đức tính đó. Họ vẫn sống với ý niệm lo cho chồng cho con, tạo dựng một mái ấm gia đình hạnh phúc.

Câu hỏi thảo luận:

1. Ở xã hội ngày nay người ta có coi trọng đức tính hy sinh của người phụ nữ không? Hãy dẫn chứng.
2. Tìm những câu ca dao, những bài thơ hay mẫu chuyện ca tụng đức tính hy sinh của người phụ nữ.

Giáo Dục Hướng Nghiệp

Nghề Nông

Cô gái Việt Nam trong bài thơ *Cảm Xúc* là một nông dân làm việc trên ruộng đồng. Đa số dân Việt ở thời đó sống về nghề nông. Hiện nay, tại Việt Nam hơn 70% dân số cũng vẫn sống bằng nghề nông. Đời sống của nông dân Việt Nam cũng không được đầy đủ, sung túc nếu so với nông dân ở Mỹ.

Nghề nông ở Mỹ rất tiến bộ. Tất cả mọi việc cày bừa, gieo, gặt, trừ sâu, v.v... đều được thực hiện bằng máy móc. Mức sản xuất và giá cả nông phẩm được chính quyền ấn định sao cho nông dân có lời, không bị nạn dư



thừa gây nên mất giá.

Có nhiều người Việt tại California sinh sống bằng nghề trồng tía. Dân Việt thường ăn những thứ rau không có bán ở chợ Mỹ như: bạc hà, rau thơm, rau muống, củ riềng, v.v...; do đó, có một số đông người chuyên trồng rau bán cho dân Việt và kiếm được lợi tức rất khá. Tại Stockton, Hollister, và Gilroy ở California có những trại trồng rau của người Việt tổ chức quy mô với nhà kính, giàn máy tưới, xe vận tải đi giao hàng cho khắp các chợ. Tuy nhiên các nông dân này cũng phải tuân theo những quy định của thành phố và tiểu bang để giữ gìn môi sinh và bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng.

Đề tài cho học sinh thảo luận và tìm hiểu thêm:

1. Tìm biết giá cả một vài thứ rau đặc biệt Việt Nam như bạc hà, rau răm, và lá lốt, v.v... rồi so sánh với giá những thứ rau Mỹ. Thứ nào đắt hơn?
2. Số dân Việt Nam sống ở San Jose và vùng Bay, California là bao nhiêu? Họ tạo nên một thị trường lớn cho những loại rau trái nào?
3. Tìm tài liệu trên mạng về nghề nông tại California.

Tục Ngữ và Ca Dao

1. Con cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non.
2. Nàng về nuôi cái cùng con,
Đề anh đi trẩy nước non Cao Bằng.
3. Của chồng, công vợ.
4. Cô kia đội áo đi đâu?
Tôi là phận gái làm dâu mới về.
Mẹ chồng ác nghiệt gớm ghê,
Tôi ở chẳng được tôi về nhà tôi.
5. Từ khi em về làm dâu,
Thì anh dặn bảo trước sau mọi lời:
Mẹ già dữ lắm em ơi!
Nhịn ăn, bớt ngủ mà nuôi mẹ già.
Nhịn cho nên cửa nên nhà,
Nên kèo, nên cột, nên xà tầm vông.
Nhịn cho nên vợ nên chồng,
Thì em coi sóc lấy trong cửa nhà.
6. Có chồng chẳng được đi đâu,
Có con chẳng được đứng lâu một giờ.
7. Đàn bà như cánh hoa tươi,
Nở ra chỉ được một thời mà thôi.
8. Có con thì khổ vì con,
Có chồng phải gánh giang sơn nhà chồng.
9. Hết lòng giữ chữ chính chuyên,
Nguyện cùng trời đất kết nguyên với anh.

10. Hoa sen mọc bãi cát đầm,
Tuy rằng lắm luốc nhưng mầm hoa sen.
11. Đói no một vợ một chồng,
Một niêu cơm tấm đầu lòng ăn chơi.
12. Làm trai lấy được vợ hiền,
Bằng cầm đồng tiền mua được miếng ngon.
Làm gái lấy được chồng khôn,
Cầm bằng cá vượt Vũ Môn hoá rồng.
13. Thuận vợ thuận chồng tát biển đông cũng cạn.
14. Râu tôm nấu với ruột bầu,
Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon.

Bài Đọc Thêm



Thương Vợ

Quanh năm buôn bán ở mom sông,
 Nuôi đủ năm con với một chồng.
 Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
 Eo sèo mặt nước buổi đò đông.
 Một duyên hai nợ âu đành phận,
 Năm nắng mười mưa dám quản công.
 Cha mẹ thói đời ăn ở bạc!
 Có chồng hờ hững cũng như không.

Trần Tế Xương

Đề Miếu Vợ Chàng Trương

Nghi ngút đầu ghềnh toả khói hương
 Miếu ai như miếu vợ chàng Trương.
 Ngọn đèn dầu tắt đừng nghe trẻ,
 Cung nước chi cho lụy đến nàng.
 Chứng quả có đôi vùng nhật nguyệt,
 Giải oan chi mượn đến đàn tràng.
 Qua đây mới biết nguồn cơn ấy,
 Khá trách chàng Trương khéo phũ phàng.

Vua Lê Thánh Tôn

Thế Lữ (1907 - 1989)



Thế Lữ tên thật là Nguyễn Thứ Lễ. Ông sinh tại Hà Nội, quê gốc ở Bắc Ninh. Bút danh Thế Lữ là do đọc lái tên thật mà thành, còn có nghĩa là “quản trọ của đời”. Ông học trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội một thời gian rồi chuyển làm thơ, viết văn từ năm 1932. Thế Lữ có chân trong Tự Lực Văn Đoàn và là nhà thơ tiên phong của phong trào Thơ Mới. Năm 1942, ông tổ chức ban kịch Thế Lữ và đoàn kịch Anh Vũ. Năm 1948, ông là trưởng đoàn Sân Khấu Văn Hoá Kháng Chiến. Năm 1952, ông là trưởng ngành kịch trong đoàn Văn Công Trung Ương. Năm 1957, ông là chủ tịch hội Nghệ Sĩ Sân Khấu Việt Nam. Những tác phẩm tiêu biểu của ông gồm có:

- **Thơ:** *Mấy Vần Thơ* (tập trước 1935, tập mới 1941)
- **Tiểu thuyết:** *Vàng và Máu* (1934), *Mai Hương và Lê Phong* (1937), *Lê Phong Phóng Viên* (1937), *Đòn Hẹn* (1939), *Trại Bò Tùng Linh* (1941), v.v...
- **Truyện ngắn:** *Bên Đường Thiên Lôi* (1936), *Gió Trắng Ngàn* (1941), *Thoa* (1943), *Tay Đại Bọm* (1953).
- **Kịch (ngắn):** *Cụ Đạo Sư Ông* (1946), *Đoàn Biệt Động* (1947), *Đợi Chờ* (1949), *Tin Chiến Thắng Nghĩa Lộ* (1952).

Tóm lược tác phẩm

Bài thơ *Nhớ Rừng* nói lên tâm trạng của một con hổ trong vườn bách thú và bày tỏ nỗi bức tức của hổ khi bị giam cầm. Tác giả đã đề tặng bài thơ cho bạn là nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, người đã lập nên nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Thế Lữ đã ví Nhất Linh với chúa sơn lâm khi bị thất thế. Tác giả đã dùng nhiều mỹ từ pháp như phép nhân cách hoá, phép tượng trưng, đặc biệt là phép ẩn dụ để biểu hiện tâm trạng của những người bị tù đầy.

Nhớ Rừng



Găm một khối **cắm hờn** trong **cũi sắt**,
Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua.
Khinh lũ người kia **ngạo mạn**, ngán ngơ,
Giương mắt bé **riều oai linh** rừng thẳm.
Nay **sa cơ**, bị **nhục nhằn** tù hãm,
Để làm trò lạ mắt, thứ đồ chơi.
Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi,
Với cặp báo chuồng bên **vô tư lự**.

Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ,
Thuở **tung hoành hống hách** những ngày xưa.
Nhớ cảnh **sơn lâm**, bóng **cả**, cây già,
Tiếng gió gào **ngàn**, với giọng **nguồn** hét núi,
Với khi thét khúc **trường ca** dữ dội,
Ta bước chân lên, **dông dặc**, đường hoàng,
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng.
Vờn bóng âm thâm, lá gai, cỏ sắc.
Trong hang tối, mắt thần khi đã **quắc**,
Là khiến cho mọi vật đều im hơi,
Ta biết ta **chúa tể** cả muôn loài,
Giữa chốn **thảo hoa**, không tên, không tuổi.

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,
 Ta say **mỏi** đứng uống ánh trăng tan?
 Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn,
 Ta lặng ngắm **giang san** ta đổi mới?
 Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
 Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?
 Đâu những chiều **lênh lách** máu sau rừng,
 Ta đợi chết mảnh mặt trời **gay gắt**,
 Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?
 Than ôi! Thời **oanh liệt** nay còn đâu?

Nay ta ôm niềm uất hận **ngàn châu**,
 Ghét những cảnh không đời nào thay đổi,
 Những cảnh sửa sang, tâm thường, giả dối.
 Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng;
 Dải nước đen giả suối, chẳng thông dòng
 Len dưới nách những **mô gò** thấp kém;
 Dăm vùng lá hiến lành, không **bí hiểm**
 Cũng học đòi bắt chước vẽ **hoang vu**
 Cửa chốn ngàn năm cao cả, **âm u**.

Hỡi oai linh, cảnh nước non **hùng vĩ**!
 Là nơi giống **hùng thiêng** ta **ngự trị**,
 Nơi thên thang ta vùng vẫy ngày xưa,
 Nơi ta không còn được thấy bao giờ,
 Có biết chăng, trong những ngày **ngao ngán**,
 Ta đang theo giấc mộng ngàn to lớn
 Để hồn ta **phảng phất** được gần người,
 Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!

Thế Lữ

Sinh Hoạt

Nghe bài hát “Mưa Rừng” rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Mưa Rừng

Huỳnh Anh

1. Mưa rừng ơi _____!
2. Hạt mưa _____ mưa triền miên
3. Phải chăng mưa buồn vì tình _____,
4. Mưa sầu vì lòng _____ duyên kiếp không lâu.
5. Mưa từ đâu mưa về, làm muôn lá _____ rơi tả tơi.
6. Tiếng _____ gió lạnh lùa ngoài màn

7. Lá vàng rơi lìa _____
8. Gọi _____ nỗi niềm riêng.
9. Ôi! Ta mơ ước xa xôi, những đêm mãi cô đơn gọi tâm tư _____ đâu?
10. _____ thương ai? Mưa nhớ ai?
11. Mưa rơi như nước nở mưa rơi trong _____
12. Mưa rừng ơi mưa rừng!
13. Tìm đâu hồi ơi _____ ngày xưa
14. Mỗi khi mưa rừng về _____,
15. Bóng _____ vàng dần tàn
16. Lòng thương nhớ nào _____.

Từ Vựng

1. vườn Bách Thú	(dt.):	sở thú	<i>zoo</i>	(n.)
2. căm hờn	(dt.):	một mối thù hận	<i>hatred</i>	(n.)
3. cũi sắt	(dt.):	chuồng làm bằng sắt, có song chắn để nhốt thú	<i>iron cage</i>	(n.)
4. ngạo mạn	(tt.):	khinh người và kiêu căng	<i>arrogant</i>	(adj.)
5. riếu	(đt.):	giễu, đùa bỡn, chế nhạo	<i>to tease</i>	(v.)
6. oai linh	(dt.):	uy linh, sức mạnh thiêng liêng	<i>greatness</i>	(n.)
7. sa cơ	(đt.):	lâm vào cảnh ngặt nghèo, nguy hiểm	<i>to meet with misfortune</i>	(v.)
8. nhục nhằn	(tt.):	khổ tâm cùng cực đến mức tủi nhục và hổ thẹn	<i>humiliated</i>	(adj.)
9. vô tư lự	(tt.):	không suy nghĩ, ưu tư gì	<i>thoughtless, carefree, unconcerned</i>	(adj.)
10. tung hoành	(đt.):	ngang dọc đây đó, không chịu gò bó	<i>to act willfully</i>	(v.)
11. hống hách	(đt.):	ra oai, tỏ uy quyền để người khác phải nể sợ mình	<i>to show one's power</i>	(v.)
12. sơn lâm	(dt.):	núi rừng	<i>mountain and forest</i>	(n.)
13. ngàn	(dt.):	rừng	<i>forest</i>	(n.)

14. nguồn	(dt.):	suối từ trong núi chảy ra	<i>spring</i>	(n.)
15. trường ca	(dt.):	bài thơ dài	<i>epic</i>	(n.)
16. đông đặc	(trt.):	manh mẽ, dứt khoát	<i>solemnly</i>	(adv.)
17. quắc	(dt.):	giương to mắt nhìn đầy vẻ căm giận hoặc như muốn hăm dọa kẻ đang đối diện với mình	<i>to glower, scowl</i>	(v.)
18. chúa tể	(dt.):	người có quyền lực cao nhất	<i>king, lord</i>	(n.)
19. thảo hoa	(dt.):	cỏ và hoa, cây cỏ nói chung	<i>grass and flowers</i>	(n.)
20. mồi	(dt.):	con vật bị săn đuổi để ăn	<i>prey</i>	(n.)
21. giang san	(dt.):	sông núi, đất nước; ở đây là vùng rừng núi hổ làm chủ	<i>territory</i>	(n.)
22. lênh láng	(dt.):	(chất lỏng) chảy tràn ra khắp trên bề mặt rộng	<i>to spread all over</i>	(v.)
23. gay gắt	(tt.):	ở mức độ cao và dữ dội, gây cảm giác căng thẳng, khó chịu	<i>blazing hot</i>	(adj.)
24. oanh liệt	(tt.):	lẫy lừng, vang dội	<i>glorious, heroic</i>	(adj.)
25. ngàn thu	(tt.):	ngàn thu, ngàn năm, ý nói mãi mãi	<i>everlasting</i>	(adj.)
26. mô gò	(dt.):	khối đất đá gồ lên so với mặt đất chung quanh	<i>small hill, mound</i>	(n.)
27. bí hiểm	(tt.):	ngầm kín, khó biết, khó dò ra được	<i>unfathomable</i>	(adj.)
28. hoang vu	(tt.):	(nơi đất đai) bỏ không, chỉ có cây cỏ dại mọc	<i>wild, overgrown</i>	(adj.)
29. âm u	(tt.):	tối tăm, vắng vẻ, lặng lẽ	<i>gloomy, dreary</i>	(adj.)
30. hùng vĩ	(tt.):	to lớn, oai vệ	<i>huge, imposing</i>	(adj.)
31. hùm thiêng	(dt.):	hổ, cọp; vì mạnh mẽ nên cọp được xem là thiêng liêng, là chúa tể rừng xanh	<i>tiger</i>	(n.)

32. ngự trị	(đt.):	điều khiển và quyết định mọi mặt	<i>to reign, dominate</i>	(v.)
33. ngao ngán	(tt.):	chán nản, buồn rầu, không còn thấy thích thú gì nữa	<i>discourage, depressing</i>	(adj.)
34. phảng phất	(đt.):	thoáng qua, lờ mờ, không rõ rệt	<i>to linger vaguely</i>	(v.)
35. cả	(tt.):	to lớn	<i>huge, large</i>	(adj.)

		
ngạo mạn	quắc	mòi

Bài tập 1

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **sơn lâm, hùng thiêng, bí hiểm, oai linh, nguồn, đông đặc, tung hoành, thảo hoa, hoang vu, phảng phất, hùng vĩ, bóng cả cây già, ngự trị, cũi sắt, trường ca, hồng hách, chúa tể, ngạo mạn, ngàn, căm hờn, mô gò, riều, âm u.**

1. Ta sống mãi trong tình thương, nỗi nhớ,
Thuở _____ những ngày xưa.
2. Hồi oai linh, cảnh nước non _____,
Là nơi giống _____ ta _____.
3. Ta biết ta _____ cả muôn loài,
Giữa chốn _____ không tên, không tuổi.
4. Len dưới nách những _____ thấp kém,
Dăm vùng lá hiên lành không _____.
5. Khinh lữ người kia _____, ngần ngại,
Giương mắt bé _____ rừng thẳm.
6. Nhớ cảnh _____,
Với tiếng gió gào _____, với giọng _____ thét núi.
7. Cũng học đòi, bắt chước vẽ _____
Của chốn ngàn năm cao cả _____.
8. Gặm một khối _____ trong _____,
Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua.
9. Ta đang theo giấc mộng ngàn to lớn,
Để hồn ta _____ được gần người.
10. Với khi hát khúc _____ dữ dội,
Ta bước chân lên, _____, đường hoàng.

Bài tập 2

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **gay gắt, âm u, sa cơ, lênh láng, hoang vu, tung hoành, vô tư lự, quắc, ngạo mạn, ngao ngán.**

1. Ông Ba _____ mắt một cái là các con im bất ngay.
2. Sau mấy trận mưa to, nước _____ khắp ruộng đồng.
3. Con nằng nề thật là _____.
4. Cảnh rừng núi nơi đây còn _____.
5. Anh ấy nhếch mép cười _____.
6. Đó là một rừng cây _____ rậm rạp.
7. Minh _____ khi nghe tin hồ đã bắt mấy con chó của anh.
8. Con hồ đang _____ chẳng coi ai ra gì.
9. _____ rông cũng như giun khác nào. (*Ca dao*)
10. Ông Hưng rất hiền, không lo lắng điều gì; thật là một người _____.

Bài tập 3

Đặt câu với mỗi từ sau đây:

- | | |
|--------------|------------------|
| 1. hồng hách | 6. thảo hoa |
| 2. bí hiểm | 7. hùng vĩ |
| 3. căm hờn | 8. vườn bách thú |
| 4. đồng đặc | 9. ngự trị |
| 5. oanh liệt | 10. giang san |

Bài tập 4

Tìm từ đồng nghĩa với những từ sau đây:

- | | | |
|--------------|---|-------|
| 1. oanh liệt | = | _____ |
| 2. âm u | = | _____ |
| 3. ngạo mạn | = | _____ |
| 4. đồng đặc | = | _____ |
| 5. hùng vĩ | = | _____ |
| 6. ngao ngán | = | _____ |
| 7. hùm | = | _____ |

Bài tập 5

Ghép mỗi từ ở cột A với định nghĩa thích hợp ở cột B.

- | A | B |
|--------------|--|
| 1. ngạo mạn | a. ra oai, tỏ uy quyền để người khác phải nể sợ mình |
| 2. chúa tể | b. làm cho chán nản, buồn rầu, không còn thấy thích thú gì nữa |
| 3. ngao ngán | c. khổ tâm đến mức tủi nhục và hổ thẹn |
| 4. sa cơ | d. lấy lòng, vang dội |
| 5. hồng hách | e. khinh người và kiêu căng |

- | | |
|--------------|--|
| 6. ngự trị | g. có vị trí then chốt và quyết định mọi mặt |
| 7. nhục nhằn | h. khối đất đá gồ lên so với mặt đất chung quanh |
| 8. vô tư lự | i. người có quyền lực cao nhất |
| 9. oanh liệt | k. rơi vào cảnh rủi ro, vòng nguy khốn |
| 10. mô gò | l. không suy nghĩ, ưu tư gì |

Phân Tích

A. Văn thể: Thơ tự do

B. Giọng văn: Đoạn 1 và 2: Kiêu căng, tự phụ.
Đoạn 3, 4, và 5: Bui ngùi, luyến tiếc.

C. Bối cảnh: Vườn bách thú

D. Đại ý: Sự nuối tiếc thời vàng son đã qua.

E. Giải thích:

- Găm một khối căm hờn trong cũi sắt,
Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua.*

 - Hồ rất uất hận vì bị nhốt ở vườn bách thú. Mỗi ngày, nó chỉ nằm dài đợi cho thời gian trôi qua.
 - “căm hờn” là một danh từ trừu tượng nhưng được sử dụng như một danh từ cụ thể làm cho hình ảnh thêm sống động.
- Khinh lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ,
Giương mắt bé riều oai linh rùng rợn.*

 - Dẫu bị nhốt, hồ vẫn kiêu ngạo và giữ phong thái của một chúa sơn lâm nên khinh thường những người qua lại xem nó.
- Nay sa cơ, bị nhục nhằn tù hãm,
Để làm trò lạ mắt, thứ đồ chơi.*

 - Nay hồ thất thế nên phải tủi nhục nằm trong nhà giam để làm trò vui cho loài người.
- Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi,
Với cặp báo chuồng bên vô tư lự.*

 - Chẳng những thế, hồ phải nằm gần bọn gấu dở hơi, và cặp báo vô tư lự vì chúng không cảm thấy nhục nhã, không biết nghĩ về quá khứ hào hùng của mình.
- Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa.*

 - Hồ sống trong kỷ niệm, nhớ đến thời vàng son của mình.
- Với khi thét khúc trường ca dữ dội.*

 - Khi hồ thét tiếng gầm thật dài.
- Ta bước chân lên, đồng dục, đường hoàng.*

 - Hồ nhớ lại vẻ oai phong của mình ở một thuở nào.

8. *Trong hang tối, mắt thần khi đã quắc,
Là khiến cho mọi vật đều im hơi.*
- Trong bóng đêm, mắt hổ có thể làm muôn loài thú khiếp sợ.
9. *Giữa chốn thảo hoa, không tên, không tuổi.*
- “thảo hoa, không tên, không tuổi”: cây cỏ nơi hoang vu, không rõ là loại gì.
10. *Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?*
- “đêm vàng” vừa có nghĩa thời vàng son, vừa có nghĩa là ánh trăng vàng.
“uống ánh trăng tan”: một hình ảnh rất sống động. Khi hổ chạm mõm vào giòong suối thì bóng trăng tan vỡ; hổ uống nước tựa như uống trăng vào.
11. *Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn,
Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới?*
- Hổ nhớ những lần ngắm nhìn núi rừng của mình thay đổi sau những cơn mưa bão lớn.
12. *Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?*
- Hổ nhớ đến những khi mặt trời vừa nhô lên với chim kêu hót véo von.
13. *Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng,
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?*
- Hổ nhớ đến những buổi chiều khi nó đợi mặt trời xuống để đi săn mồi.
14. *Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?*
- Hổ tự hỏi tại sao những ngày tháng oai hùng không còn nữa.
15. *Nay ta ôm bầu uất hận ngàn sâu,
Ghét những cánh không đời nào thay đổi,
Những cánh sửa sang, tâm thường, giả dối.*
- Hổ căm hận đời sống bị giam cầm của mình. Nó ghét cái chuồng sắt không bao giờ đổi khác và những cảnh nhân tạo, giả dối chung quanh vì chúng không phải là thiên nhiên.
16. Đoạn 3: “Nào đâu ... còn đâu?”
- Trong đoạn này, từ “đâu” được lặp lại đến năm lần. Vì mất hẳn rồi, không còn trông mong gì nữa!
“uất hận ngàn sâu”: ngàn thu, nhưng tác giả dùng “sâu” để hiệp vần với từ “đâu” ở câu trên.
17. *Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng;
Dải nước đen giả suối chẳng thông dòng
Len dưới nách những mô gò thấp kém;*

*Dăm vùng lá hiền lành, không bí hiểm
Cũng học đòi bắt chước vẽ hoang vu
Của chốn ngàn năm cao cả, âm u.*

- Hồ cho rằng những cỏ cây, hoa lá được trồng thẳng lối hay những dòng suối nhân tạo chảy qua những mô đất nhỏ thì làm sao có thể giống cảnh hoang vu của chốn sơn lâm thật sự.

18. *Hỡi oai linh, cảnh nước non hùng vĩ!
Là nơi giống hùm thiêng ta ngự trị,
Nơi thánh thang ta vùng vẫy ngày xưa,
Nơi ta không còn được thấy bao giờ.*

- Hồ than thở vì nhớ đến cảnh núi non hùng vĩ mà khi xưa hồ từng là chúa tể, có thể hống hách ngang tàng. Nhưng giờ đây, hồ không trở về ngày xưa được. Hồ kêu gọi đến hồn thiêng sông núi để mong giúp hồ sống lại những ngày xưa.

19. *Có biết chăng trong những ngày ngao ngán,
Ta đang theo giấc mộng ngàn to lớn
Để hồn ta phảng phất được gần người,
Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!*

- Trong những ngày bị tù đầy, hồ chỉ được gần với rừng núi của mình trong giấc mơ. Thân thể bị tù đầy, nhưng linh hồn thì bay về với rừng xanh. “người”, hay là rừng, được dùng theo phép nhân cách hoá.

Tuy bài thơ nói về cảnh bị giam cầm của con hồ, nhưng ngụ ý của tác giả là muốn nói tới những người bị tù. Tác giả đã mượn lời thơ của con hồ để nói lên nỗi niềm của những người bị giam cầm. Hồ than thở như con người cũng thở than khi mất tự do. Họ luôn nhớ đến thời vàng son, thời được tung hoành đây đó mà giờ đây phải chịu cảnh tù đầy.

G. Bố cục: Bài thơ *Nhớ Rừng* có thể được chia thành 5 đoạn:

1. “Găm tư lự”: cảnh tù đầy của hồ.
2. “Ta sống không tuổi”: nhớ lại khung cảnh sinh hoạt của hồ ngày xưa.
3. “Nào đâu còn đâu”: nhớ lại nếp sống hạnh phúc của hồ ngày xưa.
4. “Nay ta âm u”: hồ so sánh cảnh nhân tạo giả dối với rừng núi hoang vu.
5. “Hỡi oai ta ơi!”: ước mơ của hồ.

Ngữ Pháp

Các Hình Thái Tu Từ hoặc Mỹ Từ Pháp: Phép Nhân Cách Hoá, Phép Tượng Hình

Các hình thái tu từ là những cách thức, những hình thức diễn đạt gọi hình, biểu cảm nhằm nâng cao hiệu lực của ngôn ngữ.

Các hình thái tu từ là: nhân cách hoá (personification), so sánh (simile, metaphor), điệp ngữ (repetition of word), biểu tượng (symbolization), ẩn dụ (indirect allusion), v.v...

1. Phép nhân cách hoá

Xét các câu sau đây:

1. **Ta** nằm dài trông ngày tháng dần qua.
2. **Ta** sống mãi trong tình thương nỗi nhớ.

Trong hai câu trên, con hổ xưng là **ta**, tự cho mình như là người. Cách dùng như trên gọi là **phép nhân cách hoá**.

2. Phép tượng hình

Xét các câu sau đây:

1. Ta say mỗi đứng uống **ánh trăng tan**.
2. Đâu những chiều **lênh lảng máu sau rừng**.

Đọc hai câu thơ lên, cảnh ánh trăng đang tan, máu lênh lảng sau rừng như hiện ra trước mắt. Cách dùng từ như trên gọi là **phép tượng hình**.

Bài tập 6

Tìm trong bài thơ 10 từ chỉ con hổ tự xem mình như người:

Bài tập 7

Tìm những từ diễn tả phép tượng hình trong bài thơ *Chợ Tết* dưới đây:

Chợ Tết

Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi,
Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà tranh,
Trên con đường viền trắng mép đồi xanh,
Người các ấp tung bừng ra chợ Tết.
Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc;
Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon,
Vải cụ già chống gậy bước lom khom,
Cô yếm thắm che môi cười lạng lẽ,
Thằng em bé nép đầu trên yếm mẹ,
Hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu,
Con bò vàng ngộ nghĩnh đuổi theo sau.
Sương trắng rõ đầu cành như giọt sữa,

Tia nắng tí nháy hoài trong ruộng lúa,
 Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh,
 Đồi thoa son nằm dưới ánh bình minh.
 Người mua, bán ra vào đầy cổng chợ.
 Con trâu đứng vờ dim hai mắt ngủ,
 Để lắng nghe người khách nói bô bô.
 Anh hàng tranh kiu kịt quẩy đôi bô
 Tìm đến chỗ đông người ngồi giờ bán.
 Một thầy khoá gò lưng trên cánh phản,
 Tay mài nghiên hí hoáy viết thơ xuân.
 Cụ đồ nho dừng lại vuốt râu cằm,
 Miệng nhẩm đọc vài hàng câu đối đỏ.

Bài tập 8

Đọc bài sau đây rồi trả lời các câu hỏi.

Người Khôn Hơn Vật

Con trâu bị người thợ cày đánh đập thế nào cũng phải chịu. Con cọp trông thấy, đến hỏi trâu rằng:

- Này anh trâu! Anh lớn hơn người, sao lại chịu để người đánh đập thế?

Trâu đáp rằng:

- Người nhỏ hơn tôi nhưng trí khôn hơn tôi.

Cọp không biết trí khôn là cái gì, mới hỏi người đi cày rằng:

- Trí khôn của bác đâu? Bác cho tôi xem!

Người đi cày nói:

- Ta để ở nhà.

- Bác về lấy cho tôi xem.

- Ta về lỡ mi ăn thịt trâu của ta thì sao? Để ta trói mi lại đã.

Cọp thuận để cho trói. Khi trói được cọp rồi, người đi cày lấy bắp cày đánh cọp và bảo rằng:

- Trí khôn ta đây!



Câu Hỏi

1. Trong đoạn văn trên, những con vật nào được nhân cách hoá?
2. Viết ra những từ được dùng để nhân cách hoá?

Độc Hiểu

Bài tập 9

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Con hổ tự xưng thế nào?
2. Vì sao hổ lại tự xưng một cách ngạo mạn như thế?
3. Hổ gọi loài người thế nào?
4. “*Lũ người kia...giương mắt bé riều oai linh rừng thẳm*”; oai linh rừng thẳm là gì?
5. Những từ nào cho biết hổ khinh thường cả người lẫn những con thú khác?
6. Để tả sự tức giận căm hờn vì bị nhốt trong cũi mà không làm gì được, tác giả dùng hai từ cụ thể nào?
7. Con hổ nhớ lại điều gì?
8. Vì sao hổ gọi thời sống trong rừng là thuở tung hoành hống hách?
9. Hai câu thơ nào tả vẻ đẹp oai vệ của hổ?
10. Vì sao tác giả nói tấm thân như sóng cuộn?
11. Hổ nhớ rừng là nhớ lại cả một bối cảnh sống quen thuộc với những hình ảnh, âm thanh của rừng núi. Hãy tìm những câu, từ miêu tả cảnh núi rừng hoang dại, âm u nhưng có vẻ đẹp hùng vĩ.
12. Câu than của hổ: “*Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?*” Thời oanh liệt của hổ là thời nào?
13. Hổ nhìn cảnh trong vườn bách thú như thế nào?
14. Em có lời khuyên gì cho hổ? (*Ý kiến*)

Bài tập 10

Đúng hay sai. Viết chữ **Đ** vào câu đúng; viết chữ **S** vào câu sai.

1. Đ S Bài thơ *Nhớ Rừng* tả tâm tư của một con hổ ở vườn bách thú tiếc nuối thời oanh liệt.
2. Đ S Hổ bị người lừa bắt nhốt vào vườn bách thú nên rất kính nể loài người.
3. Đ S Hổ bị nhốt chung với con gấu và cặp báo.
4. Đ S Hổ đã quen sống trong vườn bách thú và quên đi thời sống trong rừng.
5. Đ S Trong rừng, muôn loài phải im hơi lặng tiếng khi hổ đi tới.
6. Đ S Vườn bách thú rất giống khu rừng cũ của hổ.
7. Đ S Hổ là chúa tể trong vườn bách thú, những con thú khác đều sợ hổ.
8. Đ S Hổ biết rằng chẳng bao giờ còn được trở về rừng nữa.
9. Đ S Câu “*Hỡi cánh rừng ghê gớm của ta ôi!*” diễn tả nỗi vui mừng của hổ khi được trở lại rừng.
10. Đ S Tác giả bài thơ *Nhớ Rừng* là Nhất Linh.

Bài tập 11

Hãy giải nghĩa những câu thơ sau đây:

1. Giương mắt bé riều oai linh rừng thẳm.
2. Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan.
3. Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật.
4. Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng.
5. Ta đang theo giấc mộng ngàn to lớn,
Để hồn ta phảng phất được gần người.

Bài tập 12

Vẽ giản đồ Venn so sánh con hổ khi còn ở trong rừng và lúc bị nhốt trong vườn bách thú.

Tập Làm Văn

Bài tập 13

1. Sống ở vườn bách thú, con hổ được ở nơi có tiện nghi, ăn uống đầy đủ và được săn sóc nhưng tại sao nó lại cảm hèn, ngao ngán và mơ mộng trở về rừng? Hãy viết một đoạn văn trình bày ý kiến của em.
2. Viết một đoạn văn nói về thái độ của hổ đối với người, vật và cảnh trong vườn bách thú.

Nói Với Nhau

Bé Thảo: Ông ơi, sao ông đọc bài thơ về con hổ hoài vậy ông?

Ông: Lại đây ông bảo. Cháu đang làm gì vậy? Có muốn học bài thơ *Nhớ Rừng* không?

Bé Thảo: Ông đọc hoài, cháu biết rồi, không thèm học.

Ông: Cháu có hiểu bài này nói về gì không?

Bé Thảo: Dạ hiểu. Nói về con hổ trong chuồng làm bạn với con gấu. Má nói hè này cho ông cháu mình đi sở thú San Diego. Ông sẽ thấy hổ Mỹ đó, khỏi phải nhớ con hổ của ông nữa.

Ông: Sau này lớn, cháu sẽ hiểu tại sao ông thích bài thơ này.

...



Tự nhiên nước mắt Thảo bỗng trào ra. Không biết có đứa bạn nào trong lớp thấy không, nhưng Thảo cũng không ngại. Khi cô giảng bài *Nhớ Rừng*, Thảo mới nhận ra tại sao ông lại hay đọc bài này. Thì ra ông cũng bị giam cầm như con thú kia. Tuy căn nhà nơi xứ người không rào cản, nhưng bốn bức tường ấy tự bao năm đã giam cầm ông. Thảo đâu hiểu người ông yêu thương của mình đã chết lần chết mòn trên cái xứ sở tự do này. Ông đã âm thầm chịu đựng để cho con cháu khỏi phải lo. Ông đang sống trong quá khứ. Ông nhớ đến những ngày tháng tung hoành đây đó của mình. Một ông tướng oai hùng của năm xưa nay phải ở nhà trông cháu, hoàn toàn lệ thuộc vào con. Ông ơi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

Tập Nói Chuyện

1. Tại sao Thảo lại khóc?
2. Tại sao Thảo nghĩ căn nhà ở nước Mỹ là tù giam của ông Hào?
3. Ông của Thảo đã sống như thế nào trong những năm cuối đời?

Tập Viết Văn

Viết một đoạn văn ngắn và kể những lý do khiến ông của Thảo không còn được sống như ngày xưa.

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

Ode: Intimations of Immortality...

...What though the radiance which was once so bright
Be now for ever taken from my sight,
Though nothing can bring back the hour
Of splendour in the grass, of glory in the flower;
We will grieve not, rather find
Strength in what remains behind...

William Wordsworth

Cuốn phim “*Splendor in the Grass*” vừa chấm dứt. Nathalie và Tuấn trầm ngâm nhớ lại đoạn cuối của phim trong đó cặp tình nhân xưa vừa gặp lại nhau, và họ ngậm ngùi cùng nhau ôn lại chút dĩ vãng qua đi. Hình ảnh cuối cùng cô đọng lại trong trí Tuấn và Nathalie là dòng chữ hiện lên trên màn hình

“We will grieve not, rather find
Strength in what remains behind...”

trong khi nhân vật nữ mơ màng nhìn xa xăm.



- Nathalie:** Anh Tuấn, bài thơ này hay quá. Hình như nó cũng nói về hoài niệm như bài *Nhớ Rừng* phải không anh?
- Tuấn:** Về một khía cạnh thì đúng, nhưng em hiểu gì qua câu “*splendor in the grass, glory in the flower*”?
- Nathalie:** Có phải tác giả muốn nói đến thời kỳ hoa mộng nhất trong đời người không? Và có lẽ đó là thời thanh xuân, thời mà tâm tư có nhiều lý tưởng sôi nổi, tâm tình có nhiều lãng mạn, mộng mơ và con tim với niềm rung động của lần đầu biết yêu.
- Tuấn:** Em cảm nhận thơ của Wordsworth một cách nồng nàn quá. Vậy em nghĩ sao khi so sánh nó với bài thơ *Nhớ Rừng* của Thế Lữ?
- Nathalie:** Trong cả hai bài, tác giả đưa ta về không gian và thời gian của hoài niệm. Một bên là nỗi nhớ miên man về một thuở tung hoành đã mất:
“Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng”,
 cũng như về một mảnh rừng hoang vu đầy bí mật:
“Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già.”
 Còn bên kia? Wordsworth tìm về thời tuổi trẻ đầy hoa mộng, lúc mắt trong xanh nhìn đời với nhiều hy vọng chứa chan. Màu xanh non của ngọn cỏ, nét đài các rực rỡ của một đoá hoa, tất cả như lung linh trong tâm hồn rộng mở.
- Tuấn:** Thế nhưng nếu sự nuối tiếc trong bài *Nhớ Rừng* có phần da diết và mãnh liệt thì trong bài *Ode: Intimations of Immortality* nó chỉ mang tính cách ngậm ngùi.
- Nathalie:** Phải, vì nỗi nhớ và niềm luyến tiếc trong *Nhớ Rừng* là nỗi nhớ khôn nguôi xuất phát từ một tâm hồn tuyệt vọng, không cơ hội tìm về chốn xưa.
- Tuấn:** Trong khi thơ của Wordsworth cho ta thấy một niềm hy vọng vào tương lai, có phải không? Chỉ cần gác lại quá khứ, không đau khổ nuối tiếc, là ta tìm lại được niềm vui mặc dù nó không giống điều ta mơ ước lúc còn thanh xuân.
- Nathalie:** Vậy em thuộc về niềm vui nào của anh? Niềm hạnh phúc trong *Splendor in the Grass* hay niềm vui trong hiện tại?
- Tuấn:** Em là cả hai, được không?
- Nathalie:** Anh chỉ giỏi nịnh em thôi.

Bài tập 14

Chọn câu trả lời đúng nhất.

- Theo Wordsworth, câu “*the hour of splendour in the grass*” gợi ý gì?
 - Tuổi trẻ hoa mộng.
 - Thời gian qua nhanh.
 - Nét đẹp của thảm cỏ.
 - Nét đẹp rực rỡ của cô gái.

2. Wordsworth khuyên ta điều gì?
 - a. Nên hoạt động giúp đời.
 - b. Không buồn tiếc quá khứ.
 - c. Ôn lại dĩ vãng.
 - d. Tìm về chốn cũ.
3. Câu nào dưới đây phù hợp với đại ý bài thơ này?
 - a. “Chơi xuân kéo hết xuân đi. Cái già xồng xộc nó thì theo sau.”
 - b. “Đừng nuối tiếc dĩ vãng vàng son mà hãy lo xây dựng tương lai.”
 - c. “Tìm em như thể tìm chim, chim bay bể Bắc, ta tìm bể Đông.”
 - d. “Hãy quẳng gánh lo đi và vui sống.”
4. Bài *Nhớ Rừng* và bài *Ode: Intimations of Immortality* cùng nói về gì?
 - a. Niềm thống khổ trong quá khứ.
 - b. Phút trùng phùng của đôi tình nhân.
 - c. Niềm hạnh phúc trong hiện tại.
 - d. Hoài niệm.
5. So với thơ của Wordsworth, điều gì trong thơ Thế Lữ được cảm nhận sâu xa hơn?
 - a. Sự an lạc của tâm hồn.
 - b. Sự ngậm ngùi trước cảnh vật thiên nhiên.
 - c. Niềm luyến tiếc trước những mất mát.
 - d. Sự nuối tiếc thời thanh xuân.
6. So với thơ của Thế Lữ, điều gì trong thơ của Wordsworth được nhắc nhở nhiều hơn?
 - a. Cái đẹp thời tuổi trẻ.
 - b. Sự màu nhiệm của thời gian.
 - c. Giá trị của quyền lực.
 - d. Sự hùng vĩ của thiên nhiên.
7. Tại sao thơ của Wordsworth có tính cách lạc quan hơn thơ của Thế Lữ?
 - a. Vì ông chỉ đề cập đến cái đẹp và vui.
 - b. Vì ông không chán nản trước cuộc đời.
 - c. Vì thơ Thế Lữ yêu đời và trong sáng.
 - d. Vì thơ Thế Lữ quá ủy mị và bi quan.

Tục Ngữ và Ca Dao

1. Rừng nào cọp nấy.
2. Có vào hang cọp mới bắt được cọp con.
(Bắt nhập hổ huyết, bắt đắc hổ tử.)
3. Thả hổ về rừng.
4. Ngồi trên lưng cọp phải cưỡi cọp.
5. Hùm giết người hùm ngủ,
Người giết người thức đủ năm canh.



6. Dường hồ di hoạ.
7. Đừng dại vuốt râu hùm.
8. Ký cốp cho cốp nó xơi.
9. Hang cốp ai dám thò tay,
Chuột nào lại dám cắn dây cột mèo.
10. Cốp chết để da, người ta chết để tiếng.

Bài Đọc Thêm

Ký Cốp Cho Cốp

Ngày xưa ngày xưa, thời mà loài vật đều biết nói, tại một khu rừng lau, một con cốp gặp một con cáo. Hai con nói chuyện thân nhau lắm, bàn đủ mọi chuyện trên côi đời này, sau đó bàn đến chuyện hùn hạp làm ăn với nhau và đồng ý rằng:

Cốp thì đi bắt heo, cáo thì kiếm gà, tất cả đều để chung một chỗ và ăn chung với nhau. Cáo ta cứ tưởng bở, cho rằng: heo thì bự, được nhiều, tha hồ mà ăn lâu, còn gà thì bé tí ti, thế là hợp tác với cốp là mình một vốn bốn lời rồi. Cáo ta nghèo mà ham lắm! Trong khi cốp lười chầy nước ra, còn nằm dài trên cỏ mà ngáp, mắt thì lim dim, lơ lơ ngái ngủ, thì cáo đã dựa hơi hùm, lon ton chạy kiếm mồi trước.

Vừa ra khỏi quãng rừng thưa, cáo bắt chợt thấy một con chim điều hâu đang vật lộn với một con gà rừng bự quá cỡ, cáo ta chớp thời cơ, tóm được cả hai, hí hửng ba chân bốn cẳng, tha về dâng lên cốp, cứ tưởng phen này cốp sẽ ban khen thì lấy làm thích chí lắm. Chim điều hâu thấy cốp bèn dùng lời đường mật ton hót, để xin tha mạng sống, mà rằng:

- “Xin ông chúa của rừng xanh tha mạng sống cho con, rồi con xin bắt gà về cúng nạp đủ số cho ông.”

- “Ta lấy lượng khoan hồng mà tha cho”, cốp nói thế, “nhưng cả mày và thằng cáo kia mỗi thằng phải nộp đủ bảy con gà rừng, không tao xé xác cả đôi nghe chưa, nghe rõ chưa!”

Điều hâu vâng dạ rồi rít, gục mỏ lui ra, cáo ta bấm gan bấm ruột vâng lời, cụp đuôi cong lưng theo gót.

Chú điều hâu nhát gan như thỏ đế, chú cáo già gian manh quỷ quyết đành chịu thua. Hằng tháng phải nộp đủ số cho cốp mới mong toàn mạng, cho nên tục ngữ Việt Nam có câu:

“Ký cốp cho cốp nó ăn.”



Hoàng Lê

Cọp Khánh Hoà ở Việt Nam



Tỉnh Khánh Hoà nhiều núi, ít bình nguyên, dãy Trường Sơn lấn ra tới biển Đông khiến cho đất đai bị phân chia thành nhiều phần nhỏ, ngăn cách bởi các đèo cao. Rừng rậm trùng điệp làm hang ổ cho các loài thú dữ, nhất là cọp.

Thuở xưa, dân chúng theo bước chân của các Chúa Nguyễn trong bước đường Nam Tiến. Họ định cư khắp các vùng đất hoang vu mà người Chăm đã bỏ hoang hằng bao thế kỷ. Dùng máu xương biến đổi đất đai khô cằn để trồng tía lầy lương thực nhưng nghề chính vẫn là ngư

nghiệp. Cuộc sống vất vả cam go vì các thôn xóm trong tỉnh Khánh Hoà đều giáp núi và rừng rậm nên thường bị nạn heo rừng, voi, chồn, khỉ kéo tới phá hoại mùa màng, và dữ dằn nhất vẫn là nạn cọp từng bầy kéo tới bắt gia súc và người để ăn thịt.

Tục ngữ “Cọp Khánh Hoà” xuất phát từ đó vì tỉnh Khánh Hoà có quá nhiều cọp tại Vạn Giã, Tu Bông, Đại Lãnh vào tới quận Ninh Hoà. Theo Quách Tấn thì sở dĩ cọp ở Khánh Hoà nổi danh vì cọp ở đây quá nhiều, nhất là tại vùng núi Phú Như (Ô Gà), trên quốc lộ 1, cách quận lý Ninh Hoà về phía Bắc chừng 3 cây số.

Nạn hổ đe dọa đời sống đồng bào kinh khiếp. Tại Hòn Hèo, cọp thường kéo cả bầy tới phá phách các thôn xóm ở Ninh Tịnh, Ninh Yểm khiến cho dân chúng phải bỏ xóm làng đến ở trên Đảo Găng cách đất liền một con lạch để tránh cọp. Nơi này là làng Mỹ Giang hiện nay.

Thật ra cọp ở Khánh Hoà đâu có nhiều và tàn bạo bằng cọp ở các nơi khác trong nước, nhất là cọp Thủy Ba (Quảng Trị) và cọp Nam Phần. Cọp Khánh Hoà tuy nhiều và dữ cũng chỉ bắt bò heo hay người nhưng tại Thủy Ba (Vĩnh Linh - Quảng Trị) vì đất nghèo khô cằn, sỏi đá, hiếm hoi trâu bò, heo dê và thú rừng nên cọp đói quá phải tìm người để ăn. Do nạn hổ hoành hành mà dân chúng tại đây đã phát sinh ra nghề bắt cọp và tiếng tăm của làng vào tới kinh đô Huế khiến cho triều đình nhà Nguyễn ra lệnh cho tráng đinh ở đây vào Thừa Thiên bắt cọp để tổ chức các trận quyết đấu giữa Voi và Cọp ở “Hổ Quyền”.

Tại Nam Phần, cọp cũng nhiều và hoành hành dữ dội. Theo tài liệu từ *Đất Gia Định xưa, Đại Nam Nhất Thống Chí* và *Lục Tỉnh Nam Việt* thì vào thế kỷ 17, 18 cọp ở Nam Phần nhiều không kể xiết. Chúng sống tập trung ở miệt U Minh, các khu rừng lau sậy, ở gần các cửa sông Tiền, Hậu, Vàm Cỏ và ngay tại các vùng đất đã được đồng bào Việt khai hoang tại Sài Gòn, Bến Tre, Vĩnh Long, v.v...

Vì cọp quá nhiều và dữ dằn nên hầu hết các gia đình người Việt đến khai hoang lập nghiệp ở Nam Phần đều có người bị cọp ăn thịt. Nhiều địa danh ở miền Nam mang tên cọp như Đồn Cọp (chợ Lách Bến Tre), Rạch Ông Hổ (Long Hưng, Mỹ Tho), Rạch Gầm (Mỹ Tho).

Để chống lại nạn hổ hoành hành, người Việt ở Nam Phần cũng tổ chức các cuộc săn bắn gồm có đánh bẫy, đuổi giết. Nhiều truyền thuyết về các võ sĩ nổi danh đánh cọp tại Quảng Nam, Quảng Ngãi, Khánh Hoà, và một số vùng thuộc Nam Phần. Nhiều tổ chức trong làng xóm được lập ra để đối phó với cọp. Tại Thanh Phú thì dân chúng chuyên đánh bẫy cọp. Vùng Bà Điểm,

Học Môn ngày xưa có nhiều cạp, người ta phải dùng tỏi để thoa mũi trâu, bò, ngựa để không ngửi thấy mùi cạp; trâu, bò, ngựa mới dám kéo xe qua vùng này.

Điều oái oăm là cạp đã phá phách, tàn sát con người, bây giờ con người lại là nguyên nhân mang tai họa diệt chủng cho chúng. Đối với con người, cạp là nguồn dự trữ của nhiều loại thuốc quý và tất cả các bộ phận của cạp đều được người Trung Hoa dùng: xương cạp nấu cao hồ cốt, ria cạp dùng làm thuốc độc, mắt cạp được biến chế thành thuốc viên trị bệnh thần kinh, co giật. Riêng da cạp đã thành món hàng xa xỉ thời nay.

Bình Nguyên Lộc (1914 - 1987)



Tên thật là Tô Văn Tuấn, sinh ngày 7 tháng 3 năm 1914 làng Tân Uyên, tỉnh Đồng Nai. Bút hiệu Bình Nguyên Lộc của ông là do chữ Đồng Nai mà ra (Đồng: Bình Nguyên. Nai: Lộc; theo chữ Hán). Ông đã viết hàng trăm tác phẩm gồm có truyện ngắn, truyện dài, biên khảo. Ông di cư sang Hoa Kỳ năm 1985 và mất năm 1987 tại Sacramento, California. Ông mất đi để lại nhiều tác phẩm giá trị như: *Nhốt Gió*, *Đò Dọc*, *Ký Thác*, *Cuồng Rún Chưa Lìa*, *Nguồn Gốc Mãi Lai của Dân Tộc Việt Nam*, v.v... Riêng tập *Ký Thác* có hai truyện được dịch ra tiếng ngoại quốc: *Rừng Mắm* và *Ba Con Cáo*. Truyện ngắn *Ba Con Cáo* đã đoạt giải nhất truyện ngắn quốc tế ở Manila, Phi Luật Tân.

Giới thiệu tác phẩm

Rừng Mắm là một tác phẩm nói về cuộc sống và tâm tư của những người miền Nam đi khai hoang. Cộc và bố mẹ, dưới sự chỉ huy của ông nội, từ Sa Đéc di cư xuống rừng U Minh để lập nghiệp. Nơi nước mặn đồng chua, họ phá rừng làm rẫy. Họ thiếu mọi phương tiện. Vất vả suốt ngày nhưng vẫn không đủ gạo ăn, phải ăn cá, rùa, rắn, v.v...

Cộc là thanh niên đang lớn, thiếu nhu cầu về vật chất và tình cảm, nên thường than vãn và muốn bỏ đi nơi khác. Ông nội giảng cho Cộc nghe về lòng hy sinh. Ông đã so sánh rừng mắm với những người khốn khổ tiền phong. Ông đã đưa Cộc ra biển và chỉ cho Cộc thấy nhiệm vụ của rừng mắm và rừng tràm. “*Phù sa là đất mềm lùn và không bao giờ thành đất thịt được để ta hưởng, nếu không có rừng mắm mọc trên đó cho chắc đất. Một khi cây mắm ngã rạp. Giống tràm lại nổi ngôi mắm. Rồi sau mấy đời tràm, đất sẽ thuần, cây ăn trái mới mọc được.*” Cũng giống như tổ tiên chúng ta “*Họ đã ngã rạp trong chốn ma thiêng nước độc này để lót đường cho con cháu họ đi tới.*”

Rừng Mắm



I

Chim đang bay lượn bỗng đứng khựng lại, khiến thằng Cộc thích chí hết sức. Nó theo dõi con chim thầy bói ấy từ này đến giờ, chờ đợi cái phút này đây.

Thật là huyền diệu, sự đứng yên được một chỗ trên không trung, trông như là chim ai treo phơi khô ngoài sân nhà.

Chim thầy bói nghiêng đầu dòm xuống mặt **rạch** giầy lát rồi như bị đứt dây treo, nó rơi xuống nước mau lẹ như một hòn đá nặng. Vừa đụng nước nó lại bắn tung trở lên như một cục cao-su bị tung, mỏ ngậm một con cá nhỏ.

Cộc ngửa mặt trở lên trời để theo ông câu kỳ dị và tài tình ấy nữa, nhưng mắt nó bị ngọn dừa nước bên kia bờ nước níu lại.

Trên một tàu dừa nước, một con **chim thẳng chài** xanh như da trời trưa tháng giêng, đang yên lặng và **bền chí** rình cá.

Trong thế giới bùn lầy mà thằng Cộc đang sống, ai cũng là ông câu cả, từ ông nội nó cho đến những con sinh vật nhỏ mọn quy tụ quanh các ngọn nước.

Màu xanh của chim thẳng chài đẹp không có màu xanh nào sánh kịp. Sự bền chí của nó cũng chỉ có sự bền chí của các lão cò sào nào là ngang vai thôi, cái bền chí nhìn rất dễ mê, nhưng mê nhứt là mũi tên xanh bắn xuống nước nhanh như chớp, mỗi khi thẳng chài trông thấy con mồi.

Thằng Cộc là một đứa bé bạc tình. Một đàn cò lông bông bay qua đó, đủ làm cho nó quên thằng chài ngay. Là vì đầu cò chom chồm những cọng lông bông, nhắc nhở nó những kếp vô **hát bội** gắn lông trĩ trên **mão kim khôi** mà nó đã mê cách đây năm năm, hồi gia quyến nó còn ở trên làng.

Hồi ấy nó sướng lắm. Quanh nhà nó, có hàng trăm nhà khác, có vườn cây trái, có nước ngọt quanh năm, có trẻ con để nó làm bạn, để nó đùa giỡn với.

Nhưng không hiểu sao một hôm **tía** nó bán chiếc chòi lá đi, rồi ông nội nó, tía nó, má nó và nó, một đứa bé mười tuổi, kéo nhau xuống một chiếc xuồng cui, một thứ xuồng to mà người ta gọi là xuồng mẹ, ghe con, rồi họ đi lang thang từ rạch hoang vắng này đến kinh hiu quạnh nọ, và rồi cuộc dừng bước nơi **cái xó** không người này mà ông nội nó đặt tên là xóm Ô Heo.

Nghĩ đến những năm cũ, thằng Cộc bỗng nghe thèm người vô cùng, thèm còn hơn thèm một trái xoài ngọt, một trái khế chua mà từ năm năm nay nó không được nếm.

Những người di cư năm nọ trên chiếc xuồng cui, vẫn còn sống đủ cả. Những chiều nghi ngút sương từ đất lầy bốc lên, và những đêm mưa gào gió hú, những người ấy thường kể chuyện cho Cộc nghe, những chuyện đời xưa đẹp như một mái lá, hoặc những chuyện ma, rờn ớn như ăn phải trái **bần** chua. Nhưng đầu sao, Cộc cũng thích người khác hơn, cũng như nó thích vườn tược sâm uất hơn cảnh rừng **tràm** tối mịt hoặc cảnh đồng không bát ngát ở đây. Ở đây, cho đến tiếng chó sủa, tiếng gà gáy nó cũng không nghe từ lâu. Con chó săn và mấy con gà giống mang theo đã ngã lăn đùng ra mà chết ngay trong tháng mới tới. Thằng Cộc ngạc nhiên mà thấy sao người vẫn không chết trong khí hậu tàn ác này: nóng, ẩm, còn muỗi mòng thì quơ tay một cái là nắm được cả một nắm đầy.

Chưa bao giờ mong mỏi của Cộc được thoả mãn mau lẹ như hôm nay. Nó vừa thèm người thì tiếng hò của ai bỗng vẳng lên trong rừng tràm, rồi tiếp theo đó là tiếng chèo khua nước.

“Hò ơ... tháng ba cơm gói ra hòn,

Muốn ăn trứng nhạn phải lòn hang mai.”

Mũi xuồng cui ló ra khỏi khúc quanh của con rạch, và trên xuồng, chồng chèo lái, vợ ngồi không trước mũi mà hò. Cặp vợ chồng này Cộc quen mặt mấy năm nay, nhưng không biết họ từ đâu đến. Nó chỉ biết họ ra biển để bắt cua và **ba khía**, một năm mấy kỳ. Nghe tiếng người lạ nói, nhứt là nghe hát, Cộc sướng như có lần tía nó cho nó ăn một cục đường từ nơi xa mang về.

Thà là không được ăn, chớ còn ăn một chút xíu thì cái vị của món ăn còn chọc thềm hơn bao giờ cả. Nên chỉ Cộc nhìn xuồng chèo khuất dạng thì xây lưng tức khắc để chạy lên Ô Heo.

Trộn vùng này, ông nội nó đã đặt tên là Ô Heo. Nhưng riêng trong gia quyến nó thì Ô Heo chánh hiệu là một cái gò xa ở tận trên kia, cách mé rạch đến hai dặm hú.

Số là hồi trước, ngày đầu tới đây, ông nội nó với tía nó đi kiếm đồ ăn trong rừng, đã gặp nơi đó một ổ heo rừng.

Cả ổ heo đều bị sát hại hôm đó và **việc canh tác** của **gia quyến** nó về sau này đã đuổi thú dữ đi xa. Tuy nhiên, để phòng chúng trở về, ông nội nó đã cắm nó lên Ô Heo một mình.

Thằng Cộc lại thích lên đó, ban đầu chỉ vì Ô Heo có sức quyến rũ của một trái cấm. Nhưng về sau, nó đã gặp người nơi đó.

Đó là vài người đồn ông và đồn bà, nói là ở xa lắm, cách đó một ngày đường sông. Đồn ông thì đến để **gác quốc**, gác nhận sen, còn đồn bà thì để nhỏ bòn bòn về làm dưa bán.

Đó là những người bạn bí mật của nó, nó giữ kín không cho nhà nó biết. Họ hay kể chuyện xóm làng, chuyện đám cưới, đám ma, đám hát, đám cúng đình, tóm lại tất cả sanh hoạt của làng mạc mà từ lâu Cộc không thấy và ngậm ngùi tưởng đến như nhớ những kỷ niệm xa xôi.

Cộc chạy qua khỏi ruộng nhà, và đứng lại nghỉ mệt. Nó mệt lắm vì nó chạy dưới nước và dưới bùn mặc dầu lúa đã đến mùa gặt.

Năm xưa, gia quyến nó đến đây vào cuối tháng giêng, sau khi cúng **ông vải** xong ở quê cũ.

Ông nội nó với tía nó đốt rừng tràm từ ngoài bờ rạch. Gió thổi vô rừng và lửa, như con vật khổng lồ, đã tấp một cái vào khối thịt xanh um của biển rừng tràm này. Thành ra ruộng nhà của nó mang một hình tròn kỳ dị, không tròn đều đặn vì không ai chỉ huy được sự cháy rất là rắn mắt của ngọn lửa.

Cộc nhìn ruộng mình một hồi rồi cười khan lên. Đám rừng bị khoét một lỗ để làm ruộng, trông như đầu tóc trẻ con được mẹ cạo, nhưng mới cạo có một mảng thì có chuyện gấp, bỏ dở công việc, đứa trẻ bị chúng bạn chế nhạo là đầu chó tấp.

Lúa ruộng chín, cây lúa cao quá, ngã rạp xuống để lòi trăm ngàn gốc tràm lên, trông như ai đóng cọc để cất nhà sàn; năm xưa đốt rừng nhưng không đủ sức đánh những gốc tràm tươi rói không cháy được này, tía thằng Cộc đành cây lúa giữa những gốc ấy, mãi cho đến ngày nay mà gốc vẫn chưa mục. Tía nó nói mười năm nữa tràm chết cũng vẫn còn đưa cẳng lên như vậy.

Sau lưng Cộc là những rặng tràm bị cháy sém dưới trận lửa **khai hoang**, không chết ngay, nhưng “chết nhất”, cứ mỗi năm chết lần mòn thêm vài mươi cây. Mấy hàng tràm đầu nám đen và trụi nhánh như cột nhà cháy, cắm hận nhìn chiếc chòi lá xa tí mù dưới mé rạch đang chứa chấp kẻ thù đã lẩn đất của chúng, đã sát hại chúng.

Sau đó rừng tràm dày mật, **chằng chịt** những dây bông bong, dây choại bò từ thân cây này sang thân cây khác.

II

Thằng Cộc lảng tai nhưng không nghe tiếng động nào cả. Nó đánh bạo chen qua những **cây bình bát**, cây rần, mọc xen với tràm, để đi tới đích.

Một ổ chồn cộc bỗng chạy qua trước mặt nó khua lên một cái roạch, làm nó giật mình, nhưng tiếng người trên Ô Heo cách đó chừng hai hàng cây giúp nó **vững dạ**.

Tiếng đòn bà hỏi:

- Anh hồng sợ thằng Mùi hay sao?

Tiếng đòn ông đáp:

- Thằng Mùi thì qua cho một loi là nhào hớt.

Cộc vẹt cổ, lá, đi mau đến đó và khi nó chun ra khỏi khối xanh thì hai người có mặt trên gò Ô Heo sợ hãi ngồi dang xa ra. Người đòn ông gác quốc là người quen, người đòn bà nhỏ bòn bòn thì lạ hoắc. Chị này trẻ đẹp hơn tất cả những chị nó quen biết từ lâu.

Người đòn ông **trần tỉnh** lại ngay, ngoắc nó lại mà hỏi:

- Muốn về trên hay không Cộc? Muốn thì đi theo chị hai mày đây, chỉ có một đứa em gái ngộ lắm.

Trong khi thằng Cộc **mắc cỡ tía tai** thì chị đòn bà hỏi anh kia:

- Ở miệt này có người sao anh?

- Chỉ có một nhà thôi. Mới tới đây chừng năm năm.

- Quen hay lạ?

- Lạ. Họ ở trên Sa Đéc lặn.

Chị đòn bà an lòng, vui lại được và nói với Cộc để mua lòng kẻ đã bắt chọt việc thăm lén của chị:

- Em của chị không bao giờ chịu về làm dâu một chỗ như vậy. Em có muốn thì phải ở rể thôi.

Rồi hai người lớn **cười ngất nghéo** với nhau.

Thằng Cộc mới mười lăm, nhưng cao lớn gần bằng người đồn ông kia. Minh trần của nó nổi u nổi nần những bắp thịt rắn như nắn bằng đất sét gắn vào đó rồi nung cho đen và cứng.

Sự nảy nở của thân thể nó đi song đôi với sự trưởng thành của đời sống sinh lý bên trong của nó. Năm nay nó đã bắt đầu băng khuâng mỗi khi chiều xuống, mặt trời đốt cháy đỏ đầu rừng tràm **trầm thủy** trước nhà. Nhưng sống cô đơn ở đây, nó không biết chuyện trai gái như vậy là xấu đến mức nào và phải có thái độ làm sao nên bối rối lắm.

Chị đồn bà nắm tay nó, **rì** nó ngồi xuống bên cạnh chị, vỗ lên đầu nó rồi dỗ ngọt:

- Chị không ăn thịt em rể chị đâu mà sợ. Mày mà về trên làm ruộng thì ai cũng ưa. Làm rể có công ba năm thì má chị gả con Thôi cho mày liền. Nói thiệt đó mà.

- Nó muốn trốn để theo qua dữ lắm, người đồn ông nói, nhưng nó còn ngại.

- Ngại gì?

- Thì lo sợ cái việc xa xôi, đất lạ đó mà.

- Em nè, chị đồn bà lại hỏi, nhà có mấy người?

- Bốn người.

- Ai với ai?

- Ông nội tôi, tía tôi, má tôi, với tôi.

- Làm mấy công đất?

- Hồi đó bốn công, bây giờ mười công.

- Gặt được mấy gia mỗi mùa?

- Tám gia.

Chị đồn bà cười ngất một hơi rồi day lại hỏi **nhơn tình**:

- Trời ơi, ruộng gì mà mười công đất chỉ gặt được có tám gia thôi?

Người đồn ông không cười, đáp:

- Đất nước mặn nào mới khai hoang cũng như vậy hết.

- Rồi lấy gì mà ăn, em nhỏ?

- Tía tôi đi đổi lúa thêm, ở đâu không biết, xa lắm.

- Đổi bằng gì?

- Bằng cá khô. Với lại nhiều khi ăn rùa, ăn rắn trừ cơm. Ở đây rùa nhiều như kiến. Đốt rừng rồi đón trên đầu gió một cái là chúng nó lạch cạch chạy trốn, bắt không kịp lặn.

Chị đồn bà tỏ vẻ ái ngại một hơi rồi nói:

- Nãy giờ chị nói chơi đó. Nhưng biết được tình cảnh của em, chị thật bụng thấy là em cần đi theo chị hoặc theo anh đây cũng được.

Chị ta với tay ra sau lưng lấy bầu nước ngọt, mở nút ra rồi ngược mặt lên trời, rót nước vào miệng. Chị nuốt ừng ực vài cái rồi nói:

- Em có được ăn chè lần nào không?

- Không, từ năm năm nay rồi. Cách đây một ngày đường không có nhà cửa ai cả, không có quán, tiệm gì hết. Với lại cũng không có tiền.

- Ở Sa Đéc sao lại không vô Tháp Mười mà nhè xuống U Minh này?

- Tui cũng không biết tại sao? Ở Tháp Mười dễ chịu hơn hả?

- Chị cũng không biết. Chỉ biết đất hoang ở Tháp Mười gần quê cũ của em hơn. Quê em ở gần Cao Lãnh hay không?

- Gần.

- Em có nhớ xoài Cao Lãnh hôn?

- Tui lạy chị, đừng có nhắc chè, nhắc xoài nữa tui thêm muốn chết đi. Năm năm nay, tui không có biết món ngọt là gì. Mấy cây chuối trồng sau nhà cũng chết queo vì đất còn mặn quá. Năm nay một cây trổ buồng, chắc tui sẽ được ăn ngọt đây. Ủi chà! Trưa rồi chắc tới bữa cơm, thôi tui về nha anh chị!

- Ủ, về, mai mốt lại lên đây nữa nha?

- Xuồng anh chị ở đâu?

- Dưới kia. Nhổ bồn bồn ở dưới ấy, nhưng lên đây cho khô ráo để ăn cơm trưa mà! Em Cộc nè, em của chị ngộ lắm, trắng lắm nghe không?

Chuối cười của hai người nhơn tình ấy đuổi theo sau lưng Cộc khiến cho nó trong giây phút không muốn về nhà nữa.

III

Ra khỏi rừng trầm râm mát, mắt Cộc bỗng dưng như **đỏ hào quang** trước ánh nắng tháng mười. Không khí bị đốt cháy đang rung rinh như nước xao, và nó tưởng chừng như mái lá nhà nó, đen thui dưới kia, sắp cháy đến nơi.

Thằng Cộc về tới nhà thì cơm trưa đã dọn xong:

- Mày đi đâu mà tới đứng bóng mới về? Má Cộc hỏi.

- Tui đi lượm lông chim lông-ô.

- Lông đâu?

- Mà kiếm hoài hông có.

- Mồ tổ cha mày, nhiều chuyện. Chim lông-ô đời xưa chớ đời nay đâu còn nữa. Mai gặt nghe không? Ăn cơm khuya rồi xuống đồng cho sớm, đừng đi đâu hết.

Cả nhà lặng lẽ ngồi quanh mâm cơm, không ai nói với ai lời nào. Những người này, sống **biệt tịch** ở đây lâu ngày rồi, đã biến thành **á khẩu** vì thói quen.

Riêng thằng Cộc, sự cần nói của tuổi thơ đang lên mạnh lắm, như cần chạy nhảy, cần ăn uống vậy. Câu chuyện hồi nãy trên gò Ô Heo khiến nó càng bắt mùi nói thêm, nên nín không được, nó hỏi ông nội nó:

- Nội nè, hồi mới tới, giữa mùa nắng, mình uống nước gì tui quên rồi?

Nó hỏi như vậy vì nó vừa nhìn ra cái giếng bên hè và nhớ ra là giếng đã ngọt nước hôm mùa nắng trước, mặc dầu đã được đào năm năm rồi.

- Uống nước đọng trên lưng, trên rừng chớ nước gì.

- Sao mình lại tới đây ông nội?

- Đã nói cho mày biết rồi. Trên xứ, mình không có ruộng, làm công khổ cả đời.

- Ở đây, mình có ruộng, nhưng cũng khổ cả đời.

Ông nội thằng Cộc làm thinh. Nó nhìn ông nội rồi chợt nhận ra năm nay ông cụ già quá. Tóc râu ông cụ đã trắng bông. Nhớ ra ông cụ thường than mình chết ngày nào không biết chừng, thường than mình nhớ mồ mả ông bà quá, nó bùi ngùi thương ông, nên dòm ra sân để quên.

Bấy giờ bóng bốn nồi rau đã tròn vành, chỉ rằng thật đúng Ngọ. Bốn cái nồi bể ấy, hèn thế mà rất nhiều công dụng đối với gia đình nó.

Để tránh nước mặn tràn bờ ngập sân, tía nó đã đóng mười hai cây cọc, làm thành bốn cái giá ba chơn treo như giá trồng của bọn đồn thổi đám ma. Trên mỗi giá đặt một cái nồi lũng đất, và trong nồi để đầy đất mà tía nó mang từ xa về. Đất ở đây mặn chát không dùng được. Hành, ớt, rau răm, **rau mồng om** được trồng trong mấy vườn cao cạnh đó. Đó là bốn thứ tối cần, đất mặn bao nhiêu cũng phải lập thế mà trồng cho được không thôi không có món gia vị nào để ăn cá nữa.

Bốn miếng vườn cao căng và tí hon lại là chiếc đồng hồ của nhà này vào mùa khô. Cứ xem bề dài của bóng giá là tính giờ được ngay và khi bóng nổi tròn vum che mất bóng giá là đúng Ngọ ngay bon.

Nhìn ra sân một hơi, nhai nuốt hết cơm, nó day vô hỏi tía nó:

- Năm nay mình gặt cỡ bao nhiêu tía?

- Nhờ ông bà, đất nước, được hăm lăm gạ là ít lắm.

- Cũng chưa đủ ăn.

- Đủ gì mà đủ, má nó nói, nhà mình phải ăn trăm rưởi là số chót.

- Với lại, tía thằng Cộc trở vào câu chuyện, tại lúa năng Cùm thất gạo lắm. Năm tới tao gieo giống Tầm Vuột chắc được gạo hơn nhiều. Năm nay hề chuối trở buồng là năm tới tao trồng sả, trồng ổi được rồi đó.

Cả nhà đều hơn hờ trước dự định tương lai tốt đẹp kia. Nhưng thằng Cộc chưa thấy gì là **sáng lạn** cả. Trồng ổi cũng phải lâu mới có trái, trong khi đó, nó tiếp tục thềm chè, thềm xung xa, nhớ đám cúng đình, nhớ hát bội và bị một hình ảnh mới quyến rũ, hình ảnh của con Thôi, chắc là giống hệt chị nhỏ bòn bòn, tức là có duyên lắm.

Con trai làng thấy con gái rất thương, thế mà họ còn thềm lén rủ nhau đi một ngày đường nước đề ra đây gặp nhau, hưởng hồ gì là nó chưa được nói chuyện với con gái lần nào hết. Những đứa con gái bạn của nó cách đây năm năm, nó nhớ lại là không có gì quyến rũ cả. Đứa nào cũng cạo trọc chừa bánh bèo phía sau và giữa chiếc bánh bèo mọc ra một chòm đuôi dài trông đen buồn cười.

Nhưng mà con gái lớn phải khác. Cộc chưa thấy con gái lớn, nhưng tin chắc như vậy. Có một linh cảm gì, ở đâu từ **kiếp tiền thân** của nó bay lại và giúp cho nó biết như vậy.

Những cô con gái lớn chưa thấy hình ấy, mà đã có tiếng kêu được, chúng âm thầm gọi Cộc, tiếng gọi như vắng vắng đâu trong không trung.

Thần thờ, thằng Cộc nói lại câu hỏi này và giận dữ thêm một đoạn khiến ông nội nó giật mình, chống đũa mà **nhìn** nó **trừng trừng**:

- Ở đây mình có ruộng, nhưng cũng khổ cả đời. Tui muốn đi quá, đi đâu cũng được, miễn là ở đó có làng xóm, có người ta.

Thằng Cộc thích mấy cây nọc nạng lắm. Bó lúa nào gác lên đó cũng nằm yên cả chứ không chực rớt xuống nước ruộng như những bó lúa gác lên đầu nọc thường.

Đó là những gốc trầm mà cháng hai chẻ ra rất thấp. Khi đồn trầm cháy, tía thằng Cộc đã trù xa, đồn ở trên cháng hai ấy độ một gang rưởi, nên bây giờ họ mới có nọc nạng rất tiện mà dùng gác lúa.

Ông nội thằng Cộc chống xuống trên ruộng, len lỏi qua mấy gốc trầm. Ông ghé từng gốc để cho lúa xuống xuống.

Đủ thứ là cò: cò mạ, cò lông bông, **cò quắm**, **cò hương**, thân mật nhìn gia đình bốn người gặt lúa nhà. Đây là bốn người độc nhất mà chúng thấy mỗi ngày ở vùng hoang vắng này; ban đầu chúng sợ hãi họ, nhưng về sau thấy họ hiền từ quá, chúng làm quen với họ đã được ba bốn thế hệ cò rồi.

Má thằng Cộc lội sinh tới đầu gối, và lội nước gần tới háng nhưng vui vẻ hơn ngày nào hết.

Bà ta tăng hắng rồi cất tiếng hò:

“Hò ơ... Tiếng anh ăn học lâu thông

Lại đây em hỏi khăn lông mấy đường.”

Hò xong câu đó ấy, bà lắng đợi chồng bà hò đáp. Nhưng tía thằng Cộc cứ làm thỉnh mà gặt, khiến bà đâm ngượng nên cười rồi cự chồng cho đỡ mắc cỡ:

- Tía nó sao cầm cái miệng, không bắt vậy!

- Hừ, nhiều chuyện nà! Già rồi mà còn hò với hát, bắt với ghẹo. Bộ còn trai gái gì đó sao!

Vì vui kết quả của cần cù nên má thằng Cộc quên rằng bà ta đã quá mùa hò rồi. Tía nó nhắc lại bà ta mới chợt nhận ra. Tuy nhiên bà vẫn ngậm ngùi nhớ cái thú vui ấy thuở bà còn con gái và ngay bây giờ đây tóc đã nhuốm hoa râm rồi, bà cũng có thể hưởng được nếu còn ở làng, hưởng bằng cách khuyến khích bọn trai trẻ hò đối đáp với nhau.

Thằng Cộc thì xôn xao trong lòng, nhớ lại lời chị nhỏ bồn bồn bảo nó mà về làng làm ruộng thì ai cũng ưa. Ừ nó sẽ hò đối đáp với con Thôi. Chắc! mà nó phải nhờ má nó dạy hò mới được. Nó có nghe hò lần nào đâu để mà thuộc giọng và biết câu.

Đến chiều thì xong xuôi cả. Ông nội thằng Cộc chống xuồng lúa ra bờ rạch, còn tía, má nó và nó thì lội nước sinh mà về bộ.

Đập lúa và phơi phong mất hết mười ngày. Trong những ngày buồn tẻ phẳng lì giữa cảnh bùn lầy nước đọng ấy, thằng Cộc nao nức muốn về làng.

“Lại đây em hỏi khăn lông mấy đường!”

Câu hò của má nó **ám ảnh** nó từ hôm gặt đến nay. Nếu con Thôi mà hỏi đố nó câu ấy chắc nó phải ngậm cầm, cho dầu được phép trả lời bằng văn xuôi.

Khăn lông là vật dụng mà nó quên rồi thì còn biết là mấy đường để đáp cho thông. Từ lâu nó chỉ có một chiếc **quần xà lỏn** trên người, mùa nắng cháy như mùa mưa lạnh. Đêm khuya nhờ **nóp** che thân cho đỡ bị muỗi đốt và gió cắt da.

Những món đồ cần dùng của thế giới văn minh ấy cũng thuộc vào những thứ gọi thêm như là bánh trôi nước, bánh ít trần và mái tóc của con Thôi.

IV

Hôm ấy **dùng bồ** cho con cháu đổ lúa khô vào, ông nội thằng Cộc long trọng nói:

- Ngày mai ra biển.

Không ai hỏi ra biển để làm gì hết. Thằng Cộc cũng làm thỉnh, trái với mọi ngày mà nó hỏi không kịp đáp.

Con rạch Ô Heo trước nhà, nếu có đi trên ấy thì phải về ngọn, nó nghĩ như vậy, đi về ngọn để rẽ qua những kinh rạch khác mà tìm làng mạc sầm uất, chớ xuôi dòng ra biển thì còn nghĩa lý gì nữa chứ?

Nó chưa được ra biển lần nào cả và mấy năm trước đây nó muốn theo ghe của bọn bắt cua đi một chuyến lắm, mà không được phép đi.

Chuyến đi đầu đến một chân trời lạ mà ông nội nó vừa cho biết, không làm cho nó phần khởi chút nào cả.

Ông nội nói tiếp, dặn mẹ nó:

- Con mẹ Trùm, ngày mai phải dậy khuya nấu cơm. Tao đi với thằng Trùm và thằng Cộc, đi thật sớm để gặp con nước lớn ngay tại cửa và về cho tiện.

Rạch Ô Heo nhỏ xíu cho nên tràm ở hai bên bờ giao nhánh với nhau được, và phủ kín cả mặt nước.

Rạch tối om, đi như đi trong hang. Bây giờ thằng Cộc mới hiểu thấu nghĩa hai tiếng “hang mai” trong câu hát của bọn đi bắt ba khía.

Những nơi ánh nắng lọt vào được thì hai bên bờ, **ô rô** và cóc kèn mọc đầy.

Nước ròng chảy xiết, xuồng trôi bon bon, tuy vậy, ông nội và tía cũng chèo cẩn thận để mau tới, hầu về kịp nội buổi chiều đó.

Gần tới trưa, xuồng không đi mau nữa.

- Nước đứng rồi, ông nội nói, tức là gần tới cửa rồi.

Họ nghỉ chèo, để xuồng trôi linh đình, không tiến cũng chẳng lùi, rồi lấy com dĩa trong mo ra ăn.

Không đi thời thôi, đã trót đi, và lúc gần đến đích thẳng Cộc nghe thích thấy biển coi ra sao. Nó và com hỏi hã rồi hỏi:

- Ra đó làm gì ông nội?

- Rồi mày sẽ biết.

Họ ăn com xong thì nước bắt đầu lớn. Họ chèo nước ngược cho đến quá đứng bóng thì đến một nơi mà ông nội tuyên bố rằng đó là biển.

Thẳng Cộc ngạc nhiên lắm mà không thấy biển đâu cả. Con rạch tiếp đi xa ra ngoài kia, ngoài một chỗ xa tít mù khơi, hai bên bờ rạch cây vẫn mọc xanh um và ở đầu ngoài kia, hai hàng rào cây như đứt khúc, đâm vào một tấm vách tường xanh như da trời.

- Biển ở đâu, ông nội? Cộc hỏi.

- Đẳng xa kia, xanh xanh đó.

- Sao không ra ngoài, ông nội?

- Không cần.

Tía thẳng Cộc chèo mũi, rút sào cặm xuống bùn, theo lệnh của ông nội nó.

Ông nội gọi Cộc lại gần rồi hỏi:

- Con có thấy gì khác lạ không?

- Không, ông nội à!

- Không thấy? Cây ở đây không khác cây sau lưng mình à?

- À!... phải rồi.

Cộc nhìn lại thì quả như lời ông nội nó nói. Nơi đây, đất đã hết, mà chỉ có bùn, tràm mọc tới mé đất cuối cùng thì dừng lại, như là dân ở biên giới một nước kia dừng lại nơi bìa lãnh thổ mình.

Hết tràm thì có một khoảng trống nửa bùn nửa đất, trên ấy cỏ ống mọc rậm ri và chim cao cẳng đủ loại đáp đầy trong cỏ.

Tràm đứng trước bãi cỏ mà nhìn dân lảng giềng mọc trên bùn đen. Đó là những cây ồm nom, chen nhau mà vượt lên cao, cây này cách cây kia không đầy bốn gang tay.

Bờ biển **thoai thoải** dốc xuống, trông rừng cây lạ ấy như một **đạo binh** xuống núi, tuôn tràn từ trên cao xuống mé biển ngoài xa.

Xa, xa lắm, có những cây mọc lẻ tẻ như những tên **lính xung phong** mau bước tiến tới để hãm thành lập công.

- Nhìn xuống gốc cây! Ông nội bảo.

Nước chưa lớn hẳn, để lộ bùn đen dưới gốc cây ra. Bùn đen từng nơi lại trắng xoá những đoá hoa năm cánh, hai màu đối chọi trông rất đẹp.

- Cây gì mà lạ vậy ông nội? Trỏ bông ngay dưới gốc?

- Bông trỏ trên đầu những cái rễ ăn lên mà người ta gọi là rễ gió. Cây này là cây mắm, đây là rừng mắm đây.

- Cây mắm? Sao tui không nghe nói đến cây ấy bao giờ?

- Con không nghe, vì cây ấy không dùng được để làm gì cả, cho đến làm củi chụm cũng không được.

- Vậy chớ trời sanh nó ra làm chi mà vô ích dữ vậy ông nội, lại sanh **hằng hà sa số** như là cỏ ấy.

- Bờ biển này mỗi năm được phù sa bồi thêm cho rộng ra hàng mấy ngàn thước. Phù sa là đất bùn mềm lùn và không bao giờ thành đất thịt được để ta hưởng, nếu không có rừng mắm mọc

trên đó cho chắc đất. Một khi kia mầm sẽ ngã rạp. Giống trầm lại nổi ngòi nó. Rồi sau mấy đời trầm, đất **thuần**, cây ăn trái mới mọc được.

Thấy thằng cháu nội ngơ ngác chưa hiểu, ông cụ vịn vai nó mà tiếp:

- Ông với lại tía con là cây mầm, chon giẫm trong bùn. Đời con là đời trầm, chon vẫn còn lấm bùn chút ít, nhưng đất đã gần thuần rồi. Con cháu của con sẽ là xoài, mít, dừa, cau.

Đời mầm tuy vô ích, nhưng không uổng, như là lính ngoài mặt trận vậy mà. Họ ngã gục cho kẻ khác là con cháu họ hưởng.

Con, con sắp được hưởng rồi, sao lại muốn bỏ mà đi. Vả lại con không thích hi sinh chút ít cho con cháu của con hưởng sao?

Thằng Cộc nhìn lại ông nội nó và thương không biết bao nhiêu, ông già đã bỏ mồ, bỏ mả ông cha để hi hục năm năm trong đồng chua, nước mặn ở Ô Heo.

Phải, cứ theo dự đoán của gia đình thì nó sắp được hưởng tuy không nhiều, mà rồi sẽ nhiều.

Nó nắm chặt tay ông nội nó và thấy ông nội nó giỏi quá. Ông có biết chữ Nho kia mà.

- Ông ôi, nó than, nhưng trầm buồn quá!

- Trầm sẽ khỏi buồn nữa. Năm tới, đất thuần, ta làm ba mươi công, và sẽ gọi dân cấy gặt ở xa tới để **phụ lực**. Rồi tía con sẽ cưới vợ cho con, rồi thiên hạ sẽ bắt chước tràn tới đây mà phá rừng, vùng Ô Heo sẽ sầm uất, vui biết bao nhiêu.

Trầm hết buồn vì sẽ đẻ ra cau, dừa, xoài, quít, đầy nhà, nước sẽ ngọt một khi đất thuần...

- Và sẽ có chè ăn?

Ông nội cười ha hả mà rằng:

- Gì chứ chè thì sẽ có lu bù.

- Mà ông nội nè, cưới vợ làm sao được, ai thèm về Ô Heo!

- Hai năm nữa người ta sẽ đồn đất Ô Heo thuần... Những kẻ nghèo khó như ta chỉ mong được tới đây.

Ông nói điều này, không biết con hiểu được hay không. Là tổ tiên ta ngày xưa từ miền Trung tràn vào đây đều chịu số phận làm cây mầm cả, từ xứ Đồng Nai nước ngọt tới đây, ở đâu cũng hoang vu cả.

Họ đã ngã rạp trong chốn **ma thiêng nước độc** này để lót đường cho con cháu họ đi tới, y như là đàn kiến xung phong, tốp đầu liều chết đuối lội qua tô nước rộng hũ đường để làm cầu cho bạn đi sau vào đến nơi có chất ngọt.

Tất cả mấy lớp **tiên phuông** đầu tiên đều ngã gục như rừng mầm rồi ông sơ ông cố con, ông nội đây là trầm mới kiếm được miếng ăn...

- Tía!

Thằng Cộc lo lắng không biết tía nó sẽ làm trầm như nó được hay không và kêu tía nó bằng một giọng thương yêu triu mến hết sức.

- Thôi nhờ sào đi về cho kịp con nước, ông nội ra lệnh.

Ông nội vui vẻ quá, ông bỗng nhớ lại những câu hò của thế hệ người tiên phuông đi khai thác đất hoang ở miền Nam, mà ngày nay thế hệ trầm không hát nữa. Ông cất giọng khàn khàn lên:

“Hò... ơ Ròng châu ngoài Huế,
Ngựa tể Đồng Nai,
Nước sông trong sao cứ chảy hoài,
Thương người xa xứ lạc loài đến đây.”

(Trích trong tập truyện ngắn Ký Thác của Bình Nguyên Lộc)

TỪ VỰNG

1. (cây) mắm	(dt.):	cây mọc ở vùng đầm lầy, ven biển	<i>mangrove tree</i>	(n.)
2. rạch	(dt.):	ngòi dẫn nước vào ruộng	<i>small canal</i>	(n.)
3. chim thẳng chài	(dt.):	chim bói cá; loài chim lông xanh biếc, mỏ dài, thường lượn trên mặt nước, thấy cá thì bổ nhào xuống bắt	<i>kingfisher</i>	(n.)
4. bền chí	(trt.):	kiên nhẫn, dù khó khăn cũng không nản, không lùi, không nao núng	<i>patiently, perseveringly</i>	(adv.)
5. hát bội (hát bộ)	(dt.):	một loại hát tuồng; khi diễn vừa hát vừa làm điệu bộ	<i>Vietnamese classical drama</i>	(n.)
6. mão kim khôi	(dt.):	mũ trận thời xưa bằng kim loại mạ vàng	<i>gold-plated hat</i>	(n.)
7. tía	(dt.):	danh từ của người Mã Lai, từ địa phương gọi cha của người dân quê miền Nam	<i>father</i>	(n.)
8. cái xó	(dt.):	chỗ khuất, ít có người lui tới	<i>out-of-the-way, corner</i>	(n.)
9. (cây) bần	(dt.):	loài cây ở vùng nước lợ, có rễ mọc nhô lên khỏi mặt bùn	<i>mangrove</i>	(n.)
10. (cây) tràm	(dt.):	cây to, lá có mùi thơm dùng để cất tinh dầu	<i>melaleuca tree/ cajeput tree</i>	(n.)
11. ba khía	(dt.):	thứ cua nhỏ ở miền Nam	<i>kind of crab</i>	(n.)
12. gia quyến	(dt.):	người thân thuộc trong nhà	<i>family, relatives</i>	(n.)
13. việc canh tác	(dt.):	trồng trọt	<i>cultivation, farming</i>	(n.)
14. gác	(đt.):	canh giữ	<i>to guard, keep watch over</i>	(v.)
15. quốc	(dt.):	loài chim nhỏ giống con gà, sống ở các bụi bờ, về mùa hè hay kêu “cuốc cuốc”	<i>moorhen</i>	(n.)

16. ông vải	(dt.):	tổ tiên được con cháu thờ	<i>ancestors</i>	(n.)
17. khai hoang	(đt.):	biến vùng đất hoang thành ruộng đất có thể trồng trọt được	<i>to cultivate virgin soil, to use waste land for farming</i>	(v.)
18. chằng chịt	(tt.):	đan vào nhau, không phân biệt được đầu mối	<i>entangled</i>	(adj.)
19. cây bình bát	(dt.):	loài cây thuộc họ na, măng cầu	<i>anona asiatica, custard apple</i>	(n.)
20. vững dạ	(tt.):	tự tin ở mình, không nao núng	<i>self-confident</i>	(adj.)
21. trầm thủy	(đt.):	chìm một phần xuống dưới nước	<i>to sink in the water</i>	(v.)
22. trấn tĩnh	(đt.):	giữ thái độ bình tĩnh trước một biến động	<i>to keep calm</i>	(v.)
23. mắc cỡ tía tai	(tính ngữ):	xấu hổ đến đỏ cả mặt, cả tai	<i>red ear, shy, bashful</i>	(phrasal adj.)
24. cười ngặt nghẽo	(động ngữ):	cười ngả nghiêng cả người	<i>to laugh in an uncontrollable way</i>	(phrasal v.)
25. rị (xuống)	(đt.):	kéo xuống, lôi xuống	<i>to pull down</i>	(v.)
26. nhơn tình	(dt.):	tình nhân; người tình	<i>lover</i>	(n.)
27. (mắt) đỏ hào quang	(động ngữ):	(mắt) thấy nhiều đốm sáng khi bị chói nắng	<i>to see stars</i>	(phrasal v.)
28. biệt tịch	(tt.):	tách biệt, riêng một mình	<i>alone, separated from society</i>	(adj.)
29. á khẩu	(tt.):	tạm thời không nói được	<i>temporarily unable to talk</i>	(adj.)
30. rau mô om	(dt.):	rau ngò om; loài rau cùng họ với cúc, mọc dưới nước hoặc trên cạn, lá dài không cuống, có mùi thơm hắc, thường dùng để nấu canh chua	<i>rice paddy herb</i>	(n.)
31. sáng lạn	(tt.):	rực rỡ; huy hoàng	<i>glaring, bright</i>	(adj.)

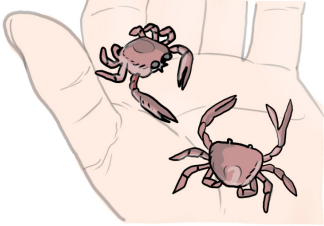
32. kiếp tiền thân	(dt.):	tiền kiếp, kiếp trước	<i>previous life</i>	(n.)
33. thần thờ	(tt.):	ngẩn ngơ như mất tinh thần	<i>dumbfounded, bewildered, dazed</i>	(adj.)
34. nhìn trừng trừng	(động ngữ):	trùng mắt nhìn, mắt nhìn thẳng không chớp, tỏ vẻ bức mình	<i>to grimly stare at</i>	(phrasal v.)
35. cò quắm	(dt.):	loại cò mỏ dài quặm xuống	<i>ibis</i>	(n.)
36. cò hương	(dt.):	loại cò thân nhỏ, có lông xám	<i>small heron with gray feather</i>	(n.)
37. ám ảnh	(đt.):	luôn lớn vồn trong trí óc, khiến cho phải suy nghĩ, không yên tâm	<i>to obsess, to haunt</i>	(v.)
38. quần xà lỏn	(dt.):	quần đùi; loại quần ống ngắn đến nửa đùi	<i>shorts</i>	(n.)
39. ô rô	(dt.):	loài cây nhỏ cùng họ với cây dâu, cành mọc chằng chịt	<i>holly</i>	(n.)
40. thoải thoải	(tt.):	hơi dốc xuống	<i>sloping</i>	(adj.)
41. đạo binh	(dt.):	đoàn quân	<i>a troop of soldiers</i>	(n.)
42. hằng hà sa số	(trt.):	nhiều vô kể	<i>innumerably</i>	(adv.)
43. thuần	(tt.):	quen, (đất) trồng trọt được	<i>arable (land)</i>	(adj.)
44. phụ lực	(đt.):	thêm sức vào, giúp đỡ	<i>to help, assist</i>	(v.)
45. ma thiêng nước độc	(tính ngữ):	(nơi) dễ sinh ra bệnh tật, khó sinh sống	<i>unhealthful, unsafe, hazardous</i>	(phrasal adj.)
46. tiên phong	(dt.):	người đi tiên phong, đi trước để dẫn đường	<i>pioneer</i>	(n.)
47. lính xung phong	(dt.):	quân tiên phong, người dẫn đầu	<i>vanguard</i>	(n.)
48. nóp	(dt.):	bao lớn làm bằng cói	<i>big bag makes of reed and is used as a sleeping bag</i>	(n.)

49. **dùng bồ**

(động ngữ): làm bồ (chứa lúa) bằng cách dùng phen cót quay quanh lại

make a cylinder basket by circling bamboo lattice

(phrasal v.)

		
cây mắm	chim thẳng chài (bói cá)	ba khía

Bài tập 1

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **cây mắm, bần, trưởng thành, chim thẳng chài, thoải thoải, hát bội, chằng chịt, hăng hà sa số, ba khía, rạch.**

1. Trái _____ có vị chua.
2. Con đường _____ xuống bờ sông.
3. Người ta trồng _____ để chống đất sụt ven biển.
4. Cộc còn nhỏ tuổi nhưng cơ thể phát triển như một người _____.
5. _____ có cặp mắt rất tinh.
6. Phần lớn người miền Nam thích ăn mắm _____.
7. _____ chim đang tụ tập trên cánh đồng.
8. Vì cây cối _____ nên đi vào rừng rất khó.
9. Chị ấy là một diễn viên xuất sắc trong đoàn _____.
10. Dân quê khơi _____ lấy nước làm mùa.

Bài tập 2

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **phụ lực, ông vãi, trùng trùng, xó, á khẩu, biệt tịch, á khẩu, ba khía, trái bần, cò quắm, cò hương, thoải thoải, đạo bình.**

1. Lợi như bị _____ khi nghe Lài cất tiếng chào.
2. May có mấy anh thanh niên _____ nên công việc mới hoàn thành sớm được.
3. Một miếng giữa làng bằng một sàng _____ bép.
4. Tết đến sau lưng, _____ thì mừng, con cháu thì lo.
5. Lão lừ mắt, nhìn _____ vào mặt nó.
6. Bờ biển _____ dốc xuống, trông rừng cây lạ ấy như một _____ xuống núi, tuôn hãm thành hâu lập công.
7. Nó chỉ biết ra biển để bắt cua và bắt _____, một năm mấy kỳ.
8. Đủ thứ là cò: cò ma, cò lông bông, _____, _____, thân mật nhìn gia đình bốn người gặt lúa nhà.
9. Những người này, sống _____ ở đây lâu ngày rồi, đã gần biến thành _____ vì thói quen.

10. Những chiều nghi ngút sương mù từ đất lầy bốc lên, và những đêm mưa gào gió hú, những người ấy kể chuyện cho Cộc nghe, những chuyện ma, rợn ớn như ăn phải _____ chua.

Bài tập 3

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **thuần, gia quyến, ông vải, quần xà lỏn, chim thẳng chài, bền chí, cười ngặt nghẽo, cây bình bát, gác quốc, rau mồng om, ma thiêng nước độc, rừng tràm, đồ hào quang.**

1. Trên một tàu dừa nước, một con _____ xanh như da trời trưa tháng giêng, đang yên lặng và _____ rình cá.
2. Năm xưa, _____ nó đến đây vào cuối tháng giêng, sau khi cúng _____ xong ở quê cũ.
3. Rồi hai người lớn _____ với nhau.
4. Từ lâu, nó chỉ có một chiếc _____ trên người, mùa nắng cháy như mùa mưa lạnh.
5. Đồi con là tràm, chơn vẫn còn lấm bùn chút ít, nhưng đất đã gần _____ rồi.
6. Ra khỏi _____ râm mát, mắt Cộc bỗng dựng như _____ trước ánh nắng tháng mười.
7. Họ đã ngã rạp trong chôn _____ này để lót đường cho con cháu họ đi tới.
8. Nó đánh bạo chen qua những _____, cây ráng, mọc xen với tràm, để đi tới đích.
9. Hành, ớt, rau răm, _____, được trồng trong mấy cái vườn cao cạnh đó.
10. Đàn ông thì đến để _____, gác nhận sen, còn đàn bà thì để nhỏ bòn bòn về làm dưa bán.

Bài tập 4

Dùng những cụm từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **ở hai bên bờ, dưới đám lá dày đặc, ở rừng U-Minh, trong chôn ma thiêng nước độc, của bọn bắt cua.**

1. Đời sống của những người dân _____ rất cực khổ.
2. Những kẻ tiền phong đã ngã gục _____ để lót đường cho con cháu họ đi tới.
3. Mấy năm trước đây, Cộc muốn theo ghe _____ để đi một chuyến mà không được phép đi.
4. Tràm mọc _____ giao nhánh với nhau được và phủ kín cả mặt nước.
5. Những đàn rùa _____ khi bị nóng thì bò ra.

Bài tập 5

Ghép mỗi từ ở cột A với định nghĩa thích hợp ở cột B.

- | A | B |
|---------------|--|
| 1. huyền diệu | a. người thân thuộc trong nhà |
| 2. di cư | b. lợi ích mang lại khi sử dụng |
| 3. gia quyến | c. nhiệm màu |
| 4. bực tình | d. dời bỏ chỗ ở để đến một nơi khác |
| 5. công dụng | e. không chung thủy, phản bội trong tình yêu |

Bài tập 6

Tìm từ đồng nghĩa với những từ sau đây:

- | | | |
|-------------|---|-------|
| 1. mong mỏi | = | _____ |
| 2. canh tác | = | _____ |
| 3. bền chí | = | _____ |
| 4. sầu não | = | _____ |
| 5. tía | = | _____ |
| 6. bối rối | = | _____ |
| 7. quỵến rũ | = | _____ |

Bài tập 7

Đặt câu với mỗi từ sau đây:

- | | |
|-------------------|---------------|
| 1. thích chí | 6. ám ảnh |
| 2. khuất dạng | 7. bền chí |
| 3. canh tác | 8. mong mỏi |
| 4. mắc cỡ tía tai | 9. khai hoang |
| 5. bùi ngùi | 10. trấn tĩnh |

Phân Tích

A. Văn thể: Văn xuôi

B. Giọng văn: Lời cuốn

C. Bối cảnh: Rừng U-Minh ở miền Nam Việt Nam

D. Nhân vật: Cộc và gia đình gồm ông nội và bố mẹ.

E. Chủ đề: Việc khẩn hoang ở miền Nam Việt Nam

G. Bố cục: Có thể chia ra làm 4 phần.

Phần 1: “Chim đang bay lượn ... thân cây khác.”

- Nỗi khổ cực của những người khẩn hoang lúc mới đến vùng ma thiêng nước độc.

Phần 2: “Thằng Cộc lẳng tai ... không muốn về nhà nữa.”

- Những thèm khát, ước ao của Cộc.

Phần 3: “Ra khỏi rừng tràm ... của con Thôi.”

- Cộc tìm hiểu vì sao mà cả gia đình phải xuống nơi khổ ho cò gáy này.

Phần 4: “Hôm ấy, dừng bỏ ... đến đây.”

- Ông nội Cộc giảng giải về sự hy sinh cho các thế hệ mai sau.

H. Đại ý: Mọi người phải biết hy sinh cho thế hệ mai sau.

Ngữ Pháp

Câu Kép

Câu kép là câu gồm có hai hay nhiều mệnh đề độc lập được nối với nhau bằng liên từ hay nằm cách nhau bởi các dấu phẩy.

1. “Cộc chạy qua khỏi rừng nhà **và** đứng lại nghỉ mệt.”
2. “Thằng Cộc mới mười lăm, **nhưng** cao lớn gần bằng người đàn ông kia.”
3. Em nói anh nghe, hoặc anh nói em nghe, nhưng đôi ta đừng cùng nói để hàng xóm nghe.

Bài tập 8

Tìm câu kép trong các câu sau đây:

1. Cộc nhìn ruộng mình một hồi rồi cười khan lên.
2. Nó muốn trốn theo qua đừ lằm nhưng nó còn ngại.
3. Mày mà về trên làm ruộng thì ai cũng ưa.
4. Ở đây mình có ruộng nhưng cũng khổ cả đời.
5. Cả nhà đều hớn hở trước dự định tương lai tốt đẹp kia.

Bài tập 9

Tìm ba câu dùng phép nhân cách hoá trong truyện.

Độc Hiểu

Trả lời các câu hỏi trong bài tập 10, 11, 12 và 13 bằng câu đầy đủ.

Bài tập 10

Phần I. Việc khẩn hoang ở rừng tràm.

1. Những loại chim nào được nói đến trong rừng mắ?
2. Gia đình Cộc định cư ở rừng mắ hay rừng tràm?
3. Cộc thích sống ở làng xóm cũ hay ở nơi mới?
4. Cộc thèm gì?
5. Cho biết đoạn văn tả sự thèm khát được nghe tiếng người của Cộc.
6. Sự khó khăn trong cuộc sống của Cộc là gì?
7. Tại sao Ô Heo lại có sức quyến rũ của một trái cấm?
8. Tại sao bị cấm mà Cộc vẫn thích lên Ô Heo?
9. Kể ra phương pháp khai hoang ở trong truyện *Rừng Mắ*.

Bài tập 11

Phần II. Nhu cầu của tuổi trẻ.

1. Điều gì cho thấy Cộc đã ở tuổi dậy thì?
2. Nói về tục lệ ở rể của nông dân Việt Nam.
3. Nguồn lương thực chính của gia đình Cộc là gì?
4. Chị đàn bà thuyết phục Cộc theo chị bằng cách nào?
5. Sau khi chuyện trò với cặp nhân tình ở Ô Heo, tâm tư của Cộc như thế nào?
6. Tại sao cặp nhân tình muốn bắt chuyện với Cộc?

Bài tập 12

Phần III. Quan niệm về cuộc đời của thế hệ già và thế hệ trẻ.

1. Điều nào cho thấy Cộc là đứa trẻ không được đi học?
2. Trong bữa cơm, cả nhà ngồi lặng lẽ không ai nói gì? Tại sao?
3. Cộc khác với người lớn ở những điểm nào?
4. Hồi mới tới giữa mùa nắng, nguồn nước uống của gia đình Cộc ở đâu?
5. Tại sao Cộc nói “*ở đây mình có ruộng nhưng cũng khổ cả đời*”?
6. Họ trồng rau thơm bằng cách nào?
7. Điều nào cho thấy Cộc là một đứa trẻ biết suy nghĩ, có thể giáo dục được?
8. Tại sao cả nhà hớn hờ trước tương lai, mà Cộc lại chẳng thấy gì xán lạn?
9. Tại sao Cộc hỏi: “*Năm nay mình gặt cỡ được bao nhiêu tía?*”
10. Vì sao ông nội chống đũa nhìn Cộc trừng trừng khi nghe nói: “*Tui muốn đi quá, đi đâu cũng được, miễn ở đó có làng xóm, có người ta.*”

Bài tập 13

Phần IV. Chuyển đi biển: phương pháp giáo dục thực tế - Bài học về lòng hy sinh.

1. Tại sao Cộc không phấn khởi với chuyến đi biển đầu tiên?
2. Tả sơ lược về cây mắm.
3. Công dụng của cây mắm là gì?
4. Ước vọng tương lai của ông nội là gì?
5. Ông nội tự ví ông với cây gì?
6. Tác giả đã tả chỗ con rạch giao tiếp với biển như thế nào?
7. Ông nội đưa Cộc ra biển để làm gì?
8. Từ “trầm” trong câu “*Ông ơi, nó than, nhưng trầm buồn quá.*” Có nghĩa là gì?
9. Sau khi hiểu vấn đề, thái độ của Cộc như thế nào?
10. Em nghĩ gì hay biết thêm điều gì sau khi đọc truyện *Rừng Mắm*?

Bài tập 14

Đúng hay sai. Viết chữ **Đ** vào câu đúng; viết chữ **S** vào câu sai.

1. Đ S Nguyên quán của Cộc ở Sa Đéc.
2. Đ S Gia đình Cộc đến định cư ở Đồng Tháp.
3. Đ S Rừng U Minh có nhiều loại chim, cá, rùa, rắn.
4. Đ S Cộc rất thích lên Ô Heo chơi mặc dù ông nội cấm.
5. Đ S Gia đình Cộc khai hoang bằng cách đốt rừng.
6. Đ S Từ “chết nhất” tác giả dùng để tả những cây tràm bị cháy sém có nghĩa là nhất gan.
7. Đ S Gia đình Cộc đã đến Ô Heo được mười năm.
8. Đ S Sau khi nói chuyện với hai người từ xa tới, Cộc không muốn về nhà nữa.
9. Đ S Gia đình Cộc đào giếng nhưng phải hơn bốn năm mới có nước ngọt.
10. Đ S Cả nhà vui vì đất đã bắt đầu thuận khiến Cộc cũng vui lây.
11. Đ S Ông nội đưa Cộc ra biển để nghỉ ngơi, sau khi gặt lúa xong.
12. Đ S Cộc rất phấn khởi trong chuyến đi biển đầu tiên.
13. Đ S Họ đi thật sớm để nước thủy triều (con nước) đưa thuyền đi và về.
14. Đ S Đến trưa thì thủy triều lên (nước lớn).
15. Đ S Tía thằng Cộc cắm sào ở rừng mắm.
16. Đ S Tràm mọc ở đất còn mắm mọc ở bùn.
17. Đ S Cây mắm có hoa trắng năm cánh mọc ở ngọn.
18. Đ S Cây mắm chỉ dùng làm củi.
19. Đ S Nhờ cây mắm, đất phù sa được giữ lại, chắc lại, rồi tràm sẽ lan tới.
20. Đ S Sau cùng, Cộc hiểu ra lý do ông nội nói tại sao phải sống nơi hoang vắng này và thương ông vô cùng.

Bài tập 15

Đọc *Rừng Mắm*, ghi ra năm đoạn mà em cho là quan trọng rồi đặt hai câu hỏi cho mỗi đoạn.

Thí dụ:

- Đoạn:** “Nghĩ đến những năm cũ, thằng Cộc bỗng nghe thèm người vô cùng.”
Câu hỏi: a. Nơi Cộc đang sống hoang vắng hay đông đúc?
b. Cộc ao ước gì?

Đoạn	Câu hỏi
1.	a. b.
2.	a. b.

3.	a. b.
4.	a. b.

Bài tập 16

Bổ dấu vào đoạn văn dưới đây cho đúng.

Nước chua lon lòn, đe lo bún đen dưới góc cây ra. Bún đen tung nôi lai trang xoa nhưng đoá hoa nam canh, hai màu đen trắng đối chọi nhau trong rất đẹp.

- Cây gì mà lá vậy ông nôi? Trơ bông ngay dưới góc?

- Bông trơ trên đầu nhưng cái re an lèn mà người ta gọi là re gio. Cây này là cây mam. Đây là rừng mam đây.

- Cây mam? Sao tui không nghe nói đến cây mam bao giờ?

- Con không nghe nói vì cây mam không dùng được để làm gì hết, cho đến làm củi chum cũng không được.

- Vậy cho trời sanh nó ra làm chi mà vô ích dù vậy ông nôi, lại sanh hàng ha sa so như là có ầy?

- Bờ biển này mỗi năm được phủ sa bồi thêm cho rộng ra hàng mấy ngàn thước. Phủ sa là đất bùn mềm lùn và không bao giờ thành đất thịt được để ta hương, nếu không có rừng mam mọc trên đó cho chắc đất. Một khi kia cây mam sẽ ngã rạp. Giòng trầm lại nôi ngồi mam. Rồi sau mấy đời trầm, đất sẽ thuận, cây ăn trái mỗi mọc được.

Thầy thàng cháu nói ngo ngạc chưa hiểu, ông cụ vịn vai nó mà tiếp:

- Ông vịn lại tia của con là cây mam, chôn giâm trong bún. Đời con là trầm, chôn vùi con làm bún chút ít, nhưng đất đã gạn thuận rồi. Con cháu của con sẽ là xoài, mít, dưa, cau.

Đời cây mam tuy vô ích, nhưng không uổng, như là linh ngoài mặt trần vậy mà. Họ ngả gục cho kẻ khác là con cháu của họ hương.

Bài tập 17

Bổ dấu vào đoạn văn dưới đây cho đúng.

Cả nhà lang lè ngồi quanh mâm cơm, không ai nói với ai lời nào. Nhưng người này, song biết tích ở đây lâu ngày rồi, đã gạn biến thành a khẩu vì thói quen.

Riêng thàng Cốc, sự cần nôi của tuổi thơ đang lên mạnh mẽ như cần chạy nhảy, cần ăn uống vậy. Câu chuyện hỏi này trên gò O-Heo khiến nó càng bắt mũi nôi thêm, nên nín không được, nó hỏi ông nôi nó:

- Nói nè, hỏi mỗi tôi, giữa mùa nắng, mình uống nước gì, tui quen rồi?

Nó hỏi như vậy vì nó nhìn ra cái giếng bên hè và nhớ ra là cái giếng đã ngọt nước hôm mùa nắng trước, mặc dầu đã được đào từ năm năm rồi.

- Uống nước đọng trên lưng, trên rừng, cho uống nước gì.

- Sao mình toi đay ong noi?
- Đa noi cho may biet roi. Tren xu, minh khong co ruong, lam cong kho ca doi.
- O đay, minh co ruong, nhung cung kho ca doi.

Tập Làm Văn

Thư Thuyết Phục

Thư mà trong đó bạn muốn người ta làm theo ý mình, nghe theo lời khuyên của mình được gọi là thư thuyết phục.

Thư thuyết phục không những cần thiết trong những lãnh vực thương mại, ngoại giao mà còn đóng vai trò rất quan trọng trong những khía cạnh khác của đời sống.

Những lời khuyên nhủ, thuyết phục, nếu được kết hợp với những lời cầu chúc, thăm hỏi, hoặc khen ngợi, thì thường có tác dụng mạnh mẽ hơn.

Đầu thư

1. Ngày tháng năm
2. Địa chỉ người nhận
3. Lời chào mở đầu
4. Phần giới thiệu (điều sẽ trình bày trong phần nội dung)

Lòng thư

1. Lý do của thư
2. Lời kêu gọi, yêu cầu
3. Dẫn chứng cụ thể

Cuối thư

1. Mong mọi sự chấp thuận, đồng ý
2. Lời cầu chúc
3. Chữ ký
4. Tên người gửi
5. Địa chỉ người gửi

Bài tập 18

Đọc thư thuyết phục của một bạn theo học lớp tiếng Việt và sửa lại các lỗi cần thiết.

Lớp tiếng việt rất là cần thiết cho đời sống của hiện nay. Theo em nghĩ thì đời sống ở nước Mỹ thì ngôn ngữ việt không được sử dụng nhiều cho lắm tại vì ngôn ngữ chính của nước này là tiếng anh.

Mỹ là một nước tiên tiến và có nền văn minh có nhiều sắc dân sống ở đây nhưng để giữ gìn nền nguồn gốc, văn hoá của mình rất khó khăn. Chẳng hạn như người Việt Nam là một thí dụ tiêu biểu. Người gốc Việt sinh ra và lớn lên tại Mỹ bị ảnh hưởng của nền văn hoá Mỹ, muốn gìn giữ nguồn gốc người nam cần phải có lớp Việt. Không mấy ai có thể sống ở Mỹ rồi có thể hiểu được nguồn gốc của mình. Chẳng hạn như em là người Việt Nam, em chỉ biết nói mà

không biết viết tiếng Việt. Nhưng em biết rằng bốn phần của em là giữ cái văn hoá đó. Bởi vì thế, em mới học tiếng Việt cho hai năm và có thể viết ra đoạn văn này.

Nếu các bạn hỏi tôi cảm giác như thế nào khi là một người Việt mà không hoàn toàn hiểu truyền thống hay là phong tục thì tôi sẽ nói là tôi cảm thấy rất là xấu hổ và ngại ngùng. Nhưng chính vì nhờ lớp Việt này đã nâng đỡ trình độ và mở mang trí tuệ của em về phong tục và văn hoá của Việt Nam vì lý do đó, em nghĩ lớp Việt rất là cần thiết cho hiện nay.

Bài tập 19

Đọc bài thuyết phục người khác ăn phở và sửa lại cho hay hơn.

Xin mời quý vị hãy vô tiệm độc nhất vô nhị của tôi. Bảo đảm một khi đã ăn qua tô phở do tôi nấu thì bạn sẽ muốn ăn mãi mãi và không muốn đi về. Đây là những điều tại sao bạn cần phải ăn chỗ của tôi.

Trước hết, chỗ của tôi sạch sẽ và luôn luôn phục vụ tối đa. Chẳng những thế đồ ăn thì tuyệt vời. Bún phở mềm mại như đậu hủ và cộng nào cũng dài như tơ lụa. Khi bỏ sợi bún vào miệng thì bạn mới biết được sự mềm mại cộng chung với sự dẻo dai của sợi bún. Đứng từ xa thì bạn cũng đã ngửi được chỗ thiên thần rồi. Về mặt giá tiền thì ôi thôi quá là rẻ. Một tô mà \$9.81 thì quá rẻ rồi đúng không quý vị?



Theo tôi biết thì cũng có nhiều tiệm phở đến tranh dành cái danh độc nhất vô nhị. Nhưng bạn hãy suy nghĩ cho kỹ trước khi vào tiệm khác tại vì đâu có ai thích móc túi tiền mình ra để ăn một tô phở tầm thường và dở ẹt. Chưa đưa bún vô miệng thì sợi bún đã gãy. Còn nước phở thì nhiều mỡ heo. Chẳng những bị cao máu mà còn bị mất tiền nữa mới là khổ mạng.

Hồi này giờ tôi quán cáo phở của tôi thì các bạn cũng thèm lắm rồi. Hay là vô tiệm phở của tôi chơi thử một tô chờ đỡ chán. Còn nếu chưa đủ đô thì vào ăn thêm cho đỡ ghiền. Nếu muốn nữa thì cứ tự nhiên mà vô ăn cho đến khi no hoặc hết tiền thì mới thôi.

Bài tập 20

Đọc bài thuyết phục người ta đến Mỹ du lịch và sửa lại cho hay hơn.

Mời bạn tới Mỹ về đây chơi. Tới đây cho biết Mỹ như thế nào. Về đây cho khoẻ và thoải mái.

Mỹ là chỗ rất đẹp. Bên Mỹ có nhiều cơ hội hơn bên Việt Nam. Ở Mỹ có nhiều trường học rất giỏi và có kỹ thuật học tốt hơn. Bên đây, trời rất đẹp! Không nóng quá và cũng không lạnh quá, (vừa). Trường học cũng có máy lạnh cho mùa hè và máy ấm cho mùa lạnh. Ở bên đây cũng không có nhiều khi và lưu thông tắc nghẽn giống như bên Việt Nam. Bên Mỹ có đầy đủ. Có rất nhiều đồ hay. Có nhiều chỗ đi; có nhiều đồ để làm. Đến đây một lần không bao giờ muốn trở lại về quê. So sánh Mỹ và Việt Nam, Mỹ là chỗ rất sung sướng.

Ở bên Việt Nam thì lại rất nóng và khó chịu. Đi trên đường rất nguy hiểm. Đi đâu cũng gặp nhiều lưu thông tắc nghẽn và khí. Không thoải mái giống như bên Mỹ. Lúc đi thì không hồi hận tại vì lúc đi một lần thì muốn đi nữa.

Nói Với Nhau

Cuối tháng, gia đình còn dư chút đỉnh nên ba mẹ đưa Tân đi mua sắm. Tân ở Mỹ đã hơn bảy tháng mà chưa được mua gì nên ba mẹ thấy tội nghiệp cho con. Tân thấy thương ba mẹ biết bao nhiêu; họ cặm cụi làm ngày làm đêm thế mà không bao giờ đủ xài. Tân không bao giờ đòi hỏi thứ gì nhưng nay thấy ba mẹ vui quá nên không muốn làm tắt đi cái niềm vui đó. Vậy mà, cái hạnh phúc nhỏ nhoi ấy cũng khó đạt với Tân trong những ngày đầu đến Mỹ.



Khi ba mẹ cầm chiếc áo thun trắng lên, lật qua lật lại kiểm bảng giá, cô bán hàng trạc tuổi Tân liếc nhìn bề ngoài lẹp xẹp của ba mẹ rồi chỉ đồng hàng “Sale” và bảo coi bên đó. Tân đỏ mặt, lớn tiếng nói với cô là mình sẽ mua chiếc áo thun kia. Cô chỉ trả lời vồn vện “What? I don’t understand your English”, rồi bỏ đi. Ba mẹ kéo Tân: “Thôi, qua chỗ khác mua.” Thấy ba mẹ nhin nhục, Tân vừa thương vừa tức: “Bán hàng gì mà khinh người quá! Để con nói chuyện với người quản lý cửa hàng.” Mẹ ôn tồn nói: “Thôi, nhin chút không sao đâu.” Tân cố nén giận: “Con sẽ ráng học để không ai dám khinh rẻ con.” Ba Tân nói: “Đúng vậy. Con vẫn còn phải học nhiều để theo kịp bạn bè. Vài năm nữa, con nói tiếng Anh khá hơn, có thể lên đại học. Lúc ra trường, con có việc làm tốt hơn ba mẹ bây giờ. Khi con có con, chúng nói giỏi tiếng Anh thì không ai có thể khinh khi. Nghĩ đến đời con cháu của mình, ba mẹ không ngại cực khổ chút nào.”

Tập Nói Chuyện

1. Vì sao Tân lại bực tức?
2. Ba mẹ Tân đi Mỹ vì ai? Tại sao?

Tập Làm Văn

Hãy tưởng tượng đời sống của Tân bốn năm sau. Viết một bài luận năm đoạn nói về cuộc sống tương lai của Tân.

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

Lam: Sao lúc này Tân hay ra vườn quá mẹ à? Con thấy nó giống ông cụ non ghê! Còn trẻ mà đã thích làm vườn.

Mẹ: Hình như em con đang tập ghép cây.

Lam: Tập ghép cây? Để làm gì hở mẹ?

Mẹ: Con ra mà hỏi em con.

...

Lam: Em đang làm gì đấy?

Tân: Em đang xem hai nhánh táo mà em ghép chúng có sống hay không.

Lam: Em đang làm thí nghiệm à?
Tân: Vâng, em thử trên nhiều nhánh rồi, mấy nhánh kia chết hết. Chỉ có nhánh này có vẻ tốt nhất.

Lam: Vườn mình có hai cây táo rồi, em muốn trồng thêm à?

Tân: Nhưng hai cây táo này khác nhau chị à. Một cây là táo Tàu, còn cây kia là táo Fuji. Em đang cố gắng ghép nhánh cây táo Tàu vào thân cây táo Fuji.



Lam: Như vậy, nếu em ghép thành công, trái táo do em trồng sẽ vừa ngọt vừa giòn như trái táo Tàu. Nó cũng sẽ lớn bằng trái táo Fuji, và có màu đỏ hồng đẹp hơn trái táo Fuji nữa.

Tân: Em hy vọng thế.

Lam: À, mà sao em nghĩ ra chuyện ghép cây này thế?

Tân: Em đọc truyện *Rừng Mắm* của Bình Nguyên Lộc, thấy ông cháu thằng Cộc đi khai hoang cực khổ để mở đường cho con cháu sau này. Em cảm phục họ quá. Em cũng muốn làm một việc gì có ý nghĩa.

Lam: Em chị giỏi quá! Nhưng ai dạy em ghép cây thế? Bày cho chị với!

Tân: Em học trên mạng chị à! Đầu tiên em dùng dao rạch một chữ T dài khoảng 1 inch rưỡi trên thân cây táo Fuji. Sau đó, em cắt theo chiều xéo một góc 45 độ một nhánh táo Tàu nằm gần nách lá. Rồi em uốn nhẹ nó để lấy đi lớp vỏ ngoài. Kế đến, em mở miệng chữ T trên cây táo Fuji theo chiều dọc để đặt vết cắt của nhánh táo Tàu vào đó. Em khép miệng chữ T lại, phần vỏ thừa thì em cắt bớt để miệng chữ T khép chặt và giữ nhánh táo Tàu trong đó. Sau cùng, em dùng băng keo dán chặt để cố định chúng. Em cũng phải giữ cho chỗ ghép khô ráo và tránh nắng nữa. Khi nhựa của cây táo Fuji có thể luân chuyển trong nhánh của cây táo Tàu và chồi trên nhánh táo Tàu xuất hiện là em thành công.

...

Tân: Hôm nay, em thấy cái chồi nhỏ này. Chị xem. Lần này em thành công rồi. Em sẽ tặng cây táo đặc biệt này cho ông nội làm quà sinh nhật thứ bảy mươi hai của ông.

Lam: Và em cũng là người đi tiên phong trong việc lai tạo một loại cây táo mới.

Hai chị em cùng cười.

Bài tập 21

Chọn câu trả lời đúng nhất.

1. Tân đang làm gì ngoài vườn?
 - a. Xem xét nhánh cây mà Tân ghép.
 - b. Làm cỏ với ông nội.
 - c. Cuốc đất phụ ba.
 - d. Trồng hoa với mẹ.

2. Tân đang ghép những cây gì với nhau?
 - a. Cây hồng trắng và hồng đỏ.
 - b. Cây táo Tàu và táo Fuji.
 - c. Cây quýt và cây cam.
 - d. Cây cam và cây bưởi.
3. Ý tưởng ghép cây của Tân bắt nguồn từ đâu?
 - a. Từ lời ước của ông nội.
 - b. Từ sự yêu cầu của bộ canh nông.
 - c. Từ truyện ngắn *Rừng Mắm*.
 - d. Từ truyện ngắn *Cây Huê Xà*.
4. Tân sử dụng phương pháp ghép hình gì?
 - a. Chữ H.
 - b. Chữ I.
 - c. Chữ T.
 - d. Cửa sổ.
5. Hình chữ T được Tân vạch trên thân cây táo Fuji dài khoảng bao nhiêu “inch”?
 - a. 1.
 - b. 1 “inch” rưỡi.
 - c. 2.
 - d. 3.
6. Nhánh táo Tàu được cắt xéo một góc bao nhiêu độ?
 - a. 75 độ.
 - b. 60 độ.
 - c. 45 độ.
 - d. 30 độ.
7. Để ghép cây, Tân sẽ
 - a. trồng nhánh táo Tàu dưới gốc cây táo Fuji.
 - b. trồng nhánh cây táo Fuji dưới gốc cây táo Tàu.
 - c. để vết cắt nhánh táo Tàu vào chữ T trên thân cây táo Fuji.
 - d. cắt hai nhánh táo và dán băng keo cho chúng liền nhau.
8. Sự xuất hiện chiếc chổi nhỏ trên nhánh cây táo Tàu cho biết
 - a. Tân thành công bước đầu trong việc ghép cây.
 - b. việc ghép cây của Tân thất bại.
 - c. Tân còn cần sự giúp đỡ của ông nội.
 - d. Tân cần lời khen của chị Lam.
9. Tân sẽ tặng cây táo ghép cho ai?
 - a. Ba.
 - b. Mẹ.

- c. Chị Lam.
- d. Ông nội.

10. Theo bài này, ai là người đi tiên phong trong việc lai tạo cây táo mới?
- a. Ông nội.
 - b. Tân.
 - c. Chị Lam.
 - d. Ba.

Bài tập 22

Nghe một đoạn của bản nhạc “Đường Về Hai Thôn” rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Đường Về Hai Thôn

Phạm Thế Mỹ và Hồ Đình Phương

1. Đường về thôn em _____ bên ven sông con thuyền xuôi mái.
2. Nhịp cầu băng qua men lối đi _____ ngõ hoa nổi dài.
3. Nhà em _____ ghép đôi mái tranh nâu trắng cài trước sau.
4. Có tấm mền nung dâu, có _____ hương cau, và đào tơ thơm ngát ngát hương trinh _____.
5. Đường về thôn anh con sáo ru _____ trên đồng xanh lúa.
6. Nhịp cầu băng qua đưa tới _____ xưa thắm hoa bốn mùa.
7. Nhà anh _____ tháng năm vẫn chưa nghe duyên tròn ước mơ.
8. Có giàn mướp xanh lơ, có _____ nên thơ, mà lòng quê vẫn hát, hát bao câu _____.

Giáo Dục Đa Văn Hoá



Tình Thân Hy Sinh Của Người Việt

Ở phần cuối của truyện *Rừng Mắm*, ông nội của Cộc nói với cháu: “... Con không muốn hy sinh chút ít cho con cháu của con hưởng sao?”

Câu nói phản ánh một đức tính của người Việt là sự hy sinh cho con cháu, cho những thế hệ sau.

Ông nội và cha mẹ của Cộc hy sinh trọn đời họ để biến đất Ô Heo thành đất thuần cho Cộc và con của Cộc được hưởng sau này. Ở Mỹ có rất nhiều phụ huynh người Việt làm việc lao động chân tay: cắt cỏ, bán hàng ăn, làm thuê, v.v... để nuôi con học thành bác sĩ, kỹ sư, giáo sư.

Các bậc ông bà, cha mẹ Việt Nam thường chịu làm việc cực nhọc để gây dựng sản nghiệp, dù họ có thể không còn sống để hưởng những sản nghiệp đó mà chỉ có con cháu mới được hưởng mà thôi.

Không những hy sinh để tạo lập cơ sở vật chất, người Việt còn nghĩ đến phước đức để lại cho con cháu. Người Việt nghĩ rằng những điều tốt lành họ làm trong đời sẽ được đền bù cho con cháu mình về sau. Những câu nói cửa miệng như: “làm phước cho con cháu”, “để đức lại cho con”, hay “may nhờ phước ông bà để lại” cho thấy người Việt tin tưởng rằng con cái không những thừa kế tiền bạc của cải từ ông bà cha mẹ không thôi mà còn thừa kế cả “di sản tâm linh” nữa. Điều đó đã góp phần lớn trong việc cải thiện nếp sống đạo đức của mọi người.

Sinh hoạt cho học sinh:

Các em làm việc theo nhóm hai hoặc ba em để giải thích những câu tục ngữ, ca dao sau đây:

1. Phúc đức tại mẫu.
2. Cây xanh thì lá cũng xanh,
Cha mẹ hiền lành để đức cho con.
3. Người trồng cây hạnh người chơi,
Ta trồng cây đức để đời về sau.
4. Có cha mới sinh ra ta,
Làm nên nhờ ở mẹ cha vun trồng.
Khôn ngoan nhờ phước cha ông,
Làm nên phải nhớ tổ tông phụng thờ.

Tục Ngữ, Ca Dao và Thành Ngữ

1. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,
Ăn khoai nhớ kẻ đưa dây cho trồng.
2. Có chí thì nên.
3. Có công mài sắt có ngày nên kim.
4. Ai ơi! bưng bát cơm đầy,
Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần.
5. Ăn theo thuở, ở theo thời.
6. Ma thiêng nước độc.
7. Chưa nếm đắng cay không hiểu ngọt ngào.
8. Có cây có trồng, có trồng có hưởng.
9. Có khó mới có miếng ăn.
10. Có làm mới có ăn.
11. Tay làm hàm nhai.
12. Đất lành quạ thói.
13. Trước lạ sau quen.



Sơn Nam (1926 - 2008)



Sơn Nam là một trong những tác giả hàng đầu trong nền văn học Việt Nam. Sơn Nam sinh tại làng Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Rạch Giá, nay là Kiên Giang. Sơn Nam tên thật là Phạm Minh Tài. Bút hiệu Sơn Nam là do kỷ niệm người vú nuôi gốc Miên, họ Sơn.

Ông học tiểu học tại quê, đến trung học mới lên Cần Thơ. Gia đình là nghiệp chủ khá giả, nên ông sống thời tuổi trẻ thông dong. Là người giàu óc quan sát và trí nhớ, ông đã ghi tạc nhiều cảnh đời thơ ấu. Hình ảnh nông thôn Nam Bộ trong truyện ngắn *Mùa Len Trâu*, nổi tiếng và được dựng thành phim, là những kỷ niệm ấu thời trong ký ức Sơn Nam.

Dù tác phẩm của ông chủ yếu nói về cuộc sống của người dân miền Nam, Sơn Nam vẫn là nhà văn Việt Nam, không chỉ riêng cho Nam Bộ. Trong *Người Việt Có Dân Tộc Tính Hay Không* (1969), Sơn Nam khẳng định: “không có người Việt Miền Nam mà chỉ có người Việt Nam.”

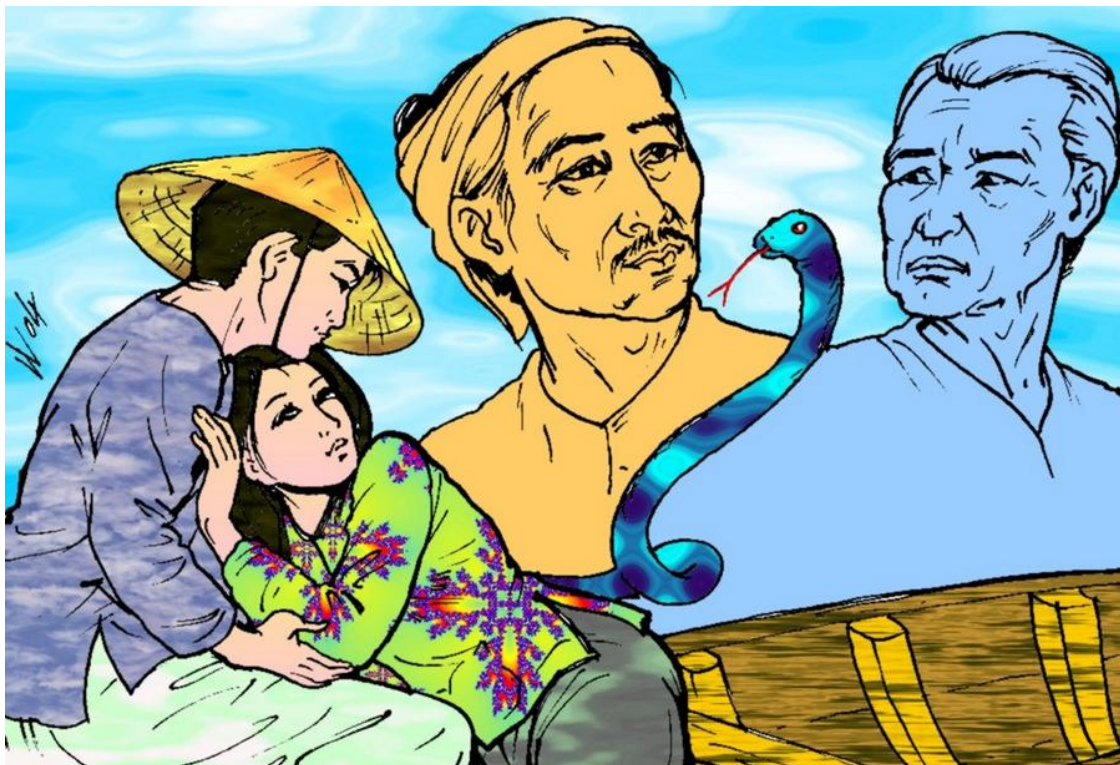
Tiểu thuyết

- *Chuyện Xưa Tích Cũ*
- *Tìm Hiểu Đất Hậu Giang*
- *Hương Rừng Cà Mau*
- *Chim Quyên Xuống Đất*
- *Văn Minh Miệt Vườn*

Tóm lược tác phẩm

Cây Huê Xà là một truyện ngắn trích trong tập *Hương Rừng Cà Mau* của Sơn Nam. *Cây Huê Xà* nói về sự đố kỵ của thầy Năm Điền đối với Hai Rắn. Năm Điền đã sai khiến đưa con gái ngây thơ của mình đi ăn cắp toa thuốc rắn bằng cách thân mật với Lợi, con trai của thầy Hai Rắn. Sự kiêu ngạo và ích kỷ của hai người cha đã làm mối tình của người con trai, Lợi, và người con gái mới lớn, Lài, tan rã. Hậu quả là cái chết của cha con Lài và mối ân hận của thầy Hai Rắn đến nỗi phải bỏ con và bỏ xứ ra đi.

Cây Huê Xà



Cây huê xà là thứ cây gì? Hình dáng ra sao? Có thiệt hay là bịa đặt? Nó có lợi hay là có hại cho loài người? Bao nhiêu câu hỏi ấy dồn dập, lẫn quẩn trong trí tưởng tượng của ba thằng Lợi hằng năm nay mà nó không tài nào trả lời nổi.

Cây huê xà vốn là vị thuốc chánh trong toa thuốc ngựa rần của ba nó. Nhờ đó mà đi đến đâu người ta đều **khâm phục**; ba nó nổi danh là thầy Hai Rắn. Được nổi danh là một chuyện khó vì lẽ ở vùng Rạch Giá, Cà Mau, thầy rắn xưa nay cũng nhiều người tài. Họ có thể cứu sống **nạn nhân**, bảo đảm trăm phần trăm, nếu người bị cắn không để lâu quá hai giờ đồng hồ. Họ dùng toàn thuốc Nam để kiềm như gừng, cỏ ống, vôi, trầu, nhựa **ống điều**, trứng rệp, v.v... Họ lại còn dám nuôi trong nhà vài con rắn để bắt chuột. Lúc họ uống nước trà, rắn nằm **vắt vẻo** trên đôn đồng nhà, nhìn xuống gục gặc đầu. Đêm nào có trăng thì rắn đi **ngao du**, lên tận trên đọt lá dừa để bắt chim trong ổ hoặc rình mồi mấy con dơi rượt muỗi bay qua chớp nhoáng.

Ba thằng Lợi nổi danh hơn các thầy rắn vừa nói trên. Thuốc của ba nó vô viên sẵn, khỏi tốn thời giờ tìm kiếm. Thuốc ấy mạnh lắm, **trừ tuyệt nọc**, nghĩa là một hai năm sau đi nữa bệnh nhơn không cảm thấy nhức xương sống mỗi khi lập đông trở về. **Phi thường** nhứt là có toa thuốc khi thoa vào tay, rắn không bao giờ dám mổ.

Hồi mới xuống rạch Thuồng Luồng này, ba nó đã có lần thí nghiệm cho các thầy rắn trong xóm coi thử.

Ba nó - thầy Hai Rắn - loan tin:

- Tôi có bùa bắt rắn. Bùa này của Phật Thầy Tây An ở núi Sam truyền lại.

Ai nấy phản đối:

- Nói dóc! Chân ướt chân ráo mới tới xứ này mà không để cho người ta thương! Phậ Thầy Tây An xưa kia bao giờ làm bùa bắt rắn. Ngài lo giữ **mối giếng** đạo lý, sao cho ai nấy ăn ngay ở phải, đừng vì tiền tài mà nói dóc với chúng sinh.

Mỉm cười, thầy Hai Rắn mời bà con đứng giờ Thìn sáng mai đến cây thị trước miếu ông Tà. Cây thị này hồi năm ngoái bị trời đánh sét làm hai. Thiên hạ đồn rằng: Có điềm trời! Không vậy sao trong ruột cây có cái bông đen ngòm. Dưới đáy bông, một đồng đất khô... Ngạc nhiên làm sao! Đất nhúc nhích từng cục, một con rắn hổ ốm nhom vùng góc đầu lên cao, phùng mang chồm tới, giống hình cái bàn nạo. Rắn nhìn người chung quanh, hút gió rồi trườn xuống đất vụn để ẩn mình.

Sáng hôm đó, đúng giờ Thìn, thầy Hai Rắn lại gốc cây thị với mọi người. Lấy tay vỗ mạnh vào gốc cây, thầy nói:

- Ông xà ơi! Ra đây nói chuyện chơi.

Ai nấy trở mắt ngạc nhiên. Có tiếng hút gió như đáp lại rồi từ miệng bông cây, cái bàn nạo lần lần nhô lên.

Thầy Hai lấy tay vạch vòng tròn dưới đất, vỗ xuống mạnh:

- Tôi muốn mời ông xà lại đây, ngồi trong vòng này với tôi.

Rắn nọ bò xuống, men vào vòng đã vẽ. Thầy xoè tay ra, để cách miệng rắn chừng một tấc mà thét:

- Cẩn thử coi!

Rắn không nhúc nhích.

Thầy thét lớn hơn:

- Áp khẩu tay tôi nè! Cẩn ngay đó thì tôi chết liền. Tôi đó ông dám cắn!

Ai nấy phập phồng chờ đợi. Rắn cụ cựa, thối lui ngóng mỏ lên cao, day qua day lại. Thầy Hai trợn mắt đưa tay xích lại gần hơn nữa. Bỗng nhiên, rắn hút gió một tiếng rồi quay mình phóng vào bông cây, mất dạng.

Thầy đứng dậy, vắn điều thuốc. Vừa hút phì phà thầy giảng rằng:

- Chém ruồi ai dùng gươm vàng làm chi! Nói thiệt cho bà con thương, tôi đây cực chẳng đã mới hành nghề. Tôi biết trong số bà con đây có người tài giỏi hơn tôi nhưng giỏi về môn khác. Thứ bùa này ít ai biết. Lúc ban sơ, tôi dùng nhơn lực để kêu rắn ra khỏi bông cây. Kế đó, vẽ vòng tròn tức là tôi dùng **thần lực**. Đến khi chuyển qua thiên lực, rắn nọ phải chạy trời chết... Nhân lực, thần lực, thiên lực, đó là ba chặng đường mà tôi đã trải qua. Phần đông, bà con mình xưng là thầy nhưng chỉ mới bước tới nhơn lực.

Tài của thầy Hai Rắn, ai lại chẳng phục. Ngặt thầy **kiêu hãnh** quá nên hôm đó không ai muốn thụ giáo, họ bực tức ra về. Trong số đó có Năm Điền là thầy rắn bấy lâu **lừng danh** ở xóm Thuồng Luồng này. Năm Điền cảm thấy **bị sỉ nhục**. Về nhà chú nằm suốt đêm không ngủ được, tâm trí bận rộn, cô nhớ lại mấy toa thuốc. Chú biết đây là một **muru mô** của thầy Hai Rắn. Nhứt định thầy Hai có thoa vào tay một thứ thuốc đặc biệt. Ngửi nhằm mùi đó, rắn chịu không nổi, phải mờ mắt hoặc ê răng mà chạy trốn. Ăn cắp cái toa đó là **diệu kế** nhứt. Nghĩ vậy, chú sực nhớ tới con Lại, đưa con gái khá **nhân sắc** của chú.

Bấy lâu nay, chú thường để ý: Thăng Lợi, con thầy Hai Rắn, thường bén mảng lại đây để trò chuyện với con Lại.

Năm Điền bèn kêu đưa con gái vào:

- Lại à!

- Dạ.

Nhìn trước cửa thấy không có ai, chú nói nhỏ với con:

- Bấy lâu cha sống ở rạch này cũng là nhờ nghề trị rắn. Bây giờ, thầy Hai Rắn tính đập bể nồi com của cha con mình!

Con Lài hỏi, ngây thơ:

- Sao vậy ba, người ta lạ, mới tới...

- Bởi vì nếu trời đã sanh Châu Do thì không có Gia Cát Lượng.

- Gia Cát Lượng là ai vậy ba?

Năm Điền đồ quạu:

- Không biết gì hết. Ngu quá! Mà biết thầy Hai Rắn là cha của ai không?

- Dạ... của anh Lợi.

- Thằng Lợi tới lui đây hoài. Điều đó ba biết hết. Ba nào cấm cản. Nó nói gì với con...

Con Lài bẽn lẽn:

- Ảnh nói muốn làm quen.

- Ủ! Ba nói thiệt với con, làm thân con gái phải giữ thân thể. Không khéo, lỡ bề gì **nhờ** **nhuốc danh giá** giòng họ. Con thương nó thì phải cho ba hay để bắt buộc nó thương con...

Con Lài buột miệng:

- Đừng... Tội nghiệp người ta.

- Không sao đâu. Chiều mai, con rủ nó lại ăn cơm... Sẵn dịp ba mời nó uống rượu, thứ rượu “rắn giao đầu”.

Nghe đến rượu “rắn giao đầu”, con Lài liếc nhìn chai rượu thuốc để trên bàn thờ. Trong chai, ngâm hai con rắn mà ba nó lượm được hồi năm ngoái! Con rắn nước nuốt con rắn trùn, có lẽ nuốt không vô nên hai con đều chết. Ba nó **lượm** đem về ngâm rượu.

Nó hỏi:

- Uống chết không ba? Con sợ quá.

- Gì mà sợ. Rượu đó làm cho trai với gái thương nhau như rắn. Uống vô, thằng Lợi không bao giờ bỏ con được. Trăm sự, nó đều thiệt tình. Con nhớ gạn hỏi nó một điều này mà thôi...

- Điều gì hả?

- Cái toa thuốc thoa vô tay mà rắn không cắn, của ba nó xài hôm trước, đăng cây thị trước miếu ông Tà: Nhớ hỏi cho kỳ được. Bằng không, ba giết chết cả hai đứa như giết rắn. Từ nay hai đứa bây là hai con rắn... vì chất rượu này...

Lá rụng ơi lá rụng!

Từng chiếc lá chầm bay **lả tả** như bướm bướm mỗi cánh, đáp nhẹ xuống mặt nước từ trong ngọn rạch trôi dài ra.

Con Lài nhìn dòng nước uốn khúc qua doi, qua vịnh như con rắn bò, thứ rắn có khoang màu vàng, con rắn hổ sơn. Nó bụm mặt lại để che cái hình ảnh đó. Nhưng nào được! Kìa chiếc xuống của thằng Lợi bơi lướt tới, vạch ra hai làn bọt nước **lốm đốm** trắng như con bạch hoa **xà**... Lập tức nó xuống bến, bơi theo, mãi đến khi xuống thằng Lợi ghé bên bờ **đìa**, kẻ gốc cây bình bát.

Thằng Lợi day lại cười:

- Đi đâu vậy cô Hai... rắn bông súng?

Con Lài sực nhìn chiếc áo có bông đang mặc. Nó e thẹn, liếc thằng Lợi:

- Em giống như con rắn bông súng. Còn anh, áo đen mốc như con rắn hổ đất. Cười em làm chi.

- Rắn đâu dám cười rắn. Nó vừa nói vừa nắm tay con Lài.

Con Lài rút tay ra cho có lệ. Nó bước qua **xuồng**, ngã vào lòng thằng Lợi.

- Anh à!

- Cái gì đó, hờ rần!
- Thiên hạ thấy, họ cười chết.
- Ai thấy mà cười? Chung quanh đây cái gì cũng là rần như hai đứa mình. Thí dụ như mấy sợi dây choại, dây bông bong kia...

Con Lài gật đầu:

- Phải, dây choại, dây bông bong giống như rần lục, nó xanh tươi. Còn đám cỏ bồn bồn đằng kia, nó đẹp lép quả thật là rần lá... Nhánh củi khô, kể đó, anh thấy không anh Lợi?

- Nó là con rần nẹp nia, da nó xù xì...

- Em suy nghĩ thấy sao kỳ quá, anh à. Rần có **thù oán** gì với loài người, có sao loài người thù oán rần. Như dây choại, cỏ bồn bồn; nhánh củi khô rất ích lợi cho con người.

Thằng Lợi vuốt mái tóc con Lài:

- Vậy nên rần mới buồn bực trong lòng, tụ họp lại. Con rần này tìm con rần kia làm bạn với nhau cho vui. Rần với rần thương nhau lắm.

- Nó có cắn nhau không anh?

- Đâu có. Mà nó cũng không muốn cắn loài người. Người nào biết điều thì rần không cắn.

- Biết điều là sao?

- Là biết nói chuyện với rần. Nói chuyện bằng hơi tay, thí dụ như ba của anh...

Con Lài cố giữ trầm tĩnh, biết rằng nãy giờ nó đã nói chuyện nhảm vì uống rượu rần giao đầu, nhưng nó nhớ lời ba nó căn dặn...

- Hơi tay của ba anh có gì mà nói chuyện được. Anh có cái hơi đó không? Tay anh đâu rồi.

Thằng Lợi xoa tay rồi đưa trước mặt con Lài.

- Phải có **ngải** mọi. Em biết thứ ngải đó không? Múc bột nó làm bánh ăn ngon lắm. Ăn bánh ngải rồi uống nước chanh. Xong xuôi, nằm xuống hút một điếu á phiện với cái dọc tàu làm bằng sừng con dinh.

Con Lài lắng nghe từng tiếng rồi hỏi tiếp:

- Hút á phiện rồi làm gì nữa?

- Rồi thì vợ chồng dặt tay nhau dạo kiếng, ngắm cái bông huê xà...

- Bông huê xà là thứ gì?

- Bông huê xà là huê xà. Ba của anh nói lại sau rôt.

Con Lài lẩm bẩm:

- Ngải mọi, nước chanh, á phiện, sừng dinh, huê xà. Toa này năm vị. Mình nhớ đủ hết.

Năm Điền với đứa con gái bỗng nhiên chết ngã lãn tại nhà.

Tin đó truyền ra nhanh chóng. Cả rạch Thuồng Luồng, ai nấy chung hửng. Mấy ông thầy rần xúm lại khám nghiệm rồi quả quyết:

- Chết vì rần. Dầu rằng rần hồ. Chắc chắn có rần hồ nuôi trong nhà, nó phản lại chủ.

Chờ cho thừa khách, thầy Hai Rần tới, cầm bàn tay của hai nạn nhân nọ mà ngửi. Nước mắt của thầy bỗngưng tuôn xuống. Chợt nhìn chai rượu thuốc “rần giao đầu” trên bàn thờ, thầy lắc đầu, thờ dài.

Đêm đó, thầy kêu thằng Lợi ra sân mà nói:

- Mai này cha phải đi. Con ở lại một mình. Cha buồn lắm. Họ dụ dỗ con để khám phá bí mật, cha biết vậy. Nhưng trăm sự cũng vì toa thuốc nọ thiếu cây huê xà nên không **lĩnh nghiệm**. Cây đó khó kiếm lắm. Cha con Năm Điền tưởng là cha nói gạt chớ sự thật nó có: dây đó tròn bằng mút dừa, **vần vện** như da rần. Phải tìm ở chót núi ông Cẩm, tìm cả tháng mới gặp một cây. Con Lài chết, có lẽ vì Năm Điền không tin con gái nên cho rần cắn nó trước. Chừng thấy con

chết, y buồn quá nên tự tử theo, không muốn chuyện **đổ bể ra** e **mất thể diện** với bạn đồng nghề. Nghề rắn nó **nghiệt** như vậy đó!

Đêm sau thầy Hai Rắn trốn xóm riêng, trốn đưa con trai mà đi mất.

Còn thằng Lợi ở lại. Tội nghiệp biết chừng nào! Nó nào hiểu tại sao loài người bày đặt ra thuốc rượu “rắn giao đầu” để dụ dỗ lẫn nhau, trong khi cái tình yêu tự nhiên còn keo sơn hơn gấp mấy! Nó không hiểu sở dĩ ngày nay nó cô độc, vắng cha, vắng tình nhân như vậy chỉ vì mối ganh tị giữa hai người đồng nghề là cha nó với cha con Lài.

Nó thơ thẩn như mất hồn, khóc không ra nước mắt mỗi khi ra thăm nấm mộ của người tình xưa, thấy mấy dây rau muống bò lan bên cạnh.

Cây huê xà là gì? Có thiệt hay không? Lắm đêm, nó nằm chiêm bao thấy một thứ dây lóm đóm trắng mọc cheo leo ở chót núi ông Cầm, tiếp với trời xanh. Trên cảnh xa vời không nhớ bọn đó, dây huê xà nhơn nhơn uốn éo với gió núi. Giữa lòng từng chiếc lá, hiển hiện kìa trăm ngàn gương mặt của con Lài, tươi tắn, cười riêng với nó, trẻ mãi không già...

Sơn Nam
(Hương Rừng Cà Mau)

Từ Vựng

1. khâm phục	(đt.):	ngưỡng mộ	<i>to admire, to appreciate</i>	(v.)
2. nạn nhân	(dt.):	nạn nhân, người chịu đựng một hậu quả tai hại	<i>victim</i>	(n.)
3. ống điều	(dt.):	đồ dùng để nhét thuốc lá vào rồi đốt mà hút	<i>pipe</i>	(n.)
4. vất vẻo	(trt.):	đong đưa một cách ngao nghể	<i>swingingly</i>	(adv.)
5. ngao du	(đt.):	đi dạo chơi đây đó	<i>to wander around for pleasure</i>	(v.)
6. nọc	(dt.):	chất độc (do rắn cắn hoặc ong chích)	<i>venom</i>	(n.)
7. tuyệt nọc	(tt.):	chất độc đã bị diệt trừ hoàn toàn, không còn khả năng độc hại	<i>completely detoxed</i>	(adj.)
8. trừ tuyệt nọc	(động ngữ):	trị tuyệt căn	<i>to completely get rid of</i>	(phrasal v.)
9. phi thường	(tt.):	vượt quá mức bình thường	<i>extraordinary</i>	(adj.)
10. mối giềng	(dt.):	kỷ cương phải theo	<i>rules (to be followed)</i>	(n.)

11. thần lực	(dt.):	sức mạnh do thần hỗ trợ	<i>miraculous strength</i>	(n.)
12. kiêu hãnh	(tt.):	tự hào về giá trị của mình	<i>proud</i>	(adj.)
13. lừng danh	(tt.):	nổi tiếng, ai cũng biết tiếng	<i>famous</i>	(adj.)
14. bị sỉ nhục	(tt.):	cảm thấy nhục nhã	<i>humiliated</i>	(adj.)
15. muu mô	(dt.):	thủ đoạn tính toán để làm hại người khác	<i>conspiracy</i>	(n.)
16. diệu kế	(dt.):	muu mẹo tài tình	<i>very effective trick</i>	(n.)
17. nhân sắc	(dt.):	vẻ đẹp của người phụ nữ	<i>beauty</i>	(n.)
18. nhơ nhuốc	(tt.):	nhục nhã, xấu xa	<i>disgraceful</i>	(adj.)
19. danh giá	(dt.):	tiếng tăm và phẩm giá của con người	<i>reputation</i>	(n.)
20. lượm	(đt.):	nhặt; cầm lấy một vật đã rơi	<i>to pick up</i>	(v.)
21. lả tả	(trt.):	tán mác, rời rạc mỗi cái một nơi	<i>scatteringly</i>	(adv.)
22. xà	(dt.):	con rắn	<i>snake</i>	(n.)
23. xuồng	(dt.):	thuyền nhỏ, không có mái che	<i>small boat, canoe</i>	(n.)
24. lốm đốm	(tt.):	có những chấm to nhỏ rải rác trên bề mặt	<i>spotted</i>	(adj.)
25. đìa	(dt.):	chỗ trũng ở ngoài đồng ruộng	<i>pond</i>	(n.)
26. thù oán	(dt.):	sự căm thù và oán giận	<i>enmity</i>	(n.)
27. ngải	(dt.):	một loại cây có củ như gừng	<i>autumn crocus, Atropa belladonna</i>	(n.)
28. linh nghiệm	(tt.):	đúng như đã đoán trước, có hiệu quả tốt	<i>efficacious</i>	(adj.)
29. văn vện	(tt.):	có nhiều vệt màu xen lẫn nhau	<i>variegated</i>	(adj.)
30. đổ bẻ ra	(đt.):	bị lộ ra	<i>to be revealed</i>	(v.)
31. thể diện	(dt.):	danh dự, bên ngoài làm cho người ta coi trọng mình khi tiếp xúc	<i>honor, reputation</i>	(n.)

32. **mất thể diện** (đt.): mất mặt *to lose face* (v.)

33. **nghiệt** (tt.): khó khăn, nguy hiểm *hazardous* (adj.)

Bài tập 1

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **mối giềng, nghiệt, bùm, ngao du, ống điếu, danh giá, đồn dập, lừng danh, diệu kế, ngải, nhơ nhức.**

1. Họ dùng toàn thuốc Nam để kiếm như gừng, củ ồng, vôi, trầu, nhựa _____, trụng rệp.
2. Ngài lo giữ _____ đạo lý, sao cho ai nấy ăn ngay ở phải, đừng vì tiền tài mà nói dỏc với chúng sinh.
3. Ăn cắp cái toa đó là _____ nhứt.
4. Không khéo, lỡ bề gì _____ giòng họ.
5. Em biết thứ _____ đó không?
6. Nghề rắn nó _____ như vậy đó.
7. Bao nhiêu câu hỏi ấy _____, lẫn quẩn trong trí thẳng Lợi hằng năm nay mà nó không tài nào trả lời nổi.
8. Đêm nào có trăng thì rắn đi _____, lên tận trên đọt lá dừa để bắt chim trong ổ hoặc rình mổ mấy con dơi rượt muỗi bay qua chớp nhoáng.
9. Trong số đó có Năm Điền là thầy rắn bấy lâu _____ ở xóm.
10. Nó _____ mặt lại để che cái hình ảnh đó.

Bài tập 2

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **tuyệt nọc, thể diện, thiên hạ, khâm phục, ống điếu, ngải, linh nghiệm, lốm đốm, trầm tĩnh, nhan sắc.**

1. Nhiều người rất _____ Nguyễn Trãi.
2. Cha tôi luôn luôn có thái độ _____ trước mọi khó khăn.
3. Cây _____ là loại cây có củ như gừng.
4. Khi bị rắn cắn, phải trị _____.
5. Chàng về giữ việc bút nghiên, _____
Đừng tham _____ mà quên học hành. (Ca dao)
6. Lời nói của anh thật _____.
7. _____ có rất nhiều kẻ anh tài.
8. Anh ấy luôn có _____ ngậm ở miệng.
9. Bầu trời _____ những vì sao.
10. Chúng ta không nên làm những điều sai trái để mất _____ của gia đình.

Bài tập 3

Đặt câu với mỗi từ sau đây:

- | | |
|---------------|---------------|
| 1. vất vả | 6. dồn dập |
| 2. nhor nhuốc | 7. kiêu hãnh |
| 3. thù oán | 8. mưu mô |
| 4. thể diện | 9. đồ bẽ |
| 5. diệu kế | 10. lừng danh |

Bài tập 4

Tìm định nghĩa hoặc từ đồng nghĩa với những từ sau đây:

- | | | |
|----------------|---|-------|
| 1. khâm phục | = | _____ |
| 2. xuống | = | _____ |
| 3. thù oán | = | _____ |
| 4. đồ bẽ | = | _____ |
| 5. nhor nhuốc | = | _____ |
| 6. phi thường | = | _____ |
| 7. lả tả | = | _____ |
| 8. trầm tĩnh | = | _____ |
| 9. thiên hạ | = | _____ |
| 10. phập phồng | = | _____ |

Bài tập 5

Tìm từ phản nghĩa với những từ sau đây:

- | | | |
|--------------|---|-------|
| 1. trầm tĩnh | ≠ | _____ |
| 2. tươi tắn | ≠ | _____ |
| 3. khâm phục | ≠ | _____ |
| 4. kiêu hãnh | ≠ | _____ |
| 5. thù oán | ≠ | _____ |

Phân Tích

- A. Văn Thể:** Văn xuôi
B. Giọng văn: Lôi cuốn
C. Bối cảnh: Vùng Rạch Giá, Cà Mau ở miền Nam Việt Nam
D. Nhân vật: Thầy Hai Rấn và con trai là Lợi; Năm Điền và con gái là Lài.
E. Đại ý: Hậu quả của sự cạnh tranh nghề nghiệp.

Ngữ Pháp

Đại Danh Từ - Nhân Vật Đại Danh Từ

Xét các câu sau đây:

1. **Nó** có lợi hay là có hại cho loài người?
2. **Họ** lại còn dám nuôi trong nhà vài con rắn để bắt chuột.
3. **Ai nấy** trở mắt ngạc nhiên.
4. **Tôi** muốn mời **ông** lại đây, ngồi trong vòng này với **tôi**.

Câu 1 - *Nó* thay thế cho cây huê xà.

Câu 2 - *Họ* chỉ các thầy chữa rắn cắn.

Câu 3 - *Ai nấy* chỉ những người đang đứng xem.

Câu 4 - *Tôi* là thầy Hai tự xưng với mọi người; *ông* là con rắn.

Nó, Họ, Ai nấy, Tôi, Ông là những đại danh từ.

Đại danh từ là tiếng dùng thay thế cho danh từ. Đại danh từ chỉ ngôi bậc để xưng hô trong khi nói được gọi là **Nhân Vật Đại Danh Từ**. Nhân Vật Đại Danh Từ gồm có:

- Ngôi thứ nhất: ta, tôi, tớ, chúng ta, chúng tôi, v.v...
- Ngôi thứ hai: anh, chị, ông, bà, ngài, các anh, các chị, v.v...
- Ngôi thứ ba: nó, y, hắn, họ, chúng nó, v.v...

Bài tập 6

Tìm tiếng đại danh từ trong các câu sau đây:

1. Họ có thể cứu sống nạn nhân.
2. Nó đã có lần thí nghiệm cho các thầy rắn trong xóm coi thử.
3. Tôi có bữa bắt rắn.
4. Ông ơi! Ra đây nói chuyện chơi.
5. Ai nấy phập phồng chờ đợi.

Đọc Hiểu

Bài tập 7

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Các thầy rắn ở vùng Rạch Giá, Cà Mau dùng thuốc gì để cứu sống người bị rắn cắn?
2. Thầy Hai Rắn nổi danh và được khâm phục là nhờ cái gì?
3. Vị thuốc chánh của thầy Hai Rắn là gì?
4. Nêu một dẫn chứng về tính mê tín dị đoan của dân quê Việt Nam.
5. Tại sao thầy Năm Điền lại bức tức bỏ về sau khi xem thầy Hai Rắn biểu diễn tài nghệ?

6. Năm Điền ngụ ý gì khi nói với con gái “*Trời đã sanh Châu Do thì không có Gia Cát Lượng.*”?
7. Toa thuốc ngựa rấn của Hai Rấn gồm những vị nào?
8. Toa thuốc mà Năm Điền học lóm được thiếu vị nào?
9. Cây huê xà có thực hay không?
10. Thầy Hai Rấn nói cây huê xà “*tròn bằng mút đũa, vắn vện như da rấn*”, là nói thực hay nói dối?
11. Vì sao thầy Hai Rấn trốn đi?
12. Tại sao Lợi và Lài hồn nhiên trong sáng trong khi hai ông bố thì mưu mô, bịp bợm?

Bài tập 8

Đúng hay sai. Viết chữ **Đ** vào câu đúng; viết chữ **S** vào câu sai.

1. Đ S Cây huê xà là loại cây ai cũng biết.
2. Đ S Thầy Hai Rấn nổi danh và được khâm phục vì có thuốc ngựa rấn.
3. Đ S Có nhiều thầy rấn tài giỏi ở Cà Mau có thể cứu sống nạn nhân nếu không để lâu quá hai giờ.
4. Đ S Hai Rấn khoe có bùa bắt rấn là nói thật.
5. Đ S Rấn không cắn tay Hai Rấn vì thầy có bùa, có nhân lực, thần lực, và thiên lực.
6. Đ S Năm Điền cảm thấy bị sỉ nhục và tin là Hai Rấn đã thoa vào tay một thứ thuốc đặc biệt.
7. Đ S Năm Điền dùng con gái để ăn cắp toa thuốc của Hai Rấn.
8. Đ S Cha con Năm Điền chết vì toa thuốc không có liều lượng chính xác.
9. Đ S Hai Rấn ân hận vì cái chết của cha con Năm Điền.
10. Đ S Hai Rấn nói “nghề rấn nó nghiệt như vậy đó” là có ý nói sinh nghề tử nghiệp.

Tập Làm Văn

Theo em, ai là người có lỗi trong cái chết của Lài? Hãy viết một bài văn trình bày ý kiến của mình.

Nói Với Nhau

Cậu Danh, ngoài 40 tuổi, đang ngồi nhâm nhi ly cà phê cùng vài người bạn cũ ở khu Grand Century Mall. Sau vài câu đối thoại, mấy người bạn nói về chuyện vợ con. Danh chỉ biết lặng nhìn ly cà phê đắng. Thỉnh thoảng, Danh gật đầu cho có lệ bởi vì chuyện vợ con Danh chưa từng trải qua. Đầu phải Danh muốn sống cô đơn, nhưng có lẽ số trời đã định, Danh biết than thở cùng ai. Ngày ấy, khi mới lên 19, Danh cũng đã biết yêu, yêu thật nhiều. Vậy mà giờ đây, Danh là đứa duy nhất trong đám chẳng biết gì là thú vui của một gia đình.

Jenna: Anh gặp ba má em rồi, chừng nào anh dẫn em gặp ba má anh?
Danh: Ừ, thì bữa nào tiện, anh đưa em về gặp ba má.
Jenna: Gia đình anh chưa biết về em phải không?
Danh: Ummm ...
 ...
Danh: Ngày mai, ba má có rảnh không? Con định dẫn bạn gái về cho ba má coi mắt.
Má: Vậy thì tốt quá. Lớn rồi, cũng lo chuyện vợ con đi để má có cháu bông. Con là đứa con duy nhất thì phải biết chuyện.
Ba: Ừ, má mầy nói phải đó. Con trai thì phải biết lo nôi dôi tông đường. Nó tên gì? Đạo gì?
Danh: Dạ, tên là Jenna.
Ba: Có tên tiếng Việt không?
Danh: Dạ, không.
 ...
Jenna: Ba má anh có khó không? Em hy vọng hai người thích em.
Danh: Họ là những người hiểu biết. Chắc không sao.
Jenna: Dù sao, em vẫn sợ.

Không khí bữa ăn hôm ấy thật nhạt nhẽo. Ba của Danh biến sắc khi cậu con trai duy nhất của mình dẫn về cô gái ngoại quốc. Má của Danh thấy ngại, nở nụ cười, định nói qua loa vài câu tiếng Anh khiêm nhường của mình thì ba Danh liếc mắt khiến má Danh cúi mặt, chẳng dám hé môi. Danh thì vừa sợ ba, vừa tội nghiệp người bạn gái, cũng không dám nói nhiều. Jenna vừa tức lại vừa thương Danh nên uất nghẹn chỉ muốn khóc.

Danh xin phép đưa Jenna về ngay khi họ vừa ăn cơm xong. Ba Danh đóng sầm cửa lại chẳng chào hỏi gì cô bạn gái của con mình. Danh nắm tay người yêu, xấu hổ, mà chẳng biết nói gì. Jenna thì rơm rớm nước mắt. Khi vào xe, cô liền bật khóc.

Danh dỗ dành Jenna, xin lỗi cô. Danh xin Jenna thêm thời gian để Danh nói chuyện với ba. Ba còn lạc hậu, nhưng Danh tin chắc từ từ ba cũng mở rộng vòng tay. Jenna, trong từng tiếng nấc, bảo với Danh rằng:

- “Em thương anh nên em sẽ không bắt anh chọn giữa gia đình và em. Bây giờ em hiểu tại sao anh không muốn em gặp gia đình anh. Em hiểu anh rất thương ba mẹ và không muốn làm điều gì phật ý họ. Em không muốn mình cứ trốn ba mẹ anh để mà thương yêu nhau. Em muốn anh thương em và hạnh diện vì em chứ không phải lén lút như hai năm nay. Vì anh trọng chữ hiếu, em nghĩ mình sẽ không bao giờ lấy nhau được. Nếu vậy thì làm khổ nhau thêm nữa mà chi? Tốt hơn mình đừng gặp nhau nữa.”

Danh nghe nhói đau trong lòng.

- “Em nói có lý, chữ hiếu anh sẽ tròn, nhưng anh cũng không muốn phụ chữ tình. Anh không muốn làm khổ em. Anh hy vọng ba anh sẽ thay đổi ý định sớm để không lỡ duyên anh. Nếu ba không chấp nhận em thì đời này, kiếp này anh sẽ không lấy ai khác.”

Cứ thế, hai người lái xe vòng quanh thành phố. Họ tự hiểu có lẽ đây là đêm cuối cùng bên nhau nên không ai nói nên lời.

Tập Nói Chuyện

1. Theo em nghĩ sau khi chia tay với Danh, Jenna sẽ ra sao?
2. Em nghĩ má Danh cảm thấy thế nào khi không có cháu để ẵm bông?
3. Em nghĩ gì về ba Danh nếu ông không có cháu để nôi dôi?

4. Theo em, ba má Danh có nghĩ đến hạnh phúc của con mình không?
5. Em có đồng ý với cách xử sự của từng nhân vật trong câu chuyện này không? Cho biết lý do.

Tập Viết Văn

Hãy viết một đoạn đối thoại ngắn từ 15 đến 20 câu giữa Jenna và Danh khi họ tình cờ gặp nhau sau 15 năm xa cách.

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

Vicky: Trong những phim nói về bi kịch của tình yêu, các bạn thích phim nào nhất?

Paula: Mình thích phim “Titanic” nhất. Mình thương nhân vật Jack, sẵn sàng hy sinh mạng sống của mình cho người yêu là Rose. Cảnh Rose được tàu tới cứu trong khi Jack chết vì công lạnh bên cạnh thật là buồn và bi thiết. Tình yêu như Jack mới là tình yêu, đến phút cuối vẫn nhường mảnh ván duy nhất cho Rose để nàng đỡ bị công giữa đại dương mênh mông và có cơ hội sống sót.

Lilian: Phim “Romeo and Juliet” cũng có kết thúc buồn lắm. Hai người yêu nhau mà không được sống gần nhau chỉ vì mối thù giữa hai dòng họ. Thương nhất là Romeo khi thấy Juliet thiếp ngủ mà chàng tưởng lầm là nàng đã chết, bèn uống thuốc độc tự tử. Thật là một tình yêu mãnh liệt.

Vicky: Juliet cũng vậy. Khi nàng tỉnh lại, thấy Romeo gục chết bên cạnh mình. Nàng không ngại đau đớn, đã rút dao tự vẫn. Chuyện tình của họ buồn quá, vì người lớn bất hoà mà con cái phải chịu đau khổ.

Marie: Hôm nay, lớp mình đọc truyện ngắn *Cây Huệ Xà* của nhà văn Sơn Nam. Mình thấy tội nghiệp cho Lợi và Lài quá! Vì sự cạnh tranh nghề nghiệp giữa hai người cha mà Lài bị rắn cắn chết oan, còn Lợi bị mất người yêu một cách oan uổng.

Paula: Cũng vì hoàn cảnh xã hội khi xưa nên mới có những mối tình đau khổ như vậy. Chúng ta may mắn không sinh nhằm thế kỷ, nên chắc chắn chúng mình không có ai đau khổ vì tình đến nỗi phải chết như vậy.

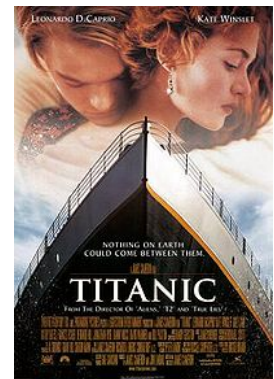
Marie: Mình đồng ý với bạn điểm này.

Lilian: Ủ, chúng ta sẽ mạnh dạn bảo vệ tình yêu của mình.

Vicky: Bỏ đã yêu ai chưa mà hăng hái quá vậy?

Lilian (cười): Chưa yêu nhưng sẽ yêu.

Cả bọn cùng cười: Chúng mình cũng vậy!



Bích chương phim Titanic (1997)



Romeo and Juliet, tranh của
Hoạ sĩ Francesco Hayez (1823)

Bài tập 9

Chọn câu trả lời đúng nhất.

1. Paula thích phim Titanic nhất vì
 - a. nhạc trong phim hay.
 - b. diễn viên Leonardo DiCaprio đẹp trai.
 - c. tình yêu của Jack đối với Rose quá tuyệt vời.
 - d. kỹ thuật quay phim xuất sắc.
2. Theo Lilian, tình yêu của Romeo và Juliet là _____.
 - a. tình yêu đại đột
 - b. tình yêu nông nổi
 - c. tình yêu vô vọng
 - d. sự đam mê cuồng nhiệt
3. Marie cảm thấy cái chết của Lài trong truyện ngắn *Cây Huệ Xà* rất _____.
 - a. hiển nhiên
 - b. tội nghiệp
 - c. vô lý
 - d. cao cả
4. Người nói “*Chúng ta may mắn không sinh nhằm thế kỷ*” là _____.
 - a. Marie
 - b. Lilian
 - c. Paula
 - d. Vicky
5. Ai trong bốn người bạn, đã có bạn trai?
 - a. Paula và Lilian.
 - b. Vicky và Paula.
 - c. Marie và Lilian.
 - d. Chưa ai cả.

Chuyện Con Rắn

- Học sinh:** Thưa thầy, sao nước Việt mình nhiều chuyện rắn quá? Nào là chuyện rắn trả thù, rắn trả ơn, chuyện mây ông thầy rắn, rồi lại đến chuyện cây huê xà là vị thuốc sai khiến được rắn!
- Thầy:** Nước Việt Nam có khí hậu nhiệt đới, vừa nóng lại vừa ẩm. Khí hậu đó rất thích hợp cho rắn sinh sôi nảy nở. Nhiều rắn thì tất nhiên phải có nhiều chuyện về rắn chứ!
- Học sinh:** Má em nói ở quê má em, mỗi lần dọn vườn, chặt cây là thế nào cũng có vài con rắn bò ra. Nhà em ở đây cũng có vườn cây rậm rạp mà em chưa bao giờ thấy một con rắn nào.
- Thầy:** Đúng thế, ở Mỹ có ít loài rắn hơn ở các vùng nhiệt đới như Việt Nam.
- Học sinh:** Và ở Mỹ cũng không có thầy rắn. Lỡ có bị rắn cắn người ta đến ngay bệnh viện để cấp cứu.
- Thầy:** Các em có biết nơi nào nhiều người bị rắn cắn nhất không?
- Học sinh:** Việt Nam hả thầy?
- Thầy:** Không, đó là Ấn Độ. Vì ở Ấn Độ có nhiều rắn độc nhất. Trong khi đó ở vùng Bắc cực, Nam cực hoàn toàn không có rắn.
- Học sinh:** Có phải loài rắn nào cũng cắn chết người không thầy?
- Thầy:** Không, có nhiều loại rắn lành không có nọc độc, không cắn chết người được.

Học sinh: Loài rắn nào lớn nhất, loài nào nhỏ nhất hả thầy?
Thầy: Con trăn Anaconda ở Nam Mỹ có kích thước lớn nhất và con rắn trun nhỏ nhất.

Bài tập 10

Đúng hay sai. Viết chữ **Đ** vào câu đúng; viết chữ **S** vào câu sai.

1. Đ S Nước Việt Nam có khí hậu nhiệt đới nên loài rắn sinh sôi nảy nở nhiều.
2. Đ S Vườn cây ở Mỹ rậm rạp nên có nhiều rắn sinh sống.
3. Đ S Mỗi lần dọn vườn ở Mỹ là có vài con rắn bò ra.
4. Đ S Ở Mỹ, khi bị rắn cắn ta phải tìm thầy rắn để cứu chữa ngay.
5. Đ S Ở Ấn Độ có nhiều rắn độc nhất.
6. Đ S Loài trăn Anaconda lớn nhất.
7. Đ S Rắn trun nhỏ nhất.

Giáo Dục Đa Văn Hoá

Rắn ở Việt Nam	Rắn ở Mỹ
• Có mê tín dị đoan về rắn như bùa ngải hay thần rắn. • Quần chúng ít biết về rắn hay cách đối phó với rắn độc. • Rắn được nuôi lẻ tẻ. • Rắn được nuôi làm thuốc trị bệnh gan, tiểu đường, rượu thuốc, nấu lẩu rắn.	• Được nhắc nhở nhiều trong Kinh Thánh. • Rắn được nuôi trong các căn phòng rất tiện nghi và đầy ánh sáng. • Rắn được nuôi hàng loạt, đại quy mô để làm thuốc bằng cách lấy nọc làm thuốc chủng ngừa hay trị rắn độc cắn. • Rắn được huấn luyện thuần thục để làm bạn với loài người và các con vật khác. • Đàn bà bị ví như rắn độc; đàn ông là cá mập.

Tục Ngữ và Ca Dao

Bài tập 11

Giải thích những câu tục ngữ và ca dao sau đây:

1. Rắn mại tại chỗ, hổ lửa về nhà.
2. Đánh rắn giữa khúc.
3. Miệng hùm nọc rắn.
4. Rắn đổ nọc cho lươn.
5. Khẩu Phật tâm xà.
6. Gặp rắn thì đi,
Gặp quy thì về.
7. Hiền lành như bò câu,
Khôn ngoan như rắn.

Bài Đọc Thêm

Vì Sao Rắn Lột Da?

Truyện dân gian Việt Nam kể rằng ngày xưa ông Trời sinh ra loài người và muôn loài khác. Loài rắn có nọc độc nguy hiểm nên Trời không muốn chúng sinh sản nhiều. Loài người được Trời yêu quý nên Trời muốn cho sống mãi. Trời sai một vị thần mang mệnh lệnh của mình xuống trần gian để báo cho muôn loài biết. Mệnh lệnh đó như sau:

Người già người lột, rắn già rắn lột vào sáng

Ý nói khi loài người già nua, họ sẽ lột xác trẻ lại, còn rắn già thì rắn chết. Vị thần mang mệnh lệnh của trời bay đi. Ông ta bay ngang Ngân Hà, dòng sông trên trời. Chợt ông thấy một bầy tiên nữ đang tắm bên bờ sông. Các cô tiên đẹp quá làm ông thần mê mải nhìn. Ông ta thương thức cảnh tượng đó đến nỗi quên khuấy mệnh lệnh của Trời. Khi truyền lệnh ông ta nói lộn thành ra:

Rắn già rắn lột, người già người lột vào sáng

Thế là từ đó loài người sinh ra, già đi rồi chết, trong khi loài rắn lột da sống hoài. Một hôm Trời nhìn xuống trần gian thấy lúc nhúc toàn là rắn, hỏi ra mới biết ông thần đã truyền lệnh lộn lẩn. Trời nổi giận đày ông thần xuống trần gian làm con chim bìm bịp để ăn cho tiệt hết loài rắn rồi mới được trở lại thiên đình. Nhưng loài rắn sinh sản nhiều quá, chim bìm bịp ăn mãi đến bây giờ vẫn chưa hết!

Rắn Trong Văn Học Sử Việt Nam

Trong văn học sử của ta có một giai thoại về tài ứng đối mẫn tiệp của bà Đoàn Thị Điểm (sinh năm 1705), người được coi là dịch giả *Chinh Phụ Ngâm*. Một hôm, muốn thử tài em gái, Đoàn Doãn Luân bèn lấy một câu trong *Sử Ký* của Tư Mã Thiên nói về Lưu Bang làm đề tài để bà đối đáp. Câu ấy như sau:

Bạch xà đương đạo, Quý bặt kiếm nhi trăm chi.

Nghĩa là: con rắn trắng đón đường, ông Quý (Lưu Bang) liền rút gươm ra chém.

Bà Đoàn Thị Điểm nhanh trí, cũng dùng một câu trong *Sử Ký* nói về ông Vũ (tức vua Hạ Vũ, sau này nối ngôi vua Thuần) để đối lại như sau:

Hoàng long phụ châu, Vũ ngưỡng thiên nhi thán viết.

Nghĩa là: con rồng vàng châu ngọc, ông Vũ nhìn trời mà than!

Cũng trong văn học sử của ta, Lê Quý Đôn (1726-1784) đã sáng tác một bài thơ thất ngôn bát cú trong một trường hợp khá ly kỳ như sau: Thuở nhỏ, cậu bé Lê Danh Phương (tên đầu tiên của Lê Quý Đôn) rất cứng đầu (rắn đầu) và biếng học. Cha Phương quở trách, bắt ông phải ứng khẩu làm một bài thơ để tạ tội, với điều kiện mỗi câu trong bài thất ngôn bát cú phải có một loại rắn. Phương vâng lời và đọc ngay:

*Chẳng phải liu diu cũng giống nhà,
Rắn đầu biếng học lẽ không tha,
Thẹn đèn, hổ lửa đau lòng mẹ,
Nay thét, mai găm rết cổ cha,
Ráo mép chỉ quen lời lếu láo,
Lằn lưng chẳng khỏi vết năm ba,*

*Từ nay Châu Lỗ xin siêng học,
Kẻo hổ mang danh tiếng thế gia.*

Bạn Đã Biết Gì Về Rắn

1. Ở thôn quê Việt Nam nhiều người kể rằng đi đêm thường nghe tiếng rắn lục huyết sáo. Nếu người cũng huyết sáo thì rắn sẽ đi theo để cắn. Có phải như vậy không?
 - Theo các nhà động vật học thì cấu tạo cơ quan phát âm và thính giác của rắn rất đơn giản, do đó âm thanh không có ý nghĩa quan trọng trong đời sống của chúng. Người ta biết chỉ có một vài loài rắn có thể phát ra những âm thanh hết sức đơn điệu qua tiếng kêu rít ở cổ họng nghe “phì phì” như ở rắn hổ đất. Đây chỉ là sự ngộ nhận, và lại trong đêm tối và ở trên cây cao làm sao có thể biết được đó là rắn lục? Có lẽ đó là tiếng kêu của một loài chim ăn đêm nào đó thôi.
2. Có loài rắn nào có hai đầu? Người ta cho rằng rắn trun có một đầu để cắn còn đầu kia để chích. Điều này có đúng không?
 - Có rắn hai đầu nhưng đây là hiện tượng quái thai, rất hiếm có.
3. Có loài rắn nào có móng không?
 - Có một số loài rắn có móng:
 - Rắn vòi (*rhynchophus boulengeri*): Sống ở rừng núi phía Nam Trung Quốc và miền Bắc Việt Nam, dài khoảng 1,3m. Ở cuối mõm của nó có một phần phụ kéo dài thành cái vòi có thể tới 10mm.
 - Rắn lục sừng (*trimeresurus cornutus*) là loài rắn độc dài khoảng 0,5m, sống ở miền núi cao miền Bắc nước ta và là loài rắn rất hiếm gặp. Các vảy ở phía trên mắt phát triển thành một cái u lồi trông tựa như cái sừng.
4. Rắn râu (*erpeton tentaculatum*): sống hoàn toàn dưới nước, khá phổ biến ở vùng đồng bằng Nam Bộ. Rắn dùng cái đuôi dài mảnh khảnh quấn vào các cây cỏ dưới nước rồi thả mình lững lờ, dùng hai cái “râu” dài độ một phân ở trước mõm ngoe nguẩy để nhử mồi.
5. Người ta thường nói “rắn già rắn lột xác”. Vậy sự lột xác có ảnh hưởng gì tới quá trình phát triển của rắn?
 - Rắn vẫn tiếp tục lớn lên trong suốt đời sống mặc dù giai đoạn sau có chậm hơn. Lớp da bao bọc bên ngoài cơ thể cản trở sự tăng trưởng nên rắn phải lột xác. Rắn sẽ cạo sát phần đầu của mõm vào một tảng đá hay gốc cây cho tới khi tuột được lớp da chết này.

Nửa Chùng Xuân

Nửa Chùng Xuân, một trong những tác phẩm chính của Khải Hưng, là một tiểu thuyết luận đề trong đó tác giả nêu ra nhiều vấn đề quan trọng trong sự xung đột giữa “Mới” và “Cũ”, đề cao nếp sống mới, tự do cá nhân, và bài xích mê tín dị đoan.

Nửa Chùng Xuân ra đời năm 1934, lúc mà nước nhà đang sôi sục phong trào Kháng Chiến Chống Pháp; do đó, tác phẩm không khỏi mang màu sắc chính trị mà tác giả đưa vào một cách nhẹ nhàng và khéo léo.

Muốn hiểu tại sao tác giả đặt tên cho cuốn truyện là *Nửa Chùng Xuân*, ta hãy nghe lời Mai nói:

“...chỉ nên coi như nó đã chết hẳn rồi, chết hẳn rồi trong trái tim đau đớn....giữa lúc đầu xanh....nửa chùng xuân...”

Xuân ở đây không chỉ có nghĩa là tuổi trẻ mà còn là sung sướng, hạnh phúc. Có lần Thuý Kiều đã than:

“Những mình nào biết có xuân là gì!”

Ý nghĩa này cũng được biểu hiện trong câu thơ của Tế Hanh:

“Ôi tất cả mùa xuân trong mùa hạ!”

Lời sau đây của nhân vật Lộc giúp ta hiểu dụng ý chính trị của tác giả cũng như hiểu thêm về nhan đề của cuốn truyện:

“Trời ơi! Anh sung sướng quá, anh trông thấy rõ rệt con đường tương lai sáng sủa của anh rồi. Đời anh từ nay thế nào rồi cũng đổi khác hẳn. Đời anh từ nay sẽ không riêng của anh nữa. Anh sẽ vì người khác, anh sẽ bỏ cái đời an nhàn phú quý mà dấn thân vào cuộc đời gió bụi.”

Hai Chị Em (Trang 7-27)

Tóm lược



Vào một buổi chiều thứ bảy, trong khung cảnh nhộn nhịp của trường Bảo Hộ, một thiếu nữ trạc độ mười tám tuổi ngơ ngác bước vào trường. Mai, người thiếu nữ, đang mang tang cha vào trường đón Huy, cậu em trai đang học năm thứ ba. Hai chị em mồ côi cha lẫn mẹ. Cha của Mai bị ốm một năm trước khi qua đời nên nhà rất nghèo, mặc dù trước đó gia cảnh cũng khá giả.

Cụ Tú Lãm, quê ở Ninh Bắc, là người cha tuy nghèo nhưng hiền lành thông thái và hết lòng thương mến và

giáo dục các con. Trước khi lìa đời, cụ để lại ba thứ gia bảo mà ông cha để lại cho cụ và truyền cho hai con. Đó là giữ lòng vui, giữ linh hồn trong sạch, và đem nghị lực ra làm việc. Cụ còn dặn Mai bằng mọi cách cố nuôi cho Huy ăn học thành tài và trở nên người hữu dụng.

Tuy hoàn cảnh nghèo, nhưng Mai vẫn nhớ lời cha dạy mà xoay xở lo tiền học cho Huy. Khi cha chết đi, hai chị em cũng không nhận được sự giúp đỡ của họ hàng. Người thân thích của hai chị em là bác Phán Hai đã tỏ ra lãnh đạm đối với hai cháu. Vì thế, Mai và Huy quyết định không nhờ vào họ hàng. Mai dự định bán nhà để lấy tiền nuôi em tuy rằng Mai rất đau khổ khi sắp phải bán nơi thờ phụng cha mẹ.

Từ Vựng

1. huyên náo	(tt.):	ồn ào	<i>noisy</i>	(adj.)
2. mắng	(đt.):	la, dùng lời nói nặng nêu lên lỗi của người khác	<i>to reprimand</i>	(v.)
3. xe tay	(dt.):	xe hai bánh do người kéo	<i>rickshaw</i>	(n.)
4. vơ vẩn	(tt.):	bâng quơ, không có mục đích rõ ràng	<i>aimless</i>	(adj.)
5. trạc	(trt.):	vào khoảng	<i>about, around</i>	(adv.)
6. chít	(đt.):	quấn chung quanh đầu	<i>to wrap around the head</i>	(v.)
7. khăn tang	(dt.):	khăn trắng thắt ngang đầu để tang	<i>mourning turban</i>	(n.)
8. (điều) tư lự	(dt.):	điều lo nghĩ	<i>worries</i>	(n.)
9. để trở (đại tang)	(đt.):	để tang	<i>to be in mourning</i>	(v.)
10. cắm cổ chạy	(đt.):	mải miết chạy	<i>to run head first</i>	(v.)
11. đánh bạo	(đt.):	tỏ ra bạo dạn, làm liều	<i>to venture</i>	(v.)
12. lo ngay ngáy	(thành ngữ):	rất lo lắng	<i>to be on tenterhooks, to be extremely worried</i>	(idm.)
13. đứng sững như nghẹn lời	(thành ngữ):	đứng yên không nói ra lời vì quá cảm động	<i>to stand motionless and speechless</i>	(idm.)

14. lập thân	(đt.):	tự lập	<i>to establish oneself</i>	(v.)
15. nuơng tựa	(đt.):	nhờ vả; nhờ cậy	<i>to rely on, to depend on</i>	(v.)
16. cưu mang	(đt.):	giúp đỡ trong lúc gặp khó khăn	<i>to support</i>	(v.)
17. giới giăng	(đt.):	dặn dò con cháu trước khi qua đời	<i>to make the last wish before dying</i>	(v.)
18. bộ thất sự	(dt.):	bộ đồ thờ gồm bảy thứ đồ đồng	<i>set of seven pieces of worship objects</i>	(n.)
19. tử trần	(đt.):	chết, từ già cõi trần	<i>to die, to pass away</i>	(v.)
20. lời giáo huấn	(dt.):	lời dạy bảo	<i>teachings</i>	(n.)
21. tối hậu	(tt.):	sau cùng	<i>last of all, ultimate, final</i>	(adj.)
22. ngị lực	(dt.):	ý chí kiên quyết và bền vững	<i>will, determination</i>	(n.)
23. chín suối	(dt.):	cõi âm	<i>the other world</i>	(n.)
24. buột mồm	(đt.):	vô ý nói ra một điều gì	<i>to make a slip of the tongue</i>	(v.)
25. tài quỷ thuật	(dt.):	phép ma quỷ	<i>magic</i>	(n.)
26. khánh kiệt	(tt.):	hết sạch tài sản, của cải	<i>broke</i>	(adj.)
27. thở hồng hộc	(động ngữ):	thở nhanh và mạnh	<i>to breathe hard, to pant</i>	(phrasal v.)
28. sự huyền hoặc	(dt.):	sự huyền bí; sự sâu kín	<i>mystery</i>	(n.)
29. chế riếu	(đt.):	đem ra làm trò cười	<i>to mock</i>	(v.)
30. lờ đờ (đưa mắt)	(trt.):	chậm chạp, mệt mỏi	<i>dully, wearily, tiredly</i>	(adv.)
31. thết	(đt.):	đãi; mời	<i>to treat</i>	(v.)
32. lẩn lút	(đt.):	ẩn nấp, trốn tránh	<i>to sneak in, to hide</i>	(v.)

33. lăn lóc	(đt.):	làm ăn vất vả, nhọc nhằn	<i>to work hard</i>	(v.)
34. nể	(đt.):	tránh làm mất lòng	<i>to have respectful consideration for</i>	(v.)
35. rập rờn	(đt.):	khi nổi khi chìm	<i>to float on the waves</i>	(v.)
36. lãnh đạm	(tt.):	lạnh nhạt; hờ hững	<i>cold, indifferent</i>	(adj.)
37. hắt hủi	(đt.):	đãi xử tệ bạc	<i>to mistreat</i>	(v.)
38. suýt soát	(trt.):	gần bằng	<i>approximately</i>	(adv.)
39. tổ tôm	(dt.):	trò chơi có 120 lá bài, năm người chơi	<i>card game using a deck of 120 cards and played by 5 persons</i>	(n.)
40. chứa chan	(tt.):	nhều lắm	<i>overflowing with</i>	(adj.)
41. khinh khỉnh	(tt.):	có thái độ lạnh nhạt	<i>disdainful</i>	(adj.)
42. bẽn lẽn	(trt.):	một cách thẹn thùng, rụt rè	<i>shyly, coyly</i>	(adv.)
43. cười ngặt nghẽo	(động ngữ):	cười ngả nghiêng cả người	<i>to laugh heartily</i>	(phrasal v.)
44. càu nhàu	(đt.):	lầm bầm, tỏ ý bực mình	<i>to grumble, to grunt</i>	(v.)
45. bồ côi bồ cút	(tt.):	mồ côi mồ cút, không cha không mẹ	<i>orphaned</i>	(adj.)
46. bội hôn	(đt.):	không giữ lời hứa trong việc cưới xin	<i>to break an engagement</i>	(v.)
47. bội ước	(đt.):	không làm đúng lời giao ước, thoả thuận	<i>to break a promise</i>	(v.)
48. ôn thoả	(tt.):	đủ làm vừa lòng, toại ý	<i>satisfactory</i>	(adj.)
49. uất ức	(dt.):	bực tức chất chứa trong lòng	<i>writhe</i>	(n.)

Bài tập 1

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **gia bảo, từ trần, lời giáo huấn, cầu nhau, luống cuống, tội hậu, khổ tâm, buột mồm, để trở, sự huyền hoặc, sa sút, thôn thức, lo ngay ngáy, lẫn lút, rập rờn, lập thân, khinh khỉnh, nường nựa, thông thái, cười ngặt nghẽo.**

1. Nhưng chị _____ đại tang, thì nhận em là em thế nào được?
2. Mai đứng đăm đăm nhìn hai người nói chuyện nhỏ với nhau bằng tiếng Pháp, trong lòng _____ chỉ sợ không được phép gặp em.
3. Và lại ta phải biết _____, chứ cứ _____ vào họ hàng thân thích thì em lấy làm xấu hổ lắm.
4. Huy cũng làm theo chị, đứng dậy cúi đầu gần sát mặt người sắp _____, để nhận lấy _____.
5. Mai _____ nói ra câu đó, rồi chính Mai lại lấy làm lo.
6. Huy bản tính không ưa những _____.
7. Lần nào vào thăm em, Diên cũng _____ như kẻ cắp, không dám để ai biết.
8. Con thuyền nan của khách chơi xuân _____ trên mặt nước.
9. ... chỉ ngắm cái nét mặt _____ của mấy chị em con bác Phán, Mai cũng đủ hiểu rằng Mai đẹp.
10. Mai _____ khiến cô Liên thức giấc, chép miệng thở dài, _____.
11. Mai ngẫm nghĩ, thở dài, vợ vẫn tưởng đến những cảnh gia đình _____.
12. Cụ Tú là một người _____.
13. Cô nhận cho tôi bằng lòng nhé, không có tôi _____ lắm.
14. Bà cụ vừa nói vừa mỉm cười, khiến Mai _____, bẽn lẽn, vội ngồi xuống, thở dài.
15. “Và từ xưa tới nay trừ tình yêu cha mẹ, yêu em ra, cô đã khi nào thấy trái tim _____ vì ái tình?”

Bài tập 2

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **huyền não, ôn tồn, giới giảng, cưu mang, khánh kiệt, hà hiếp, rập rờn, bồ côi bồ cút, khinh khỉnh, uất ức.**

1. Học sinh tan trường làm _____ cả phố xá.
2. Chúng tôi không bao giờ quên những lời ông chúng tôi đã _____.
3. Vì anh ấy nghiện ma túy mà gia tài _____.
4. Ai cũng thương em bé _____.
5. Cô Mít sinh bệnh vì trong lòng có nhiều điều _____.
6. Cậu Bình lúc nào cũng nói năng _____ với mọi người.
7. Bọn địa chủ thường hay _____ nông dân.
8. Tôi đã từng được bạn bè _____ trong những ngày đen tối của cuộc đời.
9. Những đám bèo xanh lơ _____ trên sóng nước.
10. Huy không thích vẻ mặt _____ của mấy chị con bác Phán.

Bài tập 3

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **túng bắn, huyền não, nghị lực, giới giảng, nức nở, hoang đường, thương hại, bỏ cô bỏ cút, ngàn ngừ, lấm tấm.**

1. Mai khóc _____ khi cha chết.
2. Trước khi chết, cụ Tú Lãm _____ với Mai và Huy ba điều.
3. Vì hoàn cảnh _____ nên Mai không có tiền trả học phí cho Huy.
4. Đứng trước cảnh lạ của trường Bảo Hộ, Mai _____ không dám bước vào trường.
5. Lắng nghe hoàn cảnh tội nghiệp của cậu bé, Mai động lòng _____.
6. Cụ Tú nhấn nhủ hai con nên bền chí và đem hết _____ ra làm việc.
7. Vì cha mẹ của Mai và Huy đều chết cả, nên hai người trở thành _____.
8. Mỗi lần nghe một câu chuyện _____ thì Huy cất tiếng cười vang.
9. Mưa xuân rơi _____ với những hạt nhỏ li ti trên mặt hồ.
10. Sân trường trở nên _____ vì tiếng nói cười nồng nhiệt của học sinh.

Bài tập 4

Viết lại đoạn văn sau đây và thêm dấu vào chữ cho đúng nghĩa.

Le tat nhen, ai cung phai chet. Cac con khong nen buon. Luc nao cung phai vui thi moi du can dam, du nghi luc ma song o doi. Hai con nen theo guong cha. Cha vui den gio cuoi cung. Cha hy vong the nao cac con cung lam ve vang cho cha, cho linh hon cha noi chin suoi. Cha hy vong the nao em Huy cung hoc thanh tai va tro nen mot nguoi huu dung cho xa hoi. Cha mat di chang con cua cai gi de lai cho hai con. Cha chi co ba thu gia bao nay ong cha de lai cho cha, nay cha truyen lai cho hai con ma thoi: la giu long vui, giu linh hon trong sach, va dem nghi luc ra lam viec.

Phân Tích

A. Văn thể: Văn xuôi

B. Bố cục: Chương này có thể được chia thành ba đoạn:

1. Trang 7 - 12 (*Một buổi chiều ... tìm Dương Huy*): Mai đến trường Bảo Hộ tìm em.
2. Trang 12 - 24 (*Mười phút sau ... phiên muộn*): Hai chị em chuyện trò, ôn lại dĩ vãng trong khi chờ xe điện.
3. Trang 24 - 27 (*Đêm hôm ấy ... ở nhà ngoài*): Hai chị em đến thăm và nghỉ đêm tại nhà bác Phán.

C. Đại ý: Tình thương của hai chị em đối với nhau.

D. Giọng văn: Trầm buồn

E. Bối cảnh: Trường Bảo Hộ, nhà bác Phán

G. Tình tiết: Mai đến thăm em tại trường.

H. Nhân vật: Mai, Huy

I. Chủ đề: Cảnh nghèo của hai chị em.

K. Nhận xét văn chương:

Văn trong chương này sáng sủa vì tác giả ít dùng từ Hán-Việt. Văn đối thoại linh động, sát với thực tế, diễn tả đúng tâm tư của từng người.

Chúng ta hãy nghe bác canh cổng hồng hách, mĩa mai:

- “Không thì đi, chứ đứng đó nhìn gì? Hay lại chờ cậu nào đấy? Guốc với dép!”

Tác giả đã dùng những từ chính xác như: “xấu hổ, rón rén, lấm lét, ngằn ngu” để tả thái độ rụt rè của Mai. Khi tả người, tác giả chỉ phác qua vài nét đơn sơ nhưng sắc sảo; nhất là khi tả đôi mắt:

- của Mai: “hai con mắt có vẻ hoạt động khác nào hai ngôi sao lấp lánh sau làn mây mỏng.”

- của Huy: “Nhất là cặp mắt sáng quắc của hai người thật hệt như đúc, ...”

- của Cụ Tú: “...bộ mặt hốc hác, mắt sâu hoắm, ...”

Khi tả cảnh cụ Tú đang hấp hối trên giường bệnh, tác giả đã dùng những gam màu tối gợi lên sự thê lương như: ánh sáng rung rinh lơ mờ, sơn đen, sơn đỏ, màn the trắng, đỏ ối..., và những từ tượng thanh như: lách tách, vù vù, lộp độp. Nhất là câu cuối: “Văng vẳng ở xóm xa tiếng chó sủa đêm...” làm cho cảnh đã buồn bã lại càng thêm ảo não.

Những từ như lạnh đậm, hắt hủi, khinh khỉnh, bỏ côi bỏ cút, và bội hôn, bội ước... đủ diễn tả sự phân biệt giàu nghèo.

Lời văn súc tích, hình ảnh sống động một phần nhờ tác giả dùng phép tu từ (mỹ từ pháp-rhetorical devices) thích hợp. Ví dụ:

1. **Phép tượng trưng:** “... áo trắng sờ gấu...” chỉ người đang có tang; “chân tay đầy mực...” chỉ người học sinh.

2. **Phép tượng thanh:** vù vù, lộp độp, keng keng.

3. **Phép ẩn dụ:** “Vì nó không có chị!” hay “sa vào cái cảnh bùn lầy...”

4. **Phép tượng hình:** “con thuyền nan rập rờn...”

Ngữ Pháp

Mệnh Đề, Chủ Ngữ và Vị Ngữ

1. Mệnh Đề

Xét các câu sau đây:

1. Con thuyền nan của khách chơi xuân rập rờn trên mặt nước.
2. Chúng cháu vẫn biết hai bác thương chúng cháu lắm.

Câu 1 có một mệnh đề. **Rập rờn** là động từ.

Câu 2 có hai mệnh đề:

- a. Chúng cháu vẫn biết. **Biết** là động từ.
- b. Hai bác thương chúng cháu lắm. **Thương** là động từ.

Mệnh đề là phần của câu, trình bày một ý kiến hay một sự phán đoán về một sự việc nào đó. Phần chính của mệnh đề là động từ; do đó, trong một câu, có bao nhiêu động từ có chủ từ (conjugated verb) thì có bấy nhiêu mệnh đề.

Ví dụ: - Nếu tôi có tiền, ... (động từ: có)
 - Chúng ta sẽ đi thăm bác Phán. (động từ: đi thăm)

Một mệnh đề thường có hai phần chính: chủ ngữ và vị ngữ.

2. Chủ Ngữ và Vị Ngữ

Chủ ngữ (Subject)

1. Con thuyền nan của khách chơi xuân
2. hai bác
3. Lộc

Vị ngữ (Predicate)

rập rờn trên mặt nước.
thương chúng cháu lắm.
giúp đỡ Mai rất nhiều.

- **Chủ ngữ:** Nhóm từ đứng làm chủ hành động trong câu.
- **Vị ngữ:** Gồm có động từ và những phần còn lại của mệnh đề, nghĩa là tất cả những gì nói về chủ ngữ giúp chúng ta hiểu về chủ ngữ.

Bài tập 5

Dựa theo các động từ, tìm số mệnh đề trong các câu sau:

1. Cô thiếu nữ xấu hổ lui ra mấy bước rồi lại ngần ngừ đứng lại.
2. Cô giật mình quay đầu lại, vì vừa nghe có tiếng giày ở sau lưng.
3. Thầy thư ký đưa Mai vào buồng bên cạnh, trở ghế bảo ngồi đợi.
4. Cha hy vọng thế nào em Huy cũng học thành tài và trở nên một người hữu dụng cho xã hội.

Bài tập 6

Tìm chủ ngữ và vị ngữ trong các mệnh đề ở bài tập 5.

Đọc Hiểu

Bài tập 7

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Tại sao phụ huynh tới trường đón con về vào thứ bảy?
2. Tả khung cảnh trường Bảo Hộ.
3. Tại sao trường có tên là Bảo Hộ?
4. Hình dáng cô thiếu nữ đứng bên hàng rào thế nào?

5. Thái độ của người thư ký đối với Mai như thế nào? Trường hợp em vào một ngôi trường lạ mà gặp người đối xử như thế, em cảm thấy ra sao?
6. Em nghĩ gì về những câu hỏi: “*Chị kia muốn gì?*”; “*Cái gì?*”; “*Đến có việc gì?*”.
7. Tả hình dáng Huy.
8. Tại sao Mai và Huy “đứng sững như nghẹn lời” khi gặp nhau?
9. Tại sao Huy vẫn được tiếp tục học mặc dù chưa thanh toán học phí?
10. Huy còn nhỏ mới học năm thứ ba (lớp 8) mà đã tỏ ra tự trọng. Hãy dẫn chứng điều đó.
11. Huy muốn thôi học để đi làm; Mai dùng cách gì để cản em?
12. Cụ Tú Lãm đã giới thiệu những gì?
13. Ba thứ gia bảo mà cụ Tú để lại cho hai con là gì?
14. Vì sao cụ Tú vào phút lâm chung chỉ mong Huy học thành tài mà không dă động gì đến Mai?
15. Khi nhắc chuyện con hươu vàng đi tìm mẹ, tại sao Huy nói: “*Vì nó không có chị!*”?
16. Tại sao Trọng mến Huy vô cùng?
17. Người ta nói: “*Tấm lòng vàng chỉ có trong những manh áo rách.*” Hãy tìm dẫn chứng trong chương Hai Chị Em của *Nửa Chừng Xuân*.
18. Tại sao các bạn học không thích chơi với Trọng?
19. Giai cấp xã hội vào thời đó được coi như thế nào?
20. Tả lại cá tính của cô Diên.
21. Tại sao ông bà Phán lạnh lùng với chị em Mai và Huy?
22. Vì sao trong cảnh nghèo túng mồ côi mà chị em Mai và Huy lại không bằng lòng với đề nghị của bác Phán.
23. Tại sao Mai ngần ngại không muốn bán nhà?
24. Dự tính của Mai và Huy khác nhau thế nào?
25. Viết lại các sự kiện xảy ra trong phần này.
26. Đại ý của trích đoạn này là gì?

Các câu hỏi từ 27 đến 32 dựa vào đoạn văn dưới đây:

(1) “Ngọn đèn dầu hoả chiếu ánh sáng rung rinh lơ mờ vào những câu đối sơn đen, sơn đỏ treo ở cột, ở tường. (2) Sau bức màn the trắng, bài vị bà Tú đặt trên cái ngai sơn son thếp vàng. (3) Trên bàn thờ, bộ thất sự bằng đồng trông ẩn lộ như trong tấm hình chụp không được rõ.”

27. Tác giả có dụng ý gì khi dùng các từ chỉ màu sắc trong đoạn văn dưới đây?
28. Xét về bản chất và cách dùng, hai động từ “chiếu” ở câu (1) và động từ “trông” ở câu (3) giống nhau hay khác nhau? Nêu lý do vì sao mà giống nhau hay khác nhau?
29. Hai nhóm từ “Sau bức màn the trắng” ở câu (2) và nhóm từ “Trên bàn thờ” ở câu (3) khác nhau hay giống nhau? Nêu lý do?
30. Trong câu (1), “rung rinh lơ mờ” thuộc từ loại gì?
31. Câu (2) là loại câu gì?
32. Chủ ngữ trong câu (3) gồm những từ nào?

Bài tập 8

Cho biết bốn điểm nổi bật mà em có thể nhận ra ở Mai và Huy sau khi học chương Hai Chị Em và cho biết lý do.

Tập Làm Văn

Bài tập 9

1. “*Mai đã cười gượng và ứa hai dòng nước mắt khi gặp lại Huy.*” Viết lại tâm trạng của Mai khi gặp Huy. Kể lại một kinh nghiệm đã xảy ra với em hoặc một người thân có tâm trạng giống như Mai.
2. Trong các anh chị em, ai là người em thân nhất? Hãy kể lại một kỷ niệm đáng nhớ nhất về anh/chị/em đó.
3. Có khi nào em sống xa gia đình chưa? Hãy kể lại hoàn cảnh đó.

Nói Với Nhau

Hai chị em Thuý Vi và Quốc Anh đã qua Mỹ khoảng ba năm. Họ mới tìm được việc bán thời gian nhờ chương trình VIVO. Chương trình này trả một phần lương nếu người chủ mướn học sinh của họ. Thuý Vi thì làm ở Julie's Hallmark và Quốc Anh thì làm ở Michael's trong khu mua sắm Eastridge. Ngày đầu tiên, hai chị em đón xe buýt đi làm. Họ đi rất sớm vì sợ trễ chuyển xe. Trong giờ giải lao, Thuý Vi đi vòng quanh khu thương mại. Nhìn đồ ăn, Vi thấy đói ghê lắm nhưng trong túi chỉ có 1 đô la. Đi qua đi lại, Vi thấy cái bánh “donut” có 99 xu nên mua đại. Cái bánh nhỏ xíu, nhưng Thuý Vi nghĩ đến đứa em làm khu ngoài, chắc không có chỗ mua đồ ăn, nên cô ăn một nửa, để dành cho Quốc Anh một nửa. Tối nay, cô sẽ đi bộ sang chỗ em làm để cùng về chung. Quốc Anh sợ chị thân gái mà đi đêm nên bảo chị ở đó mà chờ Quốc Anh, nhưng Thuý Vi nhất quyết không chịu. Cô bảo Quốc Anh ra trễ hơn, nếu mà đi qua chỗ làm của Thuý Vi nữa thì sẽ tốn thêm thời gian. Thôi cứ để Thuý Vi đi bộ qua và chờ. Cứ như thế, ngày ngày Thuý Vi qua đón em sau khi đi làm ra và lúc nào cũng để dành quà bánh cho em.

Tập Nói Chuyện

1. Em nghĩ gì về Quốc Anh?
2. Em nghĩ gì về Thuý Vi?
3. Theo em, ai nên chờ ai? Ở đâu?

Tập Viết Văn

Giả sử em là Quốc Anh, hãy viết một lá thư cảm ơn chị Thuý Vi.

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

Bé Mi Sắp Lên 11 Tuổi

- Chị Giao:** Sắp đến ngày sinh nhật của em rồi, em thích gì chị sẽ mua cho?
- Bé Mi:** Đồ chơi em có nhiều rồi, quần áo của em cũng vậy, nhiều lắm. Chị không cần mua cho em món gì cả.
- Chị Giao:** Nhưng sinh nhật của em, chị phải tặng quà cho em chứ!
- Bé Mi:** Em có một điều ước, em sẽ ước vào ngày sinh nhật của mình.
- Chị Giao:** Điều ước gì thế? Cho chị biết được không?
- Bé Mi (ngập ngừng):** Chị hứa là chị không giận, em mới dám nói.
- Chị Giao:** Tại sao chị lại giận? Em ước điều gì liên quan đến chị à?
- Bé Mi (rướm rướm nước mắt):** Dạ.
- Chị Giao:** Lại khóc nhè rồi! Nói cho chị nghe, em cần chị làm cho em điều gì?
- Bé Mi (do dự):** Em thích...thích được ở nhà với chị sau khi tan trường, em không thích đi Hào đón em về mỗi khi tan học nữa. Em thích ở nhà mình.
- Chị Giao (im lặng giây lát):** Nhưng...chị cũng đi học làm sao chị đón em được.
- Bé Mi:** Thì đi Hào đón em ở trường rồi đưa em về nhà với chị.
- Chị Giao:** Sao em không chịu ở nhà đi Hào, ngày nào ba mẹ đi làm về cũng ghé đón em mà.
- Bé Mi:** Nhưng tối quá, em muốn về nhà sớm hơn. Nhà đi Hào dù sao cũng không phải là nhà mình.
- Chị Giao:** Em thích ở nhà với chị lắm hả? Chị hay rầy em, em không giận chị sao?
- Bé Mi:** Hơi buồn chút thôi, nhưng nhiều khi chị cũng làm em vui lắm! Em...em thích chị lắm. Năm tới, chị lên đại học rồi, em biết chị sẽ đi học xa. Sao chị không cho em gần chị nhiều hơn? Chị không thích em phải không?
- Chị Giao:** Đâu có. Chị xin lỗi em, chị chỉ lo cho mình mà quên nghĩ đến em. Chị cứ nghĩ ba mẹ thu xếp người chăm sóc cho em như vậy là đủ rồi.
- Bé Mi (buồn buồn):** Nhiều khi em thấy cô đơn lắm chị à! Em hứa em ở nhà với chị, em sẽ lo học bài, làm bài tập; em không quấy rầy chị đâu. Em chỉ muốn hưởng không khí ấm cúng của gia đình nhiều hơn thôi!
- Chị Giao:** Tội nghiệp em quá! Chị sẽ nói với ba mẹ để em được về nhà sớm hơn, chị sẽ cố gắng dành thì giờ để chơi với em.
- Bé Mi (vui vẻ):** Cảm ơn chị. Vậy sinh nhật này sẽ là sinh nhật mà em vui nhất.

Bài tập 10

Chọn câu trả lời đúng nhất.

- Vào ngày sinh nhật thứ mười một, bé Mi thích chị Giao mua quà gì?
 - Búp bê.
 - Quần áo.
 - Sách vở.
 - Không cần mua món gì cả.

2. Bé Mi có một điều ước vào ngày sinh nhật là _____.
- a. được chị Giao đón về khi tan trường
 - b. được ba mẹ đón về khi tan trường
 - c. được về nhà ngay sau khi tan trường
 - d. được đi xem phim hàng tuần
3. Năm tới chị Giao sẽ đi xa để _____.
- a. đi làm việc
 - b. học đại học
 - c. lập gia đình
 - d. cả ba đều sai
4. Chị Giao nói với ba mẹ sẽ thu xếp để bé Mi được về nhà sớm sau giờ học để chơi với chị, bé Mi hứa _____.
- a. sẽ học bài, làm bài tập
 - b. sẽ không chơi trò chơi điện tử
 - c. không quấy rầy chị Giao
 - d. a và c đúng
5. Bé Mi không thích ở nhà dì Hảo sau khi tan học vì _____.
- a. nhà dì Hảo không phải là nhà bé Mi
 - b. bé muốn ở nhà với chị Giao
 - c. bé muốn hưởng không khí gia đình đầm ấm
 - d. cả ba đều đúng

Giáo Dục Đa Văn Hoá

Gia Đình



Có phải là điều kỳ lạ hay không khi chúng ta thường có khuynh hướng đối xử với người lạ tốt hơn là với người trong gia đình rất nhiều?

Chúng ta muốn bạn bè nghĩ tốt về chúng ta. Chúng ta lắng nghe những câu chuyện tâm phào và dành thì giờ nghe chúng nhiều hơn là dành cho con cái hay cho cha mẹ chúng ta.

Cha mẹ ngày nào cũng hy sinh cho chúng ta, nhưng chúng ta hầu như không có lấy một giây để nghĩ tới họ.

Mặt khác, nếu người ngoài cho chúng ta một chút gì đó, chúng ta lập tức ghi lòng tạc dạ.

Bạn có bao giờ mời người hoàn toàn xa lạ ăn tối chưa? Đây là những gì xảy ra:

Bạn tiêu hết bốn tiếng đồng hồ đi mua sắm, và xài hết số tiền dành mua nhu yếu phẩm cho cả tuần. Rồi bạn bỏ cả một buổi chiều để dọn bàn cùng với bộ đồ ăn bằng bạc đẹp nhất của bạn. Bạn chạy qua nhà hàng xóm mượn cho được một bộ ly tách hảo hạng. Bạn lôi ra những cây đèn nến. Bạn tắm rửa con chó cưng thật sạch sẽ.

Bạn dọn một bữa tiệc hải sản tráng lệ huy hoàng... và rồi bạn chẳng bao giờ gặp lại những người đó lần nữa.

Tuần sau, ba má bạn ghé thăm và được lãnh những món còn thừa lại... một con gà gói trong túi giấy!

Có lẽ lâu lâu chúng ta cũng nên đổi ngược lại. Hãy dành tôm hùm và sâm banh cho ba và má. Khi những người bạn không thân tới ăn tối, bạn hãy nói, “Rất tiếc chỉ còn gà rán trong túi giấy. Giá như anh (hay chị) tới đây tuần trước. Ba má tôi vừa mới ghé thăm.”

(Theo *Happiness Now* của Andrew Matthews, nhà xuất bản Seashell)

Giáo Dục Hướng Nghiệp

Thư Ký Văn Phòng

Nhiệm vụ thư ký văn phòng thường thay đổi tùy theo nhu cầu của chủ nhân và công việc. Họ thường làm công việc sắp xếp, lưu trữ hồ sơ, và đánh máy. Những người khác nhập số liệu vào máy tính. Họ cũng sử dụng máy photocopy, máy fax, và những thiết bị văn phòng khác cũng như chuẩn bị thư từ, đọc tài liệu và trả lời điện thoại.

Thư ký ở phòng mạch bác sĩ không có cùng công việc như thư ký ở một trung tâm tài chánh lớn hay ở một nơi đại lý bán phụ tùng xe hơi. Chẳng hạn như thư ký ở phòng mạch sắp xếp hồ sơ bệnh nhân, điện thoại nhắc hẹn...; thư ký một tổ hợp có thể chuẩn bị tài liệu cho buổi thuyết trình, hay một thư ký của cơ sở thương mại có thể điện thoại đặt hàng. Công việc thư ký thay đổi tùy theo kinh nghiệm. Người không kinh nghiệm có thể copy giấy tờ, sắp xếp thư từ, đánh máy văn bản. Người có tay nghề cao hơn thì lưu giữ chứng từ tài chánh, lập bảng chiết tính, kiểm tra báo cáo thống kê chính xác và phức tạp, chuẩn bị hoá đơn, yêu cầu thanh toán, sổ sách hoặc tiền bạc, v.v...



Thư ký văn phòng cần tốt nghiệp trung học phổ thông hay tương đương, sử dụng máy vi tính bao gồm đánh máy, sử dụng thành thạo Microsoft Word, Microsoft Excel và một số chương trình cơ bản khác. Những lớp dạy nghề thường mở ra ở trường trung học, trường dạy nghề và các đại học cộng đồng.

Tục Ngữ và Ca Dao

1. Máu chảy ruột mềm.
2. Quyền huynh thế phụ.
3. Chị ngã em nâng.
4. Môi hở răng lạnh.
5. Con một mẹ như hoa một chùm,
Yêu nhau nên phải bọc đùm lấy nhau.
6. Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

7. Anh em như thể chân tay,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.
8. Một giọt máu đào hơn ao nước lã.
9. Một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ.
10. Bà con khó xin đừng bỏ,
Kẻ lạ dầu sang cũng chớ đưa.

Bài Đọc Thêm

Anh Em Nhà Wright

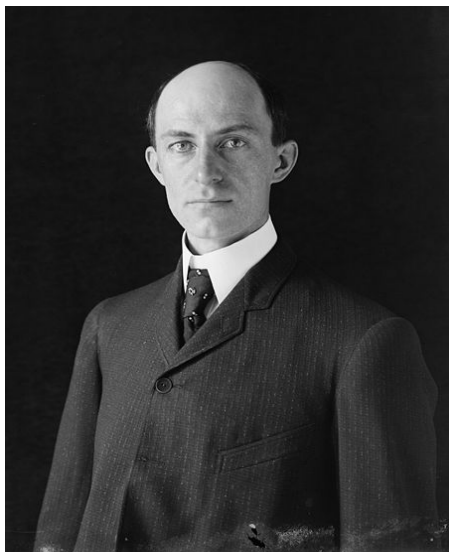
Anh em nhà Wright là hai anh em người Mỹ: Orville Wright và Wilbur Wright. Họ là những người sáng chế và thử nghiệm thành công chiếc máy bay đầu tiên.

Chuyến bay đầu tiên trong lịch sử nhân loại được thực hiện vào ngày 17 tháng 12 năm 1903 tại đồi Kill Devil, Kitty Hawk, tiểu bang Bắc Carolina, Mỹ. Mỗi anh em thực hiện hai chuyến bay vào ngày hôm đó. Lần bay đầu tiên, do Orville thực hiện kéo dài 12 giây và bay được khoảng 36.5 mét (120 ft). Lần bay cuối cùng, do Wilbur thực hiện kéo dài 59 giây và đi được 296 mét. Chiếc máy bay lúc đó được gọi là Flyer I. Nó có sải cánh khoảng 12 mét và nặng khoảng hơn 300 kg, với động cơ xăng 12 mã lực. Hiện nay nó đang được đặt tại Viện Bảo Tàng Hàng Không và Không Gian Quốc Gia Hoa Kỳ tại Washington, D.C.

Tuy chiếc máy bay chưa thể tự cất cánh mà phải nhờ một thiết bị phóng bằng vật nặng cho thả rơi và khi cất cánh, hạ cánh phải lựa theo chiều gió, nhưng sự kiện này đã gây ra được tiếng vang dư luận rất lớn. Hai anh em thiên tài nhà Wright đã biến giấc mơ từ ngàn xưa của loài người thành sự thật.



Orville Wright



Wilbur Wright

Nửa Chừng Xuân Ân Nhân (Trang 28-49)

Tóm lược



Lộc, con trai quan án sát huyện Đông Anh và làm tham tá ở Hà Nội, gặp Mai trên toa xe lửa đi Thạch Lỗi, Phúc Yên. Lộc và Mai chuyện trò về gia đình hai bên. Hai bên biết nhau khi Mai 11 tuổi, cụ Tú đến dạy cho hai em gái của Lộc. Cả cụ Tú Lãm và cha của Lộc đã qua đời. Mai quyết định bán nhà để có tiền trả tiền học cho Huy. Lộc không muốn Mai bán nhà vội vàng vì sẽ không được giá. Chàng tặng Mai bốn tờ năm đồng để Mai tạm lo cho Huy. Lộc trao cho Mai một danh thiếp và hứa giúp đỡ thêm nếu cần.

Mai xuống ga Thạch Lỗi, rảo bước trên con đường “lắm tấm mưa xuân, cỏ xanh mơn mơn”, và mơ đến hạnh phúc lứa đôi với Lộc. Với tính lạc quan, yêu đời, Mai chia sẻ niềm vui của nàng với mọi người nàng gặp khi đi bộ về nhà.

Sinh Hoạt

A. Nghe bài hát “Mộng Dưới Hoa” từ Paris By Night rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Mộng Dưới Hoa

Thơ: Đinh Hùng

Nhạc: Phạm Đình Chương

1. Chưa gặp em, tôi vẫn nghĩ rằng
2. Có nàng thiếu nữ _____ như trăng
3. Mắt xanh là bóng dừa hoang dại
4. Âu yếm nhìn tôi _____ nói năng
5. Ta gặp nhau yêu chẳng hạn kỳ
6. Mây ngàn gió núi _____ trên mi
7. Áo bay mở khép nghìn tâm sự
8. Hò hẹn lâu rồi _____ nói đi
9. Nếu bước chân ngà có mỗi
10. Xin em dựa sát lòng _____
11. Ta đi vào tận rừng xanh

12. Vót cánh rong vàng bên _____
13. Ôi hoa kề vai, hương ngát mái đầu
14. Đêm nằm nghe bước mộng _____ mau
15. Gió ơi gọi gió lời tâm niệm.
16. Và nguyện muôn _____ ta có nhau
17. Tôi cùng em, mơ những chốn nào
18. Ước nguyện chung _____ mộng trắng sao
19. Sánh vai một mái lầu phong nguyệt
20. Hoa bướm vì em _____ cánh chao
21. Hy vọng thơm như má chớm đào
22. Anh chờ em tới hẹn _____ bao
23. Dưới hoa tường thấy ngàn sao rụng
24. Hoà lệ ân _____ nuôi khát khao
25. Bước khẽ cho lòng _____ nhỏ
26. Bao nhiêu mộng ước phù du
27. Ta say thành mộng nghìn _____
28. Núi biếc sông dài ghi nhớ
29. Ôi chưa gặp nhau như _____ ước thề
30. Mây hồng giăng tám ngả sơn khê
31. Bóng hoa ngả xuống bàn _____ mộng
32. Và mộng em cười như giấc mê.

B. Nghe bài hát “Lý Quạ Kêu” rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Lý Quạ Kêu

Dân Ca Nam Bộ

1. Kêu cái mà _____, kêu cái mà quạ kêu.
2. Quạ kêu _____, tắc đáo _____,
3. Người dung khác họ, chẳng _____ thời kia.
4. Nay dĩa thời mai ở, ban ngày thời _____, tối ở quên dĩa.
5. Rằng a í a ta dĩa, lòng _____ thương.
6. Rằng a í a ta dĩa, _____ thương nhớ thương.

Từ Vựng

- | | | | |
|-----------------------|--|----------------------------------|--------|
| 1. ân nhân | (đt.): người giúp đỡ người khác trong lúc khó khăn | <i>benefactor</i> | (n.) |
| 2. thủng thảng | (trt.): thông thả, khoan thai | <i>leisurely</i> | (adv.) |
| 3. khuây | (tt.): được tạm quên | <i>temporarily relieved from</i> | (adj.) |
| 4. định tâm | (đt.): cố ý, có chủ tâm | <i>to intend</i> | (v.) |

5. cáo biệt	(đt.):	chào từ biệt	<i>to bid farewell</i>	(v.)
6. đặt phịch	(đt.):	để xuống đất một cách nặng nề	<i>to put down something with a thud</i>	(v.)
7. cơ nghiệp	(dt.):	của cải, tài sản	<i>possessions, asset</i>	(n.)
8. năn nỉ	(đt.):	năn nỉ, khẩn khoản yêu cầu	<i>to request with insistence</i>	(v.)
9. sa sút	(tt.):	nghèo túng đi	<i>fallen into poverty</i>	(adj.)
10. chất phác	(tt.):	thật thà, mộc mạc	<i>simple-hearted, simple minded</i>	(adj.)
11. ngơ ngác	(trt.):	có vẻ không biết gì cả	<i>in bewilderment</i>	(adv.)
12. huyên thiên	(trt.):	liên tục, không ngừng	<i>loquaciously</i>	(adv.)
13. ôn tồn	(trt.):	nhẹ nhàng; êm dịu	<i>nicely, calmly</i>	(adv.)
14. lẳng lơ	(tt.):	có vẻ tán tỉnh, khêu gợi	<i>flirtatious</i>	(adj.)
15. bỡn cợt	(tt.):	để đùa vui	<i>jestful</i>	(adj.)
16. (lúc) quẫn bách	(dt.):	bần cùng, túng rỗi	<i>extreme misery</i>	(n.)
17. ng nghiêm trang	(tt.):	đứng đắn với vẻ trân trọng tôn kính	<i>serious</i>	(adj.)
18. thông thái	(tt.):	học rộng và hiểu biết nhiều	<i>learned, erudite</i>	(adj.)
19. gia bản	(dt.):	hoàn cảnh gia đình	<i>family status</i>	(n.)
20. trạng lòng	(đt.):	động lòng vì cảm xúc	<i>to be susceptible to</i>	(adj.)
21. hà hiếp	(đt.):	áp bức tàn nhẫn	<i>to oppress</i>	(v.)
22. hồ ế	(trt.):	đâu có dễ dàng xảy ra	<i>hardly (to do something)</i>	(adv.)
23. đây đây	(trt.):	một cách kiên quyết	<i>with determination</i>	(adv.)

24. khổ tâm	(tt.):	đau đớn trong lòng	<i>heart-broken</i>	(adj.)
25. hầu bao	(dt.):	túi nhỏ đeo ở thắt lưng	<i>belt purse</i>	(n.)
26. luống cuống	(đt.):	mất bình tĩnh, lúng túng	<i>to be confused in gestures</i>	(v.)
27. tất tả	(trt.):	lật đật; vội vã	<i>in a hurried manner</i>	(adv.)
28. thoăn thoắt	(trt.):	nhANH NHẸN và NHẸ NHANG	<i>nimbly</i>	(adv.)
29. nhã nhặn	(tt.):	lịch sự, có lễ độ	<i>nicely, politely</i>	(adj.)
30. thổn thức	(đt.):	khóc thầm; (tim) rung động, hồi hộp	<i>to sob; to throb with emotion</i>	(v.)
31. thung thăng	(đt.):	đi thong thả, không vội vàng	<i>to amble</i>	(v.)
32. án sát	(dt.):	chức quan phụ trách việc hình (luật pháp) ở một tỉnh thời xưa	<i>feudal provincial mandarin in charge of criminal cases</i>	(n.)
33. tham tá	(dt.):	tham biện, công chức cao cấp trong các công sở thời Pháp thuộc	<i>high official</i>	(n.)
34. thừa phái	(dt.):	thư ký trong công sở của Nam triều thời Pháp thuộc	<i>office secretary</i>	(n.)
35. trợ giáo	(dt.):	giáo viên dạy tiểu học trong thời Pháp thuộc	<i>primary school teacher</i>	(n.)
36. công tử	(dt.):	con trai nhà quan lại, quyền quý, giàu có thời xưa	<i>mandarin's son</i>	(n.)
37. chiếc bách	(dt.):	thuyền bằng gỗ bách (cây tựa cây thông)	<i>wooden boat</i>	(n.)

Bài tập 1

Đặt câu với mỗi từ sau đây:

- | | |
|---------------|----------------|
| 1. ân nhân | 6. thoăn thoắt |
| 2. định tâm | 7. thổn thức |
| 3. quần bách | 8. án sát |
| 4. trạnh lòng | 9. trợ giáo |
| 5. khổ tâm | 10. hà hiếp |

Bài tập 2

Ghép mỗi từ ở cột A với định nghĩa thích hợp ở cột B.

A	B
1. cơ nghiệp	a. đứng đắn
2. chất phác	b. lúng túng
3. ôn tồn	c. thư ký
4. nghiêm trang	d. tài sản
5. luống cuống	e. học rộng
6. tất tả	g. thật thà
7. nhã nhặn	h. con quan
8. thừa phái	i. êm dịu
9. công tử	k. lật đật
10. thông thái	l. lịch sự

Bài tập 3

Tìm từ phản nghĩa với những từ sau đây:

1. chất phác	≠	_____
2. sa sút	≠	_____
3. nghiêm trang	≠	_____
4. luống cuống	≠	_____
5. tất tả	≠	_____

Phân Tích

A. Văn thể: Văn xuôi

B. Giọng văn: Trầm buồn

C. Bối cảnh: Trên xe hoả

D. Nhân vật: Mai, Lộc, bà cụ già với hai cô con gái

E. Đại ý: Tình đầu chớm nở (hay rung động đầu đời).

G. Bố cục: Chương này có thể được chia thành năm đoạn:

1. Trang 28 - 30 (*Khi ra tới ... giờ xe chạy*): Mai ra ga xe hoả để trở về làng.
2. Trang 30 - 31 (*Bỗng Mai ... giữ chỗ*): Mai đến ga xe hoả đợi tàu đến.
3. Trang 31 - 42 (*Chiếc toa ... chào thầy*): Gặp Lộc trên xe hoả: ôn chuyện cũ, thọ ơn Lộc, tình đầu chớm nở.
4. Trang 42 - 45 (*Lộc sang toa ... xuống đây*): Mai xuống xe để đi bộ về làng.
5. Trang 45 - 49 (*Vì ở ga ... như cô*): Trên đường về làng, Mai vừa đi vừa mơ mộng đến tương lai sáng lạn của mình.

Mệnh Đề Làm Túc Từ

Xét các câu sau đây:

1. “Mai **mơ thấy** chàng đến xin cưới mình làm vợ.”
2. “Cô **tưởng tượng** đang đi trên dãy chiếu màu hồng viền cạp xanh.”

Cả hai câu trên đều là câu phức hợp.

Trong câu 1, mệnh đề phụ “*chàng đến xin cưới mình làm vợ*” là túc từ trực tiếp của động từ **mơ thấy**.

Trong câu 2, mệnh đề phụ “*(cô) đang đi trên dãy chiếu màu hồng viền cạp xanh*,” là túc từ trực tiếp của động từ **tưởng tượng**.

Trong những câu phức hợp, khi động từ trong mệnh đề chính là: **nói rằng, nghĩ rằng, hy vọng rằng, tưởng rằng, v.v...** thì mệnh đề phụ theo sau là túc từ trực tiếp của các động từ đó.

Bài tập 4

Xác định mệnh đề chính (mđc) và mệnh đề phụ (mđp) trong các câu sau đây, và nêu chức vụ của mệnh đề phụ.

1. Chúng cháu vẫn biết hai bác thương chúng cháu lắm.
2. Cô biết rằng ngồi đối diện với các bà tính tình chất phác ấy thì bao giờ cũng có chuyện.
3. Bà lão bảo Mai đến ngồi nói chuyện cho vui.
4. Mai cho là người kia muốn trêu ghẹo.
5. Bây giờ cô mới hiểu rằng cô chỉ là một chiếc bích giữa giòng.
6. Tôi chưa hề thấy cô tưởng đến cô.
7. Em đang nhớ tới những ngày chúng ta còn bé.
8. Mai nhìn chiếc thuyền lướt đi trong cảnh rộng bao la.
9. Em mong Huy học đến nơi đến chốn.
10. Cô hy vọng sẽ sống một đời tương lai tốt đẹp.

Bài tập 5

Viết năm câu phức hợp. Dùng các động từ sau đây trong mệnh đề chính: **tưởng, hy vọng, bảo, lo, nghe**; các mệnh đề phụ phải là túc từ cho các động từ đó.

- Ví dụ:*
1. Bạn tôi **tưởng** tôi không đến được.
 2. Ba tôi **hy vọng** tôi thi đậu.
 3. Mẹ tôi **bảo** tôi chuẩn bị đi học.
 4. Tôi **lo** chị tôi đi lạc đường.
 5. Ba tôi **nghe** mẹ tôi đã đến nơi an toàn.

Độc Hiểu

Bài tập 6

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Ân nhân là gì?
2. Tại sao Mai cảm thấy khổ tâm khi gặp bác Phán?
3. Bác Phán khuyên chị em Mai làm gì?
4. Phản ứng của Mai và Huy khác nhau thế nào đối với ý định của ông bà Phán?
5. Ai là những người bạn đường của Mai trên xe hoả?
6. Họ là những người như thế nào?
7. Tại sao trên xe lửa Mai thích ngồi gần các bà nhà quê chất phác?
8. Họ có đóng góp gì trong cuộc gặp gỡ giữa Mai và Lộc hay không?
9. Khi Lộc và Mai gặp nhau trên xe lửa, họ đã nói về chuyện gì?
10. Mai và Lộc đã từng biết nhau trước trong trường hợp nào?
11. Khi Mai nhìn những chiếc thuyền buồm lướt đi trong cảnh rộng bao la thì cô ấy liên tưởng đến điều gì?
12. Khi Mai kể cho Lộc nghe dự tính của mình về tương lai của Huy thì Lộc hỏi lại “*Nhưng còn cô?*”, “*tôi chưa hề thấy cô tưởng đến cô?*”? Em có nhận xét gì về chi tiết này?
13. Lộc có dụng ý gì khi giúp đỡ Mai không? Tại sao?
14. Câu chuyện bắt đầu xảy ra vào mùa nào? Dẫn chứng.
15. Em có đồng ý với câu: “*Những con người sẵn có lòng tốt thì trong khi sung sướng bao giờ cũng tưởng tới những người mình yêu mến*” không? Tại sao? Trường hợp đó có xảy ra với em không?
16. Mai nghĩ gì về Lộc?
17. Câu “*Cô muốn ai ai cũng sung sướng như cô*” ám chỉ niềm vui gì của Mai?
18. Viết lại các chi tiết trong chương này.

Tập Làm Văn

1. Trên chuyến xe hoả đi Phúc Yên, Lộc đã để ý Mai và đến làm quen. Kể lại cảnh Lộc làm quen Mai. Theo em, lối làm quen của Lộc có thích hợp không? Nếu em là Lộc, em sẽ hành động như thế nào?
So sánh cách thức nam nữ làm quen với nhau thời xưa và thời nay.
2. Mai ngần ngại không muốn lấy hai chục của Lộc vì sợ mang ơn. Nếu em ở trong hoàn cảnh Mai, em có nhận tiền của Lộc không? Nếu có, tại sao? Nếu không, tại sao?

Nói Với Nhau

Lớp 6: Kim Duyên và Đông Hải cùng học chung lớp 6 chuyên toán ở trường Nguyễn An Khương. Bạn trong lớp của Duyên và Hải rất đoàn kết; nhưng thời đó, bọn con gái của Duyên không thích chơi với con trai lắm. Riêng Duyên thì không thích Đông Hải vì hắn là dân mới mà lúc nào cũng chọc ghẹo Duyên. Duyên nghĩ Đông Hải thật là vô duyên.

Lớp 11: Đúng là duyên số. Tự nhiên bánh xe đạp của Duyên bị xẹp. Đang loay hoay không biết làm gì thì Đông Hải đi ngang và tình nguyện chở cô về. Tuy không muốn đi, nhưng xe hư thì đành vậy. Hắn đèo cô trên chiếc xe Dream láng coóng, còn cô thì ráng kéo theo xe đạp cũ kỹ của mình. Hắn chở cô đến chỗ vá xe và ngồi đợi cô. Tự nhiên, cô thấy hắn cũng không đáng ghét như hồi xưa. Chẳng những thế hắn đi mua cho cô ly nước mía và nhất định chở cô về đầu cho xe đã sửa xong.

Lớp 12: Không biết từ lúc nào, Kim Duyên nghiêm nhiên có một người tài xế trung thành. Cứ sáng sớm là hắn đến đón cô đi học, và chiều thì hắn đã chờ sẵn trước cổng trường. Duyên không phải lọc cọc với chiếc xe đạp cũ rích kia nữa. Thôi kệ, cứ cho cái người vô duyên kia chở đi. Cứ ráng không nhớ đến những lần hắn bắt sâu làm Duyên muốn té xỉu hay những lần hắn bỏ trái mắt mèo lên ghế Duyên ngồi, làm Duyên ngứa ngáy, ngồi không yên giống con khi đột.

Dại Học: Cứ thế mà Duyên và Hải đã bên nhau hơn bốn năm rồi. Thật là hạnh phúc.

Sở Làm: Hải và Duyên vẫn quấn quít bên nhau. Việc đưa đón vẫn hằng ngày. Giờ trưa thì Hải qua đón Duyên đi ăn chung. Cái hạnh phúc tưởng chừng như bất diệt nhưng đột nhiên... Duyên đi lấy chồng với một người cùng sở. Còn Hải thì buồn bã bỏ đi du học ở Úc.

Tập Nói Chuyện

1. Em nghĩ gì về Kim Duyên?
2. Em nghĩ gì về Đông Hải?
3. Em nghĩ gì về duyên nợ của Duyên và Hải?

Tập Viết Văn

Cuộc tình Kim Duyên và Đông Hải tan rã vì cái đám cưới bất ngờ của Kim Duyên. Theo em chuyện gì đã xảy ra khiến Kim Duyên lập gia đình quá vội vàng? Hãy viết một đoạn văn ngắn cho biết sự suy đoán của em.

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

- Vivian:** Mẹ ơi! “Chim quỳên ăn trái nhãn lồng.
Người dung khác họ, đem lòng nhớ thương” nghĩa là sao?
- Mẹ:** Ngày xưa khi trai gái tỏ tình với nhau, họ hay nói xa xôi rồi mới tỏ ý thật của mình. Câu ca dao này cũng mang ý đó.
- Vivian:** Hèn chi! Tự nhiên con thấy đang nói chuyện con chim quỳên ăn trái nhãn lồng lại bắt qua chuyện người dung khác họ.
- Mẹ:** Ừ, đó là cái khéo, cái tinh tế trong ca dao.
- Vivian:** Nhưng sao lại “người dung khác họ”? “Người dung” là người không có bà con với mình nhưng đã chắc gì “khác họ”.
- Mẹ:** Con nói đúng rồi đó. “Người dung” đây để chỉ người không cùng huyết thống với mình thôi.
- Vivian:** Như vậy nếu hai “người dung khác họ” mà thương nhau tức là họ có duyên nợ với nhau phải không?
- Mẹ:** Nếu họ chỉ quen nhau và thương nhau là họ có duyên với nhau, và họ thành chồng vợ thì ta nói là họ có nợ với nhau.
- Vivian:** Vậy ba và mẹ là có nợ với nhau, nhưng mà trước kia có duyên với nhau không?
- Mẹ (cười):** Có chứ! Ba mẹ gặp nhau và yêu thương nhau rồi mới cưới nhau.
- Vivian:** Chắc lúc đó ba mẹ thương nhau dữ lắm!
- Mẹ:** Ừ, ba con là người tốt nhất mà mẹ được gặp.
- Vivian:** Con mong rằng sau này con cũng được một người yêu thương và tốt như ba.
- Mẹ:** Ba mẹ đều cầu mong cho con được như vậy.



Bài tập 7

Chọn câu trả lời đúng nhất.

1. Ngày xưa khi người con trai muốn tỏ tình với người con gái, họ thường hay

- _____.
- a. nói thẳng
 - b. nói vòng vo
 - c. nhờ mai mối
 - d. nhờ bạn bè

2. “Người dung khác họ” là người _____.

- a. không cùng họ với mình
- b. không cùng tên với mình
- c. không cùng quê với mình
- d. không bà con với mình

3. Hai người thương nhau tha thiết nhưng không thành vợ chồng nghĩa là _____.

- a. họ không có nợ với nhau
- b. họ không có duyên với nhau
- c. họ không muốn sống với nhau
- d. họ chỉ muốn làm bạn với nhau

4. Ba và mẹ của Vivian _____.

- a. từng có duyên với nhau
- b. vừa có duyên, vừa có nợ với nhau
- c. không có duyên, cũng không có nợ với nhau
- d. có duyên nhưng không có nợ với nhau

5. Vivian mơ ước sau này lập gia đình với người tốt như _____.

- a. anh mình
- b. chú mình
- c. ba mình
- d. cậu mình

Giáo Dục Đa Văn Hoá

Hệ Thống Toà Án Hoa Kỳ

Hệ thống toà án Hoa kỳ là một trong ba chi nhánh độc lập (lập pháp, tư pháp, và hành pháp) của nhà nước liên bang theo nguyên tắc phân quyền (separation of powers). Hoạt động độc lập của các toà án (tư pháp) đối với chính phủ (hành pháp) và quốc hội (lập pháp) thể hiện một triết lý quan trọng của hệ thống chính trị Hoa kỳ, đó là quyền lực phải được phân tán giữa các cơ quan nhà nước nhằm ngăn ngừa bị tập trung và lạm dụng bởi một đảng phái chính trị, tổ chức, hay cá nhân. Triết lý này được thực thi qua cơ chế kiểm soát và cân bằng (checks and balances) giữa ba nhánh của quyền lực nhà nước.

Các cơ quan tư pháp Hoa kỳ được tổ chức theo mô hình liên bang liên kết với tiểu bang bao gồm hệ thống toà án liên bang, hệ thống toà án tiểu bang, và ở các vùng thủ đô Washington D.C., đảo Puerto Rico, đảo Guam, đảo Samoa, quần đảo Bắc Mariana, và quần đảo Virgin thuộc Hoa kỳ. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của các hệ thống toà án tương đối giống nhau, gồm có toà án tối cao (supreme court), các toà án phúc thẩm (court of appeals), và các toà án địa phương (district court) theo thứ tự từ cao xuống thấp. Toà án cấp cao hơn thường chỉ thụ lý những án đã qua sơ thẩm hay phúc thẩm ở những toà cấp dưới.

Ngoại trừ tiểu bang Louisiana và đảo Puerto Rico, các hệ thống toà án Hoa kỳ theo truyền thống thông luật (common law) thay vì dân luật (civil law), tức là ngoài hiến pháp (constitution) và các điều luật trong các bộ luật khác nhau (statute, regulation, ordinance) căn cứ



quyết định của toà còn dựa trên án lệ (case law) của các toà cấp tương đương hoặc cao hơn. Vì thế cho nên phán quyết của một toà có ảnh hưởng trực tiếp đến các toà cùng cấp và cấp thấp hơn do quyết định đó đã tạo nên một tiền lệ, hay định hướng, cho những án xử tương tự trong tương lai. Một án lệ có hiệu lực vĩnh viễn cho đến khi bị bác bỏ bởi một toà án cấp tương đương hoặc cao hơn.

Một đặc điểm quan trọng khác của thông luật, mà Hoa kỳ là một trong những nước áp dụng, là bồi thẩm đoàn (jury) quyết định bản án. Đây là truyền thống có lịch sử khoảng 1000 năm bắt nguồn từ hệ thống pháp lý của Vương quốc Anh. Như vậy, cùng với hiến pháp, các bộ luật, và án lệ, thì quyết định của bồi thẩm đoàn là một trong những nguồn của luật pháp. Bồi thẩm viên là những công dân có đủ năng lực, từ 18 tuổi trở lên, được lựa chọn ngẫu nhiên trong dân chúng tại địa phương nơi tiến hành xử án.

Theo *Định Công Bằng*

Giáo Dục Hướng Nghiệp

Ngành Luật tại Mỹ

Ngành luật tại Mỹ là một ngành học sau đại học nghĩa là trước khi ghi danh học luật, sinh viên cần có một bằng đại học thuộc bất kỳ ngành học nào tại các trường ở Mỹ.

Muốn trở thành luật sư ở Mỹ, sinh viên phải học thêm ít nhất là ba năm chương trình JD tức Juris Doctor. Đây là chương trình cơ bản nhất cho những ai muốn hành nghề luật tại Mỹ. Tuy nhiên, sinh viên phải học luật tại các trường được Hiệp Hội Các Luật Sư Mỹ công nhận (American Bar Association (ABA) Approved Law Schools). Sau khi tốt nghiệp, sinh viên phải trải qua một kỳ thi để có thể tham gia vào một luật sư đoàn, đến khi được cấp chứng chỉ hành nghề.

Sau khi học xong chương trình JD, nếu muốn học thêm chuyên môn, sinh viên có thể học khoá Master of Law hay LL.M trong một năm. Vì bằng JD đã đủ để hành nghề luật tại Mỹ nên thường sinh viên luật của Mỹ rất ít người theo học tiếp LL.M. Tuy nhiên các du học sinh thường tham gia các khoá LL.M để sau khi tốt nghiệp về nước hành nghề sẽ có những kiến thức sâu sắc về luật Mỹ và luật quốc tế.

Những sinh viên muốn nghiên cứu sâu hơn về luật Mỹ và muốn giảng dạy sau khi tốt nghiệp thì có các khoá Doctor of Juridical Science hay S.J.D. (hoặc J.S.D.). Tất nhiên các sinh viên này phải hoàn tất chương trình học JD và LL.M.

Tục Ngữ, Ca Dao và Thành Ngữ

1. Duyên nợ ba sinh.
2. Gặp em giữa chốn dò đưa,
Trách trời vội tới, phân chưa hết lời.
3. Linh đình một chiếc thuyền tình,
Mười hai bến nước biết mình vào đâu.
4. Có duyên ngàn dặm cũng gần,
Vô duyên dầu gặp mấy lần cũng xa.

5. Một là duyên, hai là nợ, ba là tình,
Cái chiêm bao bao lần quất bên mình năm canh.
6. Bâng khuâng, bát ngát, câu hát hữu tình,
Căn duyên tiền định, hai đứa mình gặp nhau.
7. Em hỏi anh ai biểu, ai bày,
Anh lâm xâm bước tới chốn này gặp em?
8. Phu thê bất khả trùng tánh. *(Vợ chồng không thể trùng họ với nhau.)*
9. “Người đâu gặp gỡ làm chi!
Trăm năm biết có duyên gì hay không?” *(Kiều)*

Bài Đọc Thêm

Khi Cuộc Sống Gặp Khó Khăn

Làm sao sống nổi khi cuộc sống trở nên khắc nghiệt?
Làm sao tiếp tục chịu đựng nổi khi bạn đang khổ sở, cô đơn hay túng quẫn?
Bạn chỉ có thể giải quyết những vấn đề ấy như thể bạn đang leo núi...
Giả thử như bạn đang leo núi - và bạn bị mắc kẹt vào cái gờ đá - thế là đột nhiên bạn phải hết sức tập trung vào cái khoảnh khắc hiện tại ấy!
Bạn quên hết mọi chuyện xa xôi. Tất cả mọi nỗ lực của bạn đều dồn vào cái bước kế tiếp mà bạn sẽ làm. Rồi cái bước kế tiếp nữa. Từng phân một.
Cuối cùng bạn nhích từng phân một ra khỏi tai nạn.
Đây cũng là phương cách rất hữu hiệu trong cuộc sống hằng ngày.
Khi công chuyện có vẻ như vô phương cứu chữa, bạn hãy tập trung vào ngay cái khoảnh khắc bạn đang sống.
Bạn giải quyết từng vấn đề một. Bạn tiến được một bước. Tự tin lên một chút... rồi bạn tiến thêm một bước nữa, rồi một bước nữa.
Cuối cùng bạn bỗng nhận ra rằng điều tồi tệ nhất không còn nữa.
Nếu bạn lo âu phiền muộn về:
a. tất cả những điều bạn cần phải làm trong tháng tới, hay là
b. tất cả những điều bạn sợ rằng sẽ không ra gì trong năm tới.
Thế thì bạn có thể phát điên.
Nhưng bạn có thể giải quyết mỗi lần từng ngày một.
Và bất cứ khi nào mà suốt 24 tiếng đồng hồ đều quá khắc nghiệt, thì hãy cố rút ra cho được mỗi lần 5 phút.

Đúc kết

Tất cả những gì bạn làm được là hãy làm hết mình cho đến khi đi ngủ.
(Theo Happiness Now của Andrew Matthews, nhà xuất bản Seashell)

Nửa Chùng Xuân Đổi Đầu (Trang 140-159)

Tóm lược



Thừa lúc Lộc đi vắng, bà Ân đến gặp Mai, tìm cách xua đuổi Mai để khỏi bị trở ngại cho việc cưới con gái quan Tuần cho Lộc. Thấy bà Ân hết sức tàn nhẫn và không thể thuyết phục được, Mai và Huy lặng lẽ bỏ đi.

Từ Vựng

1. lúı húi	(đt.):	chăm chú, cắı cúi làm việc gì, không để ý đến chung quanh	<i>to be engrossed in</i>	(v.)
2. khúm núm	(đt.):	cúi mình xuống	<i>to bow low</i>	(v.)
3. đăm đăm	(trt.):	(nhìn) lâu, không chớp mắt	<i>(look) fixedly, intently</i>	(adv.)
4. khai chiến	(đt.):	mở đầu cuộc đối thoại gay gắt	<i>to start an argument</i>	(v.)
5. khắı khít	(tt.):	ràng buộc chặt chẽ với nhau	<i>intimate</i>	(adj.)
6. thúc bá	(đt.):	chú bác	<i>uncle</i>	(n.)
7. kiên nhẫn	(tt.):	không nản chí	<i>patient</i>	(adj.)
8. lòng luyếı ái	(đt.):	tình thương yêu giữa nam và nữ	<i>love</i>	(n.)
9. bắı mục	(tt.):	không hoà thuận	<i>discordant, disagreeable</i>	(adj.)
10. nhược điểıı	(đt.):	chỗ yếu, chỗ kém	<i>weakness</i>	(n.)

11. hủ lậu	(tt.):	cũ kỹ quá, không hợp thời nữa	<i>outmoded, outdated</i>	(adj.)
12. tứ đức	(dt.):	bốn đức hạnh của người phụ nữ: công, dung, ngôn, hạnh	<i>The Four Virtues of a woman</i>	(n.)
13. tam tông	(dt.):	khi nhỏ theo cha, khi lớn theo chồng, khi chồng chết theo con	<i>The Three Obligations</i>	(n.)
14. tam cương	(dt.):	ba mối quan hệ trong đạo làm người; vua-tôi (quân-thân), cha-con (phụ tử), vợ-chồng (phu-phụ)	<i>The Three Relations</i>	(n.)
15. ngũ luân	(dt.):	năm bậc quan hệ của người đời: vua-tôi, cha-con, vợ-chồng, anh-em, bầu-bạn	<i>The Five Moral Obligations</i>	(n.)
16. ngũ thường	(dt.):	nhân, nghĩa, lễ, trí, tín	<i>The Five Constant Virtues:</i>	(n.)
<i>a. nhân</i>		lòng thương người	<i>a. benevolence</i>	
<i>b. nghĩa</i>		lối xử sự phải đạo, hào hiệp	<i>b. righteousness</i>	
<i>c. lễ</i>		sự bày tỏ lòng tôn kính	<i>c. propriety</i>	
<i>d. trí</i>		óc hiểu biết	<i>d. wisdom</i>	
<i>e. tín</i>		sự tôn trọng lời hứa, làm cho người khác tin mình	<i>e. faithfulness, reliability</i>	
17. thất tín	(đt.):	không giữ lời hứa	<i>to break one's promise</i>	(v.)
18. thánh hiền	(dt.):	người tài đức, được đời sau tôn sùng như bậc thánh	<i>Sages and saints, Confucian deities</i>	(n.)
19. nhân ngãi	(dt.):	người tình, tình nhân	<i>lover</i>	(n.)
20. cười mũi	(đt.):	cười khinh rẻ	<i>to sneer</i>	(v.)
21. cam đoan	(đt.):	bảo đảm, chắc chắn	<i>to assure</i>	(v.)
22. động tâm	(đt.):	cảm thấy thương xót	<i>to be touched by</i>	(v.)
23. xuất chính	(đt.):	ra làm quan	<i>to be an official, to begin a public career</i>	(v.)
24. thế lực	(dt.):	sức mạnh và uy quyền	<i>power, influence</i>	(n.)
25. hoạn đồ	(dt.):	con đường làm quan	<i>an official career</i>	(n.)
26. kháng nghị	(đt.):	phản đối	<i>to oppose</i>	(v.)

27. oai quyền	(dt.):	quyền thế	<i>power</i>	(n.)
28. tự xử	(đt.):	tự quyết định về tội lỗi của mình	<i>to judge for oneself, to condemn oneself</i>	(v.)
29. tình mẫu tử	(dt.):	tình mẹ con	<i>love between mother and child</i>	(n.)
30. răn reo	(tt.):	nhăn nheo	<i>wrinkled</i>	(adj.)
31. say hoa đắm nguyệt	(động ngữ):	quá say mê sắc đẹp	<i>to be passionately in love with</i>	(phrasal v.)
32. phỏng đoán	(đt.):	đoán không có chứng cứ	<i>to guess</i>	(v.)
33. nấn ná	(đt.):	kéo dài thời gian	<i>to linger on</i>	(v.)
34. nhạt nhẽo	(tt.):	hờ hững	<i>frigid, cold</i>	(adj.)
35. thảm	(tt.):	buồn rầu và xót xa	<i>pitiful, lamentable</i>	(adj.)
36. tống	(đt.):	đuổi đi	<i>to drive out, kick out</i>	(v.)
37. di truyền	(tt.):	có những đặc tính của cha mẹ, tổ tiên truyền lại cho con cháu	<i>hereditary, genetic</i>	(adj.)
38. gia thế	(dt.):	hoàn cảnh gia đình	<i>family status</i>	(n.)
39. khánh kiệt	(tt.):	hết sạch tài sản, của cải	<i>broke</i>	(adj.)
40. bất thần	(trt.):	thình lình, đột nhiên	<i>suddenly</i>	(adv.)
41. bà Án	(dt.):	vợ quan Án sát	<i>wife of a provincial mandarin</i>	(n.)
42. đểu	(tt.):	dối trá, vô lại	<i>caddish</i>	(adj.)
43. nốt	(dt.):	sự ghi chú, lời phê	<i>note, remark</i>	(n.)

Bài tập 1

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **tam tòng, đăm đăm, say hoa đắm nguyệt, cam đoan, kiên nhẫn, gia thế, kháng nghị, bất mục, khánh kiệt, răn reo, hủ lậu, nấn ná, tứ đức.**

1. Bà Án _____ ngấm nghĩa Mai từ đầu đến chân khiến Mai lo sợ hai tay nắm chặt lấy lưng tựa ghế.
2. Mai cố tâm _____ nhưng đến đây thì nàng không thể giữ được nữa, nước lên khóc.
3. “Thằng con bất hiếu _____ đến thế!”
4. “Tôi đây _____, vẫn tưởng sự quý nhất của ta là lễ nghi, là ngũ luân ngũ thường, là _____ của đàn bà.”
5. “Tôi _____ với cô rằng thế nào tôi cũng cưới được vợ cho con tôi.”
6. Nhưng không tìm được lời _____, nên chỉ đứng nức nở khóc.
7. Hai giọt nước mắt nhỏ trên gò má _____.
8. “Nếu nó _____ mà sinh ra bất hiếu bất mục, thì tôi đến buồn mà khô héo, mà chết mất.”
9. “Còn có ngót tháng nữa em đã thi, chị cũng toan _____.”
10. Cụ khi xưa vì cái tính ấy mà mấy lần _____ thăng trầm, rồi đến bị _____ tài sản.

Bài tập 2

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **nhân ngãi, lúi húi, oai quyền, động tâm, khảng khít, răn reo, thế lực, hủ lậu, say hoa đắm nguyệt, kháng nghị, thất tín, gia thế.**

1. Người đàn bà _____ bày đồ hàng để bán.
2. Còn nhiều ân ái chan chan,
Còn _____ nghĩa, còn dan díu tình. (*Tản Đà*)
3. Con người _____ như thế không hợp với xã hội ngày nay nữa.
4. Tôi đã hẹn thì dù mưa gió cũng phải đến, để khỏi mang tiếng là _____.
5. Sông dài mà sấm đò ngang,
Em nhiều _____, em mang oán thù. (*Ca dao*)
6. Đến thăm gia đình người thương binh ấy, ai cũng phải _____.
7. Ông Bảo là người có _____ trong chính quyền.
8. Dân ta phải _____ với cấp trên về việc phân chia nhà đất.
9. Cậu Tâm là người có nhiều _____ trong sở.
10. Trên khuôn mặt _____ của bà Tám như có một nỗi buồn ray rứt khôn nguôi.
11. Thanh niên mà _____ thì hỏng cả cuộc đời.
12. Đắng cay ngậm quả bồ hòn,
Cửa nhà, _____, chồng con kém người. (*Ca dao*)

Bài tập 3

Đặt câu với mỗi từ sau đây:

- | | |
|--------------------|---------------|
| 1. khai chiến | 6. bất thần |
| 2. thúc bá | 7. khúm núm |
| 3. tam tòng tứ đức | 8. nhược điểm |
| 4. nương tựa | 9. tự xử |
| 5. tình mẫu tử | 10. tổng |

Bài tập 4

Tìm từ đồng nghĩa với những từ sau đây:

- | | | |
|-----------------|---|-------|
| 1. bơ vơ | = | _____ |
| 2. ung dung | = | _____ |
| 3. dăm dăm | = | _____ |
| 4. cung khai | = | _____ |
| 5. khúm núm | = | _____ |
| 6. ngần ngại | = | _____ |
| 7. thế lực | = | _____ |
| 8. hỗn xược | = | _____ |
| 9. bất thần | = | _____ |
| 10. lãnh đạm | = | _____ |
| 11. phần uất | = | _____ |
| 12. hà hiếp | = | _____ |
| 13. trách nhiệm | = | _____ |
| 14. phiêu lưu | = | _____ |
| 15. điềm nhiên | = | _____ |

Phân Tích

A. Văn thể: Văn xuôi

B. Giọng văn: Mỉa mai, chua chát

C. Bối cảnh: Căn nhà Lộc thuê cho Mai ở.

D. Tình tiết: Vì âm mưu của bà Án, mối tình của Mai và Lộc tan vỡ.

E. Chủ đề: Sự tàn nhẫn của bà Án đối với Mai trong lần gặp đầu tiên.

G. Đại ý: Sự hống hách, nhẫn tâm của hạng người có quyền thế.

Cấu Trúc Câu với: Thà rằng..., Thả nào...

1. Thà rằng...

Xét các câu sau đây:

1. “Cô đừng vội giận. **Thà rằng** mất lòng trước **thì rồi** sẽ được lòng sau, cô ạ!”
2. **Thà rằng** ăn cả chùm sung,
Còn hơn ăn nửa quả hồng dở dang.

Cấu trúc câu với “**Thà rằng... thì rồi...**”, hay “**Thà rằng... còn hơn...**” diễn tả sự lựa chọn điều tốt hơn hay hợp với ý mình hơn.

- Ví dụ:*
- **Thà** chết trong tự do **còn hơn** sống trong nô lệ.
 - **Thà rằng** chịu cực khổ bây giờ **thì rồi** sẽ được sung sướng trong tương lai.

2. Thả nào...

Thả nào: hèn chi mà, hèn gì mà

“**Thả nào**” diễn tả một hậu quả tất nhiên phải xảy đến do một nguyên nhân nào đó.

- Ví dụ:*
- Mai là con cụ Tú; **thả nào** cô ta rất am tường Nho học.
 - Bà Án thuộc gia đình quan lại; **thả nào** bà ta rất hống hách.

Bài tập 5

Viết năm câu đầy đủ với “**thà rằng...còn hơn...**”; dùng các từ gợi ý sau đây:

1. Mẹ em, lái xe chậm, gây tai nạn
2. Mai, không có chồng, làm vợ lẽ
3. Bà Án, đối xử tàn nhẫn, Lộc cưới Mai
4. Mai, ra đi, chịu nhục
5. Chúng ta, chịu đói khổ, mang ơn người khác

Bài tập 6

Hoàn tất những câu sau đây với một mệnh đề bắt đầu bằng “**thả nào**”:

1. Lộc là người thiếu suy xét; _____.
2. Cha của Mai là một nhà Nho; _____.
3. Huy cứ hút thuốc luôn; _____.
4. Mai là người biết tự trọng; _____.
5. Bà Án là người cổ hủ; _____.

Độc Hiểu

Bài tập 7

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Vì sao thấy bà Án, Mai lại tái mặt áp ứng?
2. Bà Án biết rõ Mai khi cụ Tú Lãm dạy con bà nhưng bây giờ gặp Mai, thái độ và lời nói của bà đối với Mai như thế nào?
3. Bà Án đánh giá Mai là người như thế nào?
4. Mai thường nói rằng cô chỉ cần tình yêu thương của Lộc. Vậy sao Mai phản đối khi bà Án đề nghị cô làm lẽ cho Lộc?
5. Mai nói với bà Án rằng nếu bà không cho phép Mai lấy Lộc thì không biết đời sống của ba người Mai, Lộc, và con gái quan Tuấn sẽ ra sao. Em suy nghĩ gì về câu nói này?
6. Vì sao bà Án nói nếu Lộc lấy Mai thì “tránh sao được nốt xấu trong lý lịch”?
7. Van xin mãi bà Án vẫn không động lòng, Mai nói: *“Bà lớn chỉ là một người ích kỷ...bà lớn không nhớ câu «kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân»”*. Em hãy giải thích ý nghĩa câu nói của Mai.
8. Trong phần này ta thấy bà Án cũng có phơi bày tình cảm. Em hãy tìm chi tiết dẫn chứng. Theo em, tình cảm này có thật hay không?
9. Quan niệm về chuyện lấy lẽ của bà Án và Mai khác nhau như thế nào?
10. Khi nghe Mai nói sẽ bỏ đi và trách bà Án, bà ta tỏ ra cảm động và hứa giúp đỡ nếu Mai yêu cầu. Em có nhận xét gì về việc này?
11. Hãy nêu ra những lý do Mai quyết định bỏ đi.
12. Nghe chị nói, Huy chửi Lộc: *“Thế là vô nhân đạo!...là...đểu!”*. Huy đúng hay sai?
13. Mai cho rằng: *“Mẹ con họ đã bàn tính với nhau rồi.”* Bà Án đã thành công trong việc làm Mai và Lộc hiểu lầm nhau. Em hãy phân tích hai sự hiểu lầm này, v.v...
14. Nếu là Mai, em sẽ xử trí ra sao?
15. Với cách xử sự của bà Án, em nghĩ bà ta là người như thế nào?

Bài tập 8

Xếp các từ sau đây vào với nhân vật thích hợp: **hủ lậu, khúm núm, lục vắn, không động tâm, khánh kiệt gia sản, gia thế thẳng tắp, nói năng gang thép, phần uất, áp ứng, khai chiến.**

Mai

Bà Án

Bài tập 9

Đúng hay sai. Viết chữ **Đ** vào câu đúng; viết chữ **S** vào câu sai.

1. Đ S Mai linh cảm sắp có sự chẳng lành xảy ra vì thái độ lạnh nhạt của Lộc trong mấy ngày qua.
2. Đ S Thấy bà Án, Mai tái mặt ấp úng nói không ra lời.
3. Đ S Bà Án làm bộ xa lạ nhưng thực ra bà biết rất rõ Mai từ nhỏ.
4. Đ S Bà Án có thái độ và lời nói khinh mạn đối với Mai.
5. Đ S Khi nghe Mai nói cha mẹ đã chết, bà Án nói: “Thảo nào!” là có ý an ủi.
6. Đ S Bà Án ăn nói gang thép và chỉ bày mưu để đưa Mai vào tròng.
7. Đ S Trong suốt buổi tiếp xúc giữa Mai và bà Án, hai người nói cười rất tương đắc.
8. Đ S Bà Án nói muốn Lộc là người hoàn toàn có nghĩa Lộc sống với Mai là vi phạm đạo lý, là một điều xấu.
9. Đ S Bà Án thấy Mai có một nhược điểm là nói nhiều và hay thổ lộ tâm can mình.
10. Đ S Mai nói lòng thương người và hy sinh còn quý hơn những điều lẽ nghi.
11. Đ S Lộc lấy Mai nhưng lại bằng lòng để bà Án hỏi con gái quan Tuần cho mình.
12. Đ S Mai nói: “nhà con không có mã đi lấy lẽ” là từ chối và đáp lại đề nghị khinh mạn của bà Án.
13. Đ S Bà Án cho rằng lấy lẽ là lấy chồng của người khác, là việc làm vô nhân đạo.
14. Đ S Bà Án nói Mai là người ích kỷ.
15. Đ S Mai cho rằng mẹ con Lộc đã bàn tính với nhau để tống khứ cô đi nên cô quyết định bỏ đi mà không nói gì với Lộc.

Bài tập 10

Dựa theo các phần đã học để điền vào chỗ trống trong bảng dưới đây.

Nhân vật	Muốn	Nhưng	Vì thế
1. Mai	bán nhà để nuôi em ăn học thành tài.		nảy sinh tình yêu giữa hai người.
2. Lộc		Bà Án, mẹ Lộc không đồng ý.	Lộc phải lén lút cưới Mai.
3. Bà Án		Mai không đồng ý vì cho rằng tình yêu chỉ dành cho một người mà thôi và không thể chia sẻ cho người khác.	
4. Huy	nghi học để đi làm giúp chị.		

Tập Làm Văn

Viết một bài văn năm đoạn phân tích quan niệm về hôn nhân của bà Án và Mai. Dẫn chứng bằng các câu văn trong truyện. Theo em, quan niệm nào đúng?

Bài mẫu

Trong chương *Đôi Đầu*, bà Án đến nói chuyện với Mai để cho nàng biết bà không nhận Mai là vợ Lộc mà sẽ cưới vợ khác cho con. Mai cũng cho bà biết rõ chuyện vì sao nàng bằng lòng lấy Lộc không hôn thú. Hai người có những ý kiến về hôn nhân khác hẳn nhau.

Bà Án là một người chịu ảnh hưởng Nho giáo rất mạnh: việc hôn nhân của con cái phải do cha mẹ quyết định. Người đàn ông cưới vợ để có người phụng dưỡng cha mẹ và để có con tiếp tục dòng dõi. Còn việc hai vợ chồng có yêu nhau không, có hạnh phúc không là điều không cần thiết. Do đó cha mẹ quyết định việc hôn nhân cho con để chọn con dâu theo đúng ý mình, và có lợi cho gia đình. Bởi thế, bà Án đã chọn vợ cho Lộc là con quan Tuần để tương xứng với gia thế và để Lộc “*nuơng tựa vào bố vợ mới mong chóng thăng quan tiến chức được*” (trang 151). Bà cho Mai là không có đức hạnh vì nàng đã sống với Lộc “*ngoài vòng lễ nghi, vượt hẳn quyền thúc bá*” (trang 144). Như thế Mai không xứng đáng làm con dâu bà. Nho giáo chấp nhận chế độ đa thê, nên bà bảo Mai: “*đi tìm nơi nào khác mà ở tạm ít lâu rồi khi nào nó cưới vợ cả về, tôi sẽ cho phép nó lấy cô về làm vợ lẽ*” (trang 149).

Trái ngược với bà Án, Mai quan niệm rằng tình yêu giữa hai người là căn bản của hôn nhân. Lộc yêu Mai vì nàng xinh đẹp và đức hạnh. Mai yêu Lộc vì cảm phục chàng đã hào hiệp cứu giúp hai chị em nàng. Mai thưa với bà Án: “*... Chúng con được ngày nay thực là nhờ ở anh con, dẫu con ở lại thế nào, cũng khó mà cân đối lại lòng hào hiệp ấy...*” (trang 147). Đối với Mai thế là đủ để chung sống với Lộc. Dù Lộc có dối trá, Mai vẫn bằng lòng lấy chàng để mang lại hạnh phúc cho người yêu và đồng thời cũng là người ơn. Xã hội thời bấy giờ coi chuyện đa thê là bình thường, bà Án cũng đề nghị Mai làm vợ lẽ Lộc, nhưng Mai đã bảo thẳng bà: “*Bẩm bà lớn, nhà con không có mã đi lấy lẽ*” (trang 149). Mai muốn nói rằng hôn nhân và tình yêu chỉ có giữa hai người mà thôi.

Qua bà Án và Mai, người đọc thấy rõ hai quan điểm khác nhau về hôn nhân. Ta không nên vội vàng quả quyết quan điểm nào là hoàn toàn đúng, quan điểm nào là hoàn toàn sai. Quan niệm hôn nhân theo luân lý cũ mà đại diện là bà Án coi trọng gia đình hơn cá nhân, do đó xã hội có trật tự hơn mặc dù cá nhân phải hy sinh rất nhiều. Quan niệm mới về tình yêu, về hôn nhân như quan niệm của Mai chú trọng đến cá nhân nhiều hơn, nhưng cũng chính vì thế mà nhiều mâu thuẫn sẽ nảy sinh giữa cá nhân và gia đình. Đây là sự xung đột giữa mới và cũ.

Khái Hưng đã dùng cuộc đối đầu giữa bà Án và Mai để nói lên rằng tình yêu phải là căn bản của hôn nhân. Từ những năm 1930 đến nay, xã hội Việt Nam đã thay đổi rất nhiều. Người ta đã thấm nhuần những quan niệm mới như tự do cá nhân, tự do hôn nhân, v.v... Điều này một phần cũng nhờ vào sự truyền bá rộng rãi những tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn như *Nửa Chừng Xuân*, v.v...

Câu hỏi

1. Tìm câu chủ đề của mỗi đoạn văn.
2. Nhan đề của bài văn thường là nội dung của bài. Theo em, nhan đề “Hai Quan Niệm” có thích hợp không? Tại sao?
3. Hai Quan Niệm đây là gì?

Nói Với Nhau

Mary và Fred là một đôi bạn mới quen.

Mary nghĩ Fred không phải là một con người hoàn hảo nhưng mình có thể “thay đổi” anh ấy. Mình sẽ dạy anh ấy cách xử sự, mình sẽ cấm anh ấy kết bạn với mấy người mình không thích.

Fred nghĩ Mary quá độc đoán, bắt mình phải chịu theo ý cô ấy. Thật là bức bối!

Mary quyết tâm “sửa đổi” Fred, nhưng Fred không muốn bị sửa đổi. Cuối cùng tình bạn của họ tan vỡ.

Tìm cách thay đổi người khác luôn luôn là một ý tưởng tệ hại. Tại sao? Bởi vì nó không thể nào thực hiện được. Bạn sẽ thất vọng và người ta sẽ ghét bạn.

Đôi khi bạn phải thốt lên “Thấy nó như vậy, tôi không chịu được!” Đúng! Nhưng bạn ép buộc người khác thay đổi, họ sẽ không nghe đâu.

Nói chung, có những người biết tự điều chỉnh cách sống của mình và cũng có người phải chịu bươu đầu sứt trán mới nhận ra lỗi lầm.

Vì vậy, các bậc cha mẹ, các thầy cô giáo và ngay cả cảnh sát đôi khi phải dùng những biện pháp cưỡng bách. Nhưng hầu hết những trường hợp khác, chúng ta nên để người khác tự sửa những sai lầm của họ.

Tập Nói Chuyện

1. Bạn thân nhất của em đang có một người bạn mới. Em biết vài điều không tốt về người này, em có nói cho bạn em biết không? Theo em, bạn em có tin em không?
2. Khuyên bạn khi thấy bạn sai có phải là một hành động tệ hại không? Tại sao?

Tập Viết Văn

1. Em có nghĩ rằng tìm cách thay đổi người khác là một điều không nên làm? Cho thí dụ dẫn chứng.
2. Thấy bạn mình sai mà em không khuyên có phải là một việc làm đúng không? Tìm cách thay đổi bạn em trong trường hợp này là điều nên hay không nên làm?

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

Anh Thắng: Hôm nay, anh thấy em nói chuyện với ba không được lễ phép lắm. Anh rất buồn.

Hà: Nói thật với anh, thời gian sau này em thấy ba kỳ kỳ làm sao ấy. Bà nội nói gì ba cũng nghe, má nói gì ba cũng gật, hình như ba không có ý kiến riêng của mình.

Anh Thắng: Theo em thì ba phải làm sao? Bà nội là mẹ, còn má mình là vợ mà hai bên cứ nghịch nhau hoài. Em muốn ba chọn ai? Chọn má hay chọn bà nội?

Hà: Em không muốn ba chọn người này bỏ người kia, nhưng ba là đàn ông, ba phải có ý kiến chứ!

Anh Thắng: Em có nghe má nói nếu ba bệnh bà nội, má sẽ ly dị ba không?
Hà: Má nói như vậy thật sao?
Anh Thắng: Thật chứ. Anh nghe rõ ràng mà.
Hà: Còn bà nội, bà có nói gì không?
Anh Thắng: Bà nội khóc. Bà đòi về Việt Nam.
Hà: Như vậy thì tội nghiệp ba quá!
Anh Thắng: Đúng vậy. Anh đang nghĩ cách để giúp ba thoát khỏi tình cảnh khó khăn này. Anh nghĩ anh sẽ nói chuyện với má; anh sẽ khuyên má suy nghĩ lại mà bớt thành kiến với bà nội.
Hà: Em nghĩ không được đâu. Ba nói má còn chưa nghe, huống chi anh.
Anh Thắng: Anh sẽ hỏi má nếu sau này vợ anh bắt anh phải chọn cô ấy thay vì chọn má thì má nghĩ sao.
Hà: Em nghĩ má sẽ từ anh luôn.
Anh Thắng: Anh sẽ khuyên má từ từ để má không giận anh. Phần em thì ráng giúp bà nội.
Hà: Giúp bằng cách nào?
Anh Thắng: Mỗi ngày đi học về, em vào phòng nói chuyện với bà nội, rủ bà đi bộ nếu trời không lạnh lắm. Nói cho bà nghe về cách sống, cách sinh hoạt ở đây, cho bà làm quen với cuộc sống mới.
Hà (suy nghĩ): Em sẽ cố gắng. Gần nhà mình có bà Hai cũng tốt lắm, em sẽ giới thiệu bà nội với bà Hai để bà nội có bạn cho đỡ buồn.
Anh Thắng: Anh em mình phải cố gắng thôi. Anh nghĩ mọi việc rồi sẽ ổn. Anh nghĩ má giận ba thì nói vậy chứ má không ly dị ba đâu. Còn bà nội muốn con cháu hạnh phúc thì sẽ suy nghĩ lại mà không quá khó khăn với má.
Hà: Vậy thì để em vào thăm hỏi bà nội.
Anh Thắng: Em giỏi lắm! Nhưng đừng quên xin lỗi ba.
Hà: Dạ.

Bài tập 11

Chọn câu trả lời đúng nhất.

- Hôm nay anh Thắng không hài lòng vì Hà _____.
 a. không làm việc nhà
 b. trốn học đi chơi
 c. nói chuyện với ba không được lễ phép lắm
 d. mở nhạc quá lớn
- Thắng bảo Hà mỗi ngày đi học về nên an ủi bà nội và khuyên bà _____.
 a. nhường nhịn má
 b. dọn ra ở riêng
 c. làm quen với đời sống ở Mỹ
 d. về Việt Nam ở
- Ba của Hà đang ở trong tình cảnh khó khăn nào?
 a. Có tiếng không có miếng.
 b. Vẹn chữ hiểu, phụ chữ tình.

- c. Tiến thoái lưỡng nan.
d. Ân nghĩa đôi đường.
4. Theo ý Thắng, để có một gia đình đầm ấm yêu thương, bà nội và má nên
-
- a. sống xa nhau để giữ hoà khí
b. hy sinh một chút để gia đình êm ấm
c. sống theo ý mình để không ai thiệt thòi
d. buộc ba phải có sự lựa chọn dứt khoát
5. Qua câu chuyện trên, em thấy đạo lý của người Việt Nam dạy phải tri ân cha mẹ bằng cách
-
- a. hiếu kính cha mẹ
b. phụng dưỡng cha mẹ lúc tuổi già
c. giáo dục con em biết thương yêu ông bà
d. cả ba điều trên

Giáo Dục Hướng Nghiệp

Nhà Tâm Lý Học

Nhà tâm lý học nghiên cứu về lối suy nghĩ và hành vi của con người với mục đích chủ yếu là trị liệu về mặt tâm lý. Ngành tâm lý học có những chuyên môn khác nhau như tư vấn tâm lý học đường, tâm lý tổ chức công nghệ, tâm lý phát triển, tâm lý xã hội và tâm lý thực nghiệm.

Ngành tâm lý chiếm khoảng 170 ngàn việc làm năm 2008. Khoảng 29% trong số này làm việc trong ngành tư vấn, khảo sát, nghiên cứu và ngành quản trị trong các trung tâm giáo dục. Gần 21% làm việc cho ngành chăm sóc sức khỏe. Có khoảng 34% làm việc tự do.

Nhà tâm lý trị liệu hay tư vấn phải có học vị Tiến Sĩ hay Tiến Sĩ Tâm Lý. Tiến Sĩ Tâm Lý có thể dạy học, nghiên cứu hay làm việc về trị liệu và tư vấn.

Phải mất năm đến bảy năm để có bằng tiến sĩ hay tiến sĩ tâm lý kể cả hoàn tất một luận án. Nhà tâm lý học đường phải có học vị chuyên ngành về tâm lý học đường, mất khoảng ba năm học toàn thời gian và một năm thực tập. Có nhiều cuộc thi tuyển cho ngành quản trị trong chương trình tốt nghiệp tâm lý.

Năm 2008, nhà tâm lý trị liệu, tâm lý tư vấn, tâm lý học đường có thu nhập trung bình hằng năm là 64,140.00 đồng trong khi tâm lý tổ chức công nghệ được 77,000.00.

Công việc của nhà tâm lý trị liệu bao gồm:

- động viên tinh thần và tình cảm giúp bệnh nhân thích ứng với cuộc sống.
- hỗ trợ thuốc men và phẫu thuật giúp bệnh nhân đối phó với bệnh tật.
- giúp bệnh nhân vượt qua những lúc khó khăn như ly dị hay người thân qua đời.
- trò chuyện với bệnh nhân và đưa ra những khảo sát chẩn đoán.
- cung cấp nhóm hỗ trợ tâm lý, gia đình hay cá nhân.
- có thể liên kết với các y sĩ và chuyên gia để khai triển và bổ sung cách trị liệu để bệnh nhân có thể hiểu và chấp nhận cách điều trị.

- có thể đề ra và bổ sung những chương trình sửa đổi tính hạnh (behavioral change/improvement).
- đôi khi huấn luyện sinh viên tốt nghiệp về phát triển sức khỏe tâm thần và dịch vụ rối loạn hành vi trong các trường đại học và trường y khoa.

Nhà tư vấn tâm lý khuyên mọi người cách đối phó với những khó khăn trong đời sống hằng ngày. Nhà tâm lý học đường làm việc ở trường tiểu học, trung học hay học khu để cố vấn học sinh trong học trình và giúp giải quyết những rối loạn tính hạnh.

Tục Ngữ, Ca Dao và Thành Ngữ

1. Già nhân ngãi, non vợ chồng.
2. Trời sinh voi sinh cỏ.
3. Mất lòng trước được lòng sau.
4. Trai anh hùng năm thê bảy thiếp,
Gái chính chuyên chỉ có một chồng.

Bài Đọc Thêm

Từ ngày ăn phải miếng trâu,
Miệng ăn môi đỏ dạ sâu tương tư.
Vì người tôi phải viết thư,
Nhờ con chim nhạn đưa thư cho người.
Thư rằng: em chẳng có ai,
Trên nghiêng dưới mực cửa cài chữ sen.
Từ ngày chưa bén duyên chàng,
N như chuông khác tiếng như vàng pha thau.
Từ ngày ta bén duyên nhau,
N như áo phải dầu gột cũng chẳng phai,
Bây giờ chàng đã nghe ai,
Áo hoen mặc áo, dầu phai mặc dầu.
Thủy chung em giữ mấy lời.
Chết thời chịu chết, lia đôi không lia.

Nửa Chùng Xuân Trên Đồi (Trang 271-289)

Tóm lược



Một ngày mùa đông đẹp trời, Mai, Huy và cháu Ái lên đồi chơi. Lộc tìm đến thăm, xin lỗi Mai và cố thuyết phục Mai về sống đoàn tụ với nhau, nhưng bị Mai từ chối một cách hợp tình hợp lý.

Từ Vựng

1. hội kiến	(dt.):	cuộc gặp gỡ giữa/với (những) người quan trọng để thảo luận các vấn đề	<i>meeting</i>	(n.)
2. hăm hở	(trt.):	sốt sắng, hăng hái	<i>zealously, eagerly</i>	(adv.)
3. lăn lung	(đt.):	làm hết sức mình để đạt được mục đích riêng	<i>to throw oneself into</i>	(v.)
4. lôi thôi	(trt.):	một cách dông dài, vụn vặt	<i>lengthily</i>	(adv.)
5. trần tình	(đt.):	bày tỏ nỗi lòng, giải bày	<i>to make clear, to express</i>	(v.)
6. lòng trắc ẩn	(dt.):	sự thương xót	<i>pity, compassion</i>	(n.)
7. đường đột	(trt.):	không báo trước và hơi thiếu lịch sự	<i>abruptly, unexpectedly</i>	(adv.)
8. sỗ sàng	(tt.):	thô lỗ, không giữ gìn ý tứ trước mặt người khác	<i>rude, discourteous</i>	(adj.)

9. thôn thức	(đt.):	khóc thầm; (tim) rung động, hồi hộp	<i>to sob; to throb with emotion</i>	(v.)
10. giở	(đt.):	dở, chưa xong, dở dang	<i>to be half-done, unfinished</i>	(v.)
11. ngắc ngoải	(đt.):	sống thoi thóp, chết đến nơi	<i>to be in agony</i>	(v.)
12. phó thác	(đt.):	giao cho người mình tin cậy	<i>to confide in</i>	(v.)
13. trùng trùng điệp điệp	(tt.):	hết lớp này đến lớp kia nối tiếp nhau	<i>stretching endlessly</i>	(adj.)
14. tiểu thuyết	(đt.):	cuốn truyện	<i>novel</i>	(n.)
15. phụng phịu	(đt.):	xụ mặt xuống, hờn dỗi	<i>to sulk, to look unhappy</i>	(v.)
16. cười khanh khách	(đt.):	cười to và giòn, có vẻ khoái trá	<i>to burst out laughing</i>	(v.)
17. nũng nịu	(đt.):	làm bộ hờn giận	<i>to be wheedling</i>	(v.)
18. lý tưởng	(tt.):	hoàn hảo	<i>ideal</i>	(adj.)
19. bẽn lẽn	(trt.):	một cách thẹn thùng, rụt rè	<i>shyly, coyly</i>	(adv.)
20. lính trạm	(đt.):	người đưa thư	<i>mailman</i>	(n.)
21. hoảng hốt	(đt.):	trở nên luống cuống vì mất bình tĩnh	<i>to be panicking</i>	(v.)
22. hối hận	(đt.):	cảm thấy đau khổ khi biết lỗi của mình	<i>to repent, to regret</i>	(v.)
23. tỉnh ngộ	(đt.):	biết lỗi mình sau một thời gian dài bị mê mẩn	<i>to understand, to realize one's mistakes</i>	(v.)
24. ung dung	(trt.):	thong thả	<i>leisurely</i>	(adv.)
25. ng nghiêm khắc	(tt.):	cứng rắn, chặt chẽ	<i>severe, strict, rigorous</i>	(adj.)
26. đoan chính	(tt.):	đứng đắn	<i>well-behaved, virtuous, faithful</i>	(adj.)

27. man mác	(đt.): toả ra	<i>to spread out immensely</i>	(v.)
28. hành hình	(đt.): thi hành hình phạt	<i>to execute</i>	(v.)
29. kẻ bị hành hình	(đt.): tử tội, người bị đem ra xử tử	<i>person to be executed</i>	(n.)
30. ăn mày	(đt.): van xin	<i>to beg</i>	(v.)

Bài tập 1

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **phó thác, hội kiến, hăm hờ, lẫn lộn, đường đột, sở sàng.**

1. Suốt mấy ngày, nàng như người mất hồn là chỉ vì lần _____ thứ hai với bà Án đã nhắc nàng tưởng tới bao sự cảm động quãng đời qua.
2. “Chắc chị đã mỉm cười chế nhạo, khinh khi em Trọng đã _____ vào nơi phú quý.”
3. Song thấy Ái ngồi trong lòng Mai, chàng rụt rè chưa dám _____.
4. Trong lòng _____, chàng cố giấu sự cảm động, sự cảm động như sắp sửa theo hai hàng lệ tuôn ra.
5. “Trách nhiệm nặng nề của anh đối với em, đối với vợ, người vợ đã _____ vào anh, anh phải một mình mang lấy.”

Bài tập 2

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **lăn lộn, hội kiến, hóm hờ, thôn thục, tỉnh ngộ.**

1. Cuộc _____ giữa Mai và bà Án diễn ra thật căng thẳng.
2. Hai vợ chồng bác Sáu phải _____ ra làm mới nuôi nổi đàn con tám đứa.
3. Cô Lan _____, cố nén tiếng khóc.
4. Các cháu bé vui cười _____.
5. Khi Lộc _____ thì đã muộn rồi.

Bài tập 3

Đặt câu với mỗi từ sau đây:

- | | |
|---------------|--------------------------|
| 1. hăm hờ | 6. hối hận |
| 2. trần tình | 7. đoan chính |
| 3. giải bày | 8. ung dung |
| 4. tỉnh ngộ | 9. trùng trùng điệp điệp |
| 5. phụng phịu | 10. lý tưởng |

Bài tập 4

Tìm từ đồng nghĩa với những từ sau đây:

- | | | |
|---------------|---|-------|
| 1. phụng phịu | = | _____ |
| 2. bẽn lẽn | = | _____ |
| 3. hội kiến | = | _____ |
| 4. hoảng hốt | = | _____ |
| 5. hối hận | = | _____ |
| 6. hăm hờ | = | _____ |
| 7. ái ngại | = | _____ |
| 8. ung dung | = | _____ |
| 9. đoan chính | = | _____ |
| 10. ên hèn | = | _____ |

Bài tập 5

Tìm từ phản nghĩa với những từ sau đây:

- | | | |
|---------------|---|-------|
| 1. rụt rè | ≠ | _____ |
| 2. thông minh | ≠ | _____ |
| 3. lý tưởng | ≠ | _____ |
| 4. hoảng hốt | ≠ | _____ |
| 5. phá hoại | ≠ | _____ |
| 6. ên hèn | ≠ | _____ |
| 7. đoan chính | ≠ | _____ |
| 8. tỉnh ngộ | ≠ | _____ |
| 9. dăm dăm | ≠ | _____ |
| 10. nồng nàn | ≠ | _____ |

Phân Tích

A. Văn thể: Văn xuôi

B. Giọng văn: Tha thiết, thuyết phục

C. Bối cảnh: Trên đồi

D. Tình tiết: Lộc muốn tái hợp với Mai.

E. Nhân vật: Mai, Lộc và Huy

G. Chủ đề: Gặp lại người xưa

H. Bố cục:

1. Trang 271 - 273 (*Sao hôm nay ... thực hết rồi*): Huy khuyên Mai nên quên chuyện quá khứ.
2. Trang 273 - 279 (*Có người giật ... đi chơi đồi*): Ảnh hưởng của lá thư Diên gửi tới.
3. Trang 279 - 289 (*Ra tới ngoài ... đông tốt đẹp*): Du ngoạn trên đồi.
 - a. “*Ra tới ... Huy và Ai*”: Mai, Huy và Ai đi chơi đồi.
 - b. “*Ban này ... yên lòng*”: Lộc lên đồi thăm Mai.

c. “Sang tới ... như không”: Lộc phân trần với Mai và muốn trở lại với Mai, nhưng bị nàng từ chối.

d. “Khóc rưng rưng ... tốt đẹp”: Lộc từ giã Mai ra về.

I. Đại ý: Sự khó khăn để hàn gắn lại cuộc tình đã tan vỡ.

K. Nhận xét văn chương:

1. Khái Hưng dùng nhiều trạng từ và tính từ để diễn tả phản ứng bất nhất và tâm trạng hỗn loạn của Mai. Thương nhớ Lộc nhưng nghe có thư đến thì Mai lại không biết phải phản ứng như thế nào cho phải.

“Mai bỗng hoảng hốt, trong lòng bối rối những tính tình tương phản: vừa giận, vừa lo, vừa ghét, vừa mừng.”

Tác giả cũng dùng nhiều trạng từ diễn tả tiếng cười của Mai để nói lên tâm trạng của nàng: *cười khanh khách, cười rũ rượi, cười chảy nước mắt, cười sảng sặc, cười nức nở như tiếng khóc, cười sung sướng*, hay *cười ngờ vực*. Những cái cười như điên, như cuồng khiến Huy và Ái đều lo ngại.

Để tả thái độ giả vờ dửng dưng của Mai, tác giả đã viết: “Mai, má nóng bừng, làm bộ lạnh lùng **nhìn nơi chân trời trước mặt**.”

Và khi nghe con hỏi thì “Mai vờ không nghe rõ tiếng con hỏi, **cặp mắt mơ mộng nhìn xa**.” hay: “Mai nghe rõ tiếng Lộc, nhưng không dám **ngẩng nhìn**, ...”

2. Về tả người, Khái Hưng không cần dòng dài mà chỉ cần đôi nét chấm phá cũng đủ tạo hình ảnh sống động trong óc người đọc. Lộc đến thăm Mai với “*cái dáng điệu khuất phọc, vẻ mặt hốc hác, và thân thể gầy yếu ...*” như hiện rõ trước người đọc.

Hay khi nghe câu: “*Không phải thế đâu, mọi lần rét hơn thế này, cũng đi chơi thì sao?*” thì cũng hiểu óc xét đoán của Ái như thế nào.

3. Văn Khái Hưng rất trong sáng, ít dùng từ Hán Việt. Có một số ít câu gồm ba mệnh đề trở lên nhưng rất dễ hiểu. Các từ được dùng đúng nghĩa và đặt vào đúng chỗ như: *hối hận, tỉnh ngộ, nồng nàn, người vợ đoan chính...* Nhất là khi diễn tả tâm trạng bàng hoàng, yêu, hờn, giận lẫn lộn của Mai không có gì hay bằng khi nói “**tiếng cười nức nở như tiếng khóc**”!

Đôi khi tác giả dùng từ “không” với nghĩa là “có” hay ngược lại. Khi nghe Huy hỏi, Mai bèn lòng tự dối lòng đáp:

“*Không! Không bao giờ nữa, em ạ! ... Hết! Thực hết rồi!*”

Tác giả dùng đại danh từ “em” để nói lên sự tự ti của Diên đối với Mai: “*Tuy chị kém hơn **em** những 10 tuổi song chị học rộng biết nhiều hơn, chị thực đáng là chị **em**, ...*”

Hoặc tác giả chỉ dùng một tiếng liên từ mà diễn tả biết bao tình cảm. Xem cách dùng của từ “nhưng” trong câu dưới đây:

“*Khốn, **nhưng** mỗi lúc chị ngắm con ... chị lại...*”

Ngữ Pháp

Phép Ẩn Dụ

Xét các câu sau đây:

1. Đó là phát súng cuối cùng mà **kẻ ngắc ngoải** ăn mày **kẻ hành hình**.
2. Trong hai ta, ai là **kẻ hành hình**? Mà ai là **kẻ bị hành hình**...

kẻ ngắc ngoải và **kẻ bị hành hình** chỉ người đau khổ; **kẻ hành hình** chỉ người gây ra đau khổ.

Phép ẩn dụ là cách bày tỏ một sự việc này để ngầm nói đến một sự việc khác.

Bài tập 6

Những từ *in nghiêng* trong các câu sau đây hàm ý gì hoặc ám chỉ ai?

1. Bỗng nghe *tiếng thở dài* của Mai, Huy quay lại...
2. Mai *má nóng bừng*, làm bộ lạnh lùng nhìn nơi chân trời trước mặt.
3. Nghe tiếng *gió vù vù thổi*.
4. *Kẻ ngắc ngoải* ăn mày *kẻ hành hình*.
5. ... tiếc cái hạnh phúc vì đâu bị tiêu diệt *nửa chừng xuân*.

Bài tập 7

Những câu sau đây ám chỉ điều gì?

1. Hỡi cô tát nước bên đàng,
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?
2. “Các con đế mền suốt trong đêm khuya, hát xẩm không tiền nên nghèo xác xơ...” (*Thằng Cuội của Lê Thương*)
3. Có công mài sắt, có ngày nên kim.
3. Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.
4. Gân mực thì đen, gân đèn thì sáng.

Bài tập 8

Tìm trạng từ chỉ thể cách trong các câu sau đây: (*Xem ngữ pháp bài Mẹ Con*)

1. Hai chị em ngồi nhìn vợ vắn.
2. Rồi Huy uể oải mở tiểu thuyết ra xem.
3. Huy quay lại buồn rầu bảo chị.
4. Chàng lặng thinh đưa bức thư cho Mai.
5. Huy cười chua chát rồi nói ...

Độc Hiểu

Bài tập 9

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Mai cảm thấy “sự sống lạnh lẽo, tẻ ngắt”. Huy lại cho rằng “cái đời êm đềm hiện tại...” là lý tưởng. Em hãy phân tích tâm lý của hai chị em Mai và Huy.
2. Hãy so sánh Mai và Diên.
3. Hãy giải thích câu nói của Huy, “*người mình không bao giờ có giá trị riêng hết*” và cho biết ý kiến của em.
4. Lá thư của Diên đã ảnh hưởng đến Mai như thế nào?
5. Lộc rủ Mai “đi biệt một nơi, gây lại hạnh phúc”; Mai từ chối vì không tin Lộc hay vì lý do nào khác?
6. “*Khóc rưng rưng, Lộc lững thững bước xuống chân đồi. Mai nhìn theo mỉm cười.*” Em hãy phân tích tâm trạng của hai người lúc chia tay này.
7. Tại sao Mai nói với Lộc: “*yêu nhau là có tội rồi?*”
8. Mai nói: “*Ngày xưa vì thân mẫu anh, em đã hy sinh gia đình hạnh phúc; ngày nay vì anh, em hy sinh ái tình.*” Mai nói thật lòng hay chỉ là cường điệu?
9. Mai đưa ra những lý do nào để cho Lộc thấy là họ không thể sum họp được nữa?
10. Ngoài tên chương là “Trên Đồi”, em còn đề nghị tên nào khác không?
11. Khái Hưng đã dùng nhiều trạng từ để tả cách cười. Tìm những trạng từ diễn tả tiếng cười của Mai và Huy trong chương này?
12. Tác giả dùng nhóm từ “thăm em lần cuối” để ngụ ý Lộc sẽ làm gì?

Bài tập 10

Ghép tên nhân vật ở cột **A** với cá tính của người đó ở cột **B**. Một người có thể có nhiều cá tính.

- | A | B |
|--------------|----------------|
| 1. Lộc | a. ngay thẳng |
| 2. Mai | b. học thức |
| 3. Huy | c. tháo vát |
| 4. Trọng | d. trung thành |
| 5. Hàn Thanh | e. gian ác |
| 6. Ông Hạnh | g. tàn nhẫn |
| 7. Bà Án | h. cao thượng |
| 8. Bà Cán | i. háo sắc |
| 9. Diên | k. tốt bụng |
| 10. Bạch Hải | l. cứng rắn |

Bài tập 11

Đúng hay sai. Viết chữ **Đ** vào câu đúng; viết chữ **S** vào câu sai.

1. Đ S Sau gần sáu năm, Mai đã quên hẳn Lộc, sống hạnh phúc, yên vui bên con và em.
2. Đ S Đọc thư Diên, Mai tỉnh ngộ và dứt khoát không nghĩ đến chuyện tái hợp với Lộc.
3. Đ S Mai cương quyết dứt tình với Lộc vì Mai còn rất căm giận Lộc.
4. Đ S Lộc buồn bã bước xuống đồi, Mai nhìn theo mỉm cười vì Mai đã quyết định đúng.
5. Đ S Lộc đi rồi, Mai thấy lòng êm ả vì đã có quyết định dứt khoát về mặt tình cảm.

Tập Làm Văn

Viết một bài văn năm đoạn kể lại một việc làm mà em cảm thấy hối hận.

Nói Với Nhau

Trong cuộc đời, bạn sẽ gặp điều bạn tìm kiếm.

Nếu bạn tìm kiếm những điều tốt đẹp, bạn sẽ tìm thấy chúng.

Nếu bạn tìm kiếm những lầm lỗi, bạn cũng sẽ tìm thấy chúng.

Nhưng bạn muốn có niềm vui trong ngày, hãy tặng lời khen cho ai đó. Vì sao vậy? Vì hầu hết mọi người đều cảm thấy nỗ lực của mình không được ai chú ý. Hầu hết mọi người cảm thấy mình ít được yêu mến, nên khi bạn tặng họ một lời khen như:

“Anh làm việc giỏi quá!”

“Bộ đồ hết sảy!”

“Anh là một người thầy cự phách!”

“Cô có nụ cười rất xinh!”

Bạn đã thấp sáng ngày hôm đó của họ - hoặc cả tháng của họ nữa kia!

Dĩ nhiên, có một số người cảm thấy bối rối khi họ được khen. Họ có thể không đồng ý với bạn, nhưng bạn có thể tin chắc rằng họ coi trọng những lời tử tế của bạn.

David làm việc trong khu vực bán cá ở chợ. Một hôm có người khách gửi thư cảm ơn về việc anh đã rất lịch sự với khách hàng. Anh đã chịu khó lựa cho họ một khúc cá hồi thật ngon. Người khách này cũng gửi kèm một bản sao lá thư cho người chủ. David sung sướng như lên mặt trăng và cả người chủ của anh cũng rất vui. Những người bán cá có mấy lúc được thư cảm ơn của khách hàng? Sau đó, David được cất nhắc lên bậc.

Bạn muốn hạnh phúc ư?

Mỗi ngày hãy tặng lời khen cho ai đó.

(Theo *Happiness Now* của Andrew Matthews, Seashell Publisher)

Tập Nói Chuyện

1. Theo em vì sao chúng ta nên khen người khác?
2. Lời khen như thế nào được xem là chân thành?

Tập Viết Văn

Em có cảm thấy vui khi khen người khác không? Tại sao em khen và người ấy đã phản ứng ra sao? Hãy viết một đoạn văn kể lại chuyện này.

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

Nghe giáo sư đọc đoạn văn đối thoại sau đây rồi làm bài tập 12.

Mai má nóng bừng, làm bộ lạnh lùng nhìn nơi chân trời trước mặt.

Lộc cúi đầu đứng đợi...

- Mẹ ơi, ai thế kia?

Mai vờ không nghe rõ tiếng con hỏi, cặp mắt mơ mộng nhìn xa.

Huy ngắm hai người lấy làm thương hại. Rón rén lại gần, chàng vỗ vai Lộc, cười nói rất tự nhiên:

- Anh Lộc, lên bao giờ thế?

Lộc quay lại bên lữ, đáp ứng mấy câu và gơ tay bắt tay. Làm ra vẻ thân mật, Huy hỏi luôn:

- Anh vẫn được mạnh đấy chứ? Lâu nay nhớ anh quá!

Lộc khẽ trả lời:

- Cám ơn cậu.

- Trông anh xanh lắm. (tr. 280)

Bài tập 12

Trả lời những câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ:

1. Tại sao Mai làm bộ lạnh lùng?
2. Lộc đợi cái gì?
3. Mai có nghe tiếng Ái hỏi không?
4. Bầu không khí giữa Mai và Lộc lúc đó như thế nào?
5. Ai đã giúp giải tỏa sự ngột ngạt?
6. Câu nói của Huy “*Lâu nay nhớ anh quá!*” có thành thật không?

Hai em cùng giáo sư đọc đoạn đối thoại sau đây rồi làm bài tập 13:

Tỉnh Phú Thọ

Giáo sư: Các em đã đọc hết truyện *Nửa Chừng Xuân* rồi chứ? Có chỗ nào thắc mắc gì không?

Học sinh 1: Thưa thầy, có một chỗ trong truyện cho ta biết hai chị em Mai và Lộc ở tỉnh Phú Thọ, và Mai đi buôn sơn để kiếm thêm tiền. Đi buôn sơn là buôn cái gì hả thầy?

Giáo sư: À, sơn ở đây là nhựa của một loại cây to, mọc rất nhiều ở trong rừng Phú Thọ. Người ta cắt vỏ cây sơn ra, hứng lấy nhựa đóng vào thùng đem bán, gọi là sơn ta.

Học sinh 2: Loại sơn đó dùng làm gì thầy?

Giáo sư: Sơn ta chỉ có một màu đen, dùng để sơn bàn ghế, đồ mỹ thuật, hay tranh sơn mài.

- Học sinh 1:** Sơn nhựa cây đó có tốt bằng sơn nhân tạo không thầy?
- Giáo sư:** Sơn ta rất bóng, rất bền, mấy chục năm sau cũng không phai màu, không nứt nẻ.
- Học sinh 2:** Ngoài tỉnh Phú Thọ ra cây sơn còn mọc ở đâu khác không?
- Giáo sư:** Chỉ tỉnh Phú Thọ là có nhiều cây sơn thôi. Những nơi khác không có nhiều. Các em còn biết tỉnh Phú Thọ có gì đặc biệt nữa không?
- Học sinh 1:** Xin thầy cho tụi em biết luôn.
- Giáo sư:** Phú Thọ là thủ đô của nước Việt thời cổ. Các vua Hùng đóng đô tại Phong Châu, tức là Phú Thọ bây giờ. Đặc biệt ở đó có một xóm nhà dân tên là xóm “Thậm Thình”.
- Học sinh 2:** “Thậm Thình”? Sao nghe như là tiếng chày giã gạo vậy thầy?
- Giáo sư:** Đúng thế, “thậm thình” là tiếng chày giã gạo. Các em còn nhớ chuyện bánh chưng bánh dày không? Truyền thuyết kể rằng hai thứ bánh này có từ đời các vua Hùng. Xóm nhà đó ở gần cung vua, được giao việc làm bánh cho vua cúng tổ tiên. Cả xóm giã gạo suốt ngày “thậm thình, thậm thình”, thế là thành tên xóm luôn, truyền lại tới bây giờ.
- Học sinh 1:** Hay quá. Bây giờ em mới biết tỉnh Phú Thọ có nhiều cái đặc sắc như vậy. Cảm ơn thầy đã kể cho tụi em nghe!

Bài tập 13

Đúng hay sai. Viết chữ **Đ** vào câu đúng; viết chữ **S** vào câu sai.

1. Đ S Sơn là một loại cây có nhựa.
2. Đ S Người ta dùng nhựa cây sơn để sơn bàn ghế hay làm tranh sơn mài.
3. Đ S Sơn ta hay bị phai màu hay nứt nẻ.
4. Đ S Cây sơn có rất nhiều ở khắp nơi.
5. Đ S Phú Thọ là thủ đô của nước Trung Hoa thời cổ.
6. Đ S Các vua Hùng đánh nhau tại Phú Thọ.
7. Đ S Ở Phú Thọ có một xóm nhà dân tên là xóm Thậm Thình.
8. Đ S Thậm Thình nghe giống như tiếng chày giã gạo.
9. Đ S Xóm Thậm Thình chính là cung điện của vua Hùng.
10. Đ S Xóm Thậm Thình giã gạo để làm bánh chưng bánh dày.

Tục Ngữ, Ca Dao và Thành Ngữ

1. Dò sông, dò biển, dễ dò,
Nào ai bẻ thước mà đo lòng người.
2. Tham phú phụ bần.
3. Một người làm quan cả họ được nhờ.
4. Một người làm bậy cả họ mang nhờ.
5. Cách mặt xa lòng.
6. Sông sâu còn lăm kẻ dò,
Lòng người ai dễ mà đo cho cùng.

Những Bóng Người Trên Sân Ga

Những cuộc chia lìa khởi từ đây
Cây đàn sum họp đứt từng dây
Những đời phiêu bạt thân đơn chiếc
Lần lượt theo nhau suốt tối ngày.

Có lần tôi thấy hai cô bé
Áp má vào nhau khóc sùi sụt
Hai bóng chung lưng thành một bóng
“Đường về nhà chị chắc xa xôi?”

Có lần tôi thấy một người yêu
Tiễn một người yêu một buổi chiều
Ở một ga nào xa vắng lắm
Họ cầm tay họ bóng xiêu xiêu.

Hai người bạn cũ tiễn chân nhau
Kẻ ở trên toa kẻ dưới tàu
Họ giục nhau về ba bốn bận
Bóng nhòa trong bóng tối từ lâu

Có lần tôi thấy vợ chồng ai
Thên thện đưa nhau bóng chạy dài
Chị mở khăn giầu anh thắt lại:
“Mình về nuôi lấy mẹ, mình ơi!”

Có lần tôi thấy một bà già
Đưa tiễn con đi trấn ải xa
Tàu chạy lâu rồi bà vẫn đứng
Lưng còng đổ bóng xuống sân ga.

Có lần tôi thấy một người đi
Chẳng biết đi đâu nghĩ ngợi gì
Chân bước hững hờ theo bóng lẻ
Một mình làm cả cuộc phân ly.

Những chiếc khăn màu thôn thức bay
Những bàn tay vẫy những bàn tay
Những đôi mắt ướt tìm đôi mắt
Buồn ở đâu hơn ở chốn này?

Thơ Nguyễn Bính

Nửa Chùng Xuân Bên Lò Sưởi (Trang 290-311)

Tóm lược



Lộc trở lại chứng kiến cảnh gia đình đầm ấm của Mai. Chàng bùi ngùi xúc động. Bên ngọn lửa hồng, Mai thú thật nàng đã phải đau đớn khổ sở vì Lộc trong sáu năm qua. Nàng thuật lại những mầu đời dĩ vãng cho Lộc nghe. Lộc nhắc lại ý định sum họp nhưng Mai không chịu. Nàng nghĩ đến ba trường hợp. Nếu nàng lấy lẽ Lộc thì nàng không thể chia đôi tình ái với người vợ cả để rồi thêm đau khổ. Nếu nàng lấy Lộc thì chính nàng cướp chồng của người vợ cả. Vì thế chuyện sum họp sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả ba người. Trường hợp thứ ba là

nếu hai người đi trốn thì danh dự của Lộc và gia đình Lộc sẽ bị tổn thương. Vì thế Mai đề nghị Lộc trở về săn sóc gia đình, còn Mai cũng sẽ tìm hạnh phúc cho mình trong quãng đời còn lại.

Đêm dần tàn, Mai khẩn khoản yêu cầu Lộc vì những người khác mà hy sinh ái tình và hạnh phúc của hai người. Nếu hai người đi trốn thì biết bao nhiêu người khác sẽ bị khổ lây. Trong đó chắc chắn có cụ Ân, Mai và Lộc, người vợ cả, Huy và Ái.

Với cái nhìn chín chắn và sâu xa, Mai nghĩ đến chuyện yêu nhau ở ngoài sự sum họp. Mai sẽ sung sướng mỗi khi nghĩ đến Lộc vì biết chàng vẫn yêu thương nàng. Nàng sẽ không còn ngờ vực Lộc nữa. Còn Lộc sẽ vui vẻ gánh vác trách nhiệm và bổn phận đối với gia đình và xã hội. Hai người sẽ luôn tưởng nhớ đến nhau và mong mỗi cho nhau được sung sướng. Tình yêu của Mai sẽ làm chàng phấn khởi đem hết tài trí ra phục vụ xã hội. Mai sẽ là người an ủi và khuyến khích chàng.

Lộc vui vẻ ra đi trong tâm trạng phấn khởi phục vụ xã hội. Chàng sẽ yên tâm rằng cuộc đời Mai sẽ tiếp tục êm ấm. Còn đời chàng sẽ thay đổi nhưng sẽ rất sung sướng vì Mai lúc nào cũng nghĩ đến chàng. Tuy hai người ở xa nhau nhưng tâm trí lúc nào cũng gần nhau. Với ý tưởng đó, Lộc và Mai chia tay. Một ngày nắng đẹp bắt đầu.

Từ Vựng

- | | | | | |
|-------------------------|--------|---|---|------|
| 1. pháo ông lệnh | (đt.): | pháo lớn, có tiếng nổ lớn như lệnh trên đưa xuống | <i>big firecracker</i> | (n.) |
| 2. bẩm | (đt.): | thưa với người trên | <i>Sir/Madam - to report to the superiors</i> | (v.) |

3. ông đốc	(dt.):	bác sĩ (docteur)	<i>doctor</i>	(n.)
4. bùng bùng cháy	(đt.):	rực lên, mạnh lên	<i>to go up in flames, to blaze up</i>	(v.)
5. lôi lê sệt	(đt.):	kéo vật gì trên mặt đất	<i>to drag something</i>	(v.)
6. se se	(trt.):	khe khẽ, nhẹ nhàng, không gây ra tiếng động	<i>gently, softly, quietly</i>	(adv.)
7. hớn hờ	(trt.):	(nét mặt): tươi tỉnh, vui vẻ	<i>merrily</i>	(adv.)
8. công trình	(dt.):	việc làm	<i>work</i>	(n.)
9. ngê ngao	(trt.):	quá cỡ	<i>oversizedly</i>	(adv.)
10. cười như nắc nẻ	(đt.):	cười giòn nghe vui tai	<i>to laugh heartily</i>	(v.)
11. ngây (người)	(đt.):	ở trạng thái đờ người ra	<i>to be bewildered</i>	(v.)
12. nhớ	(đt.):	không kịp	<i>to miss</i>	(v.)
13. tiếng lịch kịch	(dt.):	tiếng do vật cứng va chạm nhau	<i>thud</i>	(n.)
14. bất quá	(trt.):	chỉ đến mức ấy (bất: chẳng; quá: đến)	<i>at most</i>	(adv.)
15. khệ nệ	(trt.):	một cách nặng nề, chậm chạp	<i>heavily</i>	(adv.)
16. nổ liên thanh	(đt.):	nổ tiếp theo nhau thành tràng	<i>to explode continuously</i>	(v.)
17. tha hồ	(trt.):	không bị ngăn trở, hạn chế	<i>freely</i>	(adv.)
18. nhà xéc	(dt.):	câu lạc bộ (Pháp: cercle)	<i>club</i>	(n.)
19. đắc chí	(tt.):	vừa ý, thích thú	<i>self-satisfied</i>	(adj.)
20. áo tơi	(dt.):	áo đi mưa	<i>raincoat</i>	(n.)
21. uể oải	(tt.):	mệt nhọc quá, chân tay rã rời	<i>sluggish</i>	(adj.)
22. bàng khuâng	(trt.):	ngẩn ngơ, vẩn vơ	<i>aimlessly</i>	(adv.)
23. náo nùng	(tt.):	buồn bã, tê tái, xót xa	<i>touching, making people feel sorrow</i>	(adj.)

24. não ruột	(tt.):	dã dượt trong lòng	<i>poignant, touched, moved</i>	(adj.)
25. ấp úng	(đt.):	nói lúng túng không nên lời	<i>to stammer</i>	(v.)
26. nơm nớp	(trt.):	phấp phồng, lo điều không hay xảy ra	<i>fearfully, nervously</i>	(adv.)
27. văng vẳng	(trt.):	không rõ lắm	<i>vaguely</i>	(adv.)
28. quý hồ	(lt.):	miễn sao có, chỉ cần có	<i>provided that</i>	(conj.)
29. đằng đẳng	(trt.):	mãi mãi, không biết bao giờ mới hết	<i>for a very long time, everlastingly</i>	(adv.)
30. cao thượng	(tt.):	vượt trên những cái tầm thường	<i>noble</i>	(adj.)
31. sực	(trt.):	bỗng nhiên; thỉnh linh	<i>suddenly</i>	(adv.)
32. phấn khởi	(tt.):	vui vẻ trước một tin mừng	<i>enthusiastic</i>	(adj.)
33. cay cực	(đt.):	sự đau khổ, xót xa	<i>misery</i>	(n.)
34. khoáng đạt	(tt.):	thanh thoát, không bị gò bó, hạn hẹp	<i>broad-minded</i>	(adj.)
35. siêu thoát	(đt.):	vượt ra khỏi những điều tầm thường	<i>to be liberated from</i>	(v.)
36. huống nữa	(lt.):	huống chi là, nói chi - tiếng dùng so sánh hai sự việc; sự việc sau thường kém hơn sự việc trước.	<i>let alone</i>	(conj. v.)

Bài tập 1

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **phấn khởi, cay cực, khệ nệ, hớn hỡ, lằm than, khoáng đạt, ngây, áo tơi, siêu thoát, não nùng, nơm nớp.**

1. Ái đến bàn ăn _____ bệ lại bên lò sưởi một cái ghế mây.
2. Một lát sau, Ái _____ mang những công trình của mình lại khoe cậu.
3. Mai đứng dậy, _____ người dăm dăm nhìn Lộc.
4. Theo lời, Lộc thông thả cỡi _____ vất lên lưng ngựa ghé, rồi đến bên lò sưởi giờ hai bàn tay lên hơi nóng.
5. Giọng _____, Mai nhắc lại: “Nếu em ghét được anh!”
6. “Em yêu anh mà em cứ _____ sợ hãi người vợ cả, mà lúc nào em cũng tưởng tới sự

- chia đôi tình ái với người ta thì sự ấy càng đau khổ bằng mấy mươi sự cách biệt nhau.”
7. Rồi Lộc nói: “Cái ý tưởng cao thượng ấy sẽ làm cho anh _____.”
 8. Anh đã trông thấy hiện ra trước mắt những sự _____, _____ đang đợi anh.
 9. Hạnh phúc như bao bọc, như âu yếm hai tâm hồn _____ đã _____ ra ngoài vòng tư tưởng nặng nề u ám.

Bài tập 2

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **nhỡ, ngại, phẫn khởi, hớn hờ, khê nê, não ruột, áo toi, thốn thớt.**

1. Cô Lan _____, cổ nén tiếng khóc.
2. Chợt ông già _____ bùng đến một nồi cháo.
3. Các cháu bé vui cười, _____.
4. Khi chúng tôi đến nhà ga thì đã _____ tàu rồi.
5. Trời mưa thì mặc trời mưa,
Chồng tôi đi bữa đã có _____. (Ca dao)
6. Tiếng đàn của cô ấy nghe buồn đến _____.
7. Biết tin này chắc cha mẹ của Tâm _____ lắm.
8. “Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi,
mà khó vì lòng người _____ núi, e sông.” (Nguyễn Bá Học)

Bài tập 3

Đặt câu với mỗi từ sau đây:

- | | |
|------------|---------------|
| 1. bất quá | 6. huống nữa |
| 2. toan | 7. khôi hài |
| 3. tha hồ | 8. hớn hờ |
| 4. lệt sệt | 9. siêu thoát |
| 5. se sẽ | 10. cay cực |

Bài tập 4

Tìm từ đồng nghĩa với những từ sau đây:

- | | | |
|--------------|---|-------|
| 1. vội vàng | = | _____ |
| 2. lấm than | = | _____ |
| 3. cay cực | = | _____ |
| 4. phẫn khởi | = | _____ |
| 5. phức tạp | = | _____ |
| 6. lúi húi | = | _____ |
| 7. não nùng | = | _____ |
| 8. dăm dăm | = | _____ |
| 9. lúng túng | = | _____ |
| 10. hớn hờ | = | _____ |

Phân Tích

A. Văn thể: Văn xuôi

B. Giọng văn: Tha thiết, thuyết phục

C. Bối cảnh: Nhà Mai

D. Tình tiết: Mai và Lộc không thể tái hợp được nên mỗi người một nơi giống như câu:

*“Anh đi đường anh, tôi đường tôi,
Tình nghĩa đôi ta có thể thôi.”*

E. Chủ đề: Gặp nhau lần cuối.

G. Đại ý: Giải pháp êm đẹp cho cuộc tình ngang trái.

H. Nhận Xét Văn Chương:

- Cũng như các chương trước, trong chương này, tác giả ít dùng từ Hán Việt, lời văn trong sáng, tư tưởng súc tích nhờ tác giả biết sử dụng các mỹ từ pháp một cách khéo léo như phép tượng thanh, phép ẩn dụ, phép so sánh, v.v...
 - **Tượng thanh:** lịch kịch, lách tách, lệt đệt, lệt sệt, lách cách
 - **Ẩn dụ:** “- Bao giờ than sắp tàn cũng nóng trời lên như thế.”
“- Vậy ta nuôi cho ngọn lửa khỏi tắt, chẳng chốc nữa lạnh.”
Khi nói đến **ngọn lửa** thì cả hai người đều liên tưởng đến **mối tình** của họ.
“Ái đương ngập nhẩn nhó, ...” → buồn ngủ.
“Có tiếng gà gáy ở sau nhà.” → trời sắp sáng.
 - **So sánh:** “yên lặng như một pho tượng.”; “lắm tấm như hoa, ...”
- Ngoài ra tác giả còn dùng các cấu trúc thường dùng trong khi thuật chuyện như: “**cũng không... mà cũng không...**”, hay “**... hễ...thì...**”:
 - “- Còn Lộc thì trong lòng tê tái, chàng **cũng không** khóc được **mà cũng không** nói được câu gì.”
 - “- ... **hễ** em thấy anh sung sướng **thì** em cũng sung sướng, ...”
- Có lẽ vì chịu ảnh hưởng lối hành văn của Pháp, tác giả dùng tiếng giới từ ở cuối câu: “Ngày nay anh có gia đình của anh mà anh phải săn sóc **tới**.”, tựa như khi ta nói: *to talk to, to play with*, v.v...
- Điểm nổi bật nhất trong chương này có lẽ là phần Mai lý luận sâu sắc và đanh thép về ba trường hợp tại sao Mai không thể làm vợ Lộc được. (tr.303-305). Mai phân tích lợi hại, dẫn chứng trước sau làm cho Lộc phải khuất phục.
- Về cách tả tâm lý, xin đọc đoạn văn trích dưới đây:

“Khái Hưng nhận xét tâm lý phụ nữ phải nói là tài tình, không những vậy Khái Hưng còn chú tâm tới việc đổi thay những hủ tục trong gia đình, mở xẻ, phê phán, bởi vậy những tiểu thuyết phong tục của Khái Hưng có một tầm vóc lớn rộng và cuốn hút được số lớn phụ nữ. Đây là những phát giác để những người thuộc phe bảo thủ thấy được sự thật, bởi muốn đất nước vững mạnh không thể để mục ruỗng gia đình.

Trước sự xâm nhập của văn hoá Tây phương, gia đình và xã hội không thể có sự thiết lập một bên. Không những Khái Hưng chỉ sâu sắc khi phân tích tâm lý người phụ

nữ, mà Khái Hưng còn hiểu biết nhiều về tâm hồn các thanh niên nam nữ. Khái Hưng đã sống qua nhiều thế hệ, thật đúng một kỹ sư tâm hồn, có giọng văn kinh nghiệm, tả tình lịch duyệt.”

(Trích *Câu Chuyện Văn Chương* của Nhật Thịnh - Khuê Dung trang 126)

6. Một số từ được dùng:

Pháo ống lệnh: trong một phong pháo, ngoài những cây pháo nhỏ bằng chiếc đũa, hay bằng ngón tay út còn có bốn hay năm cái pháo lớn, đường kính từ 3 cm đến 4 cm. Những cái pháo lớn đó ở miền Trung gọi là “pháo tổng”, ở miền Bắc thì gọi là “pháo ống lệnh” vì tiếng nổ rất lớn (như lựu đạn) tựa như dùng để ra lệnh.

Nắc nẻ: cây hoa kim phụng còn gọi là hoa rắc nẻ. Cây hoa thân thảo, cao độ 4 dm. Khi hoa tàn thì có trái hình thoi dài độ 2 cm hay 3 cm. Trẻ con thường chơi bóp nhẹ vào trái thì trái nứt rồi nẻ ra ngay lập tức tạo ra âm thanh giòn giã, vui tai. Cười như rắc nẻ là cười hắc hắc, nghe giòn và vui tươi. “Rắc nẻ” có lẽ là do tiếng “nứt nẻ” đọc trại ra.

Khi thấy ai cười nhiều quá, người ta thường nói: *Cười chi mà cười như đười ươi rắc nẻ?*

Nghêu ngao: “Huy với cái đầu tròn như quả bóng và hai bàn tay to **nghêu ngao** những ngón dài, ...”

“Nghêu ngao” là một trạng từ thường được dùng để diễn tả về âm thanh lan trộng ra như: “Hát nghêu ngao” là hát to tiếng và không có ý nghĩa gì cả. Trong câu trích trên, tác giả dùng “nghêu ngao” để diễn tả về vật thể. “Nghêu ngao” nằm giữa câu, trước và sau không có dấu phẩy, nên có thể được hiểu theo hai cách:

- bàn tay to nghêu ngao: tay to quá cỡ.
- nghêu ngao những ngón dài: ngón tay dài nghêu ngao là dài hết sức, dài chờ vờ, chàng vàng.

Ngữ Pháp

Phép Ẩn Dụ, Phép Tượng Trưng, Câu Với Chủ Từ Được Hiểu Ngầm

1. Phép Ẩn Dụ

Xét câu sau đây:

“Bao giờ than sắp tàn cũng nóng trọi lên như thế.”

Câu nói của Mai rất là bóng bẩy. Mỗi tình của họ, trước khi tắt ngấm đi thì cũng bùng cháy lên như vậy.

Phép ẩn dụ là cách diễn tả khiến người đọc hiểu thêm *một nghĩa khác* ngoài nghĩa chính của câu văn.

2. Phép Tượng Trưng

Xét câu sau đây:

“*Vậy ta nuôi cho **ngọn lửa** khỏi tắt, chẳng chốc nữa lạnh.*”

“Ngọn lửa” tượng trưng cho mối tình giữa Mai và Lộc.

Phép tượng trưng hay biểu tượng là cách dùng một người hoặc vật cụ thể để thay thế cho những cái gì trừu tượng, sâu xa hơn, rộng lớn hơn.

*Ví dụ: **Chim bồ câu** tượng trưng cho hoà bình; **đầu lâu** và **hai gọng xương tay** tượng trưng cho sự nguy hiểm.*

3. Câu Với Chủ Từ Được Hiểu Ngầm

Xét các câu sau đây:

1. - Không. Anh ấy học lớp nào?
- Học năm thứ ba. (**Cậu ấy**)
2. Một người thư ký hỏi hàm hỏi:
- Đến có việc gì? (**Cô**)

Trong hai câu trên, chủ từ “cậu ấy” và “cô” được hiểu ngầm. Với những câu chỉ có phần vị ngữ, tức là chủ từ được hiểu ngầm, thì độc giả có thể hiểu với bất cứ chủ từ nào, miễn sao hợp nghĩa thì thôi.

Bài tập 5

Các bài thơ khẩu khí của Vua Lê Thánh Tông dưới đây **ẩn dụ** điều gì? (Trích *Văn Học Việt Nam* của Dương Quảng Hàm trang 88-89.)

Cái Chổi

Lời chúa vâng truyền xuống ngọc giai,
Cho làm lệnh tướng quét trần ai.
Một tay vùng vẫy trời tung gió,
Bốn cõi tung hoành đất sạch gai.
Ngày vắng rủ mây cung Bắc Hán,
Đêm thanh dựa nguyệt chốn lâu đài.
Ôm lòng gốc rễ lâu càng giải,
Mòn mỏi lưng còn một cái đai.

Con Cóc

Bác mẹ sinh ra vốn áo sồi,
Chốn nghiêm thăm-thẳm một mình ngồi.
Chép miệng năm ba con kiến gió,
Nghĩen răng chuyển động bốn phương trời.

Bài tập 6

Các vật hay hình sau đây tượng trưng cho cái gì?

1. Lá cờ
2. Cây bút và cuốn sách
3. Khẩu súng

4. Hình quả tim
5. Hoa mai vàng

Bài tập 7

1. Trong câu ca dao sau đây, “con cò” tượng trưng cho ai?

*Con cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo nuôi chồng, tiếng khóc nỉ non.*

2. Trong hai câu thơ dưới đây, từ nào tượng trưng cho người phụ nữ?

*Vội chi liễu ép, hoa nài,
Còn thân còn có đèn bồi có khi.*

Nguyễn Du

Độc Hiểu

Bài tập 8

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Những cử chỉ nào của Ái chứng tỏ Ái là đứa bé ngoan, thương cậu và có hiếu với mẹ?
2. Tại sao Mai nhìn ra mà không thấy Lộc đứng bên ngoài cửa sổ?
3. Người ta thường nói nam là phái mạnh và nữ là phái yếu. Xét suy nghĩ và hành động của Mai và Lộc thì điều này có đúng không?
4. Việc Lộc quay trở lại, đứng nhìn Mai và con qua khe cửa có tác dụng gì?
5. Khi nghe Lộc nói chưa về vì bị lỡ xe thì Mai bảo Lộc: “*Anh chả nên thế.*” Em hãy giải thích câu nói của Mai.
6. Thực ra Lộc có lỡ xe không?
7. “*Lộc nói...như say mê, như đắm đuối trong tình yêu thương nồng nàn*”, còn Mai thì “*vẻ mặt thản nhiên*”. Có phải Mai còn oán hận Lộc hay đã hết yêu Lộc?
8. Mai đưa ra những lý do nào để cho Lộc thấy là họ không thể sum họp được nữa?
9. Mai nói: “*Vậy sao không vì người khác mà hy sinh ái tình cùng hạnh phúc của ta?*” Em có đồng ý với ý kiến của Mai không?
10. Được cảm hoá bởi sự sáng suốt và cao thượng của Mai, Lộc đã có quyết định gì?

Bài tập 9

Ghép mỗi từ ở cột A với định nghĩa thích hợp ở cột B.

A

1. lúi húi
2. ngoan
3. chắt phác
4. khách sạn
5. phục tùng
6. siêu thoát

B

- a. thật thà
- b. lời nói
- c. tuân theo
- d. cụ già giúp việc
- e. cặm cùi
- g. buồn bã

- | | |
|-------------|----------------------------|
| 7. Tấm Cám | h. biết vâng lời |
| 8. não ruột | i. nơi ở trọ qua đêm |
| 9. ngôn ngữ | k. ra khỏi |
| 10. lão bộc | l. chuyện dành cho trẻ con |

Bài tập 10

Đúng hay sai. Viết chữ **Đ** vào câu đúng; viết chữ **S** vào câu sai.

1. Đ S Thấy Lộc quay lại vì nhớ xe, Mai trong lòng vui sướng cho rằng Lộc quay lại là vì yêu nàng.
2. Đ S Thấy Lộc nói quay lại vì nhớ xe, Mai nói “anh chả nên thế” vì Mai cho rằng Lộc cố tình ở lại.
3. Đ S Lộc nói liên miên như đắm đuối với tình yêu thương nồng nàn, nhưng Mai lại có vẻ thản nhiên vì Mai không tin những gì Lộc nói.
4. Đ S Lộc đề nghị tái hợp nhưng Mai dứt khoát từ chối vì không còn yêu Lộc nữa.
5. Đ S Nhờ sự cao thượng và sáng suốt của Mai, Lộc đã giác ngộ và quyết đem hết nghị lực ra giúp đời.

Bài tập 11

Hãy sắp xếp theo thứ tự diễn tiến của truyện *Nửa Chùng Xuân*.

1. Mai đang lúc khó khăn: cụ Tú mới chết; Mai không trả được tiền trường cho Huy.
2. Lộc đến tìm Mai, chân thành ân hận vì những bất công Mai phải gánh chịu.
3. Bà Án tìm cách phá cuộc sống chung của Mai, Lộc.
4. Bà Án tìm Mai để bắt bé Ái.
5. Lộc lấy vợ giàu sang nhưng không hạnh phúc và không có con.
6. Vì tự ái và nghi Lộc đã thay lòng đổi dạ, Mai bỏ đi và sinh bé Ái.
7. Mai gặp lại Lộc trên xe lửa.
8. Lộc, Mai yêu nhau và chung sống.
9. Mai cảm động nhưng từ chối tái hợp.
10. Lộc tỉnh ngộ và quyết định đem hết nghị lực ra giúp đời.

Tập Làm Văn

1. Viết bài tóm lược chương Bên Lò Sưởi.
2. Viết lại cảm nghĩ của em về nhân vật Mai trong tác phẩm *Nửa Chùng Xuân*.

Nói Với Nhau

Tha Thứ Cho Người

Khi lớn lên tôi nhớ đã nghe mẹ tôi và nhiều người khác thường nhắc tôi rằng tha thứ cho người khác là một điều tốt - rằng sự tha thứ là “thiên lương” hoặc “rất đạo đức”. Nhưng có một lý do căn bản hơn để chúng ta tha thứ cho người khác: đó là nếu không bỏ qua cho người khác, điều đó sẽ huỷ hoại cuộc đời chúng ta.

Lấy ví dụ như:

- a. Người mà bạn thương nhất lại đi nói xấu bạn với người khác.
- b. Người khác làm sai và đổ lỗi cho bạn. Bạn rất tức giận và nói, “Tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho mấy người!”

Ai đau khổ? Chắc chắn không phải những người nói xấu bạn.

Những cuộc nghiên cứu mới đây của Viện Y Tế Công Cộng ở California, Mỹ, khẳng định rằng lòng thù ghét và oán giận sẽ phá hoại hệ miễn dịch của chúng ta và làm gia tăng nguy cơ bị các bệnh tim, ung thư và thậm chí cả bệnh tiểu đường. Nỗi cay đắng trong lòng sẽ làm chúng ta đau ốm!

Tha thứ cho một người, đâu có nghĩa là đồng ý với những gì họ đã làm.

Chỉ vì bạn muốn cuộc đời bạn nhẹ nhàng thanh thản thôi.

Tóm tắt

Tha thứ có dễ dàng không? Thường thì không. Nhưng bạn tha thứ cho ai đó không phải vì họ. Bạn tha thứ cho người vì ích lợi của bạn.

(Theo *Happiness Now* của Andrew Matthews, Seashell Publishers)

Tập Nói Chuyện

1. Ai đã làm cho bạn đau khổ?
2. Chuyện xảy ra như thế nào?
3. Tha thứ cho kẻ đã làm bạn đau khổ có dễ dàng không?
4. Tại sao bạn nên tha thứ cho kẻ làm bạn đau khổ?

Tập Viết Văn

Theo em, “Tha thứ cho người khác là vì ích lợi của mình” có đúng không? Cho biết ý kiến của em. Hãy viết một bài văn năm đoạn có trích dẫn ý từ *Nửa Chừng Xuân*.

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

Bài đàm thoại sau đây dựa theo vở kịch *Trifles* của ký giả kiêm nhà văn Mỹ, Susan Glaspell. Bà viết vở kịch này dựa theo một câu chuyện có thật trong đó một phụ nữ Mỹ đã giết chồng trong lúc đang ngủ bằng hai nhát rìu. Bà Glaspell được phân công viết phóng sự điều tra về tình tiết của vụ án, qua đó bà hiểu tâm tư của người phụ nữ ở vùng nông thôn nước Mỹ những năm đầu của thế kỷ 20.

Hai nhân vật chính trong vở kịch Trifles là bà Peter và bà Hale, hai người phụ nữ láng giềng, đồng thời là bạn của Minnie thời con gái. Minnie bị nghi ngờ đã giết chồng trong lúc đang ngủ. Hai bà được cảnh sát trưởng Peter (chồng bà Peter) và giám sát viên Henderson cho phép vào nhà Minnie, nơi xảy ra án mạng, để lấy một số vật dụng mà Minnie yêu cầu và mang đến cho bà ấy ở trại giam.

Bà Hale: Tôi không ngờ chuyện lại xảy ra như thế này. Nếu biết trước, tôi đã thường xuyên đến thăm Minnie.

Bà Peter: Tôi cũng vậy. Tôi không bao giờ quên hình ảnh Minnie xinh đẹp, tươi tắn trong ban đồng ca của nhà thờ. Bà có nghĩ là cô ấy giết chồng không?

Bà Hale: Tôi không nghĩ vậy. Làm sao một người hiền lành, dễ thương như thế lại có thể giết chồng nhỉ?

Bà Peter: Chồng tôi nói thật là một kiểu giết người kỳ lạ. Trong nhà có súng, sao hung thủ không dùng súng bắn nạn nhân mà lại dùng dây vện cổ như vện cổ một con gà vậy.

Bà Hale: Tôi không hiểu vì sao nhà bếp Minnie lại lộn xộn thế kia, xưa nay cô ấy là người rất ngăn nắp mà. Trời đất ơi, cô ấy đan cái gì thế này? Mấy mũi đan xấu xí quá. Tôi phải tháo ra đan lại mới được.

Bà Peter: Bà đừng làm thế! Bà không biết là chúng ta phải giữ nguyên hiện trường sao?

Bà Hale: Một chút thôi mà! Không sao đâu. Tính của tôi thấy ai làm sai mà không sửa là tôi không chịu được.

Bà Peter: Bà có nghĩ là tâm trạng của Minnie rất bối rối trước khi xảy ra án mạng không?

Bà Hale: Làm sao tôi biết được.

Bà Peter: Bằng chứng là mấy mũi đan này nè. Cô ấy phải có điều gì suy nghĩ dūr lắm nên mới làm sai như vậy. Chứ phụ nữ chúng mình, ai mà lại không biết may vá, thêu đan.

Bà Hale (*lắng nghe tiếng bước chân của cảnh sát trưởng, giám sát viên và ông hàng xóm Hale ở trên lầu*): Biết thì biết vậy nhưng chớ có nói ra.

Bà Peter: Nhưng luật pháp là luật pháp, bà à!

Bà Hale (*lo lắng*): Cái lồng chim! Minnie có con chim bạch yến hót hay lắm. Nó bay đâu mất rồi nhỉ!

Bà Peter: Ừ, ai cũng biết Minnie yêu quý con chim này lắm. Từ khi cô ấy không được chồng cho phép hát trong ban đồng ca của nhà thờ, con chim là bạn thân duy nhất của cô ấy.

Bà Hale: Nhưng chồng của Minnie thì không thích hát hò, bởi vậy ông ta không thích con chim.

Bà Peter: Con chim đâu rồi nhỉ? Bà có nghĩ là chúng ta nên đem cái áo đan dở dang này đến cho Minnie để cô ấy đan tiếp ở trong tù cho đỡ buồn không?

Bà Hale: Được đấy. Đem theo cả cái hộp đựng kim chỉ nữa. Nó kia rồi!

Bà Hale mở hộp rồi đưa tay bịt mũi.

Bà Hale: Có cái gì ở trong hộp, bà à!

Bà Peter: Không phải cái kéo sao?

Bà Peter và bà Hale cùng nhìn vào hộp.

Bà Peter: Con chim bạch yến!

Bà Hale (*thăng thốt*): Ai vặn cổ con chim thế này?

Bà Peter và bà Hale nhìn nhau.

Bà Hale: Tôi biết rồi. Chính là chồng Minnie.

Bà Hale bỏ nhanh chiếc hộp đựng xác con chim vào túi áo khoác khi nghe tiếng ông cảnh sát trường oang oang.

Cảnh sát trưởng: Sao mấy bà đã tìm thấy chứng cứ gì chưa?

Bà Peter: Chẳng thấy gì cả.

Bài tập 12

Chọn câu trả lời đúng nhất.

1. Minnie, nghi phạm của vụ án, là người như thế nào trước khi lấy chồng?
 - a. Xinh xắn, thích ca hát.
 - b. Chậm chạp, vụng về.
 - c. U sầu, cô độc.
 - d. Nghiêm trang, kín đáo.
2. Sau khi lấy chồng, Minnie trở nên _____.
 - a. vui vẻ, hoạt bát
 - b. thích ca hát, vui đùa
 - c. cô đơn, trầm lặng
 - d. cứng cỏi, quả quyết
3. Bạn thân nhất của Minnie sau khi lấy chồng là _____.
 - a. chú thỏ bạch
 - b. chú chó vàng
 - c. con chim bạch yến
 - d. con chim hoạ mi
4. Vì sao chồng của Minnie chết?
 - a. Vì bị bệnh nặng.
 - b. Vì bị tai nạn xe.
 - c. Vì bị té lầu.
 - d. Vì bị xiết cổ.
5. Vì sao chim bạch yến chết?
 - a. Vì bị mèo vồ.
 - b. Vì bị vặn cổ.

- c. Vì bị lạnh.
 - d. Vì bị đói.
6. Theo bà Hale, ai đã giết con chim bạch yến?
- a. Con mèo.
 - b. Con rắn.
 - c. Chồng Minnie.
 - d. Không ai giết cả.
7. Vì sao bà Hale giấu xác con chim bạch yến vào trong túi áo khoác của mình?
- a. Vì muốn che giấu chứng cứ.
 - b. Vì muốn đem cho Minnie.
 - c. Vì muốn đem về chôn.
 - d. Vì phản xạ tự nhiên.
8. Việc bà Hale tháo ra và khâu lại mấy mũi khâu lỗi có ngụ ý gì?
- a. Che đậy tâm trạng bất ổn của Minnie khi đang khâu.
 - b. Che đậy sự dẫn vật trong tư tưởng Minnie trước khi án mạng xảy ra.
 - c. Bà Hale là người sâu sắc và nhạy bén.
 - d. a, b, c đều đúng.
9. Theo em bà Peter có thông cảm cho Minnie không? Nếu có, hãy dẫn chứng.
10. Theo em, Minnie có giết chồng không? Nếu có, động cơ gì đưa đến việc này?

Giáo Dục Hướng Nghiệp

Nghề Dạy Học Ở Mỹ

Để trở thành giáo sư hay giáo viên ở Mỹ, trước hết sinh viên phải tốt nghiệp đại học bốn năm. Sau đó họ phải có chứng chỉ hay giấy phép giảng dạy tùy theo yêu cầu của mỗi tiểu bang.

Những bước chuẩn bị để trở thành nhà giáo ở Mỹ gồm có như sau:

1. Phải có bằng tốt nghiệp phổ thông vì đây là bước chuyển tiếp lên cao đẳng hai năm hay đại học.
2. Phải tốt nghiệp đại học bốn năm, sau khi các giáo sư tương lai học chuyên ngành của mình như Toán hay Khoa học và các môn phụ mà họ có thể giảng dạy sau này.
3. Phần lớn các chương trình sư phạm đều bao gồm các khoá học cần thiết liên kết với một chương trình sau đại học để trở thành nhà giáo sau này. Thời gian tối thiểu để trở thành giáo sư trung học là năm năm.

Đối với những ai đã tốt nghiệp đại học nhưng theo chuyên ngành khác như kế toán, ngân hàng, y, dược, v.v... và đổi ý muốn theo nghề giáo, họ có thể thay đổi chuyên môn bằng cách theo học một khoá sư phạm. Thời gian này họ phải học môn mà mình muốn dạy, đồng thời cũng học những khoá sư phạm tổng quát.



Ca Dao

1. Thà rằng không biết cho xong,
Biết ra kẻ Bắc người Đông thêm sầu.
2. Thay quần đổi áo thì xinh,
Thay chồng đổi vợ, kẻ khinh người cười.
3. Đã thành gia thất thì thôi,
Đèo bồng cho lắm tội trời ai mang.

Bài Đọc Thêm

Giây Phút Chạnh Lòng

Anh đi đường anh, tôi đường tôi.
Tình nghĩa đôi ta có thể thôi.
Đã quyết không mong sum họp mãi,
Bạn lòng chỉ nữa lúc chia phôi?
Non nước đương chờ gót lãng du,
Đâu đây vẳng tiếng hát chinh phu,
Lòng tôi phơi phới quên thương tiếc
Đưa tiễn anh ra chốn hải hồ.
Anh đi vui cảnh lạ, đường xa,
Đem chí bình sinh dải nắng mưa.
Thân đã hiến cho đời gió bụi,
Đâu còn lưu luyến chút duyên tơ?
Rồi có khi nào ngắm bóng mây,
Chiều thu đưa lạnh gió heo may,
Dừng chân trên bến sông xa vắng,
Chạnh nhớ tình tôi trong phút giây?

Xin anh cứ tưởng bạn anh tuy
Giam hãm thân trong cảnh nặng nề,
Vẫn dễ hồn theo người lận đận,
Vẫn hằng trông đếm bước anh đi

Lấy câu khẳng khái tiễn đưa nhau,
Em muốn cho ta chẳng thăm sầu,
Nhưng chính lòng em còn thổn thức,
Buồn kia em giấu được ta đâu?
Em đứng nương mình dưới gốc mai,
Vìn cảnh sương đọng, lệ hoa rơi,
Cười nâng tà áo đưa lên gió,
Em bảo: hoa kia khóc hộ người.

Rồi bỗng ngừng vui cùng lẳng lẳng,
Nhìn nhau bình thản lúc ra đi.
Nhưng trong khoảnh khắc thờ ơ ấy,
Thấy cả muôn đời hận biệt ly.
Năm năm theo tiếng gọi lên đường,
Tóc rụng rơi bởi gió bốn phương.
Mấy lúc thần thờ trông trở lại,
Để hồn mơ tới bạn quê hương.
Ta muốn lòng ta cứ lạnh lùng,
Gác tình duyên cũ thẳng đường trông.
Song le hương khói yêu đương vẫn,
Phảng phất còn vương vấn cạnh lòng.
Hôm nay tạm nghỉ bước gian nan,
Trong lúc gần xa pháo nổ ran,
Rũ áo phong sương trên gác trọ,
Lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang.
Ta thấy xuân nồng thấm khắp nơi,
Trên đường rộn rã tiếng đua cười,
Động lòng nhớ bạn xuân năm ấy,
Cùng ngắm xuân về trên khóm mai.
Lòng ta tha thiết đượm tình yêu,
Như cảnh trời xuân luyến nắng chiều,
Mắt lệ đầm trông miên cách biệt,
Phút giây chùng mõi gói phiêu lưu....
Cát bụi tung trời - Đường vất vả
Còn dài - Nhưng hãy tạm dừng chân
Tưởng người trong chốn xa xăm ấy
Chẳng biết vui buồn đón gió xuân.

Thế Lữ

Nguyễn Bình Khiêm (1491 - 1585)



Nguyễn Bình Khiêm tên tự là Hạnh Phủ, tên hiệu là Bạch Vân Cư Sĩ, và ông đặt tên cho chỗ ở của mình là Bạch Vân Am. Ông sinh năm 1491 tại tỉnh Hải Dương. Ông đỗ Trạng Nguyên vào thời nhà Mạc rồi làm quan to tại triều. Năm 1542, ông xin về hưu để có thì giờ ngoạn cảnh và ngâm vịnh. Vua nhà Mạc rất tôn trọng ông và thường hỏi ý kiến ông về việc nước. Khi còn làm quan ông được phong tước Trình Quốc Công, một tước vị cao nhất trong các phẩm tước của triều đình ban cho các quan, nên ông thường được gọi là Trạng Trình.

Thơ văn của ông gồm có:

- *Bạch Vân Thi Tập*: gồm nhiều bài tả cảnh, tả tình viết bằng chữ Hán.

- *Bạch Vân Quốc Ngữ Thi Ca*, viết bằng chữ Nôm.

Ngoài ra ông còn viết một số sấm ký, tức là những câu thơ hay bài thơ ngắn, dùng lối nói bóng gió, ngụ ý để báo trước thời cuộc và những diễn biến chính trị của đất nước. Đến ngày nay, những câu sấm ký đó vẫn còn được truyền tụng và suy nghiệm.

Nguyễn Bình Khiêm sinh ra và lớn lên vào lúc Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê. Khi nhà Lê nổi lên để khôi phục ngôi vua thì nước ta bị chia đôi: miền Bắc thuộc quyền nhà Mạc; từ Thanh Hoá trở vào thuộc vua Lê. Đất nước chia hai làm lòng người hoang mang giao động, sinh ra nhiều vấn đề phức tạp.

Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm phần nhiều ngâm vịnh cảnh nhàn, hoặc mô tả thói đời, tình người để khuyên răn đạo đức. Lời thơ giản dị mà có ý nghĩa thâm trầm, tuy phê bình nhưng vẫn kín đáo nhẹ nhàng, tỏ rõ phong cách của một triết gia đã từng trải việc đời và hiểu rõ lòng người.

Thế Thái Nhân Tình



Thế gian biến cải vung nên đời,
 Mặn nhạt chua cay lẫn ngọt bùi.
 Còn bạc còn tiền còn **đệ tử**,
 Hết cơm hết rượu hết ông tôi.
 Xưa nay đều trọng người chân thật,
 Ai nấy nào ưa **kẻ đái bôi**.
 Ở thế mới hay **phường bạc ác**,
Giàu thì tìm đến, **khó** tìm lui.

Nguyễn Bình Khiêm

Từ Vựng

1. thế thái nhân tình	(nhóm từ):	tình người trong cuộc sống	<i>the ways of this world</i>	
2. thế gian	(dt.):	người đời	<i>people</i>	(n.)
3. biến cải	(đt.):	biến đổi, thay đổi	<i>to change</i>	(v.)
4. đệ tử	(dt.):	học trò; người hầu hạ, kẻ ủng hộ người có địa vị	<i>disciple</i>	(n.)
5. kẻ đái bôi	(dt.):	người dối xử trông có vẻ tử tế, nhưng thật ra là giả dối	<i>a liar or a flatterer</i>	(n.)

6. phường	(dt.):	những người tầm thường, đáng khinh	<i>group of bad people</i>	(n.)
7. bạc ác	(tt.):	không có tình nghĩa, sống bất nhân, hay hại người	<i>ruthless</i>	(adj.)
8. giàu	(tt.):	có nhiều (của cải, tình cảm, v.v...)	<i>rich</i>	(adj.)
9. khó	(tt.):	nghèo khổ, nghèo hèn	<i>poor</i>	(adj.)
10. vũng nên đồi	(nhóm từ):	vũng sâu biến thành đồi cao; ý nói lòng người khi vui khi đầy	<i>changes in life</i>	

Bài tập 1

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **phường, khó, đệ tử, biến cải, giàu, bạc ác, thế gian, kẻ đái bôi.**

1. Còn bạc còn tiền còn _____,
Hết cơm hết rượu hết ông tôi.
2. _____ vũng nên đồi,
Mặn nhạt chua cay lẫn ngọt bùi.
3. Ở thế mới hay _____,
_____ thì tìm đến, _____ tìm lui.
4. Xưa nay đều trọng người chân thật,
Ai nấy nào ưa _____.

Bài tập 2

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **thế thái nhân tình, giàu, bạc ác, thế gian, biến cải.**

1. Mấy người _____ tinh ma,
Mình làm mình chịu, kêu mà ai thương. (*Kiều*)
2. Nhiều phạm nhân đã _____ thật sự.
3. Xưa nay _____,
Vợ người thì đẹp, vãn mình thì hay. (*Ca dao*)
4. _____ còn đại, chưa khôn,
Sống mặc áo rách, chết chôn áo lành. (*Ca dao*)
5. _____ vì bạn, sang vì vợ. (*Tục ngữ*)

Bài tập 3

Đặt câu với mỗi từ sau đây:

- | | |
|--------------------|-------------|
| 1. đệ tử | 5. bạc ác |
| 2. kẻ đái bôi | 6. thế gian |
| 3. khó (nghèo khó) | 7. giàu |
| 4. phường | 8. biến cải |

Bài tập 4

Ghép mỗi từ ở cột A với định nghĩa thích hợp ở cột B.

- | A | B |
|-----------------------|--|
| 1. phường | a. người đời |
| 2. giàu | b. không có tình nghĩa, sống bất nhân, hay hại người |
| 3. thế gian | c. có nhiều (của cải, tình cảm) |
| 4. bạc ác | d. tình người trong cuộc sống |
| 5. thế thái nhân tình | e. từ dùng để chỉ những người tầm thường, đáng khinh |

Bài tập 5

Giải nghĩa những từ sau đây:

- | | | |
|-----------------------|---|-------|
| 1. đệ tử | = | _____ |
| 2. khó | = | _____ |
| 3. thế thái nhân tình | = | _____ |
| 4. phường | = | _____ |
| 5. thế gian | = | _____ |

Bài tập 6

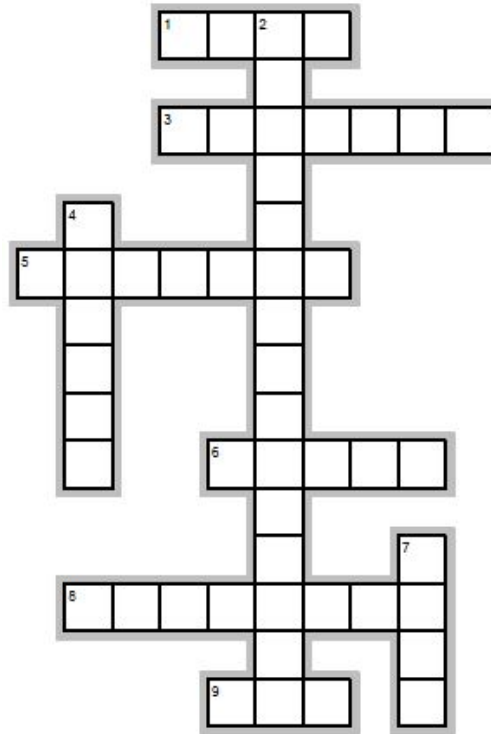
Dùng những từ trong bài *Thế Thái Nhân Tình* để điền vào chỗ trống và ô chữ thích hợp.

Ngang

1. Còn bạc, còn tiền còn _____,
Hết cơm hết rượu hết ông tôi.
3. Bà Loan hết lòng khuyên răn mong
_____ tâm tính ngỗ nghịch của
con mình.
5. _____ chuộng của chuộng công,
Nào ai có chuộng người không bao giờ.
6. Kẻ _____ rồi cũng sẽ có ngày đền
tội.
8. Xưa nay đều trọng người chân thật,
Ai nấy nào ưa _____.
9. Cái _____ bó cái khôn.

Dọc

2. Ông Sáu chạnh lòng nghĩ đến
_____.
4. Không chơi với _____ bất nghĩa.
7. _____ là họ, khó người dung.



Phân Tích

- A. **Tác phẩm:** Qua *Thế Thái Nhân Tình*, tác giả đã nêu ra những sự bạc bẽo của người đời.
- B. **Văn thể:** Thất ngôn bát cú
- C. **Giọng văn:** Mĩa mai
- D. **Đại ý:** mỉa mai thói đời đen bạc.

Ngữ Pháp

Thơ Đường Luật

Thơ Đường luật là thể thơ đặt ra từ đời nhà Đường (618-907) bên Trung Hoa. Thơ Đường luật có niêm luật nhất định, còn gọi là cận thể để đối lại với cổ thể tức là thơ Cổ Phong (thể thơ có từ trước nhà Đường và không có niêm luật nhất định).

Theo số từ trong câu, thơ có hai lối chính là:

- a. **Ngũ Ngôn** (mỗi câu 5 từ)
- b. **Thất Ngôn** (mỗi câu 7 từ)

Theo số câu trong bài, thơ Đường luật có hai lối là:

- a. **Bát Cú** (mỗi bài có 8 câu)
- b. **Tứ Tuyệt** (mỗi bài có 4 câu)

Thơ Bát Cú

Thơ bát cú có thể làm theo hai luật:

- a. **Luật bằng** bắt đầu bài thơ bằng hai tiếng có âm bằng.
- b. **Luật trắc** bắt đầu bài thơ bằng hai tiếng có âm trắc.

1. **Vận (hay Vần):** Độc vận vì bài thơ bát cú chỉ gieo một vần.
Vần gieo ở cuối câu đầu và ở cuối các câu chẵn: 2, 4, 6, 8 thường dùng vần bằng, ít khi dùng vần trắc.
2. **Đối:** Câu thứ ba đối với câu thứ tư; câu thứ năm đối với câu thứ sáu, về ý và từ.
 - Về đối ý: ý tưởng hai câu phải cân nhau.
 - Về đối từ: từ bằng đối với từ trắc và hai từ cùng một từ loại đối với nhau (danh từ đối với danh từ, động từ đối với động từ, v.v...)
3. **Các luật thơ:** Các luật thơ thông dụng được liệt kê sau đây bằng chữ:
 - t chỉ tiếng trắc
 - b chỉ tiếng bằng
 - v là vần
 - Những chữ in hoa là những chữ phải theo đúng luật.
 - Còn những chữ in thường thì không bó buộc phải theo đúng luật bằng trắc (tức là theo lệ bất luận)
4. **Niêm** (Niêm nghĩa đen là dính): hai câu thơ niêm với nhau khi từ thứ nhì của hai câu cùng theo một luật, nghĩa là cùng tiếng bằng hay tiếng trắc.
Trong bài thơ bát cú:
 - câu 1 niêm với câu 8
 - câu 2 niêm với câu 3
 - câu 4 niêm với câu 5
 - câu 6 niêm với câu 7Nếu hai câu phải niêm với nhau mà không niêm thì gọi là: **thất niêm** (mất sự dính liền).
5. **Bố cục:** Bài thơ bát cú gồm có 4 phần, mỗi phần hai câu:
 - a. Đề gồm: phá đề (câu 1) là mở bài; và thừa đề (câu 2) là nối ý phá đề mà vào bài.
 - b. Thực hay Trạng (hai câu 3, 4): giải thích rõ ràng đầu bài.
 - c. Luận (hai câu 5, 6): bàn luận cho rộng nghĩa đầu bài.
 - d. Kết (hai câu 7, 8): tóm tắt ý nghĩa của bài mà kết lại.

I. Luật Bằng

Thất ngôn bát cú
b B t T t B B (v)
t T b B t T B (v)
t T b B b T T
b B t T t B B (v)
b B t T b B T
t T b B t T B (v)
t T b B b T T
b B t T t B B (v)

II. Luật Trắc

Thất ngôn bát cú
t T B B t T B (v)
b B t T t B B (v)
b B t T b B T
t T b B t T B (v)
t T b B b T T
b B t T t B B (v)
b B t T b B T
t T b B t T B (v)

Chú ý: Theo lệ **bất luận** thì:

Trong bài thơ **thất ngôn**: từ thứ nhất, thứ ba và thứ năm không cần theo đúng luật bằng trắc (nhất tam ngũ bất luận).

Theo lệ **bất luận**, ta có thể đổi luật bằng trắc của mấy từ trong câu thơ. Tuy nhiên ta không thể đổi những tiếng bằng ra tiếng trắc trong những trường hợp sau đây, vì đổi như thế câu thơ trở nên khó đọc.

- Từ thứ nhất các câu chẵn và từ thứ ba của các câu lẻ trong bài thơ ngũ ngôn.
- Từ thứ ba các câu chẵn và từ thứ năm các câu lẻ trong bài thơ thất ngôn.

Ôn về luật Bằng, Trắc:

- Những tiếng không có dấu giọng hay có dấu huyền, thuộc về âm **bằng**.
- Những tiếng có dấu sắc, dấu hỏi, dấu ngã, và dấu nặng, thuộc về âm **trắc**.

Bài tập 7

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Bài *Thế Thái Nhân Tình* được làm theo thể gì?
2. Bài thơ này được làm theo luật Bằng hay Trắc? Tại sao?
3. Tìm những tiếng có âm bằng, âm trắc trong bài thơ.

Bài tập 8

1. Tìm các câu đối trong bài thơ.
2. Phân tích hai câu đối 3 và 4.

Bài tập 9

Phân tích các câu đối sau:

*Ta đại, ta tìm nơi vắng vẻ;
Người khôn, người đến chốn lao xao.
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá;
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.*

Bài tập 10

Đổi các câu hay các nhóm từ sau đây:

1. Đi tới, đi lui.
2. Đẹp như tiên.

Độc Hiểu

Bài tập 11

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Từ tựa đề ta có thể đoán được nội dung của bài thơ không?
2. Tác giả dùng hình ảnh gì để ví với sự thay đổi trắng trợn của con người?
3. Lòng người thay đổi như thế nào?
4. Tác giả mỉa mai sự đen bạc của loại người nào?
5. Tác giả cho rằng mọi người trọng điều gì? Và ghét điều gì?
6. Tác giả cho ta một nhận xét gì về con người bạc bẽo?
7. Hai câu sau đây có phải là chân lý không?
*“Xưa nay đều trọng người chân thật,
 Ai nấy nào ưa kẻ dãi bôi.”*
8. Quan niệm về thói đời của Nguyễn Bình Khiêm có đúng với thời nay không?
9. Trong văn thơ Việt Nam ta có thể tìm thấy nhiều bài ngán ngẫm tình đời như bài *Thế Thái Nhân Tình*, em hãy giải thích.
10. Tại sao mọi người đều trọng sự chân thật mà lại có những phường bạc bẽo?

Bài tập 12

Độc kỹ bài *Thế Thái Nhân Tình*, xếp các từ hay nhóm từ vào những ô thích hợp.

Tình cảm		Cuộc đời	
Thân thiện	Lạnh lùng	Thành công	Thất bại

Tập Làm Văn

Nhiều người cho rằng người thật thà khi ra đời thường bị thua thiệt. Em có đồng ý với ý kiến này không? Hãy viết một bài văn trình bày ý kiến của mình.

Nói Với Nhau

Ôi Tình Bạn!



Đúng là “thể thái nhân tình”. Năm năm trời bạn bè thân thiết. Giờ đây người ta trở mặt, mình có cảm tưởng như bị một gáo nước lạnh tạt vào mặt. Muốn nịnh bợ những đứa học giỏi nên nó giả vờ chẳng biết mình. Thật là tức, làm như mình cần nó lắm vậy! Mình lười thôi, chứ có ngu đâu! Không chơi thì thôi, ai cần! Mình tức nó thật nhưng nhiều khi cũng thấy tội cho nó. Ham chơi với đám học giỏi chỉ để cho chúng nó khinh. Mình thì quý nó, còn mấy đứa kia đâu có coi nó ra gì! Nhóm ấy học giỏi, con nhà giàu, và chơi thể thao giỏi nên hống hách vô cùng. Chơi với nó chỉ để bị sai vặt, mà nó tưởng bở. Nó lại tôn thờ bọn ấy. Thiệt là chướng mắt, để coi nó chơi với người ta được bao lâu!

Tập Nói Chuyện

1. Tại sao người viết đoạn văn này lại bức mình?
2. Lý do nào mà đôi bạn cũ không chơi với nhau nữa?
3. Em có thích chơi với bạn lười không?

Tập Viết Văn

Kể ra một chuyện “thể thái nhân tình” mà em biết.

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

- James:** Hôm nay cậu sao thế? Không khỏe à?
- Dan:** Tớ bình thường thôi! Không sao cả. Nhưng mà tớ giận con nhỏ Jackie quá cậu à!
- James:** Sao lại giận nó?
- Dan:** Nó bảo mình là người can đảm, anh hùng nhất lớp Toán. Chỉ có mình dám chọc giận thầy Tom.
- James:** Nhưng mà cậu có chọc thầy Tom giận bao giờ đâu.
- Dan:** Có chứ! Cái hôm cậu nghỉ học đó. Tớ bị thầy Tom gửi lên phòng kỷ luật.
- James:** Trời đất! Coi bộ cậu “anh hùng” thiệt!
- Dan:** Anh hùng gì! Tớ bị ba má la quá trời!
- James:** Đầu đuôi ra sao kể mình nghe đi!
- Dan:** Jackie bảo mình gửi tin nhắn cho nó trong giờ học, nếu thầy Tom bắt gặp, đừng đưa điện thoại cho thầy vì thầy sẽ gửi lên văn phòng. Thầy sẽ bỏ qua nếu mình không chịu giao nộp điện thoại.
- James:** Vậy à! Cậu làm y như lời nó xúi và thầy Tom không bỏ qua cho cậu như nó nói.
- Dan:** Đúng vậy. Thầy gửi tớ lên phòng kỷ luật vì tớ không chịu đưa điện thoại cho thầy. Không những thế, nhà trường còn mời ba má tớ vô nhận lại điện thoại nữa.

- James:** Cậu nghe lời Jackie như vậy, chắc nó thích cậu lắm.
- Dan:** Trái lại là khác, sau bữa đó, nó đi chơi với thằng George; nó nói rằng mình vụng về, xài điện thoại trong lớp mà để cho giáo sư bắt gặp.
- James:** Đúng là thế thái nhân tình, cậu nghe lời nó xúi giục và cuối cùng nó lại bỏ cậu đi chơi với đứa khác.
- Dan:** Ừ, đúng là “*Dò sông dò biển dễ dò,
Nào ai bẻ thước, mà đo lòng người.*”
- James:** Vậy cậu rút kinh nghiệm, từ nay đừng để ai xúi mình làm bậy nữa.
- Dan:** Tớ không dại như vậy nữa đâu.

Bài tập 13

Chọn câu trả lời đúng nhất.

1. Vì sao Dan nghe lời Jackie?
 - a. Vì Jackie nói Dan anh hùng nhất lớp.
 - b. Vì Dan thích Jackie.
 - c. Vì Dan thấy Jackie có lý.
 - d. Vì Dan thích khoa trương.
2. Dan chọc giận thầy Tom bằng cách nào?
 - a. Đánh bài trong lớp.
 - b. Không làm bài tập về nhà.
 - c. Sử dụng điện thoại di động trong giờ học.
 - d. Ngủ gục.
3. Vì sao ba má Dan biết Dan vi phạm nội quy nhà trường?
 - a. Vì Jackie nói.
 - b. Vì ba má Dan được mời vào trường nhận điện thoại.
 - c. Vì Dan về nhà thú tội.
 - d. Vì James cho hay.
4. Jackie đối với Dan thế nào sau khi Dan bị lên phòng kỷ luật?
 - a. Thân thiết hơn.
 - b. Thương hại.
 - c. Tử tế hơn.
 - d. Lãnh đạm.
5. Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện này?
 - a. Làm việc gì cũng phải suy nghĩ trước sau.
 - b. Đôi khi anh hùng gặp nạn.
 - c. Đừng nghe lời con gái xúi giục.
 - d. Không nên nóng giận.

Bài tập 14

Sau khi nghe truyện *Con Heo Quay*, viết chữ **Đ** vào câu đúng; viết chữ **S** vào câu sai.

1. Đ S Có hai người bạn cùng ở chung nhà nên rất thân nhau.
2. Đ S Người thi đậu được đi làm quan xa, người thi rớt ở lại dạy học.
3. Đ S Người bạn cũ nhớ bạn nên đi thăm.
4. Đ S Ông quan đang giờ làm việc, anh bạn cũ không gặp được.
5. Đ S Lần thứ hai anh bạn cũ mua một mâm trầu cau đưa vào tặng bạn.
6. Đ S Ông quan đang bận ngủ trưa nên không tiếp bạn.
7. Đ S Anh bạn cũ mua một con heo quay làm quà ra mắt.
8. Đ S Ông quan đưa mời bạn cũ một miếng thịt heo quay.
9. Đ S Anh bạn cũ lạy con heo để cảm ơn nó đã giúp mình gặp bạn.
10. Đ S Anh ta bỏ về luôn không bao giờ gặp lại bạn cũ nữa.

Bài tập 15

Đọc những câu sau đây. Gạch bỏ những câu nào không đúng ý truyện *Con Heo Quay*:

1. Hai người bạn chung trường chung thầy nên rất thân thiết với nhau. 2. Một người trở nên giàu có, người kia vẫn nghèo nhưng hai người vẫn thân nhau. 3. Anh bạn nghèo đến công đường thăm bạn vì vẫn nhớ tình bạn xưa. 4. Ông quan huyện không mời bạn vào vì ông đang làm việc. 5. Lần thứ hai ông cũng không gặp bạn vì ông đang bận xử án. 6. Lần thứ ba anh bạn nghèo vào được nhờ có con heo quay làm lễ ra mắt. 7. Ông quan ra chào hỏi rồi mời bạn ăn trầu. 8. Anh bạn cũ đem miếng trầu nhét vào miệng con heo. 9. Ông quan vừa xấu hổ vừa tự ái bèn sai lính đuổi bạn cũ ra. 10. Người bạn nghèo bỏ ra về không bao giờ tới gặp ông bạn ngày xưa nữa.

Giáo Dục Đa Văn Hoá



Chữ Nhân, Chữ Nghĩa ở Đời

“Thế gian biến cải vũng nên đời...” Chỉ một câu thơ thôi nhưng đã nói lên được thói đời đen bạc của người đời trên thế gian. Trong nền văn hoá cổ truyền Việt nam, chữ nhân, chữ nghĩa được đặt ở một vị trí rất quan trọng. Nó được coi là nền tảng đạo đức căn bản cho con người để rèn luyện nhân cách của mình.

“Cọc chết để da, người ta chết để tiếng” là vậy. Cái “tiếng” mà người ta muốn để lại ở đây là cái tiếng tốt, cái tiếng của người sống cuộc đời có nhân có nghĩa với người xung quanh, cái tiếng của người sống có ích cho xã hội. Thế nhưng trên thế gian không phải lúc nào cũng chỉ có người tốt mà bên cạnh đó vẫn có những bọn người tầm thường, xấu xa, không đáng kính. Đây là bọn người với lời lẽ đả bôi và tâm tính bạc ác. Họ sống không có tình nghĩa, sống bất nhân và hay hại người. Những người này sớm muộn gì rồi cũng có kết cục không tốt.

Tục Ngữ, Ca Dao và Thành Ngữ

1. Vai mang túi bạc lè kè,
Nói khoác nói láo người nghe âm âm.
2. Nén bạc đâm toạc tờ giấy.
3. Đa kim ngân, phá luật lệ.
4. Có tiền vợ chồng chồng,
Không tiền thì lại chồng đông, vợ đoài.
5. Đồng tiền liền khúc ruột.
6. Tham phú phụ bần.
7. Giàu bỏ bạn, sang bỏ vợ.
8. Giàu sang lắm kẻ lại nhà,
Khó nằm giữa chợ biết ma nào nhìn.
9. Thấy người sang bắt quàng làm họ.
10. Giàu sang nhiều kẻ đến nhà,
Khó khăn đến phải ruột rà xa nhau.
11. Hết tiền, hết tình.
12. Khi vui thì vỗ tay vào,
Đến khi hoạn nạn thì nào thấy ai.
13. Vong ơn bội nghĩa.

Bài Đọc Thêm

Nâng Cao Trình Độ Đạo Đức

Ở Việt Nam, trước 1975, đã có nhiều lớp công dân giáo dục hay đạo đức học rất hữu ích cho học sinh. Sau 1975, đạo đức suy đồi rất nhiều. Gần đây ở Mỹ, nhiều dân biểu, nghị sĩ hay chủ hãng đã bị bắt vì gian lận hay nhận tiền hối lộ bất hợp pháp. Một số khác lợi dụng chức quyền, dùng tin tức sẵn có để trao đổi mua bán cổ phần bất chính, làm suy sụp hãng xưởng và lòng tin của dân chúng vào thị trường tự do, như vụ Enron hay Martha Stewart chẳng hạn. Ngày nay, các trường đại học bắt đầu mở các lớp học đạo đức cho sinh viên và nhân viên hãng xưởng để nâng cao trình độ đạo đức.



Cây Khế Vàng

Ngày xưa ngày xưa, có hai anh em nhà kia cha mẹ mất sớm. Khi người anh lấy vợ, người anh không muốn ở chung với em nữa, nên quyết định chia gia tài. Người anh tham lam chiếm hết cả nhà cửa, ruộng vườn, trâu bò của cha mẹ để lại, chỉ cho người em một túp lều nhỏ và mảnh vườn, trong đó có cây khế ngọt. Người em không chút phàn nàn, ngày ngày chăm bón cho cây khế và cày thuê, cuốc mướn nuôi thân.

Năm ấy, cây khế trong vườn nhà người em bỗng sai quả lạ thường, cành nào cũng trĩu quả ngọt, vàng rộm. Người em nhìn cây khế mà lòng khắp khởi mừng thầm tính chuyện bán khế lấy tiền đóng gạo.

Một hôm, có con chim phượng hoàng từ đâu bay đến mỏ khế ăn lia lịa. Thấy thế, người em vừa khóc, vừa nói:

- Chim ơi! Nhà tôi chỉ có một cây khế này thôi, tôi định bán khế lấy tiền đóng gạo. Chim ăn hết thì gia đình tôi sống bằng gì?

Chim vừa ăn vừa đáp:

- Ăn một quả, trả cục vàng. May túi ba gang, mang theo mà đựng.

Người em nghe chim nói vậy, cũng đành để chim ăn. Mấy hôm sau, chim lại đến ăn khế. Ăn xong, chim bảo người em lấy túi ba gang đi lấy vàng. Chim bay mãi, bay mãi qua núi cao, qua biển rộng bao la và đổ xuống một hòn đảo đầy vàng bạc, châu báu. Người em đi khắp đảo nhìn ngắm thoả thích rồi lấy vàng bỏ đầy túi ba gang. Chim phượng hoàng bảo lấy thêm, người em cũng không lấy. Xong xuôi, người em trở về nhà.

Từ đó, người em trở nên giàu có, người em mang thóc, gạo, vàng bạc giúp đỡ những người nghèo khổ. Người anh nghe tin em giàu có, liền sang chơi và đòi đổi nhà, ruộng vườn của mình lấy cây khế ngọt, người em cũng đồng ý đổi cho anh. Thế là người anh chuyển sang nhà người em. Năm sau, cây khế lại sai trĩu quả, chim phượng hoàng lại tới ăn. Người anh giả vờ khóc lóc, chim bèn nói:

- Ăn một quả, trả cục vàng. May túi ba gang, mang theo mà đựng.

Người anh mừng quá, giục vợ may túi không phải ba gang mà là sáu gang để đựng được nhiều vàng. Hôm sau chim phượng hoàng đưa người anh đi lấy vàng. Vừa đến nơi, người anh đã vội vàng vợ lấy vàng bỏ vào túi, lại còn giắt thêm đầy vàng bỏ vào người. Chim cố sức bay nhưng đường thì xa mà vàng thì nhiều nên nặng quá. Mấy lần chim bảo người anh vứt bớt vàng đi cho nhẹ nhưng người anh vẫn khăng khăng ôm lấy túi. Chim phượng hoàng bức tức, nó nghiêng cánh hất người anh tham lam xuống biển.

Thú Nhân

Một **mai**, một **cuốc**, một cần câu,
Thơ thần dù ai vui thú nào.
Ta **dại** ta tìm nơi **vắng vẻ**,
Người khôn người đến chốn **lao xao**.
Thu ăn **măng trúc**, đông ăn **giá**,
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm **ao**.
Rượu đến gốc cây ta sẽ **nhấp**,
Nhìn xem **phú quý** tựa **chiêm bao**.

Nguyễn Bình Khiêm

Tóm lược

Thú Nhân là một bài thơ trích trong tập *Bạch Vân Quốc Ngữ Thi Ca*. Trong bài này, tác giả đã nêu ra một nếp sống ẩn dật, gần gũi với thiên nhiên, vui hưởng những gì sẵn có trong hiện tại, và tránh xa mọi bon chen của cuộc đời.

Sinh Hoạt

Nghe bài hát “Đời Tôi Là Của Tôi” do Nguyễn Hưng trình bày trong Paris by Night rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Đời Tôi Là Của Tôi

Dino Phạm Hoàng Dũng

1. Có những lúc ta _____ chơi
2. Chẳng cần biết ngày _____ ra sao
3. Sáng kệ sáng, trưa _____ trưa
4. Phiền gì chuyện _____ mưa
5. Ô hay! Sao lại xen vào _____ tôi
6. Tôi chỉ _____ rong chơi mà thôi
7. Em ơi! xin đừng nói nữa...
8. Đến lúc chán, không _____ mê
9. Thì chuyện gì cũng chê
10. Nói thì nói, nhưng đừng can
11. Phiền gì chuyện thế _____
12. Số không may nên tôi làm _____
13. Nhưng chớ xem tôi như xem người _____
14. Em ơi! xin đừng nói nhiều.
15. Vì tôi đang chán, vì tôi ngang _____.
16. Không ai thân, không họ hàng.
17. Để cho tôi sống, để tôi _____ mộng

18. Một cuộc đời tôi muốn sống
 19. Chớ trách móc những lúc tôi _____
 20. Chớ ghen ghét những lúc tôi vui
 21. Đời tôi là của tôi, đời em là của em
 22. Và mây _____ kia là của trời cao.

Từ Vựng

1. thú nhân	(dt.):	sự vui thích khi được rảnh rỗi, thư thả, không phải lo nghĩ gì	<i>the joy of leisure</i>	(n.)
2. mai	(dt.):	dụng cụ có lưỡi bằng sắt, to, phẳng dùng để đào, xới đất	<i>spade</i>	(n.)
3. cuốc	(dt.):	dụng cụ làm nghề nông, cầm tay dùng để xới đất, làm cỏ gồm một lưỡi sắt tra thẳng góc vào một cái cán dài bằng gỗ hay bằng tre	<i>hoe</i>	(n.)
4. thor thả	(dt.):	đi đi, lại lại trong phạm vi hẹp với vẻ vô tư lự	<i>to roam, wander</i>	(v.)
5. dại	(tt.):	khờ khạo, không tinh khôn	<i>stupid, imprudent, unwise</i>	(adj.)
6. vắng vẻ	(tt.):	không có người qua lại	<i>deserted, quiet, desolate</i>	(adj.)
7. lao xao	(tt.):	ồn ào, nhộn nhịp	<i>uproarious</i>	(adj.)
8. măng trúc	(dt.):	mầm cây trúc (loại tre) non, dùng làm thức ăn	<i>bamboo shoots</i>	(n.)
9. giá	(dt.):	một loại rau làm bằng đậu xanh ngâm nước cho mọc mầm ra, dùng để ăn	<i>bean sprouts</i>	(n.)
10. ao	(dt.):	chỗ đào sâu xuống để giữ nước, thường ngay cạnh vườn nhà ở nông thôn để thả cá, nuôi bèo, trồng rau muống	<i>pond</i>	(n.)
11. nhắp	(dt.):	uống từng chút một để nếm vị	<i>to sip</i>	(v.)

12. **phú quý** (dt.): sự giàu sang *wealth and honors* (n.)
13. **chiêm bao** (dt.): giấc mơ *dream* (n.)

Bài tập 1

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **giá, nhấp, vắng vẻ, mai, măng trúc, chiêm bao, đại, thơ thần, ao, lao xao, phú quý, cuộc.**

1. Ta _____ ta tìm nơi _____,
Người khôn người đến chốn _____.
2. Rượu đến gốc cây ta sẽ _____,
Nhìn xem _____ tựa _____.
3. Một _____, một _____, một căn câu,
_____ dù ai vui thú nào.
4. Thu ăn _____, đông ăn _____,
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm _____.

Bài tập 2

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **thơ thần, cuộc, mai, đại, ao, chiêm bao, vắng vẻ, giá, phú quý, lao xao, ao.**

1. Ông Năm dùng _____ đào hồ trồng cây.
2. Người miền Nam thích ăn _____ sống.
3. Tỉnh ra mới biết rằng mình _____. (*Kiều*)
4. _____ chợ cá làng ngư phủ. (*Nguyễn Trãi*)
5. Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em _____ đan tay ra về. (*Kiều*)
6. Con _____ cái mang. (*Tục Ngữ*)
7. Đường phố _____, ít người qua lại.
8. Ta về ta tắm _____ ta,
Dù trong dù đục _____ nhà vẫn hơn. (*Ca Dao*)
9. Cậu Tú sinh ra trong một gia đình _____.
10. Một cây, một _____ thú nhà quê. (*Nguyễn Trãi*)

Bài tập 3

Đặt câu với mỗi từ sau đây:

- | | |
|--------------|--------------|
| 1. vắng vẻ | 6. măng trúc |
| 2. lao xao | 7. đại |
| 3. giá | 8. nhấp |
| 4. ao | 9. cuộc |
| 5. chiêm bao | 10. thơ thần |

Bài tập 4

Ghép mỗi từ ở cột A với định nghĩa thích hợp ở cột B.

A	B
1. đại	a. hớp từng tí một để nếm vị
2. phú quý	b. sự giàu sang
3. lao xao	c. mầm cây trúc non (một loại tre) dùng làm thức ăn
4. nhấp	d. khờ khạo, không tinh khôn
5. măng trúc	e. giấc mơ, thấy hình ảnh hiện ra trong giấc ngủ
	g. ồn ào, nhộn nhịp
	h. dụng cụ làm nghề nông, cầm tay dùng để xới đất, làm cỏ

Bài tập 5

Tìm từ đồng nghĩa với những từ sau đây.

1. đại	=	_____
2. nhấp	=	_____
3. thơ thần	=	_____
4. lao xao	=	_____
5. phú quý	=	_____

Phân Tích

A. Văn thể: Bài thơ này được viết theo thể thất ngôn bát cú.

B. Đại ý: Cách tận hưởng những giây phút nhàn hạ trong cuộc đời.

C. Giải thích:

- Hai câu đề:** Từ “một” được tác giả lặp đi lặp lại nhiều lần với mục đích nhấn mạnh sự lựa chọn cuộc sống đơn sơ đạm bạc.
- Hai câu thực:** Tác giả dùng phép nghịch ý để nhấn mạnh sự chọn lựa cách sống trong cuộc đời.
- Hai câu luận:** Tác giả vui với cảnh có gì ăn đó, tắm ở ao, không phải bận tâm tìm cao lương mỹ vị.
- Hai câu kết:** Có rượu sẵn bên gốc cây thì nhấp chút ít chơi, không có thì thôi, không mất công đi mua hay tìm kiếm, không làm bận rộn cuộc đời, không màng gì đến danh lợi.

Ngữ Pháp

Phép Nghịch Ý

Xét các câu sau đây:

1. Ta đại ta tìm nơi vắng vẻ,
2. Người khôn người đến chốn lao xao.

Theo ý tác giả, từ “đại” trong câu thứ nhất phải hiểu là “khôn”; và từ “khôn” trong câu hai phải hiểu là “đại”. Trong mỹ từ pháp, cách dùng từ như trên được gọi là **phép nghịch ý**.

Phép nghịch ý là lối diễn tả khiến người đọc phải hiểu ngược lại ý của câu văn thì mới đúng nghĩa.

Bài tập 6

a. Đọc và giải nghĩa bài ca dao *Ru Con* dưới đây:

Ru Con

1. Bao giờ cho đến tháng ba,
2. Éch cắn cỏ rần tha ra ngoài đồng.
3. Hùm nằm cho lợn liếm lông,
4. Một chục quả hồng nuốt lão tám mươi.
5. Năm xôi nuốt trẻ lên mười,
6. Con gà be rượu nuốt người lao đao,
7. Lươn nằm cho trúm bò vào,
8. Một đàn cào cào đuổi bắt cá rô.
9. Lúa mạ nhảy lên ăn bò,
10. Cỏ năn, cỏ lác rình mò bắt trâu.
11. Gà con đuổi bắt điều hâu,
12. Chim ri đuổi đánh võ đầu bồ nông.

* Chú thích:

1. **hùm**: con cọp.
2. **lão tám mươi**: ông già tám mươi tuổi. Người già răng yếu thường thích ăn hồng vì loại trái cây này mềm và ngọt.
3. **người lao đao**: người có cuộc đời vất vả, lận đận.
4. **trúm**: một đồ dùng để bắt lươn, đan bằng tre giống như cái giỏ, có miệng hẹp, lươn bò vào được nhưng không chui ra được.
5. **cào cào**: loài sâu bọ ăn cỏ, lá cây; thường dùng làm mồi câu cá rô, châu chấu.
6. **lúa mạ**: lúa được ương và cấy vào ruộng khi còn non.
7. **cỏ năn, cỏ lác**: hai loài cỏ dại mọc dưới nước hay ngoài đồng, trâu hay ăn.
8. **điều hâu**: loài chim dữ ăn thịt, hay rình bắt gà con.
9. **chim ri**: loài chim nhỏ hơn cả chim sẻ.
10. **bồ nông**: loài chim rất lớn, bằng con ngỗng hay hơn.

b. Câu ca dao sau đây có ngụ ý gì?

*Đàn ông nông nổi giếng khơi,
Đàn bà sâu sắc như cơi đưng trâu.*

Độc Hiểu

Bài tập 7

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Mai, cuộc, cần câu dùng để làm gì?
2. Tác giả tự nhận mình là người thế nào? Vì sao?
3. “Chôn lao xao” ý nói là chôn nào?
4. Người khôn là người như thế nào theo ý trong bài?
5. Hai câu 5 và 6 tả việc gì?
6. Tại sao tác giả chỉ “sẽ nhấp” rượu mà không uống nhiều?
7. Vì sao tác giả nhìn phú quý như giấc chiêm bao?
8. Tác giả tự nhận là “ta đại” vì ông chỉ thích tìm đến những nơi vắng vẻ, trong khi những “người khôn” đều đi tới chốn “lao xao”. Ông có thật sự nghĩ là mình đại không? Vì sao ta biết?
9. Tác giả có thật sự cho rằng những người tới chốn lao xao để tìm danh lợi là người khôn không? Vì sao ta biết?
10. “Đại” và “khôn” trong bài thuộc từ loại gì?

Bài tập 8

Đúng hay sai. Viết chữ Đ vào câu đúng; viết chữ S vào câu sai.

1. Đ S Người đời có nhiều thú vui nhưng tác giả chỉ lấy việc làm vườn câu cá làm vui.
2. Đ S Người ngu đại thích ở nơi vắng vẻ còn tác giả là người khôn nên chọn nơi đông vui để ở.
3. Đ S Hai câu 5 và 6 tả cuộc sống sang trọng của Nguyễn Bình Khiêm sau khi về hưu.
4. Đ S Tác giả xem cảnh giàu sang như một giấc mơ không đáng cho ông nhọc lòng tìm kiếm.
5. Đ S Thú nhàn của tác giả gồm hai yếu tố chính là sống với thiên nhiên và rút khỏi sự tranh đua danh lợi của xã hội bên ngoài.

Bài tập 9

Hãy so sánh quan niệm sống của Nguyễn Công Trứ trong bài *Đi Thi Tự Vịnh*.

*“Đã mang tiếng ở trong trời đất,
Phải có danh gì với núi sông.”*

và của Nguyễn Bình Khiêm trong bài *Thú Nhân*:

*“Ta đợi ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn người đến chốn lao xao.”*

Em chọn lối sống nào? Tại sao?

Tập Làm Văn

Viết một lá thư rủ bạn cùng đi nghỉ hè với em. Dưới đây là một bài mẫu.

Thư Mời Bạn Nghỉ Hè Ở Quê Mình

Làng T.H. ngày...tháng...năm...

Thân gửi bạn Tám,

Từ ngày tôi phải theo gia đình về quê, xa bạn thấm thoát đã gần một năm rồi. Nay nhân dịp nghỉ hè, mong bạn sẽ xin phép hai bác về quê tôi chơi ít lâu.

Bạn cứ đáp xe đò chạy đường Mỹ Tho đến đầu cầu Bến Lức, nhớ xuống xe, đi bộ theo con đường nhỏ bên tay trái độ một cây số là đến nơi. Quê tôi đẹp lắm, ở ngay bên sông, có những hàng dừa trĩu quả chen lẫn với những cây cau cao vút quanh làng. Nhà tôi tuy vách gỗ, mái tranh nhưng cao ráo, rộng rãi, giữa một vườn cây ăn quả như hầu hết mọi nhà khác trong làng. Bạn sẽ được dành riêng một căn buồng có giường, màn, bàn ghế thơm mát. Gió mát suốt ngày từ phía sông thổi vào lồng lộng phe phẩy những tàu lá dừa. Không khí trong lành đượm hương thơm của hoa lá, nhất là hương hoa cau nhẹ nhàng, thanh khiết. Không có tiếng máy, tiếng xe ồn ào dồn dập. Nắng không gay gắt vì chỗ nào cũng có cây cao bóng mát. Đường làng tuy hẹp nhưng bằng đất mịn đi rất mát chân, không hừng hực nóng như những con đường xi măng ở thành phố. Ruộng lúa dưới nắng vàng trông đẹp như tấm lụa tơ tằm.

Cuộc sống ở thôn quê thật đơn sơ nhưng nhiều thú vị. Sáng sớm, chúng ta nghe tiếng gà gáy, thức dậy từ lúc hừng đông, ra bãi cát ven sông chạy nhảy rồi xuống nước bơi lội thoải thích. Khi nắng lên, tìm một gốc cây ngồi buông câu hay ngắm thuyền buôn qua lại hoặc đội chiếc nón, theo các bạn chăn trâu ra đồng, cùng chơi đánh khăng với họ. Bạn cũng có thể cười những con trâu hiền lành, xem cách làm ruộng của nông dân. Bạn sẽ học được nhiều câu ca dao nông nân tình cảm do họ hát lên khi đang làm việc chân lấm tay bùn. Buổi trưa, treo một chiếc võng trong vườn cây, ngủ giấc trưa hay chuyện gẫu cùng nhau. Chiều đến, ra sân chùa làng, đá cầu, thả diều với những bạn nhỏ trong làng. Buổi tối, nhất là kỳ giữa tháng, bạn sẽ say sưa với cảnh đêm trăng ảo huyền thơ mộng mà chắc chắn dân thành phố chưa được thưởng thức bao giờ.

Quên chưa kể cho bạn nghe những thức ăn tươi ngon của quê tôi: cơm gạo giã tay, cá tôm tươi ngay dưới sông lên, rau đậu hái ngay trong vườn, gà vịt sẵn trong chuồng. Ăn đôi món, chắc hẳn phải ngon miệng, bạn nhỉ? Khoai, bắp, trái cây lại đang mùa. Vườn nhà có thiếu thứ gì, chúng ta sang chơi hàng xóm xin chút ít về ăn chơi. Chẳng ai tiếc cả. Dân quê tôi rất hồn nhiên và hiếu khách bạn ạ.

Bạn thân mến, kể ra không xiết những thú quê, bạn về chơi với tôi sẽ rõ cả. Ngoài ra, tôi còn bao nhiêu chuyện muốn kể cho bạn nghe mà thư từ không tiện nói rõ. Mong hai bác sẽ cho

phép bạn về nghỉ hè cùng tôi. Gia đình tôi cũng rất vui về thấy tôi có bạn về chơi. Đừng từ chối bạn nhé! Nhớ viết thư cho tôi trước để tôi ra đón bạn ngay ở đầu cầu Bến Lức.

Chúc bạn và gia đình luôn vui mạnh.

Rất mong đợi bạn.

(Trích tập san *Học Tập* số 11, sách *Giảng Văn* của Phạm Thế Ngũ)

Nói Với Nhau

Hôm nay được nghỉ học sớm, bọn Yến đang bàn nhau kiếm chỗ đi chơi. Họ rất thích những ngày họp như thế này vì họ có dịp hưởng thú nhàn. Cũng như mọi khi, họ bàn cãi lung tung nhưng cuối cùng vẫn quyết định đi quán Paradise. Họ chọn quán này vì không những nó gần trường mà lại có nhạc trẻ nữa. Nơi đây tạo cho họ một cảm giác rất thoải mái. Nhóm tám đứa nhưng chỉ có một người có xe, lại là chiếc xe cùn.



- Thành:** Ai muốn đi trước?
Yến: Thì đám con trai chứ ai! Nhớ gọi thức uống cho bọn tôi trước!
Thắng: Sao khôn thế, lại bắt trả tiền.
Phượng: Con trai Việt thì phải biết ga-lăng, dạy hoài mà không nhớ.
Lộc: Bạn gái mới ga-lăng, chứ mấy bà, ga-lăng chỉ cho mệt.
Thanh: Đi mua cho tụi tui đi, không thì gọi mét má, cả đám khỏi đi đâu hết.
Thành: Mệt quá! Thôi, tụi mình lên xe. Máy công nương nhớ đợi tụi tui ở đây khoảng 15 phút. Đừng bắt tui đi kiếm nha.
Lộc: “Quý vị” ăn gì?
Mai: Giống cũ đi.

Vậy là bọn Yến lại kéo nhau đến quán Paradise để ăn uống. Mỗi người một ly trân châu với ba phần mực chiên giòn. Đúng là thú vui của tuổi học trò!

Tập Nói Chuyện

1. Theo em, ai là người lái xe trong nhóm Yến?
2. Theo lời các bạn nữ, thì con trai Việt Nam phải làm gì?
3. Tại sao họ chọn đến quán Paradise?

Tập Viết Văn

Viết một mẫu đối thoại ngắn giữa nhóm bạn của Yến trong quán Paradise.

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

Ba: Thứ bảy này chúng ta sẽ đi bắt ốc vòi voi.

Huy và Trân (cùng reo lên): Hoan hô ba! Thích quá!

Mẹ: Vậy là mẹ phải chuẩn bị quần áo đi mưa để chống lạnh và ướt rồi.

Ba: Đúng rồi! Dự báo thời tiết cho biết thứ bảy này trời đẹp, nhưng chúng ta phải mặc đồ đi mưa để chống cái lạnh và khô của gió biển.

Huy: Con nhớ năm rồi cả nhà mình bắt được hơn mười con ốc vòi voi.

Trân: So với người ta, nhà mình bắt không được nhiều. Vậy mà khi xách về cũng nặng quá.

Huy: Vì mỗi con ốc vòi voi nặng hơn hai pounds mà.

Mẹ: Ngoài ra, ta phải đựng chúng trong thùng nước biển để chúng khỏi chết khi về nhà. Vì vậy, chúng đã nặng còn nặng hơn.

Ba: Nhưng mà cũng đáng công chúng ta vì thịt ốc rất ngon.

Trân: Lần này con sẽ tìm lỗ có ốc vòi voi nữa, anh Huy phụ em đào cát và đặt ống lên đó để móc cát ra.

Huy: Ừ, anh sẽ phụ em bắt ốc.

Ba: Trân đừng lo không bắt được ốc. Vấn đề không phải là ta bắt được ít hay nhiều ốc, mà là chúng ta hưởng cái khoảnh khắc vui nhộn khi bắt ốc với nhau.

Trân: Con nhớ năm rồi bắt ốc vui quá! Mấy người xung quanh mình, ai tóm được con ốc nào là la lên ới ới! Mình bắt được ốc, người ta cũng cười hí hửng với mình.

Ba: Ừ, đó là cái vui khi đi bắt ốc. Sau này các con lớn lên, hàng năm cứ khoảng tháng giêng hay tháng bảy, hãy nhớ về vùng vịnh San Francisco này, nơi mà các con đi bắt ốc vòi voi với bố mẹ.

Bài tập 10

Chọn câu trả lời đúng nhất.

- Thứ bảy này gia đình Trân sẽ đi _____.
 - đám cưới
 - đám sinh nhật
 - bắt ốc vòi voi
 - câu cá
- Để tránh cho ốc vòi voi khỏi chết trong khi vận chuyển, mẹ Trân đã để chúng trong thùng đựng _____.
 - nước ngọt
 - nước biển
 - nước ấm
 - nước lạnh
- Chỉ có mười con ốc vòi voi mà Trân bảo rằng nặng là vì _____.
 - mỗi con ốc nặng hơn hai pounds
 - ốc dính nhiều cát

- c. vỏ ốc rất dày
 - d. ốc dính nhiều đất bùn
4. Ba không xem việc bắt ít hay nhiều ốc là quan trọng vì _____.
- a. không muốn mẹ mệt
 - b. không muốn ốc bị diệt chủng
 - c. không muốn Trân buồn
 - d. chỉ muốn cả nhà vui với nhau
5. Hàng năm, cứ đến tháng giêng hay tháng bảy, anh em Trân sẽ nhớ về vùng vịnh San Francisco vì _____.
- a. anh em Trân có kỷ niệm đẹp với ba mẹ
 - b. anh em Trân có kỷ niệm buồn ở đây
 - c. họ có niềm vui bắt ốc vui vui với ba mẹ
 - d. đó là những tháng mà họ sinh ra

Bài tập 11

Sau khi nghe truyện *Các Ông Trạng Việt Nam*, viết chữ **Đ** vào câu đúng; viết chữ **S** vào câu sai:

- 1. Đ S Trạng nguyên là bậc cao nhất của kỳ thi tiến sĩ.
- 2. Đ S Mỗi lần thi tiến sĩ là có một trạng nguyên.
- 3. Đ S Việt Nam có mấy trăm trạng nguyên.
- 4. Đ S Trạng Lường tên thật là Lương Thế Vinh.
- 5. Đ S Trạng Lường hay lường gạt người khác nên mới có tên đó.
- 6. Đ S Trạng Lường đi sứ Trung Hoa.
- 7. Đ S Người Trung Hoa thử tài Trạng Lường bằng cách nhờ ông cân sức nặng một con voi.
- 8. Đ S Trạng Lường bỏ con voi lên cân để cân.
- 9. Đ S Trạng Lường dùng những viên đá thay cho sức nặng con voi.
- 10. Đ S Triều đình Trung Hoa rất phục tài ông Trạng Việt Nam.

Bài tập 12

Gạch bỏ những câu nào không đúng với ý truyện *Các Ông Trạng Việt Nam*.

1. Ngày xưa, thi cử được tổ chức bốn năm một lần và có tính quốc gia. Người xuất sắc khác thường và đỗ đầu cả nước gọi là trạng nguyên. 2. Nước Việt đã tổ chức thi cử hàng mấy trăm năm mà chỉ có vài chục ông trạng. 3. Có nhiều ông Trạng nổi tiếng như Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi. 4. Trạng Lường rất giỏi tính toán đo lường. 5. Trạng Lường được mời sang Trung Hoa để làm công việc đo lường. 6. Ông phải cân xem con voi nặng bao nhiêu. 7. Người ta đưa cho ông một cái cân thật to chuyên dùng để cân voi. 8. Trạng Lường sai đem con voi để lên bàn cân. 9. Trạng Lường làm dấu mức nước chim rồi dặt voi lên, bỏ đá xuống bệ thay cho voi. 10. Rồi ông cân hết chỗ đá đó. 11. Ông tính ra được con voi nặng bao nhiêu. 12. Triều đình Trung Hoa hết sức phục tài ông. 13. Họ mời ông ở lại làm quan tại Trung Hoa.

Giáo Dục Đa Văn Hoá

Lối Sống Giản Dị

Cuộc sống công nghiệp hiện đại đã lần đẩy con người vào con đường nô lệ cho lối sống tranh giành đua đòi theo vật chất. Nhiều người từ bỏ nơi có cuộc sống an nhàn, yên tĩnh của miền quê để đi đến chốn phồn hoa náo nhiệt với ý tưởng tạo dựng một cuộc sống giàu sang phú quý, mong hưởng những cái xa hoa và những lạc thú trần đời... Kết quả của cuộc sống đó là gì? Liệu trong số họ có bao nhiêu người thật sự tìm được sự bình an trong tâm hồn và có được lối sống hạnh phúc dài lâu?

“Thú Nhân” ở đây nhằm chỉ vào những người xa lánh nơi phố chợ đông người để tìm đến nơi vắng vẻ, an hưởng lối sống bình dị và nhàn hạ của miền quê. Nơi đây có không gian tĩnh lặng và cuộc sống thanh thoi. Người ta vui vẻ với cuộc sống giản dị của mình, không đua đòi những phù phiếm xa hoa giả tạo. Chút rượu nhấp, chút măng trúc, ao cá, hồ sen, v.v... đều là hạnh phúc. Người an hưởng “thú nhân” ở đây là người cảm thấy vui thích với cuộc sống rảnh rỗi thư thả, vui thú điền viên.



Thảo luận: Ở những nước công nghiệp hiện đại người ta có coi trọng lối sống giản dị hay không? Dẫn chứng?

Giáo Dục Hướng Nghiệp

Nghệ Thuật Bonsai



www.arthursclipart.org/trees/trees/

Khi chúng ta ngắm một cây bonsai, ta thường có cảm giác thích thú vì nó giống như một cây cổ thụ to lớn hay một cây kiểng lâu năm, nhưng có kích thước nhỏ bé một cách đáng yêu. Không mấy ai biết rằng để có một cây bonsai đẹp, người trồng bonsai không những có tâm hồn nghệ sĩ, yêu thích thiên nhiên mà còn tuân thủ một số nguyên tắc khi trồng loại cây này nữa.

Hầu hết các cây bonsai đều được uốn hoặc cắt tỉa theo dạng một hình tam giác hơi nghiêng so với mặt phẳng nằm ngang, trong đó góc ở đỉnh tượng trưng cho trời, góc ở giữa tượng trưng cho người và góc ở dưới cùng tượng trưng cho đất. Vì nghệ thuật bonsai xuất phát từ các nước châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc nên yếu tố “Thiên thời, Địa lợi, Nhân hoà” được đưa vào cây như nói lên quan niệm của người trồng.

Gốc cây là phần quan trọng nhất của một cây vì gốc cây có vững chãi mới là chỗ tựa an toàn cho thân cây và cành lá. Vì thế, gốc cây bonsai được tạo dáng xoè ra và nhô lên trên nền chậu như thể nó đang bám chặt vào đất để giữ cho cây đứng thẳng.

Chậu cây cũng là một yếu tố nâng vẻ đẹp của cây. Chậu hình chữ nhật thích hợp với những cây dáng thẳng, còn với cây có nhiều điểm uốn trên thân thì chậu hình bầu dục hay hình tròn là thích hợp nhất.

(Theo Brent Watson - Đức Khiêm dịch - evergreengardenworks.com)

Ca Dao

1. Cái vòng danh lợi cong cong,
Kê hồng ra khỏi, người mong bước vào.
2. Văn chương chữ nghĩa chẳng hay,
Trở về làm ruộng đi cày cho xong.

Bài Đọc Thêm

Tháng giêng là tháng ăn chơi.
Tháng hai trồng đậu, trồng khoai, trồng cà.
Tháng ba thì đậu đã già,
Ta đi, ta hái về nhà phơi khô.
Tháng tư đi tậu trâu bò,
Để ta sắp sửa làm mùa tháng năm.
Sớm ngày đem lúa ra ngâm,
Bao giờ mọc mầm ta sẽ vớt ra.
Gánh đi, ta ném ruộng ta,
Đến khi nên mạ, thì ta nhổ về.
Lấy tiền mượn kẻ cấy thuê,
Cấy xong rồi mới trở về nghỉ ngơi.
Cỏ lúa dọn đã sạch rồi,
Nước ruộng voi mười, còn độ một hai.
Ruộng thấp đóng một gầu giai,
Ruộng cao thì phải đóng hai gầu sòng.
Chờ cho lúa có dòng dòng,
Bấy giờ ta sẽ trả công cho người.
Bao giờ cho đến tháng mười,
Ta đem liềm hái ra ngoài ruộng ta.
Gặt hái ta đem về nhà,
Phơi khô, quạt sạch ấy là xong công.



Mùa Thu Câu Cá

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

Nguyễn Khuyến



Câu Cá

Danh lợi màng bao chốn lửa hàu,
Thanh nhàn quen thú một cần câu.
Giăng đường chỉ mảnh dong khơi ruộng,
Thả miếng mồi thơm vực cạn sâu.
Khói nước năm hồ tình cả đẹp,
Gió trăng kho cũ cảnh riêng màu.
Bá vương hội cả dầu chưa gặp,
Thao lược nào ai biết được đâu?

Thủ Khoa Nghĩa

Nguyễn Công Trứ (1778 - 1858)



Nguyễn Công Trứ (1778-1858) hiệu là Ngô Trai, tự là Hy Vãn, quê quán tại làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Ông xuất thân trong một gia đình khoa bảng. Cụ thân sinh là Nguyễn Tần, đỗ Hương Cống đời nhà Lê. Buổi thiếu thời, dù sống trong cảnh hàn vi, ông luôn cố công trau dồi kinh sử để mong thi đỗ ra làm quan giúp dân, giúp nước. Sau nhiều lần thi hỏng, cuối cùng ông đậu Tú Tài năm 1813 và đậu Giải Nguyên năm 1819. Hoạn lộ của ông lắm bước thăng trầm: ông làm quan ở nhiều tỉnh, nhiều vùng, có khi lên đến Binh Bộ Thượng Thư, nhưng cũng có lắm lần bị dèm pha giáng chức. Ông giúp triều đình nhà Nguyễn đàn áp nhiều cuộc khởi nghĩa lớn như của Lê Duy Lương, Nông Văn Vân, và Phan Bá Vành; ông cũng từng làm Doanh Điền Sứ, giúp dân khai khẩn đất hoang năm 1828.

Ông mất ngày 7 tháng 12 năm 1858 tại chính quán, thọ 81 tuổi, được phong tước Đình Bình Hầu. Nguyễn Công Trứ để lại nhiều tác phẩm chữ Hán như câu đối và sớ, cũng như chữ Nôm như thơ, hát nói, phú, câu đối và ca trù. Thơ văn Nguyễn Công Trứ phản ánh khá trung thực sự biến chuyển tâm lý của một nhà Nho qua từng giai đoạn đời sống. Phần lớn các tác phẩm của ông hào hùng và ngạo nghễ, biểu lộ một bản lĩnh vững chắc, một chí khí mạnh mẽ, và thái độ cầu tiến. Lúc về già, sáng tác của ông lại tìm về tư tưởng an nhân, hướng lạc.

Chí Làm Trai

1. Vòng trời đất dọc ngang dọc;
2. **Nợ tang bồng** vay trả trả vay.
3. **Chí** làm trai nam bắc đông tây,
4. Cho phi sức vẫy vùng trong bốn bể.
5. **Nhân sinh tự cổ** thủy vô tử,
6. **Lưu thủ đản tâm** chiếu hân thanh.
7. Đã hãnh rằng ai **nhục** ai **vinh**.
8. Mấy kẻ biết anh hùng khi **vị ngộ**.
9. Cũng có lúc mưa dòn sóng vỗ,
10. Quyết ra tay buồm lái với **cuồng phong**.
11. Chí những toan xẻ núi lấp sông,
12. Làm nên tiếng anh hùng đâu đây tỏ.
13. **Đường mây** rộng **thênh thênh** cử bộ.
14. Nợ tang bồng **trắng trắng** vỗ tay reo.
15. Thanh thoi thơ túi rượu bầu!

Nguyễn Công Trứ

Tóm lược tác phẩm

Người trai khi lớn lên phải lo trả nợ non sông, phải tỏ ra xứng đáng là người con của đất nước. Người ta xưa nay ai mà không chết, nhưng trước khi chết phải để lại tiếng thơm cho đời, và phải ra sức bảo vệ tổ quốc. Sau khi hoàn tất sứ mệnh thì mới có quyền hưởng thụ.

Từ Vựng

1. chí	(dt.):	ý muốn kiên trì theo đuổi một việc	<i>will, resolution</i>	(n.)
2. đan tâm	(dt.):	lòng son, lòng trung thành đối với tổ quốc	<i>loyalty, patriotism</i>	(n.)
3. nhục	(tt.):	xấu xa, xúc phạm tới nhân phẩm, danh dự	<i>dishonored</i>	(adj.)
4. nợ tang bồng	(dt.):	tang: cây dâu, dùng làm cung; bồng: cô bồng, dùng làm tên; bồn phận của người trai về việc bảo vệ đất nước	<i>duty of defending the country</i>	(n.)
5. Nhân sinh tự cổ thủy vô tử		người ta từ xưa đến nay ai mà không chết	<i>Until now, who is the person that can ever avoid death?</i>	
6. Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh		để lại tấm lòng son soi vào sử sách	<i>(But before dying) Let your patriotism be glorified in the history.</i>	
7. hãn thanh	(dt.):	hãn: mồ hôi, thanh: màu xanh; người xưa được ghi công lao bằng cách khắc vào tre xanh, để lưu lại trong lịch sử (tre xanh bị ẩm, người xưa cho rằng nó đổ mồ hôi)	<i>history</i>	(n.)
8. vinh	(tt.):	được xem là tốt đẹp, đáng kính trọng	<i>honored</i>	(adj.)
9. vị	(trt.):	chưa	<i>not yet</i>	(adv.)
10. ngộ	(đt.):	gặp	<i>to meet, to attain (success, glory)</i>	(v.)
11. cuồng phong	(dt.):	gió rất mạnh	<i>furious gale, tempest</i>	(n.)

12. đường mây	(dt.):	lúc rồng gặp mây, ám chỉ tình trạng được ra làm quan	<i>official career, reaching the position of a mandarin</i>	(n.)
13. thênh thênh	(trt.):	bình yên, thanh thản	<i>leisurely</i>	(adv.)
14. cử bộ	(đt.):	cất bước	<i>to raise one's feet and move forward</i>	(v.)
15. tràng trắng	(đt.):	tràng trải, thanh toán xong	<i>to pay off</i>	(v.)

Bài tập 1

Ghép mỗi từ ở cột A với định nghĩa thích hợp ở cột B.

A	B
1. vòng	a. lòng son
2. nợ tang bồng	b. gió mạnh
3. vô tử	c. việc ra làm quan
4. đan tâm	d. tung hoành
5. phản nghĩa của “vinh”	e. quyết tâm
6. đường mây	g. cái vây quanh
7. tràng trắng	h. không chết
8. chí	i. bốn phận bảo vệ tổ quốc
9. cuồng phong	k. nhục
10. vầy vùng	l. trả xong

Bài tập 2

Tìm trong bài hát nói:

- những nhóm từ đồng nghĩa với: **nam bắc đông tây**.
- từ phản nghĩa với: **ngang, vay, nam, đông, vinh**.

Bài tập 3

Đặt câu với mỗi từ sau đây:

- | | |
|-------------|-----------------|
| 1. vay | 6. cuồng phong |
| 2. trả | 7. nợ tang bồng |
| 3. nhục | 8. túi thơ |
| 4. vinh | 9. bầu rượu |
| 5. anh hùng | 10. toan |

Bài tập 4

Tìm từ phản nghĩa với những từ sau đây:

- | | | |
|---------------|---|-------|
| 1. vay | ≠ | _____ |
| 2. ngang | ≠ | _____ |
| 3. nhục | ≠ | _____ |
| 4. thanh thoi | ≠ | _____ |
| 5. rộng | ≠ | _____ |

Phân Tích

A. Văn thể: Hát nói

Bài hát nói “đủ khổ” gồm 3 khổ. Khổ đầu: 4 câu đầu; khổ giữa: 4 câu kế tiếp; khổ xếp: 3 câu cuối. Khi khổ giữa bài hát nói có 2, 3 khổ thì gọi là “đôi khổ”.

Số từ trong mỗi câu không nhất định, thường là 7, 8 từ, đôi khi 4, 5 từ, hoặc 12, 13 từ. Riêng câu cuối luôn luôn chỉ có 6 từ.

Vì số từ không nhất định nên luật bằng-trắc trong bài hát nói rất phức tạp, chỉ cần nhớ trong mỗi khổ, cước vận của câu đầu và câu cuối là tiếng **trắc**; cước vận của 2 câu giữa là tiếng **bằng**.

Riêng ba từ cuối của khổ xếp là **trắc-bằng-bằng**.

Bài *Chí Làm Trai* là bài hát nói đôi khổ. Khổ 3, câu 9, 10, 11, 12, là khổ đôi.

B. Bố cục: Bài *Chí Làm Trai* là một bài hát nói đôi khổ được chia làm 4 khổ như sau:

- **Khổ 1:** gồm các dòng 1, 2, 3, 4: nêu lý do của hành động. Làm trai phải luôn luôn xông xáo, dấn thân vào cuộc đời để làm tròn bổn phận với tổ quốc.
- **Khổ 2:** gồm các dòng 5, 6, 7, 8: khi hành động, ngoài bổn phận người trai còn có niềm tự hào. Người đời ai mà không chết, nhưng nếu chết đi thì phải để lại tiếng thơm cho đời, làm tâm gương sáng cho hậu thế soi chung.
- **Khổ đôi:** gồm các dòng 9, 10, 11, 12: lúc nước nhà nguy biến, người trai phải tỏ rõ chí khí của mình, phải ra sức phấn đấu lập chiến công để có cơ hội tiến thân.
- **Khổ xếp:** gồm 3 câu cuối: khi tiếng tăm vang dội thì được ra làm quan. Bây giờ người trai nhờ có nhiều quyền lực nên có thể thực hiện được chí lớn của mình, tức là trả nợ cho núi sông. Sau khi trả xong nợ tang bồng thì người trai mới có quyền sống nhàn hạ, vui thú.

C. Đại ý: Quyết tâm làm tròn bổn phận của người trai đối với tổ quốc.

D. Giải thích:

- **Câu 1, 2:** Nêu lý do vì sao phải hành động. Nợ núi sông không phải chỉ trả một lần là xong, mà phải quyết tâm phục vụ cho đến khi tròn bổn phận mới thôi. Từ “Vòng” trong câu 1 chỉ sự luôn luôn ràng buộc với trách nhiệm, khó thoát ra khỏi.
Đối với tổ quốc, có quyền lợi (vay) thì phải có trách nhiệm (trả) trong suốt cả cuộc đời. (Nguyễn Công Trứ đến 80 tuổi còn nạp đơn xin đi chống Pháp.)

- **Câu 3, 4:** làm trai là phải có chí lớn, lập công to, không phải du dú trong xó nhà mà phải tung hoành khắp nơi:

*“Làm trai cho đáng nên trai,
Xuống đông, đông tĩnh, lên Đoài, Đoài tan.”*

cho thoả chí, để lúc về già khỏi ân hận.

Trong 4 câu đầu (1-4), các từ như: “dọc ngang ngang dọc”, “nam bắc đông tây”, “bốn bề” đều cùng một nghĩa. Khổ này nêu lý do hành động.

- **Câu 5, 6:** Nếu hành động chỉ vì bốn phận mà thôi thì chẳng khác gì “khô dịch”; nhưng người trai sẽ cảm thấy hãnh diện mà thi hành bốn phận khi nghĩ đến “Người ta từ xưa nay ai mà không chết; nhưng trước khi chết phải để lại tấm lòng son đối với đất nước, làm tấm gương sáng trong sử sách cho mọi người soi chung.” Hai câu này nêu ra tính hoa trong tư tưởng Nho giáo.

- **Câu 7, 8:** Những kẻ chỉ biết ra làm quan rồi lo cho vinh thân phì gia, chứ không nghĩ gì đến non sông đất nước thì chẳng có gì là vinh. Những người anh hùng chưa gặp thời để thi thố tài năng cũng chẳng có gì là nhục.

- **Câu 9, 10:** Khi tổ quốc bất ngờ bị lâm nguy thì phải có phản ứng mau lẹ ra sức mà chiến đấu để đem lại thanh bình cho đất nước.

- **Câu 11, 12:** Người trai phải có chí lớn, phải ra sức làm những việc to tát để cho rõ mặt anh hùng.

- **Câu 13:** Khi tiếng tam vang dậy thì sẽ được mời ra giúp nước. “Đường mây” là rồng gặp mây tức là ra làm quan. Tác giả là một nhà Nho. Theo đường lối của Nho giáo thì nhà Nho không phải là kẻ ăn không ngồi rồi mà hưởng nhàn. Nhà Nho phải dấn thân vào cuộc đời, phải tìm cách ra làm quan để giúp dân giúp nước một cách hữu hiệu. Nếu không ra làm quan thì sẽ không có cơ hội để thực hiện chí lớn của mình. (Theo chiết tự, NHO là gồm chữ NHÂN (người) đứng bên chữ NHU (cần dùng) mà thành ra. Nhà Nho là người bao giờ tổ quốc cũng cần đến để lo cho nhân quần xã hội...) Khi có nhiều quyền lực trong tay (“đường mây rộng”) thì tha hồ mà “thênh thênh cử bộ”, tức là vừa thực hiện niềm tự hào của mình, vừa trả nợ cho non sông. “Cử bộ” là cất bước lên đường để hoàn tất sứ mệnh cho thoả chí tang bồng, chứ không phải là ăn chơi, hưởng thụ.

- **Câu 14, 15:** Khi trả xong nợ tang bồng thì người trai mới reo mừng và có quyền hưởng thụ. Nhưng thực ra thì nợ tang bồng trong suốt cả cuộc đời khó mà trả cho xong được; vì vậy tác giả mới gọi là “vay trả trả vay”.

E. Nhận xét văn chương:

Bài *Chí Làm Trai* trình bày nhân-sinh-quan toàn diện của Nguyễn Công Trứ: hành động và hưởng nhàn sau khi hoàn tất nhiệm vụ. Có lẽ bài này đã được Nguyễn Công Trứ làm vào thời kỳ sung mãn nhất, lúc đang làm quan, khoảng 40 tuổi, nên hơi thơ

rất hùng mạnh. Tác giả đã mượn thêm khổ đôi của bài hát nói để nhấn mạnh thêm quyết tâm của phận làm trai.

Tác giả là một nhà Nho nên không tránh khỏi việc dùng chữ Nho. Hai câu thơ chữ Nho 5 và 6 đã được tác giả “cấy” vào rất khéo léo, rất ăn khớp về nhạc điệu và tư tưởng. Chính hai câu thơ này là một sợi xích nối liền “lý do của hành động” ở khổ 1 với “các hành động thực sự” nói rõ trong phần còn lại của bài thơ. Ngoài ra, tác giả còn dùng một số từ Hán-Việt khác. Đặc biệt có hai câu thơ: 8 và 13 vừa nôm vừa Hán. Với giọng văn cương quyết, lý luận vững chãi, tác giả giải thích cho người trai hiểu nỗi phận của mình đối với non sông. Tư tưởng đạo Nho chan hoà trong khắp bài thơ; vì vậy muốn hiểu thơ của Nguyễn Công Trứ chính xác thì nên đọc thơ của ông với một lăng kính của đạo Nho.

Trong hầu hết các bài thơ, tác giả đều nói đến “nợ tang bồng”. Riêng bài *Chí Làm Trai*, khổ đầu cũng như khổ xếp đều nói đến nợ tang bồng. Mà muốn trả nợ cho non sông thì phải sống cho xứng đáng là một người anh hùng làm rạng rỡ cho đất nước.

Lời thơ dồn dập như sóng cồn, âm điệu nhịp nhàng, có lẽ nhờ tác giả dùng những từ ngữ đối nhau để làm mạnh nghĩa câu văn.

Vòng trời đất	/	Nợ tang bồng
dọc	/	ngang
vay	/	trả
nam bắc	/	đông tây
nhục	/	vinh
mưa dòn	/	sóng vỗ
dời núi	/	lấp sông
thơ túi	/	rượu bầu

Cách ngắt vần cũng rất đều đặn. Ngoại trừ ba câu 5, 6, và 15, vần trong các câu được ngắt vào sau từ thứ ba và sau từ thứ năm, phải chăng là để hoà nhịp với tiếng trống chầu và tiếng sanh vang lên?

Ngữ Pháp

Phiếm Chỉ Đại Danh Từ

Indefinite Pronouns

Xét các câu sau đây:

1. Đã hẵn rằng **ai** nhục **ai** vinh,
2. Mấy **kẻ** biết anh hùng khi vị ngộ.
3. “... lúc đó **người ta** còn nghèo khó.”
4. “**Ai** cũng nghe nói đến hiệu Sài Gòn mà.”

Trong các câu trên, các từ “**ai**, **kẻ**, **người ta**” chỉ về người nhưng không nói rõ người nào mà nói chung mọi người.

Các từ “*ai*”, “*kẻ*”, “*người ta*” đều có nghĩa là “*bất cứ người nào*”, không ám chỉ riêng một người nào cả. Các từ đó gọi là “**phiếm chỉ đại danh từ**”.

Phiếm chỉ đại danh từ là tiếng chỉ trống không, bất cứ người nào hay vật nào cũng được. Những phiếm chỉ đại danh từ thông thường là: *ai, người ta, kẻ thì, người thì, tất cả, mọi người, mỗi người, không gì, không ai, bất cứ ai, v.v...*

*Ví dụ: Ai cũng phải ăn để mà sống.
Người ta chuộng học vấn hơn tiền của.
Mọi người đều thích ăn mặc đúng thời trang.*

Bài tập 5

Tìm phiếm chỉ đại danh từ trong các câu sau:

1. Ai cũng phải làm việc thì mới có ăn.
2. Trời sao trời ở không cân,
Kẻ ăn không hết, người lần không ra.
3. Trong xã hội, mọi người lệ thuộc lẫn nhau, do đó ai ai cũng phải làm việc.
4. Kẻ thì làm ruộng, người thì dệt vải, tất cả phải làm tròn bổn phận của mình thì xã hội mới tiến bộ.
5. “Sáng hôm sau trong chùa Long Giác, kẻ tới, người lui có vẻ tấp nập rộn rịp.”

Bài tập 6

Dùng những phiếm chỉ đại danh từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **một người nào đó, không ai, ai, người ta, phần đông, mỗi người, bất cứ ai, tất cả, không gì, vài.**

1. _____ cũng mặc đồng phục mỗi khi đến trường.
2. _____ không thích sắm áo quần đắt tiền.
3. _____ đều có quyền ăn mặc theo ý mình thích.
4. _____ ai cũng thích áo màu trắng.
5. _____ thích ăn mặc rách rưới khi ra đường.
6. _____ đều mặc lễ phục vào ngày Tết.
7. _____ đã tặng cho ba tôi một đôi giày rất đẹp.
8. _____ đẹp bằng áo dài Việt Nam.
9. _____ người không thích chạy đua theo thời trang.
10. Vào thập niên 1950, _____ nữ sinh ở Huế thích mặc áo dài tím.

* **Chú thích: phiếm:** (trôi nổi) lênh đênh, bênh bồng, mông mênh, không thiết thực.

Độc Hiểu

Bài tập 7

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Bài *Chí Làm Trai* được viết theo thể gì?
2. Bài hát nói “đủ khổ” và “đôi khổ” khác nhau như thế nào?
3. Theo ý tác giả, “nợ tang bồng” nghĩa là gì?
4. Khi chết đi, người trai phải lưu lại cái gì cho hậu thế?
5. Khi tổ quốc lâm nguy thì người trai phải làm gì?
6. Quyết tâm của đấng nam nhi là gì?
7. Được làm quan là cơ hội tốt cho người trai làm gì?
8. Hãy nói về âm bằng-trắc của bốn từ cuối trong một khổ hát nói?
9. Tại sao nhà Nho luôn luôn tìm cách ra làm quan?
10. Đại ý bài *Chí Làm Trai* là gì?

Tập Làm Văn

Bài tập 8

Bình giải câu ca dao sau đây:

*“Làm trai cho đáng nên trai,
Xuống đông, đông tĩnh, lên đoài, đoài tan.”*

Dàn bài chi tiết:

Nhập đề: Nhắc nhở người trai nhớ bổn phận của mình.

Thân bài:

- a. Người con trai phải như thế nào? Phải sống như thế nào để tỏ ra xứng đáng là người trai của đất nước?
- b. “Xuống đông, đông tĩnh”: xuống miền Đông dẹp loạn thì miền đó yên tĩnh ngay.
- c. “Lên đoài, đoài tan”: (đoài: phía tây) lên miền Tây là đánh tan quân giặc ở miền Tây ngay.
- d. Làm trai thì phải có mặt ngay ở bất cứ nơi nào mà đất nước cần.

Kết luận: Nước nhà luôn trông cậy vào người trai, người con yêu của tổ quốc. Làm trai là phải lo gìn giữ non sông, hy sinh cho tổ quốc.

Nói Với Nhau

Đám học trò rất thích thầy Chí Cường. Không những thầy dạy học rất hay mà còn tuần tú, trẻ trung và vui vẻ nên học trò lại càng thích hơn. Thầy Cường vào nghề dạy học mới chỉ ba năm, nhưng có lẽ có duyên với nghề. Thầy Cường cũng thích đám nhỏ tuy có lúc chúng làm thầy dở khóc dở cười.

...

Đùng một cái, thầy tuyên bố sẽ nghỉ dạy. Bọn nhỏ bịn rịn, luyến tiếc. Họ thay nhau khuyên thầy thương chúng mà ở lại, nhưng thầy đã quyết. Thầy Cường đã từng nghĩ đời thầy sẽ dành cho nghề giáo, nhưng sự kiện hai toà nhà của Trung Tâm Thương Mại Thế Giới bị tấn công làm cho chí nam nhi của thầy đổi hướng. Thầy cảm thấy sứ mệnh của mình là phải bảo vệ tổ quốc. Thầy ghi danh đi lính. Tuy có chút luyến lưu với đám nhỏ nhưng thầy cũng muốn góp công sức mình vào việc chống khủng bố.

Tập Nói Chuyện

1. Tại sao thầy Cường được học trò yêu thích?
2. Lý do nào khiến thầy Cường xin nghỉ dạy?
3. Ý nghĩ của thầy Cường có đúng không?

Tập Viết Văn

Nếu em là thầy Cường, em sẽ chọn con đường nào?

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

Trang: Minh học thơ cổ, thấy Nho giáo ảnh hưởng rất mạnh đến quan niệm sống của người Việt thời xưa. Nam giới thì phải thi đỗ để làm quan, để có cơ hội giúp dân giúp nước, còn nữ giới chỉ biết quanh quẩn ở nhà.

Tú: Tớ cũng nhận thấy như vậy. Thật là bất công cho phụ nữ quá!

Linh: Ủ, ngày xưa người ta trọng nam khinh nữ nhưng họ quên rằng khi quốc gia nguy biến, người phụ nữ vẫn có thể góp công bảo vệ đất nước.

Trang: Đúng vậy, như Hai Bà Trưng đó. Các bạn có nhớ hai câu thơ:

“Hong quân nhẹ bước chinh yên,

Đuổi ngay Tô Định, dẹp yên Biên thành” không?

Tú: Tú thấy hai câu thơ này hay quá, Hai Bà Trưng chỉ cần “nhẹ bước” thôi là đã đuổi được Tô Định về nước, dẹp yên thành Long Biên. Như vậy, nữ giới đâu có thua gì nam giới!



Linh: Thực tế, Hai Bà cũng trải qua nhiều gian khổ mới đánh thắng được quân Nam Hán chứ không dễ dàng như trong thơ ca nói đâu.

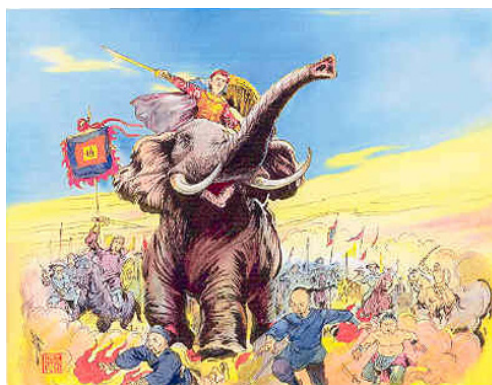
Tú: Minh biết chứ! Nhưng ta cũng phải công nhận là Hai Bà Trung giới thật!

Trang: Ủ, sau Hai Bà Trưng còn có Bà Triệu. Trang thích câu trả lời của bà khi có người hỏi vì sao không lập gia đình *“Tôi chỉ muốn cưới con gió mạnh, đập luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển Đông, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ không chịu khom lưng làm tì thiếp cho người.”*

Linh: Chỉ một câu nói thôi mà chúng ta đã thấy chí khí của bà. So với chí làm trai của nam giới, bà Triệu cũng không thua gì.

Tú: Minh nghĩ nếu ngày xưa phụ nữ cũng được tôn trọng như bây giờ, chắc chắn không ít người thành công và được ghi tên vào sử sách.

Linh: Minh đồng ý với bạn điều này.



Bài tập 9

Chọn câu trả lời đúng nhất.

1. Nam giới ngày xưa phải có chí lập thân là theo quan niệm của _____.
 - a. Phật giáo
 - b. Lão giáo
 - c. Nho giáo
 - d. Thiên Chúa giáo
2. Theo ý kiến của Tú, nữ giới xưa bị khẹp vào khuôn khổ gia đình là điều _____.
 - a. hợp lý
 - b. có thể chấp nhận
 - c. đáng tranh cãi
 - d. bất công
3. Trong lịch sử Việt Nam, ba vị anh thư đi tiên phong trong việc chứng tỏ nữ giới cũng có chí khí là _____.
 - a. Bà Triệu, bà Bùi Thị Xuân, Cô Giang
 - b. Hai Bà Trưng, Bà Triệu
 - c. Bà Bùi Thị Xuân, Cô Bắc, Cô Giang
 - d. Huyền Trân Công Chúa, bà Hồ Xuân Hương, bà Bùi Thị Xuân
4. Mục tiêu chính trong cuộc đời Bà Triệu là _____.
 - a. cưới con gió mạnh, đập luồng sóng dữ
 - b. chém cá kình ở biển Đông

- c. đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang sơn
- d. lập gia đình và sinh con đẻ cái

Bài tập 10

Hãy nêu lên ít nhất một tấm gương phụ nữ Việt Nam thành công hay có chí khí mà em biết. Viết một đoạn văn từ 5 đến 7 câu trọn vẹn về người này.

Giáo Dục Hướng Nghiệp

West Point: Trường Võ Bị Nổi Tiếng Của Hoa Kỳ



Photo Credit: Courtesy photo.

West Point, trường võ bị nổi tiếng của Hoa Kỳ, đào tạo các sĩ quan quân đội, nhưng không phải chỉ cho quân đội của nước Mỹ.

Trường có hơn 4 ngàn sinh viên sĩ quan. Trường này nằm về phía bắc thành phố New York chừng 80 kilômét.

West Point là một địa điểm tại Hoa Kỳ liên tiếp có sự hiện diện của quân đội. Tướng George Washington đã xây một thành lũy ở đó trong cuộc chiến tranh Cách Mạng.

Để bảo vệ con sông Hudson khỏi bị quân Anh sử dụng, ông đã dọn tổng hành dinh về

West Point năm 1779 vào giữa cuộc chiến tranh Cách Mạng.

Đến năm 1802, Tổng thống Thomas Jefferson đã ký một đạo luật thiết lập trường võ bị. Chương trình học lúc đó đặt trọng tâm vào ngành công binh. Những người tốt nghiệp từ West Point đã thiết kế nhiều đường sá, cầu cống, hải cảng và các đường xe lửa cho quốc gia non trẻ thời ấy.

Ngày nay, toán và khoa học vẫn còn chiếm một phần lớn trong chương trình giảng dạy. Nhưng các sinh viên sĩ quan có thể chọn trong số gần 50 khoa. Nếu sinh viên sĩ quan chọn môn chính là khoa nhân văn thì họ bắt buộc phải chọn môn phụ là ngành kỹ sư.

Không phải tất cả những nam nữ sinh viên sĩ quan tại West Point đều là người Mỹ, sinh viên nước ngoài được chính phủ nước họ đề cử cũng học ở trường này. Họ phải hội đủ những đòi hỏi về thể chất và trình độ học vấn và phải được điểm cao trong bài thi trắc nghiệm khả năng Anh ngữ.

Sau khi tốt nghiệp, họ sẽ trở về nước phục vụ trong quân đội nước họ. Những quân chủng khác của Hoa Kỳ, ngoài lục quân, cũng tiếp nhận các sinh viên nước ngoài tại các trường võ bị của họ.

Thiếu tá Joe Sowers, một sĩ quan giao tế của West Point, cho biết mọi thông tin về trường võ bị này vẫn có sẵn tại các Đại sứ quán Hoa Kỳ ở mọi nước. Ông cho biết sự hiện diện của các sinh viên nước ngoài tại West Point phục vụ cho mục tiêu của quân đội.

Thiếu tá Sowers nói: “Hiểu biết và ý thức về văn hoá là điều thiết yếu cho một sĩ quan thời hiện đại. Giờ đây, vì chúng ta có các sinh viên đến từ Panama và các quốc gia châu Phi, điều đó không nhất thiết giúp bạn hiểu biết thêm về cung cách giao tiếp tại Iraq hay Afghanistan. Ít ra là không giúp hiểu biết được điều gì cụ thể. Nhưng bạn đã bắt đầu tiến trình hiểu rằng thế giới rộng lớn hơn thị trấn quê nhà của bạn, và nó rộng lớn hơn West Point và rộng lớn hơn nước Mỹ. Nhưng theo tôi thì thành quả hay nhất là ở cá nhân các sinh viên sĩ quan; họ thiết lập được những quan hệ với những người đến từ những bối cảnh hết sức khác biệt.”

Tục Ngữ và Ca Dao

1. Trai thời loạn, gái thời bình.
2. Làm trai cho đáng nên trai,
Xuống đông đông tĩnh, lên đồi đồi tan.
3. Giặc đến nhà đàn bà phải đánh.

Bài Đọc Thêm

Tìm hiểu câu ca dao:

*“Trai khôn kiếm vợ chợ đông,
Gái khôn tìm chồng giữa chốn ba quân.”*

chợ đông: nơi tập trung đủ mọi hạng người: hiền nhân, quân tử, điêu ngoa, gian manh, xảo trá, nhả nhận, lịch sự, hỗn xược, v.v...

chốn ba quân: nơi tập trung đủ loại quân đội để duyệt binh hay diễn hành, hay nơi chiến trường sau một cuộc hành quân, nơi có thể phân biệt được lính gan dạ, khoẻ mạnh, nhất gan, yếu đuối, v.v...



Tại sao phải “kiếm vợ chợ đông”?

Người con gái ở giữa chợ là người giàu kinh nghiệm về cuộc đời, là người biết đối phó với đủ hạng người, biết đáp ứng, thích nghi với mọi tình huống. Ở giữa chợ mà tìm được một cô gái lễ phép, nhả nhận, lịch sự, nói năng dịu dàng thì đó là người có giáo dục, có nét hạnh, biết giữ bản sắc của mình.

Nếu các chàng trai đến một ngôi trường, một văn phòng hay một công ty mà gặp các cô gái lễ phép, lịch sự, nói năng nhỏ nhẹ thì nên coi chừng! Vì công việc nên các cô ấy phải tìm cách che giấu bản sắc của họ. Nếu vì một cuộc đời, những người đó phải lăn lộn ra chợ thì bản sắc thật của họ mới phát lộ ra ngoài.

Một số người nông nổi thì nghĩ rằng “kiếm vợ chợ đông” là kiếm người biết buôn bán để có tiền nuôi chồng, nuôi con. Tại sao họ không nghĩ rằng thiếu gì những cô gái làm những công việc khác vẫn đủ sức gánh vác gia đình?

Tại sao phải “tìm chồng giữa chốn ba quân”?

Những quân nhân đi lại trên đường phố, hay trong những doanh trại, ăn mặc chỉnh tề, đeo lon đội mũ trông rất oai vệ. Nhưng ai mà biết được trong một cuộc hành quân những người đó mới đi lên nửa ngọn đồi đã thở dốc, hay ngã bịch xuống, hay vừa nghe địch nổ súng thì đã vùng bỏ chạy! Hay như những ông tướng, thường hay la hét rất oai phong, nhưng khi nghe tin địch chưa vào thành phố thì đã bỏ trốn ra nước ngoài! Còn đâu là “Chí Nam Nhi”?

Chính giữa chốn ba quân, người con gái mới thấy được ai là kẻ anh hùng, gan dạ, khỏe mạnh, ai mới xứng đáng là kẻ làm trai.

Ý nghĩa câu ca dao: Xét bản sắc của một con người ngay tại nơi môi trường sinh hoạt của họ.



Đi Thi Tự Vịnh

1. Đi không **há lẽ** trở về không,
2. Cái nợ **cầm thư** phải trả xong.
3. **Rắp** mượn **điền viên** vui **tuế nguyệt**,
4. **Trót** đem **thân thể** hện **tang bồng**.
5. Đã mang tiếng ở trong **trời đất**,
6. Phải có danh gì với **núi sông**.
7. Trong cuộc **trần ai**, ai dễ biết,
8. Rồi ra mới rõ mặt anh hùng.

Nguyễn Công Trứ

Tóm lược tác phẩm

Tác giả trình bày tại sao phải quyết tâm thi cho đậu. Có thi đậu thì mới có cơ hội trả nợ tang bồng, làm nên đại sự để lưu danh trong sử sách.

Từ Vựng

- | | | | |
|------------------------------|---|--|--------|
| 1. vịnh | (đt.): miêu tả sự việc bằng thơ | <i>to describe something, using poetry</i> | (v.) |
| 2. há lẽ | (trt.): chẳng nhẽ, chẳng lẽ, không lý do gì | <i>unreasoningly</i> | (adv.) |
| 3. há lẽ trở về không | không lẽ về tay không, chẳng được gì | <i>to go home unreasoningly empty-handed</i> | |
| 4. cầm thư | (dt.): cầm là đàn cầm, thư là sách. Đàn và sách là bạn của người học trò. Đây có nghĩa là công việc học hành. | <i>musical instruments and books</i> | (n.) |
| 5. rắp | (đt.): dự định | <i>to intend</i> | (v.) |
| 6. (thú) điền viên | (đt.): điền là ruộng, viên là vườn. Thú điền viên là thú hưởng nhàn, không bận lo tranh danh lợi. | <i>the pleasure of a rural life</i> | (n.) |
| 7. tuế nguyệt | (đt.): năm tháng | <i>years and months</i> | (n.) |

8. vui tuế nguyệt	để cho qua ngày tháng, để thời gian vui vẻ trôi qua	<i>to enjoy the passing of time</i>	
9. trót	(đt.): đã lỡ hứa làm việc gì	<i>to have already committed oneself to something</i>	(v.)
10. Đã trót thì phải trét	đã lỡ hứa thì phải làm cho tròn	<i>to keep one's promise</i>	
11. tang bồng	(dt.): cung làm bằng gỗ dâu và tên làm bằng cỏ bồng. Tương truyền người Hán khi sinh được con trai thường lấy gỗ cây dâu làm cung, cỏ bồng làm tên, và bắn bốn phương với hàm ý sau này cậu con trai sẽ tung hoành khắp nơi. Ý từ này nói lên chí làm trai dọc ngang bốn bề.	<i>tang: the wood from mulberry trees, used to make bows; bồng: a kind of small, hard, solid, long and straight plant used to make arrows. Long ago, when giving birth to a son, people shot the arrows towards the four cardinal directions. This implies the boy will go everywhere to complete his duty towards his country.</i>	(n.)
12. thân thể	(dt.): cuộc đời riêng của mình	<i>personal life</i>	(n.)
13. trời đất	(dt.): xã hội, cuộc đời này	<i>this life, society</i>	(n.)
14. núi sông	(dt.): đất nước	<i>country</i>	(n.)
15. trần ai	(dt.): bụi cát; cõi đời này	<i>this world</i>	(n.)

Bài tập 1

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **anh hùng, há lẽ, cảm thư, ai, mang tiếng, rắp, tang bồng, núi sông.**

- Đi không _____ trở về không.
- Cái nợ _____ phải trả xong.
- _____ mượn đèn viên vui tuế nguyệt.
- Trót đem thân thể hẹn _____.
- Đã _____ ở trong trời đất.
- Phải có danh gì với _____.

7. Trong cuộc trần _____, ai dễ biết.
8. Rồi ra mới rõ mặt _____.

Bài tập 2

Ghép mỗi từ ở cột A với định nghĩa thích hợp ở cột B.

A	B
1. cảm thư	a. tháng
2. điền viên	b. dự định
3. tuế	c. làm thơ
4. nguyệt	d. lời hứa
5. há lễ	e. ruộng vườn
6. vịnh	g. bồn phân với non sông
7. thân thể	h. đàn sách
8. tang bông	i. năm
9. trót	k. chẳng nhẽ
10. rắp	l. chính đời mình

Bài tập 3

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **tuế nguyệt, cảm thư, vịnh, điền viên, trót, há lễ, tang bông, trần ai, thân thể, núi sông.**

1. Phải chứng tỏ mình hơn người khác nhờ vào tài năng, chứ dựa vào _____ thì có hay gì!
2. Ông ra đi mang theo mối hận nghìn thu vì nợ _____ chưa trả dứt.
3. Còn trẻ mà đã muốn về vui thú _____ thì uổng cho cái tài của anh quá!
4. Làm cái gì đi chứ! _____ chúng ta bó tay mà chờ vận may đến hay sao!
5. Ôi chào! Học như cậu không biết đến bao giờ cái nợ _____ mới trả xong.
6. Phải kiên quyết chống quân xâm lược để bảo vệ đất nước, _____ mà cha ông ta đã dày công tạo dựng.
7. Đừng có nhầm từ “_____” nghĩa là “miêu tả sự việc bằng thơ” với “vịnh” nghĩa là “vùng biển ăn hôm vào đất liền”.
8. Tôi đã _____ hứa với anh ấy, giờ tôi phải giữ lời.
9. Bạn nói “năm tháng” có phải dễ hiểu hơn không? Dùng từ “_____” thật là khó nhớ!
10. Đã sinh ra trong cõi _____ này thì phải chấp nhận sống là tranh đấu.

Phân Tích

- A. **Văn thể:** *Đi Thi Tự Vịnh* là một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật.
- B. **Đại ý:** Mục đích của việc thi cử.

C. Bố cục và giải thích:

- **Hai câu đề:** Sự cương quyết của tác giả: đi thi là phải đậu.
- **Hai câu thực:** Làm trai thì phải làm tròn bổn phận đối với tổ quốc trước. Không thể hưởng nhàn, hay vui thú điền viên được vì đã lỡ hứa với non sông rồi.
- **Hai câu luận:** Làm trai phải lập công danh, tạo sự nghiệp để lưu tiếng thơm cho hậu thế.
- **Hai câu kết:** Sau khi thi đỗ và tạo nên sự nghiệp rồi thì mới rõ ai thực sự là kẻ anh hùng.

D. Nhận xét văn chương:

1. Tư tưởng trong bài *Đi Thi Tự Vịnh* cũng tương tự như tư tưởng trong bài *Chí Làm Trai*, dựa trên tư tưởng Nho giáo. Người con trai phải ráng học và thi cho đậu để có địa vị xã hội. Khi có quyền lực trong tay rồi thì mới trả nợ tang bồng được, mới làm nên việc to tát để lưu danh cho đời sau.
 - Bài thơ này do một nhà Nho sáng tác nên không tránh khỏi việc dùng từ Hán-Việt. Ngoại trừ câu 1 và 5, những câu còn lại, câu nào cũng có từ Hán-Việt.
 - *Đi Thi Tự Vịnh* là một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật, vần bằng, âm trắc nhiều hơn âm bằng nên giọng điệu rất hào hùng, tỏ rõ sự quyết tâm của tác giả.
2. **Nợ** tức là nói đến cái gì mình đã **vay**, tức là phải **trả**.
3. “**Đễ**” trong câu 7 có nghĩa là “khó”, “ai dễ biết” có nghĩa là khó mà biết được.

Ngữ Pháp

Trợ Động Từ Auxiliary Verbs

Xét các câu sau đây:

1. Chúng ta **nên** để dành tiền.
2. Chúng ta **bắt đầu** tiết kiệm là vừa.
3. “Cái nợ cầm thư **phải** trả xong.”

Trong câu 1, “**nên**” là trợ động từ. Trợ động từ là động từ phụ, “**nên**” bổ nghĩa cho động từ chính “**để dành**”.

Trong câu 2, “**bắt đầu**” là trợ động từ, bổ nghĩa cho động từ chính “**tiết kiệm**”.

Trong câu 3, “**phải**” là trợ động từ, bổ nghĩa cho động từ chính “**trả**”.

Các động từ: **nên, bắt đầu, phải** là những trợ động từ.

Trợ động từ là động từ luôn luôn đứng trước động từ chính và bổ nghĩa cho động từ đó. Các trợ động từ thông thường là: **có thể, phải, bắt đầu, chấm dứt, tiếp tục**, v.v...

- Tôi **có thể** giúp anh, nhưng anh **phải** cố gắng học.
- Nếu anh **muốn** đi học đúng giờ, anh **phải** thức dậy sớm.

Bài tập 4

Tìm trợ động từ trong các câu sau:

1. “Bất cứ đời sống nào, muốn trở nên cao thượng, tốt đẹp, muốn có ảnh hưởng sâu rộng, kết quả dồi dào, đều phải có một lý tưởng.”
2. Nếu muốn thi đỗ, em phải học hành chăm chỉ.
3. “Mưa đã bắt đầu rơi, những hạt mưa thưa và to gieo nặng trên mặt đường, lộp độp trên ngọn tre, trên mái ngói.”
4. Chúng tôi thích nghe những bản nhạc tiền chiến nên yêu cầu cô ta tiếp tục hát.
5. Các học sinh chấm dứt nói chuyện khi thầy giáo bắt đầu giảng bài.
6. “Rắp mượn điền viên vui tuế nguyệt.”
7. “Phải có danh gì với núi sông.”

Bài tập 5

Đặt năm câu với động từ “**phải**”.

Bài tập 6

Đặt năm câu với động từ “**có thể**”.

Độc Hiểu

Bài tập 7

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Đề bài *Đi Thi Tự Vịnh* có nghĩa là gì?
2. “Đi không” có nghĩa là gì?
3. “về không” có nghĩa là gì?
4. “mượn” trong câu 3 có nghĩa là gì?
5. “vui tuế nguyệt” nghĩa là gì?
6. Câu 1 và 2 có nghĩa là gì?
7. Câu 3 và 4 có nghĩa là gì?
8. Câu 5 và 6 có nghĩa là gì?
9. Câu 7 và 8 có nghĩa là gì?
10. Trong các câu 1, 3, 5, từ nào là chủ từ?

Tập Làm Văn

Hãy nêu những điều lợi và hại của việc thi cử xưa và nay.

Gợi ý:

Lợi	Hại
- biết khả năng từng người. - chọn người đúng nhu cầu. - tạo sự ganh đua trong học tập. - nâng cao nền giáo dục toàn dân. - công bình trong việc tuyển chọn. - học sinh cùng lớp thường có cùng trình độ. (Ở Mỹ học cùng lớp nhưng trình độ chênh lệch nhau rất xa vì ít thi cử.)	- cản trở bước tiến của một số người (chỉ vì kém một môn mà hỏng cả kỳ thi). - học nhiều mất sức khỏe. - tốn ngân sách quốc gia. - tạo ra sự hối lộ trong thi cử.

Nói Với Nhau

Cả tháng nay, bạn Tiến cứ ở nhà. Ai rủ đi đâu, anh nhất quyết không đi. Bố mẹ thấy con học cũng mừng nhưng lo. Tiến đã quyết tâm được điểm SAT thật cao để có thể vào trường tốt nên anh cứ mãi ôn bài. Ước vọng của Tiến là được làm bác sĩ không những để cho ba má có một cuộc đời ổn định hơn, nhưng anh cũng muốn dùng khả năng của mình để giúp những người Việt nghèo mà anh tình cờ biết được.

Tiến quyết tâm phải đậu cao nên anh đã dứt bỏ những thú vui của anh. Anh không chơi trò chơi điện tử hay lêu lổng với đám bạn. Ngoài giờ học và chơi thể thao, anh chạy ngay về nhà để có thêm giờ ôn bài.

Tập Nói Chuyện

1. Tại sao Tiến phải ở nhà cả tháng nay?
2. Tiến muốn làm gì trong tương lai?
3. Tiến muốn dùng khả năng của mình để làm gì?

Tập Viết Văn

Viết một đoạn văn ngắn về những công việc của Tiến khi anh trở thành bác sĩ.

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

Son: Không hiểu sao lần nào làm bài kiểm tra, em cũng đều thua điểm Hải, bạn em.

Chị Trinh: Em có học bài kỹ lưỡng hay không?

Son: Có chứ chị! Cũng có lúc em bằng điểm nó nhưng chưa bao giờ hơn.

Chị Trinh: Trong lớp em có nghe thầy cô giảng bài chăm chú không?

Son: Có chứ! Em hiểu bài còn nhanh hơn Hải nữa. Đôi khi giờ chơi, nó nhờ em giải thích bài lại, vậy mà lần nào bài kiểm được phát ra nó cũng hơn điểm em.

Chị Trinh: Vậy thì phải xem lại cách học của em rồi. Chị nghĩ rằng em quá tự tin vào trí thông minh của mình, em nghĩ điều gì em cũng hiểu nhanh và em sẽ nhớ lâu, nhưng thực tế không phải như vậy. Em chỉ nhớ những kiến thức tổng quát mà bỏ qua chi tiết, có phải em thường sai ở những điểm rất nhỏ, những điểm mà em nghĩ là không đáng sai không?

Son: Đúng rồi! Sao chị biết hay quá vậy? Em hay bị mất điểm vì những lỗi như thế.

Chị Trinh: Chị cũng từng có những khuyết điểm như thế, cho đến khi cô An, cô giáo dạy Toán của chị chỉ cho chị thấy. Cô bảo rằng chị thông minh nhưng không có nghĩa là chị sẽ nhớ hết những gì chị được nghe giảng trong lớp. Về nhà, phải học lại, phải làm bài lại thì mới thấy những sai sót của mình. Quả thật như thế em ạ! Chị làm lại bài tập mà thầy cô đã sửa trong lớp mới thấy rằng mình không nhớ hết những gì đã được giảng.

Son: Em hiểu rồi! Em rất tự tin vào trí nhớ của mình, không ngờ nó quay lưng lại với em.

Chị Trinh: Bill Gate có nói “*Success is a lousy teacher. It seduces smart people into thinking they can't lose.*” Chị tạm dịch “*Thành công là một ông thầy vụng về. Ông thầy này làm cho đứa học trò thông minh có ảo tưởng nó không bao giờ thất bại.*”

Son: Đúng là em phải sửa lại cách học của mình rồi.

Chị Trinh: Nếu em học kỹ hơn, lần sau em sẽ thấy điểm bài thi hay bài kiểm tra của em tốt hơn.



Bài tập 8

Chọn câu trả lời đúng nhất.

1. Son là một người học trò
 - a. chăm chỉ.
 - b. hiền lành.
 - c. thông minh.
 - d. nhút nhát.

2. Điểm bài kiểm của Hải bao giờ cũng hơn Sơn vì
 - a. Hải thông minh hơn.
 - b. Hải chăm chỉ hơn.
 - c. Hải chép bài của bạn.
 - d. Hải được thầy cô thương hơn.
3. Điểm bài kiểm của Sơn thường bị trừ vì
 - a. những lỗi rất nặng.
 - b. những lỗi không đáng.
 - c. bài làm dơ.
 - d. nộp bài trễ.
4. Sơn mắc phải những lỗi như thế vì
 - a. quá tự tin vào trí thông minh của mình.
 - b. quá tự tin vào trí nhớ của mình.
 - c. hay bị mất bình tĩnh khi làm bài thi.
 - d. a và b đúng.
5. Chị Trinh khuyên Sơn nên
 - a. học bài kỹ và làm lại bài được sửa.
 - b. hỏi lại thầy cô khi không hiểu bài.
 - c. học cách học của Hải.
 - d. khiêm tốn với bạn bè.

Giáo Dục Đa Văn Hoá

Cỏ Bồng

Cỏ bồng là một loại cây có thân nhỏ và tròn bằng chiếc đũa hay ngón tay út. Thân cây thẳng đứng, cao chừng từ 4 dm đến 6 dm, chỉ trên đọt mới có dăm ba ngọn lá. Lá cây màu lục đậm, dài chừng 2 dm, trông tựa như lá cây riềng. Người ta gọi là “cỏ” có lẽ vì cỏ bồng mọc lan nhanh thành từng đám, rễ chạy ngầm dưới đất rồi mọc lên thành cây; nhưng thực ra thân cỏ bồng khi già thì đặc và rắn như gỗ cây cau hay tre già. Do đó, cỏ bồng được người xưa dùng làm tên rất thích hợp.

Tục Ngữ, Ca Dao và Thành Ngữ

1. Khuyên ai chớ lấy học trò,
Dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm.
2. Áo gấm về làng.
3. Cọp chết để da,
Người ta chết để tiếng.

Bài Đọc Thêm

Thi Cử Ngày Xưa

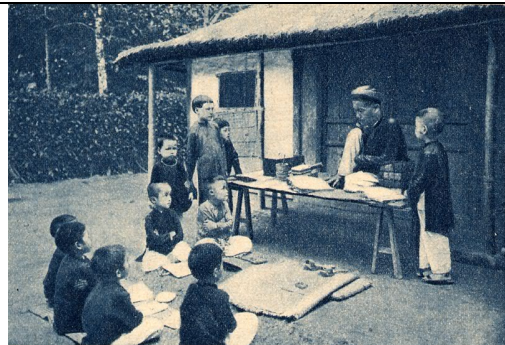
Dưới đây là những hình ảnh về thi cử ngày xưa của Việt Nam ta thời kỳ Pháp thuộc - cụ thể là khoá thi năm 1897 tại Nam Định.

Dưới triều Nguyễn, cứ ba năm thì triều đình lại mở khoá thi Hương ở các tỉnh lớn; ai dự thi cũng được, thí sinh trúng tuyển thì được gọi là Cử Nhân (người được địa phương tiến cử với triều đình). Năm sau thì các Cử Nhân vào Kinh để thi Hội và thi Đình. Ai đậu khoá thi Hội thì được gọi là Thám Hoa, đậu khoá thi Đình thì được gọi là Tiến Sĩ (người có tầm học uyên bác), tên họ sẽ được khắc trên bảng vàng hay bia đá, rồi lưu lại cho muôn thế hệ sau. Các tân khoa này đều sẽ trở thành quan lại của triều đình nếu họ muốn. Sau đó họ sẽ được ngồi võng lộng rồi được binh lính đưa về làng xưa để “vinh quy bái tổ”, một vinh dự tối cao mà ngày xưa tất cả các học trò đều mơ ước.

Từ ngàn xưa, đây là con đường duy nhất để đưa đến sự vinh quang nên phong tục này đã đi sâu vào tâm não của dân Việt, mãi đến ngày hôm nay sự suy nghĩ này vẫn còn tồn tại.



Thầy đồ đang dạy học



Thầy giáo làng



Thí sinh 70 tuổi



Lều chõng đi thi

Tương Tư

1. **Tương tư** không biết cái làm sao,
2. Muốn vẽ mà chơi vẽ được nào?
3. Khi đứng, khi ngồi, khi nói chuyện,
4. Lúc **say**, lúc **tỉnh**, lúc **chiêm bao**.
5. Trăng soi trước mặt **ngờ** chân bước,
6. Gió thổi bên tai **ngỡ** miệng chào.
7. Một nước một non người một ngã,
8. Tương tư không biết cái làm sao?

Nguyễn Công Trứ

Tóm lược tác phẩm

Tương tư là một sự kiện, vô hình vô ảnh, là một ý niệm len lỏi vào tâm tư người ta, nên không thể làm sao mà định nghĩa được.

Sinh Hoạt

Nghe bài hát “Riêng Một Góc Trời” từ Tuấn Ngọc DVD, Paris by Night DVD hoặc Khánh Hà DVD rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Riêng Một Góc Trời

Ngô Thụy Miên

1. Tình yêu như nắng, nắng đưa em về, bên giòng suối mơ.
2. Nhẹ vương theo gió, gió mang câu thề, xa rồi _____ xưa.
3. Tình như lá úa, rơi buồn, trong nỗi nhớ.
4. Mưa vẫn mưa rơi, mây vẫn mây trôi, hát _____ tình tôi.
5. Người vui bên ấy, xót xa nơi này, thương hình dáng ai.
6. Vòng tay tiếc nuối, bước chân âm thầm, nghe giọt nắng phai.
7. Đời như sương khói, mơ hồ, trong bóng tối.
8. Em đã xa xôi, tôi vẫn chơi vơi, riêng một _____ trời.
9. Người yêu dấu! người yêu dấu hỡi!
10. Khi mùa xuân vội qua chốn nơi đây,
11. Nụ hôn đã mơ say, bờ môi ướt mi cay, nay _____ đâu!
12. Tìm đâu thấy, tìm đâu thấy nữa?
13. Khi mùa đông về theo cánh chim bay,
14. Là chia cách đôi nơi, là hạnh phúc rã rời, _____ ơi!
15. Một mai em nhé, có nghe thu về, trên hàng lá khô.
16. Ngàn sao lấp lánh, hát câu mong chờ, em về lối xưa.
17. Hạ còn nắng ấm, thấy lòng sao buốt _____.
18. Gọi tên em mãi, trong cơn mê này, mình nhớ thương nhau.



Từ Vựng

1. tương tư	(dt.):	lòng yêu thương và nhớ ai, nhưng thường thường không được người ta đáp lại	<i>lovesick</i>	(n.)
2. chiêm bao	(dt.):	giấc mơ	<i>dream</i>	(n.)
3. say	(tt.):	choáng váng, nôn nao vì rượu	<i>to get drunk</i>	(adj.)
4. tỉnh	(tt.):	không bị say, vẫn bình thường	<i>to be sober</i>	(adj.)
5. ngờ	(đt.):	tưởng là	<i>to believe, to think</i>	(v.)
6. ngỡ	(đt.):	ngờ, tưởng là	<i>to think, to believe</i>	(v.)

Bài tập 1

Ghép mỗi từ ở cột A với định nghĩa thích hợp ở cột B.

A	B
1. tương tư	a. có ý niệm rõ về người hay vật
2. chiêm bao	b. lối đi
3. say	c. làm chuyển động bằng luồng gió
4. tỉnh	d. lòng nhớ thương ai
5. bước	e. choáng váng vì rượu
6. ngờ	g. thấy điều gì đó lúc đang ngủ
7. chào	h. không bị say
8. thổi	i. di chuyển bàn chân để tiến lên
9. ngả	k. tưởng là
10. biết	l. tỏ tình thân bằng lời nói và cử chỉ

Bài tập 2

1. Tìm trong bài thơ từ đồng nghĩa với “ngờ”.
2. Tìm trong bài thơ từ phản nghĩa với “tỉnh”.

Phân Tích

A. Văn thể: *Tương Tư* là một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

B. Bố cục: Bài thơ có thể được chia làm 3 đoạn:

- Câu 1 và 2: Tác giả muốn hiểu về tương tư.

- Câu 3, 4, 5, 6: Tình trạng bất thường của người mắc bệnh tương tư.
- Câu 7 và 8: Tương tư là gì mà sao làm cho người ta cảm thấy cô đơn.

C. Đại ý: Thật là khó mà hiểu được tương tư là gì.

D. Giải thích:

- Câu 1 và 2: Tương tư là một cái gì kỳ quái. Tác giả muốn vẽ ra để xem hình dáng của tương tư như thế nào nhưng không thể vẽ được, vì tương tư chỉ là ý niệm về tình cảm mà thôi.
- Câu 3, 4: Không thể thấy hình bóng của tương tư mà chỉ thấy hậu quả của tương tư; giống như ta không bao giờ thấy điện mà chỉ thấy ứng dụng của điện mà thôi. Người mắc bệnh tương tư giống như người không bình thường, không kiểm soát được hành động của mình: đứng, ngồi, tự nói với chính mình giống như đang nói chuyện với ai.
- Câu 5, 6: Khi thấy hay nghe điều gì thì cứ tưởng đó là những cử chỉ của người yêu đang tìm đến.
- *Tương Tư* là một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật. Câu 8 lặp lại câu 1 để diễn tả điều thắc mắc của tác giả.
- Các từ “khi”, “lúc” là những trạng từ chỉ thời gian, được lặp đi lặp lại nhiều lần để diễn tả sự bất thường của người mắc bệnh tương tư. Ở câu (3), từ “khi” có thanh **bằng** để đối lại từ “lúc” có thanh **trắc** trong câu (4).
- Những câu đối nhau: 3 và 4, 5 và 6 làm tăng thêm nhạc điệu của bài thơ.
- “cái” và “vẽ” diễn tả ý tác giả muốn biến “tương tư”, một danh từ trừu tượng thành một danh từ cụ thể.
- Trong câu 7, từ “một” được lặp lại ba lần để diễn tả sự cô đơn, sự chia lìa.

Ngữ Pháp

Bài tập 3

Thêm **chủ từ thiếu** vào các câu 2, 3, 4, 5, 6, 8 của bài thơ *Tương Tư*. (Xem lại phần *Ngữ Pháp bài Bên Lò Sưởi, Nửa Chừng Xuân*.)

- Câu 2: Muốn vẽ mà chơi vẽ được nào?
 Câu 3: Khi thì đứng, khi thì ngồi, khi nói chuyện,
 Câu 4: Lúc thì say, lúc thì tỉnh, lúc thì chiêm bao.
 Câu 5: Trăng soi trước mặt thì ngờ chân bước.
 Câu 6: Gió thổi bên tai thì ngỡ miệng chào.
 Câu 8: Tương tư không biết cái làm sao.

Bài tập 4

Thêm **chủ từ thiếu** vào bài thơ sau đây:

Đêm qua ra đứng bờ ao,
 Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ.
 Buồn trông con nhện giăng tơ,
 Nhện ơi nhện hỡi nhện chờ mối ai?

Buồn trông chênh lệch sao mai,
Sao ơi, sao hỡi, nhớ ai sao mờ.
Đêm đêm tưởng giải ngân hà,
Ngôi sao tinh đầu đã ba năm tròn.
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn,
Tào Khê nước chảy hãy còn tro tro.

Bài tập 5

1. Tìm các cặp câu thơ đối trong bài *Tương Tư*.
2. Hãy chứng minh tác giả đã dùng phép điệp ngữ trong bài *Tương Tư*.

Độc Hiểu

Bài tập 6

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Tại sao gọi là tương tư?
2. Khi muốn vẽ “tương tư” thì tác giả có ý nghĩ gì về căn bệnh đó?
3. Từ phản nghĩa của “say” là gì?
4. Tại sao “say”, “tỉnh” và “chiêm bao” có họ hàng với nhau?
5. Tại sao cả ba từ say, tỉnh và chiêm bao đều được xem là động từ?

Tập Làm Văn

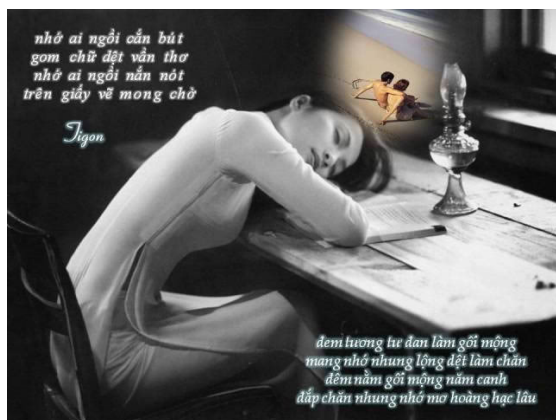
Bài tập 7

Hãy chứng minh trong thế giới vật chất, văn minh tiến bộ như ngày nay không có những người mắc bệnh tương tư bi lụy như ngày xưa nữa. Hãy viết một đoạn văn từ 6 đến 8 câu về đề tài này.

Gợi ý:

- Giao thông, liên lạc phát triển
- Cộng đồng xã hội mở rộng
- Nhiều phương tiện giải trí
- Người, vật thay thế dễ tìm kiếm
- Ít có vấn đề lý-tưởng-hoá

Nói Với Nhau



Bất chợt cơn gió thoảng qua, một chiếc lá vàng rơi. Cô bé cứ mãi nhìn theo chiếc lá, lòng lại rung rung xúc động. Cô không hiểu tại sao cô cảm thấy thật buồn. Đang giờ sử học mà cô bé cứ mộng mơ đầu đó. Thầy giáo huyền thuyên bất tận về những cuộc chiến tranh thời xa xưa nhưng cô bé thì chỉ lo về cuộc nội chiến trong lòng.

Hắn bệnh đã ba hôm rồi. Không hiểu sao đang khoẻ ron lại đổ bệnh. Hắn nằm liệt giường suốt. Hắn không hiểu lý do gì mà trong khi tỉnh khi mê, hình ảnh người ấy lại cứ ần hiện. Tại sao vậy?

Chẳng lẽ hắn ghét người ấy đến độ nằm ác mộng. Người gì mà vô duyên dễ sợ. Suốt ngày người ấy cứ sai hắn làm đủ mọi việc. Đã vậy, người ấy chẳng bao giờ cảm ơn mà còn chỉ trích hắn suốt. Hắn bức tức lắm nhưng không hiểu sao không bao giờ dám cãi lại người ấy.

Chẳng lẽ hắn giận cô. Bữa trước cô chỉ la hắn có chút xiu thôi. Người sao nhỏ nhất ghê! Biết như thế thì cô đâu thềm tốn công sức để mà la. Thiệt là bức! Chết đâu chết quách cho rồi! Lần này cô quyết không thềm nói chuyện với hắn. Làm như cô cần hắn lắm vậy. Biết bao nhiêu anh chàng muốn cô sai cô bảo. Còn hắn, được cô la cô bảo là hân hạnh lắm, vậy mà không biết còn tỏ vẻ hống hách nữa.

Mấy hôm nay hắn thấy nhớ nhớ sao ấy. Không lẽ hắn lại nhớ đến cái bà chằn ấy. Chắc không phải đâu! Có lẽ bị la riết thành quen nên giờ thấy có chút trống vắng. Chắc chỉ thế thôi! Ai đâu đi thích cái người gì mà dữ ời là dữ đó!

Tập Nói Chuyện

1. Theo em, tại sao cô gái buồn?
2. Theo em, tại sao người con trai lại mơ thấy người con gái?
3. Lý do nào mà người con trai lại để người con gái sai vặt?

Tập Viết Văn

Hãy viết một đoạn đối thoại giữa người con trai và người con gái khi người con trai đi học lại.

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

*Tình vui trong phút giây thôi,
Ý sâu nuôi suốt đời.*

(Tình Khúc Thứ Nhất)
Vũ Thành An

Chuyện xưa kể rằng:



Có một anh chàng đánh cá, mồ côi cha mẹ tên Trương Chi. Chàng có tài thổi sáo tuyệt vời và đêm đó trên giòng sông vắng, tiếng sáo trầm bổng và du dương của chàng đã đưa hồn My Nương, con gái quan tể tướng, vào cõi mộng. Nàng say mê theo dõi từng điệu nhạc. Dưới ánh trăng huyền hoặc tiếng sáo như quyến vào hồn nàng và trong giây phút nàng cảm nhận sự hoà hợp tuyệt vời giữa con người, âm nhạc và thiên nhiên. Từ dạo đó nàng tương tư tiếng sáo dịu dặt của Trương Chi và lâm bệnh nặng. Để trị bệnh cho con gái, quan tể tướng cho vời chàng nghệ sĩ tài ba vào. Vừa nghe lại tiếng sáo quen thuộc nàng liền hết bệnh nhưng cũng khi vừa gặp mặt chàng, niềm đam mê trong lòng My Nương vụt tan biến. Từ lần gặp gỡ ấy, Trương Chi không thể nào quên được hình ảnh My Nương. Mỗi tình cảm lặng đó làm chàng nhuốm bệnh nặng và qua đời. Mãi lâu sau trái tim Trương Chi kết thành một khối ngọc và được người thợ đá đẽo thành một chung trà dâng tặng quan tể tướng. Khi My Nương rót nước vào chung trà hình ảnh Trương Chi liền hiện ra dưới đáy và vắng vắng đâu đó nàng nghe lại tiếng sáo ngày xưa. Tình cảm và hoài niệm dâng tràn khiến nàng cảm động khóc và khi một giọt lệ lặng lẽ rơi xuống, kỳ diệu thay, chung ngọc liền tan rã.

*Thần tiên gãy cánh đêm xuân
Bước lạc sa xuống trần.
Thành tình nhân đứng giữa trời không
Khóc mộng thiên đường.*

(Tình Khúc Thứ Nhất)
Vũ Thành An

Andrew: Câu chuyện tình này thật lãng mạn và lạ phải không Tina? Nhưng anh quên tại sao My Nương khi gặp Trương Chi liền hết yêu?

Tina: Đó là vì Trương Chi quá xấu trai. Anh nên nhớ vào thời xa xưa ấy, quan tể tướng có thể ban cho Trương Chi quyền cao chức trọng để anh ta được môn đăng hộ đối với ngài nhưng ngoại hình là một cái gì người ta không thể sửa đổi được. Lý do đơn giản là vào thời kỳ đó chưa có khoa giải phẫu thẩm mỹ.

Andrew: Đúng lắm, và nếu My Nương chấp nhận sự hoà hợp vào âm nhạc, vào tâm tình của Trương Chi, thì chất thơ trong cuộc tình này là sự kết nối của hai tâm hồn cùng yêu âm nhạc mà thôi.

Tina: Không hẳn như vậy. Như anh thấy đó Trương Chi đã đưa cuộc tình của mình lên một bình diện khác thường, vượt qua sự sống chết. Khi anh từ già cõi đời, con tim của anh đã không tan rã với thời gian. Nó tự cho mình một hình thái mới, một cuộc

sống mới, bền vững và quý giá hơn như để nhắc nhở với người đời về mối tương tư muôn thuở của Trương Chi, về sự bất tử của linh hồn và tiếng sáo kỳ diệu.

Andrew: Việc My Nương say mê tiếng sáo tức tài năng của Trương Chi nhưng lại không chấp nhận ngoại hình xấu xí của anh có lẽ khiến anh buồn tủi và chán nản cuộc đời. Nhưng anh từ chối thua cuộc và chỉ thật sự ra đi khi My Nương công nhận mối tình si. Quả là một người lãng mạn và kiên nhẫn. Nhưng Tina ơi, thế nào là tương tư? Nếu anh tương tư em thì anh sẽ ra sao?

Tina: Đầu óc anh sẽ chỉ quay cuồng với hình ảnh của em. Anh sẽ vui buồn bất thường, cười nói bâng quơ, có người sẽ tưởng anh mất dây.

Andrew: Từ đó anh sẽ biết làm thơ, viết văn dưới trăng và đứng trong mưa chờ em tan học về.

Tina: Anh sẽ nhìn em qua lăng kính thần tượng. Nhà văn Stendhal của Pháp gọi đó là crystallization (love). Có một hôm ông đi ngang qua một mỏ muối và thấy nhánh cây trụi lụi lần gặp trước nay đã được phủ kín bởi một lớp muối trắng xóa. Dưới ánh nắng mặt trời, sự kết tinh của những hạt muối nổi bật lên, lóng lánh như kim cương và dĩ nhiên đẹp vô cùng. Ông đưa hình ảnh đó để giải thích tâm lý một con người đang tương tư. Nếu người đó là anh thì anh sẽ “kết” vào em những hình ảnh và đức tính đẹp mà em không hề có. Những cái hay của em sẽ được anh phóng đại lên và cái dở được vá vúi, biện minh để thành ra cái hay. Trí tưởng tượng của anh sẽ kết tinh lại và phủ lên người em các hình ảnh rực rỡ ấy giống như những hạt muối long lanh dưới ánh mặt trời.

Andrew: Vậy tương tư là một cái bệnh, do đó Trương Chi và My Nương phải chết lên chết xuống vì nó. Hay là em thử tương tư anh đi...

Tina: Không được đâu, em đang tương tư các tình khúc của Vũ Thành An, nhất là bài *Tình Khúc Thứ Nhất*. Theo anh tại sao người kể chuyện lại hát và lồng nó vào câu chuyện tình này?

Andrew: Có lẽ vì đây là mối tình đầu cho cả Trương Chi và My Nương. Nó lại là một mối tình dang dở tựa như nội dung bài hát.

Tina: Còn phần thần tiên bước xuống trần để thành tình nhân của nhau? Trương Chi và My Nương là người phạm mà.

Andrew: À, cái này liên hệ đến triết lý Phật giáo theo đó con người ta gặp gỡ và yêu nhau là do có nhân duyên đời trước. Trương Chi và My Nương hẳn đã là tình nhân của nhau từ một thuở xa xưa nào đó nên đời này khi gặp lại, họ tương tư nhau đến như thế.

Tina: Ý này hay hay. Anh hát cho em nghe đoạn cuối của bài *Tình Khúc Thứ Nhất* đi.

Andrew: ...Đường về quê xa lắc lê thê,
Trót nghe theo lời u mê,
Làm tình yêu vô cánh bay cao,
Nhưng còn dăm phút vui trần thế.

Tina: Trong bài hát này đôi tình nhân phản bội nhau nên tình của họ không thể sánh với Trương Chi được. Anh muốn em tương tư anh mà anh có tài thổi sáo không?

Andrew: Anh chơi ghi ta hết xẩy, hiền lành mà lại đẹp trai nữa. Được chưa?

Tina: Để em suy nghĩ thêm, anh còn mục gì nữa không?

Bài tập 8

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Người kể chuyện bắt đầu bằng hai câu lấy từ bài *Tình Khúc Thứ Nhất* của Vũ Thành An. Em hiểu hai câu ấy ra sao và đoán sự liên hệ của nó với truyện Trương Chi My Nương như thế nào?
2. Hãy tóm tắt chuyện tình Trương Chi My Nương.
3. Quan tể tướng trị bệnh cho con gái bằng cách mời Trương Chi vào gặp My Nương. Em có nhận xét gì về cách trị bệnh này của quan tể tướng?
4. My Nương chú trọng đến ngoại hình. Theo em thế nào là một ngoại hình đẹp cho phái nam và phái nữ?
5. Trương Chi xấu trai nên tình cảm bị khước từ. Em có chấp nhận việc giải phẫu thẩm mỹ như là một phương thức làm tăng vẻ đẹp của mình không? Giải phẫu thẩm mỹ cho nam giới thì sao? Phẫu thuật nào được ưa thích nhất hoặc lạ đời nhất?
6. Em nghĩ gì về nhận xét sau đây:
“Con dao của nhà phẫu thuật chỉ có thể tạo ra một cái đẹp đồng loạt, rẻ tiền. Những dị biệt làm nên đặc thù, đặc tính của một cá nhân biến mất, nhường chỗ cho một sự na ná đến rợn người.”
7. Người xưa thường nói “trai tài, gái sắc”. My Nương xem ra là một ngoại lệ, em nghĩ gì về quyết định của nàng? Câu “trai sắc, gái tài” có làm em ngạc nhiên không?
8. Đoạn cuối của truyện Trương Chi My Nương có gì lạ? Em hãy phân tích tâm lý của hai nhân vật vào lúc đầu, giữa và cuối câu chuyện.
9. Thuyết crystallization (love) của nhà văn Stendhal bắt nguồn từ sự kiện gì? Nó giải thích hiện tượng tương tư ra sao?
10. Phật giáo có một giải thích đặc biệt về tâm lý tương tư. Đó là gì?
11. Hãy sưu tầm và kể ra một câu chuyện về tương tư trong các nền văn chương hoặc văn hoá khác. Nó khác với truyện Trương Chi My Nương như thế nào?
12. Em hãy viết lại truyện Trương Chi My Nương bằng cách thay đổi các tình tiết trong câu chuyện cũng như đoạn cuối của nó.
13. Em hãy nghe qua bài *Tình Khúc Thứ Nhất* của Vũ Thành An. So sánh mỗi tình trong đó với mỗi tình Trương Chi My Nương.

Tục Ngữ và Ca Dao

1. Yêu trộm nhớ thầm.
2. Cầm lược thì nhớ tới gương,
Cầm khăn nhớ túi, đi đường nhớ nhau.
3. Bóng trắng em ngỡ bóng đèn,
Gió đưa em ngỡ... bên thềm anh qua.
4. Mình về mình nhớ ta chăng?
Ta về ta nhớ hàm răng mình cười.
5. Nhớ ai như nhớ thuốc Lào,
Đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên.
6. Nhớ ai ra ngẩn vào ngơ,
Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai.

Bệnh Tương Tư



Tương tư là một trạng thái tâm hồn cực kỳ kỳ cục. Như mọi trạng thái tâm thần khác, nó là hậu quả hay kết quả của một tình cảm bất thường, hào hứng và nguy hiểm nhất: Tình yêu! Có yêu người ta mới tương tư! Không yêu, người ta chẳng thèm dòm mắt, chẳng thèm để ý cho mệt. Thêm một chi tiết nữa là người ta chỉ tương tư khi tình yêu chưa được thoả mãn, bị thiếu thốn rất nhiều hay hơn nữa: bị từ chối. Tương tư trở thành căn bệnh. Đã là bệnh thì không kể già, trẻ, lớn bé, nam nữ hay đen trắng. Trái tim còn đập thình thịch trong ngực là người ta còn có thể mắc bệnh tương tư.

“Nắng mưa là bệnh của trời, Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.” Gặp mặt nhau, chưa biết nàng bằng lòng mình chưa, chàng cứ thấy trái tim mình thôi thúc, kêu réo âm ỉ: - Đứng tần số

rồi, đứng đối tượng rồi, yêu đi thôi! Yêu đi thôi! Chàng làm sao được bây giờ ngoài việc làm cho sự thôi thúc trong lòng được đáp ứng. Chàng tìm cách gần gũi người mơ, nói cho người ta biết rằng chàng đang yêu và tìm cách cho nàng yêu chàng. Dịp may, gặp nàng bên đường trong một đêm trăng, chàng thủ thỉ hỏi han: *“Hồi cô tát nước bên đàng, Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?”* Từ ánh trăng vàng rực rỡ trên dòng sông, long lanh chiếu trong chiếc gầu sòng của nàng rồi hắt ra thành một giải lụa bạc trải dài trên đồng lúa của một đêm trăng, chàng về nhà, nhớ trăng, nhớ nước, nhớ người mà ngẩn ngơ tự hỏi: *“Nước non một gánh chung tình. Nhớ ai, ai có nhớ mình hay chăng?”* Riêng chàng, chàng nhớ lắm. Nhớ từ ánh trăng vàng mờ mờ tới nụ cười e thẹn với núm đồng tiền trên má bởi vì đâu dễ tìm được người trong mộng. Chàng đã đi hết lục tỉnh Nam Kỳ mới bắt gặp được người mơ: *“Trên rừng có cây bông kiếng. Dưới biển có cá hoá long. Con cá lòng tong ẩn bóng ẩn rong. Anh đi lục tỉnh giáp vòng. Tới đây trời khiến đem lòng thương em!”* Chàng nhớ nhưng lắm, chàng “thương” lắm nhưng chàng hông dám nói ra: *“Thò tay anh ngắt cọng ngò, Thương em đứt ruột, giả dờ ngó lơ!”* Chàng chỉ dám hỏi bằng quơ để coi người ta có chịu trả lời mình không: *“Lá này là lá soan đào, Tương tư gọi nó thế nào hồi em?”* Lỡ nhưng nhớ, lỡ tương tư, bây giờ lại phải xa nhau, nỗi đau khổ sao cho hết: *“Đứt tay mấy chút chẳng đau. Xa em một chút như dao cắt lòng.”* Yêu nhau rồi, không thể nào chịu được chia xa, nó in hệt dao cắt lòng chàng. Chàng nhất định phải được cùng nàng nên chồng vợ. Dù cha mẹ rầy la, đánh mắng thì chàng cũng xin chịu chết để được gần nàng: *“Anh thương em trâu hết lá lươn. Cau hết nửa vườn cha mẹ nào hay. Dầu mà cha mẹ có hay. Nhất đánh nhì đầy hai lẽ mà thôi. Giùm vàng để đó em ơi. Chết thì chịu chết, lia đôi anh không lia!”*

Nhớ nhưng, thương nhớ làm chàng thức suốt đêm dài. Chàng tơ tưởng được thở than cùng nàng, được thề thốt một đời chung thủy. Chập chờn hết đêm, chàng giật mình tỉnh dậy, thấy mình vẫn một mình: *“Bước sang canh một, anh thắp ngọn đèn vàng. Chờ con bạn ngọc thở than đôi lời. Canh hai vật đổi sao dời. Tỉnh sao nàng tỉnh trọn đời thủy chung. Canh ba cờ phát trống rung. Mặc ai, ai thắng, ai thua mặc ai. Canh tư hạc đậu cành mai. Sương sa lác đác khói bay mịt mờ. Canh chầy tơ tưởng, tưởng tơ. Chiêm bao thấy bậu, dậy rồi chiếu không.”* Đêm ngủ không yên, ngày tơ tưởng mặt, lòng nặng trĩu sầu tương tư. Chàng nhớ lắm. Ở nơi nào đó, nàng đang ngồi bên song cửa, chàng muốn hỏi ai kia rằng lòng nàng có như tấm lòng chàng? Có thấy cô

đơn, có cần người chia sẻ, có thất theo đợi chờ? *“Ngồi tựa song đào. Hỏi người tri kỷ ra vào vấn vương? Gió lạnh đêm trường. Nửa chăn, nửa chiếu, nửa giường chờ ai?”*

Chàng nặng lòng đến thế. Còn nàng, từ ngày ăn miếng trầu cay cũng đâm ra thần thờ, nhớ nhớ, quên quên. *“Từ ngày ăn phải miếng trầu. Miếng ăn, môi đỏ, dạ sầu đâm chiều. Biết là thuốc dẫu, bùa yêu. Làm cho khúc mắc nhiều điều xót xa, Làm cho quên mẹ quên cha. Làm cho quên cả đường ra lối vào. Làm cho quên cả dưới ao. Quên sông tắm mát, quên sao trên trời.”* Chàng tương tư ai đó thì cũng có người đang nhớ nhớ, thương thương ai. Để che dấu những tình cảm của mình, người ta đã phải dối mẹ, dối cha: *“Thương nhau cởi áo cho nhau. Về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay. Tại mẹ may áo rộng tay. Con quen gió mát, áo bay mất rồi.”*

Cảnh vật quen thuộc, yêu dấu chung quanh, đâu đâu cũng có bóng hình: *“Qua đình ngả nón trông đình. Đình bao nhiêu ngói, thương mình bấy nhiêu. Qua cầu ngả nón trông cầu. Cầu bao nhiêu nhịp, dạ sầu bấy nhiêu.”* Khi trang điểm, lúc đứng ngồi, lòng càng xót xa thương nhớ: *“Cầm lược thì nhớ đến gương. Ôm chăn nhớ chiếu! Nằm giường nhớ...ai?”*

Nhớ thương làm người ta ngủ không yên, ăn không được, quay quắt nhớ miếng trầu ngày nào: *“Một thương hai nhớ ba sầu. Cơm ăn chẳng được ăn trầu cảm hơi.”*

Chiếc khăn, ánh đèn, đôi mắt cũng hòa nhau mà... nhớ thương mãi người nào đó: *“Khăn thương nhớ ai, khăn rơi xuống đất? Khăn thương nhớ ai, khăn vắt lên vai? Khăn thương nhớ ai, khăn chùi nước mắt? Khăn thương nhớ ai, khăn giặt để vai? Đèn thương nhớ ai mà đèn không tắt? Mắt thương nhớ ai mắt ngủ chẳng yên?”*

Lễ giáo bắt người con gái phải kín đáo, phải thụ động nên tình yêu càng lặng động, nỗi tương tư càng chua xót vì không dám cùng ai chia sẻ, tỏ bày: *“Anh buồn có chôn thở than. Em buồn như ngọn nhang tàn thấp khuya!”*

Ngắm gió, nhìn mây, thấy mình không được như con chim, con cá và nàng trông ngóng mãi một bóng hình: *“Con chim buồn, con chim bay về cội. Con cá buồn, con cá lội trong sông. Em buồn, em đừng em trông. Ngõ thì thấy ngõ, người không thấy người!”* Trông gần rồi lại ngó xa mà bóng hình ai vẫn biên biệt: *“Ngày ngày em đứng em trông. Trông non, non ngát, trông sông, sông dài. Trông mây, mây kéo ngang trời. Trông trăng, trăng khuyết, trông người, người xa...”* Trời, mây, non nước vẫn chỉ mãi một màu nhạt nhoà cho trắng cô đơn, cho hoa buồn bã: *“Vì mây cho núi lên trời. Vì cơn gió thổi, hoa cười với trăng. Vì sương cho núi bạc đầu. Vì cơn gió mạnh cho râu rĩ hoa. Vì mây cho núi lên cao. Mây còn mờ mịt, núi nhoà mờ xanh.”* Bao lâu nữa nàng sẽ cô đơn, sẽ bạc đầu như ngọn núi dưới sương tuyết, thời gian? *“Non xanh bao tuổi non già? Vì chưng sương tuyết hoá ra bạc đầu?”*

Tương tư vì xa cách hay không được đáp ứng để mình mãi băng khuâng nhưng không đau đớn, đắng cay bằng bị phụ tình: *“Lá khoai anh ngỡ lá sen. Bóng trắng anh ngỡ bóng đèn anh khêu!”*

Người yêu đã một thời thề thốt nay ngoảnh mặt, quay lưng để chàng tiếc công yêu đương, thương nhớ: *“Cầm vàng mà lội qua sông. Vàng rơi không tiếc, tiếc công cầm vàng!”* Người ta phụ mình chỉ vì cái nghèo đeo đuổi, vậy mà ngày đó có người đã hẹn biển, thề non. Chàng tiếc cho một mối tình và cũng tiếc cho một lần lỡ tin yêu: *“Ai phụ tôi đất trời chứng giám. Phận tôi nghèo đâu dám phụ ai. Tương giếng sâu tôi nối sợi dây dài. Ngờ đâu giếng cạn, tiếc hoài sợi dây!”* Biết người ta phụ bạc rồi, sao lòng mình cứ xót xa, tiếc nuối rồi mãi ước ao, năn nỉ: *“Đờn cò lên trức kêu vang. Qua còn thương bậu, bậu khoan có chồng. Muốn cho đây đây đạo đồng. Qua đây thương bậu hơn chồng bậu thương.”* Không, con người mình đêm ngày nhớ thương, muốn cả đời gắn bó đã nhất định làm con chim hót mãi trong lồng! Nhưng... ước chi, một ngày nào đó, con chim sẽ được xỏ lồng: *“Chim khôn mắc phải lưới hồng. Hễ ai gỡ được đèn công lạng vàng. Anh rằng anh chẳng lấy vàng. Hễ anh gỡ được thì nàng lấy anh.”*

Chàng đã yêu, chàng đã đau đớn vì yêu. Nàng có hay cho mối tình chung thủy, gắn bó một đời của chàng hay nàng nhất định chia tay, theo chồng xa xứ, để lại một người thương nhớ, khóc đau: *“Đế kêu dưới đồng phân rom. Tui xa người nghĩa bưng chén cơm khóc ròng.”* Chàng sẽ ngày ngày tương tự người phụ ngãi mà tự hỏi và trách hoài người ra đi: *“Chồng gần không lấy. Bậu lấy chồng xa. Mai sau cha yếu, mẹ già. Chén cơm, đôi đũa, kỷ trà ai dùng?”*

Nếu chẳng phải tự nàng phụ bạc mà tại mẹ cha rẽ thủy, chia duyên thì niềm cay đắng lại thêm nhiều phần chua xót, tủi nhục: *“Tiếc thay bác mẹ nhà nàng. Cầm cân không biết là vàng hay thau. Thật vàng chẳng phải thau đâu. Mà đem thử lửa cho đau lòng vàng!!!”*

Nỗi đau này ai thấu cho ai? Có chăng là những người cùng cảnh đã lỡ một chuyến đò tình để mắc bệnh tương tư?

Kathy Trần
Nguồn: e-cadao.com

Bà Huyện Thanh Quan

Bà Huyện Thanh Quan tên thật là Nguyễn Thị Hinh, người phường Nghi Tàm, huyện Vĩnh Thuận, gần Hồ Tây, Hà Nội. Cha bà là Nguyễn Lý (1755-1837), đỗ thủ khoa năm 1783, đời vua Lê Hiển Tông. Bà là học trò của danh sĩ Phạm Quý Thích (1760-1825), và là vợ Lưu Nghi (1804-1847), người làng Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Nội). Ông đỗ cử nhân năm 1821 (Minh Mệnh thứ 2), từng làm tri huyện Thanh Quan (nay là huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình), nên người ta thường gọi bà là Bà Huyện Thanh Quan. Chồng bà làm quan đến chức Bát phẩm bộ Hình, nhưng mất sớm năm ông mới 43 tuổi.

Dưới thời vua Minh Mạng, bà được vời vào kinh giữ chức Cung Trung Giáo Tập để dạy học cho các công chúa và cung phi.

Khoảng một tháng sau khi chồng mất, bà lấy cớ sức yếu xin thôi việc, rồi dẫn bốn con về lại Nghi Tàm và ở vậy cho đến hết đời.

Năm 1870, ở Nghi Tàm nổ ra cuộc đấu tranh chống lệ nộp chim sâm cầm, một đặc sản của vùng này. Theo Ngọc phả (ghi nhận công đức của những người có công với dân làng), thì chính Bà Huyện Thanh Quan đã thảo đơn cho dân gửi lên vua, nhưng vì phục tài đức của bà nên quan huyện Hoàn Long đã phớt lờ đi.

Bà Huyện Thanh Quan sáng tác không nhiều, hầu hết là những bài thơ viết bằng chữ Nôm, theo thể thất ngôn bát cú Đường luật. Tác phẩm của bà gồm những bài sau:

1. *Thăng Long Thành Hoài Cổ*
2. *Qua Chùa Trấn Bắc*
3. *Qua Đèo Ngang*
4. *Chiều Hôm Nhớ Nhà*
5. *Nhớ Nhà*
6. *Tức Cảnh Chiều Thu*
7. *Cảnh Đền Trấn Võ*
8. *Cảnh Hương Sơn*

Tuy nhiên, theo nhà nghiên cứu Đỗ Lai Thuý thì 4 bài đầu hoàn toàn chính xác của Bà Huyện Thanh Quan bởi có sự thống nhất từ tư tưởng đến phong cách nghệ thuật. Bài thứ 5 (*Nhớ Nhà*), như là một dị bản của *Chiều Hôm Nhớ Nhà*. Hai bài 6, 7 không giống phong cách Bà Huyện Thanh Quan mà giống phong cách bà Hồ Xuân Hương hơn nên ông cho rằng Bà Huyện Thanh Quan không phải là tác giả hai bài thơ này. Bài thơ *Cảnh Hương Sơn* cũng vậy.

Tóm lược tác phẩm

Khi trở lại thăm thành Thăng Long, tác giả cảm thấy đau lòng trước cảnh điêu tàn, hoang phế.

Thăng Long Thành Hoài Cổ

1. **Tạo hoá** gây chi cuộc **hí trường**,
2. Đến nay **thảm thoát** mấy **tinh sương**.
3. Lối xưa xe ngựa hồn **thu thảo**,
4. Nền cũ **lâu đài** bóng **tịch dương**.
5. Đá vẫn **trơ gan** cùng **tuế nguyệt**,
6. Nước còn cau mặt với **tang thương**.
7. Ngàn năm gương cũ soi **kim cổ**,
8. Cảnh đây người đây **luống đoạn trường**.

Bà Huyện Thanh Quan



Sinh Hoạt

Nghe bài hát “Nhớ Nhà” từ trong DVD Cẩm Ly rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Nhớ Nhà

Mạnh Đình

1. Căn nhà dấu yêu êm đêm trôi từng _____ năm
2. Lớn lên cách xa cho lòng nhớ nghe diết da buồn
3. Hoa Lài ngát hương sân nhà tôi đầy ánh _____
4. Sáo ai vút cao cho hồn theo gió lao _____.
5. Tôi rất muốn về ôm chặt mẹ dấu yêu, lòng tôi sao nhớ hoài kỷ niệm...
6. Nơi này phố đông nhưng lòng tôi nào có _____
7. Những đêm gió mưa tôi càng nhớ nghe xốn xang nhiều
8. Tôi thầm ước ao quay về nơi miền _____ xưa
9. Có cô gái quê áo bà ba mái tóc _____
10. Tôi rất muốn về ôn kỷ niệm _____ yêu. Lòng tôi rất nhớ nhà nhớ nhà.
11. Nhớ căn nhà xưa thời ấu thơ hay mộng mơ
12. Bao năm cách xa cánh diều cũ bay _____ xa
13. Nhớ dáng mẹ tôi đêm rất khuya vẫn ngồi đó
14. Vá cho đàn con từng chiếc áo _____ tôi
15. Nay dù cách xa nhưng lòng tôi vẫn thiết tha
16. Nhớ đôi mắt ai đêm ngày ngóng trông _____ tôi về
17. Tôi thầm ước ao như loài chim bay rất cao
18. Vút đôi cánh xa bay về nơi chốn quê _____.
19. Nhớ căn nhà xưa thời ấu thơ hay mộng mơ
20. Bao năm cách xa cánh diều cũ bay thật xa
21. Nhớ dáng mẹ tôi đêm rất khuya vẫn _____ đó
22. Vá cho đàn con từng chiếc áo tả tôi _____
23. Nay dù cách xa nhưng lòng tôi vẫn _____ tha
24. Nhớ đôi mắt ai đêm ngày ngóng trông bước tôi về
25. Tôi thầm ước ao như loài chim bay rất cao
26. Vút đôi cánh xa bay về nơi chốn quê nhà.

27. Tôi thầm ước ao như loài chim _____ cánh bay
 28. Vút đôi cánh xa bay về nơi chốn quê nhà.
 29. Chốn quê nhà.

Từ Vựng

1. tạo hoá	(dt.):	trời đất	<i>God, nature, creator</i>	(n.)
2. hí trường	(dt.):	sân khấu, nhà hát	<i>theater</i>	(n.)
3. tinh sương	(dt.):	tinh: sao, sương: sương giá. Chỉ thời gian một năm.	<i>one year of time</i>	(n.)
4. thu thảo	(dt.):	cây cỏ mùa thu	<i>autumn grass</i>	(n.)
5. lâu đài	(dt.):	cung điện, nơi ở của các bậc vua chúa	<i>imperial palace</i>	(n.)
6. trơ gan	(đt.):	phơi bày, thách thức	<i>to challenge, to expose to..., to display</i>	(v.)
7. tuế nguyệt	(dt.):	năm tháng	<i>years and months</i>	(n.)
8. tang thương	(dt.):	dâu bể, chỉ sự biến đổi của cuộc đời	<i>changes in life</i>	(n.)
9. tịch dương	(dt.):	ánh trời chiều	<i>twilight, setting sun</i>	(n.)
10. kim cổ	(dt.):	nay và xưa (kim: nay, cổ: xưa)	<i>history</i>	(n.)
11. đoạn trường	(tt.):	đau đớn, đứt ruột	<i>heart-rending</i>	(adj.)
12. luống đoạn trường		chỉ làm đau lòng thêm mà thôi		
13. thăm thoát	(đt.):	qua nhanh	<i>to pass by quickly</i>	(v.)
14. hoài	(tt.):	nhớ	<i>to miss</i>	(adj.)

Từ Hán-Việt

- | | |
|--|--|
| 1. hí: tuồng, kịch, xiếc
hí trường: rạp hát | trường: sân, nơi tụ họp |
| 2. tịch: buổi chiều, ban đêm
tịch dương: mặt trời sắp lặn ($\neq$ triêu dương: ánh mặt trời buổi sớm) | dương: ánh mặt trời |
| 3. tuế: năm | nguyệt: tháng |
| 4. đoạn: chặt đứt
đoạn trường: đau đớn như đứt từng khúc ruột | trường: ruột |
| 5. tinh: vì sao mỗi năm xoay một vòng
tinh sương: thời gian một năm | sương: giá mỗi năm sa xuống một lần |
| 6. hoài: nhớ ($\neq$ vong: quên) | |
| 7. tang: cây dâu
“Tang thương” xuất phát từ câu “Thương hải biến vi tang điền” nghĩa là “Biển xanh biến thành ruộng dâu”. Theo Thần Tiên truyện, Vương Phương Bình từ quan đi tu tiên, đắc đạo. Khi trở về, thấy cảnh vật thay đổi nhiều, hỏi ra mới biết từ khi ông đi đến nay, biển xanh đã ba lần biến thành ruộng dâu. | thương: màu xanh |

Bài tập 1

Giải nghĩa những từ sau đây:

- | | | |
|----------------|---|-------|
| 1. tạo hoá | = | _____ |
| 2. hí trường | = | _____ |
| 3. tịch dương | = | _____ |
| 4. tuế nguyệt | = | _____ |
| 5. tang thương | = | _____ |
| 6. đoạn trường | = | _____ |

Bài tập 2

Dựa vào các câu mẫu sau đây để đặt thành câu mới với các từ: **tạo hoá, hí trường, tinh sương, tang thương, đoạn trường**.

- Bà Thành trách **tạo hoá** sao bày chỉ sự đau khổ, phân ly.
_____ trách **tạo hoá** sao bày chỉ sự đau khổ, phân ly.
- Người ta nói cuộc đời như một **hí trường**.
_____ nói cuộc đời như một **hí trường**.

3. Nhờ học thơ cổ mà em biết từ **tinh sương** có nghĩa là thời gian một năm.
 Nhờ học thơ cổ mà _____ biết từ **tinh sương** có nghĩa là thời gian một năm.
4. Chiến tranh làm cho gia đình Lan trải qua bao cuộc **tang thương**.
 Chiến tranh làm cho gia đình _____ trải qua bao cuộc **tang thương**.
5. Nghe con than mà người mẹ cảm thấy **đoạn trường**.
 Nghe _____ mà _____ cảm thấy **đoạn trường**.

Bài tập 3

Ghép mỗi từ ở cột **B** với định nghĩa thích hợp ở cột **A**.

A	B
1. trời đất	a. tinh sương
2. đứt ruột	b. tang thương
3. sân khấu	c. tạo hoá
4. thời gian một năm	d. đoạn trường
5. cung điện	e. hí trường
6. ánh trời chiều	g. thu thảo
7. tuế	h. lâu đài
8. nguyệt	i. năm
9. sự biến đổi	k. tháng
10. cỏ mùa thu	l. tịch dương

Bài tập 4

Tìm từ phản nghĩa với những từ sau đây.

1. hoài	≠	_____
2. cổ	≠	_____
3. tịch dương	≠	_____
4. xưa	≠	_____
5. đầy	≠	_____

Phân Tích

A. Văn thể: Đây là một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

B. Đại ý: Thương tiếc triều đại cũ.

C. Bố cục của bài thơ bát cú Đường luật.

- Đề (câu 1-2): giới thiệu bài.
- Thực (câu 3-4): giải thích đầu bài.
- Luận (câu 5-6): bàn luận cho rộng nghĩa đầu bài.
- Kết (câu 7-8): tóm tắt ý nghĩa của bài.

D. Giải thích:

a. Đề (câu 1-2):

*“Tạo hoá gây chi cuộc hỉ trường,
Đến nay thấm thoát mấy tình sương.”*

Đã mấy năm không về thăm lại thành cổ, cảnh vật trước mắt làm tác giả bất trách ông trời sao làm cho cuộc đời biến đổi, giống như các vở tuồng trên sân khấu.

b. Thực (câu 3-4):

*“Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.”*

Về huy hoàng tráng lệ của kinh thành xưa nay không còn, chỉ còn lại nền lâu đài cũ, và lối xe ngựa đi phủ đầy cỏ dại. Dưới ánh trời chiều, sự hoang phế, thê lương của cảnh vật càng nổi bật.

Đối với “hồn thu thảo” là “bóng tịch dương”.

- “hồn thu thảo”: linh hồn của cây cỏ còn nhớ dấu xe ngựa ngày xưa.
- “bóng tịch dương”: ánh trời chiều soi rõ nền lâu đài cũ.

c. Luận (5-6):

*“Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt,
Nước còn cau mặt với tang thương.”*

Đá và nước đã được nhân cách hoá, chúng được tác giả dùng để gửi gắm tâm tư của mình. Một triều đại đã qua nhưng những nhân chứng vẫn còn đây. Đá vẫn một lòng chung thuỷ chống chọi với sự tàn phá của thời gian. Nước tỏ sự bất bình với những đổi thay trong cuộc đời.

d. Kết (7-8):

*“Ngàn năm gương cũ soi kim cổ,
Cảnh đây người đây luống đoạn trường.”*

Đứng trước cảnh hoang phế ngày nay, khi nghĩ đến thời vàng son đã qua, tác giả cảm thấy đau lòng nhiều hơn.

Bài tập 5

1. Thể nào là thơ thất ngôn bát cú Đường luật?
2. Hãy trình bày bố cục của bài thơ thất ngôn bát cú.

Ngữ Pháp

Câu Đối

Xét các câu sau đây:

1. Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
2. Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.

3. Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt,
4. Nước còn cau mặt với tang thương.

Về ý và **thanh**, câu 1 đối với câu 2; câu 3 đối với câu 4. Các câu trên gọi là **câu đối**.

Câu đối là những câu văn đi đôi với nhau thế nào cho ý, **từ** và **thanh bằng trắc** cân xứng nhau. Một câu đối thường có hai vế: **vế trên** và **vế dưới**. Từ cuối vế trên phải là tiếng **trắc**; từ cuối vế dưới phải là tiếng **bằng**. Khi đối ứng thì vế trên của người ra thì gọi là **vế ra**, còn vế dưới của người đối lại thì gọi là **vế đối**.

Câu **tiểu đối** là những câu đối có bốn từ trở xuống.

Trăng soi trước mặt ⇔ Gió thổi bên tai

Trong câu đối, về **thanh** thì trắc đối với bằng, hay ngược lại; về **từ loại** thì các từ đối nhau thì phải cùng từ loại, nghĩa là danh từ đối với danh từ, động từ đối với động từ, v.v...

Khi (trt) đứng (đt), khi (trt) ngồi (đt), khi (trt) nói chuyện (đt). => vế trên
b t b b b t t

Lúc (trt) say (đt), lúc (trt) tỉnh (đt), lúc (trt) chiêm bao (đt). => vế dưới
t b t t t b b

trắc: gồm những từ có dấu: sắc, hỏi, ngã, nặng; **bằng**: gồm những từ có dấu huyền hoặc không dấu.

Bài tập 6

Tìm **vế đối** ở cột **B** cho xứng với **vế ra** ở cột **A**.

- | A | B |
|-----------------------|-------------------------|
| 1. Tuấn đi học. | a. Mẹ chơi đàn. |
| 2. Cha thích bóng đá. | b. Tuấn lại biếng lười. |
| 3. Ba đọc báo. | c. Chị mãi thêu thùa. |
| 4. Nam thì chăm chỉ. | d. Mai ở nhà. |
| 5. Em lo nấu nướng. | e. Chú mê câu lông. |

Bài tập 7

Đối những vế sau đây:

1. Non sông xáo trộn.
2. Nhớ kẻ lạc loài.
3. Yêu mẹ mãi mãi.
4. Kính nhường bè bạn.
5. Gắng công học tập.

Bài tập 8

Dựa vào câu mẫu để áp dụng phép nhân cách hoá cho các con vật và đồ vật sau đây. (Xem phần Ngữ Pháp bài Nhớ Rừng)

Ví dụ: chiếc xe đạp: Tuy tôi chạy không nhanh bằng xe gắn máy nhưng các bạn trẻ vẫn dùng tôi để chờ nhau đến trường.

- | | |
|-----------------|----------------|
| 1. chiếc xe đạp | 6. cái đồng hồ |
| 2. bút chì | 7. cái giường |
| 3. cái mũ | 8. con chim |
| 4. con chó | 9. máy tính |
| 5. con mèo | 10. con ngựa |

Bài tập 9

Tìm các câu thơ được tác giả áp dụng phép nhân cách hoá trong bài *Trưa Hè*.

Trưa Hè

Dưới gốc đa già, trong vũng bóng,
Nằm mát, đàn trâu ngấm nghĩ nhai.
Ve ve rung cánh, ruồi say nắng;
Gà gáy trong thôn những tiếng dài.

Trời lơ cao vút không buông gió,
Đồng cỏ cào phô cánh lược hồng.
Êm đềm sóng lúa trôi trên lúa;
Nhạc ngựa đường xa rắc tiếng đồng.

Quán cũ nằm lười trong sóng nắng,
Bà hàng thừa khách ngả thiu thiu,
Nghe mồ hôi chảy đầm như tắm...
Đứng lặng trong mây một cánh diều.

Cảnh thưa, nắng tưới, chim không
đứng;
Quả chín bâng khuâng rụng trước hè.
Vải cô về chợ buông quang thúng,
Sửa lại vành khăn dưới bóng tre.

Thời gian dừng bước trên đồng vắng;
Lá ngập ngừng sa nhẹ lướt ao.
Như mơ đường khói lên trời nắng;
Trường học làng kia tiếng trống vào.



Độc Hiểu

Bài tập 10

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Hãy giải thích hai câu đề của bài thơ.
2. Hãy giải thích hai câu thực của bài thơ.
3. Hãy giải thích hai câu luận của bài thơ.

Tập Làm Văn

Bài tập 11

Tả một di tích lịch sử mà em có dịp đến thăm.

Nói Với Nhau

- Tùng:** Chiều nay đi qua đồi “Communication” chạy bộ nha. Sắp tới ngày chạy “marathon” rồi, không tập, đến khi đó thì khổ.
- Lân:** Ừ, chỗ đó tập được đó, có nhiều bậc thang. Tập khó một chút cho quen.
- Tùng:** Chỗ đó tập thể dục tốt thiệt. Nhìn mấy căn nhà mà thấy ham luôn.
- Lân:** Đẹp thì có đẹp, nhưng sao Lân thích cái đồi trống không lúc xưa. Nhớ hồi nhỏ tụi mình lên nhà vào ban đêm, đi lên đồi để bắt ma không?
- Tùng:** Có lần bị mẹ bắt, đánh đòn cho một trận. Mình hù gọi 911, mẹ tức còn đánh mình thêm. Mẹ đưa cái điện thoại cho mình mà mình có dám gọi đâu. Nhắc tới, mình cũng nhớ cái đồi hoang vu kia quá.
- Lân:** Tội nghiệp cho mấy đứa nhỏ sau này. Tụi nó đâu có được đi chơi rong trên đồi hoa dại giống tụi mình.
- Tùng:** Đôi khi mình còn chọc phá mấy cặp tình nhân ngắm cảnh thành phố giữa đồi hoa vàng thơ mộng này.
- Lân:** Lân nhớ Tùng còn thấy con chuột giả vào cô gái. Còn nhớ chuyện đó không?
- Tùng:** Nhớ chứ. Tội nghiệp cái anh chàng đang yêu, hình như bị cô bạn gái la quá xá. Mình thật báo hại đôi uyên ương kia.
- Lân:** Càng nhắc càng thấy tiếc. Nhà cửa đẹp nhưng mất đi cái hoang sơ ngày xưa.

Tập Nói Chuyện

1. Tùng và Lân định đi đâu?
2. Họ nhớ lại những gì?
3. Tại sao Tùng quăng con chuột giả vào cặp tình nhân kia?

Tập Viết Văn

Hãy viết một đoạn đối thoại giữa cô gái và người yêu sau khi cô bị giạt mình vì con chuột già.

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

Jinny: Khi khu Trung Tâm Thương Mại Thế Giới ở New York bị bọn khủng bố tấn công thì Alice được mấy tuổi?

Alice: Năm đó mình được 9 tuổi.

Jinny: Lúc đó Alice ở đâu? Có xem trực tiếp truyền hình cảnh Tháp Đôi bị tấn công không?

Alice: Hôm đó, Alice đang ở trong lớp. Cô giáo mở T.V. cho cả lớp xem. Mình nhớ cô giáo khóc, rồi một số bạn khóc theo. Lúc đó, Alice chưa hiểu nhiều nên không có buồn nhiều. Còn Jinny thì sao?

Jinny: Hôm ấy, Jinny nhớ là Jinny bệnh nên ở nhà. Bà ngoại và mẹ xem T.V. cũng khóc nữa, cứ ngỡ là tai nạn máy bay; sau mới biết là khủng bố tấn công.

Alice: Bây giờ Alice lớn rồi, nên hiểu và thương người Mỹ lắm. Alice cảm thấy xót xa cho những người chết trong vụ khủng bố, có người còn biết được tên tuổi, có người lại không thể tìm ra tung tích.

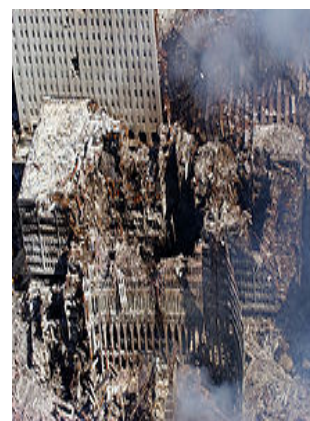
Jinny: Tội nghiệp người Mỹ, họ mở rộng vòng tay chào đón mọi người nhưng lại bị những kẻ vô ơn trà trộn vào và gây nên sự chết chóc, tang thương.

Alice: Ba mẹ mình nói đất nước Mỹ đã cru mang chúng ta nên chúng ta phải học giỏi, nên người để trả ơn những người đã mang đến cho ta cuộc sống tốt đẹp.

Jinny: Mình cũng nghĩ vậy. “*Uống nước nhớ nguồn*” là đạo lý của người Việt chúng ta xưa nay mà.



Tháp Đôi trước 9/11/2001



Tháp Đôi bị tàn phá

Bài tập 12

Chọn câu trả lời đúng nhất.

1. Khi khu Trung Tâm Thương Mại Thế Giới ở New York bị tấn công thì _____.
 - a. Alice được tám tuổi
 - b. Alice được chín tuổi
 - c. Alice sắp chín tuổi
 - d. Alice mới năm tuổi
2. Thoại đầu, ai ngỡ vụ tấn công là tai nạn máy bay?
 - a. Cô giáo Alice
 - b. Các bạn Alice

- c. Jinny
 - d. Bà ngoại và mẹ Jinny
3. Những người chết mà không biết được tên tuổi, chúng ta gọi là _____.
- a. vô danh
 - b. vô gia đình
 - c. vô nghề nghiệp
 - d. vô tổ quốc
4. Ba mẹ Alice khuyên Alice làm gì để trả ơn nước Mỹ?
- a. Gia nhập quân đội.
 - b. Không làm gì cả.
 - c. Học giỏi, nên người.
 - d. Ăn chơi, hưởng thụ.
5. Câu nào sau đây khác nghĩa với câu “*Uống nước nhớ nguồn*”?
- a. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.
 - b. Uống nước nhớ người đào giếng.
 - c. Ân đền, nghĩa trả.
 - d. Làm ơn mắc oán.

Bài Đọc Thêm

Hoàng Thành Huế

Hoàng Thành là vòng thành thứ hai bên trong Kinh thành Huế, có chức năng bảo vệ các cung điện quan trọng nhất của triều đình, các miếu thờ tổ tiên nhà Nguyễn và bảo vệ Tử Cấm Thành - nơi dành riêng cho vua và hoàng gia. Người ta thường gọi chung Hoàng Thành và Tử Cấm Thành là Đại Nội.

Hoàng Thành được xây dựng năm 1804, nhưng mãi đến năm 1833 đời vua Minh Mạng mới hoàn chỉnh toàn bộ hệ thống cung điện với khoảng hơn 100 công trình.

Hoàng Thành có mặt bằng gần vuông, mỗi bề khoảng 600m, xây bằng gạch, cao 4m, dày 1m, xung quanh có hào bảo vệ, có 4 cửa để ra vào: Cửa chính (phía Nam) là Ngọ Môn, phía Đông có cửa Hiển Nhơn, phía Tây có cửa Chương Đức, phía Bắc có cửa Hoà Bình. Các cầu và hồ được đào chung quanh phía ngoài thành đều có tên Kim Thủy.

Hoàng Thành và toàn bộ hệ thống cung điện bên trong được bố trí trên một trục đối xứng, trong đó trục chính giữ được bố trí các công trình chỉ dành cho vua. Các công trình ở hai bên được phân bố chặt chẽ trong từng khu vực, tuân thủ nguyên tắc (tính từ trong ra): “tả nam hữu



Ngọ Môn - Cổng chính của Hoàng Thành Huế

nữ”, “tả văn hữu võ”. Ngay cả trong các miếu thờ cũng có sự sắp xếp theo thứ tự “tả chiêu hữu mục” (bên trái trước, bên phải sau, lần lượt theo thời gian).



Mặc dù có rất nhiều công trình lớn nhỏ được xây dựng trong khu vực Hoàng Thành nhưng tất cả đều được đặt giữa thiên nhiên với các hồ lớn nhỏ, vườn hoa, cầu đá, các hòn đảo và các loại cây lưu niên toả bóng mát quanh năm. Mặc dù quy mô của mỗi công trình có khác nhau, nhưng về tổng thể, các cung điện ở đây đều làm theo kiểu “trùng lương trùng thiềm” (hay còn gọi là “trùng thiềm điệp ốc” - kiểu nhà kép hai mái trên một nền), đặt trên nền đá cao, via ốp đá Thanh, nền lát gạch Bát Tràng

có tráng men xanh hoặc vàng, mái cũng được lợp bằng một loại ngói đặc biệt hình ống có tráng men thường gọi là ngói Thanh Lưu Ly (nếu có màu xanh) hoặc Hoàng Lưu Ly (nếu có màu vàng). Các cột được sơn son thếp vàng theo mô thức long-vân (rồng-mây). Nội thất cung điện thường được trang trí theo cùng một phong cách nhất thi nhất hoạ (một bài thơ kèm một bức tranh) với rất nhiều thơ bằng chữ Hán và các mảng chạm khắc trên gỗ theo đề tài bát bửu, hay theo đề tài tứ thời.

(theo wikipedia)

Qua Đèo Ngang

Bước tới đèo Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi tiều vài chú,
Lác đác bên sông chợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.
Dừng chân đứng lại: trời non nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.

Bà Huyện Thanh Quan



Tóm lược tác phẩm

Bài thơ này nói về nỗi lòng của một người lữ khách khi tới đèo Ngang lúc hoàng hôn.

Sinh Hoạt

Nghe bài hát “Hội Nghị Diên Hồng” rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Hội Nghị Diên Hồng

Nhạc: Lưu Hữu Phước

Lời: Việt Tiên

1. Toàn dân! Nghe chẳng? _____ nguy biến!
2. Hận thù _____! Biên thù rung chuyển
3. Tuôn giãi _____ rền vang tiếng vó câu
4. Gây oán nghìn thu.
5. Toàn dân Tiên Long! Sơn hà _____!
6. Hận thù đảng đảng! Nên _____ hay _____?
7. Diên Hồng tau lên cùng mình để báo ân
8. Hỡi đâu tứ dân!
9. Kia vùng hồng trần lan trên đỉnh núi
10. Ôi _____! Khói kinh kỳ phôi phôi
11. Loa vang vang, chiếu ban truyền bốn hướng
12. Theo gió bay khắp miền sông núi réo đòi.
13. Lòng dân _____ nhìn non nước yêu quê hương
14. Giống anh hùng nâng cao chí lớn
15. Giống anh hùng đua sức tráng cường.
16. Ta lên đường lòng mang tau đến long nhan
17. Giòng Lạc Hồng xin thề _____ liều thân!

18. Đường còn dài
 19. Hồn vương trên quan tái
 20. Xa xa trông áng mây đầu non đồi
21. Trông quân _____ tàn phá non sông nhà
 22. Đoạt thành trì toan xéo giày lẫm miếu
 23. Nhìn bao quân Thoát lẩn xâm tràn nước ta
 24. Ôi sông núi nhà rền tiếng muôn dân kêu la
25. (Hỏi) Trước nhục nước nên hoà hay nên chiến?
 26. (Đáp) _____!
 27. (Hỏi) Trước nhục nước nên hoà hay nên chiến?
 28. (Đáp) Quyết Chiến!
29. Quyết chiến luôn
 30. Cứu nước nhà
 31. Nổi chí dân hùng anh
32. (Hỏi) Thế nước yếu lấy gì lo chiến chinh?
 33. (Đáp) _____!
34. (Hỏi) Thế nước yếu lấy gì lo chiến chinh?
 35. (Đáp) Hy Sinh!
36. Thề liêu thân cho _____
 37. Muôn Năm Lừng Uy!!

Từ Vựng

- | | | | |
|----------------------|--------------------------------|----------------------------------|------|
| 1. đèo | (đt.): đường đi ngang qua núi | <i>mountain pass</i> | (n.) |
| 2. bóng xế tà | (đt.): lúc hoàng hôn | <i>twilight</i> | (n.) |
| 3. chen | (đt.): len vào để chiếm chỗ | <i>to creep in, to jostle</i> | (v.) |
| 4. lom khom | (đt.): đi khom mình xuống | <i>to walk with bending back</i> | (v.) |
| 5. lác đác | (đt.): nằm rải rác | <i>to lie scatteringly</i> | (v.) |
| 6. rợ | (đt.): dân thiểu số ở miền núi | <i>montagnard</i> | (n.) |
| 7. tiều | (đt.): người đốn củi | <i>woodcutter, logger</i> | (n.) |
| 8. đau lòng | (đt.): xót xa trong lòng | <i>to be heart-rending</i> | (v.) |

9. **con quốc quốc** (dt.): con chim cuốc *moorhen* (n.)

10. **cái gia gia** (dt.): con chim đa đa *partridge* (n.)

Bài tập 1

Dùng những từ vựng đã học để ghép vào hình cho thích hợp.

		
1. _____	2. _____	3. _____
		
4. _____	5. _____	6. _____

Bài tập 2

Đặt câu với mỗi từ sau đây:

- | | |
|---------------|------------------|
| 1. đèo | 6. rợ |
| 2. bóng xế tà | 7. tiều |
| 3. chen | 8. đau lòng |
| 4. lom khom | 9. con quốc quốc |
| 5. lác đác | 10. cái gia gia |

Bài tập 3

Giải nghĩa những từ sau đây:

- | | | |
|---------------|---|-------|
| 1. bóng xế tà | = | _____ |
| 2. lác đác | = | _____ |
| 3. rợ | = | _____ |
| 4. tiều | = | _____ |
| 5. lom khom | = | _____ |

Bài tập 4

1. Tìm hai trạng từ được dùng như động từ.
2. Tìm từ tượng thanh diễn tả tiếng súc vật kêu.
3. Tìm câu đối với câu 3, với câu 5.

Phân Tích

A. Văn thể: Thất ngôn bát cú Đường luật

B. Đại ý: Lòng yêu nước của tác giả.

C. Giọng văn: Nghiêm trang

D. Giải thích:

1. Hai từ đầu tiên của câu 1 là hai tiếng trắc: “bước tới”. Do đó ta biết rằng bài thơ này theo “luật trắc”.
2. Hai từ “lom khom” và “lác đác” thường được dùng như là trạng từ chỉ thể cách (adverbs of manner), nhưng trong bài *Qua Đèo Ngang*, tác giả đã dùng như động từ.
 - **Lom khom** nghĩa là “đi lom khom” hay “bước lom khom”.
 - **Lác đác** nghĩa là “nằm lác đác”.
3. Tác giả tả cảnh từ gần đến xa. Khi vừa đến đèo Ngang, tác giả thấy cỏ cây hoa lá. Nhìn xuống chân núi thì thấy những chú tiều. Nhìn xa hơn, nhìn bên kia sông thì thấy các ngôi nhà của đồng bào Thượng.
cỏ cây, đá, hoa → vài chú tiều → rợ mấy nhà
4. Vài chú tiều, vài ngôi nhà của đồng bào Thượng chứng tỏ vùng đó rất là hoang vắng, dân cư thưa thớt.
5. Trước cảnh hoang vắng, tiếng chim kêu làm cho tác giả thấy “nhớ nước thương nhà”, và cảm thấy hoang vắng hơn.
6. Nhìn cảnh “trời, non, nước” tác giả cảm thấy thương nhà nhớ nước nhưng biết tỏ bày cùng ai, chỉ tự mình biết mà thôi.

Ngữ Pháp

Mỹ Từ Pháp: Phép Đảo Ngữ

Inversion

Xét các câu sau đây:

1. “**Lom khom** dưới núi tiều vài chú,”
2. “**Lác đác** bên sông rợ mấy nhà.”

Trong câu 1, thay vì nói: “Vài chú tiều lom khom dưới núi”, tác giả lại đưa từ “**lom khom**” ra đầu câu để nhấn mạnh ý lom khom.

Trong câu 2, thay vì nói: “Mấy nhà rợ lác đác bên sông”, tác giả lại đưa từ “***lác đác***” ra đầu câu để nhấn mạnh ý lác đác.

Với phép đảo ngữ, tác giả đã làm cho bức tranh thêm linh động: khách nhàn du phải chú ý đến dáng lom khom của mấy chú tiểu hay cảnh rải rác của mấy ngôi nhà bên sông.

Phép đảo ngữ là cách đảo lộn vị trí các từ trong câu để làm cho câu văn thêm mạnh nghĩa. Các từ nhấn mạnh thường được đưa ra đầu câu.

Ghi chú:

Hai từ “lom khom” và “lác đác” thường được dùng như là trạng từ chỉ thể cách (adverbs of manner), nhưng trong bài *Qua Đèo Ngang*, tác giả đã dùng như động từ.

- Lom khom nghĩa là “đi lom khom” hay “bước lom khom”.
- Lác đác nghĩa là “nằm lác đác”.

Bài tập 5

Viết lại các câu sau đây theo lối đảo ngữ.

1. Chiếc thuyền buồm lướt đi nhẹ nhàng.
2. Đoàn quân bước đi lặng lẽ như những bóng ma.
3. Trong giờ chia tay, họ nhìn nhau buồn bã.
4. Chiếc xe ngừng lại thình lình trên xa lộ.
5. Lá vàng rơi lác đác.

Bài tập 6

Viết lại các câu sau đây theo lối hành văn thông thường.

1. Lỡ chớm vài hàng tỏi,
Lơ thơ mấy khóm gừng.
2. Nghi ngút đầu ghềnh toả khói hương.
3. Lơ thơ tơ liễu buông mành.
4. Nao nao dòng nước uốn quanh,
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.

Độc Hiểu

Bài tập 7

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Đèo Ngang nằm ở đâu?
2. Tác giả tới đèo Ngang vào lúc nào?
3. Đứng trên đèo cao, tác giả đã nhìn thấy những hình ảnh gì?
4. Không chỉ nhìn cảnh, tác giả còn nghe những gì nữa?

5. Vì sao tác giả cho rằng con chim quốc kêu vì đau lòng nhớ nước?
6. Nghe con chim đa đa kêu “gia gia” tác giả cho rằng con chim có tình cảm gì?
7. Nhìn cảnh “trời, non, nước” tác giả cảm thấy như thế nào?

Bài tập 8

Đúng hay sai. Viết chữ **Đ** vào câu đúng; viết chữ **S** vào câu sai.

1. Đ S Đèo Ngang là quê hương của tác giả.
2. Đ S Đèo Ngang rất trơ trụi, chỉ toàn là đá.
3. Đ S Dân chúng sống bằng nghề đồn củi rất đông quanh vùng đèo Ngang.
4. Đ S Bên bờ sông chỉ có vài căn nhà của người thiểu số.
5. Đ S Khi nghe tiếng chim quốc và chim đa đa kêu, bà Huyện Thanh Quan nghĩ rằng hai loài chim ấy cũng biết nhớ thương nước nhà.
6. Đ S Xúc động trước cảnh bao la của trời đất, tác giả muốn chia sẻ nỗi lòng mình với mọi người.
7. Đ S Bài thơ này thuộc thể thơ Đường luật, thất ngôn bát cú.

Tập Làm Văn

Hãy viết một bài văn năm đoạn nói về một địa điểm hoặc nơi chốn mà em có dịp viếng thăm và nơi ấy đã để lại ấn tượng đẹp trong lòng em.

Nói Với Nhau

- Vân:** Má ơi! Con lấy xe đi nha?
Má Vân: Sáng sớm mà con đi đâu vậy? Má cần xe.
Vân: Ngày hôm qua má nói cho con mượn mà. Má đi xe con đi.
Má Vân: Xe con hư lên hư xuống, đi đâu được?
Vân: Trời ơi!?!?!
Ly: Ủa, tưởng “you” lấy xe của đi đi mà. Sao vậy?
Vân: Thì “me” cũng tưởng vậy, nhưng sáng nay má lại không cho.
Ly: Xe “you” lái tới Yosemite nổi không?
Vân: Đi rước hai đứa kia rồi hãy tính.
Linh: Ủa sao hai đứa “you” đi xe này?
Ly: Má Vân không cho mượn xe?
Linh: Ủ! Vậy có đi không?
Ly: Đi thì đi!

Ba Linh: Đưa nào lái xe vậy?

Vân: Dạ con, bác.

Ba Linh: Con lái xe cẩn thận nha? Có bao giờ lái lên núi chưa?

Vân: Dạ chưa.

Ba Linh: Lúc lên đèo, con nhớ lái xe chậm một chút, nếu không lọt xuống đèo cả đám đó.

Vân: Dạ. Con sẽ cẩn thận.

Em Linh: Thôi đi các chị, chào ba tụi con đi chơi.

Ly: Giờ sao? Vân lái được không?

Vân: “Điếc không sợ súng”, mấy “you” dám leo lên xe không?

Cả ba: Sợ gì?

Ly: Trời ơi! Đẹp quá! Lần đầu mới được thấy cảnh núi non hùng vĩ của nước Mỹ.

Em Linh: Ủ, đẹp quá mấy chị ơi. Chưa lên đến đỉnh mà đẹp thế này rồi.

Vân: Thấy người ta leo xuống kia kia. Thôi mình xuống đó chơi, sẵn cho máy xe nghỉ luôn.

Linh: Cẩn thận nha, coi chừng té. “You” lái xe mệt không? Lái nổi lên núi không?

Vân: Nhìn cảnh như vậy thì làm sao có thể về được? Nhìn cảnh này nhớ đến bài *Qua Đèo Ngang* quá!

Linh: Linh thấy đèo Ngang trong bài thơ ấy rất nên thơ, còn đèo Yosemite thì nhìn rất hùng vĩ. “You” nhớ bài thơ đó không?

Vân: Chỉ nhớ có hai câu đầu thôi.
“Bước tới đèo Ngang, bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.”

Linh: “Dồ xem mí đi” (Yosemite), nay đã đến.
Núi biếc, mây giăng, đẹp thướt tha!

Ly (cười): Trời đất! Dám nhại thơ người xưa nữa, nhưng thơ Bà Huyện Thanh Quan thì đi vào văn học sử, còn thơ của Linh chẳng biết nó đi đâu.

Vân: Đi chưa mấy “you”, còn phải lái về nữa, thơ với thần... Không ngờ quý vị cũng mơ mộng quá!

Em Linh: Ủ đi đi! Em thấy hình như trên đó còn đẹp hơn nữa.

Ly: Biết vui như vậy thì nên đi từ lâu rồi. “You” có bằng ba tháng mà giờ này mới chịu lái.

Vân: Muốn chết hay sao. Phải tập lái cho vững rồi mới dám đi xa. Nãy giờ run chết đi nè.

Linh: Vậy sao. “Me” thì chỉ sợ xe “you” chạy không nổi thôi.

Vân: Cho xe ngừng một chút.

Ly: Mới lái có nửa tiếng mà.

Vân: Hình như ngủ thấy mùi khét, ngừng lại cho chắc ăn.



Em Linh: Nãy giờ em thấy điện thoại công cộng ít lắm. Nếu hư xe mà cuốc bộ đến đó chắc chết luôn.

Tập Nói Chuyện

1. Em nghĩ xe của bốn bạn có đến được lâm viên Yosemite không?
2. Nếu xe của mấy bạn bị hư, ai sẽ là người đi đến điện thoại công cộng để gọi?

Tập Viết Văn

Viết một đoạn đối thoại giữa bốn bạn nếu họ có thể lái đến Half Dome.

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

Cô An: Các em cho cô biết ai là tác giả hai câu thơ:

*“Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.”*

Tâm: Thưa cô, đó là Bà Huyện Thanh Quan.

Cô An: Tâm giỏi lắm! Người xưa khi làm thơ hay đưa điển tích vào thơ của mình. Các em đã tìm hiểu điển tích trong hai câu thơ trên chưa?

Bảo: Thưa cô, theo như em biết vua nước Thục là Đỗ Vũ, khi xưa vì mê vợ của bầy tôi là Biệt Linh mà bị nổi loạn đến nổi mất nước. Thục đế chạy trốn vào rừng, quá đau buồn nên chết hoá thành con chim quốc còn gọi là chim cuốc. Hồn Thục đế quện vào con chim quốc mà kêu “quốc, quốc” như tiếng nuôi giang sơn đã mất.

Cô An: Đúng rồi! Còn có điển tích khác về con chim quốc. Nhưng cô nghĩ, điển tích này phù hợp với câu thơ “Nhớ nước đau lòng con quốc quốc” hơn. Còn về “cái gia gia” thì sao?

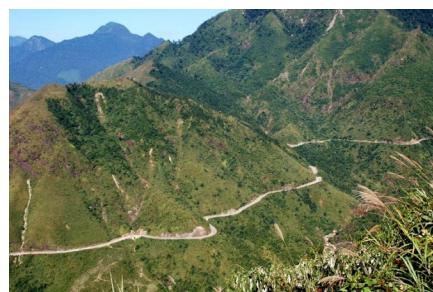
Hạnh: Thưa cô, ngày xưa khi vua Trụ bị giết, hai bầy tôi trung thành là Bá Di và Thúc Tề không chịu thần phục vua mới là Châu Võ Vương. Hai ông này bỏ vào rừng chỉ ăn rau mà sống. Về sau, có người nói rằng hai ông không theo nhà Châu nhưng vẫn ăn rau nhà Châu vì vùng núi họ đang ở vẫn thuộc nhà Châu. Hai ông bèn nhịn ăn mà chết, khi chết hoá thành chim luôn miệng kêu “*Bất thực túc Châu gia*” nghĩa là “Không ăn thức ăn của nhà Châu”. Dân địa phương nghe tiếng kêu, lâu ngày gọi là chim “gia gia” hay chim đa đa.

Cô An: Hạnh giỏi lắm! Đây cũng là một điển tích về chim đa đa. Thực tế, Bà Huyện Thanh Quan mượn hình ảnh hai con chim trên để nói lên tấm lòng yêu nước thương nhà của mình. Còn các em, các em sẽ làm gì để chứng tỏ mình yêu nước?

Tâm: Em sẽ cố gắng học giỏi hơn để không làm xấu hổ người Việt của mình.

Hạnh: Em thích học giỏi như cô Dương Nguyệt Ánh để làm rạng danh người Việt.

Bảo: Em rất kính phục khoa học gia Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh. Em sẽ cố gắng học để mang lại tiếng thơm cho đất nước như ông.



Cô An: Các em biết suy nghĩ như thế là rất tốt. Chúng ta có nhiều người tài ở khắp nơi trên thế giới. Là người Việt Nam, các em phải cố gắng học hỏi và trau dồi đạo đức. Có như thế mới không làm hổ danh người Việt chúng ta.

Bài tập 9

Chọn câu trả lời đúng nhất.

1. Theo truyền thuyết, vua nước nào chết hoá thành con chim cuốc?
 - a. Yên.
 - b. Thục.
 - c. Sở.
 - d. Tần.
2. Vị vua này chết và hoá thành chim kêu “quốc quốc” vì ông ta bị mất _____.
 - a. ấn tín
 - b. lâu đài
 - c. giang sơn
 - d. sự nghiệp
3. Chim đa đa theo truyền thuyết là do _____ chết mà thành.
 - a. Tân Sinh, Lang Sinh
 - b. Bá Nha, Tử Kỳ
 - c. Trọng Thủy, Mỵ Châu
 - d. Bá Di, Thúc Tề
4. Hai người này nhịn ăn mà chết vì muốn chứng tỏ _____.
 - a. họ không cần ăn để sống
 - b. họ trung thành với triều đại cũ
 - c. họ là người có chí khí
 - d. họ không cần ai thương hại
5. Để chứng tỏ lòng yêu nước của mình, Tâm, Bảo và Hạnh sẽ _____ để không hổ danh là người Việt Nam.
 - a. noi gương khoa học gia Nguyễn Xuân Vinh
 - b. noi gương khoa học gia Dương Nguyệt Ánh
 - c. cố gắng học và trau dồi đạo đức
 - d. cả ba câu trên đều đúng.

Giáo Dục Đa Văn Hoá

Cách Chào ở Một Số Quốc Gia



Ở Hoa Kỳ, bắt tay là một cách chào phổ biến. Bạn có thể bắt tay cả đàn ông và phụ nữ ở những lần gặp nhau đầu tiên hoặc sau đó. Khi bắt tay người Mỹ, bàn tay phải nắm chặt lại nhưng không có nghĩa là bóp chặt đến mức làm đau tay người khác và mắt nhìn thẳng vào mắt người đối diện. Sự bắt tay chặt và cái nhìn thẳng thắn thể hiện sự thân thiện và nhiệt tình. Bắt tay lỏng lẻo có thể bị coi là không tôn trọng người đối diện, hồ hững trong quan hệ hoặc thiếu tự tin. Thỉnh thoảng bạn có thể thấy người Mỹ chào nhau bằng cách ôm, hình thức chào này thường chỉ dành cho những người là bạn bè rất thân hoặc người trong gia tộc.

Người Canada và người Anh cũng có lối chào như người Mỹ; riêng người Canada gốc Pháp còn chào nhau bằng cách hôn nhẹ lên má, bên trái rồi bên phải. Người Mexico cũng bắt tay chào khi gặp nhau. Nếu người gặp là phụ nữ và là bạn thân, ngoài cái bắt tay còn có nụ hôn lên má.

Cách chào của người châu Á có điểm khác biệt với người châu Âu. Họ không có những cái ôm hoặc nụ hôn biểu hiện sự thân thiết hay thương yêu vì văn hoá của họ là không bộc lộ tình cảm, nhất là ở nơi công cộng. Người Việt Nam, người Hàn Quốc và người Nam Dương (Indonesia) chào nhau bằng một cái cúi đầu. Trẻ em Việt Nam được dạy khoanh tay và cúi đầu khi chào người lớn tuổi. Người Nhật, người Hàn Quốc thường cúi chào bằng cách gập người xuống và độ hạ thấp tùy thuộc địa vị xã hội của cả hai người. Đây là một dấu hiệu quan trọng để tỏ lộ sự kính trọng.

Giáo Dục Hướng Nghiệp

Ngành Ngoại Giao



Tranh hoạ Phạm Công Trĩ, người thay thế vua Quang Trung đi viếng vua Càn Long, nhà Thanh.

Ngoại giao là một ngành cực kỳ quan trọng vì nó là bộ mặt của một quốc gia. Nó có ảnh hưởng đến uy tín, hay sự tồn vong của một đất nước.

Lịch sử đã ghi vua Quang Trung không những là một nhà quân sự lỗi lạc mà còn là một nhà ngoại giao thiên tài. Sau khi đại phá quân Thanh, nhà vua không say ngủ trên chiến thắng mà biết rằng nhà Thanh có thể đem quân sang đánh nước ta bất cứ lúc nào. Để dưỡng quân và giữ sự an bình cho đất nước, nhân dân; nhà vua đã cho người đi sứ cầu hoà. Biết không thể từ chối khi vua Càn Long nhà Thanh yêu cầu vua Quang Trung đích thân sang viếng, nhà vua đã khôn ngoan chọn người giống mình làm vua giả đi thay. Việc chọn người thay thế nhằm hai mục đích: thứ nhất, không làm mất

lòng vua nhà Thanh; thứ hai, nếu vua Càn Long có ý không tốt thì vua Quang Trung không bị hại. Chuyển đi sứ của Phạm Công Trĩ, vua Quang Trung giả thành công. Vua Quang Trung đỡ được mối lo về sự xâm lăng từ phương Bắc mà tập trung lo cho đời sống dân Việt.

Sự kiện lịch sử trên cho thấy, việc đối ngoại rất phức tạp. Vai trò của một nhà ngoại giao rất khó khăn vì tiếng nói của quốc gia mình được thế giới chú ý đến nếu nhân viên ngoại giao là những người luôn bảo vệ quyền lợi của đất nước mình nhưng cũng không làm ảnh hưởng đến nền hoà bình thế giới. Họ phải thông thạo ngoại ngữ, có kiến thức uyên bác về văn hoá, lịch sử, phong tục tập quán của các quốc gia khác thì tại các cuộc hội nghị của quốc tế, tiếng nói của họ mới được tôn trọng.

Do đó, công việc của các nhà ngoại giao không đơn giản. Họ phải có tiếng nói mạnh mẽ nhưng khôn khéo trong các cuộc đàm phán. Những văn kiện hay công văn ngoại giao do họ thiết lập phải chính xác để không làm thiệt thòi quyền lợi của đất nước. Họ cũng phải bảo vệ quyền lợi của người dân cư trú ở nước ngoài; đồng thời phổ biến bản sắc văn hoá dân tộc thông qua các buổi tiếp tân, chiêu đãi, văn nghệ hay lễ hội, v.v...

Một nhà ngoại giao giỏi phải có những phẩm chất sau đây:

1. Yêu nước, quan điểm chính trị cứng rắn.
2. Can đảm và tinh thần trách nhiệm cao.
3. Thông minh, nhạy bén trong ứng xử.
4. Kiến thức rộng, đặc biệt là thông thạo ngoại ngữ, văn hoá của những quốc gia trên thế giới hay những quốc gia mà mình đến làm việc.

Tục Ngữ và Ca Dao

1. Đất ta bể bạc, non vàng,
Bể bạc Nam Hải, non vàng Bồng Miêu.
2. Chiều chiều mây phủ Hải Vân,
Chim kêu ghènh đá, gấm thân lại buồn.
3. Sông Thu Bồn chảy về Cửa Đại,
Rạch Bình Long chảy mãi ra Hàn.
4. Ai về Đà Nẵng, Hội An,
Cho tôi nhắn gửi vài hàng tâm tư.
5. Ai đi cách trở sơn khê,
Nhớ tô mì Quảng, tình quê mặn nồng.
6. Ai lên Biện Thượng, Lam Sơn,
Nhớ Lê Thái Tổ, chặn đường quân Minh.
7. An Nhơn có tháp Mò O,
Có chùa Thập Tháp, có đò Trường Thi.

Những Ngọn Đèo ở Việt Nam



Đèo Cả



Đèo Hải Vân

Những ngọn đèo nổi tiếng ở Việt Nam đều nằm ở miền Trung hay cao nguyên Trung phần. Đó là các đèo: Cả, Hải Vân, Ngang và Ngoạn Mục.

- **Đèo Cả** là một trong những đường đèo hiểm trở nhưng hùng vĩ nhất. Nó nằm tại ranh giới giữa tỉnh Phú Yên và Khánh Hoà, trên Quốc lộ 1A. Đèo nằm giữa hai sườn núi Hảo Sơn (Hốc Ao) và núi Đá Bia (Thạch Bi Sơn). Đây là ranh giới giữa Đại Việt và Chiêm Thành từ năm 1471 đến 1653. Nó cũng là nơi giao tranh giữa hai nước, và giữa Nguyễn Ánh và anh em nhà Tây Sơn sau này. Tháng 1 năm 1947, Đèo Cả trở thành chiến trường giữa quân Pháp và Việt Minh. Tên “Đèo Cả” có khi Pháp đang xây Quốc lộ 1A.
- **Đèo Hải Vân** nằm tại ranh giới giữa Huế ở phía Bắc và Đà Nẵng ở phía Nam. Nó cũng là đường đèo có tiếng hiểm trở bậc nhất Việt Nam với chiều dài 21 km. Vì vậy, dân gian có câu:

*“Đường bộ thì sợ Hải Vân,
Đường thủy thì sợ sóng thần Hang Dơi.”*

Trên đỉnh cao nhất của đèo, với độ cao 496 m so với mực nước biển có cửa ải tên *Hải Vân quan* xây từ thời vua Minh Mạng và được chính nhà vua cho treo biển “Thiên hạ đệ nhất hùng quan” (danh hiệu mà Lê Thánh Tông đặt cho nơi đây).



Đèo Ngang



Đèo Ngoạn Mục

- **Đèo Ngang** là tên một đường đèo nằm ở ranh giới của hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh và là nơi có thắng cảnh nổi tiếng của miền Trung Việt Nam. Đèo Ngang nằm trên quốc lộ 1A, trên dãy Hoành Sơn, đoạn dãy Trường Sơn chạy ra biển Đông. Đèo Ngang là ngọn đèo lịch sử đã đi vào ca dao, huyền thoại. Đến nay vẫn còn những bài cổ thi ghi dấu bước chân của vua Lê Thánh Tông, Nguyễn Thiếp, Nguyễn Du, Bà Huyện Thanh Quan, Cao Bá Quát, v.v... khi đến nơi này. Đặc biệt, bài thơ *Qua Đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan rất nổi tiếng. Hình ảnh trong bài thơ được miêu tả đẹp như một bức tranh thủy mặc.
- **Đèo Ngoạn Mục** hay **đèo Sông Pha** là một trong những ngọn đèo đẹp nhất Việt Nam. Nó thuộc tỉnh Ninh Thuận, men theo những sườn núi dựng, nổi thung lũng Ninh Sơn với cao nguyên Lang Biang. Đèo Ngoạn Mục dài 18,5 km, có độ dốc trung bình trên 9 độ, là đèo có độ dốc lớn nhất ở các tỉnh phía Nam. Từ trên đèo nhìn xuống, ta thấy bờ vực dốc đứng, sâu thẳm. Lấp ló qua những rừng thông là con đường ngoằn ngoèo khúc khuỷu với những chiếc ô tô ví như món đồ chơi chậm chạp đang bò lên hay xuống. Xa xa là đồng bằng Phan Rang với dòng sông Cái uốn lượn. Hai dãy núi cao ôm bọc lấy thung lũng Phan Rang chạy ra tận biển. Những ngày đẹp trời, từ trên đèo có thể thấy biển bên dưới với bờ cát trắng và những con sóng lăn tăn nhấp nhô lên xuống.

(Nguồn: Bách Khoa Toàn Thư Wikipedia)

Trần Tế Xương (1870 - 1907)



Tác giả tên thật là Trần Duy Uyên, thường gọi là Tú Xương (Mông Tích). Ông sinh ngày 10 tháng 8 năm 1870 tại làng Vị Xuyên, quận Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Ông rất thông minh và sắc bén trong trào phúng nhưng không may mắn khi thi cử vì rớt 8 lần thi. Năm 25 tuổi, ông thi đậu Tú Tài nên người ta gọi ông là Tú Xương. Cuộc sống nghèo khổ dưới sự cai trị của Pháp đã ảnh hưởng đến các đề tài trong thơ của ông. Ông hay ăn xài nhiều nên gia cảnh nghèo nàn. Ông mất ngày 23 tháng 1 năm 1907.

Chúc Tết

1. **Lẳng lẳng** mà nghe nó **chúc** nhau.
2. Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu.
3. **Phen này** ông quyết đi **buôn côi**,
4. **Thiên hạ** bao nhiêu đứa già trâu.
5. Lẳng lẳng mà nghe nó chúc giàu,
6. Trăm, **nghìn**, vạn **mớ** để vào đâu?
7. Phen này **ắt hẳn** gà ăn **bạc**,
8. Đồng rưng, đồng ròi, **lọ** phải cầu.
9. Lẳng lẳng mà nghe nó chúc sang,
10. Đứa thì bán **trước**, kẻ mua quan.
11. Phen này ông quyết đi buôn **lọng**,
12. Vừa **chửi**, vừa **rao** cũng đắt hàng.
13. Lẳng lẳng mà nghe nó chúc con,
14. Sinh năm để bày được **vuông tròn**.
15. Phở phường chật hẹp, người đông đúc,
16. Bồng bế nhau lên nó ở **non**.
17. Bắt chước ai ta chúc mấy lời,
18. Chúc cho khắp hết ở trong đời,
19. **Vua**, quan, **sĩ**, **thứ**, người muôn nước,
20. Sao được cho ra cái giống người.

Trần Tế Xương

Tóm lược tác phẩm

Tác giả mỉa mai các tầng lớp trong xã hội khi họ chúc Tết. Ông mong mọi người sống và hiểu rõ thân phận làm người của mình.

Từ Vựng

1. buôn	(dt.): mua hàng rồi bán lại với giá cao hơn để kiếm lời	<i>to buy in, deal in</i>	(v.)
2. cối	(dt.): vật tròn bằng kim loại hay đá dùng để nghiền nhỏ thức ăn	<i>mortar</i>	(n.)
3. phen	(dt.): chuyển, lần	<i>time, occasion</i>	(n.)
4. phen này	(dt.): chuyển, cơ hội, dịp này	<i>this opportunity</i>	(n.)
5. ngàn	(dt.): ngàn	<i>thousand</i>	(n.)
6. bạc	(dt.): tiền bạc	<i>money</i>	(n.)
7. lọ	(lt.): nữa là, huống chi	<i>muchless, needless</i>	(conj.)
8. tước	(dt.): danh vị của quan lại vua ban cho	<i>title of nobility</i>	(n.)
9. lọng	(dt.): vật tròn bằng vải, tựa cái dù, có cán dài để che nắng	<i>parasol</i>	(n.)
10. vuông tròn	(tt.): suông sẻ, tốt đẹp	<i>good, healthy, smooth birth-giving process (for both mother and child)</i>	(adj.)
11. thiên hạ	(dt.): nói chung mọi người sống trên đời, người đời	<i>all the people, people</i>	(n.)
12. non	(dt.): núi nhỏ	<i>mount(ain)</i>	(n.)
13. mớ	(dt.): tập hợp những thứ cùng loại	<i>quantity, amount of</i>	(n.)
14. sĩ	(dt.): kẻ trí thức, có học	<i>scholar</i>	(n.)
15. thứ	(dt.): dân thường	<i>common man</i>	(n.)

16. chúc	(đt.): tỏ lời mong ước điều tốt lành	<i>to wish</i>	(v.)
17. vua	(dt.): người cai trị một nước quân chủ	<i>king</i>	(n.)
18. chửi	(dt.): nói tục làm nhục kẻ khác	<i>to insult, curse</i>	(n.)
19. rao	(dt.): nói to cho mọi người biết	<i>to advertise, cry out</i>	(n.)
20. lặng lẽ	(đt.): hãy giữ yên lặng	<i>to be quiet</i>	(v.)
21. ắt hẳn	(trt.): chắc là	<i>certainly, surely, perhaps</i>	(adv.)

Bài tập 1

Ghép mỗi từ ở cột A với định nghĩa thích hợp ở cột B.

A	B
1. buôn	a. vật tròn bằng kim loại hay đá dùng để nghiền thức ăn
2. cối	b. một ngàn
3. nghìn	c. mua rồi bán để kiếm lời
4. lọ	d. suông sẻ, tốt đẹp
5. phen	e. người trí thức, có học
6. tước	g. nữa là, hướng chỉ
7. sĩ	h. vật tròn bằng vải, tựa cái dù, để che nắng
8. vuông tròn	i. dân thường
9. lọng	k. danh vị vua ban cho
10. thứ	l. dịp, cơ hội

Bài tập 2

Đặt câu với mỗi từ sau đây:

1. chúc
2. quyết
3. ắt hẳn
4. bắt chước
5. lặng lẽ

Phân Tích

- A. Văn thể:** Bài thơ *Chúc Tết* làm theo thể thơ thất ngôn trường thiên.
B. Đại ý: Tác giả mỉa mai lời chúc Tết của các hạng người trong xã hội.
C. Bố cục: Bài này có thể được chia làm năm đoạn.

- **Đoạn 1** (câu 1 - 4): Tác giả mỉa mai người ta chúc nhau sống lâu chẳng làm gì hữu ích.
- **Đoạn 2** (câu 5 - 8): Tác giả mỉa mai người ta chúc nhau giàu, phung phí vô ích nhưng không biết giúp người nghèo khó.
- **Đoạn 3** (câu 9 - 12): Ông mỉa mai những người thích khoa trương, mua quan tước nhưng thực chất thì chẳng có tài cán gì.
- **Đoạn 4** (câu 13 - 16): Tác giả mỉa mai lời chúc được nhiều con cháu chỉ thêm chật đất.
- **Đoạn 5** (câu 17 - 20): Ông mong mọi người nên sống xứng đáng với địa vị làm người của mình.

D. Giải thích: Về phương diện văn chương, Tú Xương dùng từ dễ hiểu để mô tả và mỉa mai lối sống phù phiếm của một số người dưới thời đô hộ của Pháp. Toàn bài là một bức tranh xã hội khá đầy đủ, miêu tả những thành phần bon chen, dối trá để đạt được giàu sang, danh vọng nhưng chẳng giúp ích gì cho đất nước. Bài thơ làm theo thể thơ thất ngôn trường thiên với các câu 1, 2, và 4 của mỗi khổ hiệp vần với nhau.

- **Lắng lặng:** bắt đầu câu mệnh lệnh - hãy yên lặng để mà nghe.
- **đế vào đâu?:** tiền nhiều quá không có chỗ để.
- **gà ăn bạc:** tiền bạc vung vãi khắp nơi.
- **Đồng rưng ...rơi:** gợi ta nghĩ đến lá rừng... quá nhiều tiền.
- **chửi ai?:** chửi những kẻ vô liêm sỉ, những quan, tước không phản ánh đúng khả năng của một con người.
- **vuông tròn:** mẹ tròn con vuông, êm đẹp, không gặp trở ngại gì cả.
- **thứ:** hạng người thấp kém, hạng dân đen.
- **người muôn nước:** tất cả mọi người trong thiên hạ.
- **cái giống người:** những hạng người được nói tới trong bài này không xứng đáng làm người.

Ngữ Pháp

Câu Mệnh Lệnh

Imperative Sentences

Xét các câu sau đây:

1. Hãy im đi!
2. Xin mời vào!
3. Lắng lặng mà nghe nó chúc nhau!

Các câu trên là những câu mệnh lệnh xác định.

Câu mệnh lệnh là những câu dùng để khuyên, mời, hay ra lệnh. Từ loại chính trong câu mệnh lệnh là động từ. Câu mệnh lệnh có thể là xác định hay phủ định. Người ta thường dùng dấu chấm than (!) sau những câu mệnh lệnh ngắn và mạnh.

Câu mệnh lệnh xác định là những câu hoặc chỉ có một từ, tức là **động từ** hoặc thường có các từ như: “*hãy, nên, xin, cứ, v.v...*” trước động từ chính, hoặc *hư từ* “*đi*” ở cuối câu để làm mạnh nghĩa thêm.

Ví dụ:

- Hãy tin đi!
- Nên làm!
- Cứ ngồi đi!
- Đi!
- Chạy!

Bài tập 3

Viết câu mệnh lệnh xác định với những động từ hay nhóm từ sau đây: **đi, đứng dậy, chạy, nghe lời, lảng lảng, chép vào**. Có thể dùng “hãy, nên, xin, cứ” ở đầu câu hoặc “đi” ở cuối câu.

Đọc Hiểu

Bài tập 4

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Tác giả bài này là ai? Viết năm điều về ông.
2. Bài *Chúc Tết* làm theo thể thơ gì?
3. Bố cục bài này chia làm mấy đoạn? Cho biết nội dung từng phần.
4. Đại ý bài này là gì?
5. Tác giả có thực sự chúc Tết không?
6. Tại sao tác giả lại lặp đi lặp lại câu: “*Lảng lảng mà nghe nó chúc...*”?
7. Tại sao Tú Xương đi buôn cối giã trầu khi nghe thiên hạ chúc nhau sống lâu trăm tuổi?
8. Trong câu “*Trăm, nghìn, vạn, mở để vào đâu? Phen này ắt hẳn gà ăn bạc*”, tác giả có ý nói gì?
9. Trong khổ thứ ba (câu 9-12), tác giả có ý nói gì?
10. Qua bài này ta biết tình trạng xã hội cuối thế kỷ 19, thời Tú Xương ra sao?

Tập Làm Văn

Bài tập 5

Tập viết lời chúc Tết gửi cho:

1. ông, bà
2. cha, mẹ
3. thầy, cô giáo
4. bạn bè

Nói Với Nhau

Tết Tha Hương

Tết đến rồi!

Chán ối là chán!

Tớ chẳng biết làm sao người ta thích Tết ghê, chứ riêng tớ, Tết rất là vô nghĩa! Trước ngày Tết thì phải lo dọn dẹp và mua sắm mà nhà tớ thì chỉ có bốn bức tường, giờ tay ra là muốn đục bốn vách, cần gì đến dọn dẹp. Còn mua sắm, biết mua gì? Tết mà phải đi làm, có vui gì đâu! Tớ phải gom hết số tiền dành cả năm để gởi về cho mẹ già còn lui cui bên Việt Nam.



Ngoài ra, đã không tiền, còn mắc cái eo. Tớ phải nhín chút để mua quà cho bà chủ nhà. Thật ra, bà ta có coi quà của tớ ra gì đâu nhưng cũng phải mua. Nhiều khi không có tiền trả tiền nhà, phải khát hên nên biếu quà Tết để trả nghĩa. Bà chủ chẳng ưa gì tớ nhưng thấy tớ luôn vắng nhà và chẳng xài điện nước nhiều nên bà ấy cũng dễ dãi cho. Đến Tết phải chúc Tết bà nữa, thật là phiền! Tớ chúc bà chủ giàu sang, sống lâu trăm tuổi chứ thật sự thì tớ muốn chúc bà ta bớt cái tính nóng nảy, hung hăng; không nạt la tớ mỗi khi tớ khốn cùng.

Tết đến chỉ làm khổ những kẻ nghèo như tớ!

Tập Nói Chuyện

1. Tại sao người viết trên không thích ngày Tết?
2. Kể tánh tình của bà chủ nhà.
3. Ngày Tết, người viết phải làm gì?

Tập Viết Văn

Giả sử em ở hoàn cảnh của người viết, em hãy viết cảm giác của em vào ngày Tết?

Đức Tính Người Nhật

Hiếu: Bài thơ *Chúc Tết* được Trần Tế Xương viết ra đã hơn một thế kỷ, nhưng ngẫm lại nó vẫn đúng với thời đại hiện nay.

Phương: Bạn có nói quá không? Bây giờ cũng có nhiều người tốt hơn thời xưa chứ!

Hiếu: Theo Hiếu thì tinh thần người Việt Nam mình vẫn không bằng tinh thần người Nhật hiện nay.

Phương: Bạn muốn nói đến người Nhật và thảm họa sóng thần ngày 11 tháng 3 năm 2011 à?

Hiếu: Đúng vậy.

Phương: Mình nghĩ không riêng gì người Việt Nam mình mà cả thế giới phải học cái hay của người Nhật.

Hiếu: Đồng ý với bạn. Mình rất khâm phục trình độ dân trí và đạo đức của họ. Ngay cả một em bé học lớp ba bị mất cả gia đình vẫn có ý thức nhường thức ăn cho người thiếu hơn mình.

- Phương:** Đây là một bài học làm người. Đất nước Nhật bị tàn phá bởi thiên tai nhưng chắc chắn sẽ hồi sinh nhanh chóng nhờ những công dân biết hy sinh khi tuổi còn rất nhỏ.
- Hiếu:** Mặt khác, người dân trong vùng thiên tai cũng có tinh thần tự chủ và tương trợ rất cao, không xô đẩy giẫm đạp, không cướp bóc hôi của như chúng ta đã nghe thấy ở nhiều nước khác.
- Phương:** Không biết trong bao lâu nữa người Việt mình mới có trình độ dân trí như vậy trong khi chúng ta vẫn tự hào là mình có bốn ngàn năm văn hiến.

Tập Nói Chuyện

1. Theo em, chúc Tết nhau những điều tốt lành là đúng hay sai? Trần Tế Xương lại châm biếm những lời người ta chúc nhau?
2. Theo em, những người chúc nhau được nhắc đến trong bài thơ *Chúc Tết* thuộc thành phần nào trong xã hội Việt Nam thời bấy giờ?
3. Qua biến cố sóng thần, người Nhật có những đức tính gì mà người dân các quốc gia khác nên học?

Tập Viết Văn

Để cho một quốc gia có trình độ dân trí cao và người dân có ý thức đạo đức tốt, chính phủ cần phải làm gì? Họ phải mất bao lâu mới làm được điều đó? Viết một bài văn năm đoạn về đề tài này.

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

Hà và Lan là bạn cùng lớp. Gia đình Hà vừa chuyển đến thành phố này và đây cũng là Tết đầu tiên của Hà trên đất Mỹ.

Lan: Hà thấy Tết ở Mỹ thế nào?

Hà: Mẹ Hà chuẩn bị thức ăn, bánh trái nhiều lắm nhưng vẫn thấy thiếu không khí Tết; có lẽ vì nhà Hà ở trong khu phố có nhiều người Mỹ.

Lan: Kể cho Lan nghe Tết ở Việt Nam đi! Hà đi đâu? Làm gì?

Hà: Ở Việt Nam học sinh được nghỉ Tết từ trước ngày đưa ông Táo là ngày hăm ba tháng chạp đó.

Lan: Vui quá há!

Hà: Hằng năm ngày hai lăm tháng chạp Hà về quê nội tảo mộ.

Lan: Tảo mộ là gì vậy?

Hà: Tảo mộ là quét dọn, làm cỏ phần mộ ông bà, trồng thêm bông. Sau đó trưa ba mươi Tết Hà phụ mẹ nấu một mâm cơm mời ông bà về ăn Tết với con cháu.

Lan: Việt Nam mình có nhiều nghi lễ hay quá nhỉ!

Hà: Rồi ngày mừng một Hà theo cha mẹ đi chúc thọ ông bà nội ngoại cùng thăm hỏi họ hàng.



- Lan:** Hà có được lì xì không?
- Hà:** Dĩ nhiên là có rồi, gọi là lấy hên đầu năm ấy mà! Qua mừng hai là ngày tết thầy, tức là thăm viếng và tạ ơn thầy cô giáo.
- Lan:** Chắc là thầy cô cảm động lắm!
- Hà:** Chưa hết đâu, ngày mừng ba cả lớp họp tại nhà một bạn thân ăn uống, chơi lô tô hay lắc bầu cua nữa.
- Lan:** Hèn chi Việt Nam mình hay nói vui ba ngày Tết. Khi nào ra trường có lẽ Lan sẽ về Việt Nam vào một dịp Tết để có dịp hưởng không khí rộn ràng của những ngày đầu năm.

Bài tập 6

Chọn câu trả lời đúng nhất.

1. Ngày hăm ba tháng chạp là ngày _____.
 - a. hội hoa xuân
 - b. nghỉ lễ mùa xuân
 - c. đưa ông Táo về trời
 - d. hội trồng cây
2. Lễ tảo mộ bao gồm _____.
 - a. quét dọn, làm cỏ
 - b. quét vôi, trồng bông
 - c. thắp nhang
 - d. Tất cả các điều trên.
3. Ngày đầu năm (mùng một) là ngày _____.
 - a. chúc thọ ông bà nội ngoại
 - b. chúc Tết cha mẹ, thăm hỏi họ hàng
 - c. chúc Tết thầy cô
 - d. a và b đúng.
4. Ngày mừng hai là ngày _____.
 - a. hội họp với bạn bè
 - b. chúc Tết thầy cô
 - c. tạ ơn thầy cô
 - d. b và c đúng.
5. Lời chúc Tết kèm theo lì xì
 - a. để kinh doanh kiếm tiền trong ba ngày Tết.
 - b. để mừng tuổi lấy hên.
 - c. để ăn quà vặt và chơi game.
 - d. a, b đều đúng.

Giáo Dục Đa Văn Hoá

Thuyết Chính Danh trong Nho Giáo

Con người là con vật có lý trí. Đã làm người thì phải biết phải, trái, đúng, sai. Trong hai câu cuối của bài *Chúc Tết*:

*“Vua, quan, sĩ, thứ người muôn nước,
Sao được cho ra cái giống người.”*

Trần Tế Xương đã nhắc nhở đến bổn phận của mọi người. Vua cho ra vua; vua phải biết cai trị dân, bảo vệ đất nước và đem lại hạnh phúc cho dân. Quan phải cho ra quan; quan phải là người có học, hiểu biết công việc và bổn phận của mình. Kẻ sĩ phải là người có học, có tiết tháo, lo giúp dân giúp nước. Thứ dân cũng phải biết làm tròn bổn phận của người dân, v.v... Nói chung thì mọi người phải làm tròn trách nhiệm của mình.

Đây là học thuyết Chính Danh của Khổng Tử. Trong thời đại của mình, Khổng Tử nhận thấy tình trạng rối ren, phức tạp của xã hội phong kiến nên mới nghĩ đến thuyết này.

Khi Tề Cảnh Công hỏi Khổng Tử về chính trị, Khổng Tử nói: *“Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử.”* Nghĩa là vua phải ra vua, bề tôi phải ra bề tôi, cha phải ra cha, và con phải ra con. Tức là người nào ở vị trí nào thì phải ứng xử ở vị trí đó, không được lẫn lộn, không được tùy tiện, phải tuân theo phép tắc, quy củ mà xã hội đã quy định. Nếu làm không được như vậy thì xã hội sẽ đảo lộn, không còn tôn ti trật tự gì nữa.

Tục Ngữ và Thành Ngữ

1. Giấy rách phải giữ lấy lề.
2. Thùng rỗng kêu to.
3. Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.

Bài Đọc Thêm

Lễ Té Nước của Người Lào

Lễ hội Bunpimay của người Lào diễn ra trong ba ngày 13, 14, 15 tháng 4 hằng năm. Lễ này mang ý nghĩa đem lại sự tươi mát cho vạn vật, sự ấm no, hạnh phúc và sự thanh khiết cuộc sống con người.

Ngày đầu tiên của lễ hội cũng là ngày cuối cùng của năm cũ, người dân tới chùa lễ Phật, cầu nguyện và nghe các nhà sư thuyết pháp. Sau đó, người ta rước các tượng Phật ra một gian riêng trong ba ngày và mở cửa để mọi người vào tắm Phật. Nước thơm sau



khi tưới lên các tượng Phật sẽ được hứng lại đem về nhà xoa vào người để được phước cho cả năm. Nước thơm là một hỗn hợp gồm nước, nghệ, bồ kết nướng cộng thêm một ít nước hoa và hoa tươi. Người ta còn té nước vào nhà sư, chùa và cây cối xung quanh.

Trước khi té nước người ta thường dành cho nhau những lời chúc lành. Để tỏ lòng tôn kính người trẻ tuổi té nước cho người lớn tuổi để chúc sống lâu và mạnh khỏe. Họ không chỉ té nước vào người mà còn vào nhà cửa, đồ thờ cúng, súc vật và công cụ sản xuất nữa. Người Lào tin rằng nước sẽ gột rửa mọi điều xấu xa, bệnh tật và cầu chúc năm mới nhiều may mắn cùng vạn sự tốt lành.

Ngày cuối cùng của lễ hội Bunpimay có nhiều hoạt động tung bừng khắp nơi. Bất cứ một người nào qua đường dù đi bộ hay đi xe gắn máy cũng bị kéo lại để nhận những tục lệ mang lại may mắn như bôi phân trắng lên mặt hay té nước đến ướt sũng người, ngay cả bạn đang đi xe hơi cũng không tránh khỏi những tia súng nước ở hai bên phố. Khách đến nhà được chủ nhà buộc vào cổ tay một vòng chỉ xanh hoặc đỏ, biểu tượng của hạnh phúc và sức khỏe.

Nếu bạn đến đất nước Triệu Voi vào những ngày Tết, hãy hoà mình vào ngày lễ hội vui nhất trong năm này với những xô nước lớn, cùng chúc cho nhau một năm mới nhiều may mắn với những người bạn Lào thân thiện.

Tự Trào

1. Chẳng phải quan mà chẳng phải dân
2. **Ngơ ngơ**, ngẩn ngẩn hoá ra **đần**
3. Hầu con, chè rượu, ngày sai vật.
4. Lương vợ, ngô khoai, tháng phát dần.
5. Có lúc **vênh** râu vai **phụ lão**,
6. Cũng khi lên mặt dạng **văn nhân**.
7. Sống lâu, lâu để làm chi nhi?
8. Lâu để mà xem cuộc **chuyển vận**.

Trần Tế Xương

Tự Vưng

1. tự trào	(đt.):	tự chế nhạo mình	<i>to mock oneself</i>	(v.)
2. ngơ ngơ	(tt.):	có thái độ không chú ý đến gì cả	<i>empty-headed</i>	(adj.)
3. đần	(tt.):	ngu si	<i>stupid</i>	(adj.)
4. vênh	(đt.):	giương lên	<i>to hold up one's face in conceit</i>	(v.)
5. phụ lão	(dt.):	người già cả	<i>elders</i>	(n.)
6. văn nhân	(dt.):	người có học, biết làm văn, thơ	<i>man of letters</i>	(n.)
7. chuyển vận	(dt.):	sự thay đổi	<i>vicissitudes, ups and downs</i>	(n.)

Bài tập 1

Ghép mỗi từ ở cột A với định nghĩa thích hợp ở cột B.

A	B
1. phụ lão	a. giương lên
2. chuyển vận	b. người có học
3. văn nhân	c. tự chế giễu
4. vênh	d. sự thay đổi
5. tự trào	e. người già cả

Bài tập 2

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **chuyển vận, ngo ngo, văn nhân, tự trào, vĩnh**.

1. Các nho sĩ thời xưa có thói quen làm thơ _____ để tự châm biếm mình.
2. Con phải chú tâm làm bài, đừng có _____ như thế!
3. Nghe tiếng chân dừng lại trước thềm nhà, con Vện _____ tai nghe ngóng.
4. Thuyền nan vừa nhẹ lướt,
Em thấy một _____.
5. Ông em thường nói: “Thời cuộc _____, lòng người điên đảo.”

Phân Tích

A. Văn thể: Bài này theo thể thất ngôn bát cú Đường luật (văn trắc).

B. Bố cục: Bài này chia ra làm 4 đoạn:

- Hai câu đề (1-2)
- Hai câu thực (3-4)
- Hai câu luận (5-6)
- Hai câu kết (7-8)

C. Giọng văn: Mỉa mai, châm biếm

D. Đại ý: Tác giả tự châm biếm mình.

E. Giải thích: Bài này chia ra làm 4 đoạn:

- **Hai câu đề:** Tác giả tự chê mình, một người không có địa vị gì đáng kể trong xã hội lại có một bề ngoài trông có vẻ đàn độn.
- **Hai câu thực:** Vì không có việc làm chính thức ngoài xã hội, ông quanh quẩn trong nhà giúp vợ việc lật vật và trông nom con cái. Ông lại tự nhận mình hay say sưa, rượu chè.
- **Hai câu luận:** Đôi khi ngoài xã hội, tác giả cũng lên mặt với đời. Từ một người thua kém thiên hạ, ông xuất hiện với hình ảnh đáng kính của bậc cha ông hoặc người có học thức.
- **Hai câu kết:** Tác giả mong đợi thời thế thay đổi, vì sống vào buổi giao thời, ông không làm được điều gì ích quốc lợi dân. Ông mong có một cái gì đó thay đổi để đất nước gặp những biến chuyển tốt đẹp hơn.

Ngữ Pháp

Học ôn: Thể Thất Ngôn Bát Cú Đường Luật

(Xem thêm bài *Thể Thái Nhân Tình*)

T	T	B	B	T	T	B (v)
B	B	T	T	T	B	B (v)
B	B	T	T	B	B	T

T	T	B	B	T	T	B (v)
T	T	B	B	B	T	T
B	B	T	T	T	B	B (v)
B	B	T	T	B	B	T
T	T	B	B	T	T	B (v)

Các đặc điểm của thể thất ngôn trong bài *Tự Trào*:

- Luật trắc: bài thơ bắt đầu bằng hai tiếng trắc: “Chẳng phải”.
- Độc vận: một vần “ân - ăn”.
- Câu đối: bốn câu giữa đối nhau từng cặp: 3-4; 5-6.
- Bất luận: các từ thứ nhất, ba và năm không cần phải đúng luật, nên gọi là luật “nhất tam ngũ bất luận”.
- Các câu 1, 2, 4, 6, 8 hiệp vần với nhau: dân, đàn, dân, nhân, vân.
- Danh xưng và nhiệm vụ mỗi câu trong bài thất ngôn:
 - câu 1 gọi là **phá đề**, là câu mở bài.
 - câu 2 gọi là **thừa đề**, nối với câu phá và nói lên ý của đầu bài.
 - câu 3 và 4 là câu **thực**, giải thích rõ đầu bài.
 - câu 5 và 6 là câu **luận**, bình phẩm, nhận định các sự việc.
 - câu 7 và 8 là câu **kết**, tóm tắt ý chính của bài, trình bày cảm tưởng hay nhận xét.

Từ Phủ Định

Xét các câu sau đây:

1. **Chẳng** phải quan mà **chẳng** phải dân.
2. Cô **chẳng** bao giờ biết bướm hoa.
3. Thư thường lại người **không** thấy lại.

“Không” và “chẳng” trong các câu trên đứng trước động từ để diễn tả sự phủ nhận hay từ chối một điều gì. **Không** và **chẳng** gần đồng nghĩa với nhau nhưng “**chẳng**” chỉ một sự phủ định cương quyết và rõ ràng hơn “**không**”.

Câu: “Nam **chẳng** hiểu gì cả!” có nghĩa mạnh hơn câu: “Nam **không** hiểu gì cả!”

Không và **chẳng** là những từ phủ định.

Chú ý:

Phủ định từ biến thành từ nghi vấn: Từ “không” ở cuối câu hỏi chính là từ phủ định.

*Câu: **Anh hiểu không?** là cách nói gọi lại của câu: Anh hiểu hay anh không hiểu? hoặc Anh hiểu hay không? Đây là một cấu trúc đặc biệt của người Việt Nam.*

Từ phủ định thường là những trạng từ diễn tả sự từ chối hay phủ nhận một điều gì. Những từ phủ định thông thường là **không** và **chẳng**.

Bài tập 3

1. Tìm các tiếng bằng trong bốn câu đầu.
2. Tìm các tiếng trắc trong bốn câu cuối.
3. Tìm các câu đối nhau trong bài thơ.

Bài tập 4

Đọc những bài thơ sau đây và cho biết chúng được viết theo thể thơ gì? (thất ngôn bát cú hay thất ngôn tứ tuyệt). Luật bằng hay trắc? (Những tiếng không có dấu giọng hay có dấu huyền thuộc về âm bằng. Những tiếng có dấu sắc, hỏi, ngã, và nặng thuộc về âm trắc.)

Ai Xui Tây Đền

Ai khiến thằng Tây tới vậy cà?
Đất bằng bỗng chốc nổi phong ba
Hắn hoi ít mặt đèn ơn nước,
Nháo nhác nhiều tay bận nổi nhà
Đá sắt ôm lòng cam với trẻ
Nước non có mắt thấy cho già
Nam Kỳ chỉ thiếu người trung nghĩa,
Báo quốc cần vương để một ta!

Bùi Hữu Nghĩa

Bạn Đến Chơi Nhà

Đã bấy lâu nay, bác tới nhà,
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả, khôn chài cá,
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.
Cải chửa ra cây, cà mới nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
Bác đến chơi đây, ta với ta!

Nguyễn Khuyến

Khuê Oán

Cô gái phòng the chữa biết sầu.
Ngày xuân trang điểm dạo lên lầu.
Đầu đường chợt thấy tơ xanh liễu,
Hỏi để chồng đi kiếm tước hầu

Vương Xương Linh (Ngô Tất Tố dịch)

Phan Thiết Ngoại Bện

Chạy khắp giang sơn một chuyến này,
Mưa cầm, gió bắt, phải nằm đây.
Biết mình nào có ai đâu tá?
Sóng bể nằm nghe réo suốt ngày

Phan Châu Trinh (Ngô Đức Kế dịch)

Bài tập 5

Tìm 5 câu ca dao hay thành ngữ, tục ngữ có từ “**chẳng**”.

Bài tập 6

Tìm 5 câu ca dao hay thành ngữ, tục ngữ có từ “**không**”.

Bài tập 7

Dựa vào câu mẫu, viết lại thể đầy đủ của những câu hỏi sau đây.

Ví dụ: Trần Tế Xương có ra làm quan không?

- *Trần Tế Xương có làm quan hay không làm quan?*

- *Trần Tế Xương có làm quan hay không?*

1. Ông ta có phải là người tài không?
2. Em thích học tiếng Việt không?
3. Nam có phải là bạn của em không?
4. Anh muốn mua sách này không?

Độc Hiểu

Bài tập 8

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Tại sao tác giả nói mình chẳng phải quan mà chẳng phải dân?
2. Ngày xưa, muốn ra làm quan phải có điều kiện gì?
3. Trần Tế Xương tự cho mình là người như thế nào?
4. Tình cảnh gia đình của Trần Tế Xương ra sao?
5. Hãy cho thấy nghệ thuật châm biếm của tác giả qua lối dùng hình ảnh trong bài.
6. Câu “*sống lâu, lâu để làm chi nhi?*” có nghĩa gì?

Tập Làm Văn

Trần Tế Xương làm thơ tự chế giễu mình vì ông cảm thấy mình bất lực không giúp ích được cho gia đình, cho đất nước. Ta có nên tự chê mình như Trần Tế Xương không hay phải tự kiểm điểm lại đời mình rồi vươn lên? Hãy viết một bài văn năm đoạn cho biết nếu em là tác giả, em sẽ làm gì để đời sống tốt hơn và tỏ ra là người biết tự trọng.

Nói Với Nhau

Nếu là bạn, bạn sẽ làm gì?

- Quý:** Tớ thấy mấy nhà Nho thời xưa khi bất mãn với thời cuộc thường hay làm thơ tự trách mình và ngao đời.
- Thành:** Nhất là thơ Trần Tế Xương, giọng điệu sao mà mỉa mai chua chát quá!
- Quý:** Cậu cũng biết đó, lúc ấy nước mình bị Pháp đô hộ. Sĩ phu yêu nước đứng lên chống Pháp thì ít, mà kẻ an phận, ăn bám thì nhiều.
- Thành:** Cậu nói đúng. Những ông vua có tâm huyết với đất nước đều bị truất phế và đi đày chẳng hạn như vua Hàm Nghi, Thành Thái, hoặc Duy Tân.
- Quý:** Còn nếu bạn tham gia nghĩa quân kháng chiến chống Pháp thì bị đàn áp, xử tử.
- Thành:** Tú Xương bị bế tắc. Ông dùng ngòi bút như một hình thức phản kháng.
- Quý:** Tớ tự hỏi, nếu tớ sinh vào giai đoạn này, tớ có yếm thế như Tú Xương không?

- Thành:** Hoặc là cậu gia nhập nghĩa quân chống Pháp, hoặc cậu thi đỗ làm quan cho triều đình bị Pháp khống chế, hoặc cậu ở nhà cho vợ nuôi như Tú Xương. Cậu chọn cái nào?
- Quý:** Hai cái lựa chọn sau, chẳng có mình rồi. Thà mình tham gia nghĩa quân chống Pháp còn hơn ở nhà nhờ vợ rồi làm thơ trách mình, trách đời.
- Thành:** Cậu nói thế! Nhờ có thơ văn của Tú Xương mà mình hiểu rõ hơn hiện trạng đất nước thời bấy giờ. Này nhé:
- “Nhà kia lỗi đạo, con khinh bố.
Mụ nọ chanh chua, vợ chửi chồng.”*
- Quý:** Nhưng mà xã hội bây giờ mình cũng thấy có những gia đình như thế. Có phải là ảnh hưởng của văn hoá Âu Mỹ vào văn hoá Việt Nam không?
- Thành:** Có lẽ thế.

Tập Nói Chuyện

1. Theo em vì sao Tú Xương bất mãn với thời cuộc?
2. Em có đồng ý với lối sống của Tú Xương không?
3. Nếu em sinh ra vào thời kỳ Tú Xương sống, em sẽ làm gì?

Tập Viết Văn

Tự trào là gì? Hãy viết lại bài Tự Trào của Trần Tế Xương dưới dạng văn xuôi.

Nhìn lại mình...

Năm nay học lớp 12, Thuý Linh chỉ học có năm lớp nên cũng nhàn lắm! Bây giờ nghĩ lại, cô hơi hối hận. Nếu biết lớp dễ quá, có lẽ cô đã lấy thêm một lớp nữa. Tuy điểm của cô cũng rất khá, nhưng cô không lấy nhiều lớp AP nên không biết có thể vào các trường đại học nổi tiếng hay không. Nghĩ tới chuyện nộp đơn vào đại học, cô thấy phiền ghê! Năm ngoái cô tranh chức chủ tịch của hội Du Lịch Việt Nam nhưng không thành. Nhóm bạn cô bảo tranh chức thư ký đi, xứng với cô, nhưng cô không thích cái danh đó nên quyết chí tranh chức chủ tịch để rồi mất cả hai. Còn khi vô đội quần vợt và bóng rổ thì cũng không hơn người ta, nên ghét quá cô không thêm chơi nữa.

Bây giờ điền đơn vào đại học, cô thấy mình sinh hoạt cộng đồng chưa tốt. Nghĩ đi nghĩ lại, cô quyết định đi xin việc làm để cho cái đơn kha khá hơn. Thế là tuần ấy cô đến khu thương xá để kiếm việc. Khổ một nỗi, chỉ có những nhà hàng mới nhận người. Linh lại nghĩ rằng tương mạo cô không tệ, làm nhà hàng thì bẽ mặt chết. Ít ra thì đứng bán mỹ phẩm ở Macy’s hay những công việc tương xứng mới được. Thuý Linh lại thôi. Chuyện này mà không được vào đại học nổi tiếng, cô chẳng biết tính sao? Nghĩ tới điều này Linh thấy ngao ngán. Chỉ tại cô dờ dờ, ương ương!

Tập Nói Chuyện

1. Tại sao Thuý Linh lại cảm thấy phiền muộn?
2. Thuý Linh định làm gì để đơn xin vào đại học của cô trông khá hơn?
3. Em hãy cho Thuý Linh một vài ý kiến để giúp cô được vào những đại học nổi tiếng.

Tập Viết Văn

Hãy viết một đoạn văn mô tả cá tính của Thuý Linh.

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

Tú: Anh Phương ơi, bài thơ này nghe vui vui. Đố anh tác giả là ai?

*“Hán tự chẳng biết Hán,
Tây tự chẳng biết Tây,
Quốc ngữ cũng mù tịt,
Thôi thôi về đi cày....”*

Phương: Đó là một đoạn thơ của Trần Tế Xương, một tác giả trào phúng, sống vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 có đúng không? Nhưng đố em, tại sao ông ta được xem là một nhà thơ trào phúng nổi tiếng và nét trào phúng đó được thể hiện ra sao?

Tú: Em biết rồi, là một nhà Nho với tánh tình phóng đãng, ông sống bê tha và thường châm biếm chính bản thân mình. Này nhé,

*“Biết chẳng cũng chẳng biết gì,
Biết ngồi nhà hát, biết đi ả đầu.
Biết thuốc lá, biết chè tàu,
Cao lâu biết vị, hồng lâu biết mùi.”*

(Hỏi ông trời)

Ông cũng tự biết mình là người không theo quy củ và truyền thống nên:

*“Rõ thực nôm hay mà chữ dốt,
Tám khoa chưa khỏi phạm trường quy.”*

(Hồng thi)

Phương: Thêm vào đây vì thi rớt tám lần nên ông rất cay cú với hệ thống thi cử thời đó. Ông châm biếm tài tình cảnh tượng ngày các tân khoa ra mắt vợ chồng quan toàn quyền người Pháp:

*“Một đàn thằng hồng đứng mà trông,
Nó đỗ khoa này có sượng không,
Trên ghế bà đầm ngoi đít vịt,
Dưới sân ông cử ngóng đầu rồng.”*

(Giễu người thi đỗ)

Và ông buồn trước cảnh Nho học suy tàn:

*“Cái học nhà Nho đã hỏng rồi,
Mười người đi học chín người thôi.”*

(Cái học nhà Nho)

Tuy nhiên ông không bỏ được nét đùa bỡn cổ hủ:

*“Sao bằng đi học làm thầy Phán,
Tối rượu sâm banh, sáng sữa bò.”*

Tú: Chính vì thất bại trên đường công danh nên cái nghèo đeo đuổi ông đến cuối cuộc đời và khiến ông có cái giễu cợt rất chua xót. Em nghe đây:

*“Khách hỏi nhà ông đến,
Nhà ông đã bán rồi.
Vợ lăm le ở vú,*

Con tấp tễnh đi bồi....”

Đôi khi anh thấy cái nghèo cũng thôi thúc ông chấp nhận một thái độ liêu lỉnh:

*“Gần chùa gần cảnh ta tu quách,
Cửa Phật quanh năm vẫn áo sông.”*

(Mùa nức mặc áo bông)

Hoặc lém lỉnh:

*“Khi túng toan lên bán cả trời,
Trời cười thằng bé nó hay chơi.”*

Phương: Ngoài ra, vì sống trong buổi giao thời nên ông chứng kiến nhiều sự thay đổi trong xã hội với tất cả những lổ lảng của nó. Thử hỏi làm sao ông có thể ngừng bồn chồn khi thấy cảnh sau đây:

*“Lẳng lẳng mà nghe nó chúc sang,
Đứa thì mua tước, đứa mua quan,
Phen này ông quyết đi buôn lọng,
Vừa chửi vừa rao cũng đắt hàng.”*

(Chúc xuân)

Ông lại cho ta thấy thể thái nhân tình cũng như thể lực của đồng tiền:

*“Chồng chung vợ chạ, kìa cô Bó,
Đầu lay quan xin, nợ chú Hàn.”*

Tú: Nhưng anh Phương ơi, em nghĩ một người có tài văn chương như Trần Tế Xương mà ra nông nổi này thì đáng tiếc thật. Tại sao ông ta không học một nghề gì khác phù hợp với thời đại mới?

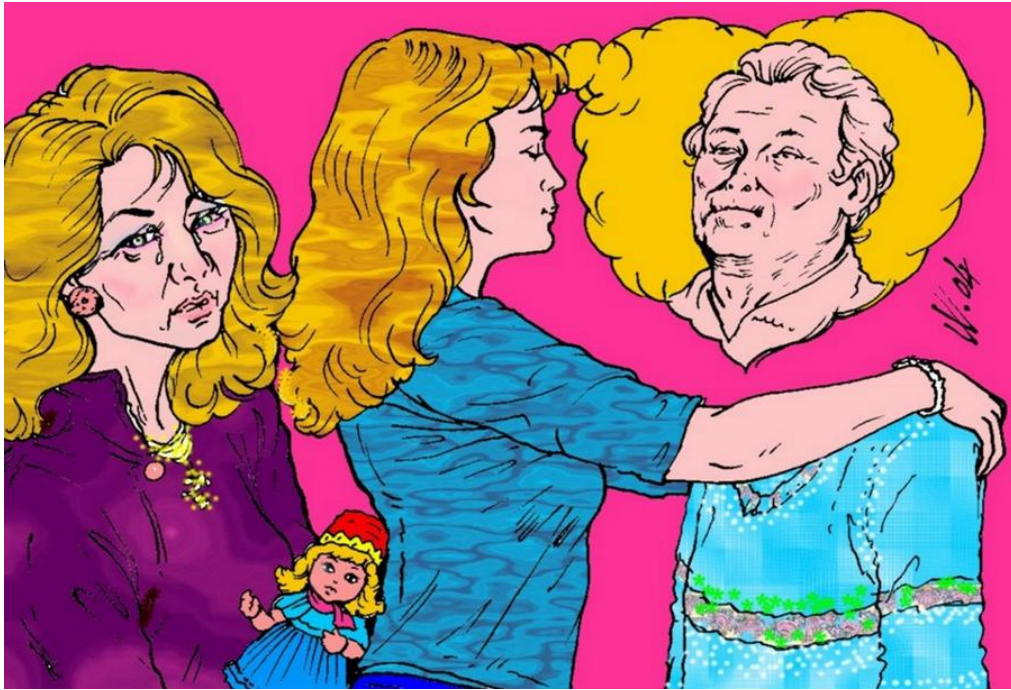
Phương: Em nói có lý. Nhưng nếu ông ta hài lòng với đời sống của mình thì có lẽ không bao giờ ông sáng tác nổi những bài thơ bất hủ như thế này cho hậu thế.

Bài tập 9

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Trần Tế Xương sống vào thời kỳ nào và thời kỳ đó có gì đặc biệt?
2. Phân tích tâm lý Trần Tế Xương qua các đoạn thơ.
3. Trần Tế Xương hay tự chế giễu mình. Qua các đoạn thơ được liệt kê ở trên, em hãy cho thấy tác giả tự châm biếm mình về phương diện gì?
4. Nét trào phúng được thể hiện như thế nào trong văn thơ ông?
5. Cách dùng chữ bộc lộ tâm trạng tác giả. Em hãy chứng minh.
6. Cái nghèo đeo đuổi tác giả như một nghiệp dĩ khó dứt. Theo em hoàn cảnh này do thời thế hay do lỗi của tác giả? Qua cách dùng từ, tác giả biểu lộ sự nghèo khó của mình như thế nào, và trước sự khốn khó đó thái độ tác giả ra sao?
7. Em biết gì về chế độ thi cử thời xưa? Nó khác với thời nay như thế nào? Tại sao Trần Tế Xương hay thi rớt?
8. Tác giả sống vào buổi giao thời. Em có nhận xét gì về những thay đổi xã hội và giáo dục?
9. Em đã học qua về cuộc đời và thơ văn của Bà Huyện Thanh Quan. Theo em tại sao thơ của Tú Xương có nét trào phúng mà thơ Bà Huyện Thanh Quan lại không?
10. Bà Huyện Thanh Quan và Trần Tế Xương đều có nỗi buồn riêng. Nó khác và giống nhau như thế nào?

Mẹ Con



Joann **bần thần** nhìn mình trong gương. Khuôn mặt hốc hác thấy rõ. Mới có một tuần mà quầng mắt thâm đen. Nàng với tay lấy hộp kem dưỡng da xoa đều. Dường như chưa hài lòng, Joann miết thêm một lớp dây quanh mắt. Nàng mở to đôi mắt, đột nhiên tự hỏi mình: “Ngày mai sẽ ra sao?”

Cả tháng nay, từ lúc sở tìm **thân nhân** báo tin họ đã tìm được đứa con gái duy nhất của nàng, câu hỏi đó cứ luôn luôn ám ảnh. Sáng mai, mười giờ, nàng sẽ đến gặp con tại văn phòng của sở. Joann lo lắng. Nàng không biết sẽ phải làm gì, đứa con gái đó có nhìn nhận nàng là mẹ? Joann nhặt hai tấm hình trên bàn. Một tấm hình cũ mềm, vàng úa trên nền đen trắng. Tấm còn lại màu sắc tươi sáng với nụ cười của cô gái tóc vàng, mắt nâu. Những đôi mắt to và chiếc cằm nhọn, **hao hao** giống nhau. Joann không tin là sở tìm thân nhân làm việc nhanh như vậy. Nàng có ý định tìm con mấy năm nay, chỉ từ một dấu hỏi con mình giờ ra sao. Vậy thôi! Tiền chi phí những ba trăm đô la. Joann **ngần ngừ** mãi. Tìm không ra cũng phải mất toi tiền. Ba tháng trước Joann **bấm bụng** ký tấm chi phiếu, soạn mớ hình ảnh, khai sinh, giấy tờ gửi đi. Nàng ngượng hết sức khi nghe người thư ký cho hay đứa con nàng đã nộp đơn tìm mẹ hơn hai năm nay. Hồ sơ đã **đối chiếu** rất ăn khớp. Bởi thế, Joann với tay lấy hộp thuốc ngủ, tách viên thuốc nhỏ xíu bỏ vào miệng nuốt chửng. Nàng cần giấc ngủ hơn bao giờ hết. Tiếng con Ricky rên ư ử đòi ra sân đi cầu làm Joann bực bội. Nàng lớn tiếng gọi chồng:

- Ronney, mở cửa cho con Ricky!

Joann quơ chiếc gối trùm mặt lại. Chát thuốc thấm vào cơ thể, nàng thấy **phiêu diêu** dễ chịu.

Chín giờ ba mươi sáng.

Joann ngồi thấp thòm trong phòng đợi. Cô thư ký đưa nàng vào đây rồi khép cửa đi mất. Căn phòng nhỏ vốn vẹn bộ sofa màu cỏ úa, chiếc bàn kiềng tròn với vài tạp chí, **cây trường sinh** ở một góc. Ánh đèn vàng dịu. Không khí ẩm áp, yên lặng. Nàng nhìn mãi vào đồng hồ, tự hỏi

đưa con gái đó có đến không? Có tiếng giày lộp cộp ngoài hành lang. Joann nín thở. Tiếng động đi xa hẳn về hướng khác. Yên lặng bủa vây. Joann mở tờ báo, những dòng chữ nhảy múa, những màu sắc quay cuồng. Nàng có cảm tưởng mình bị nghẹt thở.

Cửa phòng bật mở, một cô gái tóc vàng, miệng cười rất tươi bước vào. Joann lúng túng. Cô gái bước tới nhìn nàng, khẽ nói:

- Có phải bà là Joann Swatchz không?

Joann gật đầu như cái máy.

- Con là Becky. Con là con của bà!

Nước mắt cô gái trào ra. Joann muốn khóc. Nàng giơ hai tay về phía con:

- Phải, ta là mẹ của con.

Hai mẹ con ôm nhau. Không khí như lắng đọng, chỉ còn tiếng sụt sịt của hai người đàn bà. Joann đẩy con ra, nhìn đứa con bằng xương bằng thịt trước mặt mình. Đây là hình ảnh của nàng hai mươi năm trước, trẻ trung, đầy sức sống. Mãi đến phút giây này nàng mới nhận thức được mình đã già, ít ra già hơn nàng nghĩ. Becky cũng nhìn mẹ, nàng thấy thương yêu ngay người đàn bà này, nàng tìm thấy được vài nét của mình trên khuôn mặt Joann. Becky lên tiếng:

- Mẹ ở đâu vậy mẹ?

Joann với tay cầm chiếc ví, khẽ nắm tay con:

- Đi, mẹ đưa con về nhà, mình sẽ nói chuyện nhiều hơn.

Cả hai bước ra đường. Ánh nắng chan hoà. Những cơn gió đầu thu man mác, **mon man** đôi mái tóc. Joann ngửa cổ hít lấy không khí trong lành. Nàng cảm thấy yêu cuộc đời quá. Mọi sự thật dễ dàng. Nàng tự cười mình đã bận tâm lo lắng mấy hôm nay.

Trên xe, Joann hỏi chuyện con. Becky sống trong **khu nội trú** đại học, là sinh viên năm thứ hai ban kinh tế. Gia đình bà mẹ nuôi Becky ở một thành phố nhỏ cách đó khoảng 60 dặm. Joann nói:

- Con có biết sở ta làm cạnh trường đại học không?

- Thật à, đâu vậy mẹ?

- Ta làm ở sở y tế của tiểu bang.

- A, con biết rồi, cái toà nhà màu trắng chứ gì? Năm rồi con và mấy đứa bạn bỏ phiếu bầu cử ở đó.

Joann phác tay đồng ý. Nàng thở dài. Con gần nàng quá, chung một khuôn viên, một bầu trời. Chỉ cần vài bước là có thể gặp nhau. Lắm khi đã chạm mặt nhau mà không hề nghĩ đến sự liên hệ máu huyết. Trái đất bé nhỏ quá! Bỗng dưng Joann hối tiếc. Sao mình không tìm con từ lâu. Đứa con gái này dễ thương quá. Hạnh phúc này ta phải nắm chặt lấy. Nước mắt nàng nhoè nhoẹt, mờ đôi kính cận. Becky liếc nhìn mẹ, cảm động. Mẹ nàng đây sao? Người đàn bà nàng nghĩ đến bao nhiêu năm trời, muốn gặp mặt để chỉ hỏi một câu: “Tại sao mẹ bỏ con?”.

Joann dừng xe trước một căn nhà khang trang. Becky quay lại nhìn nàng, hỏi:

- Mẹ ở đây hở? Nhà đẹp quá!

Joann sung sướng gật đầu. Căn nhà nằm trên khoảng đất rộng, hàng rào thưa bao quanh. Sân trước, dọc theo lối đi, Joann trồng nhiều hoa hồng. Những đoá hồng đủ màu nở rộ, lung linh cười. Mùi hương toả ra nhẹ nhàng, ngây ngất. Những khóm cúc vàng, thược dược gần cửa ra vào cũng khoe sắc, rung rinh dưới cơn gió nhẹ. Không thấy xe Ronney ở nhà, cả tiếng con chó Ricky cũng vắng, chắc Ronney đi thăm ông cụ ở **viện dưỡng lão**. Ông cụ già lắm rồi, bệnh hoạn hoài, phải đưa vào đây để có người chăm sóc.

Becky choá mắt trước căn phòng **tráng lệ**. Bộ bàn ghế đắt tiền. Ngọn lửa **nhân tạo** bập bùng trong lò sưởi làm cho những bức tượng bày chung quanh như có sự sống. Đàn cá nhón nhơ trong bồn thủy tinh thật lớn ở góc tường. Chiếc rèm cửa màu hoa đào che khuất một phần sân

sau nhà, Becky thấy mặt nước hồ tắm xanh lấp lánh. Lốp nhưng đỏ thắm phủ trên chiếc dương cầm. Bình hoa cúc trắng nổi bật trên màn nhung, đẹp như một bức tranh. Becky vuốt nhẹ lên phím đàn. Nàng ước mơ có một chiếc đàn như thế này. Bà mẹ nuôi chỉ là một thư ký nghèo. Nàng mong tới ngày tốt nghiệp, tìm việc làm lương cao sẽ tự mua nhà cho mình.

Joann nắm tay con, như thói quen của nhiều người Mỹ, nàng dẫn con đi giới thiệu từng phòng:

- Đây là nhà bếp, mẹ rất lười nấu ăn.

Joann mở tủ lạnh lấy lon nước ngọt, bật khoen ấn vào tay con:

- Uống đi. Còn đây là phòng của mẹ.

Becky nhìn ở đầu giường, tấm hình Joann chụp với một người đàn ông và con chó to lớn, Joann nói:

- Đây là Ronney, chồng của mẹ. Đây là phòng vệ sinh. Còn đây nữa...

Becky trở mắt. Căn phòng nhỏ vừa bước vào đầy những búp bê. Trên chiếc nôi nhỏ xíu góc phòng, một con búp bê nằm ngủ. Joann liền thoáng:

- Mẹ tạm gọi đây là bộ sưu tập của mẹ. Mấy con búp bê này mẹ thường chọn lựa rất kỹ trước khi mua. Con áo xanh đó mẹ phải trả hơn bốn trăm đô la, con tóc đỏ này rẻ hơn, khoảng hai trăm thôi. Mẹ đặt cho mỗi đứa một tên. Đây Lisa tóc bạch kim, Susan tóc vàng. Con búp bê tóc đen với đôi kính cận mẹ gọi nó là Vân, giống như một người bạn Việt Nam làm chung với mẹ. Chiếc mền thêu hoa đắp con Jessica đang ngủ kia là do Vân thêu giùm mẹ đó.

Becky chợt hỏi:

- Ngày xưa mẹ đặt tên con là gì?

Joann ngồi xuống giường, khẽ nói:

- Marie. Tên con là Marie Swatchz.

Nước mắt lại lăn dài trên má. Joann kéo tay con ngồi xuống cạnh mình. Câu chuyện hai mươi năm qua trở về như một cuốn phim quay chậm...

Thuở đó, Joann vừa tốt nghiệp trường huấn nghệ. Nàng xin được việc làm ngay ở sở Y Tế. Ba tháng sau, Joann mừng rỡ báo tin cho người bạn trai việc nàng thọ thai. Joann bàn về tương lai, hối thúc Bruce làm đám cưới. Anh ta âm ừ rồi đề nghị phá thai. Vào lúc đó, việc phá thai rất khó khăn, Joann sợ ê mặt với bạn đồng sở nên chống lại ý Bruce. Hai người **bất hoà** luôn. Joann chuyển bụng. Bruce vắng nhà, nàng cắn răng chịu đau lái xe đến nhà thương một mình. Qua cơn đau, nàng gọi phone về cho Bruce: “Con gái anh ạ. Con có màu tóc của anh. Con đẹp lắm. Đến đây nhìn con của mình nha anh”.

Bruce không đến, chẳng buồn nhìn mặt đứa con. **Nhẫn tâm** hơn, anh ta thu dọn quần áo bỏ đi. Joann ôm con một mình với mối hận thù. Còn hơn một tháng, Joann trở lại sở làm. Tiền gửi con, tã, sữa, tiền thuê nhà, v.v... nàng không đủ sức tự lo. Cha mẹ nàng ở tận miền Nam, nàng giấu biến không cho hay biết. Nhiều khi đứa bé khóc, nàng **nổi sùng** cầm gối đè chặt vào mặt con. Cũng may tiếng khóc ề ạch gần tắt hơi của đứa bé kêu gọi tình mẫu tử, Joann ngừng tay rồi ôm con khóc. Hoàn cảnh **khốn đốn** khiến Joann không chịu đựng nổi. Cuối cùng nàng đem con cho hội từ thiện. Nàng nói trong nghẹn ngào:

- Mẹ không đủ sức lo cho con. Lúc đó mẹ còn quá trẻ, trẻ như con bây giờ. Mẹ chỉ mong gia đình nào xin con sẽ lo lắng cho con trọn vẹn hơn mẹ. Con ở với mẹ biết chừng đâu cả hai mẹ con đều chết. Mẹ buồn ghê lắm. Khoảng hai năm sau đó, mẹ tới chỗ cũ hỏi thăm, họ cho hay đã có người nhận con về nuôi. Họ từ chối cho biết tin tức về gia đình này. Mẹ thực sự mất con.

Becky nổi lời:

- Năm con lên mười tuổi, mẹ nuôi kể con hay mọi việc. Bà ấy cũng chỉ biết tên mẹ thôi. Mãi khi lớn lên con mới nghĩ tới việc tìm cha mẹ ruột. Cha con giờ ở đâu?

- Ở gần đây lắm. Ông ấy đã lập gia đình, có thêm vài đứa con thì phải. Mẹ chỉ biết thế thôi chứ không liên lạc. Còn gia đình mẹ nuôi con thế nào?

Becky nhoeo miệng cười:

- Mẹ Ruth tốt lắm, rất hiền và ngoan đạo. Con và anh Dan đều là con nuôi. Anh Dan đã ra riêng. Con ở nội trú cho tiện đi lại, thỉnh thoảng con vẫn gọi điện thoại về thăm nhà. Đêm qua con có nói cho mẹ Ruth hay hôm nay con gặp mẹ. Bà có dặn con mời mẹ về đây chơi.

Joann gật đầu:

- Ồ! hôm nào mình về thăm bà ấy. Mẹ muốn ngỏ lời cảm ơn bà đã nuôi nấng con.

Becky nắm tay Joann siết chặt. Như một giấc mơ tưởng không thành sự thật. Bao nhiêu năm lớn lên với lòng **oán trách** người mẹ đã nhẫn tâm bỏ rơi mình, phút chốc nàng cảm thấy quên hết giận hờn, chỉ còn nổi lâng lâng, sung sướng.

Từ đó, Joann thường hẹn Becky đi ăn trưa, đi chơi. Họ chọn ngày về thăm bà mẹ nuôi. Joann mua bó hồng bằng vải. Hai ngày liền nàng hồ cúng những đoá hoa rồi phun đều nước bóng. Hoa được kết đầy trên chiếc làn mây, một chiếc nơ sa tanh cột trên tay cầm. Becky **tấm tắc** khen mẹ khéo tay. Joann đưa con về nhà.

Khác hẳn sự ồn ào của thành phố, tỉnh lỵ nơi bà Ruth ở chỉ **lèo tèo** vài chục căn nhà, dăm ba con đường nhỏ, lưa thưa mấy cửa tiệm. Theo hướng chỉ của Becky, chiếc xe dừng lại trước một căn nhà nhỏ. Becky mở tung cửa xe, chạy bay vào nhà. Joann cầm gói quà, **lững thững** theo con. Một người đàn bà trung tuần mập mạp, khuôn mặt **phức hậu**, bước ra với Becky.

- Đây là Joann, mẹ của con. Còn đây là Ruth - nàng cười nhí nhảnh - cũng là mẹ của con.

Bà Ruth cười hiền hoà:

- Mời bà vào chơi. Lần nào gọi điện thoại về cho tôi, Becky cũng nhắc đến bà.

Joann nhìn quanh nhà. Đồ vật trưng bày có một nét cũ kỹ, già nua, làm căn phòng khách tối hắt hắt. Con búp bê đặt trên chiếc tủ kia là một bằng chứng. Nó vừa xấu, vừa lồi thối với cái áo đầm bằng vải hoa. Nhìn theo hướng mẹ, Becky bước đến ôm con búp bê:

- Đây là em Caty của con!

Bà Ruth tiếp lời:

- Ủ, Becky yêu con búp bê này từ thuở nhỏ, đêm nào lên giường cũng ôm em Caty. Tôi nhớ có một lần Caty rơi xuống gầm giường tìm không ra. Becky khóc hoài, mệt thì ngủ vùi, giật mình lại khóc tiếp. Tôi và ông nhà tôi **sục sạo** khắp nơi, rốt cuộc gần sáng mới tìm ra.

Becky đỏ mặt. Bà Ruth ôm con vào lòng:

- Con bé này ngoan lắm. Vì muốn cho con học thành tài nên tôi mới đành để nó đi xa. Thực ra có ai muốn xa con mình đâu phải không bà?

Đến lượt Joann đỏ mặt. Nàng **lấp bắp**:

- Vâng, cũng vì hoàn cảnh thôi.

Bà Ruth đưa Joann đi giới thiệu từng phòng. Bà đem cuốn tập hình chụp Becky từ nhỏ đến lớn. Bằng giọng triu mến, bà kể lại những kỷ niệm về con. Becky luôn nhìn bà với ánh mắt thương yêu.

Sau bữa ăn, bà Ruth đưa cho con một hộp giấy lớn:

- Đây, cầm lấy. Mẹ làm hôm qua để dành cho con đó!

- Mẹ làm chi cho cực vậy?

- Con chó con, không phải mày thích thứ bánh hạnh nhân này lắm sao?

Becky **bùi ngùi**. Nàng ôm bà Ruth hôn thật lâu vào đôi mắt nhắm nheo. Ra tới xe nàng hãy còn luyến tiếc, vẫy tay chào bà cho đến khi căn nhà nhỏ khuất sau góc đường.

Suốt cuộc hành trình trở về. Becky nhắc hoài về bà Ruth. Joann nghe mà lòng **tê tái**. Những thương yêu, lưu luyến, gần gũi đó phải chỉ dành riêng cho nàng, không phải cho bà Ruth.

Nàng mới thực sự là mẹ của Becky. Nàng cuu mang con trong bụng, đau đớn thể xác, tâm hồn, chịu bao đắng cay, xấu hổ vì con mà! Nàng nhớ lại những nụ cười mỉa mai của bạn đồng sở, phải chăng đã vì **ương ngạnh**, muốn thách thức họ mà nàng giữ lại cái bào thai đó không?

Về đến nhà, nàng **so đo** mãi với chồng, đến độ Ronney phải bực mình:

- Em thật là vô lý. Em thiếu bổn phận với con từ lâu, bà Ruth nuôi nó từ tấm bé. Mới gặp em đây làm sao nó có thể thương yêu em như thương yêu bà ấy được!

Joann chột tỉnh. Mình phải làm cách nào để giành lại quyền làm mẹ, giành lại tình yêu, giành lại đứa con đây? Con Ricky thè lưỡi liếm tay nàng. Joann lấy hộp bánh tây bỏ vào miệng nó một cái. Ricky vẫy đuôi mừng rỡ, nó dựa vào mình chủ như để tỏ lòng biết ơn.

Joann đến khu nội trú tìm con. Nàng mới mua cho con một con búp bê đắt tiền với chiếc áo dạ hội nhung tím thẫm. Becky ngạc nhiên lắm:

- Sao mẹ cho con vậy?

- Ừ, mẹ biết con thích búp bê mà. Mẹ đặt nó là Amanda, tên dễ thương không? Cho nó thay thế con Caty cũ kỹ của con nhé!

Becky cười, thành thật đáp:

- Amanda, tên đẹp quá, con thích lắm, cảm ơn mẹ; nhưng Caty vẫn là con búp bê con thương nhất.

Joann **phật lòng**, nàng định **trả đũa** con nhưng lại bắt sang chuyện khác:

- Mười hai tháng tới là sinh nhật con, con có nhớ không?

- Nhớ chứ, mẹ cũng nhớ nữa à? Mẹ Ruth gọi con tuần rồi, bà định mời mẹ về chơi, nhưng vì cận ngày thi cuối khoá, con không về được đâu.

Joann chớp ngay lấy cơ hội:

- Vậy càng hay, mẹ sẽ tổ chức sinh nhật con đằng nhà mẹ, con nghĩ sao?

- Con chỉ định đi với mấy đứa bạn ra nhà hàng. Con bận thi mà mẹ.

- Không, mẹ tính xong hết rồi. Con đưa các bạn đến nhà mẹ cho vui. Đây, mẹ mua sẵn thiệp mời cho con. Mẹ đã ghi địa chỉ, vẽ đường đi trong từng tấm. Con chỉ cần điền tên bạn con vào. Cận ngày mẹ với con đi mua thêm ít đồ dùng và trang hoàng. Con bận để mẹ làm cũng không sao. Còn thức ăn mẹ lo luôn.

Becky đành chiều ý mẹ. Vả lại cũng khó từ chối, gần ngày thi mà hầu như ngày nào Joann cũng gọi điện thoại nhắc mãi về tiệc sinh nhật, có khi chỉ để hỏi Becky muốn mua khăn giấy màu gì!

Becky mời người bạn trai và vài người bạn thân. Ronney ở nhà hôm đó. Ông theo lời dẫn của Joann, đưa tặng Becky bó hồng nhung đỏ thắm khi nàng và đám bạn vừa bước chân vào nhà. Becky cảm động lắm. Bữa tiệc diễn ra trong không khí thân mật, vui vẻ.

Khi ăn bánh, Joann nhắc con mở quà. Quà các bạn được mở ra. Vài cuốn sách, một khung hình, một bình hoa bằng pha lê màu xanh ngắt. Becky định mở gói quà bà Ruth gửi kịp tới tay nàng sáng nay. Joann ngăn con lại. Nàng trịnh trọng đưa gói quà của mình, yêu cầu con mở ra. Becky vâng lời mẹ. Chiếc hộp đựng chiếc áo ngủ bằng lụa hồng, đôi bao tay ren trắng và một đoá hoa hồng sa tanh có ướp mùi thơm đặc biệt. Joann giải thích:

- Mẹ muốn con mặc chiếc áo này trong đêm tân hôn. Đôi bao tay cho cô dâu và đoá hoa con cài trên áo cưới. Mẹ sẽ rất sung sướng đưa con đi chọn áo cưới sau này.

Becky đỏ mặt trong tiếng cười của các bạn. Joann bắt con ướm thử áo vào người. Nước da trắng hoà hợp với chiếc áo khiến mọi người tấm tắc khen. Becky vẫn không quên gói quà cuối cùng. Nàng thận trọng mở ra. Một chiếc áo len đan tay màu trắng ngà vàng, điểm vào hoa xanh xếp ngay ngắn trong hộp. Becky mỉm cười. Joann không hiểu nụ cười của con. Becky mở tấm thiệp lẫn trong lớp áo. Nàng khẽ đọc:

“Gửi Becky, con yêu của mẹ. Mừng sinh nhật thứ hai mươi của con. Con có nhớ chiếc áo này không? Năm con mười lăm tuổi, mẹ đã len đan cho con chiếc áo len này. Mẹ nhớ ngày con nhận được, con ôm mẹ khóc. Con nói chiếc áo này là quà tặng quý nhất của con. Nay mẹ soạn trong mớ đồ cũ, mẹ không còn tỏ mắt để đan áo mới, mẹ tặng cho con lần nữa, mong rằng con sẽ vui vẻ nhận, như nhận cả tình yêu của mẹ mãi mãi cho con. Ruth”.

Becky chan hoà nước mắt, nàng mở chiếc áo ra mặc ngay vào người, quay sang nói với Joann:

- Con dùng điện thoại của mẹ được không?

Joann gật đầu như cái máy. Tiếng Becky vang vang như những mũi dao đâm thấu tim nàng:

- Hi! mẹ Ruth đó hả. Becky đây. Con vẫn khoẻ, cảm ơn mẹ. Con nhận được quà sinh nhật của mẹ, con đang mặc trong mình con đây. Đây là món quà quý nhất trong lần sinh nhật thứ hai mươi này. Cảm ơn mẹ. Con thương mẹ nhất.

Như một chiếc răng sâu, cơn nhức nhối đục khoét từng phút, từng giây. Joann đi từ thất vọng này sang thất vọng khác. Càng cố gắng **chỉnh phục** con, nàng thấy Becky càng xa tầm tay hơn. Cũng như tác dụng của viên thuốc Aspirin, cơn đau lắng dịu trong phút chốc; thuốc tan, cơn đau lại bùng lên, **vật vã**. Joann dọn căn phòng trống trong nhà. Nàng trang hoàng, mua khăn trải giường, gối mới thật đẹp. Nàng gọi Becky dọn về ở. Căn phòng hoàn toàn quá, Becky sẽ không nỡ từ chối. Joann bảo con sáng chiều nàng sẽ cùng con đến sở, đến trường, họ sẽ có dịp gần nhau luôn. Tiện quá! Vậy mà Becky không ưng, nàng chỉ muốn được tự do. Ngày một, ngày hai Joann cứ gọi điện thoại thúc hối, Becky phải nhờ cô bạn chung phòng nói dối nàng không có nhà. Giằng co mãi, Joann bỏ sở làm một buổi, đến phòng trọ của con gom góp tất cả vật dụng, quần áo, sách vở. Nàng để lại tờ giấy:

“Mẹ thu dọn đồ dùng của con về nhà mẹ. Mẹ muốn con ở gần để mẹ chăm sóc cho con. Con đừng trách mẹ. Mẹ không thể sống thiếu con. Đến với mẹ ngay đi con. Thương yêu. Joann.”

Đêm đó Joann đợi con.

Đêm thứ hai.

Đêm thứ ba.

Joann giận lắm. Nàng đón con trước sân trường.

Becky vùng vằng:

- Con không muốn đến đó ở, mẹ đừng ép con.

- Nhưng đó là nhà của mẹ, của con mà.

- Không, đó chỉ là nhà của mẹ. Nhà của con là ở tỉnh nhỏ với mẹ Ruth. Mẹ mang đồ trả lại cho con. Còn như mẹ thích, mẹ cứ giữ lấy.

Joann đầu hàng. Nàng **ngậm ngùi** mang tất cả mọi thứ trả lại cho Becky. Nàng gửi thư xin lỗi con. Tình cảm xem ra lợt lạt dần từ phía Becky. Mỗi lần gọi điện thoại cho con, Joann chỉ được nghe cô bạn gái chung phòng bảo Becky đi vắng.

Mùa thi qua, tuyết trắng đầy đường, cái lạnh mùa đông làm Joann co ro trong áo ấm, tê tái như nổi rét mướt tâm hồn. Joann gửi rất nhiều quà cho con. Những bó hoa, những tấm thiệp, những chiếc áo, v.v... như những hạt muối chìm dần trong biển cả. Joann ngồi hàng giờ trước máy điện thoại. Nghe tiếng chuông reo, nàng nhảy nhồm lên, hớn hờ rồi thất vọng. Ronney đã có lần hét lên:

- Em có điên không?

Không, Joann nghĩ, nàng chỉ muốn giành lại tình yêu của đứa con. Nàng đã cố gắng, phung phí thì giờ và tiền bạc. Những đồng tiền tiết kiệm trong trương mục vui dần, những giấy

nợ cao hơn. Tất cả không kêu gọi được Becky. Tất cả không đủ để mua tình mẹ con. Nàng phải làm hơn thế nữa, bằng mọi cách. Lễ Giáng Sinh sắp đến, nàng viết thư cho con:

“Đêm Giáng Sinh mẹ sẽ làm một tiệc lớn cho con mời bạn bè. Mẹ có một món quà đặc biệt cho con. Mẹ biết con sẽ thích lắm. Ông ngoại ở miền Nam gọi điện thoại cho mẹ, ông muốn gặp con. Gia đình mình ở đây đông lắm, ai nấy đều chờ đón con. Mẹ hứa sẽ đưa con về. Mẹ đã mua vé máy bay xong rồi. Con nghỉ hai tuần spring break mẹ đưa con đi ngay. Quên nữa, đây là thiệp mời cho các bạn, mẹ đã lo chu đáo cho con. Có thì giờ rảnh gọi điện thoại cho mẹ. Thương.”

Joann chờ con, chờ mãi, bàn tiệc **ê hề** những món ăn nguội lạnh. Ronney tức giận bỏ đi từ lúc nào. Đến thăm ông cụ trong viện dưỡng lão còn đỡ bức mình hơn nhìn khuôn mặt chảy dài của vợ. Joann gọi điện thoại. Những tiếng reng liên tục, **lê thê**, xoáy mạnh vào sự yên lặng. Không một ai ở đây. Ánh đèn giăng giăng trên cây thông chớp tắt từng hồi làm cho căn phòng trống trải lạ. Gói quà cho Becky nằm **bơ vơ**. Nàng đã mua một chiếc áo lông đắt tiền cho con. Joann rót ly rượu mạnh nốc cạn. Chát đắng thấm qua cuống họng, đốt cháy cơ thể. Joann uống thêm ly nữa, rồi ly nữa. Chai rượu cạn dần. Mắt nàng đỏ ngầu, những tia máu nổi trên phần tròng trắng như những tia lửa. Nổi sùng, Joann ném mạnh ly rượu vào lò sưởi. Tiếng ly vỡ loảng xoảng như **kích thích** con giận. Ricky giật mình sửa âm ỉ. Joann quát to:

- Câm họng lại!

Con chó tiu ngưu nằm bẹp xuống. Joann đá phóc vào mình nó.

- Cút đi, cút hết đi!

Joann lên cơn điên. Nàng mong có Becky ở đó, nàng ước ao chính tay mình bóp cổ Becky, giết chết nguồn sống mà nàng đã tạo ra. Đứa con đó đã phản bội mẹ.

Joann gào lên:

- Ta là mẹ của con, Becky!

Joann lại đón con trước cổng trường, trao cho con gói quà. Với vẻ mặt mệt mỏi, nàng trách khéo:

- Mẹ chờ con suốt đêm Giáng Sinh.

- À! con về với mẹ Ruth. Năm nào con cũng phải về nhà.

Joann mở ví đưa cho Becky thấy hai tấm vé máy bay:

- Tuần tới mẹ đón con. Mình về thăm ngoại. Chuyến bay cất cánh lúc mười giờ sáng. Mẹ sửa soạn xong hết rồi, con chỉ cần đem ít quần áo thôi. Chuyến đi này mẹ mong rằng chúng mình sẽ có dịp tâm sự nhiều hơn.

Becky ngập ngừng. Joann không để con nói một lời nào, nàng quay đi che giấu đôi dòng nước mắt.

Thư cho mẹ Joann:

*Con viết thư này sau nhiều đêm suy nghĩ **chín chắn**. Con định gọi điện thoại hẹn mẹ ra, mẹ con mình nói chuyện. Nhưng con không nghĩ mẹ sẽ lắng nghe con. Mẹ chưa từng lắng nghe và để con tự quyết định một việc gì. Tất cả được mẹ lo hết, **chu đáo**, trọn vẹn. Con chỉ phải theo đường vạch sẵn. Con không cảm thấy mình còn được tự do, dù rằng những gì mẹ lo cho con đều đắt tiền, đều long lỷ, quá xa sự ước đoán. Con chỉ mong muốn một điều, hãy để con tự lo lấy đời con.*

Như mẹ thường nói, mẹ mất con hai mươi năm nay, mẹ muốn bù đắp lại những thiếu sót của mẹ.

Con muốn bảo với mẹ rằng, con không cần những bù đắp đó. Con đã lớn lên, trưởng thành trong vòng tay mẹ Ruth. Bà không sinh ra con nhưng đã cho con cả trái tim người mẹ. Những thứ đó không chỉ đến bằng tiền, bằng vật chất xa hoa. Tình yêu của mẹ Ruth, con ân cần đón nhận. Có một ai đã nói, đứa trẻ nào lớn lên cũng mang theo hình ảnh người mẹ. Thì hình ảnh mẹ Ruth là tất cả của con.

Hai mươi năm qua lớn lên với câu hỏi trong lòng, tại sao mẹ bỏ con. Giờ đây con đã hiểu. Con cũng chẳng cần tìm biết người cha không nhìn đến hòn máu rơi của mình. Con khác mẹ, con không níu kéo những gì không thuộc về con.

Còn mẹ, Joann, mẹ chỉ là người tạo ra con, sinh ra con. Vậy thôi. Thời gian mấy tháng chưa đủ để hình ảnh mẹ thay thế mẹ Ruth. Không bao giờ. Cũng không thể kéo dài hơn. Thời gian quá ngắn nhưng con đã quá mệt mỏi vì những điều dồn dập của mẹ cho con. Con không buồn trách mẹ đâu. Mẹ muốn kéo con về bên mẹ, để làm gì khi con thực sự không muốn? Mình chỉ có thể là bạn. Hai người bạn tình cò gặp nhau trên một đoạn đường.

Con gửi lại cho mẹ con búp bê Amanda, cả chiếc áo lông. Cám ơn mẹ rất nhiều. Mẹ về thăm ông ngoại và thân quyến vui vẻ, nói với họ là mẹ đã đánh mất con lần nữa. Mùa nghỉ này con phải về với mẹ Ruth. Mẹ có thể sống xa con, còn mẹ Ruth, bà cần con hơn mẹ.

*Chúc bình an,
Becky*

Ai đi chuyến bay về miền Nam hôm đó cũng **hiếu kỳ** nhìn thiếu phụ **phục sức** sang trọng tay ôm con búp bê mặc áo nhung tím thẫm. Càng ngạc nhiên hơn nữa, nàng đặt con búp bê ngồi trên chiếc ghế cạnh nàng. Đám nữ tiếp viên hàng không **xì xào**:

- Bà ấy dám mua cả một vé máy bay riêng cho con búp bê đó!
- Chắc bà ấy giàu có lắm!
- Ừ, giàu mới tiêu tiền hoang phí vậy chứ. Nhưng bà ấy có vẻ mệt mỏi, buồn rầu sao sao ấy.

Giờ máy bay cất cánh, tiếp viên hàng không đi từng ghế nhắc hành khách thắt dây lưng an toàn. Một cô buột miệng khen:

- Con búp bê xinh quá. Bà yêu nó lắm hờ?

Joann, vâng đầy chính là Joann đáp:

- Ừ, đây là Becky, con tôi. Tôi có con mà cũng như không. Tôi đưa nó về thăm quê ngoại.

Tiếng rú của động cơ vang rền. Joann nhắc ống nghe đặt vào tai, nhắm mắt lại. Mọi ồn ào bên ngoài mất hẳn, chỉ còn tiếng nhạc. Thân nàng như nhắc bổng theo đà máy bay lên. Hơn lúc nào hết, Joann muốn quên lãng cuộc đời.

Nguyễn Văn

Tóm lược tác phẩm

Khi con vừa hơn một tháng, Joann đã đem con cho hội từ thiện. Gần hai mươi năm sau, vì hối hận, bà ta đã nhờ Sở Tim Thân Nhân tìm con cho mình. Khi gặp con, bà muốn lời cuốn cô về phía mình bằng cách cho con những món quà xa xỉ, đắt tiền. Nhưng Becky, đứa con bị bỏ rơi vẫn thương yêu bà Ruth, mẹ nuôi của cô ấy mặc dù bà Ruth rất nghèo.

Từ Vựng

1. bần thần	(trt.):	kém sắc khí tinh anh, nét mặt biểu hiện sự mệt mỏi hoặc bồn khoăn lo nghĩ	<i>haggardly</i>	(adv.)
2. hao hao	(trt.):	phảng phất những nét giống nhau	<i>slightly alike</i>	(adv.)
3. ngần ngừ	(đt.):	cân nhắc, chưa dứt khoát nửa muốn làm, nửa muốn không	<i>to dilly-dally, to vacillate</i>	(v.)
4. bấm bụng	(đt.):	cố nén chịu, không để lộ ra cho người khác biết	<i>to hold back, to endure without uttering a word</i>	(v.)
5. đối chiếu	(đt.):	so sánh các chi tiết với nhau để thấy sự khác biệt	<i>to compare</i>	(v.)
6. phiêu diêu	(tt.):	bâng khuâng, nhẹ nhàng	<i>drifting away, comfortable</i>	(adj.)
7. cây trường sinh	(dt.):	còn gọi là cây sống đời, cây thuốc bỏng, dân gian làm thuốc chữa phỏng, cầm máu, đắp vết thương, sưng đau	<i>life leaf, air plant, miracle leaf</i>	(n.)
8. mơn man	(đt.):	lướt nhẹ trên bề mặt, gây cảm giác dễ chịu	<i>to caress</i>	(v.)
9. khu nội trú	(đt.):	khu vực sinh viên ăn ở ngay trong nhà trường	<i>dorm</i>	(n.)
10. viện dưỡng lão	(đt.):	nơi chăm sóc người già	<i>nursing home</i>	(n.)
11. tráng lệ	(tt.):	đẹp lộng lẫy	<i>magnificent, superb</i>	(adj.)
12. nhân tạo	(tt.):	do con người tự làm ra	<i>artificial</i>	(adj.)
13. bất hoà	(tt.):	không thuận hoà, hay xích mích gây gổ với nhau	<i>discordant, disagreeable</i>	(adj.)
14. nhẫn tâm	(tt.):	làm những việc thất đức, trái với đạo lý, lẽ phải ở đời	<i>heartless, ruthless, merciless</i>	(adj.)

15. nổi sùng	(đt.):	nổi giận, nổi nóng	<i>to blow up, to become enraged</i>	(v.)
16. khốn đốn	(tt.):	khó khăn, phải chống đỡ hết cái này đến cái khác	<i>tough, hard, difficult</i>	(adj.)
17. oán trách	(đt.):	oán giận và trách cứ	<i>to complain angrily</i>	(v.)
18. tầm tấc	(trt.):	quá đáng	<i>highly</i>	(adv.)
19. tầm tấc khen			<i>to praise highly</i>	
20. lèo tèo	(tt.):	lưa thưa, thưa thớt quá ít	<i>sparse, scattered</i>	(adj.)
21. lững thững	(trt.):	chậm rãi từng bước một, thông thả, ung dung	<i>slowly, leisurely</i>	(adv.)
22. phúc hậu	(tt.):	(có vẻ) hiền từ, nhân đức	<i>kind-hearted, virtuous</i>	(adj.)
23. thân nhân	(dt.):	người nhà, người có quan hệ máu mủ, thân thiết	<i>relative</i>	(n.)
24. sục sạo	(đt.):	tìm kiếm từ chỗ này đến chỗ khác	<i>to search, to scour</i>	(v.)
25. lắp bắp	(đt.):	(miệng) mấp máy luôn mà không nói được rõ, tiếng nọ lẫn vào tiếng kia và lặp lại	<i>to stutter, to stammer</i>	(v.)
26. bùi ngùi	(tĩnh đt.):	cảm thấy buồn ray rút trong lòng	<i>to be melancholy, sad</i>	(v.)
27. tê tái	(tt.):	thâm sâu một cảm xúc, một tác động, một lời nói đến mức như mất cảm giác	<i>afflicting, full of pathos</i>	(adj.)
28. ương ngạch	(tt.):	bướng bỉnh, ngang ngạnh, không chịu nghe lời ai	<i>stubborn, self-willed</i>	(adj.)
29. so đo	(đt.):	so sánh để tính toán	<i>to compare the advantages and disadvantages of something</i>	(v.)
30. phật lòng	(đt.):	bực bội, không hài lòng	<i>to vex</i>	(v.)

31. trả đũa	(đt.):	trừng trị hoặc chống trả lại một cách đích đáng cho hủ giặc	<i>to retaliate</i>	(v.)
32. chinh phục	(đt.):	dùng sự hấp dẫn của trí tuệ và tình cảm để thu hút về phía mình	<i>to conquer, to win over</i>	(v.)
33. vật vã	(đt.):	vật mình bên này, bên kia, lăn lộn vì đau đớn, khổ sở	<i>to writhe</i>	(v.)
34. ngậm ngùi	(trt.):	một cách buồn ngùi, xót xa	<i>grievingly</i>	(adv.)
35. ê hề	(đt.):	có rất nhiều đến mức thừa thãi	<i>to be abundant</i>	(v.)
36. lê thê	(tt.):	kéo dài mãi không dứt, gây cảm giác khó chịu, sốt ruột	<i>lengthening, trailing</i>	(adj.)
37. bơ vơ	(trt.):	lẻ loi, trơ trọi	<i>alone, desolately</i>	(adv.)
38. kích thích	(đt.):	tác động vào cơ quan xúc giác hoặc thần kinh	<i>to excite, to rouse</i>	(v.)
39. chín chắn	(tt.):	cân nhắc kỹ càng, không nông nổi, nóng vội	<i>mature</i>	(adj.)
40. chu đáo	(tt.):	rất cẩn thận, đến nơi đến chốn, không sợ mất điều gì	<i>thoughtful, perfect</i>	(adj.)
41. hiếu kỳ	(tt.):	tò mò, ham thích tìm hiểu điều lạ	<i>curious, inquiring</i>	(adj.)
42. phục sức	(đt.):	ăn mặc và trang sức theo một lối riêng	<i>attires and embellishments</i>	(n.)
43. xì xào	(đt.):	trao đổi, bàn tán chuyện riêng của người khác	<i>to gossip, whisper</i>	(v.)

Bài tập 1

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **oán trách, thân nhân, khu nội trú, phiêu diêu, nhần tâm, hiếu kỳ, phật lòng, tẩm tấc, trả đũa, ê hề, hao hao, phục sức, lê thê, ngậm ngùi, phúc hậu, khôn đồn, sục sạo.**

1. Cả tháng nay, từ lúc sở tìm _____ báo tin họ đã tìm được đứa con gái duy nhất của nàng, câu hỏi đó cứ luôn luôn ám ảnh nàng.
2. Chất thuốc thấm vào cơ thể, nàng thấy _____, dễ chịu.
3. Becky sống trong _____ đại học, là sinh viên năm thứ hai ban kinh tế.
4. _____ hơn, anh ta thu dọn áo quần bỏ đi.
5. Bao nhiêu năm lớn lên với lòng _____ người mẹ đã nhần tâm bỏ rơi mình, phút chốc

nàng cảm thấy quên hết giận hờn, chỉ còn nổi lâng lâng sung sướng.

6. Joann _____, nàng định _____ con nhưng lại bắt sang chuyện khác.
7. Nước da trắng hoà hợp với chiếc áo khiến mọi người _____ khen.
8. Bàn tiệc _____ những món ăn nguội lạnh.
9. Ai đi chuyến bay về miền Nam hôm đó cũng _____ nhìn thiếu phụ _____ sang trọng tay ôm con búp bê mặc áo nhung tím thẫm.
10. Những đôi mắt to và chiếc cằm nhọn, _____ giống nhau.
11. Hoàn cảnh _____ khiến Joann không chịu đựng nổi.
12. Tôi và ông nhà tôi _____ khắp nơi rồi cuộc gần sáng mới tìm ra.
13. Nàng _____ mang tất cả mọi thứ trả lại cho Becky.
14. Những tiếng reng liên tục, _____, xoáy mạnh vào sự yên lặng.
15. Một người đàn bà trung tuần mập mạp, khuôn mặt _____, bước ra với Becky.

Bài tập 2

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **xì xào, chinh phục, oán trách, lèo tèo, lấp bắp, hiếu kỳ, mơn man, hao hao, phật lòng, kích thích.**

1. Thị xã miền núi _____ vài hàng quán.
2. Chú Kha nói _____ trong hơi thở dồn dập.
3. Bài phát biểu của diễn giả _____ được lòng người.
4. Hàng xóm đang _____ chuyện gia đình ông Tám.
5. Mình làm mình chịu, biết _____ ai bây giờ?
6. Khuôn mặt cháu bé _____ giống ông nội.
7. Tâm là một cậu bé có tính _____.
8. Là con cái, chúng ta không nên làm cha mẹ _____.
9. Thầy Lợi _____ tinh thần học tập của học sinh bằng sự thưởng phạt công minh.
10. Dòng nước mát _____ làn da làm Lan cảm thấy dễ chịu hơn sau một ngày làm việc mệt nhọc.

Bài tập 3

Đặt câu với mỗi từ sau đây:

- | | |
|--------------|---------------|
| 1. ngần ngừ | 6. thân nhân |
| 2. đôi chiều | 7. phiêu diêu |
| 3. sục sạo | 8. nổi sùng |
| 4. trả đũa | 9. ương ngạnh |
| 5. bơ vơ | 10. xì xào |

Bài tập 4

Ghép mỗi từ ở cột **A** với định nghĩa thích hợp ở cột **B**.

A	B
1. chín chắn	a. nơi chăm sóc người già
2. so đo	b. phảng phất những nét giống nhau
3. bất hoà	c. so sánh để tính toán
4. viện dưỡng lão	d. tìm kiếm hết chỗ này đến chỗ khác
5. bản thân	e. do con người làm ra
6. chu đáo	g. cân nhắc kỹ càng, không nông nổi, nóng vội
7. ương ngạnh	h. rất cẩn thận, đến nơi đến chốn, không sợ mất điều gì
8. sục sạo	i. kém khí sắc tinh anh, mệt mỏi hoặc băn khoăn lo nghĩ
9. nhân tạo	k. không thuận hoà, hay xích mích, gây gổ với nhau
10. hao hao	l. bướng bỉnh ngang ngạnh, không chịu nghe lời ai

Bài tập 5

Ghép mỗi từ ở cột **A** với định nghĩa thích hợp ở cột **B**.

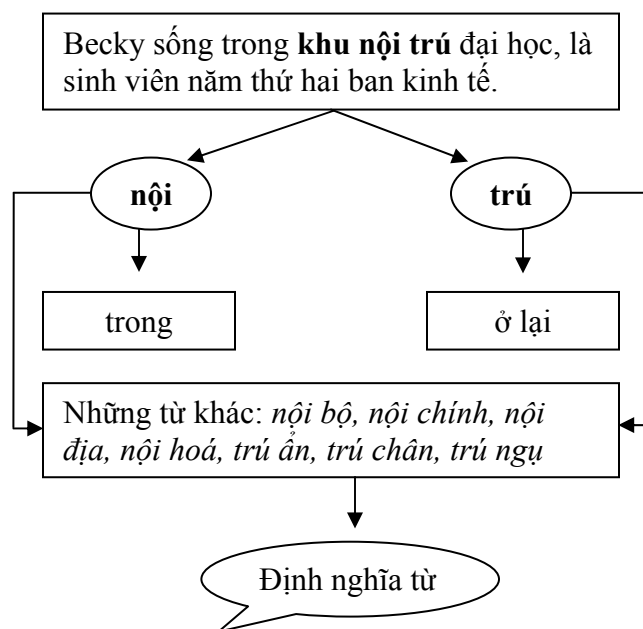
A	B
1. phục sức	a. trừng trị hoặc chống trả lại một cách đích đáng cho hả giận
2. trả đũa	b. so sánh các chi tiết với nhau
3. nổi sùng	c. ăn mặc và trang sức
4. đối chiếu	d. ở vào hoàn cảnh khó khăn
5. khốn đốn	e. nổi giận, nổi nóng

Bài tập 6

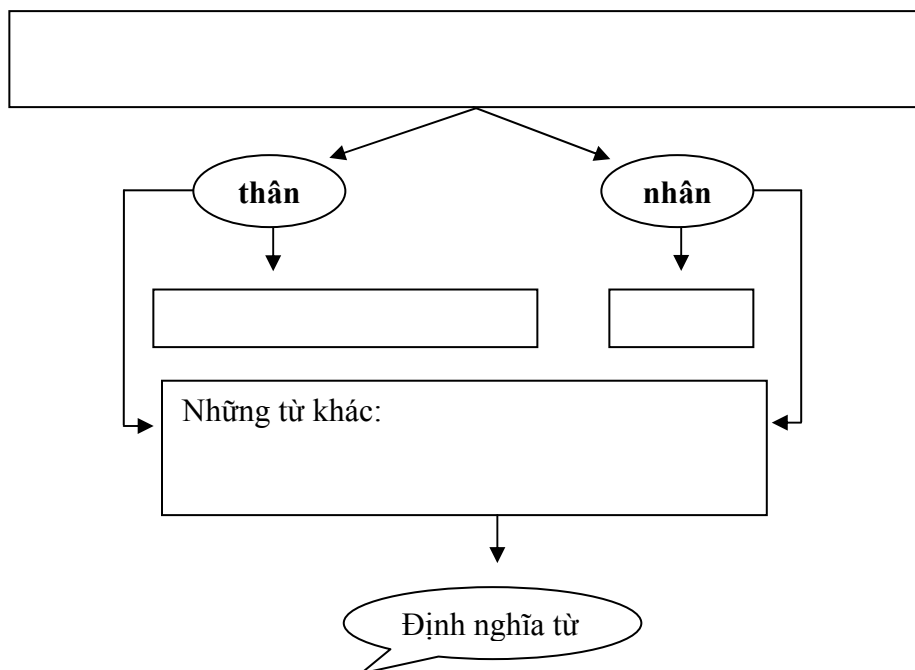
Hãy vẽ sơ đồ “Tìm nghĩa của các từ trong bối cảnh” cho các từ sau đây:

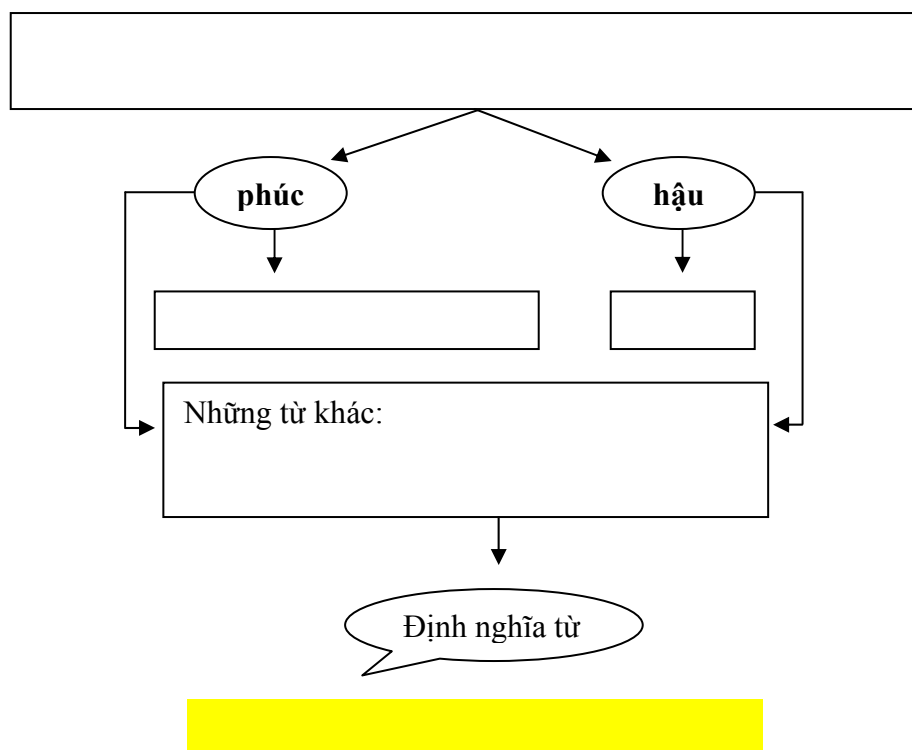
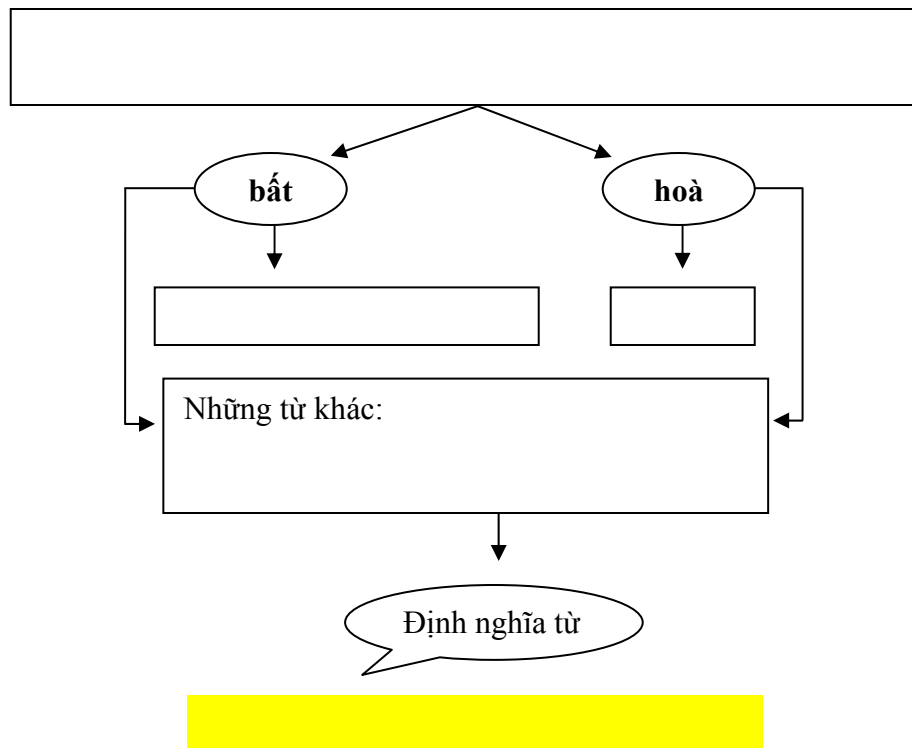
1. khu nội trú
2. thân nhân
3. bất hoà
4. phúc hậu

Ví dụ: **khu nội trú**



khu vực sinh viên ăn ở ngay trong nhà trường





Phân Tích

- A. **Văn thể:** Văn xuôi
- B. **Giọng văn:** Lôi cuốn
- C. **Nhân vật:** Joann, mẹ ruột của Becky, bà Ruth, mẹ nuôi của Becky và Becky. Joann và Becky là hai nhân vật chính.
- D. **Đại ý:** Sự thủy chung trong quan hệ tình cảm.

Ngữ Pháp

Trạng Từ Chỉ Thời Gian

Xét các câu sau đây:

1. Joann không tin là Sở Tím Thân Nhân làm việc nhanh như vậy.
2. Nàng nhìn mãi vào đồng hồ.

Trong câu 1, **nhanh** phụ nghĩa cho động từ **làm việc**.

Trong câu 2, **mãi** phụ nghĩa cho động từ **nhìn**.

Nhanh và **mãi** là những trạng từ chỉ thời gian.

Bài tập 7

Tìm trạng từ chỉ thời gian (TG) trong các câu sau:

1. Ba tháng trước Joann bấm bụng ký tẩm chi phiếu, soạn mớ hình ảnh, khai sinh, giấy tờ gửi đi.
2. Mãi đến giây phút này nàng mới nhận thức được mình đã già.
3. Ngày xưa mẹ đặt tên con là gì?
4. Becky luôn luôn nhìn bà với ánh mắt thương yêu.

Đọc Hiểu

Bài tập 8

Dùng những trạng từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **một cách chân tình, nôn nóng, nhẫn tâm, hết sức, hai mươi năm sau, từ tấm bé, thực sự**.

Khi Becky vừa hơn một tháng, Joann đã _____ trao con cho Hội Từ Thiện. Gần _____, nàng muốn tìm con chỉ vì muốn biết giờ này con mình ra sao. Becky, con bà, cũng _____ muốn gặp mẹ chỉ để hỏi một câu: “Tại sao mẹ bỏ con?” Hai người gặp nhau chỉ vì bốn phận, còn tình mẹ con thì _____ đã phai mờ rồi. Joann cố gắng _____ để lời

cuốn con về phía mình, nhưng Becky thì thương bà Ruth _____ vì bà đã nuôi dưỡng cô ta _____.

Bài tập 9

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Mở đầu truyện *Mẹ Con* ta thấy có điều bất thường là sắp gặp mặt con, Joann lại lo lắng mất ngủ. Tại sao?
2. Joann bây giờ giàu có, xa hoa nhưng bỏ ra ba trăm đô-la trả lệ phí tìm con thì lại ngần ngại. Em hãy giải thích.
3. Becky mong gặp mẹ chỉ để hỏi: “*Tại sao mẹ bỏ con?*”. Em hãy giải thích điều này.
4. Khi Becky giới thiệu Joann với mẹ nuôi Ruth. Nghe bà Ruth nói, Becky và Joann đều đỏ mặt. Em hãy giải thích sự đỏ mặt của hai người.
5. Trên đường về thấy Becky nhắc hoài về bà Ruth, Joann nghe lòng tê tái, nàng nghĩ sự gần gũi đó phải dành riêng cho nàng vì nàng đã cuu mang và chịu nhiều cay đắng, tủi hổ vì con. Em có đồng ý với Joann không?
6. Joann tự nhủ phải tìm cách giành lại quyền làm mẹ, tình yêu và đứa con. Em nghĩ Joann có thành công được không?
7. Việc Joann sốt sắng tổ chức sinh nhật cho Becky là vì tình yêu thương mẹ con hay vì động cơ gì?
8. Joann bắt Becky mở quà sinh nhật của mình thay vì quà của mẹ nuôi, đây có phải là hành động khôn ngoan không?
9. Becky coi trọng quà sinh nhật của mẹ ruột hay mẹ nuôi?
10. “*Càng cố gắng chinh phục con, nàng thấy Becky càng xa tầm tay hơn*”. Em hãy đưa ra vài lý do.
11. Hãy kể những sai lầm của Joann trong quan hệ mẹ con.
12. Trong thư gửi cho Joann, Becky viết: “*...Con không nghĩ mẹ sẽ lắng nghe con..., con không cảm thấy mình được tự do..., con chỉ mong một điều, hãy để con tự lo lấy đời con.*” Em hãy phân tích những điều này.
13. Becky viết: “*Mẹ muốn bù đắp những thiếu sót của mẹ, ... con không cần những bù đắp đó.*” Em có nghĩ rằng Becky phũ phàng với mẹ không?
14. Becky viết: “*Hai mươi năm qua lớn lên với câu hỏi trong lòng, tại sao mẹ bỏ con. Giờ đây con đã hiểu.*” Becky đã hiểu điều gì?
15. Nếu em là Becky, em có viết cho mẹ như Becky không?

Bài tập 10

Điền các chi tiết chính về ba nhân vật trong truyện.

Tên	Hình dáng / Tuổi	Tình tình / Hoàn cảnh	Sở thích	Việc Làm	Hành động
Becky					
Joann Swatchz					
Ruth					

Bài tập 11

Điền vào chỗ trống trong bảng “Nguyên nhân - Hậu quả” dưới đây.

Nguyên nhân - Cause	Hậu quả - Effect
1. Vì Joann nghèo và thiếu kinh nghiệm làm mẹ	
2.	nên Joann không yên tâm khi sở tìm thân nhân báo tin đã tìm thấy Becky.
3. Vì không biết trước phản ứng của Becky đối với mình ra sao khi gặp mình sau hai mươi năm	
4.	vì đó là phản ứng bình thường của người có tình cảm.
5. Becky muốn gặp mẹ để	
6. Vì rất yêu thích búp bê	

7.	nên Bruce đã bỏ Joann sau khi gợi ý cho bà phá thai giết Becky.
8. Vì Ruth hiền và ngoan đạo	
9.	nên Becky làm lòng Joann tê tái.
10. Vì tính tình thẳng thắn	
11. Vì không tìm hiểu kỹ bạn trai của mình	

Bài tập 12

- Vẽ giản đồ Venn so sánh hai bà mẹ của Becky.
- Dùng giản đồ trên để giải thích hành động của Becky. Cho biết ý kiến của em.
 - Em đồng ý với Becky, tại sao? Hoặc
 - Em không đồng ý với Becky, tại sao?

Bài tập 13

Đọc thư Becky viết cho Joann và ghi 5 chi tiết mà em cho là quan trọng rồi đặt hai câu hỏi cho mỗi chi tiết đó.

Ví dụ:

Chi tiết	Câu hỏi
Con viết thư này sau nhiều đêm suy nghĩ chín chắn	a. Becky suy nghĩ chuyện gì? b. Giọng thư có thân mật không?

Chi tiết	Câu hỏi
1.	a. b.
2.	a. b.
3.	a. b.
4.	a. b.
5.	a. b.

Bài tập 14

Hãy viết phần tiếp theo của truyện *Mẹ Con*.

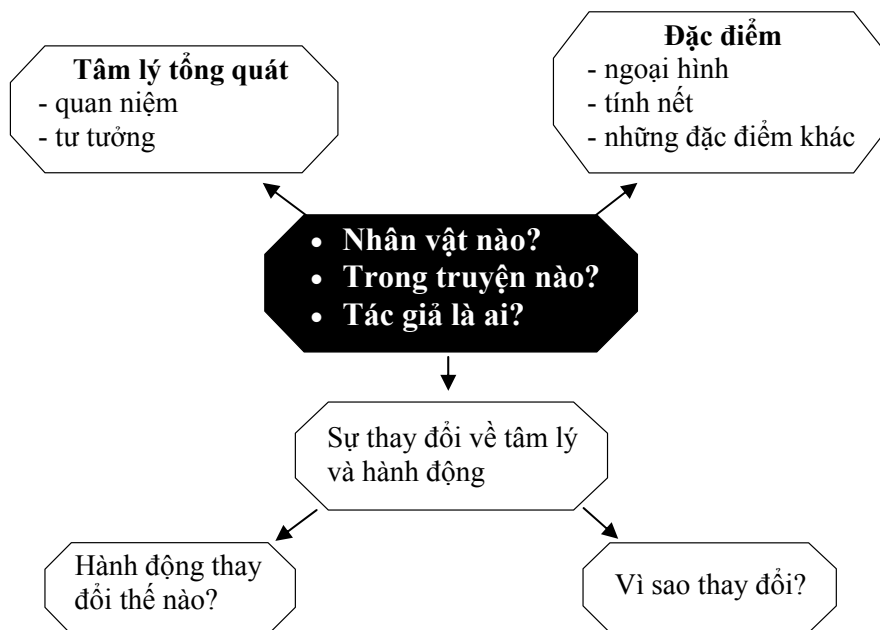
1. Joann có viết thư hay tìm gặp con? Joann sẽ nói gì, viết gì, làm gì?
2. Becky sẽ không gặp hay sẽ tìm gặp mẹ, làm hoà với mẹ, v.v...

Tập Làm Văn

Phân Tích Nhân Vật Trong Tác Phẩm *Mẹ Con*

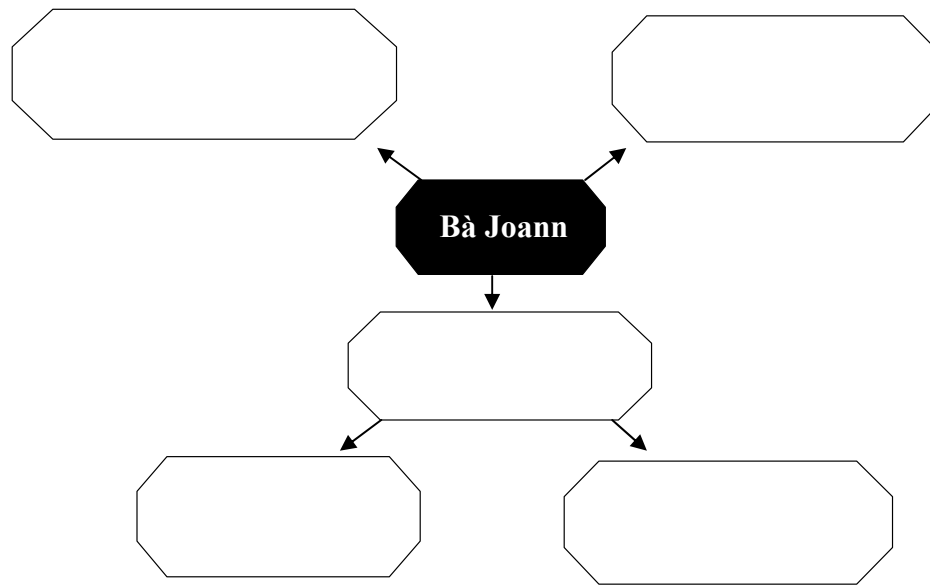
Sau khi học xong một tác phẩm, học sinh thường có dịp viết luận văn phân tích nhân vật trong truyện. Phân tích nhân vật là viết cho người đọc hiểu nhân vật ấy là ai, có những đặc điểm gì khiến người đọc chú ý, đóng vai trò gì trong truyện, tâm lý ra sao, tâm lý đó thay đổi theo những diễn biến của truyện như thế nào.

Dàn bài mẫu để phân tích nhân vật:



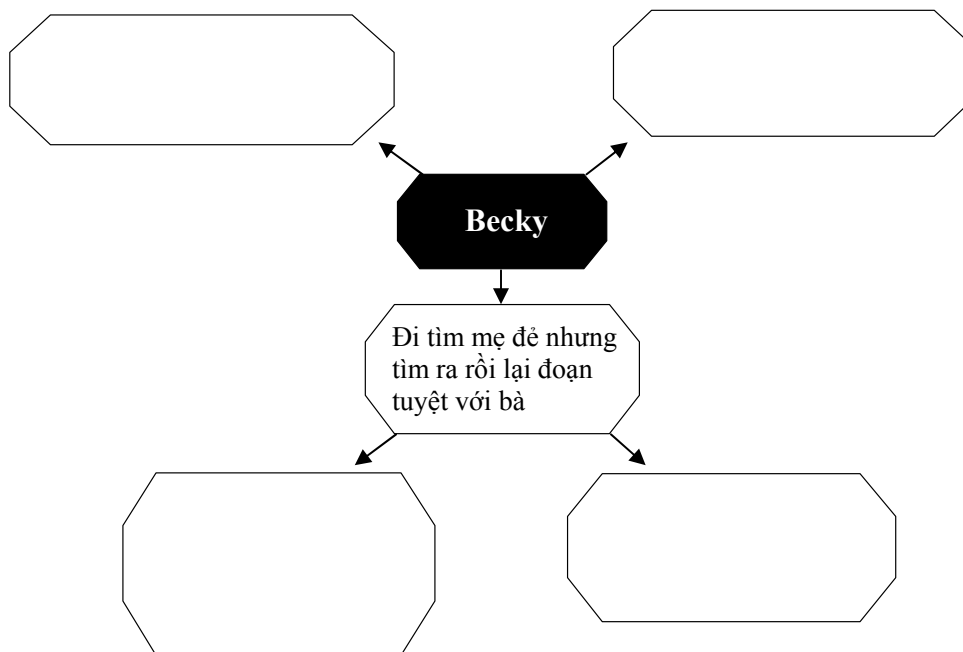
Bài tập 15

Dùng dàn bài mẫu để phân tích nhân vật bà mẹ Joann trong truyện *Mẹ Con*.



Bài tập 16

Dùng dàn bài mẫu để phân tích nhân vật Becky trong truyện *Mẹ Con*.



Bài tập 17

Qua truyện ngắn *Mẹ Con*, em nghĩ quyết định của Becky trở về với bà Ruth là đúng hay sai? Tại sao? Hãy viết một bài văn năm đoạn trình bày ý kiến của em.

Nói Với Nhau

Thằng bé mới sáu tuổi mà nó cứ ra vô nhà tù như cơm bữa. Ba cậu ở trại tập trung về, phần thì bệnh phần thì buồn nên không bao lâu thì qua đời. Mẹ cậu cố gắng vượt biên qua Mỹ nhưng cứ bị bắt hoài. Họ ở trong tù không bao lâu thì được tha vì ông bà ngoại lo lót cho ra. Vẫn cứ thế, họ lại tiếp tục tìm mối khác để vượt biên. Có lẽ số trời đã định để cho mẹ con phải xa nhau, nên chuyến sau cùng khi người mẹ để con đi riêng thì lại trót lọt. Lúc đó, cậu con trai mới lên bảy. Một người bạn của mẹ, cũng là một người đã từng trồng cây si thuở mẹ chưa lập gia đình muốn mẹ cùng đi. Khổ nỗi, chuyến đi ấy chỉ còn mỗi một chỗ nên người mẹ nhờ người bạn lo cho con mình. Trong đầu bà mẹ trẻ ấy vẫn cứ nghĩ có lẽ chuyến đi sẽ thất bại nữa. Người đàn ông ấy chưa từng có con nên cũng lo ngại không biết có thể lo lắng cho thằng bé ấy được không. Ông về hỏi lại ý kiến người em coi có đồng ý giúp mình chăm sóc thằng bé không. Người em cũng mến thằng nhóc nên đồng ý ngay. Chuyến đi ấy trót lọt. Họ đã đối diện với việc thiếu lương thực hơn bảy ngày nhưng may thay họ được cứu kịp thời.

Thấm thoát đã hơn mười tám năm mẹ con xa nhau. Thư qua lại càng ngày càng ít, rồi họ không còn liên lạc nữa đến lúc người em của mẹ được đi Mỹ. Họ lục tìm lại địa chỉ cũ nhưng không biết đứa con thất lạc có còn đó không.

Trời xui đất khiến, người dì cũng tìm được đứa cháu sau bao năm xa cách. Đứa cháu đang sống ở Los Angeles quyết định về San Jose với dì và bắt đầu liên lạc thường xuyên với mẹ. Có lẽ xa mặt cách lòng. Đứa cháu tính tình rất kỳ lạ. Gia đình không biết tại sao một đứa bé dễ thương năm nào mà giờ đây thay đổi hoàn toàn.

Người con trở về gặp mẹ. Nhưng có lẽ do lớn lên ở xứ Mỹ và không gần gũi mẹ, nên cậu không cho rằng mình có bổn phận phải chăm sóc mẹ. Người mẹ gặp con cũng cảm thấy tủi phận. Người bạn xưa nói với cô rằng, vì lo kiếm miếng ăn nên cũng không có dành nhiều thời giờ cho cậu ấy. Ông ta cũng có khuyên bảo nhưng có thể vì thiếu bàn tay chăm sóc của người mẹ nên tính tình cậu bé trở nên khó khăn, hay cáu kỉnh.

Một lần, người mẹ được cháu bảo lãnh qua Mỹ chơi. Mẹ con lại gặp nhau. Người mẹ có lẽ cảm thấy ray rứt vì đã cho con đi từ bé nên nấu lại những món ăn mà ngày xưa con mình ưa thích. Người con trai cho là bổn phận mẹ phải làm vì mười mấy năm nay đã không làm gì cho mình. Tuy nhiên, với mấy người cháu, họ thấy điều này thật chướng mắt. Họ nghĩ rằng họ bảo lãnh dì qua Mỹ để đi du lịch đó đây nhưng dì lại đi chăm sóc con. Chỉ có bà ngoại cố gắng giải thích cho mọi người hiểu tâm tư của nhau, đặc biệt là đứa cháu trai.

Sau cùng, đứa con trai hiểu vì sao ngày xưa mẹ để mình đi Mỹ một mình và khoảng cách giữa hai mẹ con dần dần được thu ngắn lại.

Tập Nói Chuyện

1. Theo em, tại sao người mẹ lại cho con đi vượt biên một mình?
2. Tại sao người con trai lại thay đổi tính tình?
3. Cậu con trai có nên nuôi mẹ không?

Tập Viết Văn

Trong câu chuyện trên, người mẹ và người con, ai đáng thương hơn?

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

Betsy: Sao mẹ không tin con? Con đến nhà Emily để tập văn nghệ thôi!

Mẹ: Mẹ tin con chứ! Nhưng mẹ lo lắm!

Betsy: Mẹ lo gì?

Mẹ: Emily có mấy anh trai, mẹ thấy chúng nó ra vô trong nhà mà mẹ sợ.

Betsy: Mẹ đừng có sợ như thế, mấy anh của Emily hiền lắm! Họ tử tế với chúng con lắm.

Mẹ: Hiền gì mà hiền. Chúng nó xăm mình xăm lưng, thấy mà ớn.

Betsy: Mẹ, mẹ lại nói thế nữa rồi. Đó là thời trang mà mẹ.

Mẹ: Mẹ không thể hiểu nổi thời trang của mấy con. Các bà mẹ khi sinh con mình ra đều mong chúng lành lặn, nguyên vẹn. Các con lớn lên lại đi xỏ khoen, xăm mình; sau này muốn xóa không phải là chuyện dễ.

Betsy: Mẹ đừng lo, con gái mẹ không thích xỏ khoen, xăm mình đâu. Con sợ đau lắm.

Mẹ: Được rồi, con nói thế mẹ đỡ lo. Nhưng mà mẹ vẫn còn lo mỗi khi con đến nhà Emily tập văn nghệ.

Betsy: Mẹ ơi! Con lớn rồi, con biết giữ thân mình. Mẹ đừng lo nữa. Hơn nữa, lần nào đi tập văn nghệ mẹ cũng đưa đón con mà.

Mẹ: Betsy, ba mẹ thương con lắm, mà con lại là con gái nữa, ba mẹ càng thương con hơn. Nếu có chuyện gì xảy ra cho con, mẹ đau lòng lắm!

Betsy: Vậy con phải làm thế nào để mẹ đừng lo?

Mẹ: Tại sao các con không tập văn nghệ ở trường? Nhà trường khuyến khích các con sinh hoạt cộng đồng ở nơi công cộng mà; như thế mới an toàn cho các con.

Betsy: Thôi được rồi! Để con nói với các bạn con. Nhưng mẹ biết không các bạn con nói mẹ cứ theo giữ con hoài làm con không có tự do.

Mẹ: Không phải vậy đâu Betsy! Con vẫn đi sinh nhật bạn; các bạn cũng đi sinh nhật con. Mẹ ít khi từ chối khi con xin đi dự tiệc nhà bạn mà.

Betsy: Bạn con nói con lớn rồi, con cũng thấy con lớn rồi, con không cảm thấy thoải mái lắm khi việc gì con cũng phải hỏi ý kiến ba mẹ.

Mẹ: Mẹ hiểu. Con mỗi ngày mỗi lớn, thế giới xung quanh con ngày càng rộng hơn. Con hiểu biết nhiều hơn. Con cảm thấy tự tin hơn và con không có việc gì để lo. Nhưng ba mẹ nhiều tuổi hơn con, thấy việc đời nhiều nên lo lắng sợ con vấp ngã. Đó là vì ba mẹ thương con. Mẹ mong con hiểu lời mẹ nói.

Betsy: Con hiểu rồi, con cũng thương ba mẹ lắm. Từ nay về sau có chuyện gì dù vui hay buồn, con cũng sẽ kể cho mẹ nghe. Con mong mẹ sẽ lắng nghe con và hiểu con.

Mẹ: Mẹ rất vui là con đã tin mẹ. Mẹ sẽ lắng nghe con và sẵn sàng ở bên con khi con cần giúp đỡ.

Bài tập 18

Chọn câu trả lời đúng nhất.

1. Vì sao mẹ Betsy không thích các anh của Emily?
 - a. Vì họ có hình xăm trên mình.
 - b. Vì họ dạy Betsy hút thuốc.
 - c. Vì họ để tóc dài.
 - d. Vì họ xúi Betsy cãi lời mẹ.
2. Betsy nghĩ gì về những hình xăm?
 - a. Betsy nghĩ đó là việc bình thường.
 - b. Betsy nghĩ đó là thời trang.
 - c. Betsy nghĩ đó là tuổi trẻ.
 - d. Betsy nghĩ đó là việc hấp dẫn.
3. Tại sao Betsy không thích xăm mình?
 - a. Vì Betsy thấy hình xăm xấu xí.
 - b. Vì Betsy sợ mẹ buồn.
 - c. Vì Betsy sợ đau.
 - d. Vì Betsy không muốn bắt chước người khác.
4. Mẹ Betsy nghĩ thế nào về việc xăm mình?
 - a. Bà ấy thấy xăm mình là một việc hay.
 - b. Bà ấy nghĩ các bà mẹ nên khuyến khích con xăm mình.
 - c. Bà ấy nghĩ Betsy nên xăm mình để không thua bạn bè.
 - d. Bà ấy không thể hiểu nổi tại sao giới trẻ thích xăm mình.
5. Tại sao mẹ Betsy chỉ muốn con tập văn nghệ ở trường?
 - a. Vì ở trường có đầy đủ phương tiện tập dợt.
 - b. Vì ở trường có nhiều người xem Betsy tập hơn.
 - c. Vì bà cảm thấy an toàn hơn cho Betsy.
 - d. Vì ở trường có giáo sư tư vấn hướng dẫn.
6. Các bạn Betsy nhận xét thế nào về Betsy?
 - a. Betsy đã lớn và sống tự do không lệ thuộc ba mẹ nữa.
 - b. Betsy đã lớn và có quyền làm theo ý của mình.
 - c. Betsy còn nhỏ và cần sự giúp đỡ của ba mẹ.
 - d. Betsy đã lớn nhưng không có tự do.
7. Betsy cảm thấy thế nào khi phải vâng lời mẹ?
 - a. Betsy cảm thấy vui.
 - b. Betsy cảm thấy không thoải mái.
 - c. Betsy cảm thấy nhẹ nhõm.
 - d. Betsy cảm thấy sung sướng.

8. Tại sao mẹ Betsy lại lo lắng cho Betsy?
 - a. Vì bà sợ chuyện không hay xảy ra cho Betsy.
 - b. Vì bà nghĩ Betsy có nhiều kẻ thù.
 - c. Vì bà nghĩ Betsy quá tự tin vào chính mình.
 - d. Vì Betsy bắt bà phải lo.
9. Betsy và mẹ thoả thuận với nhau như thế nào?
 - a. Betsy tự do làm mọi điều mình thích.
 - b. Betsy có thể dọn đến nhà Emily ở.
 - c. Betsy sẽ tâm sự với mẹ để mẹ hiểu và giúp đỡ Betsy khi cần.
 - d. Betsy sẽ đưa các bạn về nhà tập văn nghệ.
10. Vì sao cuối cùng Betsy lại vâng lời mẹ?
 - a. Vì Betsy hiểu ba mẹ rất thương mình.
 - b. Vì mẹ hứa mua quà cho Betsy.
 - c. Vì các bạn Betsy khuyên Betsy như thế.
 - d. Vì Betsy quá mệt mỏi khi nghe mẹ càu nhàu.

Bài tập 19

Nghe bài hát “Thiếu Phụ Nam Xương” rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Thiếu Phụ Nam Xương *Tâm Thơ, Ngô Nguyễn Trần*

1. Nghi ngút đầu ghềnh toả khói hương,
2. Miếu ai như miếu vợ chàng Trương?
3. Ngọn đèn dầu tắt đừng nghe trẻ.
4. Làn nước chỉ cho lụy đến nàng.
5. Ai đời còn nhớ chăng? _____ có một nàng
6. Lòng trinh muôn đời muôn kiếp mang xuống tuyền đài cấm ức ôm hôn ôi đến bao tan?
7. Từ chồng _____ chiến tranh phân kỳ. Dãi dầu chiếc thân tàn canh soi bóng.
8. _____ nhớ thương ngọn lửa. Chờ ngày kháng thái ta lại rực hồng ánh xuân.
9. Con thơ nhiều đêm hoài kêu nhớ cha. Khi ánh trăng soi mờ bóng nhòa.
10. Chỉ bóng tường dụ dỗ dối con thơ. Rằng đây chính _____, đêm tối mới về cùng con.
11. Rồi từ đó ánh _____ tàn đêm. Hình nàng in trên vách tường
12. Con giỡn đùa nô _____ nhận nhàng.
13. Nào ngờ đâu vì đó ly tan. Người cha sau ít lâu hồi hương.
14. Một sáng quang minh _____ ngàn kêu đàn. Mừng mừng tủi tủi mang mang
15. Nàng bế con ra: Đây bố đã về _____
16. Thằng bé kêu rằng: Không không, bố tôi đêm tối mới về.
17. Không không, bố tôi đêm tối mới về
18. Không không, bố tôi đêm tối mới về
19. Ôi đau thương ôi ly tan!
20. Đau đớn cho nhau chua xót cho nhau chim thương lia đàn.
21. Ôi đau thương, ôi nguy nan chồng _____ sôi máu phũ phàng dày đập nát tan

22. Trời thâu cho lòng thiếp chẳng, chinh chiến mang oan phụ chàng
23. Xin đem thân như _____ tàn trôi đi, trôi khuất xuôi nước dòng Hoàng Giang.
24. Bóng đêm mờ đèn khêu u uất. Chàng bỗng _____ in bóng lên tường
25. Thằng bé vui mừng kêu: Đây đây bóng cha đêm tối đã về!
26. Đây đây bóng cha đêm tối đã về!
27. Đây đây bóng cha đêm tối đã về!
28. Ôi nghi oan! Ôi ly tan!
29. Đau đớn cho nhau, chua xót cho nhau chim thương lìa _____.
30. Ôi nguy nan, ôi đau thương cuồng ghen sôi máu, lỡ rồi tình đã nát tan!
31. Bồng con đứng _____ theo dòng Hoàng Giang. Tình oan ngập mây u ám
32. Muôn năm mỗi hận bao tan nơi cửu tuyền. Cho đời còn nhớ _____.

Giáo Dục Đa Văn Hoá

“Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào. Lòng mẹ tha thiết như dòng suối hiền ngọt ngào...” Tình mẹ cao cả thiêng liêng với lòng thương con trải dài ví như đại dương kia vốn không tận không cùng. Trong nền văn hoá cổ truyền Việt Nam, chữ “hiếu” được đặt ở vị trí đầu để nhắc nhở con cháu nhớ đến công lao dưỡng dục ví tựa trời biển của bậc sinh thành. Mẹ sinh ra ta, mẹ là lẽ sống, là tình yêu, là tất cả những gì thiêng liêng và cao quý nhất trong cuộc đời ta. Bao lời thơ, bao nốt nhạc đã được đặt ra ca ngợi tình thương của người mẹ:

*“Mẹ là cả một trời thương,
Mẹ là cả một thiên đường trần gian,
Tiếng ru mẹ ấm vô vàn,
Nuôi con trong tiếng tơ đàn văn chương.”*

Từ khi ta mở mắt chào đời, Mẹ đã dành cho ta dòng sữa ngọt ngào. Mẹ nâng niu, chiều chuộng ta, mớm cho ta từng bát cơm, chén cháo. Những gì ngon nhất, tốt đẹp nhất mẹ đều dành cho ta: “chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo con lăn”. Khi ta khôn lớn mẹ lại lo sự ấm no và hạnh phúc của ta. Mẹ chịu khổ chịu cực, dầm mưa dãi nắng chỉ vì lo cho tương lai của ta, thế mới biết không bút mực nào có thể diễn tả được công ơn bao la trời biển của mẹ:

*“Ngôn ngữ trần gian khờ dại quá,
Đừng sao đầy hai tiếng mẹ ơi!”*



Câu hỏi thảo luận:

1. Theo truyền thống văn hoá Việt Nam thì ngày lễ nào trong năm mang ý nghĩa nhớ ơn và báo hiếu cho đấng sinh thành?
2. Ở Mỹ ngày lễ nào ca ngợi công ơn của người mẹ? Đó là ngày nào trong năm?

Ca Dao

1. Cây xanh thì lá cũng xanh,
Cha mẹ hiền lành để đức cho con.
2. Có cha có mẹ thì hơn,
Không cha, không mẹ như đèn đứt dây.
3. Có vàng, vàng chẳng hay phô,
Có con, con nói trăm trò mẹ nghe.
4. Ơn cha nặng lắm ai ơi,
Nghĩa mẹ bằng trời, chín tháng cưu mang.
5. Mẹ già như chuối ba hương,
Như xôi nếp một, như đường mía lau.
6. Đố ai đếm được lá rừng,
Đố ai đếm được mây tầng trời cao,
Đố ai đếm được vì sao,
Đố ai đếm được công lao mẹ hiền.
7. Gió mùa thu mẹ ru con ngủ,
Năm canh chầy mẹ thức đủ vừa năm.

Nguyễn Sa (1932 - 1998)



Nguyễn Sa sinh ngày 1 tháng 3 năm 1932 tại Hà Nội và mất ngày 18 tháng 4 năm 1998. Ông tên thật là Trần Bích Lan, còn có bút danh là Hư Trúc. Ông là một nhà thơ lãng mạn Việt Nam nổi tiếng từ thập niên 1950, với những tác phẩm nổi danh như *Áo Lụa Hà Đông*, *Paris Có Gì Là Không Em*, *Tuổi Mười Ba*, *Tháng Sáu Trời Mưa*, v.v... Ông qua Pháp du học vào năm 1949. Năm 1953, ông đậu tú tài Pháp, lên Paris ghi danh học triết tại Đại học Sorbonne. Nhiều bài thơ nổi tiếng của ông được sáng tác trong thời gian này. Năm 1955, ông lập gia đình với bà Trịnh Thuý Nga ở Paris. Đầu năm 1956, hai ông bà về nước. Năm 1975, ông di tản sang Pháp. Ba năm sau, ông và gia đình qua Hoa Kỳ và ở California từ đó cho tới ngày qua đời.

Lúc ở Sài Gòn, Nguyễn Sa dạy triết tại trường trung học Chu Văn An, đồng thời mở lớp tại nhà dạy triết cho học sinh chuẩn bị thi tú tài 2. Ông cũng có thời gian dạy triết tại Đại học Văn khoa Sài Gòn. Ông mở hai trường tư thục là Văn Học và Văn Khô. Ngoài hai trường nhà, ông còn cộng tác với nhiều trường khác ở Sài Gòn như: Văn Lang, Nguyễn Bá Tòng, Hưng Đạo, Thủ Khoa, Thượng Hiền.

Tóm lược tác phẩm

Thi sĩ yêu một cô gái mặc áo lụa Hà Đông một cách lãng mạn và say đắm.

Áo Lụa Hà Đông

Nắng Sài Gòn anh đi mà **chợt** mát,
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông.
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng,
Thơ của anh vẫn còn nguyên lụa trắng. 4

Anh vẫn nhớ em ngồi đây tóc ngắn,
Mà mùa thu dài lắm ở chung quanh.
Linh hồn anh vội vã về **chân dung**,
Bày **vội vã** vào trong hồn mở cửa. 8

Gặp một bữa, anh đã mừng một bữa,
Gặp hai hôm thành **nhị hỷ** của tâm hồn.
Thơ học trò anh chất lại thành non,
Và đôi mắt **ngất ngây** thành chất rượu. 12

Em không nói đã nghe **lòng giai điệu**,
Em chưa nhìn mà đã rộng trời xanh.
Anh trông lên bằng đôi mắt chung tình,
Vội tay trắng, em vào thơ **diễm tuyệt**. 16

Em chợt đến, chợt đi, anh vẫn biết,
Trời chợt mưa, chợt nắng, chẳng vì đâu.
Nhưng sao đi mà không bảo gì nhau,
Để anh gọi, tiếng thơ buồn vọng lại. 20

Để anh giận, mắt anh nhìn vụng dại,
Giận thơ anh đã nói chẳng nên lời.
Em đi rồi, **sấm hối** chạy trên môi,
Những tháng ngày trên vai buồn bỗng nặng. 24

Em ở đâu, hỡi mùa thu tóc ngắn!
Giữ hộ anh màu áo lụa Hà Đông.
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng,
Giữ hộ anh bài thơ tình lụa trắng. 28

Nguyễn Sa



Sinh Hoạt

Nghe bài hát “Áo Lụa Hà Đông” rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Áo Lụa Hà Đông

Thơ: Nguyễn Sa

Nhạc: Ngô Thụy Miên

1. Nắng Sài Gòn anh đi mà _____,
2. Bởi vì em mặc _____ Hà Đông.
3. Anh vẫn yêu _____ ấy vô cùng,
4. Anh vẫn yêu _____ ấy vô cùng,
5. Anh vẫn nhớ em _____ tóc ngắn,
6. Mà _____ dài lắm ở chung quanh.
7. Linh hồn anh vội vã về _____,
8. Bày _____ vào trong hồn mở cửa.
9. Em chợt đến, _____, anh vẫn biết,
10. Trời chợt mưa, chợt nắng, _____.
11. Nhưng sao đi mà không bảo _____,
12. Để anh gọi, tiếng _____ vọng lại.
13. Em ở đâu, hồi _____ tóc ngắn!
14. Giữ hộ anh màu áo lụa _____.
15. Anh vẫn yêu màu áo ấy _____,
16. Anh vẫn yêu màu áo ấy _____.

Từ Vựng

- | | | | | |
|---------------------|---------|-----------------------------|--|--------|
| 1. linh hồn | (dt.): | phần tâm linh của một người | <i>soul</i> | (n.) |
| 2. vội vã | (trt.): | gấp gáp | <i>hurriedly</i> | (adv.) |
| 3. chân dung | (dt.): | bức vẽ người | <i>portrait</i> | (n.) |
| 4. nhị hỷ | (dt.): | niềm vui lần thứ nhì | <i>happiness in the second time</i> | (n.) |
| 5. ngất ngây | (dt.): | quá say mê | <i>to be thrown into ecstasy, to be enraptured</i> | (v.) |
| 6. lùng | (dt.): | vang động | <i>to resound</i> | (v.) |

7. giai điệu	(dt.):	khúc nhạc hay	<i>melody</i>	(n.)
8. diễm tuyệt	(tt.):	đẹp tuyệt vời	<i>exceptionally beautiful</i>	(adj.)
9. sám hối	(dt.):	sự ăn năn, hối hận	<i>remorse, regret</i>	(n.)
10. chợt	(trt.):	thình lình xảy đến trong khoảnh khắc	<i>suddenly</i>	(adv.)

Bài tập 1

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **ngất ngây, chợt, chân dung, linh hồn, sám hối, diễm tuyệt**.

1. Bà Minh chết đã lâu mà _____ bà vẫn còn lẩn quẩn bên cô con gái.
2. Sắc đẹp quyến rũ của Lan làm Sơn _____.
3. Tuấn _____ đến, _____ đi nên làm Mai giận.
4. Tú treo _____ của cụ Án trong phòng khách.
5. Bằng làm mẹ khổ cả đời nên lúc mẹ chết anh đi chùa tụng kinh _____.
6. Vẻ đẹp _____ của nàng làm chàng ngất ngây.

Bài tập 2

Ghép mỗi từ ở cột A với định nghĩa thích hợp ở cột B.

A	B
1. linh hồn	a. nhanh và gấp gáp
2. vội vã	b. quá say mê
3. chân dung	c. tinh thần và tâm ý
4. nhị hỷ	d. bức vẽ người
5. ngất ngây	e. vang động
6. lừng	g. đẹp tuyệt vời
7. giai điệu	h. khúc nhạc hay
8. diễm tuyệt	i. sự ăn năn, hối hận
9. sám hối	k. thình lình, xảy đến trong khoảnh khắc
10. chợt	l. vui lần thứ nhì

Phân Tích

- A. Văn thể:** Bài thơ này làm theo thể tự do, theo cước vận: **trắc, bằng, bằng, trắc**.
B. Bố cục: Bài thơ này gồm 7 đoạn, mỗi đoạn có 4 câu.
C. Đại ý: Tình yêu lãng mạn và say đắm của thi sĩ.

D. Giải thích:

- **Đoạn 1:** Hình ảnh cô gái mặc chiếc áo lụa Hà Đông gợi lên cảm giác mát mẻ trong lòng thi sĩ dầu ông đang đi giữa nắng Sài Gòn. Thơ thi sĩ chỉ có hình ảnh của cô thôi.
- **Đoạn 2:** Thi sĩ nhớ hình ảnh cô gái tóc ngắn ngồi giữa không gian mùa thu lan rộng chung quanh ông. Bóng hình cô gái đã len vào tâm hồn ông.
- **Đoạn 3:** Gặp cô gái rất khó nên thi sĩ rất mừng mỗi khi gặp cô ta và nhìn cô ta bằng đôi mắt ngất ngây như say men rượu. Vì quá si mê nàng, ông làm thơ tình, những bài thơ học trò chất lại thành non.
- **Đoạn 4:** Thi sĩ thần tượng hoá giọng nói, mắt và tay cô gái: Không nghe em nói, anh cũng tưởng giọng em sẽ rất là thánh thót. Dầu em chưa nhìn, anh cũng tưởng mắt em đẹp như bầu trời xanh. Và với bàn tay trắng đẹp, em sẽ là người đẹp tuyệt vời trong thơ anh. Anh nguyện trao hết tình yêu cho em.
- **Đoạn 5 và 6:** Cô gái ra đi vội vã không lời từ biệt làm thi sĩ vừa buồn, vừa giận, và vừa hối hận. Sự ân hận ray rứt hồn ông.
- **Đoạn 7:** Thi sĩ nhấn nhủ cô gái dầu ở đâu cô cũng giữ dùm ông những bài thơ tình cũ và áo lụa trắng ngày xưa.

Ngữ Pháp

Mỹ Từ Pháp: Phép Điệp Ngữ

Mỗi từ được tác giả dùng đi dùng lại nhiều lần để nhấn mạnh nhưng vẫn không thấy nhàm hay thừa thãi:

- **Em** không nói đã nghe lòng giai điệu,
- **Em** chưa nhìn mà đã rộng trời xanh.

Phép điệp ngữ hay **điệp thanh** là cách lặp đi lặp lại một từ để nhấn mạnh.

Bài tập 3

Tìm những câu thơ trong bài được dùng phép điệp ngữ.

Bài tập 4

Tác giả **ám chỉ** điều gì khi dùng các nhóm từ và các câu thơ sau đây: (*Xem phần Ngữ Pháp bài Bên Lò Sưởi, Nửa Chùng Xuân*)

1. “Linh hồn anh vội vã về chân dung.”
2. còn nguyên lụa trắng
3. ngất ngây thành chất rượu
4. “Em chợt đến, chợt đi anh vẫn biết,
Trời chợt mưa, chợt nắng, chẳng vì đâu.”
5. “... mùa thu dài lắm ở chung quanh.”
6. “Em ở đâu, hỡi mùa thu tóc ngắn!”

Độc Hiểu

Bài tập 5

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Vì sao đi giữa nắng Sài Gòn mà tác giả cảm thấy mát?
2. “*Thơ anh vẫn còn nguyên lụa trắng.*”
Ý thi sĩ nói gì qua câu thơ trên?
3. Em nghĩ thi sĩ có thần tượng hoá cô gái không? Dẫn chứng ý của em.
4. Từ **chợt** được lặp đi lặp lại bốn lần trong hai câu thơ:
“*Em chợt đến, chợt đi...*
“*Trời chợt mưa, chợt nắng...*”
điều này gợi lên lên ý gì?
5. Giải thích hai câu thơ:
“*Em không nói đã nghe lòng giai điệu.*
“*Em chưa nhìn mà đã rộng trời xanh.*”
6. Tác giả mang đến cho ta ấn tượng gì về chiếc áo lụa Hà Đông?
7. Câu thơ “*Với tay trắng, em vào thơ diễm tuyệt.*” có ý gì?
8. Thi sĩ yêu cô gái vào khoảng thời gian nào trong cuộc đời ông? Câu thơ nào chứng tỏ khoảng thời gian này?

Tập Làm Văn

Em nghĩ gì về tình yêu tuổi học trò? Nó có bền vững theo thời gian hay không? Nó có tác dụng tốt hay xấu đến việc học của các em? Hãy viết một bài văn trình bày quan điểm của em.

Nói Với Nhau

Một Nụ Hôn - Kỷ Niệm Đẹp Thời Cấp Sách!

Gia Hân và Quốc Dũng quen nhau từ hồi mới chập chững biết đi nên họ rất thân nhau. Họ giống như hai anh em, lúc nào cũng như hình với bóng cho đến một hôm...

Gia Hân vô tình làm Quốc Dũng đau lòng nên cô gắng xin lỗi. Không ngờ thấy khuôn mặt rầu rĩ của Hân, Dũng đành tha lỗi cho cô. Vui mừng quá, cô ôm chầm lấy Dũng. Đây không phải lần đầu tiên họ ôm lấy nhau thân mật như thế, nhưng tự nhiên hôm nay Dũng cảm thấy sao ấy. Anh cũng ôm lấy cô và đặt một nụ hôn lên tóc. Khác với mọi hôn, Hân không vùng vằng mà lại đứng lặng, ngẩng mặt nhìn Dũng. Như bị thôi miên, Dũng cúi xuống, đặt nụ hôn lên đôi môi xinh đẹp của Gia Hân. Hân ngất ngây như người say.

Hân chỉ mới bước vô ngưỡng cửa trung học. Dầu biết những cái hôn đó người đời có thể dị nghị, nhưng không hiểu sao Hân không thể cưỡng lại cái hôn ấy. Chẳng những thế, mà Gia Hân cứ mãi mơ mộng về cái hôn. Hân không biết phải làm sao nữa. Có nên tiếp tục thân mật như vậy không hay nên dừng lại ở đó. Hân thật bối rối...

Bạn có nghĩ là học trò chỉ nên nắm tay thôi? Mời bạn tham gia diễn đàn nói lên suy nghĩ về những tình huống bối rối mà bạn đã gặp phải.

Tình bạn trong sáng -- Bảo Khương

Khương nghĩ hành động của Dũng hơi quá. Phần Hân, dù có thích Hân cũng phải kiềm chế. Nụ hôn đó có thể phá tan cái trong sáng của tình bạn. Vì vậy, Gia Hân không nên mơ mộng quá để không mất đi cái thơ ngây của tuổi học trò.

Nụ hôn đầu đời -- Hoàng Diễm

Cái hôn của tuổi học trò thì hồn nhiên. Diễm nghĩ người lớn lên án những cái hôn ấy thì hơi quá. Có thể họ sợ bọn nhỏ chúng mình không kiểm soát được bản thân mà làm ra những chuyện đáng tiếc vì ở tuổi chúng ta thì rất tò mò. Diễm nghĩ Gia Hân biết cân nhắc, ý tứ như vậy thì sẽ không sao. Cứ thành thật nói với Dũng những e ngại của Hân. Nói với Dũng là Hân vẫn còn muốn tận hưởng thời gian thơ trẻ ngắn ngủi mà hai đứa đang có.

Tình yêu trong sáng -- Tiến Nhân

Bạn đang sống trong hạnh phúc phải không? Tôi nghĩ ở lứa tuổi học trò thì một cái hôn cho tình yêu thêm thơ mộng cũng không sao. Miễn sao bạn nên kiểm soát để khỏi đánh mất cái ngây thơ trong sáng lúc ban đầu. Chúc bạn hạnh phúc bên anh chàng bạn thân.

Ngừng lại -- Như Quỳnh

Gia Hân đã vào trung học rồi thì những cái “mì” nhẹ không có gì là quá đáng. Lứa tuổi nào cũng có tình yêu, nhưng nên chừng mực để khỏi khổ đời mình. Gia Hân nên ngừng lại ở những nụ hôn thôi thì có thể giữ mãi được tình bạn và tương lai hạnh phúc sẽ chờ đón.

Cùng nhau vươn lên -- Kiều Hạnh

Sự tò mò ở tuổi chúng ta khó có thể tránh khỏi. Khi Hân không có phản xạ gì khi bị người ấy hôn là lẽ thường. Nhưng hãy nhớ cùng nhau vươn lên trong học tập để gia đình tin tưởng và không để người đời dị nghị.

Kinh nghiệm -- Vĩnh Kha

Mình xin kể câu chuyện của người anh họ. Hai người cũng quen nhau lâu. Phút ban đầu cũng chỉ là những cái hôn thơ ngây, nhưng họ không biết ngừng lại. Thế rồi cô bạn gái của anh có thai. Cũng may, gia đình giận dữ nhưng quyết không để hai đứa trẻ lún sâu hơn nên ba má anh qua nhà cô gái hỏi cưới đảng hoàng. Nhưng vì có con sớm quá, hai vợ chồng bây giờ chỉ biết

ăn bám ba mẹ. Bao nhiêu mộng ước tương lai mất hết. Mình khuyên hai bạn yêu đúng mực để khỏi hại bản thân và những đứa trẻ vô tội.

Tập Nói Chuyện

1. Theo em nụ hôn thuở học trò có đáng chỉ trích không?
2. Lời khuyên nào tốt nhất cho Gia Hân?
3. Em hãy cho Gia Hân một lời khuyên.

Tập Viết Văn

Giả sử em là Quốc Dũng, hãy viết tâm trạng của em sau nụ hôn đầu đời.

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

“Ngô Thụy Miên không viết gì khác ngoài tình ca. Mấy bài hát trình làng của Ngô Thụy Miên đều phổ từ thơ Nguyên Sa: *Áo Lụa Hà Đông* và *Tuổi 13*. Thơ Nguyên Sa đã như một làn gió thổi vào thi ca của chúng ta một thời. Từ ý tứ đến ngôn ngữ ông đã làm cho thơ tình Việt Nam trẻ trung ra và nồng nàn thêm.”

Nguyễn Đình Toàn
(Ngô Thụy Miên/Nguyễn Đình Toàn)

“Trong thời gian đi học, mình đọc thơ của Nguyên Sa nhiều nhất, ngâm nhiều nhất thành ra nó đã thấm vào hồn mình... Trong bốn thập niên viết nhạc của tôi thì thơ của ông ấy lúc nào cũng bàng bạc ở trong dòng nhạc của tôi.

Ngay cả như bên này khi tôi viết *Nắng Paris, Nắng Sài Gòn* cũng mang một âm hưởng của *Áo Lụa Hà Đông* hay *Paris Có Gì Lạ Không Em?*” Nhạc sĩ Ngô Thụy Miên đã tâm sự như vậy khi nói về mối dây ràng buộc giữa nhạc của anh và thơ Nguyên Sa.

Ngô Thụy Miên (Những Tâm Sự)

Trong một bài phỏng vấn giữa Ngô Thụy Miên và NghiêM Xuân Cường:

NXC: Một trong những nét rất đặc biệt của nhạc Ngô Thụy Miên là lời nhạc rất riêng tư, nhưng rất thật và diễn tả được hết những cảm xúc của người đang yêu. Xin anh cho biết anh có một kỷ niệm gì đặc biệt về một bản nhạc nào không? Chẳng hạn, anh có nhớ đến hoàn cảnh nào đã khiến anh viết *Mắt Biếc*, *Giáng Ngọc*, hoặc *Niệm Khúc Cuối*?

NTM: Nói đến những kỷ niệm sáng tác thì nhiều lắm, kể từ *Mùa Thu Cho Em* cho đến *Riêng Một Góc Trời*. Riêng nhắc đến *Giáng Ngọc* là nhắc đến những kỷ niệm của một thời bọn sinh viên trẻ chúng tôi thường đến học tại các thư viện của Trung Tâm Văn Hoá Pháp, Đức. Giáng Ngọc là một cô nữ sinh Trưng Vương ngày đó với mái tóc dài đặc biệt xoã trên tà áo trắng học trò. Ba mươi năm trôi qua, tất cả đã đi vào quên lãng, nhưng bàn tay, mái tóc và dáng người đó đã cho tôi niềm cảm hứng để viết bài hát

với những câu “*Bàn tay năm ngón em vẫn kiêu sa. Vẫn tóc mây bay má môi hồng thắm...*”. Một sáng tác nữa mà tôi cũng rất yêu quý, có mang một chút hình ảnh thời sự, đó là bài *Em Còn Nhớ Mùa Xuân*. Đó là tình khúc duy nhất tôi đã viết ở Sài Gòn sau tháng 4 năm 1975 trong nỗi nhớ một người bạn gái đã ra đi, và giữa những đổi thay, mất mát xảy ra quanh mình trong những ngày tháng đó. Bản nhạc nhắc đến những kỷ niệm đẹp của chúng tôi trong bối cảnh của Sài Gòn/Đà Lạt một thời thơ mộng. Cuối năm 1978, tôi hoàn tất bản nhạc, và hát lần đầu tiên trong một đêm văn nghệ tổ chức trên đảo tị nạn Bidong trước khi lên đường đi Canada. Cuối năm 1979, tôi đã gặp lại và thành hôn với người bạn gái năm đó.

Nghiêm Xuân Cường/ Ngô Thụy Miên

Ca sĩ Duy Trác đã nói: “Thi sĩ Nguyên Sa đã có lần nói rằng bài thơ *Áo Lụa Hà Đông* của ông có một số mệnh rất đặc biệt.” Khi bài thơ được nhạc sĩ Ngô Thụy Miên phổ thành ca khúc, và ca sĩ Duy Trác trình bày, thì từ đó cái tên *Áo Lụa Hà Đông* đã gắn chặt tên tuổi của 3 người, thi sĩ, nhạc sĩ và ca sĩ. Nó đã trở thành một định mệnh. Mặc dù đây không phải là bài thơ hay nhất của Nguyên Sa, cũng như không phải là ca khúc tuyệt tác nhất của Ngô Thụy Miên, cũng như không phải là bài hát mà ca sĩ Duy Trác trình bày thành công nhất.

Ngô Thụy Miên

(Nguyên Sa và Tình Ca Ngô Thụy Miên)

Bài tập 6

Chọn câu trả lời đúng nhất.

1. Ngô Thụy Miên là một nhạc sĩ chuyên viết về loại nhạc nào?
 - a. Dân ca và tình ca.
 - b. Tình ca.
 - c. Tình ca và quân ca.
 - d. Tình ca và nhạc cổ điển.
2. Theo Ngô Thụy Miên, tại sao thơ Nguyên Sa **bàng bạc** trong dòng nhạc của ông?
 - a. Vì ý thơ Nguyên Sa không cô đọng được trong nhạc của ông.
 - b. Vì lời thơ Nguyên Sa thích hợp chút ít với nhạc của ông.
 - c. Vì thơ Nguyên Sa rất quyến rũ đối với ông.
 - d. Vì thơ Nguyên Sa ảnh hưởng đến tất cả các nhạc sĩ trẻ.
3. Theo Ngô Thụy Miên, âm hưởng của bài *Áo Lụa Hà Đông* vang dội như thế nào?
 - a. Trên khắp thế giới.
 - b. Trong hồn giới trẻ.
 - c. Trên những dòng nhạc khác của ông.
 - d. Nó không phải là nguồn cảm hứng đặc biệt.
4. Bài *Giáng Ngọc* do đâu mà có?
 - a. Do cảm hứng đến từ một người con gái trường Trưng Vương.
 - b. Ngô Thụy Miên viết bài này để tặng vợ.
 - c. Ngô Thụy Miên viết bài này cho phim *Áo Lụa Hà Đông*.
 - d. Tác giả nhớ đến Đà Lạt và Sài Gòn.

5. Vì sao lời nhạc Ngô Thụy Miên rất riêng tư?
 - a. Vì nhạc sĩ chỉ sáng tác cho riêng mình.
 - b. Vì mỗi bài nhạc đều có liên hệ đến tình cảm riêng của tác giả.
 - c. Vì ít ai biết đến lời nhạc của ông.
 - d. Vì ông nói rất nhiều về Sài Gòn và bạn bè.
6. Câu nào dưới đây **không** phù hợp với ý tưởng của Nguyễn Đình Toàn về thơ Nguyên Sa.
 - a. Cấu trúc thơ rất chặt chẽ.
 - b. Ý thơ mang nhiều sinh khí.
 - c. Ngôn từ làm thơ thêm lãng mạn.
 - d. Thơ Nguyên Sa nồng nàn.
7. Điểm đặc biệt của bài *Áo Lụa Hà Đông* là gì?
 - a. Đó là bài nhạc hay nhất của Ngô Thụy Miên.
 - b. Đó là bài thơ trữ tình nhất của Nguyên Sa.
 - c. Đó là bài ca đưa tên tuổi Duy Trác lên cao.
 - d. Đó là bài gắn liền tên tuổi của ba người nổi tiếng.

Bài tập 7

Nghe bài hát “Giáng Ngọc” rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Giáng Ngọc

Nhạc và lời: Ngô Thụy Miên

1. Bàn tay năm ngón em vẫn _____
2. Vẫn _____ bay má môi hồng thắm
3. Gót bước nhẹ vương ý thơ
4. Tình yêu nào vương _____
5. Mơ ước vẫn chưa phai nhòa
6. Và một lần thôi xin mắt em cay
7. Xin hết đi hoang những _____ say
8. Và xin rằng mưa vẫn bay
9. _____ này dâng mắt ngọc
10. Sơn phấn xin đừng ướm mi...
11. Chiều buồn _____, gió lay
12. Một mình _____ bước chân âm thầm
13. Và tình yêu vẫn _____ trong lòng
14. _____ giăng kín nét môi thiên thần...
15. Nhạc chiều lang thang rĩ say
16. Từng giọt mưa rơi khóc trên _____
17. Rượu nồng ai say _____ vì nhớ

18. Và tình yêu đó xin ngừng bước chân...

19. Lặng nghe xa vắng nghe tiếng _____

20. Tôi vẫn đi hoang những chiều buồn say

21. Tình yêu đành thôi _____

22. Tìm quên bằng men ý nhạc,

23. _____ xin đành kiếp sau.

Giáo Dục Đa Văn Hoá

Lụa Hà Đông

Vạn Phúc ở thị xã Hà Đông là một làng chuyên nghề dệt lụa tơ tằm. Quận Hà Đông cách trung tâm Hà Nội khoảng 15 km. Lụa Hà Đông nổi tiếng từ hàng nghìn năm nay không chỉ vì nó đẹp, mẫu mã đa dạng mà còn vì đặc điểm ấm áp vào mùa đông và mát mẻ vào mùa hè. Người ta không ngạc nhiên khi biết nó từng được chọn may trang phục cho triều đình. Hoa văn trang trí trên vải lụa rất đa dạng như mẫu Song Hạc, mẫu Thọ Đình, mẫu Tứ Quý, v.v... Theo ca dao truyền miệng, nổi tiếng nhất trong các loại lụa Vạn Phúc là lụa vân. Theo cụ Đỗ Văn Mại, một người thợ bậc thầy của làng dệt Hà Đông hay Vạn Phúc, chữ “vân” nghĩa là “mây”. Lụa vân là thứ lụa nhìn lên bề mặt thấy ẩn hiện những đám mây nho nhỏ. Đây là một kỹ thuật dệt tinh tế chỉ Vạn Phúc mới dệt được.

“The La, lĩnh Bời, chồi Phùng

Lụa vân Vạn Phúc, nhiều vùng Mỗ Bôn.”

Năm 2009, làng Vạn Phúc có khoảng 1000 khung dệt, sản xuất nhiều loại lụa cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước, trong đó có các loại lụa cao cấp như lụa Vân Quế Hồng Diệp, lụa vân Lưỡng Long Song Phượng. Trong nhiều gia đình, khung dệt cổ vẫn được giữ lại, xen lẫn với các khung dệt cơ khí hiện đại.



Dệt lụa theo phương pháp thủ công



Phơi lụa

Giáo Dục Hướng Nghiệp

Những Ông Tổ của Các Nghề ở Việt Nam

Ở Việt Nam, mỗi nghề đều có một ông tổ hay bà tổ. Đó là người sáng lập hay gây dựng nên nghề đó. Họ được người dân thờ phụng ở từ đường, đình làng, có khi được tôn là Thành hoàng làng nghề.

Tổ sư nghề dệt là bà Nguyễn Thị La. Tương truyền bà là người rất khéo tay, vải bà dệt vừa bền lại vừa đẹp. Chồng bà làm quan dưới thời vua Trần Huệ Tông. Biết tài dệt vải của bà, nhà vua đã cho phép bà mở phường dệt ở ven Hồ Tây nhằm mục đích truyền nghề cho dân chúng. Trong một lần cầm quân ra trận, chồng bà không may bị tử trận; bà tự vẫn theo chồng sau đó. Vua Huệ Tông thương xót cho lập miếu thờ và phong bà làm Thụ La Công Chúa. Nhớ ơn người đã truyền dạy nghề, dân chúng tôn bà Nguyễn Thị La là bà tổ nghề dệt.

Ông Lê Công Hành, tên thật là Trần Quốc Khái, được coi là ông tổ nghề thêu Việt Nam. Trong một chuyến đi sứ nước Tàu, nhờ mưu mẹo và trí thông minh, ông đã học được nghề thêu và nghề làm lọng. Về nước, ông truyền bá nghề này cho dân làng Quất Động và một số làng lân cận như: Đào Xá, Tầm Xá, Hướng Dương, v.v...

Công Chúa Quỳnh Hoa thời Vua Lê Thánh Tông được tôn là bà chúa nghề tằm. Hiện nay, tại các tỉnh miền Bắc, có gần 60 làng thờ bà.

Tổ sư nghề gốm sứ Bát Tràng là ông Hứa Vĩnh Kiều. Ông Hứa Vĩnh Kiều cùng với tổ sư hai làng gốm khác là Đào Trí Tiến làng Thổ Hà và Lưu Phong Tú làng Phù Lãng cùng khởi nghề ở Bát Tràng, sau đi học men gốm tại Thiểm Châu, Quảng Đông, Trung Quốc về truyền nghề cho dân làng.

Đôi khi cùng một nghề, nhưng tùy theo địa phương mà vị tổ có khác nhau. Chẳng hạn như nghề thợ bạc, đối với thợ kim hoàn miền Bắc, tổ nghề là ba anh em ông Trần Hoà, Trần Điện, Trần Điền sống vào cuối thế kỷ thứ sáu. Quê họ ở làng Định Công, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Học trò của họ sau này hành nghề tại phố Hàng Bạc. Tuy nhiên, với thợ kim hoàn miền Trung, tổ nghề của họ là hai cha con ông Cao Đình Độ và Cao Đình Hương, lập nghiệp và truyền nghề ở làng Kế Môn, huyện Phong Điền, Thuận Hoá vào khoảng cuối thế kỷ 18.

Còn rất nhiều vị tổ nghề mà mỗi ngành nghề, người thợ thủ công luôn nhớ ơn người đã truyền dạy nghề cho mình và giúp mình mưu sinh. Vì vậy, hàng năm tại các nơi làm nghề thường có ngày giỗ tổ và hội làng với các nghi thức tưởng nhớ công ơn tổ nghề và tôn vinh nghề rất long trọng và tôn kính.

Tục Ngữ và Ca Dao

1. Người đẹp nhờ lụa.
2. Thân em như tấm lụa đào,
Phát phơ giữa chợ biết vào tay ai.
3. Cầm trâu, cầm áo, cầm khăn.
Cầm dây lưng lụa, xin đừng cầm em.

4. Chiều nay biết ở hay về,
Lấy khăn lụa trắng, em đề câu thơ.
Câu thơ ba bốn câu thơ,
Câu đố, câu chờ, câu nhớ, câu thương.

Bài Đọc Thêm

Thiền Sư Minh Không

Tương truyền thiền sư Minh Không là ông tổ nghề đúc đồng. Sư tên Nguyễn Chí Thành, sinh ngày 14 tháng 8 năm Bính Thìn (1076) tại làng Loại Trì, huyện Chân Định, tỉnh Nam Định, là bạn thân của sư Giác Hải và sư Đạo Hạnh. Năm hai mươi chín tuổi, Sư cùng hai vị ấy sang Thiên Trúc học đạo. Trở về quê, Sư lập một ngôi chùa tên là Diên Phước.

Sau đó, Sư muốn tạo Đại Nam Tứ Khí (tượng Phật, hồng chung, cái đỉnh, cái vạc). Sư biết nước Tống có nhiều đồng tốt, nếu việc quyên góp thành công, có thể đạt được tâm nguyện. Sư đã yết kiến vua nhà Tống và bày tỏ ý nguyện của mình. Vua Tống đồng ý giúp đỡ và ban cho sư Minh Không một số đồng.

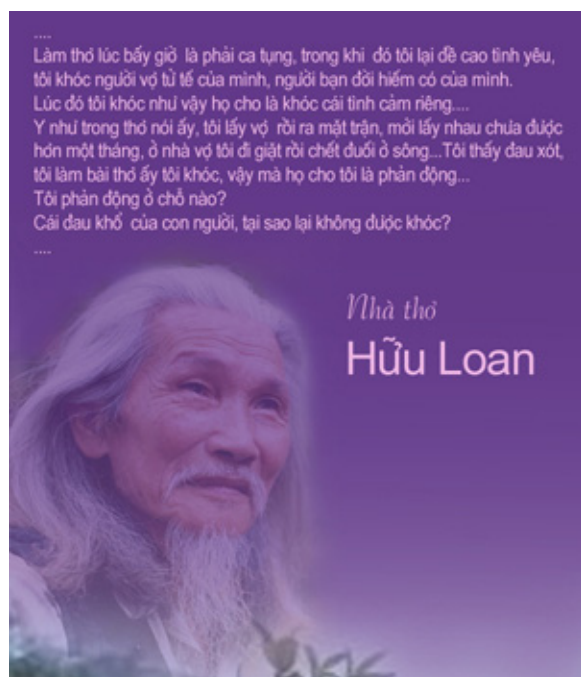
Về nước, Sư đến chùa Quỳnh Lâm huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương đúc một tượng Phật Di-đà thật cao lớn. Tại kinh đô nơi tháp Báo Thiên, Sư đúc một cái đỉnh. Ở Phả Lại, Sư đúc một quả đại hồng chung. Tại Minh Đảnh, Sư đúc một cái vạc.

Phần còn dư, Sư đem về chùa quê làng đúc một đại hồng chung nặng ba ngàn ba trăm cân, và đúc một đại hồng chung ở chùa Diên Phước (Giao Thủy) nặng ba ngàn cân.

Đến năm Đại Định thứ hai (1141), Sư quy tịch.

Hiện nay tại Hà Nội, trước đền thờ Lý Quốc Sư vẫn còn tượng Sư và có bia ký. Dân chợ Tiên Du muôn đời hương khói phụng thờ.

Hữu Loan (1916 - 2010)



Hữu Loan quê ở làng Vân Hoàng, xã Mai Lĩnh, huyện Nga Sơn, thuộc tỉnh Thanh Hoá. Ông sinh năm 1916. Vợ ông là Lê Đỗ Thị Ninh chẳng may qua đời khi ông bận hành quân xa. Ông viết bài thơ *Màu Tím Hoa Sim* để khóc vợ. Hữu Loan còn viết nhiều truyện ngắn và thơ khác.

Tự thuật của tác giả

Tôi sinh ra trong một gia đình nghèo, hồi nhỏ không có cơ may cấp sách đến trường như bọn trẻ cùng trang lứa, chỉ được cha dạy cho dăm chữ bữa có bữa không ở nhà. Cha tôi tuy là tá điền nhưng tư chất lại thông minh hơn người. Lên trung học, theo ban thành chung, tôi cũng học tại Thanh Hoá, không có tiền ra Huế hoặc Hà Nội học. Đến năm 1938, lúc đó cũng đã 22 tuổi, tôi ra Hà Nội thi tú tài, để chứng tỏ rằng con nhà nghèo cũng thi đỗ đạt như ai. Tuyệt nhiên tôi không có ý định dấn thân vào chôn quan trường. Ai cũng biết thi tú tài thời Pháp rất khó khăn. Số người đậu trong kỳ thi đó rất hiếm, hiếm đến nỗi 5-6 chục năm sau những người cùng thời còn nhớ tên những người đậu khoa ấy, trong đó có Nguyễn Đình Thi, Hồ Trọng Gìn, Trịnh Văn Xuân, Đỗ Thiện và ...Tôi - Nguyễn Hữu Loan.

Với mảnh tú tài Tây trong tay, tôi rời quê nhà lên Thanh Hoá để dạy học. Nhãn mác con nhà nghèo học giỏi của tôi được bà tham Kỳ chú ý, mời về nhà dạy cho hai cậu con trai. Tên thật của bà tham Kỳ là Đái Thị Ngọc Chắt, bà là vợ của ông Lê Đỗ Kỳ, tổng thanh tra canh nông Đông Dương, sau này đắc cử dân biểu quốc hội khoá đầu tiên. Ở Thanh Hoá, Bà tham Kỳ có một cửa hàng bán vải và sách báo, tôi thường ghé lại xem và mua sách, nhờ vậy mới được bà đề mắt tới.

Bà tham Kỳ là một người hiền lành, tốt bụng, đối xử với tôi rất tốt, coi tôi chẳng khác như người nhà. Nhớ ngày đầu tiên tôi khoác áo gia sư, bà gọi mãi đứa con gái - lúc đó mới 8 tuổi- mới chịu lỏn lén bước ra khoanh tay, miệng lí nhí: “Em chào thầy ạ!” Chào xong, cô bé bắt ngờ mở to đôi mắt nhìn thẳng vào tôi. Đôi mắt to, đen láy, tròn xoe như có ánh chớp ấy đã hằn sâu vào tâm trí tôi, theo tôi suốt cả cuộc đời. Thế là tôi dạy em đọc, dạy viết. Tên em là Lê Đỗ Thị Ninh, cha làm thanh tra nông lâm ở Sài Gòn nên sinh em trong ấy, quen gọi mẹ bằng má. Em thật thông minh, dạy đâu hiểu ấy nhưng ít nói và mỗi khi mở miệng thì cứ y như một “bà cụ non”. Đặc biệt em chăm sóc tôi hằng ngày một cách kín đáo: em đặt vào góc mâm cơm chỗ tôi ngồi ăn cơm lúc thì vài quả ớt đỏ au, lúc thì quả chanh mọng nước em vừa hái ở vườn; những buổi trưa hè, nhằm lúc tôi ngủ trưa, em lén lấy áo sơ mi trắng tôi treo ở góc nhà mang ra giăng giặt...

Có lần tôi kể chuyện “bà cụ non” ít nói cho hai người anh của em Ninh nghe, không ngờ chuyện đến tai em, thế là em giận! Suốt một tuần liền em nằm lì trong buồng trong, không chịu học hành... Một hôm, bà tham Kỳ dẫn tôi vào phòng nơi em đang nằm thiếp đi. Hôm ấy tôi đã

nói gì, tôi không nhớ nữa, chỉ nhớ là tôi đã nói rất nhiều, đã kể chuyện em nghe, rồi tôi đọc thơ... Trưa hôm ấy, em ngồi dậy ăn một bát to cháo gà và bước ra khỏi căn buồng. Chiều hôm sau, em nằng nặc đòi tôi đưa lên khu rừng thông. Cả nhà không ai đồng ý: “Mới ốm dậy còn yếu lắm, không đi được đâu!” Em không chịu nhất định đòi đi cho bằng được. Sợ em lại đổ nên tôi đánh bạo xin phép ông bà tham Kỳ đưa em lên núi chơi. Xe kéo chừng một giờ mới tới được chân đồi. Em leo đồi nhanh như một con sóc, tôi đuổi theo muốn đứt hơi. Lên đến đỉnh đồi, em ngồi xuống và bảo tôi ngồi xuống bên em. Chúng tôi ngồi thẽ một hồi lâu, chẳng nói gì. Bất chợt em nhìn tôi, rồi ngược mắt nhìn ra tận chân trời, không biết lúc đó em nghĩ gì. Bất chợt em hỏi tôi:

- Thầy có thích ăn sim không?

Tôi nhìn xuống sườn đồi: tím ngắt một màu sim. Em đứng lên đi xuống sườn đồi, còn tôi vì mệt quá nên nằm thiếp đi trên thảm cỏ... Khi tôi tỉnh dậy, em đã ngồi bên tôi với chiếc nón đầy ắp sim. Những quả sim đen láy chín mọng.

- Thầy ăn đi.

Tôi cầm quả sim từ tay em đưa lên miệng trầm trồ: “Ngọt quá.”

Như đã nói, tôi sinh ra trong một gia đình nông dân, quả sim đối với tôi chẳng lạ lắm gì, nhưng thú thật tôi chưa bao giờ ăn những quả sim ngọt đến thế!

Cứ thế, chúng tôi ăn hết quả này đến quả khác. Tôi nhìn em, em cười. Hai hàm răng em đỏ tím, đôi môi em cũng đỏ tím, hai bên má thì... tím đỏ một màu sim. Tôi cười phá lên, em cũng cười theo!

Cuối mùa đông năm ấy, bất chấp những lời can ngăn, hứa hẹn can thiệp của ông bà tham Kỳ, tôi lên đường theo kháng chiến. Hôm tiễn tôi, em theo mãi ra tận đầu làng và lặng lẽ đứng nhìn theo. Tôi đi lên tới bờ đê, nhìn xuống đầu làng, em vẫn đứng đó nhỏ bé và mong manh. Em giơ bàn tay nhỏ xíu như chiếc lá sim ra vẫy tôi. Tôi vẫy trả và làm lui đi... Tôi quay đầu nhìn lại... em vẫn đứng yên đó... Tôi lại đi và nhìn lại đến khi không còn nhìn thấy em nữa...

Những năm tháng ở chiến khu, thỉnh thoảng tôi vẫn được tin tức từ quê lên, cho biết em vẫn khoẻ và đã khôn lớn. Sau này, nghe bạn bè kể lại, khi em mới 15 tuổi đã có nhiều chàng trai đến ngõ lời cầu hôn nhưng em cứ trốn trong buồng, không chịu ra tiếp ai bao giờ.

Chín năm sau, tôi trở lại nhà, về Nông Cống tìm em. Hôm gặp em ở đầu làng, tôi hỏi em, hỏi rất nhiều, nhưng em không nói gì, chỉ bẽn lễn lắc hoặc gật đầu. Em giờ đây không còn là cô học trò Ninh bướng bỉnh nữa rồi. Em đã gần 17 tuổi, đã là một cô gái xinh đẹp.

Yêu nhau lắm nhưng tôi vẫn lo sợ, vì hai gia đình không môn đăng hộ đối một chút nào. Mãi sau này mới biết việc hợp hôn của chúng tôi thành công là do bố mẹ em ngấm ngấm “soạn kịch bản”. Một tuần sau đó, chúng tôi kết hôn. Tôi bàn việc may áo cưới thì em gạt đi, không đòi may áo cưới trong ngày hợp hôn, bảo rằng là: “Yêu nhau, thương nhau cốt là cái tâm và cái tình bền chặt là hơn cả!”. Tôi cao ráo, học giỏi, làm thơ hay... lại đẹp trai nên em thường gọi đùa là “anh chồng độc đáo”. Đám cưới được tổ chức ở ấp Thị Long, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá của gia đình em, nơi ông Lê Đỗ Kỳ có hàng trăm mẫu ruộng. Đám cưới rất đơn sơ, nhưng khỏi nói, hai chúng tôi hạnh phúc hơn bao giờ hết!

Hai tuần phép của tôi trôi qua thật nhanh, tôi phải tức tốc lên đường hành quân, theo sư đoàn 304, làm chủ bút tờ Chiến Sĩ. Hôm tiễn tôi lên đường, em vẫn đứng ở đầu làng, nơi chín năm trước em đã đứng. Chỉ giờ em không còn cô bé Ninh nữa, mà là người bạn đời yêu quý của tôi. Tôi bước đi, rồi quay đầu nhìn lại... Nếu như chín năm về trước, nhìn lại chỉ thấy một nỗi buồn man mác thì lần này, tôi thật sự đau buồn. Đôi chân tôi như muốn khuỵu xuống.

Ba tháng sau, tôi nhận được tin dữ: vợ tôi qua đời! Em chết thật thảm thương: Hôm đó là ngày 25 tháng 5 âm lịch năm 1948, em đưa quần áo ra giặt ngoài sông Chuồn (thuộc ấp Thị Long, Nông Cống), vì muốn chup lại tấm áo bị nước cuốn trôi đi nên trượt chân chết đuối! Con

nước lớn đã cuốn em vào lòng nó, cướp đi của tôi người bạn lòng tri kỷ, để lại tôi nỗi đau không gì bù đắp nổi. Nỗi đau ấy, gần 60 năm qua, vẫn nằm sâu thẳm trong trái tim tôi.

Tôi phải giấu kín nỗi đau trong lòng, không được cho đồng đội biết để tránh ảnh hưởng đến tinh thần chiến đấu của họ. Tôi như một cái xác không hồn... Dường như càng kiềm nén thì nỗi đau càng dữ dội hơn. May sao, sau đó có đợt chỉnh huấn, cấp trên bảo ai có tâm sự gì cứ nói ra, nói cho hết. Chỉ chờ có thế, cơn đau trong lòng tôi được bung ra. Khi ấy chúng tôi đang đóng quân ở Nghệ An, tôi ngồi lặng đi ở đầu làng, hai mắt tôi đầm nước, tôi lấy bút ra ghi chép. Chẳng cần phải suy nghĩ gì, những câu những chữ mọc mọc cứ trào ra:

*Nhà nàng có ba người anh đi bộ đội
Nhưng em nàng có em chưa biết nói
Khi tóc nàng đang xanh ...
...Tôi về không gặp nàng....*

Về viếng mộ nàng, tôi dùng chiếc bình hoa ngày cưới làm bình hương, viết lại bài thơ vào chiếc quạt giấy để lại cho người bạn ở Thanh Hoá. Anh bạn này đã chép lại và truyền tay nhau trong suốt những năm chiến tranh. Đó là bài thơ *Màu Tím Hoa Sim*.

Đến đây, chắc bạn biết tôi là Hữu Loan, Nguyễn Hữu Loan, sinh ngày 2-4-1916 hiện tại đang “ở nhà trồng vườn” ở làng Nguyên Hoàn - nơi tôi gọi là chỗ “quê đẻ của tôi đây” thuộc xã Mai Lĩnh, huyện Nga Sơn tỉnh Thanh Hoá.

Em Ninh rất ưa mặc áo màu tím hoa sim. Lạ thay, nơi em bị nước cuốn trôi dưới chân núi Nưa cũng thường nở đầy những bông hoa sim tím. Cho nên tôi viết mới nổi những câu:

*Chiều hành quân, qua những đôi sim
Những đôi sim, những đôi hoa sim
Những đôi hoa sim dài trong chiều không hết
Màu tím hoa sim, tím cả chiều hoang biệt
Và chiều hoang tím có chiều hoang biếc
Chiều hoang tím tím thêm màu da diết.*

Mất nàng, mất tất cả, tôi chán đời, chán kháng chiến, bỏ đồng đội, từ giã văn đàn về quê làm ruộng, một phần cũng vì tính tôi “hay cãi, thích chống đối, không thể làm gì trái với suy nghĩ của tôi”. Bọn họ chê tôi ủy mị, hoạch hoạc đủ điều, không chấp nhận đơn từ bỏ kháng chiến của tôi. Mặc kệ! Tôi thương, tôi nhớ hoa sim của tôi quá! Với lại tôi cũng chán ngấy bọn họ quá rồi!

Đó là thời năm 1955 - 1956, khi phong trào văn nghệ sĩ bùng lên với sự xuất hiện của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm chống chính sách độc tài, đồng thời chống những kẻ bôi bút cam tâm lừa thầy phản bạn, dõc tâm ca ngợi cái này cái nọ để kiếm chút cơm thừa canh cặn. Làm thơ phải có cái tâm thật thiêng liêng thì thơ mới hay. Thơ hay thì sống mãi. Làm thơ mà không có tình, có tâm thì chả ra gì! Làm thơ lúc bấy giờ là phải ca tụng, trong khi đó tôi lại đề cao tình yêu, tôi khóc người vợ tử tế của mình, người bạn đời hiếm có của mình. Lúc đó tôi khóc như vậy họ cho là khóc cái tình cảm riêng... Y như trong thơ nói ấy, tôi lấy vợ rồi ra mặt trận, mới lấy nhau chưa được hơn một tháng, ở nhà vợ tôi đi giặt rồi chết đuối ở sông ...Tôi thấy đau xót, tôi làm bài thơ ấy tôi khóc, vậy mà họ cho tôi là phản động. Tôi phản động ở chỗ nào? Cái đau khổ của con người, tại sao lại không được khóc?

Bọn họ xúc phạm đến tình cảm thiêng liêng của tôi đối với người vợ mà tôi hằng yêu quý, cho nên vào năm 1956, tôi bỏ đảng, bỏ cơ quan, về nhà để đi cày. Họ không cho bỏ, bắt tôi

phải làm đơn xin. Tôi không xin, tôi muốn bỏ là bỏ, không ai bắt được! Tôi bỏ tôi về, tôi phải đi cày đi bừa, đi đốn củi, đi xe đá để bán. Bọn họ bắt giữ xe tôi, đến nỗi tôi phải đi xe cút kít, loại xe đóng bằng gỗ, có một bánh xe cũng bằng gỗ ở phía trước, có hai cái cang ở phía sau để đùn hay kéo. Xe cút kít họ cũng không cho, tôi phải gánh bộ. Gánh bằng vai tôi, tôi cũng cứ gánh, không bao giờ tôi bị khuất phục. Họ theo dõi, ngăn cản, đi đến đâu cũng có công an theo dõi, cho người hại tôi...Nhưng lúc nào cũng có người cứu tôi! Có một cái lạ là thơ của tôi đã có lần cứu sống tôi! Lần đó tên công an mật nói thật với tôi là nó được giao lệnh giết tôi, nhưng nó sinh ở Yên Mô, thường đem bài *Yên Mô* của tôi nói về tỉnh Yên Bình quê nó ra đọc cho đỡ nhớ, vì vậy nó không nỡ giết tôi.

Ngoài *Yên Mô*, tôi cũng có một vài bài thơ khác được mền chuộng. Sau năm 1956, khi tôi về rồi thấy cán bộ khổ quá, tôi đã làm bài *Chiếc Chiếc*, kể chuyện cán bộ khổ đến độ không có chiếc chiếc để nằm!

Định mệnh đưa đẩy, dắt tôi đến với một phụ nữ khác, sống cùng tôi cho đến tận bây giờ. Cô tên Phạm Thị Nhu, cũng là phụ nữ có tâm hồn sâu sắc. Cô vốn là một nạn nhân của chiến dịch cải cách ruộng đất, đấu tố địa chủ năm 1954-1955.

Lúc đó còn là chính trị viên của tiểu đoàn, tôi thấy tận mắt những chuyện đấu tố. Là người có học, lại có tâm hồn nghệ sĩ nên tôi cảm thấy chán nản quá, không còn hăng hái nữa. Thú thật, lúc đó tôi thất vọng vô cùng. Trong một xã thuộc huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, cách xa nơi tôi ở 15 cây số, có một gia đình địa chủ rất giàu, nắm trong tay gần năm trăm mẫu tư điền.

Trước đây, ông địa chủ đó giàu lòng nhân đạo và rất yêu nước. Ông thấy bộ đội sư đoàn 304 của tôi thiếu ăn, nên ông thường cho tá điền gánh gạo đến chỗ đóng quân để ủng hộ. Tôi là trưởng phòng tuyên huấn và chính trị viên của tiểu đoàn nên phải thay mặt anh em ra cảm ơn tấm lòng tốt của ông, đồng thời đề nghị lên sư đoàn trưởng trao tặng bằng khen ngợi để vinh danh ông. Thế rồi, một hôm, tôi nghe tin gia đình ông đã bị đấu tố. Hai vợ chồng ông bị đội phóng tay phát động quần chúng đem ra cho dân xỉ vả, rồi chôn xuống đất, chỉ để hờ hai cái đầu lên. Xong họ cho trâu kéo bừa đi qua đi lại hai cái đầu đó, cho đến chết. Gia đình ông bà địa chủ bị xử tử hết, chỉ có một cô con gái 17 tuổi được tha chết nhưng bị đội phóng tay phát động đuổi ra khỏi nhà với vài bộ quần áo cũ rách. Tàn nhẫn hơn nữa, chúng còn ra lệnh cấm không cho ai được liên hệ, nuôi nấng hoặc thuê cô ta làm công. Thời đó, cán bộ cấm đoán dân chúng cả việc lấy con cái địa chủ làm vợ làm chồng.

Biết chuyện thảm thương của gia đình ông bà địa chủ tôi hằng nhớ ơn, tôi trở về xã đó xem cô con gái họ sinh sống ra sao vì trước kia tôi cũng biết mặt cô ta. Tôi vẫn chưa thể nào quên được hình ảnh của một cô bé cứ buổi chiều lại lén lút đứng núp bên ngoài cửa sổ, nghe tôi giảng Kiều ở trường Mai Anh Tuấn.

Lúc gần tới xã, tôi gặp cô ta áo quần rách rưới, mặt mày lem luốc. Cô đang lom khom nhặt những củ khoai mà dân bỏ sót, nhét vào túi áo, chùi vội một củ rồi đưa lên miệng gặm, ăn khoai sống cho đỡ đói. Quá xúc động, nước mắt muốn ứa ra, tôi đến gần và hỏi thăm và được cô kể lại rành rọt hôm bị đấu tố cha mẹ cô bị chết ra sao. Cô khóc rung rức và nói rằng gặp ai cũng bị xua đuổi; hằng ngày cô đi mót khoai ăn đỡ đói lòng, tối về ngủ trong chiếc miếu hoang, cô rất lo lắng, sợ bị làm bậy và không biết ngày mai còn sống hay bị chết đói.

Tôi suy nghĩ rất nhiều, bèn quyết định đem cô về làng tôi, và bắt chấp lệnh cấm, lấy cô làm vợ. Sự quyết định của tôi không lầm. Quê tôi nghèo, lúc đó tôi còn ở trong bộ đội nên không có tiền, nhưng cô chịu thương chịu khó, bữa đói bữa no... Cho đến bây giờ cô đã cho tôi 10 người con - 6 trai, 4 gái - và cháu nội ngoại hơn 30 đứa!

Trong mấy chục năm dài, tôi về quê an phận thủ thường, chẳng màng đến thế sự, ngày ngày đào đá núi đem đi bán, túi dất theo vài cuốn sách cũ tiếng Pháp, tiếng Việt đọc cho giải sầu, lâu lâu nổi hứng thì làm thơ. Thế mà chúng vẫn trù dập, không chịu để tôi yên. Tới hồi mới mở cửa, tôi được ve vãn, mời gia nhập Hội Nhà Văn, tôi chẳng thèm ra nhập làm gì. Năm 1988, tôi “tái xuất giang hồ” sau 30 năm tự chôn và bị chôn mình ở chốn quê nghèo đèo heo hút gió. Tôi lang bạt gần một năm trời theo chuyến đi xuyên Việt do hội văn nghệ Lâm Đồng và tạp chí Langbian tổ chức đề đòi tự do sáng tác, tự do báo chí - xuất bản và đổi mới thực sự.

Vào tuổi gần đất xa trời, cuối năm 2004, công ty Viek VTB đột nhiên đề nghị mua bản quyền bài *Màu Tím Hoa Sim* của tôi với giá 100 triệu đồng. Họ bảo, đó là một hình thức bảo tồn tài sản văn hoá. Thì cũng được đi. Khoản tiền 100 triệu trừ thuế đi còn 90 triệu, chia “lộc” cho 10 đứa con hết 60 triệu đồng, tôi giữ lại 30 triệu đồng, phòng đau ốm lúc tuổi già, sau khi trích một ít để in tập thơ khoảng 40 bài mang tên *Thơ Hữu Loan*. Sau vụ này cũng có một số công ty khác xin ký hợp đồng mua mấy bài thơ khác nhưng tôi từ chối, thơ tôi làm ra không phải để bán.

Tóm lược tác phẩm

Màu Tím Hoa Sim được viết vào năm 1949 khi cuộc chiến Việt Pháp đang hồi khốc liệt. Qua bài thơ khóc vợ, Hữu Loan đã thổ lộ một cuộc tình tan vỡ, một định mệnh trở trêu và một niềm luyến tiếc khôn nguôi.

Màu Tím Hoa Sim



1. Nàng có ba người anh đi **bộ đội**,
Những đứa em nàng có em chưa biết nói.
Khi tóc nàng xanh xanh,
Ngấn chưa đầy **búi**.
5. Tôi là người **chiến binh** xa gia đình,
Yêu nàng như tình yêu em gái.
Ngày hợp hôn, nàng không đòi may áo cưới,
Tôi mặc **đồ quân nhân**,
Đôi **giày đinh** bết bùn đất hành quân.
10. Nàng cười xinh xinh,
Bên anh chồng **độc đáo**.

Tôi ở **đơn vị** về,
Cưới nhau xong là đi.
Từ **chiến khu** xa nhớ về **ái ngại**.
15. Lấy chồng thời chiến chinh,
Mấy người đi trở lại.
Lỡ khi mình không về...
Thì thương người vợ chờ bé bỏng chiều quê!
20. Nhưng không chết người trai khói lửa,
Mà chết người em gái nhỏ **hậu phương**.

- Tôi về, không gặp nàng,
Má tôi, ngồi bên mộ con, đầy bóng tối.
Chiếc bình hoa ngày cưới,
Thành **bình hương** tàn lạnh vây quanh...
25. Em ơi! Giây phút cuối,
Không được nghe em nói,
Không được nhìn thấy nhau một lần.
Ngày xưa nàng thích hoa sim tím,
Áo nàng màu tím hoa sim.
30. Ngày xưa một mình đèn khuya bóng nhỏ,
Nàng **vá** cho chồng tấm áo...ngày xưa.
- Một chiều rừng mưa,
Ba người anh trên **chiến trường** Đông Bắc,
Biết tin em gái mất trước tin em lấy chồng.
35. Gió sớm thu về, **gờn gợn** nước sông.
Đưa em nhỏ lớn lên,
Ngõ ngàng trông ảnh chị,
Khi gió cuối thu về,
Cỏ vàng chân **mộ chí**.
40. Chiều **hành quân** qua những đồi hoa sim,
Những đồi hoa sim dài trong chiều đi không hết,
Màu tím hoa sim,
Tím cả chiều hoang **biền biệt**,
Nhìn áo rách vai, tôi hát trong màu hoa.
45. “Áo anh sứt chỉ **đường tà**,
Vợ anh chết sớm, mẹ già chưa khâu.”

Hữu Loan

Sinh Hoạt

A. Nghe bài hát “Chuyện Hoa Sim” rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Chuyện Hoa Sim

Anh Bằng

- Rừng hoang đẹp nhất hoa màu tím
- Chuyện tình thương _____ chuyện hoa sim
- Có người con gái xuân vời vời
- Tóc còn ngắn ngắn _____ đầy búi.
- Ngày xưa nàng vẫn yêu màu tím
- Chiều chiều lên _____ đồi hoa sim.



7. _____ nhìn sim tím hoang biên biệt
8. Nhớ chồng chinh chiến miền xa xăm.
9. Ôi lấy chồng chiến binh!
10. Lấy chồng thời _____ chinh, mấy người đi trở lại
11. Sợ khi mình đi mãi, sợ khi mình không về
12. Thì thương người _____ bé bỏng chiều quê
13. Nhưng không chết người trai khói lửa
14. Mà chết người em nhỏ hậu phương
15. Mà chết người _____ gái tôi thương.
16. _____ tôi là chiến binh rừng núi
17. Thường ngày qua những đồi hoa sim
18. Thấy cảnh sim _____ thương vô bờ
19. Tiếc người em gái không còn nữa.
20. Tại sao nàng vẫn yêu màu tím
21. Màu buồn tan tác phải không em
22. _____ chiều sương tím hoang biên biệt
23. _____ mình tôi khóc chuyện hoa sim.

B. Nghe bài hát “Những Đồi Hoa Sim” rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Những Đồi Hoa Sim

Thơ: Hữu Loan

Tác giả: Dzũng Chinh

1. Những đồi hoa sim ôi _____ đồi hoa sim,
2. tím chiều hoang biên biệt.
3. Vào chuyện ngày xưa _____ yêu hoa sim tím,
4. khi còn tóc _____ vai.
5. Mấy lúc xông pha ngoài trận tuyến,
6. ai hẹn được ngày về rồi một _____ mây bay.
7. Từ nơi chiến trường đông bắc đó,
8. lần ghé về thăm xóm hoàng hôn tắt sau đồi.
9. Những chiều hành quân ôi những chiều hành quân,
10. tím chiều hoang _____ biệt.
11. Một chiều rừng mưa được tin em gái mất,
12. chiếc thuyền như vỡ đôi.
13. Phút cuối không _____ được em nói,
14. không nhìn được một lần dù một lần đơn sơ.
15. Để không chết người _____ khói lửa,
16. mà chết người em nhỏ hậu phương tuổi xuân thì.
17. Ôi ngày trở _____ nhìn đồi _____ nay vắng người em thơ,
18. ôi đồi sim tím chạy xa tít tan dần trong bóng tối.

19. Xưa chưa nói gì bên em,
20. một người đi chưa về mà đành _____ bước tơ duyên.
21. Nói nói gì cho mây gió,
22. một rừng đầy hoa sim nên đề chiều đi không hết.
23. Tím cả chiều hoang nay tím cả chiều hoang,
24. đến ngồi bên mộ nàng.
25. Từ dạo hợp hôn nàng không _____ áo cưới,
26. thoáng buồn trên nét mi.
27. Khói thuốc bên hương tàn nghi ngút,
28. trên mộ đầy cỏ vàng mà _____ về thên thang.
29. Đôi sim vẫn còn trong lối cũ,
30. giờ thiếu người xưa ấy đôi hoang mới tiêu điều!...

C. Nghe bài hát “Áo Anh Sút Chỉ Đường Tà” rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Áo Anh Sút Chỉ Đường Tà

Thơ: Hữu Loan

Nhạc: Phạm Duy

1. Nàng có ba người anh đi quân đội lâu rồi
2. Nàng có đôi người em có _____ chưa biết nói.
3. Tóc nàng hãy còn xanh, tóc nàng hãy còn xanh.
4. Tôi là người chiến binh xa _____ đình đi chiến đấu.
5. Tôi yêu nàng như yêu người em gái tôi yêu
6. Người em gái tôi yêu, người em _____ tôi yêu.
7. Ngày hợp hôn, tôi mặc đồ hành quân.
8. Bùn đồng quê bết _____ giày chiến sĩ.
9. Tôi mới từ xa nơi đơn vị về
10. Tôi mới từ xa nơi đơn vị về.
11. Nàng cười vui bên anh chồng kỳ khôi.
12. Thời loạn ly có _____ cần áo cưới
13. Cưới vừa xong là tôi đi
14. Cưới vừa _____ là tôi đi.
15. Từ chôn xa xôi nhớ về ái ngại
16. Lấy chồng chiến binh _____ người trở lại.
17. Mà nhớ khi mình không về
18. Thì thương cho người vợ, bé bỏng chiều quê.
19. Nhưng không chết người trai chiến sĩ
20. Mà chết người gái nhỏ miền xuôi.
21. Nhưng không _____ người trai chiến sĩ
22. Mà chết người gái nhỏ miền xuôi.
23. Nhưng không chết người trai chiến sĩ
24. Mà chết người _____ nhỏ miền xuôi.

25. Hỡi ôi! Hỡi ôi!

26. Tôi về không gặp nàng.

27. Má ngồi bên mộ vàng.

28. Chiếc bình _____ ngày cưới

29. Đã thành chiếc bình hương.

30. Nhớ xưa em hiền hoà.

31. Áo anh em viền tà.

32. Nhớ người yêu màu tím.

33. Nhớ người _____ màu sim.

34. Giờ phút lia đời

35. Chẳng được nói một lời

36. Chẳng được ngó mặt người.

37. Nàng có ba người _____ đi quân đội lâu rồi.

38. Nàng có đôi người em, những em thơ sẽ lớn.

39. Tóc nàng hãy còn xanh, _____ nàng hãy còn xanh.

40. Ôi một chiều mưa rừng nơi chiến trường Đông Bắc

41. Ba người anh được tin _____ em gái thương đau

42. Và tin dữ đi mau, rồi tin cưới đi sau.

43. Chiều hành quân qua những đồi sim

44. Những đồi sim, những đồi sim, đồi tím hoa sim

45. Tím cả chiều hoang biên biệt.

46. Rồi mùa thu trên những dòng sông

47. Những dòng sông, những dòng _____ làn gió thu sang

48. Gió rờn rợn trên mộ vàng.

49. Chiều hành quân qua những đồi sim

50. Những đoàn quân, những đoàn quân và tiếng quân ca

51. Có lời nào ru ời ời:

52. À ơi ! À ơi ! Áo anh sút chỉ đường tà

53. Vợ anh chết sớm, mẹ già chưa khâu

54. Những đồi sim, những đồi sim, đồi tím hoa sim

55. Đồi tím hoa sim, đồi tím hoa sim

56. Đồi tím hoa sim...

Từ Vựng

1. (cây) sim (dt.): cây mọc nhiều ở rừng núi miền Trung Việt Nam, có hoa đẹp màu tím nhạt, thân cây cao từ 1 đến 2 mét, lá hình trứng, đầu nhọn, gốc thon dần, cuống dài, có trái ăn rất ngon *myrtle* (n.)

2. bộ đội	(dt.):	người lính	<i>soldier</i>	(n.)
3. búi (tóc)	(dt.):	tóc được quấn lại thành một bó tròn nhỏ ở phía sau	<i>bun of hair</i>	(n.)
4. giày đinh	(dt.):	giày da, để có đóng đinh	<i>hobnail boots</i>	(n.)
5. độc đáo	(tt.):	có tính chất đặc biệt, không có ở người khác	<i>unique</i>	(adj.)
6. đơn vị	(dt.):	một bộ phận trong tổ chức của quân đội	<i>military unit</i>	(n.)
7. ái ngại	(đt.):	thương cảm, có phần lo lắng cho tình cảnh của người khác	<i>to feel compassion for, to feel worried about</i>	(v.)
8. chiến binh	(dt.):	người lính	<i>combatant, soldier</i>	(n.)
9. hậu phương	(dt.):	vùng sau chiến tuyến, nơi có điều kiện phục vụ cho chiến tranh	<i>rear, rear base</i>	(n.)
10. vá	(đt.):	phủ lên chỗ rách, chỗ thủng một lớp vải và khâu lại	<i>to mend</i>	(v.)
11. chiến trường	(dt.):	chỗ hai phe đánh nhau	<i>battlefield</i>	(n.)
12. gợn gợn	(đt.):	(sóng) nổi lăn tăn	<i>to ripple</i>	(v.)
13. ngõ ngàng	(trt.):	một cách ngạc nhiên	<i>perplexingly, puzzlingly</i>	(adv.)
14. mộ chí	(dt.):	phiến đá đặt trước mộ, ghi tên tuổi, quê quán, ngày mất của người chết	<i>tombstone</i>	(n.)
15. (tím) biền biệ	(trt.):	(tím) ngất một màu. (Chỉ màu tím mà thôi) trải dài đến vô tận	<i>(the purple color spreads) endlessly</i>	(adv.)
16. đường tà	(dt.):	đường chỉ may trên vạt áo	<i>seam on the hem</i>	(n.)
17. ngày hợp hôn	(dt.):	ngày vu quy, ngày cưới	<i>wedding day</i>	(n.)

18. chiến khu	(dt.): vùng có chiến tranh	<i>war zone</i>	(n.)
19. bình hương	(dt.): bình để cắm hương	<i>incense burner</i>	(n.)
20. hành quân	(dt.): sự điều quân để chiến đấu	<i>military operation</i>	(n.)
21. đồ quân nhân	(dt.): áo quần lính	<i>military uniform</i>	(n.)

Bài tập 1

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **ngõ ngàng, độc đáo, vá, đường tà, bộ đội, hậu phương, gờn gợn, đơn vị, biên biệt, chiến trường.**

1. Nhưng không chết người trai khói lửa,
Mà chết người em gái nhỏ _____.
2. Một chiều rừng mưa,
Ba người anh trên _____ Đông Bắc biết tin em gái mất.
3. Đưa em nhỏ lớn lên,
_____ trông ảnh chị.
4. “Áo anh sút chỉ _____,
Vợ anh chết sớm, mẹ già chưa khâu”.
5. Nàng có ba người anh đi _____,
Những đứa em nàng có em chưa biết nói.
6. Tôi ở _____ về,
Cưới nhau xong là đi.
7. Ngày xưa một mình đèn khuya bóng nhỏ,
Nàng _____ cho chồng tắm áo ngày xưa.
8. Biết tin em gái mất trước tin em lấy chồng,
Gió sớm thu về, _____ nước sông.
9. Nàng cười xinh xinh,
Bên anh chồng _____.
10. Màu tím hoa sim,
Tím cả chiều hoang _____.

Bài tập 2

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **búi, giày đinh, độc đáo, chiến trường, ái ngại, hậu phương, ngõ ngàng, biên biệt, đơn vị, vá.**

1. Anh tôi đã anh dũng hy sinh ở _____ Quảng Trị.
2. Tuấn _____ trước những thay đổi của quê hương sau hơn mười năm xa cách.
3. Ông cụ trán hói, tóc bạc _____ củ hành là ông tôi.
4. Họ là những chiến sĩ cùng một _____.
5. Lan mặc bộ quần áo thật _____.

6. Đi xa, ông Tâm _____ cho vợ chăm sóc đàn con ở nhà một mình.
7. Mẹ cặm cùi _____ cho tôi chiếc áo bông đã sờn rách vai.
8. Nàng đi trên đôi sim tím _____, một màu tím trải dài đến tận chân trời.
9. _____ ủng hộ tiền tuyến.
10. Đôi _____ của Cường rất có ích khi leo núi.

Bài tập 3

Đặt câu với mỗi từ sau đây:

- | | |
|-------------|-----------------|
| 1. hoa sim | 6. bộ đội |
| 2. ái ngại | 7. vá |
| 3. gòn gòn | 8. chiến trường |
| 4. mộ chí | 9. độc đáo |
| 5. đường tà | 10. biên biệt |

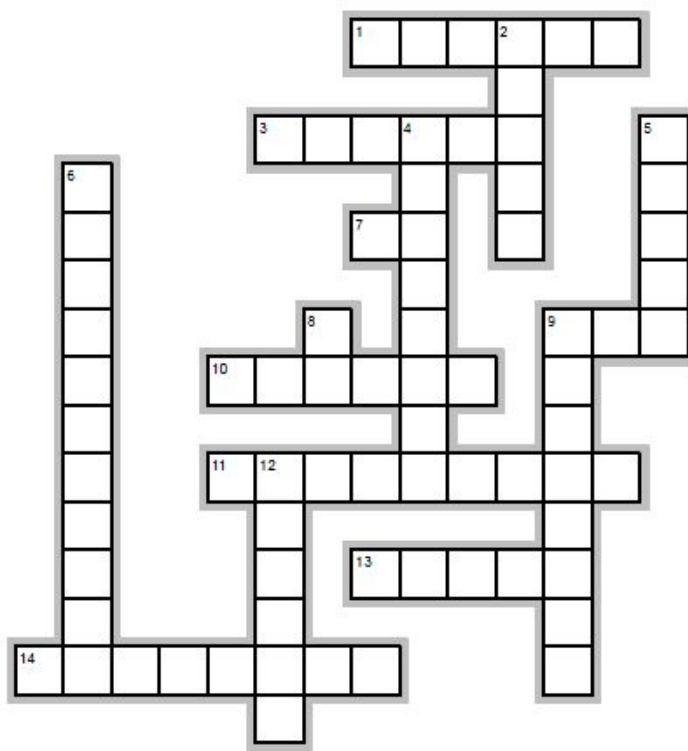
Bài tập 4

Ghép mỗi từ ở cột A với định nghĩa thích hợp ở cột B.

- | A | B |
|-----------------|---|
| 1. giày đinh | a. một bó nhỏ |
| 2. hậu phương | b. thương cảm, lo lắng cho người khác |
| 3. ngõ ngàng | c. vùng ở sau tiền tuyến phục vụ cho chiến tranh |
| 4. ái ngại | d. phủ lên chỗ rách một lớp vải và khâu lại |
| 5. gòn gòn | e. phần nẹp nhỏ bọc hai bên vạt áo |
| 6. vá | g. giày da, để có đóng đinh |
| 7. bộ đội | h. có tính chất đặc biệt, không có ở người khác |
| 8. độc đáo | i. (ra đi) mãi không thấy trở lại, không có tin tức gì |
| 9. chiến trường | k. có sóng nhỏ lẫn lẫn |
| 10. búi | l. chỗ hai phe đánh nhau |
| | m. người lính |
| | n. ngạc nhiên và có ý nghĩ mơ hồ trước những điều xa lạ, mới biết |

Bài tập 5

Dùng những từ trong bài *Màu Tím Hoa Sim* để điền vào chỗ trống và ô chữ thích hợp.



Ngang

1. Anh chồng thật _____ trong trang phục quân nhân ngày cưới vợ.
3. Gió thổi nhẹ làm mặt hồ _____ sóng.
7. Những _____ áo dài trắng thướt tha trông thật đẹp mắt!
9. Loan thường hay _____ tóc ra phía sau cho gọn mỗi khi làm việc.
10. Những đôi _____ đã tạo nên bức tranh màu tím, tím cả buổi chiều hoang.
11. Người vợ trẻ ở _____ đã chết không một lời từ giã người chồng chiến binh.
13. _____ là người phục vụ trong quân đội.
14. Di Tâm _____ khi nhận được tin con từ phương xa gọi về.

Dọc

2. Người lính rời _____ của mình về quê cưới vợ.
4. Người chiến binh thường mang _____ trong những ngày hành quân.
5. _____ là phiến đá đặt trước mộ dùng để ghi tên tuổi, quê quán, ngày mất, v.v... của người chết.
6. Ba người anh trên _____ Đông Bắc, Được tin em gái mất trước tin em lấy chồng.
8. Nam nhờ chị Kim _____ lại chỗ áo rách của mình.
9. Hoa sim tím _____ cả núi đồi.
12. Người chiến binh cảm thấy _____ cho người vợ bé bỏng của mình ở quê nhà.

Phân Tích

A. Thể văn: Thơ tự do.

B. Giọng văn: Luyến tiếc.

C. Tình tiết: Tác giả từng là thầy giáo của vợ. Hai người gặp lại nhau khi ông về phép và họ làm đám cưới.

D. Nhân vật: Tác giả (Tôi) và vợ (Nàng).

E. Chủ đề: Hôn nhân trong thời chiến.

G. Đại ý: Niềm thương tiếc khôn nguôi cho một cuộc tình tan vỡ.

H. Giải thích:

Câu 1, 2: nàng thuộc một gia đình đông con gồm có ba người anh và một số em. “Đi bộ đội” có nghĩa là đi lính. Vào quân ngũ rồi thì người ta phân ra lục quân, không quân hay hải quân. Trong chiến tranh Việt Pháp, Việt Nam chưa có không quân; hải quân thì rất thô sơ, hầu như không có; do đó, bộ đội ở đây tức là bộ binh, thuộc lục quân.

Câu 3, 4: tóc chưa đầy búi: nàng còn rất trẻ.

Câu 9: vừa về đến nơi là tổ chức lễ cưới ngay, không có thì giờ để chùi sạch đôi giày.

Câu 14 -17: “Chiến sĩ đi không về” là chuyện bình thường nhưng tác giả nhắc lại ở đây cốt làm nổi bật sự trở trêu của định mệnh diễn ra trong hai câu kế tiếp.

Câu 18-19: “*Nhưng không **chết** người trai khói lửa,
Mà **chết** người em gái nhỏ hậu phương.*”

nghĩa là: Nhưng người trai khói lửa không chết mà người em gái nhỏ hậu phương lại chết. Tác giả đưa động từ “chết” ra trước với dụng ý oán trách định mệnh oái oăm.

Câu 20: “không gặp nàng”: vợ tác giả đã chết.

Câu 22, 23: biến cố xảy ra quá nhanh, mới làm lễ cưới đó mà bây giờ đã ra người thiên cổ, hôn lễ chẳng mấy chốc biến thành tang lễ! Bình hoa ngày cưới được tác giả làm bình hương.

Câu 42: “*Tím cả chiều hoang biển biệt*” là “Tím biển biệt cả chiều hoang”. “Tím biển biệt” là chỉ một màu tím mà thôi: tím cả rừng chiều, tím khắp núi đồi. Âm “biển biệt” gợi cho ta sự ra đi không bao giờ trở lại. Màu tím cũng thường được dùng để chỉ sự chia ly mãi mãi: “Chiều tím, Chân trời tím, Tà áo tím, v.v...” Khi người ta nói “tím ngắt” là chỉ một màu tím mà thôi, không có màu khác lẫn vào.

Ngữ Pháp

Cấu trúc: Nhưng... Mà...

Xét hai câu thơ sau đây:

*Nhưng không chết người trai khói lửa,
Mà chết người em gái nhỏ hậu phương.*

“**Nhưng... Mà...**” được dùng để nhấn mạnh một sự kiện trái ngược: người lính ở ngoài chiến trường lửa đạn nguy hiểm mà không chết, người vợ ở hậu phương an toàn lại chết. Người ta cũng thường nêu ra một sự ngược đời:

*Nhưng không chết lỗ chân tru,
Mà chết khu dĩa đèn.*

(tru = trâu, lỗ chân trâu: chỗ trâu mẹp (ngụp lặn) rất là sâu; khu: cái tròn, phần lõm nằm dưới đế; dĩa đèn: đĩa đựng dầu để thắp đèn)

Bài tập 6

Dùng các phần gợi ý sau đây để viết thành những câu theo cấu trúc “**nhưng... mà...**”.

1. không tiết kiệm được điện... còn hao tốn nhiều hơn
2. chẳng làm nên được việc gì... mất thì giờ nhiều quá
3. lời anh ta nói có đáng tin không... sao chị tin anh ta quá vậy
4. nó không làm điều đó... mọi người đều bảo nó làm
5. Nụ cười châu chấu đá xe,
Tuồng rằng chấu ngã ai ngờ xe nghiêng.

Bài tập 7

Tìm năm tiếng túc từ trong bài thơ. Nhớ nêu rõ túc từ của động từ nào, trực tiếp hay gián tiếp.
(Xem Ngữ Pháp bài Đôi Mắt Người Sơn Tây)

Đọc Hiểu

Bài tập 8

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Đại danh từ (*nàng*) trong bài thơ này là ai?
2. Ta biết được những gì về hai nhân vật qua vài câu thơ mở đầu? (tuổi tác, gia đình, nghề nghiệp, v.v...)
 - Vì sao ta biết cô gái rất trẻ?
 - Có thật tóc cô ta màu xanh không?

- “ngắn chưa đầy búi” nghĩa là sao?
- 3. Vì sao tác giả “*yêu nàng như tình yêu em gái*”?
- 4. Trong ngày cưới, cô dâu chú rể phục sức như thế nào?
- 5. Câu “*Nàng không đòi may áo cưới, tôi mặc đồ quân nhân*” thể hiện điều gì?
- 6. Câu “*Cưới nhau xong là đi*” thể hiện điều gì?
- 7. Bài thơ viết vào năm 1949, vậy đó là cuộc chiến nào?
- 8. Người lính chiến trường xa lo lắng điều gì?
- 9. Điều lo lắng này cho ta thấy anh ta là người như thế nào?
- 10. Từ “*nhưng*” dùng để nhấn mạnh một chuyện khác thường. Trong bài *Màu Tím Hoa Sim* chuyện khác thường đó là gì?
- 11. Tác giả dùng hình ảnh gì để cho thấy sự thay đổi đột ngột từ hạnh phúc đến tang tóc?
- 12. Chàng than thở điều gì?
- 13. Chàng nhớ lại điều gì?
- 14. Người lính trở lại chiến trường lúc nào và điều gì làm chàng nhớ nhiều đến người vợ mới chết?
- 15. Hai câu: “*Những đôi hoa sim dài, trong chiều đi không hết, màu tím hoa sim tím cả chiều hoang biền biệt*” cho ta biết được gì về tâm trạng của chàng?
- 16. Từ “*biền biệt*” diễn tả điều gì?
- 17. Hai câu: “*Ba người anh từ chiến trường Đông Bắc, được tin em gái mất trước tin em lấy chồng*” cho ta biết điều gì?
- 18. Hai câu cuối, tác giả lấy ý từ đâu?
- 19. Tìm hai câu thơ có thể tóm tắt nội dung câu chuyện *Màu Tím Hoa Sim*.

Bài tập 9

Viết bố cục và ý chính từng phần bài *Màu Tím Hoa Sim*.

1. Mở bài: sáu câu đầu
2. Thân bài: “Ngày hợp hôn... Cỏ vàng chân mộ chí”:
 - a. Ngày hợp hôn bé bỏng chiều quê!
 - b. Nhưng không chết ngày xưa.
 - c. Một chiều rừng mưa Cỏ vàng chân mộ chí.
3. Kết luận: bảy câu chót

Bài tập 10

Hãy ghi vào bảng tóm lược sau đây. Trong phần chót ghi điều em học được từ tác phẩm theo ý kiến của em.

Tác giả:
Tác phẩm:
Thời điểm sáng tác:
Chủ đề:
Bối cảnh:
Biến cố:

Gợi ý: Bài thơ là tiếng lòng trung thực của Hữu Loan. Tác giả đã oán trách chiến tranh và định mệnh một cách nhẹ nhàng. Với nội dung phản chiến, bài thơ có thể làm nản lòng bao chiến sĩ.

Bài tập 11

Hãy đặt hai câu hỏi cho mỗi chi tiết sau đây trong bài thơ *Màu Tím Hoa Sim*:

Chi tiết	Câu hỏi
1. Ngày hợp hôn, nàng không đòi may áo cưới, tôi mặc đồ quân nhân.	
2. Tôi ở đơn vị về, cưới nhau xong là đi.	
3. Chiếc bình hoa ngày cưới thành bình hương lạnh.	
4. Ba người anh được tin em mất trước tin em lấy chồng.	
5. Tóc nàng xanh, ngắn chưa đầy búi.	

Tập Làm Văn

Viết một bài văn năm đoạn tóm lược bài thơ *Màu Tím Hoa Sim* của Hữu Loan.

Nói Với Nhau

Cuộc đời nhà thơ Hữu Loan thật lắm thăng trầm, lận đận. Ông là người tài hoa nhưng trực tính nên luôn luôn bị hãm hại, ghét bỏ. Người vợ đầu tiên của ông là người hiền dịu, dễ thương nhưng không may qua đời khi còn quá trẻ. Khi còn sống, Lê Đỗ Thị Ninh, vợ ông, rất thích hoa sim. Vì thế, khi vợ ông đột ngột mất đi, ông đau đớn viết nên bài thơ bất hủ *Màu Tím Hoa Sim* được nhiều người biết đến.

Người vợ thứ hai đến với ông như một duyên phận. Bà là con gái một gia đình địa chủ bị đầu tó. Bà bị ruồng rẫy, bỏ rơi. Không ai dám liên hệ hay giúp đỡ bà vì sợ bị liên lụy, bị ghép tội phản cách mạng. Hữu Loan từng biết cha mẹ bà khi còn sống. Đó là hai vợ chồng giàu lòng nhân ái và yêu nước. Nhưng vì mang danh là địa chủ nên bị đem ra đầu tó và chết thảm thương. Bất chấp lệnh cấm và mọi sự trừng phạt, Hữu Loan kết duyên với bà và có cuộc sống hạnh phúc đến ngày răng long, đầu bạc.

Ông sáng tác nhiều bài thơ hay nhưng phần lớn đều không xuất bản. Ông bảo ông làm thơ vì yêu thích chứ không phải để bán.

Tập Nói Chuyện

1. Lý do nào khiến thi sĩ Hữu Loan viết ra bài thơ *Màu Tím Hoa Sim*?
2. Vì đâu mà thi sĩ Hữu Loan lấy người vợ thứ hai?
3. Theo em, thi sĩ Hữu Loan có nên bán bản quyền của những bài thơ ông viết không?

Tập Viết Văn

Hai người vợ của Hữu Loan đều đáng thương. Theo em, ai đáng thương hơn ai? Viết một đoạn văn giải thích tại sao em nghĩ vậy.

Nghe Hiểu

Thầy cô đọc câu chuyện sau đây:

Tiếng Hát Thần Tiên

Thần thoại Hy Lạp kể rằng thời xa xưa, xưa lắm rồi, có một chàng thanh niên tên là Orpheus. Orpheus có giọng hát tuyệt vời, không một người trần nào sánh bằng. Ngay đến các vị thần cũng say mê tiếng hát của chàng và gọi đó là tiếng hát thần tiên.

Khi chàng vừa đàn vừa ca, loài thú dữ như hổ báo thiếp ngủ đi trong lời ca êm đềm du dương. Orpheus có một người vợ xinh đẹp mà chàng rất mực yêu thương. Chẳng may người vợ chết sớm. Orpheus đau khổ quá, chàng nhất quyết đi xuống địa ngục tìm lại vợ. Dưới địa ngục có con chó ngao ba đầu to như con bò mộng canh cửa. Orpheus cất tiếng hát làm cho con chó khùng khiếp ấy ngủ thiếp đi và thế là chàng vào được vương quốc của cái chết. Nơi đây không có ánh sáng, không có cây cỏ, không có âm thanh vui tươi nào. Khắp nơi chỉ thấy những hình bóng mờ mờ của những linh hồn chết bước đi lang thang vất vưởng. Chàng tìm đến trước ngai vàng của vị



thần chúa tể địa ngục. Chàng hát lên bài hát diễn tả nỗi buồn của mình khi mất vợ, cùng với lời khẩn cầu tha thiết xin cho vợ được trở về. Bài hát và giọng hát làm xúc động tâm can vị thần. Ông cho phép vợ Orpheus trở lại trần thế với chồng, với một điều kiện: Suốt quãng đường trở lại trần gian, Orpheus không được quay lại nhìn vợ một lần nào. Orpheus mừng rỡ cảm tạ thần rồi quay trở lại, người vợ nối bước theo.

Đường trở về tối đen, dài lê thê buồn nản, nhưng chàng cố giữ không hề ngoái lại phía sau. Cuối cùng chỉ còn một quãng đường ngắn nữa là họ sẽ trở về với cuộc sống trần gian. Ánh sáng vàng mặt trời đã le lói chiếu sáng phía trước. Orpheus quá vui mừng không kìm được, chàng bèn quay lại để nhìn gương mặt diễm lệ của người vợ thương nhớ đã bao lâu không gặp. Thế là người vợ của chàng ca sĩ tan biến ngay thành một làn khói mỏng bay ngược về địa ngục. Orpheus chỉ còn biết cúi đầu trở về dương gian một mình. Từ đó chàng không bao giờ hát những bài ca vui tươi nữa. Bài ca nào của Orpheus cũng chỉ là những lời than khóc tiếc thương người vợ đã chết.

Bài tập 12

Sau khi nghe chuyện *Tiếng Hát Thần Tiên*, viết chữ **Đ** vào câu đúng; viết chữ **S** vào câu sai.

1. Đ S *Tiếng Hát Thần Tiên* là một truyện thần thoại Hy Lạp.
2. Đ S Orpheus là tên một vị thần hát rất hay.
3. Đ S Vợ Orpheus mất sớm nên chàng rất đau khổ.
4. Đ S Orpheus đi xuống địa ngục xin cho vợ được trở về dương thế.
5. Đ S Dưới địa ngục có con rồng ba đầu canh cửa.
6. Đ S Orpheus giết chết con rồng mới qua cửa địa ngục được.
7. Đ S Thần cai quản địa ngục xúc động vì bài hát của Orpheus nên cho phép vợ chàng trở về trần gian.
8. Đ S Orpheus phải tuân theo một điều kiện là sẽ không bao giờ hát cho ai nghe.
9. Đ S Orpheus quay lại nhìn vợ nên vợ chàng phải trở lại địa ngục.
10. Đ S Chàng không còn hát những bài hát vui tươi nữa.

Bài tập 13

Đọc những câu sau đây. Gạch bỏ những câu nào không đúng với ý của chuyện *Tiếng Hát Thần Tiên*.

1. Orpheus là một người trần có tài ca hát rất hay.
2. Thú dữ như hổ báo cũng ngủ thiếp đi khi nghe chàng ca.
3. Vợ Orpheus rất xinh đẹp nhưng mất sớm.
4. Orpheus lên trời xin các thần cho vợ chàng sống lại.
5. Cửa nhà trời có con chó ba đầu canh giữ không cho người trần vào được.
6. Orpheus cất tiếng hát làm con chó ba đầu thiếp đi.
7. Chàng cất tiếng hát diễn tả nỗi đau buồn của mình khi vợ chết.
8. Vị thần địa ngục xúc động vì tiếng ca nên cho phép chàng ở lại với vợ.

9. Orpheus được phép mang vợ về nhưng không được quay lại nhìn nàng.
10. Hai vợ chồng sắp đi hết đường trở lại trần gian thì Orpheus quay lại nhìn vợ.
11. Vợ chàng liền biến thành một con chim trắng bay vút lên trời cao.
12. Orpheus đành trở lại trần gian một mình.
13. Từ đó chàng chỉ còn hát những bài ca tiếc thương người vợ đã mất.

Giáo Dục Đa Văn Hoá

Dù theo tôn giáo nào người Việt cũng giữ tục lệ thờ cúng, giỗ chạp cho người qua đời. Mục đích là để luôn luôn tưởng nhớ đến người đã khuất. Mỗi năm đến ngày kỷ niệm ngày mất của người đó, người trong gia tộc có bốn phận phải tụ họp lại làm đám giỗ để tỏ rằng mình không quên người qua đời. Đây cũng là dịp mọi người gặp gỡ nhau, củng cố tình ruột thịt và hoà giải những bất hoà nếu có. Việc thờ cúng, giỗ chạp do đó đã góp phần làm vững chắc tổ chức gia đình, vì văn hoá Việt lấy gia đình làm nền tảng cho xã hội.

Cho học sinh đóng góp những điều mà các em biết được về những nền văn hoá khác liên quan đến việc tưởng nhớ người đã khuất.

Câu hỏi thảo luận:

1. Em có bao giờ có dịp dự một đám giỗ thân thuộc chưa? Đó là giỗ của ai? Vào ngày nào trong năm? Hãy kể ra những việc được thực hiện trong buổi giỗ đó mà em được tham dự hay quan sát.
2. Đa số người Mỹ theo Thiên Chúa giáo, do đó không thờ cúng tại nhà hay làm đám giỗ kỷ niệm ngày mất. Vậy họ làm gì để nhớ đến người đã mất?
3. Em còn biết nền văn hoá nào có nội dung khác trong cách kỷ niệm người đã mất?

Sinh hoạt: Người Mỹ gốc Mễ Tây Cơ có “Ngày Cho Những Người Chết”. Học sinh chia thành nhóm soạn sẵn từ ba đến năm câu để hỏi các bạn Mễ cùng trường về nội dung của ngày lễ đó rồi thuật lại cho thầy cô và các bạn nghe. (Ngày đó là ngày nào trong năm? Được gọi tên thế nào? Nhằm mục đích gì? Người ta làm những việc gì trong ngày đó? Làm ở đâu? Ngày lễ nói lên điều gì đặc biệt trong văn hoá và truyền thống? Tổ chức lễ có được gìn giữ ở mọi nơi không?)

Giáo Dục Hướng Nghiệp

Quân Đội

Người lính trong bài thơ là một thanh niên trẻ. Trong thời chiến, thanh niên thường phải ra trận để bảo vệ đất nước. Đó là nghĩa vụ và cũng là niềm tự hào của họ. Ở Hoa Kỳ, trong thời bình, thanh niên cũng có thể gia nhập quân đội. Họ phải là công dân hay người thường trú hợp pháp, đủ 18 tuổi và tốt nghiệp trung học. Quân đội cung cấp rất nhiều cơ hội để quân nhân nâng cao về học vấn và nghề chuyên môn. Họ cũng có dịp đi nhiều nơi trong và ngoài nước, họ có thể trở thành bác sĩ, kỹ sư, chuyên viên kỹ thuật, nhân viên, v.v... của nhiều ngành nghề trong thời

gian ở quân đội mà không phải trả tiền học phí hoặc chỉ trả rất ít so với sinh viên ở ngoài. Sau đó, họ có thể trở về đời sống dân sự và đi học đại học hay nghề chuyên môn miễn phí.

Tất cả các quân binh chủng Hải Quân, Thủy Quân Lục Chiến, Không Quân, Bộ Binh, Vệ Binh Quốc Gia, Lực Lượng Phòng Vệ Duyên Hải, v.v... đều có văn phòng tuyển mộ tân binh tại các thành phố lớn và khắp các tiểu bang. Hiện nay, vì dân số các nhóm dân thiểu số tăng lên, thành phần trong quân đội cũng rất đa dạng.



Thảo luận: Học sinh liên lạc với văn phòng hướng dẫn nghề nghiệp của nhà trường để biết thêm về các học viện quân sự và cơ quan công lực. Sau đó chia sẻ với lớp về thông tin các em đã tìm hiểu được.

Ca Dao và Thành Ngữ

1. Gió đưa bụi trúc ngã quỳ,
Ba năm trực tiết còn gì là xuân.
2. Chết ba năm sống lại một giờ,
Để coi người cũ phụng thờ ra sao?
3. Thứ nhất là mồ côi cha,
Thứ nhì vợ mất, thứ ba goá chồng.
4. Chàng ơi, ai bảo cho chàng,
Lá xanh rụng xuống, lá vàng trên cây?
5. Giữa đường đứt gánh.
6. Gà trống nuôi con.
7. Đàn bà goá chồng phòng không trực tiết,
Đàn ông goá vợ mãi miết ngoài đường.

Câu đối

Chồng Khóc Vợ

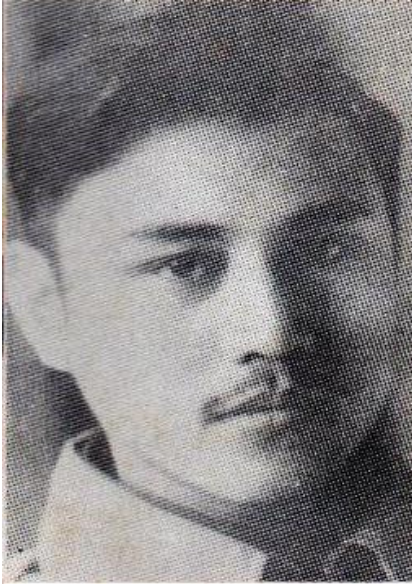
Đất không phải chồng, đem gởi thịt xương sao lợi?
Trời mà mất vợ, thử xem gan ruột mần răng?

Khóc Bằng Phi

 Ồi Thị Bằng ơi! Đã mất rồi,
 Ồi tình ới nghĩa, ới duyên ơi!
Mưa hè nắng chói oanh ăn nói,
Sớm ngỗ trưa sân liễu đứng ngồi.
 Đập cổ kính ra tìm lấy bóng,
 Xếp tàn y lại để dành hơi.
Mối tình muốn dứt càng thêm bận,
Mãi mãi theo hoài cứ chẳng thôi.

Vua Tự Đức

Quang Dũng (1921 - 1988)



Quang Dũng thời Tây tiến

Nhà thơ Quang Dũng có tên thật là Bùi Đình Dậu. Đến khi đi học, do thiếu tuổi nên phải mượn khai sinh của người anh con bác tên Bùi Đình Diệm. Sau này, ông lại đổi tên lần nữa khi lấy bút danh Quang Dũng làm tên khai sinh của mình. Ông sinh năm 1921 tại làng Phương Trì, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. Ông học trung học trường Thăng Long. Sau khi tốt nghiệp, ông đi dạy học tư ở Sơn Tây. Rồi ghé nhà trường, ông hoạt động chính trị, trốn sang Trung Hoa học võ bị. Năm 1945, ông trở về nước làm việc ở Hà Nội.

Trong cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (1946-54), ông theo Việt Minh chống Pháp. Trong thời gian này, ông sáng tác nhiều bài thơ và một số bài đã trở thành bất hủ như: *Tây Tiến*, *Đôi Bờ*, *Giang Hồ*, *Quán Bên Đường*, và *Hoa Thanh Bình*.

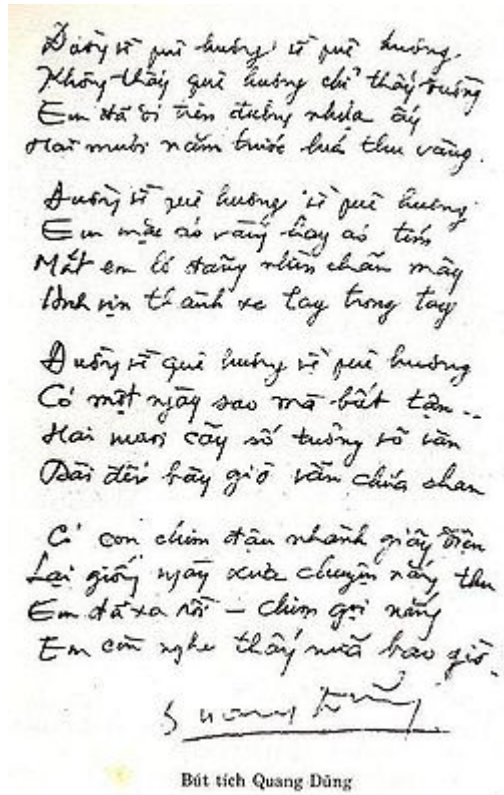
Ông đã viết rất nhiều truyện ngắn xuất bản và viết kịch, cũng như đã triển lãm tranh sơn dầu cùng với các họa sĩ nổi danh. Ông sáng tác nhạc; bài *Ba Vì* của ông rất nổi tiếng. Sau 1954, ông làm biên tập viên tại báo *Văn Nghệ*, rồi chuyển về

Nhà xuất bản Văn Học.

Ông bị gửi đi chinh huấn sau vụ Nhân Văn - Giai Phẩm, và lui về ẩn thân trong nghèo nàn và bệnh tật. Thơ của ông bị phê bình trên báo chí miền Bắc lúc đó là mang hơi hướng “tiểu tư sản”, thiếu tính chiến đấu; còn ở miền Nam thì được xuất bản và phổ biến rộng rãi và được nhiều người yêu thích. Sau này, giống như những nhà thơ lớn khác (Nguyễn Bính, Hồ Dzếnh, v.v...), ông bị quên lãng và mất đi trong âm thầm. Ông mất ngày 13 tháng 10 năm 1988 tại bệnh viện Thanh Nhàn, Hà Nội.

Ông là người tài hoa: vẽ tài, hát giỏi, làm thơ hay. Bài thơ *Tây Tiến* của ông mang đậm nét hào hùng, bi tráng pha chất lãng mạn được chọn vào giảng dạy trong giáo trình trung học phổ thông. Một số bài thơ của ông đã được phổ nhạc như *Tây Tiến* (Phạm Duy phổ nhạc), *Đôi Mắt Người Sơn Tây* (Phạm Đình Chương phổ từ hai bài thơ *Đôi Bờ* và *Đôi Mắt Người Sơn Tây*), *Kẻ Ở* (Cung Tiến phổ nhạc). Đặc biệt bài thơ *Em Mãi là 20 Tuổi* được 3 nhạc sĩ phổ nhạc khác nhau (Việt Dzũng, Phạm Trọng Cầu, Khúc Dương). Năm 2001, ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

Bút Tích Quang Dũng



Tóm lược tác phẩm

Đôi Mắt Người Sơn Tây là một bài thơ tự do nói về một mối tình thời chinh chiến (trong cuộc kháng chiến chống Pháp 1946-1954) tại miền Bắc Việt Nam, đặc biệt là tại tỉnh Sơn Tây. Trên bước đường hành quân, tác giả gặp cô gái chạy giặc từ Sơn Tây đến, và một mối tình chớm lên trong lòng tác giả. Tác giả mơ ước một ngày thanh bình và được gặp lại cô gái.

Đôi Mắt Người Sơn Tây



Em ở thành Sơn chạy giặc về.
Tôi từ chinh chiến cũng ra đi.
Cách biệt bao ngày quê Bất Bạt,
Chiều xanh không thấy bóng Ba Vì.

Vàng trán em mang trời quê hương.
Mắt em dịu dịu buồn Tây Phương.
Tôi nhớ xứ **Đoài** mây trắng lắm.
Em có bao giờ em nhớ thương?

Mẹ tôi, em có gặp đâu không?
Bao xác già nua ngập cánh đồng.
Tôi nhớ một thằng con bé nhỏ.
Bao nhiêu rồi xác trẻ trôi sông.

Từ độ thu về **hoang bóng giặc**.
Điều tàn ôi lại nổi **điều tàn**!
Đất **đá ong khô** nhiều **suối lệ**.
Em đã bao ngày lệ chứa chan?

Đôi mắt người Sơn Tây,
U uẩn chiều lưu lạc,

Buồn **viễn xứ** khôn **khuây**.
 Tôi gởi niềm nhớ thương.
 Em mang dùm tôi nhé!
 Ngày trở lại quê hương.
Khúc hoàn ca rớm lệ.

Bao giờ trở lại đồng Bương Cấn,
 Về núi Sài Sơn ngó lúa vàng.
 Sông Đáy **chạm nguồn** quanh Phủ Quốc,
Sáo diều khuya khoắt thổi đêm trăng.

Bao giờ tôi gặp em lần nữa,
 Chắc đã thanh bình rộn tiếng ca?
 Đã hết sắc màu chinh chiến cũ,
 Còn có bao giờ em nhớ ta?

Quang Dũng
 1949

Từ Vựng

1. (xứ) Đoài	(dt.):	phía tây, xứ Đoài là tỉnh Sơn Tây	<i>West (region)</i>	(n.)
2. hoang	(dt.):	ở lung tung, có khắp nơi	<i>to be present everywhere</i>	(n.)
3. hoang bóng giặc		giặc xuất hiện nhiều nơi		
4. đá ong	(dt.):	đá có lỗ như tổ ong, màu nâu sẫm, thường được dùng để xây nhà	<i>laterite, plinthite</i>	(n.)
5. suối lệ	(dt.):	giòng nước mắt	<i>stream of tears</i>	(n.)
6. u uẩn	(dt.):	giấu kín (nỗi buồn) ở trong lòng	<i>to show hidden (melancholy)</i>	(n.)
7. viễn xứ	(dt.):	phương xa	<i>far-away country, distant place</i>	(n.)
8. khuây	(dt.):	khuây khoả, quên đi nỗi buồn phiền trong lòng	<i>to solace, feel assuage</i>	(v.)
9. khúc hoàn ca	(dt.):	khải hoàn ca, bài hát mừng thắng trận trở về	<i>a triumphal marching song</i>	(n.)

10. điều tàn	(dt.):	sự tan nát, sụp đổ	<i>ruin</i>	(n.)
11. róm lệ	(đt.):	làm ứa nước mắt, rơm rớm nước mắt	<i>to moisten one's eyes with tear</i>	(v.)
12. sáo diều	(dt.):	sáo cài vào diều để khi lên cao có gió phát thành tiếng nhạc	<i>a fife attached to a flying kite</i>	(n.)
13. khuya khoắt	(trt.):	gần nửa đêm, sâu về đêm	<i>late in the night</i>	(adv.)
14. chậm nguồn	(đt.):	chảy chậm	<i>to flow slowly</i>	(v.)
15. khô	(đt.):	làm cho khô	<i>to dry</i>	(v.)

Địa Danh

1. **Thành Sơn**: tỉnh lỵ Sơn Tây, ở về phía tây Hà Nội, có thành quách xây theo lối cũ, bao quanh khu trung tâm thành phố.
2. **Bát Bạt**: tên một huyện thuộc tỉnh Sơn Tây.
3. **Ba Vì**: tên một ngọn núi ở tỉnh Sơn Tây, còn có tên là núi Tản Viên.
4. **Tây Phương**: tên một ngôi chùa cổ ở Sơn Tây.
5. **Bương Cấn**: cánh đồng Bương và cánh đồng Cấn ở tỉnh Sơn Tây.
6. **Sài Sơn**: núi Sài, tên một ngọn núi ở Sơn Tây, còn gọi là núi chùa Thầy vì tại chân núi này có một ngôi chùa gọi là Chùa Thầy.
7. **Sông Đáy**: một nhánh sông chảy qua tỉnh Sơn Tây.
8. **Phủ Quốc**: tức là phủ Quốc Oai, một phủ của tỉnh Sơn Tây; phủ là đơn vị hành chính lớn hơn huyện.

Bài tập 1

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **khôn khuây, róm lệ, đá ong, u uẩn, khúc hoàn ca, Đoài, sáo diều, suối lệ, viễn xứ**.

1. Đôi mắt người Sơn Tây,
_____ chiều lưu lạc.
2. Tôi nhớ xứ _____ mây trắng lấm,
Em đã bao ngày em nhớ thương?
3. Sông Đáy chậm nguồn qua Phủ Quốc,
_____ khuya khoắt thỗi đêm trăng.
4. Buồn _____,
Tôi gửi niềm nhớ thương.
5. Đất _____ khô nhiều _____,
Em đã bao ngày lệ chứa chan?
6. Ngày trở lại quê hương,
_____ róm lệ.

Bài tập 2

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **đá ong, róm lệ, sáo diều, khúc hoàn ca, Đoài.**

1. Cả đêm không ngủ, Vũ nằm nghe tiếng _____ vì vu.
2. Ngôi nhà xây bằng _____ nằm lơ lơ bên sườn núi.
3. Đoàn quân hân hoan trở về với _____.
4. Cô Loan _____ vì sung sướng khi nghe tin chồng từ chiến trường sắp trở về.
5. Thôn _____ ngồi nhớ thôn Đông,
Một người chín nhớ mười mong một người.

Bài tập 3

Tìm từ phản nghĩa với những từ sau đây:

- | | | |
|---------------|---|-------|
| 1. viển | ≠ | _____ |
| 2. về | ≠ | _____ |
| 3. cách biệt | ≠ | _____ |
| 4. trở lại | ≠ | _____ |
| 5. u uẩn | ≠ | _____ |
| 6. thanh bình | ≠ | _____ |
| 7. già nua | ≠ | _____ |

Bài tập 4

Ghép mỗi từ ở cột **A** với định nghĩa thích hợp ở cột **B**.

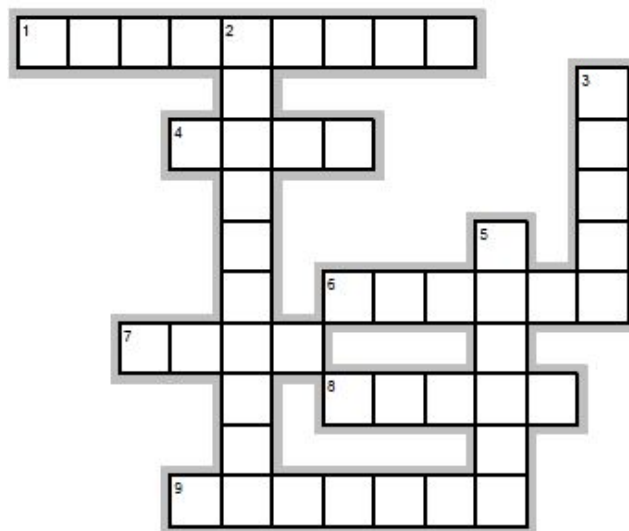
- | A | B |
|-----------------|--|
| 1. viển xứ | a. đá có lỗ như tổ ong để xây nhà |
| 2. sáo diều | b. sự tan nát, sụp đổ |
| 3. đá ong | c. ở lung tung, khắp nơi |
| 4. róm lệ | d. giấu kín trong lòng |
| 5. (xứ) Đoài | e. sáo cài vào diều để khi diều lên cao, gặp gió, phát thành tiếng |
| 6. khúc hoàn ca | g. ứa nước mắt; rơm rớm nước mắt |
| 7. hoang | h. quên nỗi buồn phiền |
| 8. diều tàn | i. tỉnh Sơn Tây |
| 9. khuây | k. phương xa |
| 10. u uẩn | l. bài hát mừng thắng trận |

Bài tập 5

Dùng những từ trong bài *Đôi Mắt Người Sơn Tây* để điền vào chỗ trống và ô chữ thích hợp.

Ngang

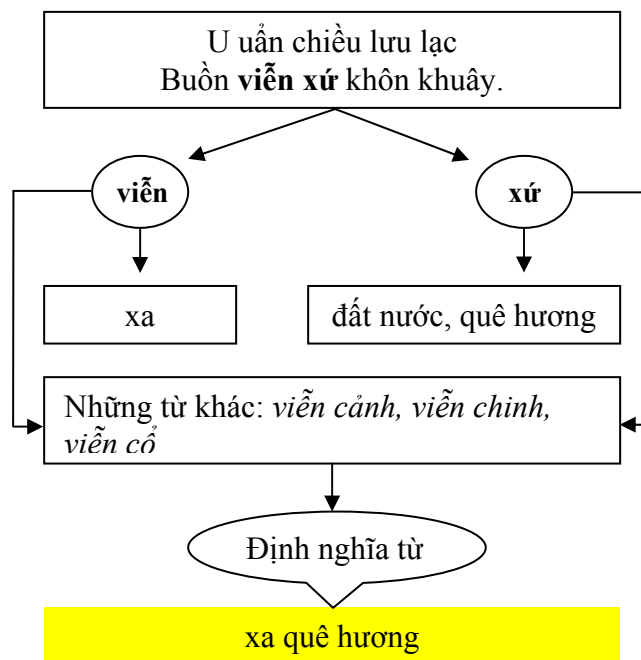
1. khó mà quên được nỗi buồn phiền
4. giấu kín trong lòng
6. giòng nước mắt
7. tên một xứ thuộc tỉnh Sơn Tây
8. đá có lỗ như tổ ong, màu nâu sẫm
9. sáo cài vào điều để khi điều bay lên, gặp gió, phát thành tiếng



Dọc

2. bài ca mừng thắng trận trở về
3. ứa một chút nước mắt, chưa thành giọt
5. xa quê hương

Bài tập 6



Dùng ô hình ở trên để giúp em định nghĩa các từ:

1. viễn phương
2. viễn chinh
3. viễn khách
4. viễn vọng

Phân Tích

Giải thích:

1. **Văn thể:** *Đôi Mắt Người Sơn Tây* là một bài thơ tự tình theo thể thất ngôn, ngoại trừ đoạn 5 làm theo thể ngũ ngôn.
2. **Từ đối nhau** làm tăng thêm nhạc điệu và ý nghĩa cho bài thơ:
Em - tôi; đi - về; quê Bất Bạt - bóng Ba Vì; ngập cánh đồng - trẻ trôi sông; đồng Bương Cấn - núi Sài Sơn.
- **Câu đối âm với nhau:** câu 3 và 4 đoạn 1, hay:
*“Sông Đáy chậm nguồn quanh Phủ Quốc,
Sáo diều khuya khoắt thổi đêm trăng.”*
3. **Cách nói bóng bẩy:**
“Em có bao giờ em nhớ thương?”: nhớ thương xứ Đoài hay nhớ người yêu? Tác giả cũng có ý muốn hỏi: Em có người yêu chưa?
*“Tôi gửi niềm nhớ thương,
Em mang dùm tôi nhé!”*
Tôi gửi niềm nhớ thương cho xứ Đoài và cho em.
4. **Dùng mỹ từ pháp:**
 - **Điệp từ:** em, nhớ thương, diều tàn, bao giờ.
 - **Tượng trưng:**
 - dùng một địa danh Bất Bạt, Ba Vì hay Phủ Quốc, v.v... để chỉ cả tỉnh Sơn Tây.
 - sáo diều: tượng trưng cho cảnh thanh bình.
 - **Thậm xưng:** nói hơi quá sự thật để gây ấn tượng sâu xa trong lòng người đọc: xác trẻ trôi sông, suối lệ.
 - **So sánh:** “buồn Tây Phương”: buồn như cảnh chùa Tây Phương.
 - **Nhân cách hoá:** sông Đáy chậm nguồn, sáo diều thổi.
5. **Nhạc điệu:** Tựa như bản *Tỳ-Bà-Hành* của Phan Huy Vịnh, phần lớn bài thơ mang âm điệu trầm buồn vì tác giả dùng **âm bằng** nhiều hơn **âm trắc** (nhất là đoạn 1 và 2).
6. **Diễn biến tình cảm:**
 - **Hai đoạn đầu** của bài thơ là sự bày tỏ (exposition), là những lời thì thào, như là một giọng sông đang êm đềm chảy xuôi.
 - **Đoạn 3 và 4:** tình cảm sôi động hơn (rising action) khi tác giả thấy cảnh chết chóc, diều tàn.
 - **Đoạn 5:** tiết điệu thay đổi, âm thanh dồn dập như sóng cuộn cuộn, như nhắc nhở, như mời gọi. Đoạn 5 là cao điểm (climax) của tình cảm đang dạt dào: tác giả không còn úp mở hay bóng bẩy nữa:
*“Tôi gửi niềm nhớ thương,
Em mang dùm tôi nhé!”*
 - **Đoạn 6:** Sau khi thổ lộ tâm tình, tình cảm bắt đầu lắng dịu (falling action), như một

dòng sông lại êm đềm trôi.

- **Đoạn 7:** tình cảm đến giai đoạn kết thúc (resolution) với lời tự hỏi của tác giả, những lời nỉ non, tha thiết, mơ ước ngày hội ngộ trong cảnh thanh bình.

7. **Hình ảnh:** Bài thơ gợi cảm nhờ có những hình ảnh rất sống động:

- chạy giặc về: hình ảnh một cô gái đang hót hơ hót hải chạy loạn.
- xác già nua ngập cánh đồng, xác trẻ trôi sông, sông Đáy chậm nguồn, sáo diều đêm trăng.
- với động từ “mang” trong đoạn 2 và đoạn 5:

“Vàng trán em mang trời quê hương.”

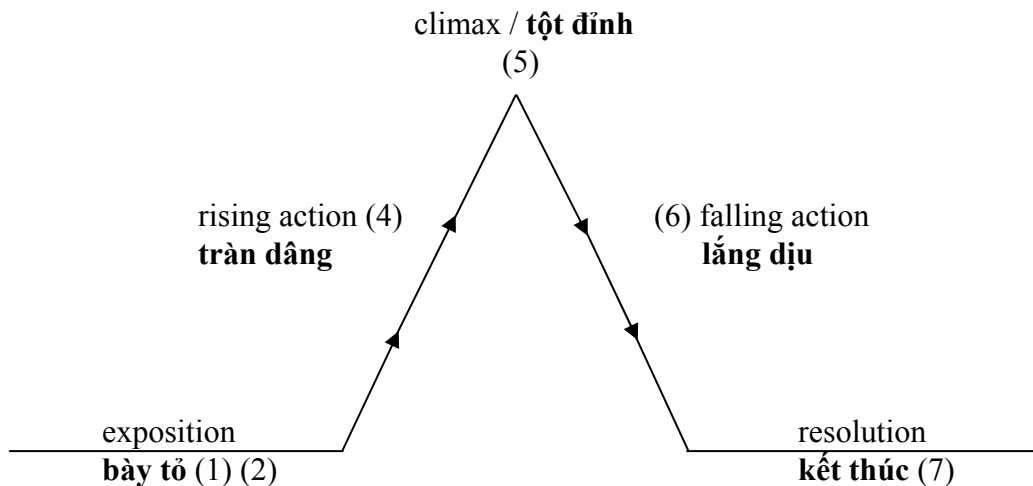
“Tôi gọi niềm nhớ thương,

Em mang dùm tôi nhé!”

tác giả đã biến những ý niệm trừu tượng thành danh từ cụ thể nên bài thơ đầy sức sống.

8. **Dùng từ súc tích và cô đọng:**

- “**từ**” trong câu 2 chỉ **nguyên do**, có nghĩa là “**vì**”: vì chinh chiến nên tôi phải ra đi; vừa chỉ **thời gian**, “**từ khi**”: tôi ra đi từ khi có chiến tranh.
- **Câu 1 đoạn 2:** nét buồn nhớ quê hương hiện rõ trên vùng trán.
- “**buồn Tây Phương**”: buồn u uất như nét buồn của chùa Tây Phương.
- **Câu 1 đoạn 4:** từ khi chiến tranh xảy ra vào mùa thu, quân giặc xuất hiện chỗ này, chỗ nọ thì dân làng bỏ chạy, và quang cảnh trở nên tiêu điều, hoang vắng.
- **Câu 3 đoạn 4:** nhà đổ nát, đá ong phơi bày, dân chúng khóc nhiều.
- **Nét đẹp buồn** bao giờ cũng dễ làm xao xuyến lòng người hơn nét đẹp vui. Đôi mắt buồn u uẩn khiến tác giả nhớ khôn nguôi.
- **Khô nhiều tuổi lệ:** khóc hết nước mắt, không còn nước mắt để mà khóc nữa.
- **Bao giờ:** khi nào, chỉ sự việc sẽ xảy ra trong tương lai. Cũng có nghĩa là “**Biết đến bao giờ**” chỉ một tương lai rất mờ mịt.



Túc Từ của Động Từ

Xét các câu sau đây:

1. “Chiều xanh không thấy **bóng Ba Vì**.”
2. “Vàng trán em mang **trời quê hương**.”
3. “Tôi gửi **thư** cho **em tôi**.”

Trong câu 1, “**bóng Ba Vì**” là túc từ của động từ **thấy**.

Trong câu 2, “**trời quê hương**” là túc từ của động từ **mang**.

- Các túc từ trên đứng liền sau động từ, không bị ngăn cách với động từ bởi một tiếng giới từ nên gọi là “**túc từ trực tiếp**.”

Trong câu 3, động từ “**gửi**” có hai túc từ:

- “**thư**” là túc từ trực tiếp.
- “**em tôi**” là túc từ gián tiếp vì bị ngăn cách với động từ bởi giới từ **cho**.

Định nghĩa:

1. **Túc từ của động từ** là tiếng chỉ người hay vật chịu ảnh hưởng của hành động do động từ ấy gây ra một cách trực tiếp hay gián tiếp.
2. **Túc từ trực tiếp** đứng ngay sau động từ.
3. **Túc từ gián tiếp** bị ngăn cách với động từ bởi một tiếng giới từ.
4. **Túc từ của động từ** có thể là một **đanh từ**, **đại danh từ**, một **nhóm từ** hay một **mệnh đề**.

Bài tập 7

1. Viết một câu có túc từ trực tiếp với các động từ sau: **thấy, gặp, nhớ, nhìn**.
2. Viết một câu có túc từ trực tiếp và túc từ gián tiếp với các động từ: **viết, đưa, trao**.
3. Viết một câu có túc từ trực tiếp là một mệnh đề.

Bài tập 8

Tìm túc từ trực tiếp và túc từ gián tiếp trong các câu sau:

1. “Tôi nhớ xứ Đoài mây trắng lắm.”
2. “Mẹ tôi, em có gặp đâu không?”
3. “Bao giờ ta gặp em lần nữa?”
4. “Còn có bao giờ em nhớ ta?”
5. “Lên núi Sài Sơn ngắm lúa vàng.”
6. “Tôi gởi cho bố tôi một thùng hàng.”
7. “Thầy giáo nói với ông hiệu trưởng rằng chúng tôi là những học sinh ngoan.”

Độc Hiểu

Bài tập 9

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. “*Em ở thành Sơn chạy giặc về,
Tôi từ chinh chiến cũng ra đi.*”
Giặc ở đây là giặc nào?
2. Hai hành động “chạy giặc” và “ra đi” có gì giống nhau và khác nhau?
3. Người mà tác giả gọi “em” trong bài thơ là ai?
4. Từ chinh chiến là từ lúc nào?
5. Vàng trăn làm sao mang được trời quê hương?
6. “*Em có bao giờ em nhớ thương?*” nghĩa là gì?
7. Câu thơ nào chứng tỏ tác giả và cô gái có quen biết nhau từ trước?
8. “*Điều tàn ôi lại nói điều tàn*” ý nói gì?
9. “*Đất đá ong khô nhiều suối lẹ*” ý nói gì?
10. “*Tôi gửi niềm nhớ thương,
Em mang dùm tôi nhé!*” nghĩa là gì?
11. Cảnh “ngó lúa vàng, nhìn sông Đáy và nghe tiếng sáo diều” ám chỉ điều gì?
12. Hãy kể ra vài cảnh kinh khiếp của chiến tranh.

Bài tập 10

Hãy viết bố cục bài thơ *Đôi Mắt Người Sơn Tây* và tóm lược ý của từng phần.

Bài tập 11

Em hãy đọc lại bài thơ và chép những câu diễn tả các ý tưởng trong bảng sau đây:

Ý	Câu thơ
Xa cách quê lâu rồi	
Rất nhớ quê	
Niềm mong mỏi được trở lại quê	
Hy vọng gặp lại cô gái	

Bài tập 12

Thảo luận theo nhóm

Đọc kỹ bài *Đôi Mắt Người Sơn Tây*, phân tích từng đoạn và tìm đại ý.

Bài tập 13

Nghe bài hát “Người Tình và Quê Hương” rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Người Tình và Quê Hương

Trịnh Lâm Ngân

1. Xin hiểu _____ trong thời _____ này mấy người _____ cho tròn.
2. Càng khổ càng đau, thì tình yêu _____ khi dắt đưa nhau về bến.
3. Ngăn cách bây giờ, cho mai một _____ không thấy thẹn cùng sông núi.
4. Vì đời khổ đau anh góp một phần _____.
5. Đôi cánh tay này anh hiến trọn cho _____.
6. Em đâu hay rằng, mẹ quê hôm sớm còn _____ cùng nương sản khoai.
7. Em đâu hay rằng, đàn _____ vắng cha cày bừa thay cho người đi.
8. Đánh lòng sao em sao nữ nào nhìn _____.
9. Nhọc nhằn _____, mắt quay đi cho đành.
10. Đánh lòng sao em, em đánh lòng sao em ấm êm gì chỉ mình ta.
11. Xin hiểu lòng nhau, cho dù _____ này có dài lâu đến bao giờ.
12. Tình vẫn vàng son, tình này vẫn _____ như đoá hoa không _____.
13. Ta đón nhau về, khi _____ yên bề sông núi vào hồi _____.
14. Mình cùng _____ đi khắp vùng trời quê hương.
15. Con bướm _____ kia sẽ dừng lại ở đây.
16. Xin hiểu lòng nhau, cho dù cách ngăn này có _____ đến bao giờ.
17. Tình vẫn _____, tình này vẫn đẹp tươi như đoá hoa không tàn úa.
18. Ta _____ về, khi non nước yên bề _____ vào hồi yêu thương.
19. Mình cùng dìu nhau _____ khắp vùng trời quê hương.
20. Con bướm _____ kia sẽ dừng lại ở đây.

Tập Làm Văn

Viết một đoạn văn kể những sự tàn khốc của chiến tranh qua bài thơ *Đôi Mắt Người Sơn Tây* của Quang Dũng.

Nói Với Nhau

Mỗi người một cách, những thanh niên gốc Việt luôn mong muốn làm được một điều gì đó để trả ơn cho nước Mỹ, quê hương thứ hai của họ, đất nước đã mở rộng vòng tay đón nhận gia đình họ nhiều năm trước đây. Nhiều người trong số họ đã tham gia quân đội Hoa Kỳ và sẵn sàng đi tới những chiến trường khốc liệt mà chẳng hề nao núng lo sợ cho tính mạng của mình.

Vậy còn những bà mẹ có con đi lính, họ có tâm sự gì khi biết con mình quyết định dấn thân vào con đường chông gai và đầy nguy hiểm đó?

Bà Thạch thị Ngọc là mẹ đại úy James Văn Thạch, là quân nhân Hoa Kỳ gốc Việt đầu tiên đảm nhận chức cố vấn quân sự cho quân đội Iraq. Bà tâm sự bà từng chứng kiến cảnh chiến tranh tàn khốc ở Việt Nam nên khi nghe con muốn tham gia quân đội, bà rất lo lắng. Bà nói: *“Có hai đứa con thôi thì cố gắng cho nó học thành tài, nhưng ở Việt Nam mình kêu con mình làm gì thì nó nghe. Còn ở Mỹ nó có ý riêng của nó, mình nói nó “Yeah, yeah!” nhưng rồi nó làm theo ý nó. Chồng tôi từng làm trong bộ binh Mỹ, ông biết bộ binh rất nguy hiểm, ông nói nó có bằng luật rồi thì đi làm thẩm phán thoải mái hơn nhưng nó không nghe. Thôi thì để con theo chỉ hướng của nó vậy!”*



Đại úy James Văn Thạch và mẹ



Thiếu tá Christopher Phan và mẹ

Bà Lưu thị Ngọc Trinh, mẹ của thiếu tá Christopher Phan, là người đã tốt nghiệp luật tại trường đại học Southern Illinois University năm 1999. Sau đó, anh đã tham gia luật sư đoàn của Hải Quân Hoa Kỳ từ tháng Năm, 2005 đến tháng Năm, 2007. Nhiệm vụ chính của luật sư là cố vấn và bảo đảm các binh sĩ Hoa Kỳ hành động theo công ước Geneva. Luật sư Christopher Phan được phong cấp thiếu tá vào tháng 11 năm 2008.

Bà Trinh tâm sự: *“Thật tình mà nói, mới đầu tôi cũng không thích lắm nhưng tại Chris nói lý tưởng của nó là vậy. Thành ra thôi để chiều theo ý nó. Lúc đó thì thiệt tình rất là lo, nhưng cũng tự an ủi là nó đã ý thức được cái việc nó muốn làm, với lại ngoài cái lo mình cũng có một chút tự hào là con mình nó có trách nhiệm.”*

Tập Nói Chuyện

1. Mẹ của đại úy James Văn Thạch nghĩ gì khi biết con mình muốn gia nhập quân đội? Bà đã nói gì về quyết định của con?
2. Mẹ của thiếu tá Christopher Phan nói gì về lựa chọn của con mình?
3. Có phải chiến tranh là một bi kịch không thể tránh khỏi?

Tập Viết Văn

Em nghĩ gì về những người lính Mỹ đang chiến đấu tại Iraq?

Đàm Thoại - Nghe Hiểu



- Steve:** Hôm nay là ngày cuối cùng mình đến trường. Ngày mai, mình theo gia đình đi Texas rồi.
- May:** Thật không? Sao May không nghe Steve nói gì cả?
- Steve:** Mình không muốn cho May hay sớm, sợ May buồn.
- May:** Năm học cũng sắp chấm dứt, sao Steve không ở lại học hết năm?
- Steve:** Mình không có thân nhân ở đây. Hơn nữa, mẹ Steve bệnh hoài, Steve cần phụ ba chăm sóc mẹ. Ba Steve lại thất nghiệp gần hai năm rồi. May sao, bác Steve ở Texas có cơ sở làm ăn, cần người trông nom, nên ba mẹ Steve quyết định dọn qua đó.
- May** (*rơm rớm nước mắt*): Steve đi rồi, May buồn lắm!
- Steve:** May đừng khóc. Mình cũng buồn lắm. Ở đây mình có biết bao bạn bè thân thuộc, tự dưng bỏ đi; đến chỗ lạ không biết có gặp bạn hiểu mình như ở đây không.
- May:** Mình mong Steve sớm có bạn tốt.
- Steve:** May ráng học. Mình sẽ điện thoại và gửi điện thư cho May. Bác mình nói mình có thể làm việc phụ bác, bác sẽ trả công. Mình sẽ để dành tiền, bãi trường mình sẽ về thăm May và nhóm chúng mình.
- May:** Steve sẽ về thăm May và các bạn chứ?
- Steve:** Ba mình hứa rồi. Ba nói nếu qua Texas mà việc học của mình không sa sút, nghỉ hè, ba sẽ cho mình trở lại đây thăm các bạn.
- May:** Vậy thì Steve nhớ ráng học nghe. Ở đây, May cũng vậy.
- Steve:** Ừ, May đừng buồn nữa. Chúng mình sẽ gặp lại nhau lúc nghỉ hè. Giờ Steve phải về, xem ba có cần Steve giúp việc gì không.
- May:** Steve về đi. Mai May sẽ xin mẹ đi tiễn Steve.
- Steve:** Tạm biệt.

Bài tập 11

Chọn câu trả lời đúng nhất.

1. Gia đình Steve dọn nhà đến Texas vì
 - a. ba Steve được thừa hưởng gia tài ở đó.
 - b. nhà ở Texas rẻ.
 - c. ba Steve có việc làm ở đó.
 - d. khí hậu ở Texas tốt.
2. Việc chuyển trường đột ngột khiến cho Steve _____.
 - a. rất thích thú
 - b. bị hẫng
 - c. bất mãn
 - d. không chấp nhận được
3. Steve hứa gì với May?
 - a. Nghỉ hè trở về thăm May và các bạn.
 - b. Năm học tới Steve sẽ chuyển về trường cũ.
 - c. Đón May qua Texas chơi.
 - d. Gửi quà cho May.
4. Steve sẽ làm gì để giữ được lời hứa của mình?
 - a. Làm bất cứ điều gì Steve thích.
 - b. Bỏ học đi làm kiếm tiền.
 - c. Tham gia công tác từ thiện.
 - d. Vừa cố gắng học vừa làm phụ bác.
5. May là người như thế nào?
 - a. Đa cảm.
 - b. Vui tính.
 - c. Hời hợt.
 - d. Sâu sắc.

Giáo Dục Đa Văn Hoá

Tình Yêu Quê Hương của Người Việt

Quê hương trong bài thơ *Đôi Mắt Người Sơn Tây* là một vùng quê nghèo, đất đai khô cằn. Ca dao đã có câu:

*Tiếng ai như tiếng xứ Đoài,
Ăn cơm thì ít, ăn khoai thì nhiều.*

Quê hương nghèo và bị chiến tranh tàn phá nhưng tác giả Quang Dũng mang một tình cảm hết sức thấm thiết đối với vùng quê ấy. Người Việt thương yêu và gắn bó với quê hương rất lâu bền. Ngày nay một số đông dân Việt tản mác khắp thế giới, nhưng họ đều có chung một tâm



trạng: nhớ quê hương. Tâm lý này phổ biến ở lớp người đã trưởng thành rồi mới di cư vì họ lưu giữ nhiều kỷ ức hơn lớp người trẻ. Dân Việt mang tâm lý ấy vì nước Việt từ lâu đời đã là một nước lấy nông nghiệp làm căn bản kinh tế. Nông dân suốt đời lặn lội trên đồng ruộng, họ không đi đâu xa, không có phương tiện kiếm sống nào khác; lâu dần đất đai, quê hương trở thành một nơi không thể phân ly được. Tới nơi khác sống có thể sẽ khá hơn nhưng người ta vẫn thích ở lại quê cũ. Tuy điều này có cản trở sự phát triển kinh tế nhưng bù lại, nó giúp người Việt nhớ gốc

của mình được lâu hơn. Nhiều người Việt ra sống ở nước ngoài trở nên giàu có mà họ không quên quê cũ nghèo khó, chật vật. Hàng năm người Việt ở hải ngoại gửi rất nhiều tiền và vật dụng về nước giúp bà con, giúp các hội từ thiện, giúp dân nghèo cải thiện đời sống.

Sinh hoạt cho học sinh:

Tìm gặp những người lớn tuổi trong gia đình hay chỗ quen biết, đặt ba câu hỏi phỏng vấn như sau:

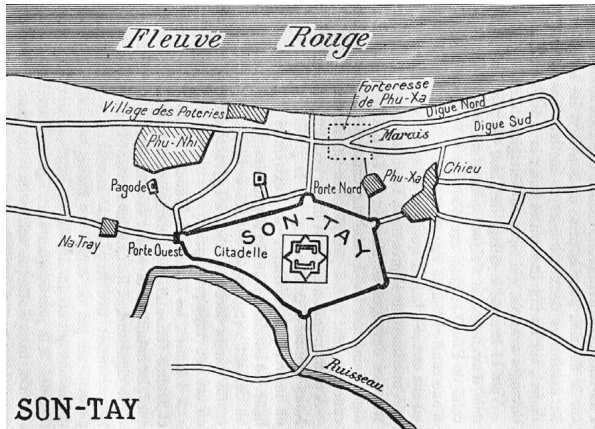
1. Quê má (ba, dì, bác, v.v...) ở đâu?
2. Nơi đó có điều gì đặc biệt làm má (ba, dì, bác, v.v...) nhớ nhất?
3. So sánh đời sống hiện nay ở Mỹ với đời sống xưa kia tại quê nhà, xin má (ba, dì, bác, v.v...) cho biết có những điểm hơn kém nào, về vật chất và tinh thần?

Ghi chép các câu trả lời thành một đoạn văn. Sau đó các em tìm một câu ca dao, một câu tục ngữ nói về tình cảm quê hương rồi nộp cho giáo sư để dành làm báo cáo vào cuối học kỳ.

Tục Ngữ và Ca Dao

1. Giặc phá không bằng nhà cháy.
2. Trai thời loạn, gái thời bình.
3. Dĩ hoà vi quý.
4. Làm trai cho đáng nên trai,
Xuống Đông, Đông tĩnh, lên Đoài, Đoài tan.
5. Trai anh hùng, gái thuyền quyền.
6. Con mắt là cửa sổ của tâm hồn.
7. Mắt em là một giòng sông,
Thuyền anh bơi lội trong giòng mắt em.
8. Bỏ của chạy lấy người.

Lịch Sử Sơn Tây



đình mới cử một vị quan Tổng đốc cai quản tỉnh Sơn Tây; lúc ấy gồm cả Hưng Hoá và Tuyên Quang.

Sử nước nhà đã ghi lại tinh thần chống giặc ngoại xâm của đồng bào Sơn Tây rất anh dũng. Thời hai Bà Trưng, những tấm gương yêu nước của các anh hùng anh thư Đô Dương, Phùng Thị Chính và Hoàng Thiệu Hoa cũng đã rõ: Danh tướng Đô Dương (*người huyện Chu Diên xưa, nay là Sơn Tây*), có công rất lớn trong các trận giải phóng 65 thành trì bị giặc Đông Hán áp bức; Thị Nội Tướng Quân Phùng Thị Chính (*người làng Phú Nghĩa*) võ nghệ tuyệt luân, mưu trí gan dạ, sinh con ngay tại chiến trường lúc cưỡi ngựa đánh với giặc Đông Hán; quân Tàu báỉ phục và gọi bà là “*Mã thị Nam chinh*”. Đông Cung Tướng Quân Hoàng Thiệu Hoa, là một ni cô rời chùa tham gia vào đoàn quân kháng chiến của Hai Bà Trưng. Nước nhà tự chủ chỉ gần bốn năm (39-43 sau Tây lịch), và sông Hát tại Sơn Tây là nơi hai Bà đã trầm mình tuần tiết.

Đất Sơn Tây cũng là quê quán của Lý Bôn. Năm Tân Dậu 541, ông chiêu mộ người nghĩa dũng đánh đuổi bọn Tiêu Tư nhà Lương chạy về Tàu. Năm 543, giặc Lâm Ấp quấy phá, ông lại đuổi chúng ra khỏi nước. Năm 544, ông lên ngôi trở thành Lý Nam Đế, đặt tên nước là Vạn Xuân. Năm 791, thời nhà Đường đô hộ nước ta, thấy dân tình khốn khổ, anh hùng Phùng Hưng (*người xã Đường Lâm, huyện Phúc Thọ*) phát cờ khởi nghĩa, đem quân chiếm phủ Đại La (Hà Nội), dân chúng theo rất đông, làm tên quan cai trị Cao Chính Bình sợ quá mà chết. Xã Đường Lâm, một nơi nghèo khổ nhưng có đến hai vị anh hùng dân tộc được sinh ra. Người thứ hai chính là Ngô Quyền, ông đã chấm dứt giấc mơ xâm lược của quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, cởi được ách Bắc thuộc hơn một ngàn năm, khai mở nền tự chủ lâu dài cho tổ quốc.

Thời Minh thuộc, năm 1426, dân chúng tham gia đoàn quân của các vị tướng anh hùng Lý Triện, Trịnh Khả giải phóng Quảng Oai, Quốc Oai, chặn đường viện binh của giặc Minh từ Vân Nam sang. Thời Tây Sơn, quân Mãn Thanh tràn qua cướp nước, Tôn Sĩ Nghị đóng binh tại



Thăng Long và bố trí một cánh quân tiếp ứng ở Sơn Tây. Khi Quang Trung Hoàng Đế động binh, quân Tôn Sĩ Nghị tan vỡ, viện binh tại Sơn Tây chưa kịp đánh đã bị tướng binh của Đô đốc Mưu chặn đứng, chúng khiếp sợ đập lên nhau mà chạy về.

Thời Pháp thuộc, tháng 8, 1883, thực dân đem quân đánh Sơn Tây, trong bốn tháng liên tiếp chúng bị nghĩa quân chống trả dữ dội ở Đồn Phùng, Phú Xá. Sau chúng phải tăng cường trên 6.000 quân và nhiều đại pháo mới chiếm được thành Sơn Tây vào ngày 17.12.1883. Sơn Tây là nơi chúng gặp sự chống cự oanh liệt nhất của dân ta, nên trở thành một địa danh trong quân sử Pháp.

*Trích trong Nước Tôi Dân Tôi
Cơ sở Đông Tiến phát hành*

Nguyễn Du (1765 - 1820)



Nguyễn Du (1765-1820) tự Tố Như, hiệu Thanh Hiên, biệt hiệu Hồng Sơn Liệp Hộ, người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Cha là Nguyễn Nghiễm, anh là Nguyễn Khản, đều làm quan to thời Lê-Trịnh. Nguyễn Du rất thông minh, mười chín tuổi đã đậu thi Hương. Nước nhà lúc đó đang trải qua nhiều biến động lịch sử: sự xuất hiện của nhà Tây Sơn, loạn kiêu binh, quân Thanh sang xâm chiếm nước ta, vua Quang Trung đại phá quân Thanh, chiến tranh giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh. Nguyễn Du vì thời cuộc nên nhiều phen long đong thăng trầm, có lúc về quê sống nghèo túng, tìm vui trong đọc sách, uống rượu, đi săn. Khi Nguyễn Ánh thắng thế lập nên nhà Nguyễn, Nguyễn Du ra làm quan, trước chỉ nhậm chức tri huyện, sau thăng lên tri phủ, bố chánh (cũng như tỉnh trưởng thời nay), rồi vào kinh đô làm chức Cần Chánh Điện Đại Học Sĩ, và được sung chức chánh sứ sang Trung Hoa. Khi về được thăng chức Hữu Tham Tri Bộ Lễ, tựa như chức thứ trưởng. Đến năm 1820, vua cử đi sứ lần nữa, nhưng chưa kịp đi thì Nguyễn Du mắc bệnh qua đời.

Nguyễn Du tài học uyên bác, sở trường văn học vững vàng, nhất là về thơ lại càng rất mực tài hoa. Những cảnh bể dâu của cuộc đời và lòng người mà Nguyễn Du đã trải qua phản ánh lại trong tác phẩm của nhà đại thi hào. Ông để lại rất nhiều tác phẩm, vừa bằng Hán văn vừa bằng chữ Nôm, trong đó có cuốn *Đoạn Trường Tân Thanh* được truyền tụng rộng rãi hơn cả.

Tóm lược tác phẩm

Đoạn Trường Tân Thanh (ĐTTT), hay *Truyện Kiều* vì nhân vật chính mang tên Thuý Kiều, là một tác phẩm thơ lục bát gồm 3254 câu thơ chữ Nôm. ĐTTT có nghĩa là “tiếng kêu mới đứt ruột”, ý nói: “lại thêm một truyện đau lòng nữa”. Tác giả không sáng tác truyện mà phỏng theo một tác phẩm khác của Trung Hoa. Nguyên tác tầm thường nhưng qua thi tài của tác giả Nguyễn Du, truyện trở nên một áng văn chương tuyệt tác hạng nhất trong văn chương của nước Việt. *Truyện Kiều* kể lại cuộc đời lưu lạc của Vương Thuý Kiều, một cô gái có tâm hồn, có nhan sắc và tài hoa. Thuý Kiều là người tài sắc vẹn toàn nhưng hoàn cảnh xã hội hủ bại bất công đã làm cho nàng phải lìa xa gia đình, hy sinh mối tình đầu, trải qua mười lăm năm trời luân lạc biết

bao đau khổ. Cuối cùng Thuý Kiều được trở về đoàn tụ với gia đình, nhưng nàng chỉ đồng ý sống trong tình bạn với người yêu xưa, bởi vì lòng nàng đã nguội lạnh chuyện tình duyên: “*Sự đời đã tắt lửa lòng, còn chen vào chốn bụi hồng làm chi*”.

Người bình dân cũng như người học thức, hầu như ai cũng biết *Truyện Kiều*. Người ta ngâm thơ Kiều, vịnh Kiều, đố Kiều; lấy truyện *Kiều* làm cảm hứng cho thơ, văn, nhạc, kịch, v.v... *Truyện Kiều* được thưởng thức đến nỗi ca dao đã dùng Kiều làm tiêu chuẩn để đánh giá thú ấu chơi của nam giới:

*Làm trai biết đánh tổ tôm,
Uống nước trà mạn, xem nôm Thuý Kiều.*

Ý nói đàn ông phải biết chơi bài tổ tôm là một loại bài phức tạp khó chơi, biết uống trà mạn, loại trà ngon làm bằng nụ hoa trà, và xem được thơ Kiều viết bằng chữ nôm thì mới thật là mẫu người phong lưu, lịch lãm. Những nhân vật trong truyện *Kiều* như nàng Kiều, Tú Bà, Hoạn Thư, Sở Khanh, v.v... đã trở thành điển hình trong tiếng Việt. *Nàng Kiều*, hay *kiều nữ*, chỉ người con gái đẹp; *mụ tú bà* tức thị mụ trùm mồi dâm; *nổi máu Hoạn Thư* là nổi cơn ghen; còn nói “*đồ sở Khanh*” thì ai cũng biết đó là hạng đàn ông lừa gạt tình yêu.

Học giả Phạm Quỳnh đã từng ca tụng *Truyện Kiều* bằng câu nói nổi tiếng tuy có phần quá đáng: “*Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn*”.

Học sinh sẽ được học sáu đoạn thơ tiêu biểu cho toàn tác phẩm:

1. **Giới Thiệu Truyện Kiều**
2. **Hai Đoá Hoa**: tài sắc hai chị em Thuý Kiều, Thuý Vân
3. **Kiều Đi Thanh Minh**
4. **Kiều Gặp Kim Trọng**
5. **Phận Hồng Nhan**: Kiều bị bán vào nhà họ Hoạn làm con hầu
6. **Ngày Sum Hạp**: Kiều đoàn tụ với gia đình

Đoạn thơ *Giới Thiệu Truyện Kiều* mở đầu tác phẩm và nêu lên quan niệm của tác giả, “*chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*”, tài năng và số mệnh thường phủ nhận lẫn nhau, hễ có tài thì số mệnh ắt phải long đong khổ sở. Tác giả kể truyện đời của nàng Kiều nhằm chứng minh quan niệm đó.

Bài 1



Giới Thiệu Truyện Kiều

1. Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ **tài**, chữ **mệnh**, khéo là ghét nhau.
Trải qua một **cuộc bể dâu**,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.
5. Lạ gì **bĩ sắc**, **tư phong**,
Trời xanh quen thói **má hồng** đánh ghen!
Cảo thơm lần giở trước đèn,
“**Phong tình cổ lục**” còn truyền **sử xanh**.

Hai Đóa Hoa

10. Rằng: Năm Gia-Tĩnh triều Minh,
Bốn phương phẳng lặng, **hai kinh** vững vàng.
Có nhà **viên ngoại** họ Vương,
Gia tư **nghi** cũng thường thường bậc trung.
Một trai con thứ rất lòng,
Vương Quan là chữ nổi dòng Nho gia.
15. Đầu lòng hai **ả tố nga**,
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.
Mai cốt cách, **tuyệt tình thân**,

- Mỗi người một vẻ, **mười phân vẹn mười**.
 Vân xem trang trọng khác vời,
 20. **Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang**.
 Hoa cười, ngọc **thốt**, đoan trang,
 Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
 Kiều càng sắc sảo **mặn mà**,
 So bề tài sắc lại là phần hơn.
25. Làn thu thủy, nét xuân sơn,
 Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
 Một hai nghiêng nước, nghiêng thành,
 Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.
 Thông minh vốn sẵn tính trời,
30. Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm.
 Cung, thương, lầu bậc **ngũ âm**,
 Nghề riêng ăn đứt **hò cầm** một trương.
 Khúc nhà tay **lựa nên chương**,
 Một thiên **bạc mệnh** lại càng nảo nhân.
35. Phong lưu rất mực **hồng quần**,
 Xuân xanh xấp xỉ tới tuần **cập kê**.
 Êm đềm trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai.

Sinh Hoạt

Nghe bài hát “Em Đẹp Như Mơ” do Duy Quang hoặc Elvis Phương trình bày rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Em Đẹp Như Mơ (*Elle Était Si Jolie*)

Nhạc Pháp: Alain Barrière

Lời Việt: Vũ Xuân Hùng

1. Vì nàng đẹp như một bông hồng,
2. Nên tôi không dám yêu _____.
3. Ôi đôi môi cười như cánh lan,
4. Bao năm tôi khó _____ quên.
5. Nên theo cơn gió bay qua đây,
6. Như dung nhan vừa tươi _____.
7. Em vui như dáng xuân hồng nắng,
8. Tôi nghe cơn gió ru _____.
9. Trời lạnh lạnh cho mùa thu về,
10. Tôi nghe tôi khóc trong _____.
11. Hôm nay đây mùa thu mới sang,
12. Ôi sao xa quá xuân _____.
13. Trong công viên lá thôi đong đưa,

14. Tôi nghe em cười trong _____.
15. Dang tay cho gió rung tà áo,
16. Trong hơi sương em sẽ tan _____.
17. Đẹp tuyệt vời! hỡi em dấu yêu!
18. Nên tôi đâu dám _____ tình.
19. Đẹp tuyệt vời tựa như đoá hoa,
20. Tim tôi ngây ngất si mê.
21. Nhưng tôi không nói yêu _____ em,
22. Nên tôi muôn đời sầu đau.
23. Như cây thông đứng trong rừng _____,
24. Em như mây trắng trên trời.
25. Rồi một chiều cánh mây khép lại,
26. Mây đang bay bỗng rơi rụng.
27. Em ra đi bỏ lại sắc _____,
28. Ôi thiên thu mãi xa nhau.
29. Ôi đôi ta cách ngăn đôi đời.
30. Em ra đi vào mù _____,
31. Trong hơi sương áo em lộng gió,
32. Cho tôi thương nhớ vô bờ.

Từ Vựng

- | | | | | |
|---------------------------|--------|--|--------------------------------------|------|
| 1. tài mệnh | (dt.): | tài tức là tài năng, mệnh là số mệnh trời dành cho mình | <i>talent and fate</i> | (n.) |
| 2. cuộc bể dâu | (dt.): | từ câu “Thương hải biến vi tang điền” tức biển xanh thành ruộng dâu. Ý nói những thay đổi lớn lao trong cuộc đời. | <i>vicissitudes</i> | (n.) |
| 3. bĩ sắc tư phong | | bĩ có nghĩa cái kia, sắc có nghĩa bị khiếm khuyết, tư là cái này, còn phong có nghĩa là được phong phú. Ý nói luật bù trừ, kém điều này thì được điều kia. | | |
| 4. má hồng | (dt.): | ý chỉ người con gái đẹp | <i>a beauty</i> | (n.) |
| 5. cảo thơm | (dt.): | Ngày xưa người ta thường ép một loại cỏ có mùi thơm vào sách cho khỏi bị mối mọt ăn. Cuốn sách hay. | <i>scented manuscript; good book</i> | (n.) |

6. phong tình cổ lục	(dt.):	cuốn sách chép truyện tình ái	<i>love novel</i>	(n.)
7. sử xanh	(dt.):	ngày xưa người ta chép sử lên thẻ tre có vỏ xanh nên gọi là thanh sử, tức sử xanh.	<i>history</i>	(n.)
8. hai kinh	(dt.):	thời đó nước Tàu có hai kinh đô: Bắc Kinh và Nam Kinh	<i>two capitals of China in the 18th century: North and South</i>	(n.)
9. viên ngoại	(dt.):	tiếng để gọi những người khá giả như ta gọi ông bá hộ, ông trưởng giả, v.v...	<i>noble elder, notables</i>	(n.)
10. ngữ	(đdt.):	là tiếng để chỉ ngôi thứ ba, như tiếng va, nó, ông ấy, v.v...	<i>him, his</i>	(pron.)
11. ả	(dt.):	đàn bà, con gái	<i>female, lass, gal</i>	(n.)
12. tổ nga	(dt.):	người con gái đẹp	<i>a beauty</i>	(n.)
13. mai cốt cách	(dt.):	1. dáng vẻ thanh và gầy như cây mai (một loại tre) 2. tư cách thanh nhã	<i>slim figure</i> <i>gentle manners</i>	(n.)
14. tuyệt tình thần	(dt.):	tinh thần trong trắng như tuyết, ý nói tư tưởng trong sạch, đầu óc ngây thơ	<i>pure mind</i>	(n.)
15. mười phân vẹn mười	(trt.):	hoàn hảo	<i>perfectly</i>	(adv.)
16. khuôn trăng đầy đặn	(dt.):	khuôn mặt tròn trĩnh và đầy đặn như trăng rằm. Ý nói mặt bầu bĩnh, đầy đặn, phúc hậu.	<i>full moon shaped face</i>	(n.)
17. nét ngài nở nang	(dt.):	ngài là con ngài, một loại bướm nở ra từ con tằm, có hai cái râu cong và dài. Ý nói lông mày Thuý Vân cong cong, dài như râu con bướm tằm và rõ nét.	<i>full curved brows</i>	(n.)
18. mặn mà	(tt.):	(nét đẹp) gây ấn tượng sâu xa	<i>impressive, awe-inspiring (beauty)</i>	(adj.)
19. thốt	(đt.):	nói ra	<i>to utter</i>	(v.)

20. ngũ âm	(dt.):	là năm âm trong nhạc cổ, gồm có cung, thương, giốc, trủy, vũ, theo thứ tự từ âm thấp đến âm cao; tương tự như do, re, mi, fa, sol của nhạc Tây phương.	<i>Ancient Chinese musical notes</i>	(n.)
21. hồ cầm	(dt.):	đàn tỳ bà, vì đời xưa vua Hán Nguyên Đế có bà Chiêu Quân phải đi cống rợ Hồ, thường hay đánh cái đàn ấy, cho nên mới gọi là hồ cầm.	<i>ancient four-stringed musical instrument in China</i>	(n.)
22. lựa nên chương	(đt.):	tạo nên bài hay	<i>to create a good piece of music</i>	(v.)
23. hồng quần	(dt.):	chỉ đàn bà con gái. Tục bên Tàu ngày trước đàn bà con gái hay mặc quần đỏ. Gọi là quần nhưng đó là một loại váy dài và rộng.	<i>noble women</i>	(n.)
24. cập kê	(tt.):	con gái đến 15 tuổi thì búi tóc và cài trâm, nghĩa là từ đó đã thành người khôn lớn.	<i>reaching marriageable age, nubile</i>	(adj.)
25. tường đông	(dt.):	là bức tường phía đông, ý nói nơi trai gái lén lút tình tự nhau, vì ngày xưa có câu thơ nói rằng: “trèo qua bức tường phía đông để quyến rũ con gái nhà láng giềng.”	<i>east wall</i>	(n.)
26. bạc mệnh	(dt.):	số phận không may mắn, gian truân	<i>unlucky fate, poor fate</i>	(n.)

Bài tập 1

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **Nam Kinh, Bắc Kinh, tổ nga, cốt cách, thốt, hồ cầm, viên ngoại, làn thu thủy, nét xuân sơn, nghỉ, trang trọng, hồng quần, nghiêng nước nghiêng thành, cung, thương, cập kê, tường đông.**

- Ngày xưa bên Trung Hoa đời nhà Minh có hai kinh đô là: _____ và _____.
- Ông không biết ông quan đó sao? Nghe nói _____ là một ông quan tốt lắm đó.
- Ngày xưa những người trưởng giả, có tiền bạc được gọi là _____.
- _____ là một người con gái đẹp.
- Hai chị em Thuý Kiều có _____ như mai, trông rất thanh nhã.
- Thuý Vân có vẻ đẹp _____ trông rất sang, người ngoài nhìn phải kính nể.
- Những lời bà ta _____ ra như châu ngọc.

8. _____ là đôi mắt, được so sánh với sóng nước hồ vào mùa thu, tức là rất trong.
9. _____ là nét lông mày xanh phơn phớt như núi mùa xuân.
10. Ngày xưa, khi một người đàn bà đẹp sắc sảo, người ta cho là có một sắc đẹp làm _____.
11. _____, _____ là hai âm vực (mức cao thấp) của nhạc cổ Trung Hoa.
12. _____ là đàn tỳ bà.
13. Ngày xưa đàn bà con gái ở Trung Hoa mặc quần đỏ nên người ta gọi đàn bà là bậc _____.
14. Ngày xưa, lúc con gái được 15 tuổi thì búi tóc rồi cài trâm, có nghĩa là đã đến tuổi khôn lớn. Đó là tuổi _____.
15. _____ ám chỉ nơi trai gái lén lút gặp nhau tình tự.

Bài tập 2

Ghép mỗi từ ở cột A với định nghĩa thích hợp ở cột B.

A	B
1. viên ngoại	a. con gái đẹp
2. thốt	b. đàn tỳ bà
3. tổ nga	c. vóc dáng
4. nghỉ	d. trưởng giả
5. hồ cầm	e. nói
6. cốt cách	g. ông ấy

Phân Tích

A. Văn thể: Thê thơ lục bát

B. Đại ý:

- Phần *Giới Thiệu Truyện Kiều* nói về thuyết tài mệnh tương đồ.
- Phần *Hai Đóa Hoa* nói về tài sắc vẹn toàn của Thuý Kiều và Thuý Vân.

C. Giải thích:

2. *Chữ tài, chữ mệnh, khéo là ghét nhau.*

- Thuyết tài mệnh tương đồ. Tác giả cho rằng hễ người có tài thì số phận phải chịu vất vả, khổ sở. (tương đồ = chống đối lẫn nhau)

5. *Lạ gì bi sắc, tư phong,*

Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen!

- Ở đời nếu được tốt mặt này thì phải chịu xấu mặt khác. Ý tác giả nói người đẹp thì thường bị Trời ghen ghét nên đời sống gian truân.

10. *Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng.*

- Ý nói thời thanh bình, không loạn lạc.

15. *Đầu lòng hai ả tố nga,*
- “Đầu lòng hai ả tố nga” có nghĩa là lần sinh đầu tiên là cặp song sinh nữ, xinh đẹp.
18. *Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười.*
- Mỗi người đẹp một cách riêng mà vẻ nào cũng đẹp cả.
20. *Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang.*
- Khuôn trăng tức là mặt tròn trịa, đầy đặn như mặt trăng đầy. Ý nói mặt bầu bĩnh, phúc hậu.
21. *Hoa cười, ngọc thốt, đoan trang,*
- Ở đây tác giả dùng phép ám chỉ (nụ cười Thuý Vân tươi như hoa, lời nói có giá trị như ngọc, thuần hậu, tao nhã) và nhân cách hoá (hoa cười, ngọc thốt).
22. *Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.*
- Tóc Thuý Vân đẹp hơn mây trời và màu da trắng đẹp hơn tuyết.
23. *Kiều càng sắc sảo mặn mà,*
- Nét đẹp Thuý Kiều sắc sảo, tức rất thu hút.
25. *Làn thu thủy, nét xuân sơn,*
- “Nhơn như thu thủy, mi tựa xuân sơn”: Làn thu thủy tức mắt trong như nước mùa thu, nét xuân sơn tức lông mày phơn phớt như núi mùa xuân.
27. *Một hai nghiêng nước, nghiêng thành,*
- Dựa vào bài ca của Lý Diên Niên. “Nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc”: ngoảnh lại một cái xiêu thành, ngoảnh lại một cái nữa đổ nước. Ý nói sắc đẹp đàn bà có thể làm người ta say mê đến nỗi mất thành, mất nước.
28. *Sắc đành đòi một, tài đành hoạ hai.*
- Sắc đẹp của Thuý Kiều thì không ai sánh bằng, còn về tài năng thì may ra mới tìm được người thứ hai có thể so sánh với.
30. *Pha nghề thi hoạ, đủ mùi ca ngâm.*
- Thuý Kiều vừa biết làm và ngâm thơ, vừa vẽ tranh, ca hát.
31. *Cung, thương, lầu bạc ngũ âm,*
- Nàng giỏi về nhạc lý (năm âm của nhạc cổ, cung, thương, giốc, trủy, vũ, Thuý Kiều đều thông suốt.)
33. *Khúc nhà tay lựa nên chương,*
- Tự tay nàng sáng tác những khúc nhạc.
34. *Phong lưu rất mực hồng quần,*
- Có nếp sống sang trọng, sung túc.

35. *Một thiên bạc mệnh lại càng nảo nhân.*

- Kiều sáng tác nhạc nói về kiếp sống mong manh của con người làm người nghe buồn thấm thía.

36. *Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê.*

- Tuổi cập kê. Con gái đến 15 tuổi thì búi tóc và cài cái kê, cũng tựa cái trâm, nghĩa là từ đó đã thành người khôn lớn.

37. *Êm đềm trướng rủ màn che,*

Tường đông ong bướm đi về mặc ai.

- Vì gia đình thuộc hàng phong lưu, Thuý Kiều sống trong cảnh kín cổng cao tường, không để ý gì đến những chàng trai lai vãng đến gần nhà. Ông bướm chỉ những chàng trai đến ve vãn. Cả câu này nghĩa là chị em Kiều không chú ý đến những kẻ trêu ghẹo mình.

Ngữ Pháp

Thơ Lục Bát

Lục bát là một thể thơ thuần túy của văn học Việt Nam: câu sáu từ rồi đến câu tám từ. Thơ lục bát bao giờ cũng dùng vần bằng; có cả yêu vận (vần ở lưng chừng câu) và cước vận (vần ở cuối câu).

Ví dụ:

Trăm năm trong cõi người ta (cước vận bằng),

Chữ tài, chữ mệnh, khéo là (yêu vận bằng) ghét nhau (cước vận bằng).

Thể lục bát có những âm hưởng tiết điệu nhịp nhàng nên dễ phổ biến trong quần chúng.

Thơ lục bát gieo vần theo phương thức sau đây:

Câu lục: O bằng O trắc O bằng,

Câu bát: O bằng O trắc O bằng trắc bằng.

Các từ nhằm vào các chữ O thì theo luật “nhất tam ngũ bất luận” (các từ thứ nhất, ba và năm thì không kể, nghĩa là bằng hay trắc cũng được).

Bài tập 3

Tìm các từ thuộc vần bằng (B) và các từ thuộc vần trắc (T) trong đoạn thơ sau đây:

*“Vân xem trang trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang.
Hoa cười, ngọc thốt, đoan trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.”*

Bài tập 4

*“Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn.
Làn thu thủy, nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.”*

Đọc đoạn thơ trên rồi:

- tìm yêu vận bằng.
- cho biết yêu vận ở vào từ thứ mấy, hiệp vận với từ nào ở câu nào?

Bài tập 5

Tìm vài câu ca dao theo thể lục bát, có yêu vận và cước vận rõ ràng.

Bài tập 6

Mỗi học sinh viết một đoạn gồm 4 câu thơ lục bát.

Đọc Hiểu

Bài tập 7

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

- Bài này làm theo thể thơ gì?
- Gia đình họ Vương sống ở thời nào, ở đâu?
- Hai kinh đây là kinh gì?
- Gia đình họ Vương có mấy trai và mấy gái? Hãy kể tên ra.
- Vóc dáng của hai chị em Kiều ra sao?
- Tính tình của hai chị em Kiều ra sao?
- Thúy Vân có vẻ đẹp ra sao? Những từ nào tả sắc đẹp của nàng?
- Thúy Kiều có vẻ đẹp ra sao?
- Tại sao Thúy Kiều và Thúy Vân có vẻ đẹp suýt soát nhau (câu 18)?
- Có ai sánh nổi sắc đẹp với Thúy Kiều không?
- Thúy Kiều có tài gì?
- Thúy Kiều chơi đàn gì giỏi nhất?
- Nhạc Thúy Kiều sáng tác vui hay buồn?
- Hai chị em sống cuộc đời ra sao?
- Hai chị em có để ý đến những chuyện tình ái không?
- Thúy Kiều là người như thế nào? Nhan sắc, tài nghệ, trí thông minh?
- Em hãy đoán tại sao Thúy Kiều còn trẻ tuổi, sống cuộc đời êm ái trong gia đình mà lại sáng tác ra khúc nhạc buồn “nỗi nhân”?
- Câu thơ nào cho ta biết hai chị em chỉ sống kín đáo trong nhà, một cuộc sống thoải mái và bình lặng?
- Nhóm từ “ong bướm đi về mặc ai” có nghĩa gì?

20. Cuộc đời “êm đềm trướng rủ màn che” có phải là cuộc đời thoải mái, lý tưởng theo ý em không? Cắt nghĩa tại sao có hoặc không?
21. Cho biết đại ý của bài này. (Riêng hai phần)
22. Bài này có giá trị về những mặt nào?
23. Tìm những câu diễn tả tư cách, tính tình của chị em Kiều?

Bài tập 8

Đúng hay sai. Viết chữ **Đ** vào câu đúng; viết chữ **S** vào câu sai.

1. Đ S Gia đình họ Vương sống vào đời nhà Thanh.
2. Đ S Vương Ông tức là ông viên ngoại, có tiền bạc khá giả.
3. Đ S Gia đình họ Vương có một người con trai đầu lòng và hai con gái.
4. Đ S Hai người con gái tên là Thuý Kiều và Thuý Vân.
5. Đ S Hai chị em Kiều và Vân rất đẹp.
6. Đ S Thuý Vân đẹp sắc sảo và Thuý Kiều đẹp phúc hậu.
7. Đ S Thuý Kiều đẹp và lại thông minh, có tài.
8. Đ S Thuý Kiều không biết làm thơ và vẽ, nhưng đánh đàn rất hay.
9. Đ S Thuý Kiều chơi đàn tỳ bà rất giỏi.
10. Đ S Thuý Kiều tự tay soạn một bản nhạc.
11. Đ S Bản nhạc Thuý Kiều soạn có tựa là “Thiên Mệnh”.
12. Đ S Hai chị em sống một cuộc sống sang trọng, nhàn nhã.
13. Đ S Hai chị em khoảng 15 tuổi.
14. Đ S Hai chị em thường ở nhà, không ra ngoài lặn lội với đời.
15. Đ S Hai chị em đã tới tuổi cập kê nên quen biết nhiều với phái nam.

Bài tập 9

Chia một trang giấy thành hai cột: một cột liệt kê năm từ liên quan tới sắc đẹp và một cột liệt kê năm từ liên quan tới nhạc mà em tìm thấy trong bài đọc.

Sắc đẹp	Nhạc
1.	1.
2.	2.
3.	3.
4.	4.
5.	5.

Bài tập 10

Cho biết Nguyễn Du so sánh những điều sau đây với cái gì?

1. Cốt cách của chị em Kiều.
2. Tinh thần của chị em Kiều.
3. Gương mặt của Thuý Vân.
4. Lòng mày của Thuý Vân.

5. Nụ cười của Thuý Vân.
6. Lời nói của Thuý Vân.
7. Đôi mắt của Thuý Kiều.
8. Đôi mày của Thuý Kiều.
9. Tóc của Thuý Kiều.
10. Đàn ông, con trai.

Bài tập 11

Cho biết bố cục của bài này.

1. Từ câu 1 đến câu 8.
2. Từ câu 9 đến câu 16.
3. Từ câu 17 đến câu 38.

Tập Làm Văn

Bài tập 12

1. Em hãy cho biết tại sao nhiều người thích đọc truyện *Kiều*? Ảnh hưởng của truyện *Kiều* đối với dân chúng Việt Nam như thế nào?
2. Hai chị em Kiều có nét đẹp tự nhiên. Hãy viết một đoạn văn so sánh vẻ đẹp của Thuý Vân với Thuý Kiều.

Bài tập 13

Nguyễn Du có lối dùng từ đặc sắc. Hãy nói về các mỹ từ pháp được dùng để tả hai chị em Kiều trong đoạn thơ sau đây:

1. Mai cốt cách, tuyết tinh thần,
2. Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười.
3. Vân xem trang trọng khác vời,
4. Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang.
5. Hoa cười, ngọc thốt, đoan trang,
6. Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.

Nói Với Nhau

Son: Cậu có nghĩ rằng đời một người có lắm gian truân, bất hạnh vì người đó có tài hoặc có sắc không?

Lâm: Tôi nghĩ rằng điều này đúng trong một số trường hợp.

Son: Nhưng trong *Truyện Kiều*, ngay ở phần giới thiệu, Nguyễn Du đã khẳng định:

“Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài, chữ mệnh, khéo là ghét nhau.”

- Lâm:** Tớ biết. Qua câu thơ “*Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*”, ta cũng có thể đoán ra số phận của nhân vật chính, Thuý Kiều. Cuộc đời cô ấy chắc buồn lắm!
- Son:** Chắc chắn như thế. Hai chị em thì một người xinh đẹp nhưng nghiêm trang, còn người kia sắc sảo, lãng mạn. Chẳng trách sao đời người chị, Thuý Kiều, lại khổ hơn đời người em, Thuý Vân.
- Lâm:** Cậu dựa vào đâu mà bảo rằng Thuý Kiều lãng mạn?
- Son:** Này, con gái mà cầm kỳ thi họa lâu thông chứng tỏ Thuý Kiều có tâm hồn nghệ sĩ. Đã vậy, chỉ đàn những bản nhạc buồn. Tớ hỏi cậu, cuộc đời Thuý Kiều làm sao mà vui được?
- Lâm:** Câu thơ nào nói Thuý Kiều chơi nhạc buồn?
- Son:** Cậu nghe này: “*Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân*.” Con gái gì mà lại sáng tác nhạc nói về số phận long đong của con người làm cho người nghe phải buồn rầu. Điều này chứng tỏ Thuý Kiều phải yêu thích, phải nhập tâm vào bản nhạc mới đàn hay được. Như thế có phải Kiều báo trước những bất hạnh của đời mình không?
- Lâm:** Ừ. Cậu nói cũng có lý!

Tập Nói Chuyện

1. Theo em, người có tài hoặc có sắc đẹp thường bị ganh ghét hay gặp xui xẻo không? Hãy cho thí dụ.
2. Tìm trong trích đoạn *Giới Thiệu Truyện Kiều* những câu thơ mô tả nét đẹp đậm thắm của Thuý Vân.

Tập Viết Văn

Thuyết “Tài mệnh tương đố” là thuyết gì? Theo em, thuyết này có đúng không?

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

- Công tử Hà Nội:** Hôm nay cảnh vật mùa xuân trông thật hữu tình, anh hãy cùng tôi luận bàn về thơ văn đặc biệt là về một tác phẩm được các tay hào hoa phong nhã như chúng ta ưa chuộng.
- Công tử Bạc Liêu:** (*đôi mắt chợt trở nên mơ màng*) Nếu tôi không lầm, chỉ có các trang tuyệt sắc giai nhân là gợi sự chú ý của anh mà thôi. Anh muốn nói đến Tứ Đại Mỹ Nhân của Trung Hoa chứ gì?
- Công tử Hà Nội:** À ha, (*hàm râu run run*) Nếu nói về nhân vật thì đúng là về người đẹp nhưng tác phẩm nào mới được chứ?
- Công tử Bạc Liêu:** *Truyện Kiều* hay còn gọi là *Đoạn Trường Tân Thanh* của cụ Nguyễn Du.
- Công tử Hà Nội:** Anh nói đúng, nhưng kiệt tác văn chương của đất Việt phải chăng là một bản sao chép từ truyện *Kim Vân Kiều* của Thanh Tâm Tài Nhân, một nhà văn Trung Hoa?
- Công tử Bạc Liêu:** Quả thật cụ Nguyễn Du có dựa vào hai truyện sau đây để phóng tác truyện *Kiều*. Thứ nhất là truyện ngắn *Phong Tình Cổ Lục* của Dư Hoài. Nó bắt

đầu với cuộc đời gian truân của một cô bé hát dạo bình dân tên Vương Thuý Kiều và chấm dứt ở đoạn nàng nhảy xuống sông Tiền Đường tự tử. Vì vậy ta thấy cụ Nguyễn Du khởi màn với câu sau đây:

“Cáo thom lân giở trước đèn,

Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh.”

Thứ hai, như anh đã nhận xét, đó là truyện *Kim Vân Kiều* của Thanh Tâm Tài Nhân. Nhưng lời văn tầm thường của tác giả này thua xa sự bóng bẩy, trau chuốt trong các vần thơ của cụ Nguyễn Du.

Công tử Hà Nội:

Công tử Bạc Liêu:

(cười mỉm) Anh hãy chứng minh qua thơ văn đi.

Này nhé, trong đoạn tả hai chị em Kiều, Thanh Tâm Tài Nhân viết:

“Con gái lớn là Thuý Kiều, con gái nhỏ là Thuý Vân, sinh ra đã có vẻ đẹp dễ thương, tính nết điềm đạm. Cả hai người đều thông thạo thơ phú.” Anh thấy không, lối hành văn thô sơ, ngắt đoạn và thiếu mỹ từ pháp này không thể nào sánh được với lời giới thiệu đơn giản nhưng đầy đủ ý nghĩa của cụ Nguyễn Du:

“Đầu lòng hai ả tố nga,

Thuý Kiều là chị, em là Thuý Vân.

Mai cốt cách, tuyết tinh thần,

Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười.”

Công tử Hà Nội:

Công tử Bạc Liêu:

Còn đoạn nói về Kiều gặp Kim Trọng?

Ở đây Thanh Tâm Tài Nhân diễn tả một cuộc gặp gỡ thiếu tính chất lãng mạn vì giọng văn của ông cộc lốc, sỗ sàng: *“Kim Trọng ngậy ngát cả người, xiêu xiêu tinh thần, bụng bảo dạ: “Thế này thì mình đến tương tư chết mất,” rồi chàng lăm bắm tự thề không lấy được Thuý Kiều thì không lấy ai nữa. Vì vương có Vương Quan ở đây, không tiện nán lại ở lâu, Kim Trọng đành cáo từ lui gót.”*

Nếu anh nhận xét kỹ, cùng cảnh gặp gỡ và chia tay ấy, cụ Nguyễn Du đã lồng vào đó tình cảm e ấp của tuổi mới lớn, niềm vắn vương của một mối tình vừa chớm nở và một ngoại cảnh đồng cảm:

“Người quốc sắc, kẻ thiên tài,

Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.

Chập chờn con tình con mê,

Rón ngời chẳng tiện, dứt về chín khôn.

Bóng tà như giục cơn buồn,

Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo.

Dưới cầu nước chảy trong veo,

Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.”

Công tử Hà Nội:

Công tử Bạc Liêu:

Công tử Hà Nội:

Cụ Nguyễn Du quả là có văn tài xuất chúng. Nhưng ngày trước nghe đâu anh chỉ biết ăn chơi, sao bây giờ văn chương thi phú tiền bộ quá vậy?

(cười tủm tỉm) Cũng như anh, tôi thật ra chỉ thích bàn về sắc đẹp các cô nàng mà thôi. Anh chuộng nét đẹp truyền thống hay tân thời của phụ nữ?

Nói về cái đẹp thì đầu tiên phải nói đến ngoại hình phải không anh? Thời xưa người con gái đẹp phải có dáng gầy gầy, thanh thoát như cánh mai, yếu điệu như nhành liễu. Nước da trắng như tuyết được xem là biểu tượng của sự đài các quý phái. Còn về mái tóc? Nó phải đen tuyền và khá dài.

Công tử Bạc Liêu: Về khuôn mặt thì người ta chuộng nét thon thả của mặt trái soan, sự thanh tú của cái mũi cao còn gọi là mũi dọc dừa. Về đôi mắt, cửa sổ của tâm hồn, thì người ta thích mắt lá răm tức mắt dài và xếch, lông mày lá liễu tức là lông mày mỏng, dài và thanh. Trong truyện *Kiều*, Nguyễn Du đưa ra hình ảnh gợi cảm như sau khi tả nét đẹp của Thuý Kiều:

“Làn thu thủy, nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.”

tức mắt của Kiều trong trẻo như nước hồ thu, lông mày nàng thì mỏng mảnh như núi vào mùa xuân.

Công tử Hà Nội: Thú thật với anh tôi thích nét đẹp tân thời hơn vì người con gái thời nay có nhiều cách thể hiện nét đẹp và phong thái của mình. Nàng không nhất thiết phải mong manh như sương khói hay trắng như bông, nàng có thể có làn da rám nắng và nét đẹp khoẻ mạnh của một người ham chuộng thể thao. Vào mùa nắng ấm nàng có thể phục sức bớt kín đáo và gợi cảm hơn.

Công tử Bạc Liêu: *(cười híp mắt, hàm râu run run)* Cho nên mùa hè bao giờ cũng là mùa đẹp nhất phải không anh? Riêng tôi, nét đẹp liêu trai của các nàng trong truyện *Bồ Tùng Linh* làm tôi ngây ngất. Có chút gì đó bí mật gợi lên sự tò mò và khi nó pha lẫn với chút say đắm, cuồng nhiệt của “femme fatale”, chúng ta gặp phải một phối hợp mê người anh biết không? Nhưng ngoài cái đẹp về ngoại hình, nét đẹp về tâm hồn và trí tuệ cũng không kém phần quyến rũ. Theo anh thế nào mới là đẹp?

Công tử Hà Nội: Theo quan niệm xưa hay theo Khổng Giáo, người con gái nét na là người biết Tam Tông và Tứ Đức. Cuộc sống nàng luôn khép kín trong khuôn khổ gia đình và luôn vâng lời cha cũng như chồng.

Công tử Bạc Liêu: Chán chết! Tôi lại thích hình ảnh một người phụ nữ tự tin và năng động tức cái đẹp của người phụ nữ hiện đại. Nàng có thể có học thức và nghề nghiệp riêng, biết cách ứng xử ngoài xã hội. Nàng có khả năng bàn bạc với chồng hoặc bạn về thời sự, kinh tế, v.v....và dĩ nhiên có thể gánh vác những việc quan trọng.

Công tử Hà Nội: Anh nên coi chừng! Một người đàn bà giỏi sẽ không để cho anh được tự do làm những gì anh muốn. Chẳng hạn như tham gia việc ăn nhậu hay cờ bạc của chúng mình đây.

Công tử Bạc Liêu: Người ta thường nói “Nhất vợ, nhì trời.” Lo gì anh!

Công tử Hà Nội: Ấy chết, tới giờ tôi phải về nếu không vợ la..., ủa quên, vợ buồn.

Bài tập 14

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Nhà thơ Nguyễn Du đã dựa vào tác phẩm nào để phóng tác truyện *Kiều*?
2. Thế nào là nét đẹp cổ điển Á Đông?
3. Theo em nét đẹp hiện đại của phụ nữ gồm những phương diện gì?
4. So sánh nét đẹp cổ điển và nét đẹp hiện đại. Em thích nét đẹp nào và tại sao?
5. Nếu nói về nam giới, thế nào là một người đàn ông đẹp?
6. Em có sợ nét đẹp liêu trai tìm thấy trong truyện của *Bồ Tùng Linh* không?
7. Người phụ nữ thời nay tự tin và năng động hơn ngày xưa. Theo em điều này có lợi hay hại cho hạnh phúc gia đình?

Ca Dao và Thành Ngữ

1. Mặt hoa da phấn.
2. Da trắng như trứng gà bóc.
3. Cái nết đánh chết cái đẹp.
4. Con mắt lá răm,
Lông mày lá liễu đáng trăm quan tiền.
5. Hoa thơm ai chẳng nâng niu,
Người khôn ai chẳng kính yêu mọi bề.
6. Hoa thơm, thơm nức cả rừng,
Ông chưa dám đậu, bướm đừng xông xao.
7. Khôn ngoan tâm tính tại lòng,
Lọ là uống nước giữa dòng mới khôn.
8. Ngọc còn ẩn bóng cây tùng,
Thuyền quyền đợi khách anh hùng vãng lai.

Bài 2

Kiều Đi Thanh Minh

- Ngày xuân **con én đưa thoi**,
40. **Thiều quang chín chục** đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
Thanh Minh trong tiết tháng ba,
Lễ là Tảo Mộ, hội là Đạp Thanh.
45. Gần xa nô nức **yến anh**,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
Dập dìu **tài tử, giai nhân**,
Ngựa xe như nước, áo quần như nen.
Ngõ ngang gò đồng kéo lên,
50. Thoi **vàng vó** rắc, tro **tiền giấy** bay.
Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.
Bước lần theo ngọn **tiểu khê**,
Nhìn xem phong cảnh có bề thanh thanh.
55. Nao nao dòng nước uốn quanh,
Nhịp cầu nho nhỏ cuối **ghềnh** bắc ngang.
Sè sè nắm đất bên đàng,
Dàu dàu ngọn cỏ, nửa vàng nửa xanh.
Rằng: “Sao trong tiết Thanh Minh,
60. Mà đây hương khói vắng tanh thế mà?”
Vương Quan mới dẫn gần xa:
“Đạp Tiên nàng ấy xưa là **ca nhi**.
Nổi danh tài sắc một thì,
Xôn xao ngoài cửa hiem gì yến anh.
65. Phận **hồng nhan** có **mong manh**,
Nửa chừng xuân thoát gầy cành thiên hương!
Có người khách ở **viễn phương**,
Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.
Thuyền tình vừa ghé tới nơi,
70. Thì đà **trâm gãy bình rơi** bao giờ!
Buồng không lặng ngắt như tờ,
Dấu xe ngựa đã rêu lờ mờ xanh.
Khóc than khôn xiết sự tình,
Khéo vô duyên **bấy** là mình với ta!

75. Đã không duyên trước chẳng mà,
Thì chi **chút ước** gọi là **duyên sau**.
Sấm sanh **nếp tử, xe châu**,
Vui nông một nắm mặc dầu cỏ hoa.
Trải bao **thổ lặn, ác tà**,
80. Ấy mò vô chủ, ai mà viếng thăm!”
Lòng đâu sẵn mối **thương tâm**,
Thoạt nghe Kiều đã đầm đầm **châu sa**:
“Đau đớn thay phận đàn bà!
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.
85. Phũ phàng chi bấy **Hoá công**!
Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha.
Sống làm vợ khắp người ta,
Hại thay! thác xuống làm ma không chồng.
Nào người **phụng chạ loan chung**,
90. Nào **người tích lục tham hồng** là ai?
Đã không kẻ đoái, người hoài,
Sẵn đây ta thấp một vài nén hương.
Gọi là gặp gỡ giữa đường,
Hoạ là người dưới **suối vàng** biết cho.”
95. Lầm rầm khăn khứa nhỏ to,
Sụp ngời, **đặt cổ** trước mồ, bước ra.
Một vùng **cổ áy**, bóng tà,
Gió hiu hiu thổi một và **bông lau**...

Sinh Hoạt

A. Nghe bài hát “Ru Ta Ngậm Ngùi” từ Ngọc Lan DVD rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Ru Ta Ngậm Ngùi

Trịnh Công Sơn

- Môi nào hãy còn thơm, cho ta phôi cuộc tình.
- Tóc nào hãy còn xanh, cho ta _____ hồn nhiên
- Tim nào có bình yên, ta rêu rao đời mình
- Xin người hãy gọi tên.
- Khi tình đã vội quên, _____ lẫn trên đường mòn
- Trên giọt máu cuồng điên, con chim đứng lặng cầm
- Khi về trong mùa đông, tay rong rêu _____ màng.
- Thôi chờ những rặng đông.
- Xin chờ những rặng đông.

10. Đòi sao im _____
11. Như đồng lúa gặt xong
12. Như rừng núi bỏ hoang
13. Người về soi bóng _____.
14. Giữa tường trắng lặng câm.
15. Có đường phố nào vui, cho ta qua một _____
16. Có sợi tóc nào bay, trong trí nhớ nhỏ nhoi
17. Không còn, không còn ai, ta trôi trong cuộc _____
18. Không chờ, không chờ ai.
19. Em về, hãy về đi, ta phiêu du một đời
20. Hương trầm có còn đây, ta thấp nốt chiều nay
21. Xin ngủ trong vòng nôi, ta ru ta ngậm _____
22. Xin ngủ dưới vòm cây ...

B. Nghe bài hát “Duyên Kiếp Cầm Ca” rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Duyên Kiếp Cầm Ca

Vũ Chương và Minh Kỳ

1. Khi biết em mang kiếp cầm ca
2. Đêm đêm phòng trà dâng tiếng hát cho người người bỏ tiền mua vui
3. Hỏi rằng anh ơi: Còn yêu em _____ không?
4. Đừng nói nữa em ơi
5. Xin đừng nói nữa làm gì
6. Anh nghĩ _____
7. Đòi người ca sĩ đáng thương và đáng được yêu.
8. Tình yêu, em sợ tình _____
9. Vì tình yêu như là hương hoa
10. Lỡ mai sau em mất người yêu
11. Em khổ thật _____.
12. Ngày mai trên đường phố này
13. Những đêm khuya có anh đưa về xóm nhỏ
14. Xa lìa ánh đèn có anh đưa em về _____ mơ.
15. Khi trót mang duyên kiếp cầm ca
16. Em xin bằng lòng nghe tiếng trách chê của đời
17. Chỉ cần anh thôi, chỉ cần anh thôi
18. Còn tin anh nữa thôi?
19. Đòi vẫn thế em ơi
20. Xin đừng nói đến _____ đời
21. Em nhớ rằng đời là _____ dối
22. Nhưng đôi ta mãi còn nhau.

Từ Vựng

1. con én đưa thoi		chim én thường lượn đi lượn lại giống như cái thoi	<i>swallows gliding back and forth like shuttles; quick passing of time</i>	
2. thiều quang	(dt.):	ánh sáng đẹp tốt, ngày mùa xuân	<i>serene light, spring days</i>	(n.)
3. thiều quang chín chục		do câu “cửu thập thiều quang” nghĩa là chín mươi ngày xuân	<i>90 spring days</i>	(n.)
4. Thanh Minh	(dt.):	lễ đi tảo mộ	<i>Pure Light Festival</i>	(n.)
5. yến anh	(dt.):	chim yến và chim anh	<i>swallows and orioles</i>	(n.)
6. ngựa xe như nước		ngựa xe như dòng nước cuộn cuộn chảy	<i>stream of vehicles</i>	
7. áo quần như nen		(áo quần: người) cảnh người chen chúc nhau	<i>crowded, jampacked with people</i>	
8. tài tử giai nhân	(dt.):	trai tài, gái sắc - nam thanh nữ tú	<i>gentlemen and beautiful ladies</i>	(n.)
9. vàng vó	(dt.):	vùng Nghệ Tĩnh gọi vàng hồ là vàng vó, một loại giấy vàng bạc cuộn thành thoi rắc theo xe tang hoặc quanh mộ ngày Thanh Minh.	<i>ritual paper ingots</i>	(n.)
10. tiền giấy	(dt.):	giấy tiền vàng bạc đốt cho người chết	<i>votive papers</i>	(n.)
11. tiểu Khê	(dt.):	cái khe, suối nhỏ	<i>rivulet</i>	(n.)
12. ghềnh	(dt.):	thác nhỏ ở một dòng suối trong rừng	<i>small waterfall</i>	(n.)
13. sè sè	(tt.):	thấp, lâu ngày không được vun đắp	<i>low</i>	(adj.)
14. ca nhi	(dt.):	người ca kỹ, kỹ nữ, nữ ca sĩ	<i>singer</i>	(n.)

15. hồng nhan	(dt.):	mặt đỏ, má hồng, chỉ người con gái đẹp	<i>pretty ladies</i>	(n.)
16. mong manh	(tt.):	ngắn ngủi, chỉ kiếp hồng nhan bạc mệnh	<i>ephemeral</i>	(adj.)
17. viễn phương	(dt.):	phương xa	<i>distant land</i>	(n.)
18. trâm gãy bình rơi		chỉ sự tan vỡ nửa chừng. Đường thi có câu “Nhất phiến tình chu dĩ đáo ngạn, bình trâm hoa chiếc dĩ đa thời”: (một chiếc thuyền tình đến bờ, bình đã chìm, hoa đã gãy đi rồi)	<i>the pin had broken, the vase had fallen</i>	
19. bấy	(trt.):	bấy nhiêu, biết mấy, biết bao nhiêu	<i>much</i>	(adv.)
20. chút ước	(dt.):	niềm mơ ước nhỏ bé	<i>a bit of hope</i>	(n.)
21. duyên sau		tình ở kiếp sau	<i>love in the next life</i>	
22. nếp tử	(dt.):	quan tài bằng gỗ tử (gỗ cây thị) ít mối, mịn	<i>wooden coffin</i>	(n.)
23. xe châu	(dt.):	xe tang	<i>hearse</i>	(n.)
24. vùi nông	(dt.):	chôn cạn	<i>to bury in a shallow grave</i>	(v.)
25. thỏ lặn, ác tà		mặt trăng lặn, mặt trời xế bóng, chỉ ngày tháng trôi	<i>disappearing moon and setting sun; the passing of time</i>	
26. thương tâm	(dt.):	sự đau lòng	<i>heart-rending</i>	(n.)
27. châu sa	(dt.):	giọt nước mắt chảy xuống như hạt ngọc rơi	<i>pearl-like tear drops</i>	(n.)
28. Hoá công	(dt.):	trời đất, tạo hoá	<i>the Creator</i>	(n.)
29. ngày xanh mòn mỏi		tuổi trẻ phai tàn	<i>the dying youth</i>	
30. sống làm vợ khắp người ta		sống làm gái lầu xanh	<i>to lead a prostitute's life</i>	

31. phụng chạ loan chung		phụng (chồng); loan (vợ); người sống lang chạ, không phải cảnh một vợ một chồng	<i>adulterer</i>	
32. người tích lục tham hồng	(dt.):	người hay chạy theo hình bóng phụ nữ		
33. hoạ là	(trt.):	may ra, có lẽ	<i>perhaps</i>	(adv.)
34. suôi vàng	(dt.):	âm phủ	<i>hell, hades</i>	(n.)
35. đặt cỏ	(dt.):	dùng bó cỏ để làm lễ cúng viếng thay cho nén hương	<i>use a small bundle of grass instead of incense sticks when visiting a tomb</i>	(v.)
36. cỏ áy	(dt.):	cỏ bị úa vàng	<i>yellow withered grass</i>	(n.)
37. bông lau	(dt.):	hoa của cây lau	<i>reed's flowers</i>	(n.)

Bài tập 1

Ghép mỗi từ ở cột A với định nghĩa thích hợp ở cột B.

A	B
1. Thanh Minh	a. giữa thời son trẻ
2. vàng vó	b. cái quan tài
3. sè sè	c. xe tang
4. ca nhi	d. giấy vàng bạc cuốn thành thoi
5. hồng nhan	e. thấp
6. xe châu	g. chôn cạn
7. nếp tử	h. ngăn ngại
8. vùi nông	i. kỹ nữ
9. mong manh	k. lễ Tảo Mộ
10. nửa chừng xuân	l. con gái đẹp

Bài tập 2

Sửa chính tả các từ sai trong hai câu sau đây:

“*Buốt lẳng theo ngọn tiểu Khê,
Nhìn xem phong cảnh có bề than than.*”

Bài tập 3

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **ngang, quanh, nao, nhỏ.**

“Nao _____ dòng nước uốn _____,
Nhịp cầu nho _____ cuối ghềnh bắc _____.”

Phân Tích

A. Văn thể: Thơ lục-bát

B. Đại ý: Sự cảm thông với kẻ hồng nhan bạc mệnh.

C. Giải thích:

39. *Ngày xuân con én đưa thoi,*

Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.

- Diễn tả cảnh mùa xuân đang đến. Mùa xuân tiết trời ấm áp, mát mẻ, chim én đi trú đông bay về, lượn trên bầu trời như con thoi qua lại trên khung cửa. Ngoài ra, mùa xuân có ba tháng hay chín mươi ngày thì đã trôi qua hơn sáu mươi ngày rồi.

41. *Cỏ non xanh tận chân trời,*

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

- Hai câu này tác giả tả màu xanh bát ngát của cỏ kéo dài đến tận chân trời, và trên nền xanh ấy điểm một vài hoa lê trắng tạo thành một cảnh vừa êm dịu, vừa tươi sáng của mùa xuân.

43. *Thanh Minh trong tiết tháng ba,*

Lễ là Tảo Mộ, hội là Đạp thanh.

Gần xa nô nức yến anh,

Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.

- Tả cảnh mọi người nhộn nhịp vào dịp lễ Tảo Mộ.

47. *Dập dìu tài tử, giai nhân,*

Ngựa xe như nước, áo quần như nen.

- Nen là từ cổ, chỉ sự đông đúc, người đi chen chúc, trai gái dập dìu. Nhìn từ xa, “dập dìu” gợi cho ta hình ảnh của những đợt sóng của người, ngựa, xe. Cả một dòng người đang di chuyển chen chúc nhau nên ta chỉ thấy áo quần chứ không rõ người, nhất là áo quần đủ màu sắc nổi bật.

49. *Ngón ngang gò đồng kéo lên,*

Thoi vàng vó rắc, tro tiền giấy bay.

- “ngón ngang”: lộn xộn, không có hàng lối
“gò đồng”: mồ mả cái to cái nhỏ. Đồng còn gọi là “nồng” tức là gò đất cao - nồng đất. Khắp nơi đâu đâu cũng có người đi viếng mộ, những ngôi mộ to, nhỏ không đều. Hai câu thơ này còn diễn tả một cảnh buồn thật khéo léo, cái buồn phớt qua như gió cuốn thoi vàng, tro tiền bay nhẹ. Tình cảm ấy là tình cảm ai cũng có trước cảnh mộ địa, dù là trong ngày xuân.

51. *Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.
Bước lần theo ngọn tiểu khê,
Nhìn xem phong cảnh có bề thanh thanh.*
55. *Nao nao dòng nước uốn quanh,
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
Sè sè nắm đất bên đàng,
Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.*
- “nao nao” (dòng nước uốn quanh): dòng nước chảy quanh co, lúc chậm lúc mau.
“dầu dầu” (ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh): như một màu cỏ vàng úa, trông thật là buồn.
Đoạn thơ này dẫn người đọc đến một cảnh buồn thực tế, cái buồn cho số kiếp Đạm Tiên. Nguyễn Du tả cảnh nhưng có hàm ý tả tình. Những từ “nao nao, dầu dầu” diễn tả sự nôn nao bồn chồn trong lòng Thuý Kiều như báo trước một điều gì.
63. *Nổi danh tài sắc một thì,
Xôn xao ngoài cửa hiếm gì yến anh.*
- “Yến anh”: từ này được dùng để ám chỉ người. “Yến anh” ở dòng 45 thì gần xa nô nức, cười đùa vui vẻ; nhưng “yến anh” ở dòng 64 thì xôn xao ngoài cửa như ong bướm để chỉ khách làng chơi đang đợi chờ. Chúng ta so sánh để thấy nghệ thuật dùng từ của Nguyễn Du rất tinh vi và chính xác.
65. *Phận hồng nhan có mong manh,
Nửa chừng xuân thoát gãy cành thiên hương!*
- “thoát gãy cành thiên hương”: cành hoa thơm thanh linh bị gãy đi giữa lúc đang còn tươi đẹp. Cô gái đẹp chết lúc tuổi còn xuân.
71. *Buồng không lặng ngắt như tờ*
- “lặng ngắt như tờ”: trạng thái yên lặng tuyệt đối, giống như “biên lặng như tờ”, nghĩa là biên êm, lặng yên không có sóng.
Ý nói phòng của Đạm Tiên vắng vẻ, lạnh ngắt, không một bóng người.
77. *Sấm sanh nếp tử, xe châu,
Vùi nông một nắm mặc dầu cỏ hoa.*
- “sấm sanh”: mua sấm (lễ vật); “nếp tử”: áo quan (hòm) bằng gỗ tử, tức là gỗ cây thị, một thứ gỗ tốt, không bị mối, mục. “Xe châu”: nhà xe làm bằng giấy vẽ những hạt ngọc (châu) giả cho đẹp.
Khi người khách phương xa đến thì Đạm Tiên đã mất rồi, nên người này đem lòng thương xót mà làm đám tang cho.
97. *Một vùng cỏ áy, bóng tà,
Gió hiu hiu thổi một và bông lau...*
- Cảnh cỏ cây rung động, gió vi vu thổi gợi lên cảm giác rờn rợn như hồn của Đạm Tiên đang lẩn quất đâu đây.
“và” = vài, dùng “và” cho hợp âm “tà” ở trên.

Ngữ Pháp

Mỹ Từ Pháp: Phép Tương Phản

Lúc còn sống:

*“Nổi danh tài sắc một thì,
Xôn xao ngoài cửa hiềm gì yếm anh.”*

đến lúc chết thì:

*“Buông không lặng ngắt như tờ,
Dấu xe ngựa đã rêu lò mờ xanh.”*

Cách diễn đạt sự trái ngược về tư tưởng hay hoàn cảnh như trên gọi là **phép tương phản**.

Bài tập 4

Tìm sự tương phản trong các câu thơ sau đây:

1. Khi sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.
2. Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm.
3. Trong cửa này, đã đành phận thiếp,
Ngoài mây kia, há kiếp chàng vay?
4. Nhưng không chết người trai khói lửa,
Mà chết người em gái nhỏ hậu phương.
5. Sống làm vợ khắp người ta,
Hại thay! thác xuống làm ma không chồng!

Bài tập 5

Viết hay tìm trong ca dao hoặc tục ngữ 5 câu diễn tả sự tương phản với các yếu tố sau đây:

1. ngày và đêm
2. xa và gần
3. nông-sâu
4. đại-khôn
5. đẹp-xấu
6. trai-gái
7. gia đình-tổ quốc

Bài tập 6

Tìm trong bài thơ 10 từ hay nhóm từ dùng theo phép ẩn dụ. (Xem phần Ngữ Pháp bài Trên Đồi, Núi Chờng Xuân)

Bài tập 7

Tìm trong đoạn thơ năm trường hợp dùng phép đảo ngữ. (Xem phần Ngữ Pháp bài Qua Đèo Ngang)

Đọc Hiểu

Bài tập 8

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Tác giả đã dùng mỹ từ pháp gì trong bốn câu sau đây?
*“Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.”*
2. Phân tích chủ ngữ (cn) và vị ngữ (vn) câu: *“Gần xa nô nức yến anh.”*
3. Hãy giải thích ý nghĩa hai câu thơ sau đây:
*“Sống làm vợ khắp người ta,
Hại thay! thác xuống làm ma không chồng.”*
4. Đại ý của đoạn trích giảng *Kiều Đi Thanh Minh* là gì?
5. Tìm hai câu trong *Kiều Đi Thanh Minh* tả cảnh mùa xuân.
6. Tâm sự của Thuý Kiều đối với Đạm Tiên như thế nào?
7. Ngoài chim én, có dấu hiệu gì khác báo mùa xuân đã trở về?
8. Câu *“Ngựa xe như nước, áo quần như nen.”* gợi cho ta hình ảnh gì?
9. Vì sao cỏ trên mộ Đạm Tiên lại nửa vàng nửa xanh?
10. Người khách từ phương xa đến không gặp Đạm Tiên nên ông ta đã làm gì?
11. Em nghĩ gì về bản chất của Thuý Kiều khi nghe chuyện Đạm Tiên thì khóc sụt sùi?
12. Thuý Kiều than khóc trước mộ Đạm Tiên là điềm báo trước điều gì?
13. Tác giả có dụng ý gì khi tả cảnh đẹp vào dịp Thanh Minh:
“Nhìn xem phong cảnh có bề thanh thanh.”
với cảnh mộ của Đạm Tiên:
*“Sè sè năm đất bên đường,
Dàu dàu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.”*?

Nói Với Nhau

- Nhi:** Có khi nào bạn đi tảo mộ, bạn đứng trước mộ đốt nhang rồi bạn khóc không?
- Yến:** Có chứ! Yến đi tảo mộ ông bà ngoại, mẹ Yến buồn, mẹ khóc. Yến cũng nhớ ông bà, Yến khóc theo.
- Nhi:** Ý mình nói là bạn có bao giờ khóc trước mộ một người lạ, một người mà bạn chưa từng quen biết không?
- Yến:** Chưa bao giờ. Sao bạn lại hỏi vậy? Mình có biết người dưới mộ là ai đâu mà mình khóc?

Nhi: Vậy mà có người khóc dễ dàng mới ngộ chứ!

Yến: Ai vậy?

Nhi: Thuý Kiều chứ ai! Thuý Kiều có quen biết Đạm Tiên đâu, tự nhiên nghe chuyện đời Đạm Tiên rồi khóc sục sùi.

Yến: Ừ há! Thuý Kiều đa cảm quá!

Nhi: Đúng vậy. Không những Thuý Kiều khóc mà còn than nữa.
*“Đau đớn thay phận đàn bà!
 Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.”*

Yến: Tự nhiên Thuý Kiều nói mình cũng bạc mệnh. Thật là xui xẻo!

Nhi: Nghĩ lại thấy Thuý Kiều tính tình hiền lành, biết thương người. Trong khi người ta xem đi tảo mộ như một dịp đi trẩy hội, thì chỉ có mình Thuý Kiều nghĩ đến Đạm Tiên.

Yến: Ừ, mình cũng thấy Thuý Kiều là người tốt, biết nghĩ đến người khác.

Tập Nói Chuyện

1. Qua trích đoạn *Kiều Đi Thanh Minh*, em thấy Thuý Kiều là người như thế nào?
2. Em có đồng ý với câu Thuý Kiều nói làm đàn bà thì phận ai cũng bạc không?

Tập Viết Văn

1. Nguyễn Du tả cảnh ngày thanh minh như thế nào? Em hãy viết một đoạn văn ngắn tả lại ngày này.
2. Em có nghĩ rằng người đa sầu đa cảm thì hay gặp gian truân hoặc lận đận trong đường tình duyên không? Hãy viết một bài văn trình bày ý kiến của em.

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

Nguyễn Du: Cô Đạm Tiên ơi, cô sống khôn thác thiêng, hãy cho tôi biết tại sao hôm qua cô hiện về trong giấc mơ của tôi?

Đạm Tiên: Ông đừng lo, tôi chỉ muốn cảm ơn ông đã viết bài *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh* để an ủi những linh hồn tứ cố vô thân như tôi đây.

Nguyễn Du: Mười loại cô hồn đó, cô cũng biết sao?

Đạm Tiên: Tôi chỉ nhớ một số, chẳng hạn như những kẻ mê say danh vọng, những kẻ vì sự sống đi vào sóng gió hiểm nguy, những kẻ phải bị tù ngục vì bị vu oan giá họa, những kẻ vừa sinh ra đã chết...

Nguyễn Du: Phải đó, và còn nhiều nữa. Cho những người rơi vào hoàn cảnh của cô tôi đã viết:

*Cũng có kẻ lỡ làng một kiếp,
 Liều tuổi xanh buôn nguyệt bán hoa,
 Ngán ngơ khi trở về già,
 Ai chồng con tá biết là cậy ai?
 Sóng đã chịu một đời phiên nã,
 Thác lại nhờ hóp cháo lá đa.*

*Đau đớn thay phận đàn bà,
Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu.*

(Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh)

- Đạm Tiên:** Ông tả rất đúng thân phận chua chát của chúng tôi, khi sống thì chịu nhiều thiệt thòi, đến khi chết thì chẳng ai nghĩ tới. So với cách nhìn về ma nữ của Bồ Tùng Linh trong *Liêu Trai Chí Dị*, ông và Bồ Tùng Linh có điểm khác nhau.
- Nguyễn Du:** Thế à! Ông ta diễn tả hồn ma con gái như thế nào?
- Đạm Tiên:** Trong tập truyện *Liêu Trai Chí Dị* có một truyện ngắn tên *Thiện Nữ U Hồn*. Lấy bối cảnh là Trung Hoa thời xa xưa tại một ngôi làng cổ, tác giả cho thấy người dân sống trong sự hãi hùng vì những hồn ma trú ngụ trên núi Hắc Sơn thường xuống quấy phá. Để sống còn, chúng biến thành những tiên nữ quyến rũ và hút hết tinh khí của con người. Một ngày, con sông chảy qua làng bỗng nhiên khô cạn, nước trở nên quý hiếm và niềm hy vọng duy nhất của người dân làng là dẫn nước từ đỉnh núi Hắc Sơn về. Chàng thư sinh Ninh Thái Thần quyết định ra tay và bước vào sào huyệt của các yêu tinh.
- Tại đây, anh đã gặp gỡ và say mê Nhiếp Tiểu Thiện, một hồ ly có sắc đẹp mê hồn. Tuy nhiên, Yến Xích Hà, một đạo sĩ trừ ma tài giỏi, cũng yêu tha thiết Tiểu Thiện. Hai chàng trai phải chịu nhiều thử thách trước sự giằng co của một bên là tình yêu đầy mê hoặc, một bên là trách nhiệm trừ diệt ma quỷ và tìm nguồn nước cứu sống dân làng. Cuối cùng hai chàng trai hoàn thành nhiệm vụ. Về phần Tiểu Thiện, nàng chọn chết cùng với Yến Xích Hà, để trọn tình cùng chàng và cũng để thoát kiếp hồ ly.
- Nguyễn Du:** Như vậy hồn ma nữ này lúc thiện, lúc ác. Khi chưa gặp tình yêu thì giết người không gớm tay, lúc gặp rồi thì trở nên hướng thiện.
- Đạm Tiên:** Và không như tôi phải làm cô hồn vất vưởng không ai thương tiếc, Tiểu Thiện vươn lên trong tình yêu của hai người đàn ông. Nàng chọn ra đi mãi mãi với Yến Xích Hà nhưng hình ảnh nàng cũng ở lại vĩnh viễn với Ninh Thái Thần.
- Nguyễn Du:** Tại cô không biết thôi. Hình ảnh cô gắn liền với truyện *Kiều*, một tác phẩm bất hủ của nền văn chương Việt. Hàng triệu người khi đọc truyện *Kiều* biết đến cô, thương cảm cô và như nàng Tiểu Thiện của Bồ Tùng Linh, cô sẽ sống mãi trong lòng độc giả.

Bài tập 9

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Cô hồn có nghĩa là gì? Em tin có cõi âm không? Tại sao?
2. Trong bài *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh*, Nguyễn Du tỏ lòng thương tiếc những linh hồn vất vưởng. Em hãy kể ra ba loại cô hồn mà em cho là đáng thương nhất. Tại sao?
3. Đạm Tiên thuộc dạng cô hồn nào? Nguyễn Du tả nàng ra sao? Tại sao ông thương xót hạng kỹ nữ?
4. Bồ Tùng Linh viết truyện ma. Sau khi xem phim *Thiện Nữ U Hồn*, em thấy ma nữ Tiểu Thiện khác với Đạm Tiên như thế nào?
5. Truyện của Bồ Tùng Linh viết về người yêu ma. Tình yêu đó theo em có bệnh hoạn không?
6. Để giúp cho các cô hồn đó được siêu thoát người ta thường tổ chức lễ gì? Nó bắt nguồn từ đâu?

Duyên Kiếp

Tư tưởng Phật giáo thỉnh thoảng ẩn hiện trong truyện *Kiều*. Khi chúng ta từ già cõi đời này thì đầu thai vào cõi đời khác. Đây chính là thuyết Luân Hồi của Phật giáo; “Luân” nghĩa là “bánh xe” và “Hồi” nghĩa là xoay tròn, thuyết Luân Hồi cho rằng mỗi người trong chúng ta có nhiều “kiếp”. Khi chúng ta mất đi tức là chúng ta đã thoát được một kiếp, hay một đời người.

Khi người ta mắng nhau: “Đáng kiếp!” nghĩa là “Cái kiếp của mày đáng phải chịu như vậy!”

Khi nói đến “duyên” là nói đến định mệnh, hay nghiệp ⁽¹⁾, có nghĩa trời cho sao thì chịu vậy. Hôm nay, hai người thành vợ chồng, có duyên với nhau, là được trời định sẵn từ kiếp trước. Các từ: “cơ duyên, vô duyên, hữu duyên” là bắt nguồn từ Phật giáo.

“Khéo vô duyên bấy là mình với ta.”: Chúng ta không có duyên với nhau là do không được định sẵn từ kiếp trước rồi.

Một câu chữ Nho thông dụng mà hầu như ai cũng biết:

“Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ,

Vô duyên đối diện bất tương phùng.”

Nghĩa là có duyên với nhau (được định sẵn từ kiếp trước) thì xa nghìn dặm cũng gặp nhau. Không có duyên (không được định sẵn từ kiếp trước) với nhau thì mặt nhìn mặt cũng không hợp nhau được.

Khi nói về một người nào đó “Cô ấy không đẹp lắm nhưng rất có duyên” nghĩa là trong cách cư xử, ánh mắt, nụ cười, v.v... của cô ta có sức hấp dẫn.

Từ “vô duyên” trong cách nói thông thường: “Thằng cha ấy thật là vô duyên!” nghĩa là ăn nói, xử sự không đúng cách.

⁽¹⁾ nghiệp” trong truyện *Kiều*:

“Bất phong trần phải phong trần,

Cho thanh cao mới được phần thanh cao.”

Bài 3



Hai Kiêu Gặp Kim Trọng

- Dùng dằng** nửa ở, nửa về,
Nhạc vàng đâu đã tiếng nghe gần gần.
135. Trông chừng thấy một **văn nhân**,
Lông bông tay **khấu**, bước lần dặm băng.
Đề huề **lưng túi gió trắng**,
Sau chân theo một vài **thằng con con**.
Tuyết in sắc, ngựa **câu giòn**,
140. Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.
Nẻo xa mới tỏ mặt người,
Khách đà xuống ngựa, tới nơi tự tình.
Hài văn lần bước **dặm xanh**,
Một vùng như thể **cây quỳnh, cành dao**.
145. Chàng Vương quen mặt ra chào,
Hai Kiêu e lệ nép vào dưới hoa.
Nguyên người **quanh quất** đâu xa,
Họ Kim tên Trọng, vốn nhà **trâm anh**.
Nền phú hậu, bậc tài danh,
150. **Văn chương nét đất**, thông minh tính trời.
Phong tư tài mạo tốt vời,
Vào trong **phong nhã**, ra ngoài **hào hoa**.

- Chung quanh vẫn đất nước nhà,
 Với Vương Quan trước vẫn là **đồng thân**.
155. Vẫn nghe **thơm** nức **hương lân**,
 Một **nền Đồng Tước** khoá xuân hai Kiều.
 Nước non cách mấy **buồng thêu**,
 Những là **trộm dấu thâm yêu chốc mòng**.
 May thay **giải cầu tương phùng**,
160. Gặp tuần đồ lá thoả lòng tìm hoa.
Bóng hồng nhác thấy nẻo xa,
Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai.
Người quốc sắc, kẻ thiên tài,
 Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.
165. **Chập chờn** con tỉnh con mê.
 Rón ngời chẳng tiện, dứt về **chỉn khôn**.
Bóng tà như giục cơn buồn,
 Khách đà lên ngựa, người còn **nghe theo**.
 Dưới cầu nước chảy trong veo,
170. Bên cầu **tơ liễu** bóng chiều thướt tha.

Sinh Hoạt

Nghe bài hát “Biết Đến Thuở Nào” rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Biết Đến Thuở Nào

Tùng Giang

1. Phút đầu gặp em, tình _____ quay cuồng
2. Lòng đang giá băng, bỗng ngập tràn muôn tia nắng
3. Nghe bao xót xa, vút bay theo cánh _____ ngàn
4. Dừng bước nơi này, chỉ còn em với ta ...
5. Ngỡ ngàng nhìn em ... như đã _____ rồi
6. Hỏi em biết chẳng, những bàng hoàng giăng vây kín
7. Như muôn tóc mây quện vương đôi mắt _____ huyền
8. Mong ước đây rồi ... sao ngại ngục vương trong ta ...
9. Bao đêm cô đơn, miên man với niềm _____ nhớ
10. Suy tư âu lo, men thuốc đắng trên môi
11. Đã xót xa nhiều mà sao nói không nên _____
12. Đành xin ôm trọn mối u hoài trong tâm tư ...
13. Biết thuở nào quên, quên hết ưu phiền
14. Để thôi xót xa, để bàng _____ không vây kín
15. Bao nhiêu ước mơ rồi đây sẽ kết nên lời
16. Mong ước một ngày thôi _____ chờ ... ta có nhau ...

Từ Vựng

1. dùng dằng	(đt.):	chưa quyết định rõ	<i>to waver, hesitate</i>	(v.)
2. nhạc vàng	(dt.):	tiếng kêu của lục lạc đeo ở cổ ngựa	<i>harness bell</i>	(n.)
3. lỏng buông tay khấu	(đt.):	buông dây cương cho ngựa đi thong thả	<i>to slacken rein</i>	(v.)
4. văn nhân	(dt.):	người có học, biết làm văn, thơ	<i>man of letters</i>	(n.)
5. lưng túi gió trắng		chữ “lưng” ở đây nghĩa là nửa. Có nghĩa là nửa túi gió trắng. Ý nói cung cách tao nhã của người văn nhân.	<i>half bag full of poems</i>	
6. thằng con con	(dt.):	thằng tiểu đồng	<i>page boy</i>	(n.)
7. câu giòn	(dt.):	con ngựa đẹp	<i>a beautiful horse</i>	(n.)
8. hài văn	(dt.):	giày của văn nhân	<i>shoes of a man of letters, embroidered shoes</i>	(n.)
9. dặm xanh	(dt.):	cánh đồng cỏ xanh	<i>green field</i>	(n.)
10. cây quỳnh cành dao	(dt.):	cây ngọc quỳnh, cành ngọc dao	<i>jade and ruby grove</i>	(n.)
11. hai Kiều	(dt.):	chỉ hai người con gái đẹp. Lấy từ Truyện Tam Quốc, hai chị em Đại Kiều và Tiểu Kiều nổi tiếng xinh đẹp.	<i>a pair of beautiful girls</i>	(n.)
12. quanh quất	(tt.):	ở gần	<i>near</i>	(adj.)
13. trâm anh	(dt.):	“trâm” là cái trâm cài mũ, “anh” là giải mũ. Nhà trâm anh là nhà danh giá. Ngày xưa ở nước Trung Hoa, người thường dân không được đội mũ.	<i>hairpin and ribbon; nobility</i>	(n.)
14. nền phú hậu	(dt.):	nề nếp nhà giàu có	<i>wealthy family</i>	(n.)

15. văn chương nét đất	(dt.):	nhà dòng dõi văn chương	<i>scholar's trade</i>	(n.)
16. phong tư tài mạo	(dt.):	tài trí và dung mạo đáng đáp người	<i>manner and mien</i>	(n.)
17. đồng thân	(dt.):	hay “đồng song” chỉ bạn học. “Song” là cửa sổ, “đồng song” nghĩa là bạn học cùng ngồi đọc sách ở cửa sổ.	<i>classmate</i>	(n.)
18. phong nhã	(tt.):	nói tắt của phong lưu tao nhã	<i>refine, elegant, graceful</i>	(adj.)
19. hào hoa	(tt.):	ăn tiêu rộng rãi, không keo kiệt	<i>generous, gallant, dashing, high living</i>	(adj.)
20. thơm	(dt.):	tiếng thơm, tiếng khen	<i>praise, good reputation</i>	(n.)
21. hương lân	(dt.):	làng xóm	<i>neighborhood</i>	(n.)
22. nền Đồng Tước	(dt.):	tức là Đồng Tước đài, một toà nhà uy nghi do Tào Tháo, một nhân vật thời Tam Quốc dựng nên	<i>Bronze Sparrow Tower</i>	(n.)
23. buồng thêu	(dt.):	phòng riêng của phụ nữ	<i>female chamber, boudoir</i>	(n.)
24. trộm dầu thầm yêu	(đt.):	thương mà không dám nói ra	<i>to love someone unexpressively</i>	(v.)
25. chốc mòng	(trt.):	thỉnh thoảng, chốc chốc	<i>now and then</i>	(adv.)
26. giải cẩu tương phùng	(đt.):	không hẹn mà gặp nhau	<i>to meet without prearrangement</i>	(v.)
27. bóng hồng	(dt.):	bóng dáng của người phụ nữ đẹp	<i>appearance of pretty ladies</i>	(n.)
28. nhác thấy	(đt.):	mới nhìn, nhận ra	<i>to catch a glimpse of</i>	(v.)
29. xuân lan	(dt.):	hoa lan vào mùa xuân	<i>spring orchid</i>	(n.)
30. thu cúc	(dt.):	hoa cúc vào mùa thu	<i>autumn mum</i>	(n.)

31. người quốc sắc	(dt.):	người con gái đẹp	<i>beautiful girl, national famous beauty, beauty queen</i>	(n.)
32. kẻ thiên tài	(dt.):	kẻ có tài do trời phú	<i>talented man, genius</i>	(n.)
33. chập chờn	(đt.):	khi tỉnh khi mê	<i>to be flickering, wavering</i>	(v.)
34. chỉn khôn	(tt.):	không được, khó mà được	<i>difficult, hard to do</i>	(adj.)
35. bóng tà	(dt.):	bóng mặt trời lặn	<i>the dusk of sunset</i>	(n.)
36. giục	(đt.):	kêu làm cho nhanh lên	<i>to urge, to hurry</i>	(v.)
37. cơn buồn	(dt.):	lúc buồn bã	<i>fit of sadness</i>	(n.)
38. nghe theo	(đt.):	ghé mắt trông theo	<i>to look (at someone) fondly, affectionately</i>	(v.)
39. tơ liễu	(dt.):	lá liễu mềm như tơ	<i>silky leaves of weeping willow</i>	(n.)

Bài tập 1

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **tuyệt, dưới hoa, xuống ngựa, nhạc vàng, thằng con con, văn nhân, quen mặt, áo, e lệ, da trời.**

Khi nghe tiếng _____, chị em Kiều nán lại để xem người sắp đến là ai. Chẳng bao lâu, một _____ ngồi trên mình ngựa sắc lông trắng như _____ đang từ từ tiến đến; sau lưng có vài _____ theo hầu. _____ chàng mặc màu lục đẹp đến nỗi làm giảm sắc của _____. Khi thấy rõ mặt nhau, chàng liền _____ để bước tới trò chuyện. Vì _____ nên Vương Quan bước ra chào, còn hai nàng thì _____ nép vào _____.

Bài tập 2

Tìm từ phản nghĩa với những từ sau đây:

- | | | |
|--------------|---|-------|
| 1. lòng | ≠ | _____ |
| 2. dùng dằng | ≠ | _____ |
| 3. quen | ≠ | _____ |
| 4. may | ≠ | _____ |
| 5. trong veo | ≠ | _____ |

Bài tập 3

Hãy cho biết ai hoặc vật gì đã làm nên những hành động sau đây:

1. _____ dùng dằng nửa ở nửa về.
2. _____ thấy một văn nhân.
3. _____ lỏng buông tay khẩu.
4. _____ mặc áo màu lục.
5. _____ lần bước dặm xanh.
6. _____ quen mặt ra chào.
7. _____ e lệ nép vào dưới hoa.
8. _____ gia đình danh giá giàu có.
9. _____ là bạn học của Vương Quan.
10. _____ đã từng nghe tiếng hai chị em Kiều.
11. _____ đã ái mộ sắc đẹp hai chị em Thuý Kiều, Thuý Vân từ trước.
12. _____ bóng hồng nhắc thấy nẻo xa.
13. _____ tình trong như đã, mặt ngoài còn e.
14. _____ chập chờn cơn tỉnh cơn mê.
15. _____ thướt tha bay trong gió chiều.

Phân Tích

A. Văn thể: Bài này làm theo thể thơ lục bát.

B. Đại ý: Cuộc tình chớm nở giữa Thuý Kiều và Kim Trọng.

C. Bố cục: Bài này chia làm 3 đoạn.

- **Đoạn một** (câu 133-154): Diện mạo, tư chất, và gia cảnh của Kim Trọng.

- **Đoạn hai** (câu 155-158): Tâm tư của Kim Trọng.

- **Đoạn ba** (câu 159-170): Phản ứng của Kim Trọng và Thuý Kiều khi gặp nhau.

D. Giải thích:

139. *Tuyết in sắc, ngựa câu giòn,*

- “Tuyết in sắc” có nghĩa là sắc trắng như tuyết, “câu” là con ngựa con, “dòn” là đẹp.

144. *Một vùng như thể cây quỳnh, cành dao.*

- Cả một vùng hoa đẹp như là một rừng cây ngọc quỳnh, cành ngọc dao. Ý nói Kim Trọng đẹp trai lắm, bước đến đâu thì làm đẹp đến đó.

149. *Nền phú hậu, bậc tài danh,*

- “Nền phú hậu” là nề nếp nhà giàu có, ý nói vẫn giàu có xưa nay. “Bậc tài danh” là đứng vào bậc học giỏi có tiếng.

150. *Văn chương nét đất, thông minh tính trời.*

- “Văn chương nét đất” là nói nhà dòng dõi văn chương; “thông minh tính trời” là cái tính thông minh trời phú cho.

151. *Phong tư tài mạo tót vời,*

- “Phong tư” là đáng đáp người, “tài mạo” là tài trí và dung mạo (vẻ mặt), “tót vời” là đạt tới đỉnh cao nhất.

152. *Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa.*

- “Vào trong” là ở trong nhà, “ra ngoài” là ra ngoài đường, ngoài đời, giao thiệp với người ngoài.
“Phong nhã” ý là nói tắt của phong lưu tao nhã. Phong nhã được dùng để chỉ việc văn chương thơ phú. “Hào hoa” là ăn tiêu rộng rãi, không bần chật. Câu này nghĩa là ở trong nhà thì giỏi chuyện văn chương, ra ngoài cũng biết ăn chơi hào phóng.

155. *Vẫn nghe thơm nức hương lân,*

- “Thơm” là tiếng thơm, tức là tiếng khen, “hương lân” là làng xóm. Cả câu: vẫn nghe tiếng khen khắp làng xóm.

156. *Một nền Đồng Tước khoá xuân hai Kiều.*

- “Nền Đồng Tước” tức là Đồng Tước đài, tên một toà lầu đài lộng lẫy do Tào Tháo nước Ngụy dựng nên đời Tam Quốc, thời Trung Hoa chia làm ba nước Ngụy, Thục, Ngô. “Hai Kiều” là hai chị em Đại Kiều, Tiểu Kiều ở nước Ngô, hai chị em cùng đẹp, Đại Kiều lấy Tôn Sách là em vua Ngô, Tiểu Kiều lấy Châu Du là đại tướng nước Ngô. Nước Thục muốn cho nước Ngô bất hoà với nước Ngụy nên phao tin là Tào Tháo xây đài Đồng Tước để khi nào thắng Ngô thì bắt hai chị em Kiều vào ở đó.

Thơ Đỗ Mục Đời Đường:

“Đông phong bất dữ Chu lang tiện,

Đồng Tước xuân thâm toả nhị Kiều.”

Có nghĩa: nếu gió đông không giúp cho Châu Du (phóng hoả trận Xích Bích) thì hai chị em Kiều đều phải bị (Tào Tháo bắt đem về) khoá kín trong đài Đồng Tước (ở nước Ngụy).

Câu này dùng chữ trong câu thơ Đỗ Mục nói trên để nói nhà họ Vương có hai người con gái đẹp cầm cung.

157. *Nước non cách mấy buồng thêu,*

- “buồng thêu” do chữ “tú phòng” nghĩa là phòng riêng của đàn bà con gái. Câu này ý nói chị em Kiều ở luôn trong nhà ít khi ra ngoài, nên nghe như người ở xa lắm vì không thấy được mặt.

160. *Gặp tuần đổ lá thoả lòng tìm hoa.*

- “Tuần đổ lá”: hội đổ lá. Đời Đường bên Tàu có hội đổ lá về tháng ba.
“Tìm hoa”: tìm bông hoa. Hoa ở đây chỉ người con gái đẹp.

Ngữ Pháp

Trạng Từ Chỉ Thể Cách

Adverbs of Manner

Xét các câu sau đây:

1. **Lông** buông tay khẩu, bước **lần** dậm băng.
2. Nhạc vàng đâu đã tiếng nghe **gần gần**.
3. Thầy giáo giảng bài **rõ ràng**.
4. Nam muốn hiểu bài **cặn kẽ**.
5. Vì trời mưa nên mọi người đều lái xe **chậm**.

Lông, lần, gần gần, rõ ràng, cặn kẽ, chậm là những **trạng từ chỉ thể cách**.

Trạng từ chỉ thể cách là tiếng chỉ cách diễn tiến của một hành động. Những trạng từ chỉ thể cách thông thường là: (một cách) *cẩn thận, rõ ràng, nhanh nhẹn, kín đáo, chăm chỉ, khéo léo, v.v...*

Bài tập 4

Tìm 10 trạng từ chỉ thể cách trong trích đoạn *Hai Kiều Gặp Kim Trọng*.

Bài tập 5

Tìm trạng từ chỉ thể cách trong các câu sau:

1. Luồng gió thoảng qua, lá vàng rơi lác đác...
2. Lan lạnh lùng đáp.
3. Lan ngồi phịch xuống bụng mặt khóc.
4. Lan, con mắt đăm đăm nhìn về phía chùa se sẽ nói.
5. Tôi sẽ chân thành thờ ở trong tâm trí cái linh hồn dịu dàng của Lan.
6. “Ngọc đương rón rén đi tới.”
7. “Lan rùng mình ngơ ngác nhìn quanh như sợ có người đứng nghe trộm được những ý bất chánh của mình.”
8. “Mỗi khi gặt được vài lượm lúa, người thợ gặt ôm sát bó lúa thơm vào người.”
9. “Bọn thợ gặt bước đều trở về nhà, ai nấy yên lặng không nói gì, như cùng kính trọng cái thời khắc của một ngày tàn.”
10. “Ai cũng cười đùa tự nhiên.”

Bài tập 6

Dùng những trạng từ chỉ thể cách sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **nhANH, CHẬM, ĐẸP, LẺ TẺ, VUI VẺ, SỚM, MỘT CÁCH LỄ PHÉP, RẤT CẦN THẬN, CHĂM CHÚ, NHANH, RÕ.**

1. Nam chào các thầy cô giáo _____.
2. Ba tôi lái xe _____.
3. Các học sinh _____ nghe lời thầy giảng.
4. Hôm nay xe buýt chạy _____ nên chúng tôi đến trường _____.
5. Bạn tôi lái xe _____ nên bị phạt.
6. Xin lỗi, tôi không hiểu _____. Xin ông nói _____ lại.
7. Trong buổi dạ hội, mọi người ăn mặc rất _____.
8. Vào ngày Tết, ai cũng nói cười _____.
9. Vào mùa thu, khi cơn gió thổi qua, lá cây rơi _____.

Bài tập 7

Dùng những trạng từ chỉ thể cách sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **MỘT CÁCH CHÂN TÌNH, NÔN NÓNG, NHẢY TÂM, HẾT SỨC, THỰC SỰ.**

Khi Becky vừa hơn một tháng, Joann đã _____ trao con cho Hội Từ Thiện. Gần hai mươi năm sau, nàng muốn tìm con chỉ vì muốn biết giờ này con mình ra sao. Becky, con bà, cũng _____ muốn gặp mẹ chỉ để hỏi một câu: Tại sao mẹ bỏ con? Hai người gặp nhau chỉ vì bốn phận, còn tình mẹ con thì _____ đã phai mờ rồi. Joann cố gắng _____ để lôi cuốn con về phía mình nhưng Becky thì thương bà Ruth _____ vì bà đã nuôi dưỡng cô ta từ tấm bé.

Độc Hiểu

Bài tập 8

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Kim Trọng xuất hiện với phong cách như thế nào?
2. Khi gặp các chị em Kiều, Kim Trọng làm gì?
3. Trong các chị em Kiều, ai ra chào Kim Trọng?
4. Kim Trọng xuất thân từ một gia đình ra sao?
5. Kim Trọng là người như thế nào?
6. Vì sao Kim Trọng quen biết với Vương Quan?
7. Kim Trọng nghe người ta đồn gì về hai chị em Thuý Kiều, Thuý Vân?
8. Lúc gặp hai chị em Kiều, Kim Trọng thấy có đúng với lời đồn không? Sao em biết được là có hay không?
9. “Người quốc sắc” là ai? “Kẻ thiên tài” là ai? Tình cảm hai người này đối với nhau ra sao?
10. Chị em Thuý Kiều chia tay với Kim Trọng vào lúc nào?
11. Chi tiết nào cho thấy hai bên lưu luyến nhau?
12. Chi tiết nào ở đầu bài cho thấy Kim Trọng xuất thân từ một gia đình quý phái?

13. Kim Trọng ở gần hay xa nhà chị em Kiều? Hãy dẫn chứng.
14. Trong câu 156, “Hai Kiều” đây chỉ ai?
15. Vì sao Nguyễn Du so sánh Thuý Kiều, Thuý Vân với Đại Kiều và Tiểu Kiều thời Tam Quốc?
16. Em nghĩ sao về thái độ của Thuý Kiều và Kim Trọng trong câu “*tình trong như đã, mặt ngoài còn e*”? Cảm nghĩa tại sao em nghĩ như vậy.
17. Cho biết đại ý bài này.
18. Bài này có giá trị về mặt nào?

Tập Làm Văn

Người xưa có câu: “*Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ. Vô duyên đối diện bất tương phùng*”, nghĩa là “Có duyên nợ với nhau thì dù cách xa ngàn dặm cũng gặp. Không duyên nợ cùng nhau dù ở bên cạnh cũng không thương”. Em hãy kể một câu chuyện để dẫn chứng về câu nói này.

Nói Với Nhau

- Kính:** Đúng là Thuý Kiều và Thuý Vân có duyên nợ với Kim Trọng.
- Vũ:** Dựa vào đâu mà cậu nói như vậy?
- Kính:** Cậu nghe này: “*Dùng dằng nửa ở nửa về*”. Rõ ràng nếu hai người đó đi về sớm thì đã không gặp Kim Trọng.
- Vũ:** Cậu hay thật đó! Và nếu như thế thì Nguyễn Du đã kết thúc Truyện Kiều ở đây.
- Kính:** Cái anh chàng Kim Trọng này vừa đẹp trai lại con nhà khá giả, đi đâu cũng có tiểu đồng theo hầu. Hai chị em họ Vương làm sao mà không thích được!
- Vũ:** Đồng ý với cậu, Nguyễn Du tả hình ảnh anh chàng này thật đẹp. Một anh chàng nho nhã, cười ngửa trắng chậm rãi đi trên cỏ non.
- “*Trông chừng thấy một văn nhân,
Lông buông tay khấu, bước lẫm dẫm băng.*”
- Kính:** Không những vậy, Nguyễn Du còn miêu tả Kim Trọng đẹp trai đến nỗi đi đến đâu thì không gian xung quanh anh chàng này như sáng hẳn lên đến đó.
- “*Hài vãn lẫm bước dậm xanh,
Một vùng như thể cây quỳnh, cành dao.*”
- Kính:** Hai chị em Thuý Kiều, Thuý Vân xưa nay vẫn quanh quẩn trong nhà, nay gặp người hào hoa làm sao mà không xao xuyến.
- Vũ:** Vì thế cho nên: “*Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo*”.
- Kính:** Còn Kim Trọng cũng nghe tiếng hai chị em Kiều rất xinh đẹp, nay gặp mặt mới thấy tiếng đồn không sai: “*Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai.*”
- Vũ:** Bởi vậy cho nên Kim Trọng mới nửa muốn ở, nửa muốn về. Vì sợ đi về, biết có còn cơ hội gặp người đẹp không?
- “*Rón ngời chẳng tiện, dứt về chĩn khôn.*”
- Kính:** Vậy mới nói là ngay từ đầu, họ đã có duyên với nhau!!!

Tập Nói Chuyện

1. Theo em, câu thơ nào cho biết Kim Trọng là người đẹp trai, tao nhã?
2. Những câu thơ nào mô tả vẻ đẹp của Thuý Kiều, Thuý Vân?
3. Em có nghĩ rằng họ có duyên nợ với nhau không? Vì sao?

Tập Viết Văn

Hãy viết một đoạn văn nói về cuộc gặp gỡ của Thuý Kiều, Thuý Vân và Kim Trọng.

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

Khoa: Kim ơi, trong văn chương Việt Nam có bài nào nói về tiên nữ không em? Anh nghe nói họ luyện được thuốc trường sinh bất tử nên sống lâu trăm tuổi và trẻ mãi không già.

Kim: Có, em biết một câu chuyện tên Bích Câu Kỳ Ngộ tức cuộc gặp gỡ lạ lùng ở Bích Câu. Nàng tiên trong chuyện tên là Giáng Kiều, anh chàng tốt phước kia tên là Tú Uyên và câu chuyện xảy ra vào thời kỳ Hồng Đức, tại phường Bích Câu thuộc thành Thăng Long.

Khoa: Vậy em kể chuyện Bích Câu Kỳ Ngộ cho anh nghe đi, nàng tiên đó ra sao?

Kim: Truyện này được viết theo thể thơ lục bát, gồm 648 câu.

Có anh chàng thư sinh tên Trần Tú Uyên. Một hôm đi chùa Ngọc Hồ bắt được một bài thơ không biết từ đâu bay đến, có ý gheo mình. Chợt thấy dáng một người con gái đẹp gần đó, Tú Uyên bèn lặng lẽ đi theo. Được một quãng thì người ấy biến mất, Tú Uyên thấy lòng xao xuyến, rồi sinh bệnh tương tư.

Sau đó, Tú Uyên nằm mộng thấy một ông thần hiện ra bảo chàng sáng hôm sau ra đợi ở Cầu Đông thì sẽ gặp người con gái ấy. Tú Uyên đợi mãi không thấy người, cuối cùng gặp ông già bán tranh tố nữ. Người đẹp trong tranh giống thiếu nữ chàng gặp lúc trước. Tú Uyên mua tranh mang về nhà và đối xử với người trong tranh như người thật vậy.

Một hôm, Tú Uyên về nhà thấy cơm nước đã sẵn sàng. Hôm sau, Tú Uyên rình thấy người thiếu nữ trong tranh bước ra, bèn bước đến chào hỏi. Tú Uyên biết tên nàng là Giáng Kiều. Hai người kết làm vợ chồng. Được ba năm, Tú Uyên sinh tật rượu chè, Giáng Kiều can ngăn không được nên bỏ đi. Tú Uyên hối hận toan tự tử, may thay Giáng Kiều trở lại. Vợ chồng đoàn tụ, êm ấm như xưa. Sau khi sinh được một đứa con trai, hai vợ chồng cùng tu tiên, xa lánh cõi trần.

Khoa: Câu chuyện này hay hay. Theo em tại sao người ta gọi đây là duyên kỳ ngộ?

Kim: Vì Tú Uyên là người phạm trong khi Giáng Kiều là tiên.

Khoa: Tiên mà lấy người phạm thật là mê, mà anh chàng Tú Uyên này lại rất là phạm tục. Giống anh ở điểm thấy người đẹp thì đem lòng tương tư ngay, ngày tưởng đêm mơ. Nắm được đôi tay nàng thì bắt đầu năn nỉ xin tí tình yêu. Người trần lại hay thay lòng đổi dạ, được voi đòi tiên. Tú Uyên sau khi chung sống với Giáng Kiều được ba năm thì đâm ra hư hỏng, say sưa rượu chè và đánh đập vợ. Nhưng người phạm cũng có khả năng hoán cải và hoàn thiện con người mình. Như em thấy đó, sau khi vợ bỏ

đi Tú Uyên ăn năn đến độ muốn tự tử. Khi nàng trở lại khuyên chàng tu để thoát vòng tục lụy, Tú Uyên liền nghe theo.

Bây giờ thì em nói về Giáng Kiều cho anh nghe đi!

Kim: Vì là tiên, Giáng Kiều có phép thần thông. Khi gặp Tú Uyên nàng mượn gió trao giùm bài thơ tán tỉnh chàng. Đến lúc Tú Uyên chạy theo nàng, Giáng Kiều lại làm cao biến mất không để lại dấu tích. Nàng lại biết ẩn mình trong bức tranh cho đến khi bị Tú Uyên phát giác. Sau khi kết hôn nàng dùng phép biến nhà chàng thành lâu đài tráng lệ.

Khoa: Nghe em kể anh muốn kiếm một cô bồ tiên mà không biết phải làm sao? Hiện giờ chả có cô nào chịu tán tỉnh, nấu cơm hay biến căn chung cư của anh thành lâu đài cả.

Kim: Vậy thì anh hãy ước mình có duyên kỳ ngộ như Tú Uyên đi.

Khoa: Được rồi, khi nào thấy sao băng thì anh sẽ ước.

Kim: Tuy nhiên, đời sống gia đình của cặp vợ chồng này quá bình thường, không có vẻ thần tiên chút nào.

Khoa: Nét thần tiên của họ nằm ở chỗ họ tu tiên thoát tục, cõi hạc về trời và không còn bận tâm về đời sống trần gian nữa.

Kim: Có lẽ Việt Nam thời ấy nhiều loạn lạc khổ sở nên người ta hướng về một thế giới khác, an bình và hạnh phúc hơn. Tuy nhiên có một điều làm em ngạc nhiên vô cùng, tại sao Tú Uyên và Giáng Kiều không mang đứa con tên Chân Nhi về cõi tiên?

Khoa: Có lẽ giống như mẹ, Chân Nhi có duyên kỳ ngộ với ai đó ở cõi trần.

Bài tập 9

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Bích Câu Kỳ Ngộ có ý nghĩa gì? Ai viết tác phẩm đó? Vào thời kỳ nào?
2. Tại sao cuộc gặp gỡ giữa Tú Uyên và Giáng Kiều được xem là kỳ lạ?
3. Tú Uyên là người phàm; Giáng Kiều là tiên. Hãy dẫn chứng.
4. Hãy cho biết nhận xét của em về cuộc hôn nhân giữa Tú Uyên và Giáng Kiều.
5. Giáng Kiều có những đức tính nào? Tính nàng và Tú Uyên có khác nhau nhiều không?
6. Hai nhân vật chính khao khát tìm kiếm điều gì? Họ có đạt được mục đích không?
7. Người và tiên sum họp. Em có biết một câu chuyện khác giữa người và tiên?
8. Đoạn giữa câu chuyện Bích Câu Kỳ Ngộ không có tính cách thần kỳ như đoạn đầu và cuối. Em hãy sửa đổi lại đoạn ấy.
9. Hãy kể lại câu chuyện bằng cách vẽ tranh.

Tục Ngữ, Ca Dao và Thành Ngữ

1. Ngày vui ngắn chẳng tày gang.
2. Gái tham tài, trai tham sắc.
3. Quen sợ dạ, lạ sợ áo quần.
4. Ra đi phụ mẫu đứng trông,
Đến đây gặp bậu lại không muốn về.
5. Mấy khi gặp đặng bạn lành,
Trách trời vội sáng tan tành đôi ta.

Bài tập 10

Hãy cho biết câu ca dao và tục ngữ nào bên cột **A** diễn tả ý nghĩa bên cột **B**.

A

1. Minh về ta chẳng cho về,
Ta nắm vạt áo ta đề câu thơ.
Câu thơ ba chữ rành rành,
Chữ trung chữ hiếu chữ tình là ba.
Chữ trung anh để thờ cha,
Chữ hiếu thờ mẹ đôi ta chữ tình.
2. Tới đây mới gặp em đây
Đúng duyên kỳ ngộ trời xoay đất vùn.
3. Mặt làm thính, tình đã ưng.

B

- a. Sự gặp gỡ của Kim Trọng và Thuý Kiều.
- b. Tình cảm lưu luyến giữa Kim Trọng và Thuý Kiều.
- c. Ấn tượng hai người gây ra cho nhau.

Bài 4



Phận Hồng Nhan

1705. **Nước trôi hoa rụng** đã yên,
Hay đâu **địa ngục** ở **miền nhân gian**.
Khuyên, Ưng đã **đắt mưu gian**,
Vực nàng đưa xuống để an dưới thuyền.
Buồm cao, **lèo thẳng cánh suyền**,
1710. Dè chừng **huyện Tích**, băng miền vượt sang.
Giã đồ lên trước **sảnh đường**,
Khuyên, Ưng hai đứa nọp nàng dâng công.
Vực nàng tạm xuống **môn phòng**,
Hãy còn **thiền thiệp giấc nồng** chưa phai.
1715. **Hoàng lương** chợt tỉnh **hồn mai**,
Cửa nhà đâu mất, lâu đài nào đây?
Bàng hoàng dở tỉnh dở say,
Sảnh đường mắng tiếng đòi ngay lên hầu.
A hoàn liền xuống **giục** mau,
1720. **Hải hùng** nàng mới theo sau một người.
Ngước trông toà rộng dãy dài.
“**Thiên quan trung tử**” có bài treo trên.
Ban ngày **sáp** thấp hai bên,
Giữa **giường thất bảo** ngồi trên một bà.
1725. Gạn gùng **ngọn hời, ngành tra**,

- Sự mình, nàng đã cứ mà gởi thưa.
 Bất tình nổi **trận mây mưa**,
 Nhiếc rằng: “Những **giống bơ thờ** quen thân!
 Con này chẳng phải **thiện nhân**,
 1730. Chẳng **phường trốn chúa**, cũng **quân lộn chồng**.
 Ra tuồng **mèo mả gà đồng**,
 Ra tuồng lũng túng chẳng xong bề nào.
 Đã đem mình bán cửa tao,
 Lại còn **khủng khĩnh** làm cao thế này!
 1735. Nào là **gia pháp** nọ bay!
 Hãy cho ba chục biết tay một lần!”
 A hoàn trên dưới dạ rân,
 Dẫu rằng trăm miệng **khôn phân** lẽ nào.
Trúc côn ra sức đập vào,
 1740. Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh.
 Xót thay **đào lý** một canh,
 Một phen mưa gió tan tành một phen.
Hoa nô truyền dạy đổi tên,
Buồng the dạy ép vào **phiên thị tì**.
 1745. Ra vào theo lũ **thanh y**,
 Dãi dầu **tóc rối da chì** quân bao!
Quản gia có một mụ nào,
 Thấy người, thấy nét, ra vào mà thương.
 Khi **chè chén**, khi thuốc thang,
 1750. Đem lời **phương tiện** mở đường **hiếu sinh**.
 Dạy rằng: “May rủi đã đành,
Liều bỏ mình giữ lấy mình cho hay.
 Cũng là **oan nghiệp** chi đây,
Sa cơ mới đến thế này chẳng dung.
 1755. Ở đây **tai vách mạch dừng**,
 Thấy ai người cũ cũng dừng nhìn chi.
 Kéo khi **sấm sét** bất kỳ,
Con ong, **cái kiến** kêu gì được oan?”
 Nàng càng **giọt ngọc** như chan,
 1760. Nổi lòng luống những bàng hoàng **niềm tây**:
 “**Phong trần** kiếp chịu đã đầy,
Làm than lại có thứ này bằng hai.
 Phận sao bạc chẳng vừa thôi,
 1764. **Khăng khăng** buộc mãi lấy người **hồng nhan**”.

Từ Vựng

1. nước trôi hoa rụng	(thành ngữ):	cuộc sống trôi giạt, không bình yên (nói về chuyện Thuý Kiều chết và trôi nổi theo giòng đời)	<i>hard life, tough life</i>	(idm.)
2. địa ngục	(dt.):	nơi những người độc ác sau khi chết phải xuống để chịu tội, ở đây ý nói nơi khổ ải	<i>Hell</i>	(n.)
3. miền nhân gian	(dt.):	nơi dương trần, nơi này	<i>the world</i>	(n.)
4. đặt mưu gian	(đt.):	thành công trong chuyện xấu	<i>to succeed in the plot, to abet</i>	(v.)
5. vực	(đt.):	giúp người đứng dậy	<i>to help one stand up</i>	(v.)
6. lèo thẳng cánh suyền	(đt.):	rong buồm đi nhanh	<i>to set sails at full speed</i>	(v.)
7. huyện Tích	(dt.):	quận, huyện tên Tích	<i>Tích District</i>	(n.)
8. giã dò	(đt.):	rời khỏi con đò	<i>to disembark</i>	(v.)
9. sảnh đường	(dt.):	lâu đài	<i>palace</i>	(n.)
10. môn phòng	(dt.):	phòng cho đầy tớ ở	<i>servant quarters</i>	(n.)
11. thiền thiếp	(đt.):	đang ngủ	<i>to be asleep</i>	(v.)
12. giấc nồng	(dt.):	giấc ngủ say	<i>deep sleep</i>	(n.)
13. hoàng lương	(dt.):	kê vàng. Xưa kia, Lư sinh đời Đường đi thi gặp ông già họ Lã cho mượn cái gối nằm ngủ. Chàng mơ thấy mình thi đỗ, làm quan vinh hoa phú quý hơn 20 năm. Lúc tỉnh giấc thì nồi kê trong nhà nấu chưa chín. Người sau bèn dùng hai chữ <i>hoàng lương</i> để chỉ giấc mơ.	<i>a beautiful dream, a sweet dream</i>	(n.)
14. hồn mai	(dt.):	xưa có người gặp cô gái trong rừng, cùng uống rượu, sáng dậy	<i>dream, laden slumber</i>	(n.)

thấy mình nằm dưới gốc cây mai.
Đây có ý chỉ giấc mơ.

15. bàng hoàng	(đt.):	choáng váng	<i>to be stunned, dazed</i>	(v.)
16. a hoàn (ả hoàn)	(dt.):	đầy tớ gái trẻ tuổi	<i>maid</i>	(n.)
17. hãi hùng	(tt.):	hoảng sợ	<i>terrified</i>	(adj.)
18. giục	(đt.):	kêu làm cho nhanh lên	<i>to urge, to hurry</i>	(v.)
19. thiên quan trung tể	(dt.):	<i>Thiên quan</i> là loại quan đứng đầu sáu loại quan do nhà Chu đặt ra. <i>Trung tể</i> tức là chức tể tướng.	<i>prime minister</i>	(n.)
20. sáp	(dt.):	chất nến đặc và trơn	<i>wax candle</i>	(n.)
21. giường thất bảo	(dt.):	giường có bảy vật quý như: vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, san hô, trân châu. Ở đây chỉ cái giường có khảm các vật quý.	<i>bed inlaid with gold, silver, corals, and mother-of-pearl, v.v...</i>	(n.)
22. ngọn hỏi ngành tra	(đt.):	tra khảo, hỏi kỹ lưỡng	<i>to interrogate, examine</i>	(v.)
23. trận mây mưa	(dt.):	con giận dữ	<i>fit of anger</i>	(n.)
24. giống bơ thờ	(dt.):	kẻ sống lang thang	<i>vagabond, homeless people</i>	(n.)
25. thiện nhân	(dt.):	người lương thiện	<i>honest, good people</i>	(n.)
26. phường trốn chúa	(dt.):	kẻ phản chủ	<i>unfaithful, treacherous people, betrayer</i>	(n.)
27. quân lộn chồng	(dt.):	phụ nữ ngoại tình	<i>adulterous wife</i>	(n.)
28. mèo mả gà đồng	(dt.):	Mèo hoang sống ở mồ mả; gà hoang sống ở ngoài đồng, người ta thường dùng để ví với hạng người lộng bông, giang hồ.	<i>(stray pussy cat in cemetery and wandering hen in the fields) errant people</i>	(n.)
29. khủng khỉnh	(đt.):	làm ra vẻ cao ngạo	<i>to show snobbish</i>	(v.)

			<i>appearance</i>	
30. gia pháp	(dt.):	phép tắc trong nhà để trừng phạt gia nhân và tôi tớ	<i>family discipline, punishment</i>	(n.)
31. khôn phân	(đt.):	không ai can gián	<i>not to show dissuasion</i>	(v.)
32. trúc côn	(dt.):	gậy tre	<i>bamboo cane</i>	(n.)
33. đào lý	(dt.):	cây hoa đào, cây hoa lý, thường dùng để chỉ phụ nữ	<i>peach, plum; ladies</i>	(n.)
34. Hoa nô	(dt.):	người tớ gái tên là Hoa (“con Hoa” là tiếng Hoạn Thư gọi Kiều trong câu 1843, truyện Kiều)	<i>housemaid</i>	(n.)
35. buồng the	(dt.):	phòng riêng của phụ nữ	<i>female chamber, boudoir</i>	(n.)
36. phiên thị tỳ	(dt.):	thị tỳ ở nhà quyền quý rất nhiều, chia ra từng ban và từng phiên mà hầu hạ, nên gọi là phiên thị tỳ	<i>day schedule, chores for housemaids</i>	(n.)
37. thanh y	(dt.):	áo xanh. Đây tớ gái các nhà giàu sang đời xưa đều mặc áo xanh, nên gọi là <i>thanh y</i>	<i>blue clothes of housemaids</i>	(n.)
38. tóc rối da chì	(dt.):	tóc không bới chải, da xạm nắng	<i>unkempt hair and dark complexion</i>	(n.)
39. quản gia	(dt.):	trong gia đình quan lại phong kiến đời xưa thường dùng những người đàn bà đứng tuổi trông coi việc nhà và cai quản số hầu gái, gọi là <i>quản gia</i>	<i>chief of maids</i>	(n.)
40. chè chén	(dt.):	trà và thuốc bắc	<i>tea and herb medicine</i>	(n.)
41. phương tiện	(dt.):	ở đây có nghĩa là lời khuyên về cách đối đãi, xử trí mọi việc	<i>advice (on how to be alive)</i>	(n.)
42. hiếu sinh	(tt.):	quý trọng sinh mệnh, ý nói tránh cho người ta con đường khổ sở, chết	<i>respecting lives</i>	(adj.)

43. liễu bô	(dt.):	liễu và bô là hai giống cây mềm yếu thường được dùng để chỉ phụ nữ	<i>delicate body; ladies</i>	(n.)
44. oan nghiệp	(dt.):	tiền oan, nghiệp chướng, có ý nói có oan thù và tội lỗi từ thời gian trước để lại	<i>tragic karma</i>	(n.)
45. sa cơ	(đt.):	lâm vào cảnh ngặt nghèo, nguy hiểm	<i>to meet with misfortune</i>	(v.)
46. tai vách mạch dưng	(đt.):	bị dòm ngó, theo dõi	<i>to be spied over</i>	(v.)
47. phong trần	(dt.):	nghĩa đen là gió bụi, thường được dùng để chỉ sự khổ sở mà người đời phải chịu	<i>sufferings, mishap</i>	(n.)
48. sấm sét	(dt.):	hiện tượng phóng điện giữa đám mây và mặt đất gây tiếng nổ lớn và tạo ra tia lửa điện, ngụ ý tai biến bất ngờ	<i>thunder and lightning; sudden dangers</i>	(n.)
49. con ong cái kiến	(dt.):	con ong và con kiến, chỉ người thấp cổ bé miệng	<i>a humble bee or ant; low class people</i>	(n.)
50. giọt ngọc	(dt.):	nước mắt của người con gái đẹp	<i>tears of a lady</i>	(n.)
51. chan	(đt.):	tuôn trào ra	<i>to run down profusely (tears)</i>	(v.)
52. niềm tây	(dt.):	nỗi lòng thầm kín	<i>inmost feelings</i>	(n.)
53. lầm than	(dt.):	sự cơ cực	<i>misfortune</i>	(n.)
54. khăng khăng	(trt.):	nhất mực, khư khư	<i>persistently</i>	(adv.)
55. hồng nhan	(dt.):	mặt đỏ, má hồng, chỉ người con gái đẹp	<i>pretty ladies</i>	(n.)

Bài tập 1

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **địa ngục, hoa rụng, sánh đường, đất mưi gian, giã đồ, thẳng cánh suyền, thiêm thiếp, hoàng lương, môn phòng, bàng hoàng.**

1705. Nước trôi _____ đã yên,
Hay đâu _____ ở miền nhân gian.
Khuyển, Ưng đã _____,
Vực nàng đưa xuống để an dưới thuyền.
Buồm cao, lèo _____,
1710. Dè chừng huyện Tích, băng miền vượt sang.
_____ lên trước cảnh đường,
Khuyển, Ưng hai đứa nọ nàng dâng công.
Vực nàng tạm xuống _____,
Hãy còn _____ giấc nồng chưa phai.
1715. _____ chợt tỉnh hồn mai,
Cửa nhà đâu mất, lâu đài nào đây?
_____ đỡ tỉnh đỡ say.
_____ mắng tiếng đòi ngay lên hầu.

Bài tập 2

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **vực, sánh đường, đất mưi gian, giã đồ, lèo thẳng cánh suyền, thiêm thiếp, hoàng lương, môn phòng, giấc nồng, bàng hoàng.**

1. Bọn cướp đã _____ khi kế hoạch cướp tiệm vàng của chúng thành công.
2. Bọn Khuyển, Ưng _____ Thuý Kiều xuống thuyền khi nàng còn đang mơ màng vì bị thuốc mê.
3. Các thủy thủ trên các thuyền đua hết sức _____ để thắng giải America Cup ở San Francisco.
4. Hai tên Khuyển Ưng _____, bước lên bờ.
5. Người tớ gái đưa Thuý Kiều vào trong _____ nhà Hoạn Bà.
6. Các người hầu thường ngủ ở _____.
7. Khi hai tên Khuyển Ưng khiêng Thuý Kiều vào nhà Hoạn Bà, nàng vẫn còn _____ ngủ.
8. Công chúa Bạch Tuyết say sưa _____.
9. Nồi kê vẫn chưa chín sau khi chàng Lư sinh tỉnh giấc _____.
10. Thuý Kiều _____ khi nhìn thấy toà nhà sang trọng.

Bài tập 3

Ghép mỗi từ ở cột A với định nghĩa thích hợp ở cột B.

- | A | B |
|------------------------|------------------------|
| 1. hải hùng | a. thủ tướng, tể tướng |
| 2. Thiên quan trùng tể | b. rất lo sợ |
| 3. giường thất bảo | c. cơn giận dữ |

- | | |
|---------------------|-------------------------------------|
| 4. trận mây mưa | d. giường có 7 món quý |
| 5. giống bơ thờ | e. đầy tớ bất trung, phản chủ |
| 6. thiện nhân | g. kẻ không ra gì |
| 7. phường trốn chúa | h. người lương thiện |
| 8. quân lộn chồng | i. kỷ luật gia đình |
| 9. mèo mả gà đồng | k. đầy tớ gái |
| 10. gia pháp | l. kẻ lòng bông, giang hồ |
| 11. a hoàn | m. kẻ ngoại tình, tà dâm |
| 12. khôn phân | n. gậy tre |
| 13. trúc côn | o. đầy tớ mặc áo xanh biển lợt |
| 14. lũ thanh y | p. khó giải bày |
| 15. tóc rối da chì | q. tóc không chải bới, da cháy nắng |
| 16. phong trần | r. cơ cực |
| 17. lâm than | s. gió bụi, khổ sở |

Bài tập 4

Đặt câu với mỗi từ sau đây:

- | | |
|------------------------|------------------------|
| 1. đất mưi gian | 9. Hoa nô |
| 2. vực | 10. lũ thanh y |
| 3. lèo thẳm cánh suyền | 11. dãi dầu |
| 4. giã ò | 12. tóc rối da chì |
| 5. sảng đường | 13. đường hiếu sinh |
| 6. môn phòng | 14. tai vách mạch dừng |
| 7. thêm thiếp | 15. phong trần |
| 8. giấc nồng | 16. lâm than |

Phân Tích

- A. Giọng văn:** Búi ngùi, thương cảm
B. Bối cảnh: Nhà Hoạn bà (mẹ Hoạn Thư), triều Minh, Trung Hoa.
C. Nhân vật: Thuý Kiều và Hoạn Bà
D. Nhận xét văn chương:

Khác với các trích đoạn ban đầu, trích đoạn *Phận Hồng Nhan - Kiều Về Nhà Hoạn Bà* cho ta thấy một hình ảnh bi thương, ai oán. Ở nhà Hoạn Bà, Kiều bị lăng nhục và bạo hành. Nguyễn Du đã rất tài tình, khéo léo khi dùng các thành ngữ của người đường phố để nói lên những lời thô bỉ từ miệng một bà vợ quan tể tướng. Những lời chửi rủa như “phường trốn chúa”, “quân lộn chồng”, “mèo mả gà đồng”, v.v... đã trở thành những thành ngữ bất hủ trong dân gian. Đọc xong đoạn này, người đọc không khỏi ngậm ngùi, thương xót cho một nàng Kiều xinh đẹp bị dập liểu vùi hoa. Nàng như một con mồi nhỏ bé đang co rúm trong một hang đầy thú dữ. Nàng không còn biết làm gì hơn là để số phận đưa đẩy và chịu đựng tủi nhục, ngậm đắng nuốt cay. Tác giả vẽ lên một bức tranh tuyệt vời để người đọc phải chua xót ngậm ngùi cho thân phận hồng nhan đa truân của Thuý Kiều.

E. Đại ý: Sự đoạ đầy Thuý Kiều phải gánh chịu.

G. Giải thích:

1705. *Nước trôi hoa rụng đã yên,
Hay đâu địa ngục ở miền nhân gian.
Khuyển, Ưng đã đất mưu gian,
Vực nàng đưa xuống để an dưới thuyền.*
- Sau nhiều đau khổ, tưởng rằng mọi chuyện trở nên êm thấm, nào ngờ, Kiều bị hai tên Khuyển, Ưng hung dữ lập kế bắt nàng bỏ lên thuyền.
1710. *Dè chừng huyện Tích, băng miền vượt sang.
Giã đồ lên trước sảnh đường,
Khuyển, Ưng hai đứa nộp nàng dâng công.
Vực nàng tạm xuống môn phòng,
Hãy còn thêm thiếp gác nông chưa phai.
Hoàng lương chột tỉnh hồn mai,*
- Đến huyện Tích, hai tên Khuyển Ưng nộp Thuý Kiều cho Hoạn bà để lập công. Chúng khiêng Kiều vào phòng đầy tớ, khi nàng còn đang ở trong tình trạng nửa mê nửa tỉnh.
1716. *Cửa nhà đâu mất, lâu đài nào đây?
Bàng hoàng dờ tỉnh dờ say,
Sảnh đường mắng tiếng, đòi ngay lên hầu.
A hoàn liền xuống giục mau,*
1720. *Hải hùng nàng mới theo sau một người.
Ngược trông toà rộng dãy dài.
“Thiên quan trùng tể” có bài treo trên.
Ban ngày sáp thấp hai bên,
Giữa giường thất bảo ngồi trên một bà.*
- Khi tỉnh dậy, Kiều ngỡ ngàng thấy mình ở trong lâu đài đồ sộ. Một tên tớ gái thúc giục nàng mau lên hầu Hoạn Bà. Sợ hãi theo sau đứa tớ gái, Kiều nhìn lên thấy tấm bảng ghi là nhà của tể tướng. Kiều thấy Hoạn Bà ngồi trên giường rất đẹp, cảnh những vật quý. Dầu ban ngày hai bên nhà đều đốt nến. Ý chỉ nhà này là nhà quyền thế, giàu có.
1725. *Gạn gùng ngọn hỏi, ngành tra,
Sự mình, nàng đã cứ mà gởi thưa.*
- Hoạn Bà tra khảo lai lịch của Kiều và Kiều phải mau chóng trả lời mọi chi tiết một cách đầy đủ.
1727. *Bất tình nổi trận mây mưa,
Nhiếc rằng: “Những giống bơ thờ quen thân!”*
- Bất thành linh, Hoạn Bà nổi cơn thịnh nộ, mắng nhiếc Kiều là thứ vô tư cách, lười biếng.
1729. *“Con này chẳng phải thiện nhân,
Chẳng phường trốn chúa, cũng quân lộn chồng.”*

- Hoạn Bà mắng Thuý Kiều là người không lương thiện: nếu không phải là kẻ phản chủ thì cũng là kẻ ngoại tình, dâm dăng, cướp chồng người.
1731. *“Ra tuồng mèo mả gà đồng,
Ra tuồng lũng túng chẳng xong bề nào.
Đã đem mình bán cửa tao,
Lại còn khùng khỉnh làm cao thế này!”*
- Hoạn Bà mắng Kiều là kẻ lông bông, giang hồ. Khi bị bán vào nhà bà, Kiều đừng có làm cao, làm reo.
1735. *“Nào là gia pháp nọ bay!
Hãy cho ba chục biết tay một lần!”
A hoàn trên dưới dạ rân,
Dẫu rằng trăm miệng khôn phân lẽ nào.
Trúc côn ra sức đập vào,
Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh.*
- Hoạn Bà kêu đám đầy tớ cứ theo luật ở nhà mà đánh cho Kiều 30 gậy bằng tre. Dù cho Thuý Kiều cố gắng giải bày, bọn đầy tớ vẫn tuân lệnh Hoạn Bà và đánh Kiều tan xương, nát thịt.
1741. *Xót thay đào lý một cành,
Một phen mưa gió tan tành một phen.*
- Thương xót thay cho Thuý Kiều bị đánh đập tàn nhẫn khác chi hoa đào và hoa lý bị mưa bão vùi dập tả tơi.
1743. *Hoa nô truyền dạy đổi tên,
Buồng the dạy ép vào phiên thị tì.
Ra vào theo lối thanh y,
Dãi dầu tóc rối da chì quần bao!*
- Hoạn Bà truyền dạy phải đổi tên Kiều ra Hoa nô và ép nàng vào làm đầy tớ trong buồng the. Phải chăng đây là một cách xoá lai lịch Kiều để không ai biết dấu tích của nàng? Nàng bị bắt làm việc với các đầy tớ khác, vất vả, cơ cực đến nỗi đầu tóc không bới chải và da trắng đẹp đổi sang xạm đen như chì.
1747. *Quản gia có một mụ nào,
Thấy người, thấy nét, ra vào mà thương.
Khi chè chén, khi thuốc thang,
Dem lời phương tiện mở đường hiếu sinh.*
- Bà quản gia thấy tính nét nhu mì của Kiều nên động lòng thương. Bà an ủi, khuyên bảo, và giúp Kiều điều trị các vết thương.
1751. *Dạy rằng: May rủi đã đành,
Liều bỏ mình giữ lấy mình cho hay.
Cũng là oan nghiệp chi đây,
Sa cơ mới đến thế này chẳng dung.*
- Bà quản gia khuyên Kiều phải biết giữ thân mình. Những đau khổ nàng chịu có thể là những oan nghiệp của kiếp trước chăng?

1755. *Ở đây tai vách mạch rừng,
Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi.
Kéo khi sấm sét bất kỳ,
Con ong, cái kiến kêu gì được oan?*
- Bà quản gia cũng khuyên Thuý Kiều phải cẩn thận. Thấy người quen cũ cũng đừng nhìn mặt. Lỡ khi xảy ra chuyện chẳng lành thì nàng thấp cổ bé miệng, không có ai bênh vực.
1759. *Nàng càng giọt ngọc như chan,
Nổi lòng luống những bàng hoàng niềm tây:*
- Thuý Kiều nghe lời khuyên càng thêm tủi thân nên khóc như mưa.
1761. *Phong trần kiếp chịu đã đầy,
Lắm than lại có thứ này bằng hai.
Phận sao bạc chẳng vừa thôi,
Khăng khăng buộc mãi lấy người hồng nhan.*
- Kiều tâm sự rằng nàng đã qua nhiều lắm than, cay đắng nhưng lần này sự lắm than, cơ cực lên gấp đôi. Âu đó cũng là hồng nhan bạc phận.

Ngữ Pháp

Trạng Từ Chỉ Cục Diện *Adverbs of Circumstance*

Xét các câu sau đây:

1. Hôm qua, tôi **đang** đi về nhà thì trời mưa.
2. Tôi **sẽ** làm xong bài vào ngày mai.
3. Bây giờ xe buýt đến **rồi**.
4. Nước trôi hoa rụng **đã** yên.
5. **Hãy còn** thêm thiếp giấc nồng chưa phai.

Trong các ví dụ trên, “hôm qua”, “ngày mai”, “bây giờ” là trạng từ chỉ về thời gian; còn “**đang**”, “**sẽ**” và “**rồi**” là nói về cái “**ý**”, “**tính chất**” hay “**trạng thái**” của thời gian, chứ không nói về quãng thời gian nào.

Các từ **đã**, **đang**, **sẽ**, **rồi**, **hãy còn** là những **trạng từ chỉ cục diện**.

Trạng từ chỉ cục diện là những từ dùng để trình bày cách diễn tiến của một sự việc: đang xảy ra, sắp xảy ra hoặc xảy ra rồi.

Các trạng từ chỉ cục diện thông thường diễn tả:

- | | |
|----------------------|--------------------|
| a. việc đang xảy ra: | đang, đương. |
| b. việc chưa xong: | hãy, còn, hãy còn. |
| c. việc qua rồi: | đã, rồi. |
| d. việc mới bắt đầu: | mới, vừa, vừa mới. |
| e. việc sắp xảy ra: | sẽ, sắp, sắp sửa. |

Bài tập 5

Tìm trạng từ chỉ cục diện trong các câu sau:

1. Hôm qua khi tôi đến thì anh đang làm gì?
2. Ngày mai tôi sẽ giúp anh làm việc đó.
3. Thầy giáo đã đến rồi.
4. Ba tôi sắp mua ngôi nhà đó.
5. Ông tôi hãy còn ngủ.

Bài tập 6

Điền vào chỗ trống với tiếng trạng từ chỉ cục diện thích hợp.

1. Người già thường hay nói về những việc họ _____ làm trong quá khứ.
2. Người trẻ thường băn khoăn về những kế hoạch họ _____ thực hiện trong tương lai.
3. Thằng bé tưởng ông nội nó _____ ngủ; nhưng thực ra ông đã đi _____.
4. Họ _____ quen nhau hai năm _____, và sang năm họ _____ làm đám cưới.

Bài tập 7

Dùng từ “đã” trong một đoạn văn, chừng 5 dòng, kể lại những sự việc em làm trong năm ngoái.

Bài tập 8

Dùng từ “sẽ” trong một đoạn văn, chừng 5 dòng, nói về những điều em thực hiện trong tương lai.

Độc Hiểu

Bài tập 9

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Khuyển, Ưng, và Hoạn Bà là ai?
2. Hoạn Bà có thực sự tra khảo Kiều chỉ để lấy tin tức cá nhân?
3. Tại sao Hoạn bà tra khảo Thuý Kiều khi mới gặp nàng lần đầu?
4. Giống bơ thờ là gì?

5. Thực sự Kiều có phải là thiện nhân không? Dẫn chứng.
6. Phường trốn chúa là gì?
7. Quân lộn chồng là làm sao?
8. Tác giả dùng mỹ từ pháp nào trong hai câu:
*“Xót thay đào lý một cành,
 Một cơn mưa gió tan tành một phen.”*
9. Kiều có được tự do phút nào ở nhà Hoạn Bà không? Hãy chứng minh.
10. Lời khuyên của quản gia trong hai câu thơ:
*“Ở đây tai vách mạch rừng,
 Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi.”* có nghĩa gì?
11. Hai câu thơ:
*“Kẻo khi sấm sét bất kỳ,
 Con ong, cái kiến kêu gì được oan?”* cho ta thấy tình trạng xã hội thời đó ra sao?
12. Tình trạng xã hội phong kiến như vậy còn tồn tại ngày nay không?
13. Ở nhà Hoạn Bà có ai giúp Kiều không?
14. Bài này có giá trị gì?

Bài tập 10

Hãy viết các câu sau đây thành văn xuôi và giải nghĩa.

1. Khuyển, Ưng đã đất mưu gian.
2. Bất tình nổi trận mây mưa.
3. Trúc côn ra sức đập vào.
4. Hoàng lương chột tỉnh hồn mai.
5. Giã đồ lên trước sảnh đường,
 Khuyển, Ưng hai đứa nộp nạng dâng công.
6. Ngược trông toà rộng dãy dài,
 “Thiên quan trung tể” có bài treo trên.
7. Con này chẳng phải thiện nhân,
 Chẳng phường trốn chúa, cũng quân lộn chồng.
8. Nào là gia pháp nọ bay!
 Hãy cho ba chục biết tay một lần.
9. Hoa nô truyền dạy đổi tên,
 Buồng the dạy ép vào phiên thị tì.

Tập Làm Văn

Khi nói đến “phận hồng nhan”, người ta thường ngụ ý về cuộc đời bất hạnh của người phụ nữ. Qua bài *Phận Hồng Nhan*, em hãy cho biết Thuý Kiều đã gặp phải những điều bất hạnh gì?

Nói Với Nhau

- Thảo:** Hôm nay lớp mình học trích đoạn của *Truyện Kiều* nói về Kiều bị Hoạn Bà cho người bắt đem về dinh.
- Lan:** Lớp mình cũng vậy. Ai cũng tức Hoạn Bà. Bà này thật quá đáng! Ghen dùm cho con gái là Hoạn Thư nên bắt Thuý Kiều về hành hạ.
- Thảo:** Nghĩ đến cái lúc Kiều tỉnh cơn mê, thức dậy thấy nhà cửa lạ hoắc, lại còn bị đem ra đánh đập dã man. Mình thấy tội cho Thuý Kiều quá!
- Lan:** Mình cũng vậy. Tưởng tượng thân gái yếu đuối mà bị đánh ba chục roi, thì thịt da nào chịu nổi.
- Thảo:** Hoạn Bà lợi dụng chức quyền của mình, ý làm vợ tể tướng mà ức hiếp người lương thiện. Thật là quá lộng hành!
- Lan:** Đã vậy, bà ta còn bắt Thuý Kiều làm nô tỳ hầu hạ bà ta nữa.
- Thảo:** May mà Thuý Kiều có được bà quản gia lén giúp đỡ nên cũng đỡ khổ.
- Lan:** Đúng là phận hồng nhan. Cuộc đời Thuý Kiều không biết đến khi nào mới sung sướng?

Tập Nói Chuyện

1. Hoạn Bà là ai? Vì sao cho người bắt cóc Thuý Kiều?
2. Theo em hành động của Hoạn Bà có đúng không? Nếu ở vào thời điểm bây giờ, bà ta có bị đi tù không?
3. Theo em, tệ nạn xã hội bắt người trái phép còn xảy ra trên thế giới hiện nay không? Nếu có, nó thường xảy ra ở các quốc gia nào?

Tập Viết Văn

Người ta thường nói “Hồng nhan đa truân”, nghĩa là những người phụ nữ đẹp thường gặp nhiều đau khổ trong cuộc sống. Em nghĩ điều này có đúng không? Hãy viết một đoạn văn trình bày ý kiến của em.

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

*“Mỹ nhân tự cổ như danh tướng,
Bất hủ nhân gian kiến bạc đầu.”*

- Thu:** Mẹ ơi, hai câu này có nghĩa là gì? Con không hiểu.
- Mẹ:** Nó có nghĩa là từ ngàn xưa người đẹp và tướng sĩ nổi danh không bao giờ sống với người đời cho đến già, họ thường chết lúc còn trẻ.
- Thu:** Chẳng hạn như cô đào Marilyn Monroe của màn bạc Mỹ đã chết vào lúc ba mươi mấy tuổi, phải không mẹ?
- Mẹ:** Đúng vậy. Người ta nói người đẹp thường có số phận không may vì ông trời dường như ganh ghét họ.

“Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.”

Thu: Con biết rồi, câu này nằm trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

Mẹ: Con của mẹ giỏi lắm. Bây giờ con có muốn nghe về một cô thiếu nữ tên Tây Thi không?

Thu: Người con gái ấy có gì đặc biệt vậy mẹ? Con tò mò quá!

Mẹ: Ngày xưa nước Tàu được chia ra từng nhiều khu vực nhỏ nên có nhiều vua và họ thường đánh nhau để tranh dành ảnh hưởng, đất đai. Vào thế kỷ thứ 6 và thứ 7, nước Việt của vua Câu Tiễn đánh nhau với nước Ngô của vua Phù Sai. Vì thua trận, vợ chồng vua Câu Tiễn và quan Tể tướng Phạm Lãi phải sang nước Ngô làm con tin, bị nhốt vào hang đá ba năm và hằng ngày phải cắt cỏ, hót phân ngựa, kiếm củi nấu cơm. Mặc dầu khổ sở, họ kiên nhẫn chờ cơ hội trả thù. Một ngày nọ, vua Ngô đau, Câu Tiễn tình nguyện ném phân của Phù Sai để định bệnh. Nhờ đó, họ được thả về nước.

Thu: gương kiên nhẫn của người xưa thật đáng thán phục. Rồi Việt vương Câu Tiễn có quên thù xưa không mẹ?

Mẹ: Không, ông ta rắp tâm trả thù bằng cách dâng mỹ nữ Tây Thi cho vua Phù Sai. Tương truyền Tây Thi đẹp đến nỗi khi cá thấy nàng liền quên bơi và từ từ lặn xuống đáy; do đó người ta gọi nàng là Trầm Ngư Tây Thi. Vua Ngô Phù Sai mê say sắc đẹp khuynh thành của nàng nên cho xây dựng nhiều công trình tốn kém như Cô Tô Đài để vui chơi cùng người đẹp. Trên núi lại có Cầm Đài để vua cùng Tây Thi gảy đàn.

Thu: Nếu cứ ăn chơi như vậy thì làm sao lo việc chính sự được hả mẹ? Còn các quan trong triều, không ai can gián được vua Phù Sai sao?

Mẹ: Đương nhiên là họ phải thấy điều đó. Ngũ Tử Tư, một viên tướng tài ba, đứng ra khuyên can vua Ngô nhưng liền bị đem ra giết. Vậy là mưu sâu của vua quan nước Việt được thành tựu mỹ mãn. Ngô Phù Sai đắm chìm trong tửu sắc nên nước Ngô ngày càng suy yếu. Khi Câu Tiễn cất quân sang đánh, vua Ngô đại bại nên đành tự tử. Đến đoạn này con nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra cho người đẹp Tây Thi?

Thu: Vì đã giúp Việt vương Câu Tiễn phá nhà Ngô và trả được thù xưa, Tây Thi chắc được trọng thưởng phải không mẹ?

Mẹ: Đoạn cuối không như con tưởng. Theo sử, vợ vua Câu Tiễn không muốn thấy Tây Thi trở về nước vì sợ nàng làm khuynh đảo triều đình. Bà bèn sai người giết nàng và liệm xác xuống sông. Thật là tàn nhẫn phải không con?

Thu: Đúng là phận hồng nhan. Lẽ ra sau khi giúp nước đánh bại kẻ thù Tây Thi phải được trọng thưởng xứng đáng, đằng này chính sắc đẹp của nàng lại trở lại hại nàng.

Mẹ: Cũng có một đoạn kết khác được truyền tụng như sau: Sau khi nước Việt chiến thắng nước Ngô, Tây Thi được sum họp với người yêu xưa là Phạm Lãi. Hai người lên thuyền đi chu du thiên hạ để bù lại những ngày xa cách.

Thu: Có lẽ đoạn kết theo sử quá tàn nhẫn nên người đời đặt ra một đoạn kết có hậu hơn cho Tây Thi chăng?

Mẹ: Ngày xưa dưới chế độ quân chủ, vua nắm vận mệnh của từng người, bảo sống thì được sống, bảo chết thì phải chết. Người con gái đẹp cũng không qua định luật đó, bị tiến cung hay dùng làm con cờ chính trị như trường hợp Tây Thi thì cũng phải chấp nhận thôi.

Thu: Nhưng đời nay con không chấp nhận thuyết hồng nhan bạc mệnh. Cái đẹp là một ưu thế không riêng gì cho phái nữ mà cả phái nam nữa. Ngày nay nó giúp người ta tiến thân ngoài xã hội đặc biệt là các xã hội tân tiến nên con thấy sắc đẹp quan trọng và hữu dụng không thua gì tài năng. Mẹ có đồng ý không?

- Mẹ:** Nhưng cái đẹp thái quá hay tài năng nổi bật thường làm cho người ta trở nên chủ quan và đôi lúc có những quyết định kém sáng suốt. Có khi đó là một trong nhiều lý do khiến họ chết sớm chẳng?
- Thu:** Con không biết Tây Thi có tự nghĩ mình được may mắn lớn trong đời không, nhưng việc nàng được lịch sử nhớ đến như một trong Tứ Đại Mỹ Nhân là một hân hạnh lớn. Còn việc nàng làm nghiêng đổ cả triều đại của Ngô Phù Sai có thể ví như một chiến công hiển hách đem lại vinh quang cho xứ sở. Nếu là đàn ông con trai có lẽ nàng đã được phong quyền cao chức trọng, hưởng vinh hoa phú quý bên cạnh gia đình. Tiếc thay chỉ vì mang thân gái nàng bị ganh ghét đến độ bị bức tử. Con thấy thương xót cho Tây Thi quá mẹ ơi!
- Mẹ:** Được rồi. Giờ hãy thương mẹ nhé! Rửa cọng hành và lật bó rau này cho mẹ!

Bài tập 11

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

- Em hãy tìm hiểu về tiểu sử của Tây Thi và cho biết Tứ Đại Mỹ Nhân là những ai?
- “Mỹ nhân tự cổ như danh tướng,
Bất hứa nhân gian kiến bạc đầu.”*

Hai câu này có ý nghĩa gì? Em hãy sưu tầm tên các người đẹp nổi tiếng và viết ra thơ hoặc văn nói về người đẹp trong văn chương Việt hay Anh Mỹ.
- Điều gì cho em thấy Câu Tiễn là một người kiên nhẫn và lợi hại?
- Ngô Phù Sai mất nước vì lo chơi. Một nhà lãnh đạo phải có những đức tính gì? Ai là vua hoặc nhà lãnh đạo giỏi mà em biết?
- Có hai giả thuyết về đoạn cuối cuộc đời Tây Thi. Theo em giả thuyết nào hợp lý hơn?
- Theo nhận xét của em Tây Thi có yêu/không yêu Ngô Phù Sai? Hãy dẫn chứng.
- Em có thích mình là Tây Thi không? Tại sao? Nếu là Tây Thi, em sẽ chọn nước Việt quê mẹ hay nước Ngô quê chồng?
- Giả sử em là người có tài thuyết phục. Nếu em là Tây Thi và yêu Ngô Phù Sai, em sẽ đề nghị điều gì để đem lại hoà bình cho hai quốc gia? (Nên nhớ là Câu Tiễn đang muốn trả thù xưa.)

Giáo Dục Đa Văn Hoá

Vấn đề bạo hành trong gia đình lan tràn khắp nơi trên thế giới. Ở Mỹ có nhiều trung tâm dành cho các phụ nữ đến đó trú thân sau khi bị chồng, bạn trai, v.v... đánh đập nhưng tại một số quốc gia khác như Việt Nam, Trung Hoa, Kampuchea, v.v..., vấn đề thương cảm chân, hạ cẳng tay vẫn còn tồn tại.

Tục Ngữ, Ca Dao và Thành Ngữ

1. Hồng nhan đa truân.
2. Hồng nhan bạc phận.
3. Mèo mả gà đồng.
4. Phường trốn chúa.
5. Quân lộn chồng.
6. Thấp cổ bé miệng.
7. Ngâm đắng nuốt cay.
8. Mạnh được yếu thua.
9. Cá lớn nuốt cá bé.
10. Cường hào ác bá.
11. Tai vách mạch rừng.
12. Vui hoa dập liễu.
13. Cay đắng tình đời.
14. Hận đời đen bạc.
15. Thương căng chân, hạ căng tay.
16. Thịt nát xương tan.
17. Miệng nhà quan có gang có thép.
18. Nhà giàu đứt tay bằng ăn mày đồ ruột.
19. Vì sông nên phải lụy thuyền,
Chớ như đường liền, ai phải lụy ai?

Bài Đọc Thêm

Phẩm Luận Về Những Cây Đàn Trong Truyện Kiều



Thúy Kiều, nhân vật chính trong tác phẩm *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, nổi tiếng là người vừa đẹp vừa tài, nhất là nàng có khả năng chơi nhiều nhạc cụ. Tuy nhiên, có nhiều ý kiến khác nhau về những cây đàn nàng chơi, chẳng hạn như “hồ cầm” trong câu “*Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương*”.

Có người cho rằng hồ cầm trong câu thơ trên là một loại đàn của người Hồ, trong khi tác giả bài này cho rằng hồ cầm trong trường hợp này là một bản đàn bạc mệnh, diễn tả sự kiện nàng Chiêu Quân bị cống cho rợ Hồ, lúc qua biên giới Nhạn Môn Quan thì nàng Chiêu Quân nhớ nhà quá bèn mang đàn ra đàn. Từ cái tích ấy, hồ cầm là bản nhạc bạc mệnh, một bản nhạc nói lên cái phận bạc bẽo của người đàn bà là Chiêu Quân. Mà nàng Kiều đàn bản hồ cầm này thì thật là hay, ăn đứt người khác, “một trương” đây là một bản nhạc. Trương hay chương hay xoang là một phiên khúc.

Cũng có phiên bản cho rằng câu thơ này là “*Nghề riêng ăn đứt hồ cầm Ngại Trương*”, trong đó Ngại Trương là tên một người chơi đàn rất giỏi và Thuý Kiều được ví là chơi đàn giỏi hơn cả người này.

Tuy nhiên, hồ cầm còn là danh từ chỉ các nhạc cụ của người Hồ (Hung Nô) nói chung như nhị hồ 2 dây, tỳ bà bốn dây, đàn đá 32 miếng. Chữ hồ cầm này na ná như rượu Bồ Đào (của người Bồ Đào Nha), Tây ban cầm (đàn của người Tây Ban Nha). Hồ cầm không xác định rõ ràng một loại nhạc cụ nào, chỉ là một danh từ chung chung mà thôi. Cũng như hồ mã (là ngựa hồ) nhưng ngựa hồ có rất nhiều loại chân cao, chân thấp, có loại thiên lý mã, có loại kéo xe, có loại chuyên leo núi.

Còn cái đàn cầm tên thường gọi là huyền cầm, hay cổ cầm vì nó được tạo ra từ thời thượng cổ. Nhạc khí này tục truyền do Phục Hy chế ra bằng ba thứ gỗ độc đáo là cây ngô đồng, cây tử và cây tử đàn (xem tập Niệm Thư, trang 141, của Minh Đức Hoài Trinh). Đàn cầm dài ba xích 6 thốn 6 phân, tượng trưng cho 366 ngày, tức là một năm. Trên tròn xem như bầu trời, dưới vuông như mặt đất: lòng đàn rộng dưới có bốn chân nhỏ, trên mặt đàn có hai lỗ gọi là “Long trì phượng chiếu” có nghĩa là hồ của rồng và ao của phượng.

Cầm (cây đàn) được chia ra năm loại: nhất huyền, tam huyền, ngũ huyền, thất huyền và cửu huyền. Cả năm cây đàn đều mang dương số, là số lẻ. Chẳng hạn đàn của Bá Nha phải là đàn ngũ huyền, trong đó 13 phím đàn tượng trưng cho ngũ cung: cung, thương, giốc, trủy, vũ và ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. (xem Niệm Thư, trang 142-MĐHT)

Ngoài đàn dương ra, lại còn đàn âm như nhị huyền (đàn hồ hay nhị hồ), tứ huyền (tức đàn tỳ bà), lục huyền, thập lục và thạch cầm (đàn đá có đến 32 miếng đá thay cho dây đàn).

Bây giờ trở lại vấn đề là “Kiều chơi cây đàn gì?”

Lần thứ nhất ở nhà Kim Trọng:

Câu 396 *Rằng nghe nổi tiếng cầm đài,
Nước non luống những lắng tai Chung Kỳ,
Thưa rằng tiện kỹ sá chi,
Đã lòng dây đến dây thì phải vâng,
Hiên sau treo sẵn cầm trăng.*

Vậy thì lần này nàng Kiều chơi “cầm trăng”, tức nguyệt cầm là đàn nguyệt. Theo từ điển của LM Anthony Trần Văn Kiệm là đàn bốn dây có bầu tròn đẹp. Đàn này có hai dây vũ và hai dây văn, có nghĩa là có hai dây to và hai dây nhỏ:

*So dần dây vũ dây văn,
Bốn dây to nhỏ theo vần cung thương.*

Nàng đàn nhiều bản, nhiều khúc đại khái như: *Khúc Hán Sở, Khúc Tư Mã Tương Như, Khúc Kê Khang, Khúc Quảng Lăng*, v.v...

Lần thứ hai nàng Kiều chơi đàn trong hoàn cảnh Hoạn Thư ghen, bắt cóc nàng về làm con hầu và bắt nàng phải đàn cho Thúc Sinh nghe:

Câu 1496 *Phải đêm êm ả chiều trời,
Trúc tơ hỏi đến nghề chơi mỗi ngày.*

Trúc tơ, hay trúc ty cũng vậy, ý nói cây sáo làm bằng ống trúc, nghĩa là lần này thì nàng Kiều thổi ống trúc:

Câu 1498 *Nĩ non thánh thót dễ say lòng người.*

Lần thứ ba thì Hồ Tôn Hiến bắt nàng đàn, sau khi đã bắn chết Từ Hải:

Câu 2056 *Giờ say lại ép cung đàn nhật tâu,
Một cung gió thảm mưa sầu,
Bốn dây rõ máu năm đầu ngón tay.*

Kỳ này thì nàng Kiều chơi loại đàn bốn dây, là loại tứ huyền, không rõ nguyệt cầm hay tỳ bà.

Lần thứ tư là Kiều và Kim Trọng tái hợp. Kim Trọng đề nghị Kiều đàn cho chàng nghe:

Tình xưa lai láng khôn hàn,

Thong dong hỏi lại ngón đàn ngày xưa.

Ngón đàn ngày xưa là ngón đàn nguyệt cầm rồi.

Trước sau nàng Kiều chơi đàn bốn lần: hai lần là đàn nguyệt, một lần là thổi sáo và một lần nữa không biết là đàn gì? Chỉ biết là bốn dây.

Theo *Chu Vương Miện*

Bài 5



Ngày Sum Hạp

3035. Nàng rằng: “Chút phận hoa rơi,
Nửa đời nếm trải mọi mùi đắng cay.
Tính rằng mặt nước chân mây,
Lòng nào còn tưởng có rày nữa không?
Được rày **tái thế tương phùng**.
3040. Khát khao đã thoả tấm lòng lâu nay!
Đã đem mình bỏ **am mây**,
Tuổi này gởi với cỏ cây cũng vừa.
Mùi thiền đã bén muối dưa,
Màu thiền ăn mặc đã ưa nâu sồng.
3045. Sự đời đã **tắt lửa lòng**,
Còn chen vào **chốn bụi hồng** làm chi!
Dở dang nào có hay gì,
Đã tu, tu trót, qua thì, thì thôi!”
- ...
- Chàng rằng: “Nói cũng lạ đời,
Dẫu lòng kia vậy, còn lời ấy sao?
3085. Một lời đã trót **thâm giao**,

- Dưới dày có đất, trên cao có trời!
 Dầu rằng **vật đổi sao dời**,
 Từ sinh cũng giữ lấy lời **tử sinh**!
 Duyên kia có phụ chi tình,
3090. Mà toan sẽ gánh chung tình làm hai?”
 Nàng rằng: “**Gia thất duyên hài**,
 Chút lòng **ân ái**, ai ai cũng lòng.
 Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,
Hoa thơm phong nhụy, trăng vòng tròn gương.
3095. Chữ **trinh** đáng giá nghìn vàng,
Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa.
 Thiếp từ **ngộ biến** đến giờ,
Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa.
 Bấy chầy, **gió táp, mưa sa**,
3100. Mấy trăng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn.
 Còn chi là cái hồng nhan,
 Đã xong thân thế, còn toan nỗi nào?
 Nghĩ mình chẳng hổ mình sao,
 Dám đem **trần cầu** dự vào **bố kinh**!
3105. Đã hay chàng nặng vì tình,
 Trông hoa đèn, chẳng thẹn mình lấm ru!
 Từ rày khép cửa phòng thu,
 Chẳng tu thì cũng như tu mới là!
 Chàng dù nghĩ đến tình xa,
3110. Đem tình **cầm sắt** đổi ra **cầm cò**.
 Nói chi kết tóc xe tơ,
 Đã buồn cả ruột, lại dơ cả đời!”
 Chàng rằng: “Khéo nói nên lời,
 Mà trong lẽ phải có người có ta!
3115. Xưa nay trong đạo đàn bà,
 Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường,
 Có khi biến, có khi thường,
 Có quyền, nào phải một đường chấp kinh?
 Như nàng lấy **hiếu** làm trinh,
3120. Bụi nào cho đục được mình ấy vay?
 Trời còn để có hôm nay,
 Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời.
 Hoa tàn mà lại thêm tươi,
 Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.

3125. Có điều chi nữa mà ngờ,
Khách qua đường để hững hờ **chàng Tiêu!**”

...

3211. Nàng rằng: “Vì chút nghề chơi,
Đoạn trường tiếng ấy hại người bấy lâu!
Một phen **tri kỷ** cùng nhau,
Cuốn dây từ đây, về sau cũng chừa.”

3215. Chuyện trò chưa cạn tóc tơ,
Gà đã gáy sáng, trời vừa rạng đông.
Tình riêng chàng lại nói sông,
Một nhà ai cũng lạ lòng khen lao.
Cho hay **thục nữ** chí cao,

3220. Phải người sớm muộn, tối đảo như ai?
Hai tình vẹn về hoà hai,
Chẳng trong **chăn gối**, cũng ngoài **cầm thơ**.
Khi chén rượu, khi cuộc cờ,
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.

3225. **Ba sinh** đã **phỉ mूर्** **nguyên**,
Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy.

...

3241. Ngẫm hay muôn sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.
Bắt **phong trần**, phải phong trần,
Cho **thanh cao**, mới được phần thanh cao.

3245. Có đâu **thiên vị** người nào,
Chữ tài, chữ **mệnh**, đòi dào cả hai,
Có tài, mà cậy chi tài,
Chữ tài liền với chữ tai một vần!
Đã mang lấy **ngiệp** vào thân,

3250. Cũng đừng trách lẫn Trời gần Trời xa!
Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ **tâm** kia mới bằng ba chữ tài!

Từ Vựng

1. **tái thế tương
phùng**

được sống lại mà gặp nhau

*to come back to life
and reunite*

2. **am mây**

(dt.): ngôi chùa ở chỗ núi non thường có
mây che phủ

*(literally, a temple in
the clouds), a
secluded Buddhist
temple* (n.)

3. mùi thiền	(dt.):	cách ăn ở chùa, ý nói đời sống tu hành ở chùa	<i>food eaten in Buddhist temples</i>	(n.)
4. màu thiền	(dt.):	cách mặc ở chùa, thường là màu lam và nâu	<i>attire (brown or gray color) worn in Buddhist temples</i>	(n.)
5. lửa lòng	(dt.):	dục vọng, sự ham muốn	<i>desire</i>	(n.)
6. chôn bụi hồng	(dt.):	con đường tình ái	<i>love matters</i>	(n.)
7. thâm giao	(dt.):	giao ước sâu sắc với nhau	<i>to vow seriously</i>	(v.)
8. vật đổi sao dời	(dt.):	sự biến đổi	<i>(things change and stars shift their courses) changes in life</i>	(n.)
9. tử sinh	(dt.):	chết và sống	<i>death and life</i>	(n.)
10. gia thất	(dt.):	nhà cửa, nghĩa bóng là vợ chồng	<i>family, household</i>	(n.)
11. duyên hài	(dt.):	duyên vợ chồng hoà hợp với nhau	<i>living in love and harmony</i>	(n.)
12. ân ái	(dt.):	tình thương yêu	<i>love</i>	(n.)
13. hoa thơm phong nhụy	(từ ngữ):	cái hoa mới nở, nhụy còn ở trong bao, ý chỉ người con gái còn trong trắng	<i>being virgin</i>	(phrase)
14. trăng vòng tròn gương	(từ ngữ):	trăng vòng là vành trăng; tròn gương là mặt trăng tròn. Ý nói người con gái còn trong trắng.	<i>being virgin</i>	(phrase)
15. đuốc hoa	(dt.):	cái đuốc hay cái đèn thắp trong đêm hợp cẩn (tân hôn)	<i>candles lighted in a nuptial chamber</i>	(n.)
16. ngộ biến	(dt.):	gặp biến cố, gặp gia biến	<i>to encounter accidents</i>	(v.)
17. ong qua bướm lại		như cái hoa đã bị những con ong hay bướm hút nhụy, chỉ người phụ nữ đã trải qua tay nhiều người đàn ông.	<i>flowers attacked by bees and butterflies, women passed through many men</i>	

18. gió táp mưa sa		ví vớ cái thân bị mưa gió đập vùi	<i>lashed by rain and swept by wind, suffered the ups and downs of life</i>	
19. trần cấu	(dt.):	bụi bặm và cấu ghét, ám chỉ cái thân nhơ nhớp	<i>mire, mud, vileness</i>	(n.)
20. bổ kinh	(dt.):	do chữ “kinh thoa bổ quần” là cái thoa bằng gai, cái quần bằng vải, chỉ người vợ hiền. Vì xưa nàng Mạnh Quang là vợ Lương Hồng đời Hậu Hán chỉ dùng đồ ấy	<i>good wife, virtuous wife</i>	(n.)
21. cầm sắt	(dt.):	đàn cầm và đàn sắt hoà thanh với nhau, ám chỉ tình vợ chồng	<i>lute and lyre, symbol of conjugal love; marriage</i>	(n.)
22. cầm cờ	(dt.):	đàn và cờ, ý nói tình bạn bè	<i>lute and chess, symbol of friendship</i>	(n.)
23. trinh	(dt.):	tiết hạnh của người đàn bà chỉ chung thủy với một người	<i>chastity</i>	(n.)
24. chàng Tiêu	(dt.):	tức Tiêu Lang. Tiêu Lang có vợ là Lục Châu bị bắt dâng cho Quách Tử Nghi. Từ đó Tiêu Lang gặp vợ cứ làm ngơ như khách qua đường vì sợ Tử Nghi giết.	<i>Hsiao</i>	(n.)
25. tri kỷ	(dt.):	người hiểu biết lòng bạn mình	<i>soul mate</i>	(n.)
26. thục nữ	(dt.):	người đàn bà hiền lành, thuần hậu	<i>virtuous women</i>	(n.)
27. chăn gối	(dt.):	đời sống vợ chồng	<i>living as husband and wife, connubial life</i>	(n.)
28. ba sinh	(dt.):	ba kiếp chuyển sinh: quá khứ, hiện tại, và vị lai	<i>(Buddhist belief) three spans of life: the present, past, and future</i>	(n.)
29. phỉ	(đt.):	thoả mãn	<i>to be completely satisfied</i>	(v.)

30. mười nguyên	(dt.):	mười lời thề nguyện. Âm chỉ mọi lời thề nguyện	<i>all vows</i>	(n.)
31. phong trần	(đt.):	trải qua những sự vất vả	<i>to endure hardship</i>	(v.)
32. thanh cao	(dt.):	sự trong sạch, cao quý	<i>being noble; purity</i>	(n.)
33. thiên vị	(đt.):	tỏ ra không công bằng	<i>to be partial, biased, showing favor to someone</i>	(v.)
34. mệnh	(dt.):	vận số do trời định	<i>fate, destiny</i>	(n.)
35. nghiệp	(dt.):	theo đạo Phật, nghiệp là kết quả những điều mà một người làm nên trong một đời	<i>karma</i>	(n.)
36. thiện căn	(dt.):	gốc của điều thiện	<i>root of innate goodness</i>	(n.)
37. tâm	(dt.):	lòng	<i>soul, heart, mind, feelings</i>	(n.)

Bài tập 1

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **vật đổi sao dời, khát khao, bụi hồng, mùi thiền, thâm giao, cầm cờ**.

1. Từ bấy lâu nay, Thiên _____ được về thăm quê hương.
2. Quen với _____, Thuý Kiều không muốn trở về chốn _____.
3. Dẫu rằng _____, tình yêu của Kim Trọng với Thuý Kiều vẫn còn nguyên vẹn như xưa.
4. _____ là thú vui thanh cao của các nhà nho thời xưa.
5. Sau bao nhiêu năm không gặp, đôi bạn _____ nói chuyện sáng đêm.

Bài tập 2

Đặt câu với mỗi từ sau đây:

- | | |
|---------------|--------------|
| 1. đấng cay | 6. thanh cao |
| 2. am mây | 7. nghiệp |
| 3. thâm giao | 8. tài |
| 4. hững hờ | 9. mệnh |
| 5. phong trần | 10. thiên vị |

Bài tập 3

Ghép mỗi từ ở cột A với định nghĩa thích hợp ở cột B.

A	B
1. chốn bụi hồng	a. sự biến đổi
2. thâm giao	b. giao ước sâu sắc với nhau
3. vật đổi sao dời	c. chỗ bụi bặm, chỉ cuộc đời náo nhiệt, bấp thỉu
4. gia thất	d. nhà cửa; nghĩa bóng là vợ chồng
5. ân ái	e. tiết hạnh của người đàn bà chỉ chung thủy với một người
6. cầm sắt	g. đàn cầm và đàn sắt hoà thanh với nhau, ám chỉ tình vợ chồng
7. trình	h. tình yêu thương
8. tri kỷ	i. người hiểu biết lòng bạn mình
9. thực nữ	k. vận số do trời định
10. chẵn gối	l. người đàn bà hiền lành, thuần hậu
11. phong trần	m. cuộc đời vất vả, lăn lộn nhiều
12. thanh cao	n. trong sạch, cao quý
13. thiên vị	o. theo đạo Phật, kết quả những điều mà một người đã làm trong đời
14. mệnh	p. tỏ ra không công bình
15. nghiệp	q. đời sống vợ chồng

Bài tập 4

Tìm từ đồng nghĩa với những từ sau đây:

1. đắng cay	=	_____
2. khát khao	=	_____
3. tương phùng	=	_____
4. bụi hồng	=	_____
5. thâm giao	=	_____
6. ân ái	=	_____
7. hồng nhan	=	_____
8. hững hờ	=	_____
9. thanh cao	=	_____
10. phong trần	=	_____

Bài tập 5

Tìm từ phản nghĩa với những từ sau đây:

1. đắng cay	≠	_____
2. dở dang	≠	_____
3. chung tình	≠	_____
4. xấu xa	≠	_____
5. khuyết	≠	_____
6. thiên vị	≠	_____

- | | | |
|----------------|---|-------|
| 7. thâm giao | ≠ | _____ |
| 8. tương phùng | ≠ | _____ |
| 9. hững hờ | ≠ | _____ |
| 10. dồi dào | ≠ | _____ |

Phân Tích

A. Văn thể: Thơ lục bát.

B. Giọng thơ: Thuyết phục, truyền cảm.

C. Tình tiết: Kim Trọng gặp lại Thuý Kiều và hàn huyên tâm sự.

D. Nhân vật: Thuý Kiều và Kim Trọng

E. Bố cục: Đoạn này có thể chia làm sáu phần:

Phần 1: “*Nàng rằng: Chút phận hoa rơi...Đã tu, tu trót, qua thì, thì thôi.*”

- Thuý Kiều bày tỏ lòng mình với Kim Trọng: Lửa lòng cô đã tắt. Cô chỉ muốn tiếp tục đời sống tu hành đạm bạc của mình.

Phần 2: “*Chàng rằng: Nói cũng lạ đời...Mà toan sẽ gánh chung tình làm hai.*”

- Kim Trọng khuyên Thuý Kiều nên giữ lời thề ước ngày xưa.

Phần 3: “*Nàng rằng: Gia thất duyên hài...Đã buồn cả ruột, lại dơ cả đời.*”

- Thuý Kiều đưa lý do thân mình không còn xứng đáng với Kim Trọng nữa.

Phần 4: “*Chàng rằng: Khéo nói nên lời...Khách qua đường để hững hờ chàng Tiêu.*”

- Kim Trọng thuyết phục Thuý Kiều nên nói lại tình xưa.

Phần 5: “*Nàng rằng: Vì chút nghề chơi... Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy.*”

- Kim Trọng và Thuý Kiều chuyển tình yêu qua tình bạn.

Phần 6: “*Ngẫm hay muôn sự tại trời... Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.*”

- Theo Nguyễn Du, con người không tránh thoát được định mệnh của mình, phải lãnh nghiệp quả của mình tạo ra và không nên oán trời trách đất.

G. Đại ý: Cuộc tình éo le do định mệnh an bài.

H. Giải thích:

3037. “*Tĩnh rằng mặt nước chân mây,
Lòng nào còn tưởng có rày nữa không?*”

- Đã xa cách ngàn trùng, đâu ngờ có ngày hôm nay.

3043. “*Mùi thiền đã bén muối dưa,
Màu thiền ăn mặc đã ưa nâu sòng.
Sự đời đã tắt lửa lòng,
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi!*”

- Thuý Kiều đã quen với nếp sống đạm bạc ở chùa. Cô không còn ham muốn đời sống trần tục nữa.

3087. “*Dẫu rằng vật đổi sao dời,
Tử sinh, cũng giữ lấy lời tử sinh!*”

- Dẫu cho cuộc đời có biến đổi, ta cũng giữ lời thề sống chết với nhau trọn đời.

3091. *Nàng rằng: “Gia thất duyên hài,
Chút lòng ân ái, ai ai cũng lòng.”*
- Nàng nói rằng: Ai chẳng muốn có gia đình hoà hợp và có tình yêu thương.
3093. *“Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,
Hoa thơm phong nhụy, trắng vòng tròn gương.
Chữ trinh đáng giá nghìn vàng,
Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa.”*
- Khi lập gia đình người vợ phải còn trinh trắng mới không hổ thẹn với chồng.
3097. *“Thiếp từ ngộ biến đến giờ,
Ông qua bướm lại đã thừa xấu xa.
Bấy chầy, gió táp, mưa sa,
Mấy trắng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn.”*
- Từ khi gặp tai biến đến giờ Thuý Kiều qua tay nhiều người đàn ông, thân cô bị vùi dập và tàn tạ. (trắng khuyết đồng nghĩa với hoa tàn)
3104. *“Dám đem trần cấu dự vào bố kinh!”*
- Đâu dám đem thân ô uế này làm người vợ hiền!
3109. *“Chàng dù nghĩ đến tình xa,
Đem tình cầm sắt đổi ra cầm cò.”*
- Nếu chàng nghĩ đến tình xưa thì hãy chuyển tình yêu vợ chồng thành tình bạn bè.
3126. *“Khách qua đường để hững hờ chàng Tiêu!”*
- Tiêu lang, chồng cũ của Lục Châu. Khi Lục Châu bị bắt làm vợ quan lớn Quách Tử Nghi, mỗi khi gặp lại nàng thì Tiêu lang phải giả vờ lãnh đạm vì sợ Quách Tử Nghi giết. Câu trên là lời Kim Trọng nói Thuý Kiều đừng có ép chàng phải xử sự như chàng Tiêu vậy.
3222. *Chẳng trong chăn gối, cũng ngoài cầm thơ.*
- Không thể làm vợ chồng nhưng có thể làm bạn.
3225. *Ba sinh đã phỉ mười nguyên,*
- Mọi lời nguyên đã được thoả mãn.
3247. *Có tài, mà cậy chi tài?
Chữ tài liền với chữ tai một vần!*
- Không nên ỷ vào cái tài của mình. Nếu có tài mà không có đức, như con ngựa không cương, không biết kiềm hãm để làm điều bất chính thì sẽ sinh ra tai hoạ.
3249. *Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn Trời gần, Trời xa!*
- “Mệnh” trong Nho giáo là số phận do Trời định sẵn cho mỗi người, không ai thay đổi được. Trái lại, “nghiệp” trong Phật giáo là kết quả của việc chúng ta đã làm ở kiếp trước, nghĩa là do chúng ta tự quyết định lấy; Trời cũng không giúp đỡ được.
“Mỗi cái nghiệp là quả của kiếp trước và lại làm cái nhân cho kiếp sau.” Như

vậy, cứ nhìn xem những gì ta nhận được ở đời này (*quả*) thì ta sẽ biết được những gì chúng ta đã làm ở kiếp trước (*nhân*).

Đã làm người thì có *thân* tức là có *ngiệp* rồi. *Thân* và *ngiệp* đeo đẳng nhau như hình với bóng.

3251. *Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài!*

- Tâm, tức là lòng trong sạch, hướng về nhân nghĩa (thiện căn: gốc của điều thiện). Giữ cái *tâm* tức là giữ cái *đức* để cho nhẹ *ngiệp* ở kiếp sau. Có tài nhiều mà thiếu đức thì hay làm bậy khiến cho *ngiệp* nặng thêm. *Tâm* đây tức là thiện tâm, quan trọng hơn *tài* rất nhiều. Có tài mà giết người, trộm cướp thì tài mà làm gì? Tư tưởng này gần giống câu cách ngôn: “Tiên học lễ, hậu học văn.” Tiên học lễ có nghĩa lo tu dưỡng đạo đức trước, để lấy cái “đức” làm nền móng. Hậu học văn có nghĩa học các môn mở mang trí thức: khoa học, xã hội, v.v... sau. Khi đã có một căn bản đạo đức vững chắc rồi thì trong suốt cả cuộc đời, cho dù có chết, cũng không bao giờ làm điều gì thất nhân tâm, trái đạo lý.

Ngữ Pháp

Cấu trúc: Khi... khi...

Xét hai câu thơ sau đây:

“**Khi** chén rượu, **khi** cuộc cờ,
Khi xem hoa nở, **khi** chờ trăng lên.”

Từ **khi** được lặp đi lặp lại để kể lại những sự việc đã từng xảy ra trong quá khứ.

Bài tập 6

Viết năm câu với cấu trúc “**khi... khi...**” kể lại sinh hoạt của hai người bạn học cùng trường, cùng lớp. Dùng các từ như: **học Anh văn, xem xi nê, đá bóng, làm Toán, buồn bực, thi rớt, đi dạo phố, tắm sông, thi đậu, chán nản, v.v...**

Bài tập 7

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **khi, làm luận, tiếng Việt, đọc, làm, viết, đọc sách, đọc báo Việt.**

1. Khi _____ Toán, _____ chép bài, tôi luôn luôn cần đến cây bút chì.
2. Cuốn từ điển rất cần cho tôi khi _____ cũng như khi _____.
3. Khi _____ thư cho ông bà nội ở quê nhà cũng như khi _____, chúng ta đều cần đến _____.
4. Khi _____ cũng như khi _____, tiếng Việt vừa sâu sắc về nghĩa vừa dồi dào về âm điệu.

Bài tập 8

Những từ *in nghiêng* trong các câu dưới đây ám chỉ điều gì? (Xem lại Ngữ Pháp bài Trên Đồi, Nửa Chừng Xuân)

- Nàng rằng: “Chút phận *hoa rơi*, (1)
Nửa đời nếm trải mọi *mùi đắng cay*. (2)
Tĩnh rằng mặt nước chân mây,
Lòng nào còn tưởng có rày nữa không?
Được rày tái thể tương phùng.
Khát khao đã thoả tấm lòng lâu nay!
Đã đem mình bỏ *am mây*, (3)
Tuổi này gởi với cỏ cây cũng vừa.
Mùi thiên đã bén muối dưa,
Màu thiên ăn mặc đã ưa nâu sồng.
Sự đời đã *tắt lửa lòng*, (4)
Còn chen vào chốn *bụi hồng* làm chi! (5)
Dở dang nào có hay gì,
Đã tu, tu trót, qua thì, thì thôi!
... Ông qua *bướm* lại đã thừa xấu xa. (6)
Bấy chầy *gió táp mưa sa*. (7, 8)
Mấy *trăng* cũng khuyết, mấy *hoa* cũng tàn.” (9, 10)

Bài tập 9

Dựa theo hai câu ví dụ trong bài học, làm hai câu thơ lục bát với cấu trúc “**Khi... khi...**”.

Độc Hiểu

Bài tập 10

Trả lời những câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Thuý Kiều có muốn nối lại tình yêu với Kim Trọng hay không?
2. Thuý Kiều nêu lên lý do gì để từ chối Kim Trọng?
3. Kim Trọng có phải là người chung thủy không? Tại sao?
4. Kim Trọng có phải là người bảo thủ không? Dẫn chứng.
5. Giải thích hai câu thơ:
“*Sự đời đã tắt lửa lòng,
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi!*”
6. Giải thích hai câu thơ:
Nàng rằng: “*Gia thất duyên hài,
Chút lòng ân ái ai ai cũng lòng.*”
7. Giải thích hai câu thơ:
“*Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,
Hoa thơm phong nhụy, trăng vòng tròn gương.*”

8. Giải thích hai câu thơ:

*“Nghĩ mình chẳng hổ mình sao,
Đám đem trần cấu dụi vào bố kinh!”*

9. Sự trinh tiết của người con gái vào thời của Nguyễn Du có quan trọng không? Tại sao?
10. Thuý Kiều tự đánh giá mình là người đàn bà như thế nào?
11. Câu thơ nào dẫn chứng Nguyễn Du dùng thuyết tài mệnh tương đố?
12. Câu thơ nào dẫn chứng Nguyễn Du dùng thuyết định mệnh của Nho giáo?
13. Câu thơ nào dẫn chứng Nguyễn Du dùng thuyết nhân quả của đạo Phật?

Tập Làm Văn

Khi gặp lại Thuý Kiều, Kim Trọng muốn nói lại duyên xưa nhưng Thuý Kiều đã từ chối. Theo em, ai đúng? Ai sai? Hãy viết một bài văn trình bày ý kiến của em.

Nói Với Nhau

- Duyên:** Cuối cùng thì Thuý Kiều cũng đoàn tụ với gia đình.
- Mai:** Nhưng cuộc đời Thuý Kiều có quá nhiều khổ đau, ngang trái, nên chỉ muốn đi tu thôi.
- Duyên:** Khi Thuý Kiều trở về mái nhà xưa thì Kim Trọng đã lập gia đình với Thuý Vân rồi.
- Mai:** Hơn nữa, ngày xưa người ta coi trọng trinh tiết của người con gái, Thuý Kiều nghĩ mình đã thất thân với nhiều người thì còn mặt mũi nào mà trở lại với Kim Trọng.
- Duyên:** Nghĩ cũng lạ. Kim Trọng ở vào thời phong kiến mà suy nghĩ cũng “thoáng” ghê. Kim Trọng nói:
- “Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường.”*
- Mai:** Ừ, Kim Trọng còn nói rằng sự trong trắng của tâm hồn mới quan trọng. Kim Trọng bảo Thuý Kiều đã hy sinh cho gia đình thì không gì có thể sánh bằng.
- “Như nàng lấy hiếu làm trinh,
Bụi nào cho đục được mình ấy vay?”*
- Duyên:** Nghĩ cho sâu, quan niệm của Nguyễn Du thật cởi mở. Ông đưa suy nghĩ của mình gắn ghép vào nhân vật.
- Mai:** Mình đồng ý với bạn. Văn tức là người, qua tác phẩm *Truyện Kiều*, ta có thể thấy được quan niệm của Nguyễn Du về thuyết Thiên Mệnh, nghĩa là cuộc đời mỗi người khi sinh ra đều được ông trời định sẵn.
- Duyên:** Và thuyết Tài Mệnh Tương Đố nữa. Thuyết này nói rằng người có tài, có sắc thường gặp nhiều điều không may trong cuộc sống.

Tập Nói Chuyện

1. Theo em vì sao Thuý Kiều không muốn trở lại với Kim Trọng? Em nghĩ Thuý Kiều có quyết định đúng không?

2. Theo em, quan niệm của Kim Trọng về chữ trinh thời xưa có giống với quan niệm bây giờ không?

Tập Viết Văn

Thuyết Thiên Mệnh là thuyết gì? Em có tin vào thuyết Thiên Mệnh không?

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

Tám màn nhưng từ từ vén lên và vở kịch “Ngày Sum Hạp” bắt đầu.

- Người đàn bà:** Trời ơi, tại sao cuộc đời tôi khổ thế này. Biết vậy tôi không qua Mỹ để làm gì, thà ở lại Việt Nam cho xong.
- Người đàn ông:** Ngày trước chị cứ than thở với tôi là không được sum họp với gia đình. Nay niềm mơ ước được toại nguyện thì chị lại oán trách là tại sao?
- Người đàn bà:** Anh nghĩ coi, khi xưa lúc còn ở Việt Nam, tôi làm chủ hai căn nhà, một ở Sài Gòn, một ở Biên Hoà. Tôi lại có một khách sạn nhỏ cho thuê, lúc nào cũng có người mượn. Ngoài ra tôi lại có một cửa hàng buôn bán mỹ phẩm nên thu nhập rất khá. Còn bây giờ? Tôi không còn gì nữa, tôi đã trắng tay.
- Người đàn ông:** Tại sao vậy? Chuyện gì đã xảy ra?
- Người đàn bà:** Vào khoảng thập niên 80, con gái tôi và chồng nó vượt biển sang đây. Thú thật với anh tôi nhớ nó lắm. Vài năm sau nó giục tôi sang Mỹ đoàn tụ, tôi chần chừ thì nó cứ khấn khoản nài nỉ. Đang làm ăn phát đạt mà phải bỏ ngang tôi tiếc lắm nhưng vì thương con, cuối cùng tôi cũng xiêu lòng. Sau khi bán rẻ lại cho bạn bè các cơ sở thương mại và nhà cửa, tôi góp nhặt được khoảng hơn nửa triệu đô la để đem sang đây.
- Người đàn ông:** Vậy thì tốt quá, chị có thể an tâm sống hạnh phúc với gia đình rồi.
- Người đàn bà:** Thế còn gì phải nói. Ngày sum họp cũng là ngày tôi được biết con gái tôi làm ăn thất bại, tài sản khánh kiệt và sắp sửa mất nhà. Nó bòn mọn hết số tiền tôi mang theo để trang trải nợ nần.
- Người đàn ông:** Vậy cô ta đã trả lại chút gì cho chị chưa?
- Người đàn bà:** Không những số tiền đó biến mất mà cuộc sống thường nhật của tôi cũng thay đổi vô cùng. Anh nghĩ xem, tôi không biết lái xe nên đi đâu cũng phải nhờ cậy người khác, không như ở Việt Nam phương tiện giao thông rẻ tiền lúc nào cũng có. Con tôi đi làm nên bây giờ tôi phải nấu ăn, giặt giũ, trông cháu chẳng khác nào một con sen không công. Thật chẳng bằng với thuở còn làm bà chủ ở Việt Nam tôi có biết bao người giúp việc. Về mặt ngôn ngữ, tôi không biết tiếng Anh nên chẳng có thể kết bạn với hàng xóm được, cháu tôi thì không biết tiếng Việt nên tình bà cháu không thấm thiết như tôi hằng mong muốn. Khổ quá đi thôi.
- Người đàn ông:** Vậy thì vào ngày cuối tuần chị hãy thư giãn bằng cách lên chùa hay nhà thờ Việt Nam để có bạn mà nói chuyện hoặc tâm sự.
- Người đàn bà:** Tôi đã đề nghị nhiều lần nhưng con gái tôi không thích tôn giáo. Nó thường nói: “Cả tuần đi làm mệt mỏi, cuối tuần con cần thư giãn một chút. Mẹ đi shopping với con nhé!” Thế là nó lôi tôi đi hết thương xá này đến

cửa hàng nợ, mua sắm phung phí khiến tôi chán vô cùng. Cuộc đời tôi kể từ ngày đoàn tụ là những chuỗi ngày dài lê thê, sống ở Mỹ thì tôi không còn ham thích nữa mà về Việt Nam thì tôi xấu hổ vì giờ mình đã trắng tay. Còn anh, trường hợp anh ra sao?

Người đàn ông:

Chuyện đời tôi khá phức tạp chị à. Ngày trước nhân một chuyến đi du lịch Việt Nam tôi có quen một cô gái khá xinh xắn. Cô tên Nhung, thuộc gia đình nề nếp và có học thức. Hình như cô ta vừa tốt nghiệp xong bằng cử nhân môn Khoa Học Xã Hội thì phải. Lúc ấy tôi đang cần sự quên lãng vì Hoa, người yêu của tôi thuở ấy, và tôi cùng quyết định chia tay. Trong cái đau da diết, Nhung đến với tôi dịu dàng như một người em gái, nàng có cái hồn nhiên, trong sáng của tuổi trẻ và cái dễ tin vào một tương lai tốt đẹp, vào một Việt kiều tuy lớn tuổi nhưng đáng đáp hỷ còn khá trẻ như tôi.

Người đàn bà:

Phụ nữ thường nhạy cảm. Vậy cô ta không nhận ra tâm tình u buồn của anh sao?

Người đàn ông:

Có lẽ vì tôi giỏi đóng kịch và đồng thời lúc ấy tôi chỉ biết lao đầu vào một tình yêu mới, chị hiểu không tôi cần quên...

Người đàn bà:

Tôi đoán là sau đó anh bảo lãnh cô ta sang đây và hai người sống hạnh phúc với nhau chứ gì?

Người đàn ông:

Chị đoán không sai. Chúng tôi yêu nhau tha thiết và hình như quên cả thời gian. Nhưng rồi tình cờ tôi gặp lại Hoa tại một thương xá. Vẫn cái dáng gầy gầy tôi hằng thích, đôi mắt sâu thẳm tôi từng mê, đôi môi với nhiều mời gọi. Và tôi đã sa ngã, đã phản bội người vợ trẻ mình vừa cưới mang.

Người đàn bà:

Ốt nào là ốt chẳng cay, thế cô Nhung có ghen tuông âm ỉ lên không?

Người đàn ông:

Tôi ước gì nàng la hét, chửi rủa hay cầu xé tôi. Điều đó có lẽ đã giúp nàng vui đi nỗi đau khổ và thất vọng. Nhưng nàng vẫn dịu dàng, chịu đựng. Cho đến một ngày nọ...

Người đàn bà:

Nàng cho anh uống thuốc chuột hay là phục kích cô Hoa?

Người đàn ông:

Không, nhân lúc tôi đi làm nàng thất cổ tự tử chết. Cô ấy ra đi không một lời nhắn nhủ, không một bức thư trần tình. Như một thách đố với đời, như một thách thức với tôi.

Người đàn bà:

Và từ đó anh đã sống như nhân vật Raskolnikov trong Tội Ác Và Hình Phạt (Crime and Punishment) của Dostoevsky phải không?

Người đàn ông:

(Cười buồn, lặng thinh)

Căn phòng nhỏ trở nên mênh mông lạ và sự im lặng càng làm cho người ta cảm thấy lẻ loi hơn. Trong phút chốc hai người như cảm nhận niềm đau của nhau, quá khứ của họ hoà lẫn, những giọt lệ tuôn trào như một an ủi, một vỗ về. Người đàn ông nắm tay người đàn bà, siết nhẹ nhẹ. Ngoài kia hình như mưa đang rơi.

Cánh màn nhung từ từ buông xuống...

Bài tập 11

Trả lời những câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Trong vở kịch ngắn này, tác giả không đặt tên cho nhân vật chính. Theo em, tại sao?
2. Vấn đề của người đàn bà là gì?
3. Bà ta có giải quyết mọi sự một cách thoả đáng không? Thái độ bà ta ra sao?
4. Người đàn ông có vấn đề không? Nó khác với vấn đề của người đàn bà như thế nào?
5. Theo em tâm lý của cô Nhung như thế nào lúc còn ở Việt Nam, vào ngày sum họp, sau ngày sum họp?
6. Theo em, tại sao cô Nhung không có một phản ứng tích cực nào khi biết mình bị phản bội?
7. Nếu em là chuyên gia tâm lý hoặc cố vấn hôn nhân em sẽ giúp những người sau đây như thế nào?
 - a. Người mẹ và đứa con gái
 - b. Người đàn ông và cô vợ mới cưới tên Nhung
8. Vào đoạn cuối vở kịch có một bất ngờ. Nó là gì? Hãy cho biết ý kiến của em về hoàn cảnh mới mẻ này.

Giáo Dục Đa Văn Hoá

Thuyết Thiên Mệnh trong Nho Giáo

Thiên mệnh là mệnh Trời. Theo thuyết Thiên Mệnh trong Nho giáo, Trời được xem như một quan toà công minh, cân cân nẩy mực phán xét mọi việc.

*Ngẫm hay muôn sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.
Bắt phong trần, phải phong trần,
Cho thanh cao, mới được phần thanh cao.
Có đâu thiên vị người nào.*

Nguyễn Du

Theo thuyết Thiên Mệnh, khi sinh ra, con người đã có một số phận an bài và được định đoạt bởi Trời, đấng siêu nhiên. Trời quyết định mọi thành công hay thất bại trong đời sống con người. Trời phán xét công bằng, không thiên vị ai. Trong tác phẩm *Luận Ngữ*, thiên Nhan Uyên, Khổng Tử cho rằng: “*Tử sinh hữu mạng, phú quý tại thiên.*” (Sống chết có số mạng, giàu sang tại trời.)

Theo Nho giáo con người không thể cải được mệnh trời: “Trời kêu ai nấy dạ.” Người tin tưởng vào Nho giáo thì đặt trọn niềm tin của mình vào Trời, vào số mệnh do Trời sắp đặt. Theo Khổng Tử điều kiện để trở thành người toàn thiện là hiểu biết mệnh trời. Ông nói: “*Bất tri mạng, vô dĩ vi quân tử dã.*” (Không hiểu mệnh trời, không xứng đáng là người quân tử.)

Thuyết Nhân Quả trong Phật Giáo

Phật giáo không chủ trương con người có số mệnh và không chấp nhận số mệnh như Nho giáo mà tin vào thuyết Nhân Quả. Theo thuyết này mỗi người đều có “nghiệp” riêng của mình.

Nghiệp là nhân quả. Tạo nhân gì thì phải gặt quả ấy. Tạo nhân tốt thì được quả tốt. Tạo nhân xấu thì bị quả xấu. Ví như từ một cái hạt, nếu có đầy đủ nước, ánh sáng, và đất tốt, cây nảy mầm, lớn lên, và cho ra quả. Quả có thể ngọt hay chua tùy theo cái hạt mà ta đã gieo. Nghiệp quả như thế gọi là định nghiệp. Dầu định nghiệp có vẻ như thiên mệnh hay số mệnh nhưng định nghiệp không phải do trời ban xuống cho ai. Nó là kết quả trực tiếp từ hành động của ta. Ví như một người học trò làm biếng suốt năm, đến khi đi thi muốn thi đậu cũng khó mà thay đổi cho kịp. Khó thay đổi chứ không phải hoàn toàn không thể thay đổi. Trái lại nghiệp chưa đến lúc chín mùi, chưa đủ khả năng gây ra quả thì gọi là bất định nghiệp. Nếu muốn thay đổi thì cũng còn đủ thời giờ thay đổi được. Ví dụ như người học trò lười biếng nhưng sau một thời gian ăn năn và quyết tâm học hành chăm chỉ thì vẫn có hy vọng sẽ thi đậu.

Tựu trung Nghiệp theo Phật giáo tuy có năng lực mạnh mẽ chi phối và quyết định đời sống của chúng sinh trong hiện tại và tương lai nhưng nghiệp có thể được chuyển hoá thông qua nỗ lực tu tập và sửa đổi của cá nhân. Như vậy Nghiệp theo Phật giáo trái ngược với Thiên Mệnh theo Nho giáo. Hoàn cảnh sống con người ra sao thì chính mỗi con người tự tạo lấy, hoặc do hành động trong quá khứ, hoặc do hành động trong hiện tại. *“Đã mang lấy nghiệp vào thân. Cũng đừng trách lẫn Trời gần Trời xa.”* (Nguyễn Du).

Đặng Trần Côn

Đặng Trần Côn sống vào khoảng tiền bán thế kỷ 18, dưới triều vua Lê Dụ Tôn. Ông là người làng Nhân Mục (làng Mọc), huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông; nổi tiếng thông minh và hiếu học. Thuở thiếu thời, ông phải đọc sách dưới hầm bởi lệnh chúa Trịnh cấm đốt lửa ban đêm, vì lúc ấy trong nội thành Thăng Long thường xảy ra hoả hoạn.

Ông đậu cử nhân, làm huấn đạo. Năm 1740, đời Lê Hiến Tông, ông được thăng bổ làm tri huyện Thanh Oai (Hà Đông). Nơi đây, ông chứng kiến nhiều cảnh xuất quân, chiêu binh, lính trạm chạy tốc bài, lửa báo động cháy trên các đồn hoả hiệu. Nhưng là một quan văn, ông chú ý nhiều đến cảnh thân nhân binh lính tiễn đưa họ ra trận hay vào trại, cảnh những mẹ già, vợ trẻ của các chiến sĩ sống trong chờ đợi, lo âu. Tất cả cảnh đau thương này đã làm ông xúc động, tạo cảm hứng cho ông sáng tác *Chinh Phụ Ngâm*. Qua tác phẩm này, ai cũng công nhận văn tài của ông thật là cao siêu lỗi lạc. Nhiều tác giả nổi tiếng như Phan Huy Ích, Đoàn Thị Điểm khâm phục và dịch ra quốc âm.

Ngoài *Chinh Phụ Ngâm*, ông còn soạn: *Tiêu Tương Bát Cảnh*, *Trương Hàn Tư Thuần Tư*, *Trương Lương Bố Y*, *Khẩu Môn Thanh*, tiểu thuyết *Bích Câu Kỳ Ngộ*, v.v...

Theo Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam Văn Học Giản Ước Tân Biên*, trang 154

Bà Đoàn Thị Điểm (1705-1748)

Bà Đoàn Thị Điểm, hiệu là Hồng Hà Nữ Sĩ, biệt hiệu là Ban Tang, quê quán ở làng Hiến Phạm (còn gọi là Giai Phạm, tên nôm là làng Giũa), huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh, nay là huyện Châu Giang tỉnh Hải Hưng. Bà sinh năm Ất Dậu (1705), thời nhà Lê Trung Hưng, đời vua Lê Hy Tông. Thân phụ là Đoàn Doãn Nghi, đậu Hương Cống (Cử Nhân) năm 21 tuổi. Bà có hai người anh; một người tên Đoàn Doãn Sĩ, cùng cha khác mẹ; người anh cùng cha mẹ là Đoàn Doãn Luân. Cả hai đều nổi tiếng là văn hay, chữ tốt.

Đoàn Thị Điểm là một giai nhân đức độ, có tư cách cao thượng, văn tài lại lỗi lạc. Bà lập gia đình với ông Nguyễn Kiều, sống với chồng rất tâm đầu ý hợp, khi rảnh thường hay xướng hoạ thơ văn. Nhưng kết hôn chưa đầy một tháng thì quan Thị Lang Nguyễn Kiều được lệnh vua làm Chánh Sứ sang triều cống nhà Thanh.

Lệ thường, đi sứ như vậy trong vòng 2 năm thì trở về tới nhà, nhưng lần này, khi sứ bộ trở về tới Quảng Tây, gặp lúc dân chúng vùng này nổi lên chống nhà Thanh nên bị nghẽn đường. Sứ bộ Việt Nam phải lưu lại cả năm trời, chờ cho đến khi yên giặc.

Ngày Nguyễn Kiều đi sứ trở về, vợ chồng sum họp sau hơn 3 năm xa cách nhớ nhung, bà cho chồng xem bản diễn *Nôm Chinh Phụ Ngâm* như là bức tâm thư bày tỏ với chồng tất cả nỗi niềm thương nhớ. Nguyễn Kiều xem xong vô cùng cảm động và kính phục tài năng của vợ.

Sau đó, Nguyễn Kiều được lệnh vào Nghệ An nhậm chức. Cùng chồng ra đi, lúc thuyền đến bến Đền Sòng, nơi thờ Công Chúa Liễu Hạnh, bà bị cảm rất nặng. Bà từ trần ngày 11 tháng 9 năm Đinh Mão (1748), hưởng dương 44 tuổi.

Phan Huy Ích (1750-1822)

Ông tên thật là Phan Công Huệ, nhưng tránh kỵ húy bà chúa Chè Đặng Thị Huệ nên đổi thành Huy Ích, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1750 tại xã Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Ông là một viên quan của nhà Hậu Lê và cũng là một công thần của nhà Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam

Năm 1775 đậu Hội Nguyên, năm 1776 đậu khoa ứng chế, được vua bổ làm quan Hàn Lâm Thừa Chỉ. Năm 1780 vì chán ghét chúa Trịnh, vua Lê, xin về hưu nhưng không được chấp nhận.

Năm 1788, Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc Hà lần thứ hai, ông cùng Ngô Thì Nhậm, Vũ Huy Tấn được mời vào Phú Xuân làm nhiệm vụ ngoại giao với nhà Thanh. Vua Quang Trung phong ông làm Tả Thị Lang bộ Hộ. Năm 1790, nhận lệnh vua Quang Trung theo sứ bộ sang nhà Thanh cùng với hoàng tử Nguyễn Quang Thùy, Đại Tư Mã Ngô Văn Sở, và Đô Đốc Nguyễn Duật. Khi vua Quang Trung mất, nhà Tây Sơn suy tàn.

Năm 1803, ông về Sài Sơn ở ẩn và dạy học. Theo các nhà nghiên cứu, trong thời gian này, ông hoàn chỉnh bản dịch *Chinh Phụ Ngâm* (tác giả Đặng Trần Côn), mà người diễn Nôm đầu tiên là bà Đoàn Thị Điểm. Ông mất ngày 20 tháng 2 năm 1822, hưởng thọ 72 tuổi.

Tác phẩm

Chinh Phụ Ngâm là một đại tác phẩm do Đặng Trần Côn soạn và được bà Đoàn Thị Điểm dịch. Có một số người thì cho bản *Chinh Phụ Ngâm* đang dùng là do Phan Huy Ích dịch. Vấn đề “ai là dịch giả?” hiện đang còn bàn cãi.

Bối cảnh của *Chinh Phụ Ngâm* dựa trên cuộc phân tranh giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn. Tác phẩm gồm 412 câu song thất lục bát nói lên nỗi lòng của chinh phụ khi phải tiễn chồng ra mặt trận và lòng mơ ước một ngày đoàn tụ thanh bình.

Bài 1



Sửa Soạn Lên Đường

1. Thuở trời đất nổi cơn **gió bụi**,
Khách má hồng nhiều nỗi **truân chuyên**.
Xanh kia thăm thẳm tầng trên,
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này.
5. Trống **Tràng Thành** lung lay bóng nguyệt,
Khói **Cam Tuyền** mờ mịt thức mây.
Chín tầng gương báu trao tay,
Nửa đêm **truyền hịch**, định ngày xuất chinh.
Nước thanh bình ba trăm năm cũ,
10. Áo nhung trao, **quan vũ** từ đây.
Sứ trời sớm giục đường mây,
Phép công là trọng, **niềm tây** sá nào.
Đường giong ruổi, lưng đeo cung tiễn,
Buổi tiễn đưa, lòng bạn **thê noa**.
15. Bóng cờ, tiếng trống xa xa,
Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng.
Chàng tuổi trẻ vốn giòng **hào kiệt**,
Xếp **bút nghiên** theo việc **đao cung**.
Thành liền mong tiến **bộ rồng**,
20. Thước gương đã quyết chẳng dung **giặc trời**.
Chí làm trai **dặm nghìn da ngựa**,

- Gieo Thái Sơn nhẹ tựa **hồng mao**.
 Giã nhà đeo bức chiến bào,
 Thét roi **cầu Vị**, ào ào gió thu.
25. **Ngồi** đầu cầu nước trong như lọc,
 Đường bên cầu cỏ mọc còn non.
 Đưa chàng lòng đặc đặc buồn,
 Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.
 Nước trong chảy, lòng phiền chẳng rửa,
30. Cỏ xanh thơm, dạ nhớ chẳng **khuây**.
Nhủ rồi, tay lại cầm tay,
 Bước đi một bước, dây dây lại dừng.
 Lòng thiếp tựa bóng trăng theo dõi,
 Dạ chàng xa ngoài **cõi Thiên San**.
35. Múa gươm rượu tiễn chưa tàn,
 Chỉ ngang ngọn **dáo** vào ngàn **hang beo**.
Săn Lâu Lan, rằng theo Giới Tử,
 Tới **Man Khê**, bàn sự **Phục Ba**.
 Áo chàng đỏ tựa **ráng** pha,
40. Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.

Dịch giả Đoàn Thị Điểm

Sinh Hoạt

Nghe bài hát “Hòn Vọng Phu 1” rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Hòn Vọng Phu 1

Lê Thương

1. Lệnh vua hành quân _____ kêu dòn,
2. Quan với quân lên đường,
3. Đoàn ngựa xe cuối cùng,
4. Vừa _____ theo lối sông.
5. Phía cách quan sa _____,
6. Quan với quân lên đường,
7. Hàng cờ theo trống dòn,
8. Ngoài sườn non cuối thôn,
9. Phất phơ ngậm _____ bay.
10. Qua Thiên san kìa ai _____ rượu vừa tàn,
11. Vui ca xong rồi đi _____ binh ngoài ngàn.
12. Người đi ngoài vạn lý quan san,
13. Người đứng chờ trong _____ cô đơn.
14. Bên Man Khê còn tung gió bụi mịt _____,
15. Bên Tiêu Tương còn thương tiếc nơi nghìn trùng.
16. Người không rời khỏi kiếp gian _____,
17. Người biến thành tượng _____ ôm con.



18. Ngựa phi ngoài xa hí _____ trời,
19. Chiêng trống khua trầm hồi,
20. Ngần ngại trên núi đồi rồi _____ ra khắp nơi.
21. Phía cách quan xa vời,
22. Chiêng trống khua trầm hồi,
23. Ngần ngại trên núi đồi,
24. Rồi dậy _____ khắp nơi thăm bao niềm chia phôi.
25. Vui ra đi rồi không ước hẹn ngày về,
26. Ai quên ghi vào gan đá bao nguyện _____.
27. Nhìn chân trời xanh biếc bao la,
28. Người đứng chờ vẫn nhớ nơi xa.
29. Bao nhiêu năm bỗng con đứng đợi chồng về,
30. Bao nhiêu phen thời gian xoá _____ lời thề,
31. Người tung hoành bên núi xa xăm,
32. Người mong chồng con đứng muôn _____.

Từ Vựng

1. gió bụi	(dt.):	giặc giã	<i>dust storm, war</i>	(n.)
2. khách má hồng	(dt.):	hồng nhan, người phụ nữ	<i>woman</i>	(n.)
3. truân chuyên	(dt.):	long đong, vất vả, gian khổ	<i>hardship</i>	(adj.)
4. xanh kia	(dt.):	ông trời, trời xanh cao	<i>creator, ruler in yonder blue above</i>	(n.)
5. Tràng Thành	(dt.):	thành Tràng-An	<i>Ch'ang-an</i>	(n.)
6. Cam Tuyền	(dt.):	núi ở phía Tây Bắc Tràng An	<i>Kan-ch'uan mountain</i>	(n.)
7. chín tầng	(dt.):	cửu trùng, tức chín tầng mây, chỉ nơi ở của vua	<i>the emperor's palace</i>	(n.)
8. truyền hịch	(đt.):	gởi công văn phát ra để hiệu dụ, khuyến khích tướng sĩ	<i>to send draft order, to issue a proclamation</i>	(v.)
9. quan vũ	(dt.):	quan võ	<i>military officer, general</i>	(n.)

10. sứ trời	(dt.):	sứ vua, vua khi xưa được coi như thiên tử, con trời Thời Tam Quốc, nhà vua là thiên tử. Các nước khác đều là chư hầu.	<i>imperial Messenger</i>	(n.)
11. niềm tây	(dt.):	nỗi lòng thầm kín	<i>inmost feelings</i>	(n.)
12. thê noa	(dt.):	vợ con	<i>wife and children</i>	(n.)
13. hào kiệt	(dt.):	anh hào, anh hùng, kiệt luân	<i>hero</i>	(n.)
14. bút nghiên	(dt.):	viết mực và cái mài mực, việc học	<i>brush and inkslab</i>	(n.)
15. đao cung	(dt.):	binh đao, cung tên	<i>weapons</i>	(n.)
16. thành liên	(dt.):	những thành trì liên nhau. Ngày xưa, nước Triệu được hòn ngọc của họ Hoà, Tần Chiêu Vương xin đổi năm thành liên để lấy hòn ngọc, sau được gọi là ngọc Liên-Thành.	<i>annexed land, citadels</i>	(n.)
17. bệ rồng	(dt.):	bệ đặt ngai vua, ý nói muốn ra mắt hay gặp trực tiếp đức vua	<i>throne</i>	(n.)
18. giặc trời	(dt.):	thiên kiêu, đứa con ngang ngạnh của trời, giặc Hồ hung hăng, ngang ngược như con trời.	<i>strong enemy, Foe of Heaven's sway</i>	(n.)
19. dặm nghìn da ngựa	(dt.):	trai có chí lớn làm khanh tướng chết nơi mặt trận, lấy da ngựa bọc thân	<i>horse skin for one's shroud</i>	(n.)
20. hồng mao	(dt.):	lông hồng, coi cái chết nhẹ như lông hồng	<i>feather of flamingo</i>	(n.)
21. cầu Vị	(dt.):	cầu bắc qua sông Vị cách Hàm Dương, thủ đô nước Tần 20 dặm phía Đông Nam	<i>Wei Bridge</i>	(n.)
22. ngòi	(dt.):	(sông) ngòi, ngạch nước, khe nước	<i>brook</i>	(n.)
23. khuây	(dt.):	khuây khoả, quên đi nỗi buồn phiền trong lòng	<i>to solace, feel assuage</i>	(v.)
24. nhủ	(dt.):	dặn dò, bảo, nói với (nhủ thầm)	<i>to advise</i>	(v.)

25. cối Thiên San	(dt.):	một dãy núi ở Phụng Thiên bên Tàu, Tiết Nhân Quý đời Đường đánh Cao Ly, bắn ba phát lầy được Thiên San	<i>Thousand Peaks</i>	(n.)
26. đáo	(dt.):	vũ khí cổ, mũi nhọn bằng kim loại lắp vào cán dài, dùng để đâm	<i>lance</i>	(n.)
27. Man Khê	(dt.):	hay Ngũ Man Khê, nơi ngày xưa một nhóm rợ nổi lên chống nhà Đông Hán, Trung Quốc.	<i>(Wu) Hsi Man</i>	(n.)
28. Phục Ba	(dt.):	kèm chế được sóng gió, chỉ Mã Viện, người dẹp được rợ Man Khê, được phong chức Phục Ba tướng quân.	<i>Fu-Po</i>	(n.)
29. hang beo	(dt.):	nơi trăn mạc nguy hiểm. Ban Siêu đời Hán có câu: bắt nhập hổ huyết, an đắc hổ tử (Không vào hang hổ, sao bắt được hổ con.) Ban Siêu và 36 người vào trại giặc ban đêm, hạ được nhiều địch quân.	<i>lair of wild beasts</i>	(n.)
30. săn Lâu Lan		vua xứ Đại Uyển, tên Lâu Lan giết sứ giả nhà Đường. Tướng Phó Giới Tử nhà Đường dùng mưu bắt được Lâu Lan đem dâng cho vua Đường.	<i>pursuing Lou-lan</i>	
31. ráng	(dt.):	mây đỏ buổi chiều	<i>sunglow from the clouds</i>	(n.)

Bài tập 1

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **hồng mao, truân chuyên, khách má hồng, hịch, khuây, niềm tây, Trảng Thành, thê noa, bệ rồng, nhũ.**

1. Thuý Kiều, Đạm Tiên, và Ngọc Lan là _____ cho nên bạc mệnh.
2. Mẹ em đã vất vả _____ buôn bán tảo tần để nuôi em đi học thành người.
3. Khi có chuyện khẩn cấp, vua Tần sai lính đánh trống _____ để thông báo cho các chư hầu.
4. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đã truyền _____ để khích động lòng yêu nước của toàn dân.
5. Dù yêu chồng tha thiết, chinh phụ đã quên _____ để chồng đi xa đánh giặc.
6. Khi vào chầu vua, mọi vị quan đều phải quỳ trước _____.
7. Danh tướng Nguyễn Khoa Nam đã tự tử chết không để giặc bắt, ông coi cái chết nhẹ tựa _____.

8. Để quên cảnh nhà sa sút, bà Đoàn thị Điểm chăm chú vào thơ văn để _____ khoảng.
9. Trước khi ra trận, người chinh phụ khuyên _____ chồng nên bảo trọng thân thể.
10. Ngoài mặt tỏ ra không vương bận _____ nhưng thật ra lòng chinh phụ cũng có phần nào lo lắng.

Bài tập 2

Tìm từ phản nghĩa với những từ sau đây:

- | | | |
|------------------|---|-------|
| 1. cơn gió bụi | ≠ | _____ |
| 2. khách má hồng | ≠ | _____ |
| 3. bóng nguyệt | ≠ | _____ |
| 4. truân chuyên | ≠ | _____ |
| 5. quan vũ | ≠ | _____ |
| 6. đao cung | ≠ | _____ |
| 7. thanh bình | ≠ | _____ |
| 8. tiễn đưa | ≠ | _____ |
| 9. phép công | ≠ | _____ |

Bài tập 3

Đặt câu với mỗi từ sau đây:

- | | |
|------------------|---------------|
| 1. cơn gió bụi | 6. đao cung |
| 2. khách má hồng | 7. chinh phu |
| 3. bóng nguyệt | 8. thanh bình |
| 4. xuất chinh | 9. tiễn đưa |
| 5. quan vũ | 10. hào kiệt |

Phân Tích

A. Văn thể: Bài này làm theo thể song thất lục bát.

B. Bố cục: Bài này chia làm ba đoạn:

- **Đoạn một** (câu 1 - 4): chiến tranh đã bùng nổ.
- **Đoạn hai** (câu 5 - 12): nhà vua ban lệnh xuất chinh, thúc giục lên đường.
- **Đoạn ba** (câu 13 - 40): tâm trạng, ý chí, và hình ảnh chàng hào kiệt lúc lên đường.

C. Đại ý: Nỗi buồn của chinh phụ khi chồng chia tay ra trận.

D. Nhận Xét Văn Chương:

1. Đây là đoạn thơ đầu của tác phẩm *Chinh Phụ Ngâm*. Bốn câu thơ đầu (1-4) là phần nhập đề, giúp ta biết được những chủ đề chính trong tác phẩm:
 - Câu (1): bối cảnh của câu chuyện.
 - Câu (2): nỗi khổ của phụ nữ trong thời chiến.
 - Câu (3) và (4): sự oán trách trời đất.

2. Tràng thành tức là thành Tràng An, phía nam của Cam Tuyền chừng 200 dặm, thành phố chính của Thiểm Tây (Shensi), cự thủ đô của vương quốc Trung Hoa dưới nhiều triều đại. Thời ấy chưa có Vạn Lý Trường Thành nên khi bị rợ Hồ tấn công thì phải đốt khói ở Cam Tuyền để kêu cứu.
3. Lời thơ linh động, ý nghĩa sâu xa nhờ tác giả dùng nhiều loại mỹ từ pháp:
- **Phép thậm xưng:** (nói quá sự thật): tiếng trống dồn dập đến nỗi làm “lung lay bóng nguyệt”; khói ở núi Cam Tuyền bốc lên nhiều và cao đến nỗi làm “mờ mịt thức mây”.
 - **Phép tượng thanh:** ào ào gió thu.
 - **Phép tượng hình:** lung lay bóng nguyệt, mờ mịt thức mây.
 - **Phép so sánh:**
 - * ... nước trong *như* lọc.
 - * Bộ khôn *bằng* ngựa, thủy khôn *bằng* thuyền.
 - * ... *tựa* bóng trăng theo dõi; đỏ *tựa* ráng pha; *như* là tuyết in.
 - **Phép ẩn dụ:**
 - * cơn gió bụi: ám chỉ tình trạng chiến tranh, loạn lạc.
 - * “*Nhủ rồi tay lại cầm tay,*
Bước đi một bước dây dây lại dừng.”: ám chỉ sự bịn rịn, không muốn rời nhau.
 - **Phép tượng trưng:**
 - * khách má hồng: tượng trưng cho mọi người phụ nữ.
 - * cung tiễn: tượng trưng cho tình trạng chiến tranh.
 - * bút nghiên: tượng trưng cho việc học.
 - * bộ, thủy: tượng trưng cho phương tiện giao thông.
 - **Phép điển cố** (Literary allusion): vì mượn bối cảnh ở Trung Hoa nên tác giả đã dùng rất nhiều điển tích của Trung Hoa như: Tràng An, Cam Tuyền, da ngựa, Thái Sơn, cầu Vĩ, Thiên San, Lâu Lan, Giới Tử, Man Khê, Phục Ba.
4. Cảnh chia ly đau lòng được diễn tả một cách thâm thúy qua đoạn thơ từ câu 27-32:
Đưa chàng đi mà buồn ray rút trong lòng. Chàng bước đi nhưng lâu lâu lại dừng, bịn rịn vô cùng. Chàng đi rồi thì lại muốn chạy theo chàng, nhưng trên bộ thì làm sao nhanh bằng ngựa được; dưới nước thì làm sao nhanh bằng thuyền được!
5. Giọng điệu bài thơ đôi lúc hào hùng, nhưng nhìn chung rất trầm buồn, diễn tả âm điệu than thở của chinh phụ.

Phép Tượng Thanh, Phép Thâm Xưng, Song Thất Lục Bát

1. Phép Tượng Thanh

Onomatopoeia

Phép Tượng Thanh là phép dùng các từ làm cho người đọc cảm thấy như có âm thanh của sự vật đang nổi lên.

Ví dụ: Gió thổi **vi vu**

- Khi nghe gió thổi ta cảm thấy như nghe âm thanh **vi vu**, nhẹ nhẹ.

Nhưng trong truyện *Chinh Phụ Ngâm* thì:

Thét roi cầu Vị, ào ào gió thu

- Âm thanh của gió thổi mạnh **ào ào**.

2. Phép Thâm Xưng

Hyperbole

Thâm xưng là dùng những từ quá phóng đại sự thực để làm nổi bật sự kiện, làm người ta chú ý đến ý tưởng mình muốn nêu ra.

- Trông Trăng Thành **lung lay bóng nguyệt**.

Khói Cam Tuyền **mờ mịt thức mây**.

- Chìm đáy nước **cá lơ đờ lặn**,

Lũng da trời **nhận ngấn ngơ sa!**

- Tôi đã thấy một quả bí **to bằng cái đình làng!**

- Cổ tay em **trắng như ngà**,

Con mắt em **liếc như là dao cau!**

3. Song Thất Lục Bát

Song thất lục bát (hai bảy, sáu, tám) hay **lục bát gián thất** (sáu, tám xen bảy) là lối văn vần riêng của Việt-Nam thường được dùng để sáng tác các ngâm khúc.

Số câu và số từ trong câu: Gồm từng đoạn bốn câu. Không hạn-định số đoạn.

Trong mỗi đoạn:

- câu thứ *nhất* có 7 từ
- câu thứ *nhì* cũng có 7 từ (song thất)
- câu thứ *ba* có 6 từ (lục)
- câu thứ *tư* có 8 từ (bát)

Cách gieo vần:

- Từ cuối của câu bảy trên vần với từ thứ năm câu bảy dưới, cả hai đều vần trắc.
- Từ cuối câu 7 dưới cùng vần với từ cuối câu 6, cả hai đều vần bằng.
- Từ cuối câu 6 cùng vần bằng với từ thứ sáu câu 8.
- Từ cuối câu 8 cùng vần bằng với từ thứ năm câu 7 của đoạn sau.

Ví dụ: Thuở trời đất nổi cơn gió **bụi** (cvt)

Khách má hồng	nhiều nổi	(yvt)	truân- chuyên	(cvb)
Xanh kia	thăm thăm		từng trên	(cvb)
Vì ai gây dựng	cho nên	(yvb)	nổi này	(cvb)
Trống trảng thành	lung lay	(yvt)	bóng nguyệt	(cvt)
Khói cam tuyền	mờ mịt	(yvt)	thức mây	(cvb)
Chín tầng	gươm bấu		trao tay	(cvb)
Nửa đêm truyền hịch	định ngày	(yvb)	xuất chinh	(cvb)

(Chinh-phụ ngâm)

Ghi chú: cvt = cước vận trắc, cvb = cước vận bằng, yvt = yêu vận trắc, yvb = yêu vận bằng.
cước vận: từ cuối câu, yêu vận: từ giữa câu

Luật Bằng Trắc:

Hai câu 6-8 thì theo luật của thể lục bát. Trong hai câu 7, ngoại trừ từ thứ nhất, muốn đặt vần gì cũng được, các từ còn lại theo bản tóm tắt ở dưới.

*Trải vách quế gió vàng hiu hắt,
Mảnh vũ y lạnh ngắt như đồng.*

Tuy không bó buộc nhưng người ta thường đặt hai câu 7 từ đối nhau.

Ví dụ:

- Cầu thệ-thủy ngồi trơ cổ-độ,
Quán thu-phong đứng rũ tà-huy.*
(Cung-oán ngâm-khúc)
- Tiếng địch thổi nghe chừng đồng vọng,
Hàng cò bay trông bóng phát phơ.*
(Chinh phụ ngâm)

Đoạn đầu câu 7 từ trên, từ thứ nhất và từ thứ nhì theo lệ phải đặt trắc trắc nhưng có thể đổi làm bằng bằng.

Ví dụ:

*Chàng thì đi cõi xa mưa gió,
Thiếp lại về buồng cũ chiếu chăn.*
(Chinh phụ ngâm khúc)

Vậy luật Bằng Trắc trong thể Song Thất Lục Bát theo thứ tự sau đây:

- 0 = chữ đầu câu 7 chữ không kể đến.
- Những chữ in nghiêng cũng không cần theo đúng luật bằng trắc, theo lệ “nhất, tam, ngũ bất luận.”

0	<i>t</i>	t	<i>b</i>	b	<i>t</i>	t		
0	<i>b</i>	b	<i>t</i>	t	<i>b</i>	b		
	<i>b</i>	b	<i>t</i>	t	<i>b</i>	b		
	<i>b</i>	b	<i>t</i>	t	<i>b</i>	b	<i>t</i>	b
0	1	2	3	4	5	6	7	8

Bài tập 4

Tìm từ tượng thanh trong các câu sau đây:

1. Gió thổi ào ào qua rừng cây.
2. Tiếng võng đưa kiu kịt sau hè.
3. Tuấn ngồi lắng nghe tiếng sáo diều vi vu trên cánh đồng.
4. Tiếng súng nổ ầm ầm từ chiến trường vọng về.
5. Tiếng mưa rơi lộp độp trên mái tôn ru mọi người vào giấc ngủ.

Bài tập 5

Tìm các từ dùng phép tượng hình trong những câu thơ dưới đây: (*Xem lại Ngữ Pháp bài Nhớ Rừng*)

Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà tranh,
 Trên con đường viền trắng mép đồi xanh,
 Người các ấp tung bùng ra chợ Tết.
 Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc;
 Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon,
 Vài cụ già chống gậy bước lom khom,
 Cô yếm thắm che môi cười lạng lẽ.

Bài tập 6

Đặt câu bằng cách dùng phép thậm xưng cho các con vật hoặc đồ vật dưới đây:

1. Con voi
2. Con cá
3. Củ cải
4. Con rắn
5. Con chim

Bài tập 7

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **hào kiệt, chinh phụ, khách má hồng, nhà vua, trời đất, ông trời, quân sĩ, chinh phu**. Những từ này có thể được dùng trở lại.

1. Ôi! _____ lại nổi cơn gió bụi! Chiến tranh lan tràn khắp nước rồi!
2. Sao _____ có nhiều nỗi truân chuyên, vất vả quá!
3. _____ ở nơi mây xanh thăm thẳm ngàn trùng có biết chăng?
4. _____ đánh trống ở Tràng thành dồn dập và hào hùng làm người nghe cảm thấy như ánh trăng cũng bị lung lay, chuyển động.
5. _____ trao gươm báu cho chàng trai đi đánh giặc.
6. _____ truyền hịch cho quân sĩ sửa soạn ra trận.
7. _____ trao áo nhung cho quan vũ.
8. _____ chia tay vợ con thì lòng rất xót xa vì vợ yếu con thơ không ai chăm sóc.
9. _____ mang cờ xí ngọ trời tạo khí thế bừng bừng.
10. _____ là anh hùng hào kiệt phải dẹp bỏ chuyện học hành, bút nghiên để tuân lệnh vua lo việc đao cung, giết giặc.
11. _____ mong lập được chiến công hiển hách.
12. _____ coi cái chết nhẹ như lông hồng.
13. Chàng trai thuộc dòng _____ mang áo giáp, đeo cung tên, cưỡi ngựa chiến, anh dũng tiến về phía trước.
14. Niềm đau của chinh phụ _____ có hay!
15. _____ đưa tiễn chinh phu ra mặt trận nhưng lòng buồn vô cùng nên dù nước ở ngách ngòi có bao nhiêu cũng không rửa hết được nỗi buồn phân ly.

Bài tập 8

Đúng hay sai. Viết chữ **Đ** vào câu đúng; viết chữ **S** vào câu sai.

1. Đ S Tướng sĩ nhận hịch định ngày xuất quân lúc ban ngày.
2. Đ S Khi xưa người ta dùng khói báo hiệu trong quân đội.
3. Đ S Người chinh phụ không oán trách trời đất vì chinh chiến, xa cách, tang thương là do con người tạo nên.
4. Đ S Quân sĩ đánh trống báo hiệu ở Tràng thành dồn dập đến nỗi làm cho người nghe cảm thấy như mặt trăng cũng rung động.
5. Đ S Trước khi ra trận, người nào được vua trao gươm báu thì có toàn quyền thống lĩnh quân đội đánh giặc.
6. Đ S Vị vua già bị khó ngủ nên truyền hịch định ngày xuất chinh lúc ban đêm.
7. Đ S Khi xưa, người dân coi nhẹ phép nước và coi trọng tâm sự riêng của mình.
8. Đ S Người chinh phụ xem việc bận tâm đến gia đình, vợ con là chuyện nhỏ và lập chiến công hiển hách mới là chuyện lớn.
9. Đ S Người con trai khi xưa nếu có chí lớn luôn luôn coi cái chết nhẹ tựa như lông hồng.
10. Đ S Bộ binh ngày xưa cưỡi ngựa, hải quân đi tàu ngầm.

Độc Hiểu

Bài tập 9

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Chiến tranh đã ảnh hưởng tới những ai trong bài này?
2. Đất nước được thanh bình bao lâu thì chiến tranh xảy ra?
3. Tại sao sứ giả của vua được gọi là sứ trời?
4. Người trai phải trọng phép vua hay niềm tây? Quan niệm này bắt nguồn từ đâu?
5. Tâm trạng của chinh phu (chồng) khi chia tay ra sao?
6. Trước khi ra trận quân sĩ phải sửa soạn những gì?
7. Chàng trai trong bài này là một chàng trai lý tưởng. Hãy kể những điểm đó.
8. Chuyện này xảy ra vào mùa nào? Dẫn chứng.
9. Khi tiễn đưa chồng, tâm sự của chinh phụ (người vợ) ra sao?
10. Vì sao nỗi buồn của người chinh phụ lại quá sâu đậm, ngay cả nước ngòi dù trong thật trong cũng không rửa hết ưu phiền?
11. Theo ý em, chiến tranh có tốt không? Tại sao?
12. Dựa theo bài này, các việc vua và quan quân làm trước khi ra trận là lợi hay hại? Dẫn chứng.
13. Thông thường người vợ hay người chồng phải chịu đựng nhiều hơn? Tại sao?
14. Cho biết đại ý bài này.
15. Bố cục bài này ra sao?
16. Giọng điệu bài này có ngụ ý gì?
17. Bài này có giá trị về mặt nào?
18. Tráng thành có phải là Vạn Lý Trường Thành không?

Bài tập 10

Chọn câu trả lời đúng nhất.

1. *Chinh Phụ Ngâm* có nghĩa là _____.
 - a. lời oán trách chiến tranh
 - b. lời than của người đi chinh chiến
 - c. lời oán than của vợ chiến sĩ
 - d. lời kể về sự tàn khốc của chiến tranh
2. “Con gió bụi” trong câu “*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi*” được hiểu theo nghĩa _____.
 - a. đen
 - b. bóng
 - c. cụ thể
 - d. bình dân
3. Đối với “chinh phụ”, từ “chinh phu” là từ _____.
 - a. đồng nghĩa
 - b. phản nghĩa

- c. gốc
- d. đối ngẫu

4. Mỹ từ pháp dùng trong câu: “*Trống Tràng Thành lung lay bóng nguyệt.*” là phép

- _____.
- a. thậm xưng
 - b. so sánh
 - c. ẩn dụ
 - d. tượng trưng

Đọc bốn câu thơ dưới đây rồi trả lời các câu hỏi:

*“Thuở trời đất nổi cơn gió bụi,
Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên.
Xanh kia thăm thẳm tầng trên,
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này!”*

5. Bốn câu thơ trên được làm theo thể _____.

- a. lục bát
- b. song thất lục bát
- c. thất ngôn
- d. thất ngôn tứ tuyệt

6. Bốn câu thơ trên giúp ta _____.

- a. hiểu nỗi lòng chinh phụ
- b. biết cảnh chiến tranh
- c. đoán được nội dung của tác phẩm
- d. hiểu sự oán trách chiến tranh của chinh phụ

7. Về kỹ thuật hành văn, nếu so với một bài luận, bốn câu thơ trên được xem là phần

- _____.
- a. nhập đề
 - b. thân bài
 - c. kết luận
 - d. chuyển ý

Đọc đoạn thơ sau rồi trả lời các câu hỏi 8-14 bên dưới:

- (1) “Ngồi đầu cầu nước trong như lọc,
- (2) Đường bên cầu cỏ mọc còn non!
- (3) Đưa chàng lòng dặc dặc buồn,
- (4) Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.
- (5) Nước trong chảy lòng phiền chẳng rửa,
- (6) Cỏ xanh thơm dạ nhớ chẳng khuây.
- (7) Nhủ rồi tay lại cầm tay,
- (8) Bước đi một bước dây dây lại dừng.”

8. Trong đoạn thơ trên, phép so sánh được diễn tả với các nhóm từ _____.
- a. còn non, đặc đặc buồn
 - b. phiền chẳng rửa, nhớ chẳng khuây
 - c. trong như lọc, khôn bằng ngựa, khôn bằng thuyền
 - d. khôn bằng thuyền, dây lại dùng
9. Nghĩa đen câu (4) là _____.
- a. các phương tiện di chuyển
 - b. đi thuyền nhanh hơn đi ngựa
 - c. ngựa phi nhanh hơn thuyền chèo
 - d. chạy bộ không bằng ngựa, lội nước không nhanh bằng thuyền
10. Nghĩa bóng câu (4) là _____.
- a. oán trách con ngựa
 - b. oán trách chiếc thuyền
 - c. mong đi nhanh cho gặp chàng
 - d. so sánh việc đi đường bộ và đường thủy
11. Hai câu (5) và (6) diễn tả _____.
- a. nỗi buồn sâu xa của chinh phụ
 - b. niềm ưu tư của chinh phụ
 - c. ảnh hưởng của ngoại cảnh
 - d. cảnh chia ly vào mùa thu
12. Hai câu (7) và (8) diễn tả _____.
- a. niềm thương nhớ
 - b. sự bịn rịn
 - c. sự chia ly
 - d. nỗi lòng chinh phụ
13. Từ “đặc đặc” trong câu (3) là một _____.
- a. tính từ
 - b. động từ
 - c. trạng từ
 - d. liên từ
14. Câu (5) có nghĩa là _____.
- a. nước chảy vào lòng làm phiền muộn thêm
 - b. lòng phiền không muốn rửa
 - c. nước không rửa sạch được sự phiền muộn trong lòng
 - d. nước chảy mãi thì trong, làm hết phiền muộn
15. Đại ý bài thơ nói về _____.
- a. hoàn cảnh chiến tranh
 - b. nỗi buồn của chinh phụ
 - c. sự biệt ly
 - d. lời oán thán của chinh phụ

Tập Làm Văn

1. Viết một đoạn văn ngắn tả nỗi lòng chinh phụ khi tiễn chồng lên đường.
2. Viết một đoạn văn ngắn diễn tả sự oán trách trời và chiến tranh của chinh phụ.
3. Viết một bài luận tả cảnh vợ tiễn chồng lên đường hành quân ngày xưa.
4. Chiến tranh làm cho bao gia đình ly tán. Vì có chiến tranh nên mới có chuyện người ở lại tiễn người đi nhập ngũ. Theo em, câu nói: *“Muốn có hoà bình phải chuẩn bị chiến tranh”* là đúng hay sai? Hãy viết một bài văn trình bày ý kiến của em.

Nói Với Nhau

Leo Buscaglia, nhà văn và diễn giả, đã kể lại một cuộc thi mà ông là giám khảo. Mục đích của cuộc thi này là tuyển chọn một đứa trẻ nhân từ. Người thắng cuộc là một đứa bé trai mới có bốn tuổi. Người hàng xóm của đứa bé này là một thiếu phụ trẻ xinh đẹp vừa tiễn chồng ra chiến trận vài tháng trước. Ngày nọ, một sĩ quan trong bộ quân phục uy nghi đến gõ cửa nhà nàng, báo tin buồn. Từ ngày tin dữ đến, thiếu phụ hay ngồi bên hiên nhà khóc âm thầm. Mỗi khi thấy thiếu phụ khóc, cậu bé bốn tuổi leo qua hàng dậu, băng qua bãi cỏ, trèo lên lòng thiếu phụ, và chỉ ngồi yên đó. Khi mẹ hỏi chú bé đã nói gì với thiếu phụ mà nàng biết ơn chú vô cùng và đã đề nghị cho chú trúng giải. Cậu bé nhanh nhẩu trả lời: *“Con chẳng nói gì với cô ấy cả. Con chỉ ngồi yên nghe cô ấy khóc.”*

Minh: Tại sao thằng bé chẳng làm gì cả mà được giải thưởng? Cuộc thi này bất công.

Loan: Sao lại bất công? Nó giúp cô ta đỡ buồn là đủ ăn tiền rồi.

Minh: Nó có giúp gì đâu! Nó chỉ ngồi trong lòng cô ta thôi. Sướng chết!

Loan: Điều chính là cô ta thấy ấm lòng vì có người quan tâm đến cô. Thằng bé không nói gì nhưng nó biết im lặng lắng nghe cô tâm sự. Bỏ có biết rằng biết thực sự lắng nghe, thực sự quan tâm đến kẻ khác là có thể giảm được nỗi đau của họ rất nhiều không?

Minh: Có gì chứng minh được điều đó?

Loan: Bỏ không thấy là người quả phụ bớt sầu khổ sao? Cô ta đề nghị cho cậu bé trúng giải là một chứng minh hùng hồn rằng “chỉ cần biết lắng nghe là có thể làm giảm niềm đau của kẻ khác rất nhiều.” Thằng bé bốn tuổi ấy quả thật là có lòng nhân vì nó biết xoa dịu nỗi đau của người khác. Nó đã quan tâm tới thiếu phụ và muốn cô bớt khổ. Nó cũng không ồn ào đòi cô phải nghe nó, quan tâm tới nó.

Minh: A! Nghe bỏ nói tới chỗ này mình nhớ nhà tâm lý học Alfred Adler ở Vienne nói rằng *“Những ai không quan tâm tới kẻ khác sẽ gặp nhiều khó khăn trong đời sống của mình và sẽ gây ra nhiều thương tổn cho kẻ khác. Họ tự gây thất bại cho mình.”*

Tập Nói Chuyện

1. Em nghĩ cậu bé bốn tuổi này có đáng được giải thưởng nhân hậu không? Tại sao không? Tại sao có?
2. Em nghĩ cậu bé này có thực sự quan tâm đến quả phụ không hay chỉ muốn ngồi trên lòng cô ta thôi?

3. Em có đồng ý rằng khi ta biết lắng nghe, ta mang lại nhiều lợi ích cho người nghe và cho chính mình hay không?

Tập Viết Văn

Hãy viết một đoạn văn ngắn phê bình lời nói của Alfred Adler.

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

Người Tình Không Chân Dung

Hỡi người chiến sĩ
Đã để lại cái nón sắt
Bên bờ lau sậy này.
Bây giờ anh ở đâu...

(Người Tình Không Chân Dung)
Hoàng Trọng

- Trâm:** Bản nhạc này nghe sao buồn quá !
- Vinh:** Ủ, nó làm anh nhớ lại đoạn cuối tác phẩm *For Whom the Bell Tolls* hay *Chuông Nguyện Hồn Ai* của Ernest Hemingway.
- Trâm:** Em cũng vậy. Cảnh Robert Jordan từ giã người yêu và đồng đội, ở lại cầm chân đội quân phát xít Ý để mọi người rút lui an toàn thật là cảm động.
- Vinh:** Lúc ấy Robert đã bị thương nặng không thể ra đi cùng đồng đội, anh quyết định ở lại chiến đấu đến giây phút cuối cùng bên cây cầu đã bị quân du kích Tây Ban Nha giật sập.
- Trâm:** Đúng là khi người ta có lý tưởng thì người ta sẽ sống chết với lý tưởng của mình.
- Vinh:** Anh đồng ý với em. Robert là người Mỹ nhưng anh đã sát cánh bên đội du kích Tây Ban Nha đánh lại phát xít Ý để giành lại độc lập cho Tây Ban Nha.
- Trâm:** Em nhớ người xưa có câu “*Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi*” nghĩa là “Xưa nay chinh chiến mấy ai về”. Đội quân du kích Tây Ban Nha và Robert lãnh nhiệm vụ đánh sập cầu để chặn đường tiếp tế và rút lui của phát xít Ý; họ biết ra đi khó mà trở lại nhưng họ vẫn đi.
- Vinh:** Tinh thần chiến đấu của họ thật cao.
- Trâm:** Hemingway đã đề cao tinh thần chiến đấu của những người lính trong *Chuông Nguyện Hồn Ai* nhưng bên cạnh đó ông cũng phản ánh những khía cạnh bi thảm của chiến tranh.
- Vinh:** Vâng, như tiếng chuông nhà thờ vang lên khi Robert từ giã cuộc đời. Tiếng chuông cầu nguyện linh hồn anh đã đơn độc ra đi cho đồng đội sống sót.
- Trâm:** Cũng là tiếng chuông cầu nguyện cho những đồng đội anh đã ngã xuống trong cuộc chiến chống phát xít Ý.

Bài tập 11

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Tác phẩm *Chuông Nguyện Hồn Ai* do ai sáng tác?
2. Người lính ở lại bên chiếc cầu bị giật sập tên gì?
3. Tại sao anh không rút lui cùng đồng đội?
4. Theo Trâm và Vinh, tiếng chuông trong *Chuông Nguyện Hồn Ai* đã vang lên để cầu nguyện cho linh hồn những ai?

Tục Ngữ và Ca Dao

1. Phép vua thua lệ làng.
2. Vòng trời đất dọc ngang dọc,
Nợ tang bồng vay trả trả vay.
3. Làm trai cho đáng nên trai,
Xuống đông, đông tĩnh, lên đoài, đoài tan.
4. Tuý ngoạ sa trường quân mạc tiểu,
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.
(Ở chiến trường, xin anh đừng cười nếu thấy tôi say đến mức nằm lăn ra,
Vì từ xưa đến nay đi chinh chiến mấy kẻ về)
5. Nhất tướng công thành vạn cốt khô.
6. Biển Bắc năm xưa chém cá kình,
Yên rồi vẫn nhớ chuyện đao binh
Nguyễn Trãi
7. Khi thất thế, cung rơi, tên lạc,
Bãi sa trường, thịt nát, máu rơi.
Bơ vơ góc biển chân trời,
Năm xương vô chủ biết vùi nơi nao?
Nguyễn Du (Chiêu Hồn Ca)

Bài tập 12

Giải thích các câu thơ, tục ngữ và ca dao trên.

Bài 2



Phút Chia Tay

41. Tiếng nhạc ngựa lần chen tiếng trống,
Giáp mặt rồi phút bỗng **chia tay**!
Hà Lương chia rẽ đường này,
Bên đường, trông bóng cò bay ngùi ngùi.
45. **Quân** trước đã gần ngoài **doanh Liễu**,
Kỵ sau còn khuất nẻo **Tràng Dương**.
Quân đưa chàng ruổi lên đường,
Liều dương biết thiếp đoạn trường này chẳng?
49. Tiếng **dịch** thổi nghe chùng **đồng vọng**,
Hàng cò bay trông bóng phát phơ.
Dấu chàng theo lớp mây đưa,
Thiếp nhìn rặng núi ngẩn ngơ nổi nhà.
53. Chàng thì đi cõi xa mưa gió,
Thiếp thì về buồng cũ gói chăn.
Đoái trông theo đã cách ngăn,
Tuôn màu mây biếc, trái **ngân** núi xanh.

57. Chón **Hàm Dương** chàng còn ngoảnh lại,
 Bến **Tiêu Tương** thiếp **hãy** trông sang.
 Khỏi Tiêu Tương cách Hàm Dương,
 Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.
61. Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
 Thấy xanh xanh những mấy **ngàn dâu**.
 Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
 Lòng chàng ý thiếp ai sâu hơn ai?

Dịch giả Đoàn Thị Điểm

Sinh Hoạt

- A. Nghe bài hát “Một Người Đi” trong DVD của Phương Diễm Hạnh, Giao Linh, hoặc Hoàng Oanh rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Một Người Đi

Mai Châu

1. Tôi tiễn anh lên đường trời hôm nay mưa nhiều lắm.
2. Mưa thấm ướt vai gầy, mưa buốt giá con _____.
3. Mình cầm tay nhau chưa nói hết một câu,
4. Thôi đừng buồn anh nhé, tiếng còi đã _____ dài.
5. Chính nhân ơi! Xin anh chớ buồn.
6. Chính nhân ơi! Xin anh chớ buồn.
7. Người yêu anh còn đó, người yêu anh bé nhỏ hứa _____ anh trọn đời.
8. Thức trắng đêm qua, hai đứa chúng mình chưa nói hết tâm tư.
9. Ta kể nhau nghe những vui buồn thời ấu _____.
10. Đếm lá thu rơi, mười bốn thu tàn tôi đã biết tên anh.
11. Nay cách xa rồi, anh khoác _____ y,
12. Tôi còn ở lại đưa tiễn một người đi.
13. Tôi đứng trông theo đoàn tàu đi xa xa _____ phố.
14. Tôi thấy dáng anh buồn, đôi mắt nhớ xa xăm.
15. Vì ngàn yêu thương, anh xếp bút mực xanh băng mình vào _____ gió,
16. Sống trọn kiếp trai hùng.
17. Chính _____ ơi! Khi anh trở về,
18. Chính nhân ơi! Khi anh trở về,
19. Người yêu ra mừng đón,
20. Người yêu anh bé nhỏ sẽ _____ anh trọn đời.

B. Nghe bài hát “Bỏ Phố Lên Rừng” rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Bỏ Phố Lên Rừng

Châu Kỳ

1. Người phụ tôi rồi có phải không?
2. Có sao lại bỏ phố lên _____?
3. Một đi không nửa câu hò hẹn.
4. Người già từ mà ánh mắt rung _____.
5. Người phụ tôi rồi có phải không?
6. Có sao lại bỏ _____ lên rừng?
7. Bỗng dưng làm kiếp chim xa lạ.
8. Nhìn núi sâu người có thấy nhớ _____?
9. ĐK: Người cố xa buồn lắm phải không?
10. Không, sao bỏ phố lên rừng?
11. Đi làm mây cao trên đèo _____.
12. Trời vào đông có chạnh lòng?
13. Người _____ tôi rồi có phải không?
14. Có sao lại bỏ phố lên rừng?
15. Tự nhiên thành bóng chim tăm cá.
16. Tôi thật _____ hỏi người có biết chăng?

Từ Vựng

- | | | |
|-----------------------|---|---------------------------------|
| 1. Hà Lương | (dt.): hà là sông, lương là cái cầu bắc trên sông. Hà Lương được dùng để chỉ nơi tiễn người đi. | a place to see someone off (n.) |
| 2. chia tay | (dt.): từ biệt | to part (v.) |
| 3. doanh Liễu | (dt.): tức trại quân Tế Liễu của viên tướng Chu Á Phu nhà Hán. Vị tướng này có tài tổ chức đồn trại rất nghiêm. Từ đó doanh Liễu dùng để chỉ trại quân nói chung. | military base; barracks (n.) |
| 4. Tràng Dương | (dt.): Đất Tràng Dương thuộc tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc. | Changyang (n.) |
| 5. hãy | (trt.): vẫn | still (adv.) |
| 6. liễu dương | (dt.): một loại cây giống như cây thông còn gọi là cây phi lao | beefwood, weeping willow (n.) |

7. địch	(dt.):	một loại sáo	<i>a kind of fife</i>	(n.)
8. đồng vọng	(dt.):	tiếng vọng lại từ xa	<i>echo</i>	(n.)
9. Hàm Dương	(dt.):	đất Hàm Dương thuộc tỉnh Thiểm Tây bên Trung Quốc	<i>Xianyang</i>	(n.)
10. Tiêu Tương	(dt.):	tên một con sông thuộc tỉnh Hồ Nam bên Trung Quốc	<i>Xiaoxiang</i>	(n.)
11. ngàn dâu	(dt.):	cánh đồng trồng dâu	<i>a mulberry field</i>	(n.)
12. ngần	(dt.):	nổi lên rõ rệt	<i>distinctively seen</i>	(n.)
13. quân	(dt.):	lính bộ binh	<i>troops</i>	(n.)
14. ky	(dt.):	ky binh, lính cỡi ngựa	<i>cavalry</i>	(n.)

Bài tập 1

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **doanh Liễu, ruổi, giáp mặt, dương liễu, Hà Lương, đoạn trường, khuất, chen, bụi ngùi, Tràng Dương, lẫn.**

1. Người vợ thấy bóng chồng đã _____ rồi mà vẫn còn đứng trông theo.
2. _____ là một mảnh đất thuộc tỉnh Hồ Bắc bên Trung Hoa.
3. Hàng _____ reo trước gió.
4. Tiếng trống _____ với tiếng nhạc ngựa tạo nên không khí ồn ào của chiến chinh.
5. _____ là tên một trại lính nơi tướng Chu Á Phù nhà Hán đóng quân.
6. Những người đau khổ dùng từ _____ để diễn tả tâm trạng đau lòng như đứt ra từng khúc ruột mình.
7. Sau khi _____ nhau, chinh phụ lại phải xa chồng.
8. _____ là nơi chinh phụ phải tiễn đưa chồng.
9. Chinh phu rong _____ mấy năm rồi mà vẫn chưa thấy về.
10. Thấy lá cờ tung bay trong gió, chinh phụ cảm thấy xúc động _____.

Bài tập 2

Tìm từ phản nghĩa với những từ sau đây:

- | | | |
|---------------|---|-------|
| 1. chia rẽ | ≠ | _____ |
| 2. lính | ≠ | _____ |
| 3. rặng núi | ≠ | _____ |
| 4. ngoảnh lại | ≠ | _____ |
| 5. giáp mặt | ≠ | _____ |
| 6. trước | ≠ | _____ |
| 7. đi | ≠ | _____ |

Bài tập 3

Tìm từ đồng nghĩa với những từ sau đây:

- | | | |
|--------------|---|-------|
| 1. giáp mặt | = | _____ |
| 2. chia tay | = | _____ |
| 3. ngăn ngơ | = | _____ |
| 4. địch | = | _____ |
| 5. quân | = | _____ |
| 6. ngùi ngùi | = | _____ |
| 7. ngàn dâu | = | _____ |
| 8. sâu | = | _____ |

Phân Tích

A. Văn thể: Song thất lục bát.

B. Đại ý: Nỗi buồn của chinh phụ khi tiễn chồng ra chiến trận.

C. Giải thích:

- Đoạn thơ 41- 44: Cảnh chinh phụ bùi ngùi tiễn chồng ra trận.
- Đoạn thơ 45- 48: Chinh phụ đau lòng khi nhìn đoàn quân đi xa dần.
- Đoạn thơ 49- 52: Chinh phụ vừa lo cho chồng ra chiến trận vừa thẫn thờ nghĩ tới cảnh nhà.
- Đoạn thơ 53- 56: Khi đoàn quân đã khuất, chinh phụ nghĩ thương chồng phải đương đầu với chiến tranh còn mình thì cô đơn nơi căn phòng cũ.
- Đoạn thơ 57- 60: Dầu khoảng cách mỗi lúc một xa, vợ chồng vẫn lưu luyến nhìn nhau.
- Đoạn thơ 61- 64: Khi bóng chồng đã khuất, chinh phụ bàng khuâng không biết chồng có buồn hơn mình không.

Bài tập 4

Viết lại đoạn đầu và đoạn cuối của bài thơ bằng văn xuôi, dùng những từ em đã tìm ra trong bài tập 2 và 3 thay cho những từ đã có sẵn trong bài.

Bài tập 5

Đúng hay sai. Viết chữ **Đ** vào câu đúng; viết chữ **S** vào câu sai.

- | | | |
|------|---|--|
| 1. Đ | S | Bài này tả cảnh chinh phụ tiễn chồng lên đường đi chinh chiến. |
| 2. Đ | S | Quan quân cười vui đi đánh giặc. |
| 3. Đ | S | Hai vợ chồng phải chia tay nhau nơi con sông có cầu bắc ngang. |
| 4. Đ | S | Đất Trảng Dươg thuộc tỉnh Quảng Đông bên Trung Quốc. |
| 5. Đ | S | Liều dương tượng trưng cho sắc đẹp. |
| 6. Đ | S | Sau khi chia tay, chinh phu đi tới chốn xa xôi khổ nhọc, còn người chinh phụ thì về nhà hiu quạnh. |

7. Đ S Bóng chồng đã khuất nhưng chinh phụ vẫn trông theo.
8. Đ S Chinh phu ở sông Tương và người vợ ở Hàm Dương.
9. Đ S Đất Hàm Dương ở Quảng Tây là một phụ lưu của sông Hoàng Hà.
10. Đ S Chinh phu và chinh phụ nhớ nhau, cùng quay lại để nhìn nhau nhưng chẳng thấy được nhau.
11. Đ S Khi thấy ngàn dâu xanh tốt chinh phụ lại nghĩ đến tình của chồng và của mình.
12. Đ S Nàng cảm thấy buồn và tự hỏi chồng nàng và nàng ai mang một nỗi buồn lớn hơn.
13. Đ S “Ngàn dâu” chỉ đường xa.

Bài tập 6

Cho biết bố cục của bài này.

Ngữ Pháp

Nhân Vật Đại Danh Từ

Xét hai câu thơ sau đây:

*“Quân đưa **chàng** ruổi lên đường,
Liều dương biết **thiếp** đoạn trường này chăng?”*

“Chàng” và “Thiếp” là những đại danh từ chỉ người.

- **Chàng:** Anh, từ người phụ nữ trẻ dùng gọi chồng hay người yêu một cách trìu mến.
- **Thiếp:** Em, từ người phụ nữ dùng xưng với chồng một cách khiêm cung.

Trong tác phẩm *Chinh Phụ Ngâm*, hai từ này được lặp đi lặp lại nhiều lần.

Chàng và **Thiếp** là những từ ngày xưa dùng để xưng hô, thường được dùng trong ca dao hay thi phú mà thôi. Giống như các từ “anh” và “em”, hai từ đó có thể được dùng làm chủ từ hay túc từ cho động từ trong một câu. Đôi khi chúng được dùng làm tính từ sở hữu (possessive adjective), bổ nghĩa cho danh từ.

- chủ từ: **Chàng** ở đâu thì **thiếp** ở đó.
- túc từ: Thiếp yêu **chàng** thì xin chàng đừng phụ **thiếp**.
- tính từ sở hữu: Áo **chàng** đỏ tựa ráng pha,
Ngựa **chàng** sắc trắng như là tuyết in.
Lòng **thiếp** tựa bóng trắng theo dõi,
Dạ **chàng** xa ngoài cõi Thiên San.

Bài tập 7

Tìm trong bài thơ những từ “chàng”, “thiếp” được dùng làm:

1. chủ từ.
2. túc từ.
3. tính từ.

Bài tập 8

Tìm những câu ca dao có từ “chàng”, “thiếp”.

Bài tập 9

Điền từ “chàng” hay “thiếp” vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

1. _____ say men chiến đấu, _____ ở nhà một mình săn sóc con thơ.
2. _____ ngày đêm trông ngóng tin _____.

Độc Hiểu

Bài tập 10

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Hai vợ chồng chia tay nhau ở đâu?
2. Người chồng lên đường cùng với ai?
3. Chinh phụ nghe gì? (3 điều) và thấy gì (5 điều)?
4. Chinh phu (chồng) đi đến chốn nào?
5. Chinh phụ (vợ) về nơi nào?
6. Những từ nào trong bài này chỉ sự:
 - a. chia ly
 - b. nhớ nhung, lưu luyến
 - c. buồn đau
7. Quyết định của người chồng vì nước quên tình nhà có đáng khen hay không? Vì sao có hoặc không?
8. Cho biết đại ý bài này.
9. Bài này có giá trị về mặt nào? (chính trị, xã hội, triết lý, tâm lý, văn chương, v.v...)? Theo em, khía cạnh nào nổi bật nhất?
10. Em học hỏi được gì về mặt văn hoá Việt Nam sau khi đọc và học xong bài này?

Bài tập 11

Vẽ giản đồ Venn so sánh chiến tranh và hoà bình. Em thích điều nào hơn? Tại sao?

Tập Làm Văn

Viết một đoạn văn miêu tả cảnh biệt ly và cảm xúc của chinh phụ lúc tiễn chồng ra trận.

Nói Với Nhau

Chàng dừng sĩ trong bộ võ phục hiện ngang, lưng đeo trường kiếm, rảo bước trên con đường mòn về làng. Đường về sao chàng thấy xa quá. Lòng chàng nôn nóng như những ngày sắp cưới vợ. Thoang thoang dưới chân đôi những thảo am ần nấu trong lau lách, bụi cây, tàn lá. Khói lam nhẹ vương trên mái lá, ầm ập như quả tim rộn ràng của chàng. Không khí bên sườn đồi tràn ngập sự thanh bình, yên tĩnh như chiến tranh chưa bao giờ đến nơi đây. Tim chàng rộn rã. Lòng chàng nôn nao. Chàng hình dung khuôn mặt dịu hiền của người vợ xinh đẹp đã bảy năm xa cách. Ngày ấy, nước mắt vương mi, tay nàng bịn rịn cổ nịt lấy áo chàng. Thâu hết nghị lực, chàng phóng ngựa theo đoàn kỵ binh. Ngắt ngợ, nàng nhướn gót trông theo. Rong ruổi nơi biên cương, đương đầu với làn tên mũi đạn, chàng chẳng ngờ bảy năm trôi qua như một giấc mơ.

Khi chàng dừng sĩ về đến cổng làng thì trăng cũng vừa mới lên. Trăng mười bốn soi sáng ngôi làng tĩnh mịch. Trăng thật sáng! Ánh trăng vàng loang loáng, nhảy múa, đùa giỡn trên ngọn cỏ, lá cây. Tim chàng cũng đang nhảy nhót như những chú sóc con. Sau bảy năm xa cách, cảnh vật chẳng chút đổi thay. Hàng dâu, giếng nước, giàn bầu, cây đa vẫn như xưa. Cảnh vật tuy không xa lạ nhưng không có vẻ thân mật chào đón người cũ từ phương xa trở về. Căn nhà của chàng hai cánh cửa khép chặt.

Chàng đưa tay cố đẩy. Nhưng hai cánh cửa kiên cố im lìm không lay chuyển dưới sức mạnh của đôi tay chàng. Chàng lấy làm lạ. Ngày xưa chẳng bao giờ nhà chàng cài cửa chặt như thế này. Chàng dùng hết sức lực cố đẩy cánh cửa thêm vài lần nữa. Giọng chàng gọi vang, nhưng chỉ có tiếng chàng vọng lại. Cánh cửa vẫn im lìm, cài chặt.

Chàng đành phải đợi. Sáng sớm chàng sẽ hỏi thăm người hàng xóm. Trăng đã lên quá đỉnh đầu, ánh trăng vàng vạc chiếu xuống ngôi nhà nhỏ và bóng cô đơn của chàng. Trời càng về khuya càng lạnh. Trên mặt chàng thoáng nét lo âu sâu muộn. Trăng sáng quá. Cảnh làng bỗng trở nên cô tịch và lạnh lùng. Chàng ngồi xuống trước cửa chờ đợi. Quãng đời bảy năm lướt qua trong trí óc chàng.

Trăng lui dần về núi xa. Sao mờ dần. Ánh sáng hồng nhạt nhú lên sau rặng núi. Bình minh sắp về. Chàng nghe tiếng lá khô xào xạc. Bóng người mờ nhạt đang tiến về phía chàng. Chắc là người hàng xóm của mình. Chàng tự nhủ rồi đứng dậy. Khi đến gần, người hàng xóm cũng vừa nhận ra chàng dừng sĩ.

- Tráng sĩ.
 - Thừa cụ.
 - Tráng sĩ về bao giờ thế?
 - Cháu về lúc đầu hôm. Tại sao nhà cháu vắng bật thế này?
 - Tráng sĩ ngồi xuống đi.
- Chàng dừng sĩ cau mày.
- Cụ làm ơn cho cháu biết điều gì đã xảy ra.

Tiếng cụ già yếu dần, như tiếng gió thoảng nhưng chàng dừng sĩ tưởng như tiếng sét khủng khiếp làm chấn động cả núi rừng hoang dại. Thế giới quanh chàng như sụp đổ. Trên khuôn mặt in rõ nét kinh hoàng, vẻ đau khổ, thương tâm hiện ra không giấu giếm nơi con người từng xông pha lăn lộn bảy năm trong cuộc đời đầy cát bụi.

Minh: Câu chuyện này buồn thúi ruột.

Thảo: Chiến tranh mà. Chiến tranh có bao giờ vui!

Minh: Thế mà thế giới này hết chiến tranh này đến chiến tranh khác.

Thảo: Ngày nào con người còn cho tôn giáo của mình tốt hơn tôn giáo người khác, ngày đó còn chiến tranh.

Minh: Sao hôm nay Thảo nói như ông cụ non vậy.

Thảo: Không phải ý của mình đâu. Đó là câu nói của một nhà chính trị nổi tiếng mà Thảo quên mất tên rồi.

Minh: Theo mình thì có chiến tranh vì lòng tham và tính ích kỷ của con người.

Thảo: Thôi mình đi ăn đi. Quên chiến tranh đi. Nó buồn lắm!

Minh: Ừ. Nó buồn lắm! Thôi đi ăn!

Tập Nói Chuyện

1. Tình cảm của chàng dũng sĩ thay đổi như thế nào?
2. Theo em tại sao thế giới có chiến tranh?
3. Theo em điều gì đã xảy ra cho người vợ của chàng dũng sĩ?

Tập Viết Văn

Em có đồng ý với câu nói “*Khi nào con người còn cho tôn giáo của mình tốt hơn tôn giáo của người khác thì còn chiến tranh.*” hay không? Nếu có, tại sao? Nếu không, tại sao?

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

*Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa,
Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh.*
(Ca dao)

Tuấn: Ca dao Việt Nam phong phú quá phải không ba? Con đoán Đồng Đăng là một địa danh ở miền Bắc, nơi đó có phố đẹp tên Kỳ Lừa, có chùa nổi tiếng Tam Thanh và nàng Tô Thị...

Ba: Con thắc mắc về cô nàng này phải không? Đó là nhân vật trong sự tích *Hòn Vọng Phu* tức truyện người đàn bà chờ chồng đến hoá đá. Dân gian kể rằng có hai anh em nhà kia gia đình rất nghèo, người anh tên Tô Văn, người em là Tô Thị. Ngày nọ, trong lúc rọc mía, người anh làm văng con dao trúng đầu em gái mình, máu chảy lênh láng. Hoảng sợ vì tưởng người em đã chết, anh ta liền bỏ trốn. Thời gian trôi qua, Tô Văn lớn lên, lập gia đình với một cô gái hiền thực và khéo léo. Hai người sống với nhau rất hạnh phúc. Đến một ngày kia, Tô Văn khám phá vợ mình có một cái sẹo lớn trên đầu, bèn hỏi nguyên do. Sau khi nghe vợ kể sự tình, Tô Văn mới biết người vợ chính là Tô Thị, người em gái xưa. Chết điếng trong lòng, anh ta lặng lẽ ra đi. Người vợ mỗi mòn chờ đợi chồng. Cho đến một ngày nọ, nàng hoá thành hòn đá mà người đời gọi là *Hòn Vọng Phu*.

Tuấn: Câu chuyện tình này éo le quá, con ước gì nó khác đi một chút.



Ba: Vậy thì con sẽ thích nhạc sĩ Lê Thương. Ông ta đã viết ba bài *Hòn Vọng Phu 1, 2 và 3* trong đó nội dung được ông thay đổi chút ít. Phút chia tay diễn ra vào lúc người vợ đưa tiễn chồng ra trận mạc và chung thủy chờ đợi chàng trở về.

*Qua thiên san kìa ai tiễn rệu vừa tàn,
Vui ca vang rồi đi tiến binh ngoài ngàn,
Người đi ngoài vạn lý quan san,
Người đứng chờ trong bóng cô đơn.*

Hòn Vọng Phu 1

Lê Thương

Tuấn: Nhưng có phải giống như trong sự tích, người chồng không trở lại và nàng hoá thành hòn đá trơ gan cùng tuế nguyệt?

Ba: Đúng, phút chia tay tiễn chồng ra biên ải cũng là phút vĩnh biệt, họ không còn được gặp lại nhau nữa.

*Người không rời khỏi kiếp gian nan,
Người biến thành tượng đá ôm con.*

Hòn Vọng Phu 1

Lê Thương

Tuấn: Nhưng khi nói về chiến tranh và sự chia cách, con nhớ đến phim *Journey from the Fall* do Hàm Trần đạo diễn. Trong phim đó, giây phút chia tay xảy ra vào lúc cuộc chiến Nam Bắc Việt Nam chấm dứt và hàng ngàn gia đình phải chịu cảnh phân ly.

*Mẹ đặt tên em Nguyễn Thị Sài Gòn,
Em sanh ra đời một ngày cuối tháng tư,
Con thuyền mong manh vẫy tay từ biệt,
Gạt lệ ra đi, xin làm thân lữ thứ.*

Tình Ca cho Nguyễn Thị Sài Gòn.

Việt Dzũng

Trong phim, người chồng đi vào chốn lao tù trong khi vợ và đứa con trai quyết tâm vượt biển tìm tự do. Anh ta chết khi tìm cách vượt ngục trong khi vợ con được sống sót sau cuộc hành trình lênh đênh trên biển Đông.

Ba: Như vậy truyện này không có người chờ đợi mãi mòn à?

Tuấn: Có chứ, nhưng người đó không phải là người vợ mà là đứa con trai. Nó cứ tiếp tục gửi thư cho cha, mong một ngày nào đó sẽ được sum họp. Nhưng không giống như nàng Tô Thị trong sự tích *Hòn Vọng Phu* hay nàng chinh phụ trong bài hát của Lê Thương, đứa bé trai này đã không để cho sự tuyệt vọng xâm chiếm tâm hồn, làm chai sạn tình cảm. Nó ý thức rằng dù cha nó đã qua đời, cuộc sống xung quanh vẫn tiếp tục với những mời gọi cố hữu và nó phải hoà mình vào đó để tìm một hướng đi mới.

Ba: Ba ước gì ba cũng thật sự chia tay được với quá khứ...

Tuấn: Và tạm quên bài *Người Di Tàn Buồn* phải không?

*Chiều nay có một người,
Đôi mắt buồn nhìn xa xăm về quê hương rất xa,
Chợt nghe tên Việt Nam ôi thiết tha...*

Người Di Tàn Buồn

Nam Lộc

Bài tập 12

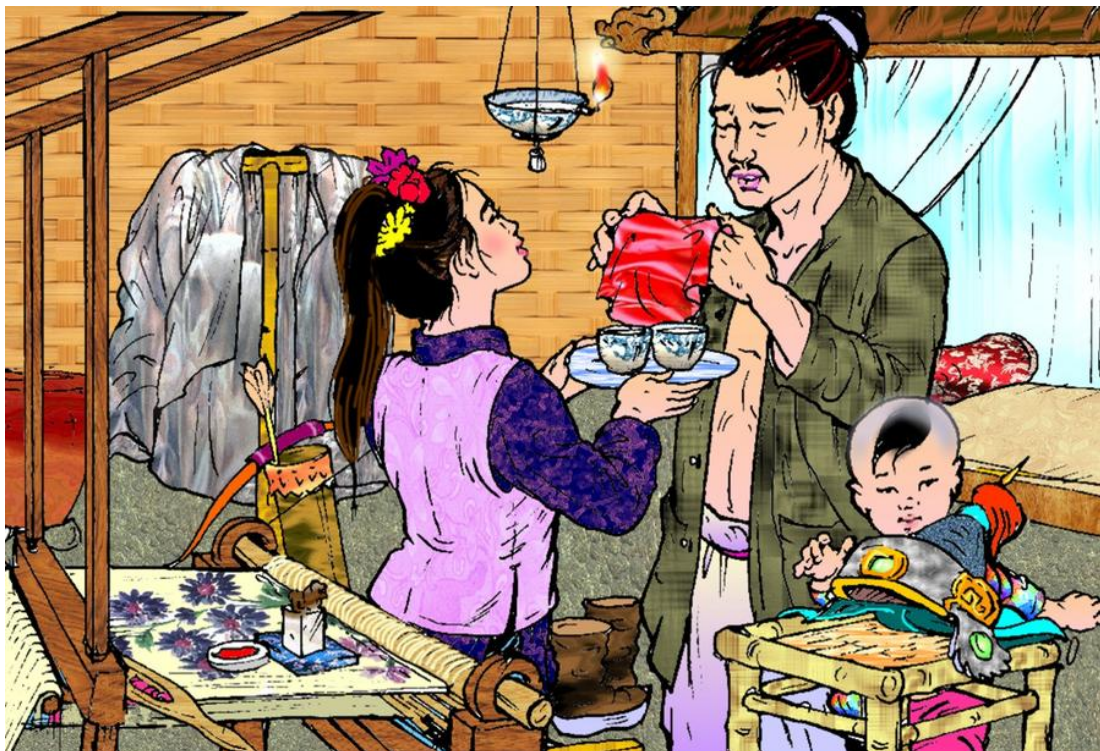
Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Bài đàm thoại này đề cập đến vấn đề gì? Việc nàng Tô Thị hoá đá tượng trưng cho điều gì?
2. Dựa vào sự tích *Hòn Vọng Phu* em có nhận xét gì về nhân vật Tô Văn và Tô Thị?
3. Nghe bài *Hòn Vọng Phu 1* của Lê Thương, em thấy diễn tiến sự việc khác với sự tích *Hòn Vọng Phu* như thế nào? Em có thích/không thích sự thay đổi này? Tại sao?
4. Qua bài *Phút Chia Tay* và bài hát *Hòn Vọng Phu*, em hãy cho biết các điểm tương đồng (giống nhau).
5. Hãy cho biết nguyên nhân và hậu quả của sự chia tay trong sự tích *Hòn Vọng Phu*, bài hát *Hòn Vọng Phu 1* và phim *Journey from the Fall*.
6. Kho tàng ca dao Việt Nam rất phong phú. Em hãy trích ra các câu ca dao nói về ba hoàn cảnh khiến người ta phải chia tay.
7. Hình ảnh đẹp về người vợ chờ đợi chồng sau phút chia tay không phải lúc nào cũng là sự thật. Em có biết những câu chuyện trong đó chỉ có chia tay mà không có đợi chờ không?

Tục Ngữ và Ca Dao

1. Xa xôi em chớ ngại ngùng,
Xa người, xa tiếng, nhưng lòng không xa.
2. Bước xuống tàu ruột gan bào thắt,
Trời hỡi trời, chồng Bắc, vợ Nam.
3. Núi cao chi lắm núi ơi!
Núi che mặt trời chẳng thấy người thương.
4. Con cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng nước mắt nỉ non,
Nâng về nuôi cái cùng con,
Đề anh đi trẩy nước non Cao Bằng.
(Người vợ tiễn chồng là lính đi đánh giặc tận Cao Bằng, tỉnh cực bắc của Việt Nam.)
5. Xa mặt cách lòng
(Ý nói khi người ta cách biệt thì tình cảm sẽ phai nhạt.)

Bài 3



Mơ Ngày Chiến Thắng

Thiếp chẳng đại như người **Tô phụ**,
Chàng hẳn không như lũ **Lạc Dương**.
Khi về đeo quả ân vàng,
Trên khung cửi, dăm **rầy ruộng** làm cao.

Xin vì chàng xếp bào, cỡi **giáp**,
Xin vì chàng rũ lớp **phong sương**.
Vì chàng tay **chuốc** chén vàng,
Vì chàng điểm phấn, đeo hương **não nùng**.

Mở khăn lệ, chàng trông từng tấm,
Đọc thơ sầu, chàng **thăm** từng câu.
Câu vui đôi lấy câu sầu,
Rượu khà cùng kể trước sau mọi lời.

Sẽ rót vui lần lần từng chén,
Sẽ ca lần **ren rén** từng thiên.
Liên ngâm đối ẩm đòi phen,
Cùng chàng lại kết mối duyên đến già.

Cho **bổ** lúc xa sầu cách nhớ,
Giữ gìn nhau vui thuở thanh bình.
Ngâm nga mong mỗi chữ tình,
Nhường này âu hẩn tài lành **trượng phu**.

Dịch giả Đoàn Thị Điểm

Sinh Hoạt

Nghe bài hát “Ngày Trở Về” rồi điền từ thiếu vào chỗ trống.

Ngày Trở Về Phạm Duy

1. Ngày trở về, anh _____ lê
2. Trên quãng đường đê đến bên _____ tre
3. Nắng vàng hoe, vườn rau trước hè cười đón người về.
4. Mẹ lần mò, ra trước _____
5. Năm áo người xưa ngổ trong giấc mơ
6. Tiếc rằng ta đôi mắt đã loà vì quá _____ chờ.
7. Ngày trở về, trong bếp vui
8. Anh nói chuyện nghe: _____ đời chiến sĩ
9. Sống say mê, đường xa lắm khi nương _____ về quê.
10. Chiều lặn tà, anh bước ra
11. Vườn khuya sáng mờ, ruộng đất _____ vu
12. Luống ghe ngạo, hẹn sớm _____ mơ anh về đồng lúa.
13. Ngày trở về, có anh nông phu _____ nạng cây bừa
14. Vì thương yêu anh nên _____ trở về
15. Có con trâu xanh hết lòng giúp _____.
16. Ngày trở về, lúa ngô thi nhau hát đùa trước _____
17. Gió mát trăng thanh, ôi ngày _____ về
18. Có anh thương binh _____ đời hoà bình.
19. Ngày trở về, những _____ hoa
20. Thăm thoát mười năm nhớ anh vắng xa
21. Có nhiều khi đời hoa chóng già vì thiếu mặn mà.
22. Đàn trẻ đùa bên lũy _____
23. Tiếng hát bình minh thoáng trên bãi dâu
24. Gió về đâu, còn thương tiếc người giọng hát rầu rầu.
25. Người kể rằng: Ai hỡi ai
26. Ai nhớ chuyện ai, chuyện người con gái
27. Chiến binh ơi, vì sao _____ tan gia đình yên vui
28. Đừng giận hờn, thôi tiếc _____
29. Vì Xuân đã về trên khắp quê hương
30. Chớ thẹn thùng vì nếu tôi quen em _____ đồng vắng.
31. Ngày trở về, có anh thương binh lấy vợ hiền _____

32. Người đẹp bên anh, ta cùng học hành
 33. Những khi tan công, hết việc, _____ gánh.
 34. Ngày lại ngày có em vui tươi _____ gạo bếp nước
 35. Có nắm cơm ngon, ôi trời lạnh lòng
 36. Có đôi uyên ương sống đời _____ nồng.

Từ Vựng

1. Tô phụ	(dt.):	vợ Tô Tần, một thuyết khách nổi tiếng của Trung Hoa thời xưa.	<i>Tô Tần's wife</i>	(n.)
2. Lạc Dương	(dt.):	tên một địa phương ở Trung Hoa	<i>Luoyang, name of a place in China</i>	(n.)
3. phong sương	(dt.):	sự vất vả, dày dạn theo thời gian; còn nghĩa là bụi bặm	<i>hardships of life; dust</i>	(n.)
4. liên ngâm	(đt.):	mỗi người luân phiên ngâm lên một câu thơ	<i>to recite alternatively a verse or a poem</i>	(v.)
5. đôi ẩm	(đt.):	ngồi đối mặt nhau uống rượu hoặc trà	<i>to drink together</i>	(v.)
6. đôi phen	(trt.):	vài lần	<i>several times</i>	(adv.)
7. trượng phu	(dt.):	người đàn ông có tài đức, có khí phách quân tử	<i>a noble man, a gallant man</i>	(n.)
8. thăm	(đt.):	nghiên ngẫm	<i>to ponder, think over</i>	(v.)
9. ren rén	(trt.):	rất nhẹ	<i>softly</i>	(adv.)
10. bổ	(đt.):	bù lại	<i>to compensate, to make up for</i>	(v.)
11. (áo) giáp	(dt.):	áo ngăn gươm giáo	<i>armour, coat of mail</i>	(n.)
12. lâm cao	(đt.):	tỏ vẻ ta đây	<i>to show snobbish appearance</i>	(v.)
13. não nùng	(trt.):	rất buồn hoặc rất đẹp làm nao lòng người	<i>awe-inspiringly, impressively</i>	(adv.)
14. chuốc	(đt.):	rót (rượu)	<i>to serve with, pouring (wine)</i>	(v.)

15. rẫy ruồng	(đt.): hắt hủi, rẻ rúng	<i>to repudiate, to forsake, to desert, to abandon</i>	(v.)
16. thiếp	(đdt.): tôi - tiếng phụ nữ xưng hô với chồng hay người có địa vị cao hơn	<i>I (used by woman when talking to her husband)</i>	(pron.)
17. chàng	(đdt.): anh, ông (dành cho đàn bà gọi chồng hay người yêu)	<i>you (used by woman to call her husband or lover)</i>	(pron.)

Chú ý: Hai từ “chàng” và “thiếp” không phải là từ phản nghĩa nhau mà chỉ là “phối từ” hay là “từ đối ngẫu” (counterparts) mà thôi.

- (Cha-con, thầy-trò, vợ-chồng, sông-núi, vua-tôi, quân-dân, cá-nước, v.v... đều là từ đối ngẫu, chứ không phải là từ phản nghĩa nhau.)

Bài tập 1

Dùng những từ sau đây để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **Lạc Dương, nãi nùng, rẫy ruồng, Tô phụ, liên ngâm, ần, trượng phu, phong sương, đối ẩm, bổ, thẩm, điểm phấn đeo hương.**

- Những người đàn bà chỉ đối đãi với chồng tốt khi chồng thành công được xem như người _____.
- Đất _____ là quê quán của Tô Tần.
- Chỉ có tướng mới có quyền đeo _____ mà thôi.
- Thuở còn nghèo khổ, chưa đạt được công danh, Tô Tần bị cả gia đình _____.
- _____ có nghĩa là trang điểm cho đẹp.
- _____ có nghĩa là thay phiên nhau ngâm thơ.
- Ngày xưa, vợ chồng cùng nhau _____ là một hình ảnh gia đình hạnh phúc.
- Sau khi trang điểm xong, người vợ có một sắc đẹp _____.
- Chinh phu là người chiến đấu, dày dạn _____.
- Chinh phụ ở nhà, chờ chồng và xem chồng mình là một đấng _____.
- Chinh phu _____ từng câu thơ vợ làm có nghĩa là đọc kỹ và thẩm thía từng câu.
- Hai vợ chồng cùng nhau tâm sự, uống rượu, ngâm thơ cho _____ những ngày xa cách.

Bài tập 2

Tìm từ đồng nghĩa với những từ sau đây:

- | | | |
|----------------------|---|-------|
| 1. đại | = | _____ |
| 2. đeo | = | _____ |
| 3. ren rén | = | _____ |
| 4. (vẻ đẹp) nãi nùng | = | _____ |
| 5. đòi phen | = | _____ |

Bài tập 3

Tìm từ phản nghĩa với những từ sau đây:

- | | | |
|---------------|---|-------|
| 1. rầy ruồng | ≠ | _____ |
| 2. vơi | ≠ | _____ |
| 3. giữ gìn | ≠ | _____ |
| 4. thanh bình | ≠ | _____ |
| 5. ren rén | ≠ | _____ |

Phân Tích

A. Văn thể: Thơ song thất lục bát.

B. Đại ý: Mong ngày đoàn tụ.

C. Bố cục: Bài này có thể chia thành năm đoạn. Mỗi đoạn có bốn câu.

D. Giải thích:

Đoạn 1: *“Thiếp chẳng đại như người Tô Tần,
Chàng hẳn không như lũ Lạc Dương.
Khi về đeo quả ấn vàng,
Trên khung cửi, dám rầy ruồng làm cao.”*

Đoạn thơ này liên hệ đến chuyện Tô Tần ngày xưa, lúc chưa lập công danh bị vợ coi khinh. Một lần ông về nhà trong bộ quần áo rách rưới, vợ đang dệt vải không thèm chào hỏi. Khi ông thành danh trở về, người vợ thay đổi thái độ. “Lũ Lạc Dương” trong câu thơ này chỉ Tô Tần thuở hàn vi.

Người thiếu phụ đưa ra hình ảnh vợ Tô Tần là người vợ không biết nhân nghĩa để so sánh với mình, người biết tình nghĩa vợ chồng. Còn chồng của mình được so sánh với Tô Tần nhưng không giống Tô Tần ở chỗ bị vợ coi rẻ.

Đoạn 2: *“Xin vì chàng xếp bào cởi giáp.
Xin vì chàng rũ lớp phong sương.
Vì chàng tay chuốc chén vàng.
Vì chàng điểm phấn đeo hương nãi nùng.”*

Trong đoạn thơ này, chinh phụ tưởng tượng cảnh chồng về, nàng sẽ săn sóc chồng, giúp chồng xếp áo bào, cởi áo giáp; chuẩn bị quần áo cho chồng thay đổi để rũ bụi đường xa. Nàng sẽ làm tiệc tẩy trần, chúc mừng chồng bằng cách mời rượu đựng trong chén vàng và trang điểm cho chồng yêu thích mặc dù bản thân mình là người đơn giản, không thích trang điểm.

Đoạn 3: *“Mở khăn lệ, chàng trông từng tấm.
Đọc thơ sâu, chàng thấm từng câu.
Câu vui đối lấy câu sầu.
Rượu khà cùng kể trước sau mọi lời.”*

Khi chồng về, người vợ sẽ cho chồng xem những chiếc khăn mà nàng đã dùng để lau nước mắt khi nhớ chồng. Người vợ cũng cho chồng xem những câu thơ mà nàng làm khi vợ chồng xa cách, để thăm thía nỗi sầu của vợ. Tuy nhiên, những câu thơ buồn của người vợ được an ủi bởi những lời chia sẻ, những câu chuyện vui của người chồng trong buổi tiệc rượu đoàn viên.

Đoạn 4: “*Sẽ rót vui lần lần từng chén.
Sẽ ca lần ren rén từng thiên.
Liên ngâm đối ẩm đôi phen.
Cùng chàng lại kết mối duyên đến già.*”

Chinh phụ lại tưởng tượng ra hình ảnh mình rót rượu cho chồng, bình rượu (hoặc trà) vui dần khi cùng chồng ngâm thơ, đối đáp; cùng cảnh thơ mộng mình ngồi đàn và hát nho nhỏ cho chồng nghe. Hai vợ chồng sẽ sống hạnh phúc bên nhau cho đến già.

Đoạn 5: “*Cho bỏ lúc xa sầu cách nhớ.
Giữ gìn nhau vui thú thanh bình.
Ngâm nga mong mỗi chữ tình.
Nhường này âu hã tài lành trượng phu.*”

Chinh phụ mơ ngày vợ chồng nàng sum họp bù lại những ngày xa cách, đồng thời cũng tin tưởng vào tình yêu của người chồng vì nàng biết chồng mình là một người đàn ông tốt, có tài đức.

Ngữ Pháp

Thì Tương Lai Trong Tiếng Việt *The Future Tense*

Xét các câu sau đây:

1. **Sẽ** rót vui lần lần từng chén.
2. **Sẽ** ca lần ren rén từng thiên.
3. Trước khi vào học, Minh **sẽ** đi nghỉ hè với ba má ở Canada.
4. Vì **sẽ** đi những chuyến nghỉ mát ngắn hạn với ba mẹ.

Cả bốn câu trên đều dùng từ **sẽ** để diễn tả hành động, sự việc sẽ xảy ra trong tương lai.

Để diễn tả một hành động hay một sự việc xảy ra trong tương lai, người ta dùng từ **sẽ** trước động từ.

Với trạng từ chỉ thì tương lai như **tuần sau**, **năm tới**, v.v..., nếu không dùng từ **sẽ**, chúng ta vẫn hiểu hành động xảy ra trong tương lai.

Ví dụ: - **Tuần sau** ba tôi về Việt Nam.
- **Năm tới** trường tôi xây thêm phòng thể dục.

Bài tập 4

Thêm từ **sẽ** vào các câu sau để nhấn mạnh hành động xảy ra trong tương lai:

1. Hè này bạn làm gì?
2. Chúng tôi về nghỉ hè ở Việt Nam.
3. Hè này Minh đi học toán ở UC Santa Cruz.
4. Ba má đưa chúng tôi về thăm quê.
5. Những ngày hè là những ngày đầy thú vị.

Bài tập 5

Trong các câu sau, câu nào diễn tả thì tương lai?

1. Hè vừa qua, tôi đi thăm bà ngoại cùng với mẹ tôi.
2. Ngày mai ba đi lấy vé máy bay.
3. Mùa hè tới Minh đi học đàn.
4. Năm ngoái tôi đi nghỉ hè ở châu Âu.
5. Tuần sau đội banh chúng ta thi đấu với trường Yerba Buena.

Bài tập 6

Viết lại các câu dưới đây ở thì tương lai bằng cách thêm từ “**sẽ**” vào:

Xin vì chàng xếp bèo, cởi giáp.
Xin vì chàng rũ lớp phong sương.
Vì chàng tay chuốc chén vàng.
Vì chàng điểm phấn đeo hương nãi nung.

Mở khăn lệ, chàng trông từng tấm.
Đọc thơ sầu, chàng thăm từng câu.
Câu vui đổi lấy câu sầu.
Rượu khà cùng kẻ trước sau mọi lời.

Độc Hiểu

Bài tập 7

Cho biết những từ sau đây là sự kiện (SK) hay ý kiến (YK).

1. Người Tô phụ rất ngu dại.
2. Lũ Lạc Dương là bọn bất tài.
3. Chính phủ đeo quả ấn vàng.
4. Người Tô phụ rầy ruồng chồng khi chồng còn hàn vi.
5. Chính phủ mời chồng uống rượu.
6. Chính phủ trang điểm trông rất đẹp.

7. Chinh phụ hát rất hay.
8. Chinh phụ ngâm thơ, uống rượu với chồng.
9. Chinh phụ rất nhớ chồng.
10. Chinh phu đáng được kính phục.

Bài tập 8

Thơ song thất lục bát có hình thức như thế nào?

Bài tập 9

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Chinh phụ nghĩ gì về bản thân mình?
2. Nàng nghĩ gì về chồng nàng?
3. Nàng tưởng tượng lúc trở về chàng sẽ thành công hay thất bại?
4. Nàng đón tiếp chồng như thế nào?
5. Nàng sẽ đưa gì cho chàng xem? Để làm gì?
6. Tại sao nàng cho chàng xem những bài thơ mình đã làm?
7. Nàng nghĩ gì về đời sống vợ chồng sau đó?
8. Tại sao nàng nghĩ vợ Tô Tần là người ngu dại?
9. Chinh phụ và Tô phụ khác nhau ra sao?
10. Chinh phụ có kính trọng chồng không? Sao ta biết được?
11. Câu thơ nào nói rằng nàng sẽ vui sống với chồng đến hết cuộc đời?

Bài tập 10

Hãy giải thích ba câu ca dao sau đây.

1. Bấy lâu vắng mặt khát khao,
Bấy giờ thấy mặt, tình sao hồi tỉnh!
2. Sông dài cá lội biệt tăm,
Đã duyên chồng vợ, trăm năm cũng chờ.
3. Trăm năm may rủi một chồng,
Dầu ai vẽ phụng thêu rồng mặc ai.

Tập Làm Văn

1. Viết một đoạn văn tả cảnh vợ chồng đoàn tụ trong bài thơ.
2. Viết lại đoạn hai trong bài thơ bằng văn xuôi, thêm chủ từ vào những câu thiếu.

Nói Với Nhau

- Bảo:** Người vợ trong *Chinh Phụ Ngâm* thật là tốt. Người chồng đi lính xa nhà mà vẫn chung thủy, mong chồng về.
- Nghĩa:** Đúng rồi đó. Không phải như vợ Tô Tần chẳng ngó ngang chi đến chồng khi chồng mình còn thất cơ lỡ vận.
- Bảo:** Bạn nói đến vợ Tô Tần làm mình nhớ đến bài *Thế Thái Nhân Tình* của Nguyễn Bình Khiêm.
- “Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử,
Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi.”*
- Nghĩa:** Ừ, vợ Tô Tần là người như vậy đó. Bà ta hồn hào, coi thường chồng khi chồng công chưa thành, danh chưa toại.
- Bảo:** Trong khi chinh phụ, cũng là phụ nữ Á Đông, nhưng hết mực thương chồng, dịu dàng với chồng.
- Nghĩa:** Tớ nghĩ mà tội cho phụ nữ thời xưa quá! Chồng đi chinh chiến, biệt tăm hơi, khi nào về mới thấy mặt, không hề biết tin tức chồng mình ra sao.
- Bảo:** Vậy mà vẫn chung thủy chờ chồng mới là người đáng quý.
- Nghĩa:** Còn phụ nữ ngày nay may mắn hơn nhiều. Chồng đi chiến đấu xa nhà, họ vẫn có thể liên lạc với chồng qua các phương tiện thông tin, như điện thoại hay Internet.
- Bảo:** Nhờ vậy mà vợ chồng xa nhau, nỗi buồn cũng vơi được phần nào.

Tập Nói Chuyện

1. Theo em, chinh phụ có phải là người vợ tốt không? Vì sao?
2. Người vợ có chồng gia nhập quân đội hiện nay có những cách gì liên lạc với chồng?

Tập Viết Văn

Theo em, những đức tính nào mà một người phụ nữ cần có?

Đàm Thoại - Nghe Hiểu

- Tâm:** Anh Khánh ơi, hôm nay em thấy người ta biểu tình đông đảo ngoài đường phố. Họ mang các biểu ngữ thật to lớn với hàng chữ “Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam”. Họ có ý gì vậy anh?
- Khánh:** Đây là một vấn đề thời sự nóng bỏng đó em. Hoàng Sa và Trường Sa là hai quần đảo nằm ngoài khơi bờ biển Việt Nam. Chung quanh chúng còn có những hòn đảo nhỏ hơn và hiện nay có nhiều quốc gia vùng Đông Nam Á đang tranh chấp giành chủ quyền.
- Tâm:** Họ là ai và tại sao họ muốn giành giật các đảo nhỏ này?
- Khánh:** Thì các quốc gia như Nhật Bản, Phi Luật Tân, Đài Loan, Việt Nam và Trung Quốc đều đồng loạt lên tiếng cho rằng mình thật sự làm chủ các hòn đảo trên. Anh nghĩ họ tranh dành nhau như vậy vì vùng đó có nhiều mỏ dầu hoá.

- Tâm:** Nhưng luật pháp quốc tế đâu cho phép như vậy. Việt Nam mình có bằng chứng gì về chủ quyền không anh?
- Khánh:** Có chứ. Theo sử sách, Hoàng Sa thuộc về Việt Nam từ thời chúa Nguyễn và trên đảo đó người ta còn tìm được tấm bia trên đó có ghi rõ chủ quyền thuộc về nước Việt. Với hoà ước Patenôtre (1884) người Pháp bắt đầu cai trị Việt Nam và năm 1938 người Pháp đã xác nhận chủ quyền của họ trên quần đảo Hoàng Sa.
- Tâm:** Vậy thì Hoàng Sa là của Việt Nam, cần gì phải biểu tình cho mệt!
- Khánh:** Em không biết đó thôi, hiện nay Trung Quốc đang chiếm đóng nơi đó. Nhưng cộng đồng người Việt mình không chịu nhượng bộ dễ dàng nên mới xảy ra nhiều cuộc biểu tình như vậy.
- Tâm:** Em nghĩ đảo Hoàng Sa thuộc về Việt Nam vì chắc chắn người Pháp còn lưu trữ lại bản đồ Đông Dương trong đó có ghi rõ quần đảo này thuộc về ta, đúng không anh?
- Khánh:** Chuyện chính trị rắc rối quá, hy vọng luật quốc tế sẽ giúp Việt Nam lấy lại Hoàng Sa.
- Tâm:** Còn Trường Sa?
- Khánh:** Nghe đâu hiện nay quần đảo này đang trong vòng tranh chấp giữa Việt Nam và Trung Quốc. Hai phe đều có những dụng độ nhỏ với nhau.
- Tâm:** Em hy vọng Việt Nam lấy lại được hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đó là giấc mơ chiến thắng của tất cả người Việt.

Bài tập 11

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng câu đầy đủ.

1. Em hãy tìm hiểu về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa như vị trí, tài nguyên, lịch sử, v.v. ...
2. Tại sao người ta nói Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam?
3. Hiện nay hai quần đảo này gặp vấn đề nào? Nguyên nhân là gì?
4. Một số quốc gia hiện nay đang tranh chấp về chủ quyền tại Hoàng Sa và Trường Sa. Em hãy tìm hiểu và cho biết những tin tức mới nhất. Nếu chưa có giải pháp nào được đưa ra, theo em vấn đề nên được giải quyết như thế nào?
5. Trong lịch sử Việt Nam, đã có nhiều lúc người dân Việt mơ ngày chiến thắng. Em hãy chọn một giai đoạn để kể lại.

BẢNG TỪ VỰNG / GLOSSARY

Danh từ:	viết tắt là dt.	Noun
Đại danh từ:	viết tắt là đdt.	Pronoun
Động từ:	viết tắt là đt.	Verb
Giới từ:	viết tắt là gt.	Preposition
Liên từ:	viết tắt là lt.	Conjunction
Tính từ:	viết tắt là tt.	Adjective
Trạng từ:	viết tắt là trt.	Adverb

ả (dt):	đàn bà, con gái (n): female, lass, gal (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
a hoàn (ả hoàn) (dt.):	đầy tớ gái trẻ tuổi (n.): maid (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
á khẩu (tt.):	tạm thời không nói được (adj.): temporarily unable to talk (<i>Rừng Mắm</i>)
ái ngại (đt.):	thương cảm, có phần lo lắng cho tình cảnh của người khác (v.): to feel compassion for, to feel worried about (<i>Màu Tím Hoa Sim</i>)
ám ảnh (đt.):	luôn lớn vồn trong trí óc, khiến cho phải suy nghĩ, không yên tâm (v.): to obsess, to haunt (<i>Rừng Mắm</i>)
am mây (dt.):	ngôi chùa ở chỗ núi non thường có mây che phủ (n.): (literally, a temple in the clouds), a secluded Buddhist temple (<i>Ngài Sum Hạp</i>)
âm u (tt.):	tối tăm, vắng vẻ, lặng lẽ (adj.): gloomy, dreary (<i>Nhớ Rừng</i>)
ân ái (dt.):	tình thương yêu (n.): love (<i>Ngài Sum Hạp</i>)
ăn mày (đt.):	van xin (v.): to beg (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
ân nhân (dt.):	người giúp đỡ người khác trong lúc khó khăn (n.): benefactor (<i>NCX-Ấn Nhân</i>)
án sát (dt.):	chức quan phụ trách việc hình (luật pháp) ở một tỉnh thời xưa (n.): feudal provincial mandarin in charge of criminal cases (<i>NCX-Ấn Nhân</i>)
ao (dt.):	chỗ đào sâu xuống để giữ nước, thường ngay cạnh vườn nhà ở nông thôn để thả cá, nuôi bèo, trồng rau muống (n.): pond (<i>Thú Nhàn</i>)
(áo) giáp (dt.):	áo ngăn gươm giáo (n.): armour, coat of mail (<i>CPN-Mơ Ngày Chiến Thắng</i>)
áo quần như nen:	(áo quần: người) cảnh người chen chúc nhau crowded, jam-packed with people (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
áo toi (dt.):	áo đi mưa (n.): raincoat (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
ấp úng (đt.):	nói lúng túng không nên lời (v.): to stammer (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)

ắt hẳn (trt.):	chắc là (adv.): certainly, surely, perhaps (<i>Chúc Tết</i>)
bà Án (dt.):	vợ quan Án sát (n.): wife of a provincial mandarin (<i>NCX-Đổi Đầu</i>)
ba khía (dt.):	thứ cua nhỏ ở miền Nam (n.): kind of crab (<i>Rừng Mắm</i>)
ba sinh (dt.):	ba kiếp chuyển sinh: quá khứ, hiện tại, và vị lai (n.): (Buddhist belief) three spans of life: the present, past, and future (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
bạc (dt.):	tiền bạc (n.): money (<i>Chúc Tết</i>)
bạc ác (tt.):	không có tình nghĩa, sống bất nhân, hay hại người (adj.): ruthless (<i>Thế Thái Nhân Tình</i>)
bạc mệnh (dt.):	số phận không may mắn, gian truân (n.): unlucky fate, poor fate (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
bẩm (đt.):	thừa với người trên (v.): Sir/Madam - to report to the superiors (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
bấm bụng (đt.):	cố nén chịu, không để lộ ra cho người khác biết (v.): to hold back, to endure without uttering a word (<i>Mẹ Con</i>)
bần thần (trt.):	kém sắc khí tinh anh, nét mặt biểu hiện sự mệt mỏi hoặc bần khoản lo nghĩ (adv.): haggardly (<i>Mẹ Con</i>)
bàng hoàng (đt.):	choáng váng (v.): to be stunned, dazed (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
bâng khuâng (trt.):	ngẩn ngơ, vẩn vơ (adv.): aimlessly (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
bất hoà (tt.):	không thuận hoà, hay xích mích gây gổ với nhau (adj.): discordant, disagreeable (<i>Mẹ Con</i>)
bất mục (tt.):	không hoà thuận (adj.): discordant, disagreeable (<i>NCX-Đổi Đầu</i>)
bất quá (trt.):	chỉ đến mức ấy (bất: chẳng; quá: đến) (adv.): at most (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
bất thần (trt.):	thình lình, đột nhiên (adv.): suddenly (<i>NCX-Đổi Đầu</i>)
bay (dt.):	dụng cụ của thợ nề có lưỡi bằng sắt hoặc thép mỏng, cán tròn (n.): trowel (<i>Anh Phải Sống</i>)
bầy (trt.):	bầy nhiêu, biết mấy, biết bao nhiêu (adv.): much (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
bệ rồng (dt.):	bệ đặt ngai vua, ý nói muốn ra mắt hay gặp trực tiếp đức vua (n.): throne (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
bền chí (trt.):	kiên nhẫn, dù khó khăn cũng không nản, không lùi, không nao núng (adv.): patiently, perseveringly (<i>Rừng Mắm</i>)
bẽn lẽn (trt.):	một cách thẹn thùng, rụt rè (adv.): shyly, coyly (<i>NCX-Hai Chị Em, NCX-Trên Đồi</i>)

bí hiểm (tt.):	ngầm kín, khó biết, khó dò ra được (adj.): unfathomable (<i>Nhớ Rừng</i>)
bĩ sắc tư phong :	bĩ có nghĩa cái kia, sắc có nghĩa bị khiếm khuyết, tư là cái này, còn phong có nghĩa là được phong phú. Ý nói luật bù trừ, kém điều này thì được điều kia. (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
bị sỉ nhục (tt.):	cảm thấy nhục nhã (adj.): humiliated (<i>Cây Huê Xà</i>)
biến cải (dt.):	biến đổi, thay đổi (v.): to change (<i>Thế Thái Nhân Tình</i>)
biệt tịch (tt.):	tách biệt, riêng một mình (adj.): alone, separated from society (<i>Rừng Mắm</i>)
bình hương (dt.):	bình để cắm hương (n.): incense burner (<i>Màu Tím Hoa Sim</i>)
bổ (dt.):	bù lại (v.): to compensate, to make up for (<i>Mơ Ngày Chiến Thắng</i>)
bồ côi bồ cút (tt.):	mồ côi mồ cút, không cha không mẹ (adj.): orphaned (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
bộ đội (dt.):	người lính (n.): soldier (<i>Màu Tím Hoa Sim</i>)
bổ kinh (dt.):	do chữ “kinh thoa bổ quần” là cái thoa bằng gai, cái quần bằng vải, chỉ người vợ hiền. Vì xưa nàng Mạnh Quang là vợ Lương Hồng đời Hậu Hán chỉ dùng đồ ấy (n.): good wife, virtuous wife (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
bộ thất sự (dt.):	bộ đồ thờ gồm bảy thứ đồ đồng (n.): set of seven pieces of worship objects (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
bơ vơ (trt.):	lẻ loi, trơ trọi (adv.): alone, desolately (<i>Mẹ Con</i>)
bội hôn (dt.):	không giữ lời hứa trong việc cưới xin (v.): to break an engagement (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
bội ước (dt.):	không làm đúng lời giao ước, thoả thuận (v.): to break a promise (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
bốn cợt (tt.):	để đùa vui (adj.): jestful (<i>NCX-Ấn Nhân</i>)
bóng hồng (dt.):	bóng dáng của người phụ nữ đẹp (n.): appearance of pretty ladies (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
bông lau (dt.):	hoa của cây lau (n.): reed's flowers (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
bóng tà (dt.):	bóng mặt trời lặn (n.): the dusk of sunset (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
bóng xế tà (dt.):	lúc hoàng hôn (n.): twilight (<i>Qua Đèo Ngang</i>)
bu (dt.):	(phương ngữ miền quê Bắc Việt) mẹ (n.): mother (<i>Anh Phải Sống</i>)
búi (tóc) (dt.):	tóc được quấn lại thành một bó tròn nhỏ ở phía sau (n.): bun of hair (<i>Màu Tím Hoa Sim</i>)

bùi ngùi (tĩnh động từ):	cảm thấy buồn ray rút trong lòng (v.): to be melancholy, sad (<i>Mẹ Con</i>)
bùng bùng cháy (đt.):	rực lên, mạnh lên (v.): to go up in flames, to blaze up (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
bướm hoa (dt.):	nghĩa đen: bắt bướm hái hoa, thú vui thời thơ ấu; nghĩa bóng: chuyện yêu đương, trai gái (n.): flirtation (<i>Cảm Xúc</i>)
buôn (đt.):	mua hàng rồi bán lại với giá cao hơn để kiếm lời (v.): to buy in, deal in (<i>Chúc Tết</i>)
buồng the (dt.):	phòng riêng của phụ nữ (n.): female chamber, boudoir (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
buồng thêu (dt.):	phòng riêng của phụ nữ (n.): female chamber, boudoir (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
buột mồm (đt.):	vô ý nói ra một điều gì (v.): to make a slip of the tongue (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
bút nghiên (dt.):	viết mực và cái mài mực, việc học (n.): brush and inkslab (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
cả (tt.):	to lớn (adj.): huge, large (<i>Nhớ Rừng</i>)
ca nhi (dt.):	người ca kỹ, kỹ nữ, nữ ca sĩ (n.): singer (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
cách sinh nhai (dt.):	cách làm ăn sinh sống (n.): livelihood, making a living (<i>Anh Phải Sống</i>)
cái gia gia (dt.):	con chim đa đa (n.): partridge (<i>Qua Đèo Ngang</i>)
cái xó (dt.):	chỗ khuất, ít có người lui tới (n.): out-of-the-way, corner (<i>Rừng Mắm</i>)
cầm cờ (dt.):	đàn và cờ, ý nói tình bạn bè (n.): lute and chess, symbol of friendship (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
cắm cổ chạy (đt.):	mãi miết chạy (v.): to run head first (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
cam đoan (đt.):	bảo đảm, chắc chắn (v.): to assure (<i>NCX-Đối Đầu</i>)
căm hờn (dt.):	một mối thù hận (n.): hatred (<i>Nhớ Rừng</i>)
cầm sắt (dt.):	đàn cầm và đàn sắt hoà thanh với nhau, ám chỉ tình vợ chồng (n.): lute and lyre, symbol of conjugal love; marriage (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
cầm thư (dt.):	cầm là đàn cầm, thư là sách. Đàn và sách là bạn của người học trò. Đây có nghĩa là công việc học hành. (n.): musical instruments and books; work of scholars (<i>Đi Thi Tự Vịnh</i>)
Cam Tuyền (dt.):	núi ở phía Tây Bắc Tràng An (n.): Kan-ch'uan mountain (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
cảm xúc (dt.):	sự rung động trong lòng khi gặp chuyện vui buồn (n.): feeling, emotion (<i>Cảm Xúc</i>)

cáo biệt (đt.):	chào từ biệt (v.): to bid farewell (<i>NCX-Ấn Nhân</i>)
cảo thơm (dt.):	Ngày xưa người ta thường ép một loại cỏ có mùi thơm vào sách cho khỏi bị mối mọt ăn. Cuốn sách hay. (v.): scented manuscript; good book (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
cao thượng (tt.):	vượt trên những cái tầm thường (adj.): noble (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
cập kê (tt.):	con gái đến 15 tuổi thì búi tóc và cài trâm, nghĩa là từ đó đã thành người khôn lớn. (adj.): reaching marriageable age, nubile (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
câu giòn (dt.):	con ngựa đẹp (n.): a beautiful horse (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
cầu nhàu (đt.):	lầm bầm, tỏ ý bực mình (v.): to grumble, to grunt (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
cầu Vĩ (dt.):	cầu bắc qua sông Vĩ cách Hàm Dương, thủ đô nước Tần 20 dặm phía Đông Nam (n.): Wei Bridge (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
(cây) bần (dt.):	loài cây ở vùng nước lợ, có rễ mọc nhô lên khỏi mặt bùn (n.): mangrove apple tree (<i>Rừng Mắm</i>)
cây bình bát (dt.):	loài cây thuộc họ na, măng cầu (n.): anona asiatica, custard apple (<i>Rừng Mắm</i>)
cay cực (dt.):	sự đau khổ, xót xa (n.): misery (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
(cây) mắm (dt.):	cây mọc ở vùng đầm lầy, ven biển (n.): mangrove tree (<i>Rừng Mắm</i>)
cây quỳnh cảnh dao (dt.):	cây ngọc quỳnh, cảnh ngọc dao (n.): jade and ruby grove (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
(cây) sim (dt.):	cây mọc nhiều ở rừng núi miền Trung Việt Nam, có hoa đẹp màu tím nhạt, thân cây cao từ 1 đến 2 mét, lá hình trứng, đầu nhọn, gốc thon dần, cuống dài, có trái ăn rất ngon (n.): myrtle (<i>Màu Tím Hoa Sim</i>)
(cây) tràm (dt.):	cây to, lá có mùi thơm dùng để cất tinh dầu (n.): melaleuca tree/ cajeput tree (<i>Rừng Mắm</i>)
cây trường sinh (dt.):	còn gọi là cây sống đời, cây thuốc bỏng, dân gian làm thuốc chữa phỏng, cầm máu, đắp vết thương, sưng đau (n.): life leaf, air plant, miracle leaf (<i>Mẹ Con</i>)
chậm nguồn (đt.):	chảy chậm (v.): to flow slowly (<i>Đôi Mắt Người Sơn Tây</i>)
chan (đt.):	tuôn trào ra (v.): to run down profusely (tears) (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
chân dung (dt.):	bức vẽ người (n.): portrait (<i>Áo Lụa Hà Đông</i>)
chăn gối (dt.):	đời sống vợ chồng (n.): living as husband and wife, connubial life (<i>Ngày Sum Họa</i>)

chàng (đdt.):	anh, ông (dành cho đàn bà gọi chồng hay người yêu) (pron.): you (used by woman to call her husband or lover) (CPN-Mơ Ngày Chiến Thắng)
chằng chịt (tt.):	đan vào nhau, không phân biệt được đầu mối (adj.): entangled (Rừng Mắm)
chàng Tiêu (dt.):	tức Tiêu Lang. Tiêu Lang có vợ là Lục Châu bị bắt dâng cho Quách Tử Nghi. Từ đó Tiêu Lang gặp vợ cứ làm ngơ như khách qua đường vì sợ Tử Nghi giết. (n.): Hsiao (Ngày Sum Hạp)
chập chờn (đt.):	khi tỉnh khi mê (v.): to be flickering, wavering (Hai Kiêu Gặp Kim Trọng)
chất phác (tt.):	thật thà, mộc mạc (adj.): simple-hearted, simple minded (Anh Phải Sống, NCX-Ân Nhân)
châu sa (dt.):	giọt nước mắt chảy xuống như hạt ngọc rơi (n.): pearl-like tear drops (Kiều Đi Thanh Minh)
chè chén (dt.):	trà và thuốc bắc (n.): tea and herb medicine (Phận Hồng Nhan)
chế riếu (đt.):	đem ra làm trò cười (v.): to mock (NCX-Hai Chị Em)
chen (đt.):	len vào để chiếm chỗ (v.): to creep in, to jostle (Qua Đèo Ngang)
chen chúc (đt.):	chen lấn nhau một cách lộn xộn, không có trật tự (v.): to hustle, push one another (Anh Phải Sống)
chí (dt.):	ý muốn kiên trì theo đuổi một việc (n.): will, resolution (Chí Làm Trai)
chia tay (đt.):	từ biệt (v.): to part (CPN-Phút Chia Tay)
chiếc bách (dt.):	thuyền bằng gỗ bách (cây tựa cây thông) (n.): wooden boat (NCX-Ân Nhân)
chiêm bao (dt.):	giấc mơ (n.): dream (Thú Nhàn, Tương Tư)
chiến binh (dt.):	người lính (n.): combatant, soldier (Màu Tím Hoa Sim)
chiến khu (dt.):	vùng có chiến tranh (n.): war zone (Màu Tím Hoa Sim)
chiến trường (dt.):	chỗ hai phe đánh nhau (n.): battlefield (Màu Tím Hoa Sim)
chim thẳng chài (dt.):	chim bói cá; loài chim lông xanh biếc, mỏ dài, thường lượn trên mặt nước, thấy cá thì bỏ nhào xuống bắt (n.): kingfisher (Rừng Mắm)
chín chắn (tt.):	cân nhắc kỹ càng, không nông nổi, nóng vội (adj.): mature (Mẹ Con)
chỉn khôn (tt.):	không được, khó mà được (adj.): difficult, hard to do (Hai Kiêu Gặp Kim Trọng)

chín suối (dt.):	cối âm (n.): the other world (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
chín tầng (dt.):	cửu trùng, tức chín tầng mây, chỉ nơi ở của vua (n.): the emperor's palace (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
chinh phục (đt.):	dùng sự hấp dẫn của trí tuệ và tình cảm để thu hút về phía mình (v.): to conquer, to win over (<i>Mẹ Con</i>)
chít (đt.):	quấn chung quanh đầu (v.): to wrap around the head (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
chốc mòng (trt.):	thỉnh thoảng, chốc chốc (adv.): now and then (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
chốn bụi hồng (dt.):	con đường tình ái (n.): love matters (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
chợt (trt.):	thình lình xảy đến trong khoảnh khắc (adv.): suddenly (<i>Áo Lụa Hà Đông</i>)
chu đáo (tt.):	rất cẩn thận, đến nơi đến chốn, không sợ mất điều gì (adj.): thoughtful, perfect (<i>Mẹ Con</i>)
chứa chan (tt.):	nhiều lắm (adj.): overflowing with (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
chúa tể (dt.):	người có quyền lực cao nhất (n.): king, lord (<i>Nhớ Rừng</i>)
chúc (đt.):	tỏ lời mong ước điều tốt lành (v.): to wish (<i>Chúc Tết</i>)
chửi (đt.):	nói tục làm nhục kẻ khác (n.): to insult, curse (<i>Chúc Tết</i>)
chuốc (đt.):	rót (rượu) (v.): to serve with, pouring (wine) (<i>CPN-Mơ Ngày Chiến Thắng</i>)
chút ước (dt.):	niềm mơ ước nhỏ bé (n.): a bit of hope (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
chuyển vần (dt.):	sự thay đổi (n.): vicissitudes, ups and downs (<i>Tự Trào</i>)
cỏ áy (dt.):	cỏ bị úa vàng (n.): yellow withered grass (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
cò hương (dt.):	loại cò thân nhỏ, có lông xám (n.): small heron with gray feather (<i>Rừng Mắm</i>)
cơ nghiệp (dt.):	của cải, tài sản (n.): possessions, asset (<i>NCX-Ân Nhân</i>)
cò quắm (dt.):	loại cò mỏ dài quặm xuống (n.): ibis (<i>Rừng Mắm</i>)
cối (dt.):	vật tròn bằng kim loại hay đá dùng để nghiền nhỏ thức ăn (n.): mortar (<i>Chúc Tết</i>)
cối Thiên San (dt.):	một dãy núi ở Phụng Thiên bên Tàu, Tiết Nhân Quý đời Đường đánh Cao Ly, bắn ba phát lấy được Thiên San (n.): Thousand Peaks (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
cơ buồn (dt.):	lúc buồn bã (n.): fit of sadness (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)

con én đưa thoi:	chim én thường lượn đi lượn lại giống như cái thoi swallows gliding back and forth like shuttles; quick passing of time (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
con ong cái kiến (dt.):	con ong và con kiến, chỉ người thấp cổ bé miệng (n.): a humble bee or ant; low class people (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
con quốc quốc (dt.):	con chim cuốc (n.): moorhen (<i>Qua Đèo Ngang</i>)
công trình (dt.):	việc làm (n.): work (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
công tử (dt.):	con trai nhà quan lại, quyền quý, giàu có thời xưa (n.): mandarin's son (<i>NCX-Án Nhân</i>)
cử bộ (dt.):	cất bước (v.): to raise one's feet and move forward (<i>Chí Làm Trai</i>)
cù lao (dt.):	mô đất nhỏ nhô lên giữa sông (n.): island, islet (<i>Anh Phải Sống</i>)
cũi sắt (dt.):	chuồng làm bằng sắt, có song chắn để nhốt thú (n.): iron cage (<i>Nhớ Rừng</i>)
cuốc (dt.):	dụng cụ làm nghề nông, cầm tay dùng để xới đất, làm cỏ gồm một lưỡi sắt tra thẳng góc vào một cái cán dài bằng gỗ hay bằng tre (n.): hoe (<i>Thú Nhân</i>)
cuộc bể dâu (dt.):	từ câu “Thương hải biến vi tang điền” tức biển xanh thành ruộng dâu. Ý nói những thay đổi lớn lao trong cuộc đời. (n.): vicissitudes (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
cười khanh khách (dt.):	cười to và giòn, có vẻ khoái trá (v.): to burst out laughing (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
cười mũi (dt.):	cười khinh rẻ (v.): to sneer (<i>NCX-Đối Đầu</i>)
cười ngất nghéo (động ngữ):	cười ngả nghiêng cả người (phrasal v.): to laugh heartily (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
cười ngất nghẹo (động ngữ):	cười ngả nghiêng cả người (phrasal v.): to laugh in an uncontrolled way (<i>Rừng Mắm</i>)
cười như nắc nẻ (dt.):	cười giòn nghe vui tai (v.): to laugh heartily (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
cuồn cuộn (trt.):	(chảy) mạnh, thành từng cuộn, từng lớp tiếp theo nhau (adv.): (run) rapidly, swiftly (<i>Anh Phải Sống</i>)
cuồng phong (dt.):	gió rất mạnh (n.): furious gale, tempest (<i>Chí Làm Trai</i>)
cưu mang (dt.):	giúp đỡ trong lúc gặp khó khăn (v.): to support (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
đá ong (dt.):	đá có lỗ như tổ ong, màu nâu sẫm, thường được dùng để xây nhà (n.): laterite, plinthite (<i>Đôi Mắt Người Sơn Tây</i>)
Đã trót thì phải trót:	đã lỡ hứa thì phải làm cho tròn to keep one's promise (<i>Đi Thi Tự Vịnh</i>)
đắc chí (tt.):	vừa ý, thích thú (adj.): self-satisfied (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)

dại (tt.):	khờ khạo, không tinh khôn (adj.): stupid, imprudent, unwise (<i>Thú Nhàn</i>)
đăm đăm (trt.):	(nhìn) lâu, không chớp mắt (adv.): (look) fixedly, intently (<i>Anh Phải Sống, NCX-Đối Đầu</i>)
đậm nghìn da ngựa (dt.):	trai có chí lớn làm khanh tướng chết nơi mặt trận, lấy da ngựa bọc thây (n.): horse skin for one's shroud (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
đậm xanh (dt.):	cánh đồng cỏ xanh (n.): green field (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
đần (tt.):	ngu si (adj.): stupid (<i>Tự Trào</i>)
đan tâm (dt.):	lòng son, lòng trung thành đối với tổ quốc (n.): loyalty, patriotism (<i>Chí Làm Trai</i>)
đăng đẳng (trt.):	mãi mãi, không biết bao giờ mới hết (adv.): for a very long time, everlastingly (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
đánh bạo (đt.):	tỏ ra bạo dạn, làm liều (v.): to venture (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
danh giá (dt.):	tiếng tăm và phẩm giá của con người (n.): reputation (<i>Cây Huê Xà</i>)
dáo (dt.):	vũ khí cổ, mũi nhọn bằng kim loại lắp vào cán dài, dùng để đâm (n.): lance (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
đạo binh (dt.):	đoàn quân (n.): a troop of soldiers (<i>Rừng Mắm</i>)
đao cung (dt.):	binh đao, cung tên (n.): weapons (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
đào lý (dt.):	cây hoa đào, cây hoa lý, thường dùng để chỉ phụ nữ (n.): peach, plum; ladies (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
đặt cỏ (đt.):	dùng bó cỏ để làm lễ cúng viếng thay cho nén hương (v.): use a small bundle of grass instead of incense sticks when visiting a tomb (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
đặt mưu gian (đt.):	thành công trong chuyện xấu (v.): to succeed in the plot, to abet (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
đặt phịch (đt.):	để xuống đất một cách nặng nề (v.): to put down something with a thud (<i>NCX-Ân Nhân</i>)
đau lòng (đt.):	xót xa trong lòng (v.): to be heart-rending (<i>Qua Đèo Ngang</i>)
đây đây (trt.):	một cách kiên quyết (adv.): with determination (<i>NCX-Ân Nhân</i>)
để trở (đại tang) (đt.):	để tang (v.): to be in mourning (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
đệ tử (dt.):	học trò; người hầu hạ, kẻ ủng hộ người có địa vị (n.): disciple (<i>Thế Thái Nhân Tinh</i>)
đèo (dt.):	đường đi ngang qua núi (n.): mountain pass (<i>Qua Đèo Ngang</i>)
đểu (tt.):	dối trá, vô lại (adj.): caddish (<i>NCX-Đối Đầu</i>)

di truyền (tt.):	có những đặc tính của cha mẹ, tổ tiên truyền lại cho con cháu (adj.): hereditary, genetic (<i>NCX-Đối Đầu</i>)
địa (dt.):	chỗ trũng ở ngoài đồng ruộng (n.): pond (<i>Cây Huê Xà</i>)
địa ngục (dt.):	nơi những người độc ác sau khi chết phải xuống để chịu tội, ở đây ý nói nơi khô ải (n.): Hell (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
địch (dt.):	một loại sáo (n.): a kind of fife (<i>CPN-Phút Chia Tay</i>)
diễm tuyệt (tt.):	đẹp tuyệt vời (adj.): exceptionally beautiful (<i>Áo Lụa Hà Đông</i>)
diệu kế (dt.):	mưu mẹo tài tình (n.): very effective trick (<i>Cây Huê Xà</i>)
điều tàn (dt.):	sự tan nát, sụp đổ (n.): ruin (<i>Đôi Mắt Người Sơn Tây</i>)
(điều) tư lự (dt.):	điều lo nghĩ (n.): worries (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
định kiến (dt.):	ý kiến riêng có sẵn từ trước, khó thay đổi (n.): prejudice, fixed views (<i>Anh Phải Sống</i>)
định tâm (dt.):	cố ý, cố chủ tâm (v.): to intend (<i>NCX-Ấn Nhân</i>)
đổ bể ra (dt.):	bị lộ ra (v.): to be revealed (<i>Cây Huê Xà</i>)
đồ quân nhân (dt.):	áo quần lính (n.): military uniform (<i>Màu Tím Hoa Sim</i>)
đoan chính (tt.):	đứng đắn (adj.): well-behaved, virtuous, faithful (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
đoạn trường (tt.):	đau đớn, đứt ruột (adj.): heart-rending (<i>Thăng Long Thành Hoài Cổ</i>)
doanh Liễu (dt.):	tức trại quân Tế Liễu của viên tướng Chu Á Phu nhà Hán. Vị tướng này có tài tổ chức đồn trại rất nghiêm. Từ đó doanh Liễu dùng để chỉ trại quân nói chung. (n.): military base; barracks (<i>CPN-Phút Chia Tay</i>)
độc đáo (tt.):	có tính chất đặc biệt, không có ở người khác (adj.): unique (<i>Màu Tím Hoa Sim</i>)
đôi ẩm (dt.):	ngồi đôi mặt nhau uống rượu hoặc trà (v.): to drink together (<i>CPN-Mơ Ngày Chiến Thắng</i>)
đối chiếu (dt.):	so sánh các chi tiết với nhau để thấy sự khác biệt (v.): to compare (<i>Mẹ Con</i>)
đòi phen (trt.):	vài lần (adv.): several times (<i>CPN-Mơ Ngày Chiến Thắng</i>)
đơn vị (dt.):	một bộ phận trong tổ chức của quân đội (n.): military unit (<i>Màu Tím Hoa Sim</i>)
đông dặc (trt.):	mạnh mẽ, dứt khoát (adv.): solemnly (<i>Nhớ Rừng</i>)

động tâm (đt.):	cảm thấy thương xót (v.): to be touched by (<i>NCX-Đối Đầu</i>)
đồng thân (dt.):	hay “đồng song” chỉ bạn học. “Song” là cửa sổ, “đồng song” nghĩa là bạn học cùng ngồi đọc sách ở cửa sổ. (n.): classmate (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
đồng vọng (dt.):	tiếng vang lại từ xa (n.): echo (<i>CPN-Phút Chia Tay</i>)
đùn (đt.):	dồn lại (v.): to gather (<i>Anh Phải Sống</i>)
dùng bồ (động ngữ):	làm bồ (chứa lúa) bằng cách dùng phen cót quây quanh lại (phrasal v.): make a cylinder basket by circling bamboo lattice (<i>Rừng Mắm</i>)
dùng dăng (đt.):	chưa quyết định rõ (v.): to waver, hesitate (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
đứng sững như nghẹn lời:	đứng yên không nói ra lời vì quá cảm động to stand motionless and speechless (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
đuốc hoa (dt.):	cái đuốc hay cái đèn thấp trong đêm hợp cẩn (tân hôn) (n.): candles lighted in a nuptial chamber (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
đuối sức (tt.):	kiệt sức (adj.): exhausted (<i>Anh Phải Sống</i>)
đường đột (trt.):	không báo trước và hơi thiếu lịch sự (adv.): abruptly, unexpectedly (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
đường mây (dt.):	lúc rỗng gặp mây, ám chỉ tình trạng được làm quan (n.): official career, reaching the position of a mandarin (<i>Chí Làm Trai</i>)
đường tà (dt.):	đường chỉ may trên vạt áo (n.): seam on the hem (<i>Màu Tím Hoa Sim</i>)
duyên hài (dt.):	duyên vợ chồng hoà hợp với nhau (n.): living in love and harmony (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
duyên sau:	tình ở kiếp sau love in the next life (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
ê hề (đt.):	có rất nhiều đến mức thừa thãi (v.): to be abundant (<i>Mẹ Con</i>)
gác (đt.):	canh giữ (v.): to guard, keep watch over (<i>Rừng Mắm</i>)
gay gắt (tt.):	ở mức độ cao và dữ dội, gây cảm giác căng thẳng, khó chịu (adj.): blazing hot (<i>Nhớ Rừng</i>)
ghềnh (dt.):	thác nhỏ ở một dòng suối trong rừng (n.): small waterfall (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
giá (dt.):	một loại rau làm bằng đậu xanh ngâm nước cho mọc mầm ra, dùng để ăn (n.): bean sprouts (<i>Thú Nhàn</i>)
gia bản (dt.):	hoàn cảnh gia đình (n.): family status (<i>NCX-Án Nhân</i>)
giã đồ (đt.):	rời khỏi con đồ (v.): to disembark (<i>Phận Hồng Nhan</i>)

gia pháp (dt.):	phép tắc trong nhà để trừng phạt gia nhân và tôi tớ (n.): family discipline, punishment (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
gia quyến (dt.):	người thân thuộc trong nhà (n.): family, relatives (<i>Rừng Mắm</i>)
gia thất (dt.):	nhà cửa, nghĩa bóng là vợ chồng (n.): family, household (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
gia thế (dt.):	hoàn cảnh gia đình (n.): family status (<i>NCX-Đổi Đầu</i>)
giấc nồng (dt.):	giấc ngủ say (n.): deep sleep (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
giặc trời (dt.):	thiên kiêu, đứa con ngang ngạnh của trời, giặc Hồ hung hăng, ngang ngược như con trời. (n.): strong enemy, Foe of Heaven's sway (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
giải cẩu tương phùng (dt.):	không hẹn mà gặp nhau (v.): to meet without prearrangement (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
giai điệu (dt.):	khúc nhạc hay (n.): melody (<i>Áo Lụa Hà Đông</i>)
giản dị (tt.):	đơn giản (adj.): simple (<i>Anh Phải Sống</i>)
giang san (dt.):	sông núi, đất nước; ở đây là vùng rừng núi hồ làm chủ (n.): territory (<i>Nhớ Rừng</i>)
giàu (tt.):	có nhiều (của cải, tình cảm, v.v...) (adj.): rich (<i>Thế Thái Nhân Tình</i>)
giày đinh (dt.):	giày da, đế có đóng đinh (n.): hobnail boots (<i>Màu Tím Hoa Sim</i>)
giở (đt.):	dở, chưa xong, dở dang (v.): to be half-done, unfinished (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
gió bụi (dt.):	giấc giã (n.): dust storm, war (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
gió táp mưa sa:	ví vớ cái thân bị mưa gió đập vùi lashed by rain and swept by wind, suffered the ups and downs of life (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
giới giăng (đt.):	dặn dò con cháu trước khi qua đời (v.): to make the last wish before dying (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
giống bơ thờ (dt.):	kẻ sống lang thang (n.): vagabond, homeless people (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
giọt ngọc (dt.):	nước mắt của người con gái đẹp (n.): tears of a lady (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
giục (đt.):	kêu làm cho nhanh lên (v.): to urge, to hurry (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng, Phận Hồng Nhan</i>)
giường thất bảo (dt.):	giường có bảy vật quý như: vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, san hô, trân châu. Ở đây chỉ cái giường có khảm các vật quý. (n.): Bed inlaid with gold, silver, corals, and mother-of-pearl, v.v... (<i>Phận Hồng Nhan</i>)

gờn gợn (đt.):	(sóng) nổi lặn tần (v.): to ripple (<i>Màu Tím Hoa Sim</i>)
hà hiếp (đt.):	áp bức tàn nhẫn (v.): to oppress (<i>NCX-Ân Nhân</i>)
há lẽ (trt.):	chẳng nhẽ, chẳng lẽ, không lý do gì (adv.): unreasoningly (<i>Đi Thi Tự Vịnh</i>)
há lẽ trở về không:	không lẽ về tay không, chẳng được gì to go home unreasoningly empty-handed (<i>Đi Thi Tự Vịnh</i>)
Hà lương (dt.):	hà là sông, lương là cái cầu bắc trên sông. Hà lương được dùng để chỉ nơi tiễn người đi. (n.): a place to see someone off (<i>CPN-Phút Chia Tay</i>)
hãi hùng (tt.):	hoảng sợ (adj.): terrified (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
hai Kiều (dt.):	chỉ hai người con gái đẹp. Lấy từ Truyện Tam Quốc, hai chị em Đại Kiều và Tiểu Kiều nổi tiếng xinh đẹp. (n.): a pair of beautiful girls (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
hai kinh (dt.):	thời đó nước Tàu có hai kinh đô: Nam Kinh và Bắc Kinh (n.): two capitals of China in the 18th century: North and South (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
hái mơ xưa (đt.):	tìm lại giấc mơ xưa (nghĩa bóng) (v.): to look for old dreams (<i>Cảm Xúc</i>)
hài văn (dt.):	giày của văn nhân (n.): shoes of a man of letters, embroidered shoes (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
Hàm Dương (dt.):	đất Hàm Dương thuộc tỉnh Thiểm Tây bên Trung Quốc (n.): Xianyang (<i>CPN-Phút Chia Tay</i>)
hăm hở (trt.):	sốt sắng, hăng hái (adv.): zealously, eagerly (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
hãn thanh (dt.):	hãn: mồ hôi, thanh: màu xanh; người xưa được ghi công lao bằng cách khắc vào tre xanh, để lưu lại trong lịch sử (tre xanh bị ẩm, người xưa cho rằng nó đỡ mồ hôi) (n.): history (<i>Chí Làm Trai</i>)
hang beo (dt.):	nơi trăn mạc nguy hiểm. Ban Siêu đời Hán có câu: bắt nhập hổ huyết, an đắc hổ tử (Không vào hang hổ, sao bắt được hổ con.) Ban Siêu và 36 người vào trại giặc ban đêm, hạ được nhiều địch quân. (n.): lair of wild beasts (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
hằng hà sa số (trt.):	nhiều vô kể (adv.): innumerably (<i>Rừng Mắm</i>)
hành hình (đt.):	thi hành hình phạt (v.): execute (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
hành quân (dt.):	sự điều quân để chiến đấu (n.): military operation (<i>Màu Tím Hoa Sim</i>)
hao hao (trt.):	phảng phất những nét giống nhau (adv.): slightly alike (<i>Mẹ Con</i>)

hào hoa (tt.):	ăn tiêu rộng rãi, không keo kiệt (adj.): generous, gallant, dashing, high living (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
hào kiệt (dt.):	anh hào, anh hùng, kiệt luân (n.): hero (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
hát bội (hát bộ) (dt.):	một loại hát tuồng; khi diễn vừa hát vừa làm điệu bộ (n.): Vietnamese classical drama (<i>Rừng Mắm</i>)
hắt hủi (đt.):	đổi xử tệ bạc (v.): to mistreat (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
hầu bao (dt.):	túi nhỏ đeo ở thắt lưng (n.): belt purse (<i>NCX-Án Nhân</i>)
hậu phương (dt.):	vùng sau chiến tuyến, nơi có điều kiện phục vụ cho chiến tranh (n.): rear, rear base (<i>Màu Tím Hoa Sim</i>)
hãy (trt.):	vẫn (adv.): still (<i>CPN-Phút Chia Tay</i>)
hí trường (dt.):	sân khấu, nhà hát (n.): theater (<i>Thăng Long Thành Hoài Cổ</i>)
hiếu sinh (tt.):	quý trọng sinh mệnh, ý nói tránh cho người ta con đường khổ sở, chết (adj.): respecting lives (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
hiếu kỳ (tt.):	tò mò, ham thích tìm hiểu điều lạ (adj.): curious, inquiring (<i>Mẹ Con</i>)
hồ cầm (dt.):	đàn tỳ bà, vì đời xưa vua Hán Nguyên Đế có bà Chiêu Quân phải đi cống rợ Hồ, thường hay đánh cái đàn ấy, cho nên mới gọi là hồ cầm. (n.): ancient four-stringed musical instrument in China (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
hồ dễ (trt.):	đâu có dễ dàng xảy ra (adv.): hardly (to do something) (<i>NCX-Án Nhân</i>)
Hoá công (dt.):	trời đất, tạo hoá (n.): the Creator (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
hoạ là (trt.):	may ra, có lẽ (adv.): perhaps (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
Hoa nô (dt.):	người tớ gái tên là Hoa (“con Hoa” là tiếng Hoạn Thư gọi Kiều trong câu 1843, truyện Kiều) (n.): housemaid (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
hoa thơm phong nhụy (từ ngữ):	cái hoa mới nở, nhụy còn ở trong bao, ý chỉ người con gái còn trong trắng (phrase): being virgin (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
hoài (tt.):	nhớ (adj.): to miss (<i>Thăng Long Thành Hoài Cổ</i>)
hoạn đồ (dt.):	con đường làm quan (n.): an official career (<i>NCX-Đối Đầu</i>)
hoang (đt.):	ở lung tung, có khắp nơi (n.): to be present everywhere (<i>Đôi Mắt Người Sơn Tây</i>)

hoang bóng giấc:	giấc xuất hiện nhiều nơi (<i>Đôi Mắt Người Sơn Tây</i>)
hoảng hốt (dt.):	trở nên luống cuống vì mất bình tĩnh (v.): to be panicking (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
hoàng lương (dt.):	kê vàng. Xưa kia, Lư sinh đòi Đường đi thi gặp ông già họ Lã cho mượn cái gối nằm ngủ. Chàng mơ thấy mình thi đỗ, làm quan vinh hoa phú quý hơn 20 năm. Lúc tỉnh giấc thì nồi kê trong nhà nấu chưa chín. Người sau bèn dùng hai chữ <i>hoàng lương</i> để chỉ giấc mơ. (n.): a beautiful dream, a sweet dream (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
hoang vu (tt.):	(nơi đất đai) bỏ không, chỉ có cây cỏ dại mọc (adj.): wild, overgrown (<i>Nhớ Rừng</i>)
hối hận (dt.):	cảm thấy đau khổ khi biết lỗi của mình (v.): to repent, to regret (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
hội kiến (dt.):	cuộc gặp gỡ giữa/với (những) người quan trọng để thảo luận các vấn đề (n.): meeting (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
hơn hớn (trt.):	(nét mặt): tươi tỉnh, vui vẻ (adv.): merrily (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
hồn mai (dt.):	xưa có người gặp cô gái trong rừng, cùng uống rượu, sáng dậy thấy mình nằm dưới gốc cây mai. Đây có ý chỉ giấc mơ. (n.): dream, laden slumber (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
hống hách (dt.):	ra oai, tỏ uy quyền để người khác phải nể sợ mình (v.): to show one's power (<i>Nhớ Rừng</i>)
hồng mao (dt.):	lông hồng, coi cái chết nhẹ như lông hồng (n.): feather of flamingo (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
hồng nhan (dt.):	mặt đỏ, má hồng, chỉ người con gái đẹp (n.): pretty ladies (<i>Kiều Đi Thanh Minh, Phận Hồng Nhan</i>)
hồng quần (dt.):	chỉ đàn bà con gái. Tục bên Tàu ngày trước đàn bà con gái hay mặc quần đỏ. Gọi là quần nhưng đó là một loại váy dài và rộng. (n.): noble women (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
hủ lậu (tt.):	cũ kỹ quá, không hợp thời nữa (adj.): outmoded, outdated (<i>NCX-Đối Đầu</i>)
hùm thiêng (dt.):	hổ, cọp; vì mạnh mẽ nên cọp được xem là thiêng liêng, là chúa tể rừng xanh (n.): tiger (<i>Nhớ Rừng</i>)
hùng vĩ (tt.):	to lớn, oai vệ (adj.): huge, imposing (<i>Nhớ Rừng</i>)
hương lân (dt.):	làng xóm (n.): neighborhood (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
huống nữa (lt.):	huống chi là, nói chi - tiếng dùng so sánh hai sự việc; sự việc sau thường kém hơn sự việc trước. (conj. v.): let alone (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
huy hoàng (tt.):	rực rỡ, sáng ngời (adj.): golden, glorious (<i>Cảm Xúc</i>)

huyên náo (tt.):	ồn ào (adj.): noisy (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
huyên thiên (trt.):	liên tục, không ngừng (adv.): loquaciously (<i>NCX-Ấn Nhân</i>)
huyện Tích (dt.):	quận, huyện tên Tích (n.): Tích District (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
kẻ bị hành hình (dt.):	tử tội, người bị đem ra xử tử (n.): person to be executed (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
kẻ đái bôi (dt.):	người dối xử trông có vẻ tử tế, nhưng thật ra là giả dối (n.): a liar or a flatterer (<i>Thế Thái Nhân Tình</i>)
kẻ thiên tài (dt.):	kẻ có tài do trời phú (n.): talented man, genius (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
khách má hồng (dt.):	hồng nhan, người phụ nữ (n.): woman (<i>CPN-Sửa soạn Lên Đường</i>)
khai chiến (dt.):	mở đầu cuộc đối thoại gay gắt (v.): to start an argument (<i>NCX-Đối Đầu</i>)
khai hoang (dt.):	biến vùng đất hoang thành ruộng đất có thể trồng trọt được (v.): to cultivate virgin soil, to use waste land for farming (<i>Rừng Mắm</i>)
khâm phục (dt.):	ngưỡng mộ (v.): to admire, to appreciate (<i>Cây Huệ Xà</i>)
khăn tang (dt.):	khăn trắng thắt ngang đầu để tang (n.): mourning turban (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
khăng khăng (dt.):	nhất mực, khư khư (v.): persistently (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
khăng khít (tt.):	ràng buộc chặt chẽ với nhau (adj.): intimate (<i>NCX-Đối Đầu</i>)
kháng nghị (dt.):	phản đối (v.): to oppose (<i>NCX-Đối Đầu</i>)
khánh kiệt (tt.):	hết sạch tài sản, của cải (adj.): broke (<i>NCX-Hai Chị Em, NCX-Đối Đầu</i>)
khệ nệ (trt.):	một cách nặng nề, chậm chạp (adv.): heavily (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
khinh khỉnh (tt.):	có thái độ lạnh nhạt (adj.): disdainful (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
khô (dt.):	làm cho khô (v.): to dry (<i>Đôi Mắt Người Sơn Tây</i>)
khó (tt.):	nghèo khổ, nghèo hèn (adj.): poor (<i>Thế Thái Nhân Tình</i>)
khổ tâm (tt.):	đau đớn trong lòng (adj.): heart-broken (<i>NCX-Ấn Nhân</i>)
khoáng đạt (tt.):	thanh thoát, không bị gò bó, hạn hẹp (adj.): broad-minded (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
khốn đốn (tt.):	khó khăn, phải chống đỡ hết cái này đến cái khác (adj.): tough, hard, difficult (<i>Mẹ Con</i>)

khốn nạn (tt.):	vô cùng cực khổ (adj.): miserable, wretched (<i>Anh Phải Sống</i>)
khôn phân (đt.):	không ai can gián (v.): not to show dissuasion (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
khu nội trú (đt.):	khu vực sinh viên ăn ở ngay trong nhà trường (n.): dorm (<i>Mẹ Con</i>)
khuây (đt.):	khuây khoả, quên đi nỗi buồn phiền trong lòng (v.): to solace, feel assuage (<i>Đôi Mắt Người Sơn Tây, CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
khuây (tt.):	được tạm quên (adj.): temporarily relieved from (<i>NCX-Ấn Nhân</i>)
khúc hoàn ca (đt.):	khải hoàn ca, bài hát mừng thắng trận trở về (n.): a triumphal marching song (<i>Đôi Mắt Người Sơn Tây</i>)
khúm núm (đt.):	cúi mình xuống (v.): to bow low (<i>NCX-Đổi Đầu</i>)
khủng khỉnh (đt.):	lâm ra vẻ cao ngạo (v.) to show snobbish appearance (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
khuôn trăng đầy đặn (đt.):	khuôn mặt tròn trĩnh và đầy đặn như trăng rằm. Ý nói mặt bầu bĩnh, đầy đặn, phúc hậu. (n.): full moon shaped face (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
khuya khoắt (trt.):	gần nửa đêm, sâu về đêm (adv.): late in the night (<i>Đôi Mắt Người Sơn Tây</i>)
kích thích (đt.):	tác động vào cơ quan xúc giác hoặc thần kinh (v.): to excite, to rouse (<i>Mẹ Con</i>)
kiềm áp (đt.):	giữ lại, không cho hoạt động (v.): to restrain (<i>Anh Phải Sống</i>)
kiên nhẫn (tt.):	không nản chí (adj.): patient (<i>NCX-Đổi Đầu</i>)
kiếp tiền thân (đt.):	tiền kiếp, kiếp trước (n.): previous life (<i>Rừng Mắm</i>)
kiêu hãnh (tt.):	tự hào về giá trị của mình (adj.): proud (<i>Cây Huê Xà</i>)
kim cổ (đt.):	nay và xưa (kim: nay, cổ: xưa) (n.): history (<i>Thăng Long Thành Hoài Cổ</i>)
ky (đt.):	ky binh, lính cỡi ngựa (n.): cavalry (<i>CPN-Phút Chia Tay</i>)
lả tả (trt.):	tăn mác, rời rạc mỗi cái một nơi (adv.): scatteringly (<i>Cây Huê Xà</i>)
lác đác (đt.):	nằm rải rác (v.): to lie scatteringly (<i>Qua Đèo Ngang</i>)
Lạc Dương (đt.):	tên một địa phương ở Trung Hoa (n.): Luoyang, name of a place in China (<i>CPN-Mơ Ngày Chiến Thắng</i>)
lâm cao (đt.):	tỏ vẻ ta đây (v.): to show snobbish appearance (<i>CPN-Mơ Ngày Chiến Thắng</i>)

lầm than (dt.):	sự cơ cực (n.): misfortune (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
lận đận (tt.):	chật vật, vất vả (adj.): unfortunate (<i>Cảm Xúc</i>)
lăn lóc (dt.):	lầm ăn vất vả, nhọc nhằn (v.): to work hard (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
lăn lung (dt.):	lầm hết sức mình để đạt được mục đích riêng (v.): to throw oneself into (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
lẩn lút (dt.):	ẩn nấp, trốn tránh (v.): to sneak in, to hide (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
lẳng lẳng (dt.):	hãy giữ yên lặng (v.): to be quiet (<i>Chúc Tết</i>)
lẳng lơ (tt.):	có vẻ tán tỉnh, khéo gợi (adj.): flirtatious (<i>NCX-Ân Nhân</i>)
lãnh đạm (trt.):	một cách thờ hững, ơ thờ (adv.): coldly, indifferently (<i>Anh Phải Sống</i>)
lãnh đạm (tt.):	lạnh nhạt; thờ hững (adj.): cold, indifferent (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
lao xao (tt.):	ồn ào, nhộn nhịp (adj.): uproarious (<i>Thú Nhân</i>)
lấp bắp (dt.):	(miệng) mấp máy luôn mà không nói được rõ, tiếng nọ lẫn vào tiếng kia và lặp lại (v.): to stutter, to stammer (<i>Mẹ Con</i>)
lập thân (dt.):	tự lập (v.): to establish oneself (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
lâu đài (dt.):	cung điện, nơi ở của các bậc vua chúa (n.): imperial palace (<i>Thăng Long Thành Hoài Cổ</i>)
lê thê (tt.):	kéo dài mãi không dứt, gây cảm giác khó chịu, sốt ruột (adj.): lengthening, trailing (<i>Mẹ Con</i>)
lênh bênh (trt.):	nổi hần lên trên mặt và nhẹ nhàng trôi theo làn sóng (adv.): buoyantly (<i>Anh Phải Sống</i>)
lênh láng (dt.):	(chất lỏng) chảy tràn ra khắp trên bề mặt rộng (v.): to spread all over (<i>Nhớ Rừng</i>)
lèo tèo (tt.):	lưa thưa, thưa thớt quá ít (adj.): sparse, scattered (<i>Mẹ Con</i>)
lèo thẳng cánh xuôi (dt.):	rong buồm đi nhanh (v.): to set sails at full speed (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
liên ngâm (dt.):	mỗi người luân phiên ngâm lên một câu thơ (v.): to recite alternatively a verse or a poem (<i>CPN-Mơ Ngày Chiến Thắng</i>)
liều (dt.):	bất chấp hiểm nguy, táo bạo (v.): to take risk, to venture (<i>Anh Phải Sống</i>)
liễu bô (dt.):	liễu và bô là hai giống cây mềm yếu thường được dùng để chỉ phụ nữ (n.): delicate body; ladies (<i>Phận Hồng Nhan</i>)

liễu dương (dt.):	một loại cây giống như cây thông còn gọi là cây phi lao (n.): <i>beefwood, weeping willow (CPN-Phút Chia Tay)</i>
linh hồn (dt.):	phần tâm linh của một người (n.): <i>soul (Anh Phải Sống, Áo Lụa Hà Đông)</i>
linh nghiệm (tt.):	đúng như đã đoán trước, có hiệu quả tốt (adj.): <i>efficacious (Cây Huê Xà)</i>
lính trạm (dt.):	người đưa thư (n.): <i>mailman (NCX-Trên Đồi)</i>
lính xung phong (dt.):	quân tiên phong, người dẫn đầu (n.): <i>vanguard (Rừng Mắm)</i>
lọ (lt.):	nữ là, hướng chi (conj.): <i>muchless, needless (Chúc Tết)</i>
lờ dờ (trt.):	yếu ớt, không mạnh, không nhanh (adv.): <i>slowly, sluggishly (Anh Phải Sống)</i>
lờ dờ (đưa mắt) (trt.):	chậm chạp, mệt mỏi (adv.): <i>dully, wearily, tiredly (NCX-Hai Chị Em)</i>
lo ngay ngáy (thành ngữ):	rất lo lắng (idm.): <i>to be on tenterhooks, to be extremely worried (NCX-Hai Chị Em)</i>
lời giáo huấn (dt.):	lời dạy bảo (n.): <i>teachings (NCX-Hai Chị Em)</i>
lôi lê sệt (dt.):	kéo vật gì trên mặt đất (v.): <i>to drag something (NCX-Bên Lò Sưởi)</i>
lôi phăng (dt.):	lôi mạnh và nhanh, một cách dứt khoát (v.): <i>to drag, to pull, to yank (Anh Phải Sống)</i>
lôi thôi (trt.):	một cách đông dài, vụn vặt (adv.): <i>lengthily (NCX-Trên Đồi)</i>
lốm đốm (tt.):	có những chấm to nhỏ rải rác trên bề mặt (adj.): <i>spotted (Cây Huê Xà)</i>
lom khom (dt.):	đi khom mình xuống (v.): <i>to walk with bending back (Qua Đèo Ngang)</i>
lọng (dt.):	vật tròn bằng vải, tựa cái dù, có cán dài để che nắng (n.): <i>parasol (Chúc Tết)</i>
lỏng buông tay khẩu (dt.):	buông dây cương cho ngựa đi thông thả (v.): <i>to slacken rein (Hai Kiều Gặp Kim Trọng)</i>
lòng luyến ái (dt.):	tình thương yêu giữa nam và nữ (n.): <i>love (NCX-Đối Đầu)</i>
lòng trắc ẩn (dt.):	sự thương xót (n.): <i>pity, compassion (NCX-Trên Đồi)</i>
lửa lòng (dt.):	dục vọng, sự ham muốn (n.): <i>desire (Ngày Sum Hạp)</i>
lựa nên chương (dt.):	tạo nên bài hay (v.): <i>to create a good piece of music (Giới Thiệu Truyện Kiều)</i>
lúc nhúc (dt.):	chen chúc và luôn chuyển động (v.): <i>to swarm (Anh Phải Sống)</i>

(lúc) quẫn bách (dt.):	bần cùng, túng rỗi (n.): extreme misery (<i>NCX-Ấn Nhân</i>)
lúi húi (đt.):	chăm chú, cắm cúi làm việc gì, không để ý đến chung quanh (v.): to be engrossed in (<i>NCX-Đổi Đầu</i>)
lùng (đt.):	vang động (v.): to resound (<i>Áo Lụa Hà Đông</i>)
lùng danh (tt.):	nổi tiếng, ai cũng biết tiếng (adj.): famous (<i>Cây Huệ Xà</i>)
lững thững (trt.):	chậm rãi từng bước một, thông thả, ung dung (adv.): slowly, leisurely (<i>Mẹ Con</i>)
lưng túi gió trăng:	chữ “lưng” ở đây nghĩa là nửa. Có nghĩa là nửa túi gió trăng. Ý nói cung cách tao nhã của người văn nhân. half bag full of poems (<i>Hai Kiêu Gặp Kim Trọng</i>)
lượm (đt.):	nhặt; cầm lấy một vật đã rơi (v.): to pick up (<i>Cây Huệ Xà</i>)
luống cuống (đt.):	mất bình tĩnh, lúng túng (v.): to be confused in gestures (<i>NCX-Ấn Nhân</i>)
luống đoạn trường (trt.):	chỉ làm đau lòng thêm mà thôi (<i>Thăng Long Thành Hoài Cổ</i>)
lụp xụp (tt.):	thấp bé, rách nát, tồi tàn (adj.): low, shabby, ramshackle (<i>Anh Phải Sống</i>)
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh:	để lại tấm lòng son soi vào sử sách. (But before dying) Let your patriotism be glorified in the history. (<i>Chí Lâm Trai</i>)
lý tưởng (tt.):	hoàn hảo (adj.): ideal (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
má hồng (dt.):	ý chỉ người con gái đẹp (n.): a beauty (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
ma thiêng nước độc (tính ngữ):	(nơi) dễ sinh ra bệnh tật, khó sinh sống (phrasal adj.): unhealthful, unsafe, hazardous (<i>Rừng Mắm</i>)
mắc cỡ tía tai (tính ngữ):	xấu hổ đến đỏ cả mặt, cả tai (phrasal adj.): red ear, shy, bashful (<i>Rừng Mắm</i>)
mai (dt.):	dụng cụ có lưỡi bằng sắt, to, phẳng dùng để đào, xới đất (n.): spade (<i>Thú Nhân</i>)
mai cốt cách (dt.):	1. dáng vẻ thanh và gầy như cây mai (một loại tre); 2. tư cách thanh nhã (n.): slim figure; gentle manners (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
Man Khê (dt.):	hay Ngũ Man Khê, nơi ngày xưa một nhóm rợ nổi lên chống nhà Đông Hán, Trung Quốc. (n.): (Wu) Hsi Man (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
mặn mà (tt.):	(nét đẹp) gây ấn tượng sâu xa (adj.): impressive, awe-inspiring (beauty) (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
man mác (đt.):	toả ra (v.): to spread out immensely (<i>NCX-Trên Đồi</i>)

mắng (đt.):	la, dùng lời nói nặng nêu lên lỗi của người khác (v.): to reprimand (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
măng trúc (dt.):	mầm cây trúc (loại tre) non, dùng làm thức ăn (n.): bamboo shoots (<i>Thú Nhàn</i>)
mão kim khôi (dt.):	mũ trận thời xưa bằng kim loại mạ vàng (n.): gold-plated hat (<i>Rừng Mắm</i>)
(mắt) đổ hào quang (động ngữ):	(mắt) thấy nhiều đốm sáng khi bị chói nắng (phrasal v.): to see stars (<i>Rừng Mắm</i>)
mất thể diện (đt.):	mất mặt (v.): to lose face (<i>Cây Huê Xà</i>)
màu thiên (dt.):	cách mặc ở chùa, thường là màu lam và nâu (n.): attire (brown gray color) worn in Buddhist temples (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
mệnh (dt.):	vận số do trời định (n.): fate, destiny (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
mèo mả gà đồng (dt.):	Mèo hoang sống ở mồ mả; gà hoang sống ở ngoài đồng, người ta thường dùng để ví với hạng người lông bông, giang hồ. (n.): (stray pussy cat in cemetery and wandering hen in the fields) errant people (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
mếu máo (đt.):	méo xệch miệng khóc, hoặc sắp khóc (v.): to get ready to cry (<i>Anh Phải Sống</i>)
miền nhân gian (dt.):	nơi dương trần, nơi này (n.): the world (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
mơ (dt.):	trái mơ (n.): apricot (<i>Cảm Xúc</i>)
mớ (dt.):	tập hợp những thứ cùng loại (n.): quantity, amount of (<i>Chúc Tết</i>)
mộ chí (dt.):	phiến đá đặt trước mộ, ghi tên tuổi, quê quán, ngày mất của người chết (n.): tombstone (<i>Màu Tím Hoa Sim</i>)
mô gò (dt.):	khối đất đá gò lên so với mặt đất chung quanh (n.): small hills, mound (<i>Nhớ Rừng</i>)
mồi (dt.):	con vật bị săn đuổi để ăn (n.): prey (<i>Nhớ Rừng</i>)
mối giềng (dt.):	kỷ cương phải theo (n.): rules (to be followed) (<i>Cây Huê Xà</i>)
mơn man (đt.):	lướt nhẹ trên bề mặt, gây cảm giác dễ chịu (v.): to caress (<i>Mẹ Con</i>)
môn phòng (dt.):	phòng cho đầy tớ ở (n.): servant quarters (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
mong manh (tt.):	ngắn ngủi, chỉ kiếp hồng nhan bạc mệnh (adj.): ephemeral (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
một cách rành mạch (trt.):	rõ ràng (adv.): clearly (<i>Anh Phải Sống</i>)
mùi thiên (dt.):	cách ăn ở chùa, ý nói đời sống tu hành ở chùa (n.): food eaten in Buddhist temples (<i>Ngày Sum Hạp</i>)

mười nguyên (dt.):	mười lời thề nguyện. Âm chỉ mọi lời thề nguyện (n.): all vows (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
mười phân vẹn mười (trt.):	hoàn hảo (adv.): perfectly (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
mưu mô (dt.):	thủ đoạn tính toán để làm hại người khác (n.): conspiracy (<i>Cây Huê Xà</i>)
nạm (vàng) (đt.):	gắn vào (dắt kim loại hay đá quý để trang trí hay tăng giá trị) (v.): to embed (<i>Cảm Xúc</i>)
nấn ná (đt.):	kéo dài thời gian (v.): to linger on (<i>NCX-Đối Đầu</i>)
nạn nhân (dt.):	nạn nhân, người chịu đựng một hậu quả tai hại (n.): victim (<i>Cây Huê Xà</i>)
năn nỉ (đt.):	năn nỉ, khẩn khoản yêu cầu (v.): to request with insistence (<i>NCX-Ấn Nhân</i>)
nao nùng (trt.):	rất buồn hoặc rất đẹp làm nao lòng người (adv.): awe-inspiringly, impressively (<i>CPN-Mơ Ngày Chiến Thắng</i>)
nao nùng (tt.):	buồn bã, tê tái, xót xa (adj.): touching, making people feel sorrow (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
nao ruột (tt.):	đã dượt trong lòng (adj.): poignant, touched, moved (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
nể (đt.):	tránh làm mất lòng (v.): to have respectful consideration for (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
nền Đồng Tước (dt.):	tức là Đồng Tước đài, một toà nhà uy nghi do Tào Tháo, một nhân vật thời Tam Quốc dựng nên (n.): Bronze Sparrow Tower (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
nền phú hậu (dt.):	nề nếp nhà giàu có (n.): wealthy family (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
nếp tử (dt.):	quan tài bằng gỗ tử (gỗ cây thị) ít mối, mọt (n.): wooden coffin (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
nét ngài nở nang (dt.):	ngài là con ngài, một loại bướm nở ra từ con tằm, có hai cái râu cong và dài. Ý nói lông mày Thuý Vân cong cong, dài như râu con bướm tằm và rõ nét. (n.): full curved brows (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
ngắc ngoải (đt.):	sống thoi thóp, chết đến nơi (v.): to be in agony (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
ngải (dt.):	một loại cây có củ như gừng (n.): autumn crocus, Atropa belladonna (<i>Cây Huê Xà</i>)
ngậm ngùi (trt.):	một cách buồn ngùi, xót xa (adv.): grievingly (<i>Mẹ Con</i>)
ngàn (dt.):	rừng (n.): forest (<i>Nhớ Rừng</i>)
ngân (dt.):	nổi lên rõ rệt (n.): distinctively seen (<i>CPN-Phút Chia Tay</i>)
ngàn dâu (dt.):	cánh đồng trồng dâu (n.): a mulberry field (<i>CPN-Phút Chia Tay</i>)

ngần ngừ (đt.):	cân nhắc, chưa dứt khoát nửa muốn làm, nửa muốn không (v.): to dilly-dally, to vacillate (<i>Mẹ Con</i>)
ngàn thu (tt.):	ngàn thu, ngàn năm, ý nói mãi mãi (adj.): everlasting (<i>Nhớ Rừng</i>)
ngao du (đt.):	đi dạo chơi đây đó (v.): to wander around for pleasure (<i>Cây Huê Xà</i>)
ngạo mạn (tt.):	khinh người và kiêu căng (adj.): arrogant (<i>Nhớ Rừng</i>)
ngao ngán (tt.):	chán nản, buồn rầu, không còn thấy thích thú gì nữa (adj.): discourage, depressing (<i>Nhớ Rừng</i>)
ngất ngây (đt.):	quá say mê (v.): to be thrown into ecstasy, to be enraptured (<i>Áo Lụa Hà Đông</i>)
ngây (người) (đt.):	ở trạng thái đờ người ra (v.): to be bewildered (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
ngày hợp hôn (dt.):	ngày vu quy, ngày cưới (n.): wedding day (<i>Màu Tím Hoa Sim</i>)
ngày xanh mòn mỏi :	tuổi trẻ phai tàn the dying youth (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
nghe theo (đt.):	ghé mắt trông theo (v.): look (at someone) fondly, affectionately (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
ngheo ngao (trt.):	quá cỡ (adv.): oversizedly (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
nghe (đdt.):	là tiếng đề chỉ ngôi thứ ba, như tiếng va, nó, ông ấy, v.v... (pron.): him, his (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
ngệ lực (dt.):	ý chí kiên quyết và bền vững (n.): will, determination (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
nghiêm khắc (tt.):	cứng rắn, chặt chẽ (adj.): severe, strict, rigorous (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
nghiêm trang (tt.):	đứng đắn với vẻ trân trọng tôn kính (adj.): serious (<i>NCX-Ấn Nhân</i>)
nghiệp (dt.):	theo đạo Phật, nghiệp là kết quả những điều mà một người làm nên trong một đời (n.): karma (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
nghiệt (tt.):	khó khăn, nguy hiểm (adj.): hazardous (<i>Cây Huê Xà</i>)
ngàn (dt.):	ngàn (n.): thousand (<i>Chúc Tết</i>)
ngộ (đt.):	gặp (v.): to meet, to attain (success, glory) (<i>Chí Làm Trai</i>)
ngờ (đt.):	ngờ, tưởng là (v.): to believe, to think (<i>Tương Tư</i>)
ngỡ (đt.):	ngờ, tưởng là (v.): to think, to believe (<i>Tương Tư</i>)
ngộ biến (đt.):	gặp biến cố, gặp gia biến (v.): to encounter accidents (<i>Ngày Sum Hạp</i>)

ngơ ngác (trt.):	có vẻ không biết gì cả (adv.): in bewilderment (<i>NCX-Ấn Nhân</i>)
ngỡ ngàng (trt.):	một cách ngạc nhiên (adv.): perplexingly, puzzlingly (<i>Màu Tím Hoa Sim</i>)
ngơ ngơ (tt.):	có thái độ không chú ý đến gì cả (adj.): empty-headed (<i>Tự Trào</i>)
ngoã (dt.):	ngói (n.): tile, tiling (<i>Anh Phải Sống</i>)
ngoan ngoãn (tt.):	đễ bảo, luôn luôn biết nghe lời (adj.): obedient (<i>Anh Phải Sống</i>)
ngoi (đt.):	nhô lên (v.): to raise, emerge, come to the surface (<i>Anh Phải Sống</i>)
ngòi (dt.):	(sông) ngòi, ngạch nước, khe nước (n.): brook (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
ngọn gió thời gian (dt.):	thời đại thay đổi (n.): changing time (<i>Cảm Xúc</i>)
ngọn hỏi ngành tra (đt.):	tra khảo, hỏi kỹ lưỡng (v.): to interrogate, examine (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
ngũ âm (dt.):	là năm âm trong nhạc cổ, gồm có cung, thương, giốc, trủy, vũ, theo thứ tự từ âm thấp đến âm cao; tương tự như do, re, mi, fa, sol của nhạc Tây phương. (n.): Ancient Chinese musical notes (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
ngũ luân (dt.):	năm bậc quan hệ của người đời: vua-tôi, cha-con, vợ-chồng, anh-em, bầu-bạn (n.): The Five Moral Obligations (<i>NCX-Đối Đầu</i>)
ngũ thường (dt.):	nhân, nghĩa, lễ, trí, tín (n.): The Five Constant Virtues (<i>NCX-Đối Đầu</i>)
	a. <i>nhân</i>: lòng thương người a. benevolence b. <i>nghĩa</i>: lối xử sự phải đạo, hào hiệp b. righteousness c. <i>lễ</i>: sự bày tỏ lòng tôn kính c. propriety d. <i>trí</i>: óc hiểu biết d. wisdom e. <i>tín</i>: sự tôn trọng lời hứa, làm cho người khác tin mình e. faithfulness, reliability
ngự trị (đt.):	điều khiển và quyết định mọi mặt (v.): to reign, dominate (<i>Nhớ Rừng</i>)
ngựa xe như nước :	ngựa xe như dòng nước cuộn cuộn chảy stream of vehicles (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
người quốc sắc (dt.):	người con gái đẹp (n.): beautiful girl, national famous beauty, beauty queen (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
người tích lục tham hồng (dt.):	người hay chạy theo hình bóng phụ nữ (n.): sex seekers (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
nguồn (dt.):	suối từ trong núi chảy ra (n.): spring (<i>Nhớ Rừng</i>)
nhả (vú) (đt.):	buông khỏi miệng (v.): to let fall (from one's mouth) (<i>Anh Phải Sống</i>)

nhã nhặn (tt.):	lịch sự, có lễ độ (adj.): nicely, politely (<i>NCX-Ấn Nhân</i>)
nhà xéc (dt.):	câu lạc bộ (Pháp: cercle) (n.): club (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
nhác thấy (đt.):	mới nhìn, nhận ra (v.): to catch a glimpse of (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
nhạc vàng (dt.):	tiếng kêu của lục lạc đeo ở cổ ngựa (n.): harness bell (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
nhân ngãi (dt.):	người tình, tình nhân (n.): lover (<i>NCX-Đối Đầu</i>)
nhân sắc (dt.):	vẻ đẹp của người phụ nữ (n.): beauty (<i>Cây Huê Xà</i>)
Nhân sinh tự cổ thủy vô tử :	người ta từ xưa đến nay ai mà không chết. Until now, who is the person that can avoid death? (<i>Chí Làm Trai</i>)
nhẫn tâm (tt.):	làm những việc thất đức, trái với đạo lý, lẽ phải ở đời (adj.): heartless, ruthless, merciless (<i>Mẹ Con</i>)
nhân tạo (tt.):	do con người tự làm ra (adj.): artificial (<i>Mẹ Con</i>)
nhấp (đt.):	uống từng chút một để nếm vị (v.): to sip (<i>Thú Nhân</i>)
nhạt nhẽo (tt.):	hờ hững (adj.): frigid, cold (<i>NCX-Đối Đầu</i>)
nhị hỷ (dt.):	niềm vui lần thứ nhì (n.): happiness in the second time (<i>Áo Lua Hà Đông</i>)
nhìn trừng trừng (động ngữ):	trừng mắt nhìn, mắt nhìn thẳng không chớp, tỏ vẻ bức mình (phrasal v.): to grimly stare at (<i>Rừng Mắm</i>)
nhỡ (đt.):	không kịp (v.): to miss (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
nhơ nhuốc (tt.):	nhục nhã, xấu xa (adj.): disgraceful (<i>Cây Huê Xà</i>)
nhơn tình (dt.):	tình nhân; người tình (n.): lover (<i>Rừng Mắm</i>)
nhủ (đt.):	dặn dò, bảo, nói với (nhủ thầm) (v.): to advise (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
nhục (tt.):	xấu xa, xúc phạm tới nhân phẩm, danh dự (adj.): dishonored (<i>Chí Làm Trai</i>)
nhục nhằn (tt.):	khổ tâm cùng cực đến mức tủi nhục và hổ thẹn (adj.): humiliated (<i>Nhớ Rừng</i>)
nhược điểm (dt.):	chỗ yếu, chỗ kém (n.): weakness (<i>NCX-Đối Đầu</i>)
niềm tây (dt.):	nỗi lòng thâm kín (n.): inmost feelings (<i>Phận Hồng Nhan, CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
nú (đt.):	giữ chặt lại (v.): to tighten (<i>Anh Phải Sống</i>)

nổ liên thanh (đt.):	nổ tiếp theo nhau thành tràng (v.): to explode continuously (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
nợ tang bồng (dt.):	tang: cây dâu, dùng làm cung; bồng: cỏ bồng, dùng làm tên; bổn phận của người trai về việc bảo vệ đất nước (n.): duty of defending the country (<i>Chí Làm Trai</i>)
nọc (dt.):	chất độc (do rắn cắn hoặc ong chích) (n.): venom (<i>Cây Huê Xà</i>)
nói buông lời (đt.):	thốt ra lời nói (v.): to utter (<i>Anh Phải Sống</i>)
nói nựng (đt.):	âu yếm (v.d., trẻ con) bằng lời nói (v.): to soothe with words (<i>Anh Phải Sống</i>)
nổi sùng (đt.):	nổi giận, nổi nóng (v.): to blow up, to become enraged (<i>Mẹ Con</i>)
nơm nớp (trt.):	phấp phồng, lo điều không hay xảy ra (adv.): fearfully, nervously (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
non (dt.):	núi nhỏ (n.): mount(ain) (<i>Chúc Tết</i>)
nóp (dt.):	bao lớn làm bằng cỏ (n.): big bag makes of reed and is used as a sleeping bag (<i>Rừng Mắm</i>)
nốt (dt.):	sự ghi chú, lời phê (n.): note, remark (<i>NCX-Đổi Đầu</i>)
núi sông (dt.):	đất nước (n.): country (<i>Đi Thi Tự Vịnh</i>)
nũng nịu (đt.):	làm bộ hờn giận (v.): to be wheedling (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
nước trôi hoa rụng (thành ngữ):	cuộc sống trôi giạt, không bình yên (nói về chuyện Thuý Kiều chết và trôi nổi theo giòng đời) (idm.): hard life, tough life (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
nương tựa (đt.):	nhờ vả; nhờ cậy (v.): to rely on, to depend on (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
ô rô (dt.):	loài cây nhỏ cùng họ với cây dâu, cành mọc chằng chịt (n.): holly (<i>Rừng Mắm</i>)
oai linh (dt.):	uy linh, sức mạnh thiêng liêng (n.): greatness (<i>Nhớ Rừng</i>)
oai quyền (dt.):	quyền thế (n.): power (<i>NCX-Đổi Đầu</i>)
oan nghiệp (dt.):	tiền oan, nghiệp chướng, có ý nói có oan thù và tội lỗi từ thời gian trước để lại (n.): tragic karma (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
oán trách (đt.):	oán giận và trách cứ (v.): to complain angrily (<i>Mẹ Con</i>)
oanh liệt (tt.):	lẫy lừng, vang dội (adj.): glorious, heroic (<i>Nhớ Rừng</i>)
ổn thoả (tt.):	đủ làm vừa lòng, toại ý (adj.): satisfactory (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)

ôn tồn (trt.):	nhẹ nhàng; êm dịu (adv.): nicely, calmly (<i>NCX-Ấn Nhân</i>)
ông điều (dt.):	đồ dùng để nhét thuốc lá vào rồi đốt mà hút (n.): pipe (<i>Cây Huê Xà</i>)
ông đốc (dt.):	bác sĩ (docteur) (n.): doctor (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
ong qua bướm lại:	như cái hoa đã bị những con ong hay bướm hút nhụy, chỉ người phụ nữ đã trải qua tay nhiều người đàn ông. flowers attacked by bees and butterflies, women passed through many men (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
ông vãi (dt.):	tổ tiên được con cháu thờ (n.): ancestors (<i>Rừng Mắm</i>)
phấn khởi (tt.):	vui vẻ trước một tin mừng (adj.): enthusiastic (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
phẳng phắt (đt.):	thoáng qua, lớt phớt, không rõ rệt (v.): to linger vaguely (<i>Nhớ Rừng</i>)
pháo ống lệnh (dt.):	pháo lớn, có tiếng nổ lớn như lệnh trên đưa xuống (n.): big firecracker (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
phật lòng (đt.):	bực bội, không hài lòng (v.): to vex (<i>Mẹ Con</i>)
phen (dt.):	chuyến, lần (n.): time, occasion (<i>Chúc Tết</i>)
phen này (dt.):	chuyến, cơ hội, dịp này (n.): this opportunity (<i>Chúc Tết</i>)
phỉ (đt.):	thoả mãn (v.): to be completely satisfied (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
phi thường (tt.):	vượt quá mức bình thường (adj.): extraordinary (<i>Anh Phải Sống, Cây Huê Xà</i>)
phiên thị tỷ (dt.):	thị tỷ ở nhà quyền quý rất nhiều, chia ra từng ban và từng phiên mà hầu hạ, nên gọi là phiên thị tỷ (n.): day schedule, chores for housemaids (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
phiêu diêu (tt.):	bâng khuâng, nhẹ nhàng (adj.): drifting away, comfortable (<i>Mẹ Con</i>)
phó nề (dt.):	người thợ xây tường, xây nhà (n.): a mason (<i>Anh Phải Sống</i>)
phó ngoã (dt.):	thợ lợp ngói (n.): roofer (<i>Anh Phải Sống</i>)
phó thác (đt.):	giao cho người mình tin cậy (v.): to confide in (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
phôi pha (tt.):	phai nhạt đi, kém vẻ tươi thắm (adj.): fading (<i>Cảm Xúc</i>)
phỏng đoán (đt.):	đoán không có chứng cứ (v.): to guess (<i>NCX-Đổi Đầu</i>)
phong nhã (tt.):	nói tắt của phong lưu tao nhã (adj.): refine, elegant, graceful (<i>Hai Kiêu Gặp Kim Trọng</i>)

phong sương (dt.):	sự vất vả, dày dạn theo thời gian; còn nghĩa là bụi bặm (n.): hardship of life, dust (CPN-Mơ Ngày Chiến Thắng)
phong tình cổ lục (dt.):	cuốn sách chép truyện tình ái (n.): love novel (Giới Thiệu Truyện Kiều)
phong trần (dt.):	nghĩa đen là gió bụi, thường được dùng để chỉ sự khổ sở mà người đời phải chịu (n.): sufferings, mishap (Phận Hồng Nhan)
phong trần (đt.):	trải qua những sự vất vả (v.): to endure hardship (Ngày Sum Hạp)
phong tư tài mạo (dt.):	tài trí và dung mạo đáng đáp người (n.): manner and mien (Hai Kiều Gặp Kim Trọng)
phụ hồ (dt.):	người phụ thợ nề (n.): mason coolie, mason aide (Anh Phải Sống)
phụ lão (dt.):	người già cả (n.): elders (Tự Trào)
phụ lực (đt.):	thêm sức vào, giúp đỡ (v.): to help, assist (Rừng Mắm)
phú quý (dt.):	sự giàu sang (n.): wealth and honors (Thú Nhân)
phù sa (dt.):	đất mịn, nhiều chất màu được cuốn theo dòng nước, hoặc lắng đọng lại ven sông (n.): alluvium deposit, silt (Anh Phải Sống)
Phục Ba (dt.):	kèm chế được sóng gió, chỉ Mã Viện, người dẹp được rợ Man Khê, được phong chức Phục Ba tướng quân. (n.): Fu-Po (CPN-Sửa Soạn Lên Đường)
phúc hậu (tt.):	(có vẻ) hiền từ, nhân đức (adj.): kind-hearted, virtuous (Mẹ Con)
phục sức (dt.):	ăn mặc và trang sức theo một lối riêng (n.): attires and embellishments (Mẹ Con)
phụng phịu (đt.):	xu mặt xuống, hờn dỗi (v.): to sulk, to look unhappy (NCX-Trên Đồi)
phường (dt.):	những người tầm thường, đáng khinh (n.): group of bad people (Thế Thái Nhân Tình)
phụng chạ loan chung :	phụng (chồng); loan (vợ); người sống lang chạ, không phải cảnh một vợ một chồng adulterer (Kiều Đi Thanh Minh)
phương tiện (dt.):	ở đây có nghĩa là lời khuyên về cách đối đãi, xử trí mọi việc (n.): advice (on how to be alive) (Phận Hồng Nhan)
phường trốn chúa (dt.):	kẻ phản chủ (n.): unfaithful, treacherous people, betrayer (Phận Hồng Nhan)
quắc (đt.):	giương to mắt nhìn đầy vẻ căm giận hoặc như muốn hăm dọa kẻ đang đối diện với mình (v.): to glower, scowl (Nhớ Rừng)
quân (dt.):	lính bộ binh (n.): troops (CPN-Phút Chia Tay)

quản gia (dt.):	trong gia đình quan lại phong kiến đời xưa thường dùng những người đàn bà đứng tuổi trông coi việc nhà và cai quản số hầu gái, gọi là <i>quản gia</i> (n.): chief of maids (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
quân lộn chồng (dt.):	phụ nữ ngoại tình (n.): adulterous wife (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
quan vũ (dt.):	quan võ (n.): military officer, general (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
quần xà lỏn (dt.):	quần đùi; loại quần ống ngắn đến nửa đùi (n.): shorts (<i>Rừng Mắm</i>)
quanh quất (tt.):	ở gần (adj.): near (<i>Hai Kiềng Gặp Kim Trọng</i>)
quốc (dt.):	loài chim nhỏ giống con gà, sống ở các bụi bờ, về mùa hè hay kêu “cuốc cuốc” (n.): moorhen (<i>Rừng Mắm</i>)
quý hồ (lt.):	miễn sao có, chỉ cần có (conj.): provided that (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
rạch (dt.):	ngòi dẫn nước vào ruộng (n.): small canal (<i>Rừng Mắm</i>)
răn reo (tt.):	nhăn nheo (adj.): wrinkled (<i>NCX-Đôi Đầu</i>)
ráng (dt.):	mây đỏ buổi chiều (n.): sunglow from the clouds (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
rao (dt.):	nói to cho mọi người biết (n.): to advertise, cry out (<i>Chúc Tết</i>)
rắp (đt.):	dự định (v.): to intend (<i>Đi Thi Tự Vịnh</i>)
rập rờn (đt.):	khi nổi khi chìm (v.): to float on the waves (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
rau mồm om (dt.):	rau ngò om; loài rau cùng họ với cúc, mọc dưới nước hoặc trên cạn, lá dài không cuống, có mùi thơm hắc, thường dùng để nấu canh chua (n.): rice paddy herb (<i>Rừng Mắm</i>)
rau sam (dt.):	một loại rau bò lan, màu tím tím, lá nhỏ và dày, có vị chua và ăn được (n.): portulacea, purslane (<i>Cảm Xúc</i>)
rẫy ruộng (đt.):	hắt hủi, rẽ rúng (v.): to repudiate, to forsake, to desert, to abandon (<i>CPN-Mơ Ngày Chiến Thắng</i>)
ren rén (trt.):	rất nhẹ (adv.): softly (<i>CPN-Mơ Ngày Chiến Thắng</i>)
rị (xuống) (đt.):	kéo xuống, lôi xuống (v.): to pull down (<i>Rừng Mắm</i>)
riếu (đt.):	giễu, đùa bỡn, chế nhạo (v.): to tease (<i>Nhớ Rừng</i>)

rợ (dt.):	dân thiểu số ở miền núi (n.): montagnard (<i>Qua Đèo Ngang</i>)
róm lệ (đt.):	lâm ứa nước mắt, róm róm nước mắt (v.): to moisten one's eyes with tear (<i>Đôi Mắt Người Sơn Tây</i>)
rón rén (trt.):	(đi) một cách nhẹ nhàng, thông thả, tránh gây tiếng ồn (adv.): (walk) silently, (walk) on tip-toe, stealthily (<i>Anh Phải Sống</i>)
sa cơ (đt.):	lâm vào cảnh ngặt nghèo, nguy hiểm (v.): to meet with misfortune (<i>Nhớ Rừng, Phận Hồng Nhan</i>)
sa sút (tt.):	nghèo túng đi (adj.): fallen into poverty (<i>NCX-Ân Nhân</i>)
sám hối (đt.):	ăn năn, hối hận (v.): to feel remorse, regret (<i>Áo Lụa Hà Đông</i>)
sấm sét (dt.):	hiện tượng phóng điện giữa đám mây và mặt đất gây tiếng nổ lớn và tạo ra tia lửa điện, ngụ ý tai biến bất ngờ (n.): thunder and lightning; sudden dangers (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
săn Lâu Lan:	vua xứ Đại Uyển, tên Lâu Lan giết sứ giả nhà Đường. Tướng Phó Giới Tử nhà Đường dùng mưu bắt được Lâu Lan đem dâng cho vua Đường. pursuing Lou-lan (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
sáng lạn (tt.):	rực rỡ; huy hoàng (adj.): glaring, bright (<i>Rừng Mắm</i>)
sảnh đường (dt.):	lâu đài (n.): palace (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
sáo điều (dt.):	sáo cài vào điều để khi lên cao có gió phát thành tiếng nhạc (n.): a fife attached to a flying kite (<i>Đôi Mắt Người Sơn Tây</i>)
sáp (dt.):	chất nền đặc và trơn (n.): wax candle (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
say (tt.):	choáng váng, nôn nao vì rượu (adj.): to get drunk (<i>Tương Tư</i>)
say hoa đắm nguyệt (động ngữ):	quá say mê sắc đẹp (phrasal v.): to be passionately in love with (<i>NCX-Đôi Đầu</i>)
se sẽ (trt.):	khe khẽ, nhẹ nhàng, không gây ra tiếng động (adv.): gently, softly, quietly (<i>Anh Phải Sống, NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
sè sè (tt.):	thấp, lâu ngày không được vun đắp (adj.): low (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
sĩ (dt.):	kẻ trí thức, có học (n.): scholar (<i>Chúc Tết</i>)
siêu thoát (đt.):	vượt ra khỏi những điều tầm thường (v.): to be liberated from (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
so đo (đt.):	so sánh để tính toán (v.): to compare the advantages and disadvantages of something (<i>Mẹ Con</i>)
sỗ sàng (tt.):	thô lỗ, không giữ gìn ý tứ trước mặt người khác (adj.): rude, discourteous (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
sơ sinh (tt.):	mới được sinh ra (adj.): newly born (<i>Cảm Xúc</i>)

sơn lâm (dt.):	núi rừng (n.): mountain and forest (<i>Nhớ Rừng</i>)
son sắt (trt.):	thủy chung, không bao giờ thay đổi (adv.): faithfully, loyally (<i>Cảm Xúc</i>)
sống làm vợ khắp người ta:	sống làm gái lầu xanh to lead a prostitute's life (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
sự huyền hoặc (dt.):	sự huyền bí; sự sâu kín (n.): mystery (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
sứ trời (dt.):	sứ vua, vua khi xưa được coi như thiên tử, con trời. Thời Tam Quốc, nhà vua là thiên tử. Các nước khác đều là chư hầu. (n.): imperial Messenger (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
sử xanh (dt.):	ngày xưa người ta chép sử lên thẻ tre có vỏ xanh nên gọi là thanh sử, tức sử xanh. (n.): history (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
sực (trt.):	bỗng nhiên; thỉnh linh (adv.): suddenly (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
sức bình sinh (dt.):	sức sống còn lại (n.): one's own strength (<i>Anh Phải Sống</i>)
sục sạo (đt.):	tìm kiếm từ chỗ này đến chỗ khác (v.): to search, to scour (<i>Mẹ Con</i>)
suối lệ (dt.):	giòng nước mắt (n.): stream of tears (<i>Đôi Mắt Người Sơn Tây</i>)
suối vàng (dt.):	âm phủ (n.): hell, hades (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
suýt soát (trt.):	gần bằng (adv.): approximately (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
tài mệnh (dt.):	tài tức là tài năng, mệnh là số mệnh trời dành cho mình (n.): talent and fate (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
tài quỷ thuật (dt.):	phép ma quỷ (n.): magic (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
tái thế tương phùng:	được sống lại mà gặp nhau to come back to life and reunite (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
tài tử giai nhân (dt.):	trai tài, gái sắc - nam thanh nữ tú (n.): gentlemen and beautiful ladies (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
tai vách mạch rừng (đt.):	bị dòm ngó, theo dõi (v.): to be spied over (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
tâm (dt.):	lòng (n.): soul, heart, mind, feelings (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
tam cương (dt.):	ba mối quan hệ trong đạo làm người; vua-tôi (quân-thần), cha-con (phụ tử), vợ-chồng (phu-phụ) (n.): The Three Relations (<i>NCX-Đối Đầu</i>)
tấm tắc (trt.):	quá đáng (adv.): highly (<i>Mẹ Con</i>)
tấm tắc khen:	to praise highly (<i>Mẹ Con</i>)

tam tông (dt.):	khi nhỏ theo cha, khi lớn theo chồng, khi chồng chết theo con (n.): <i>The Three Obligations (NCX-Đối Đầu)</i>
tang bồng (dt.):	cung làm bằng gỗ dâu và tên làm bằng cỏ bồng. Tương truyền người Hán khi sinh được con trai thường lấy gỗ cây dâu làm cung, cỏ bồng làm tên, và bắn bốn phương với hàm ý sau này cậu con trai sẽ tung hoành khắp nơi. Ý từ này nói lên chí làm trai dọc ngang bốn bề. (n.): tang : the wood from mulberry trees, used to make bows; bồng : a kind of small, hard, solid, long and straight plant used to make arrows. Long ago, when giving birth to a son, people shot the arrows towards the four cardinal directions. This implies the boy will go everywhere to complete his duty towards his country. (<i>Đi Thi Tự Vịnh</i>)
tang thương (dt.):	dâu bể, chỉ sự biến đổi của cuộc đời (n.): <i>changes in life (Thăng Long Thành Hoài Cổ)</i>
tạo hoá (dt.):	trời đất (n.): <i>God, nature, creator (Thăng Long Thành Hoài Cổ)</i>
tất tả (trt.):	lật đật; vội vã (adv.): <i>in a hurried manner (NCX-Ấn Nhân)</i>
tê tái (tt.):	thấm sâu một cảm xúc, một tác động, một lời nói đến mức như mất cảm giác (adj.): <i>afflicting, full of pathos (Mẹ Con)</i>
tên tục (dt.):	tên do cha mẹ đặt lúc mới sinh ra, chỉ gọi lúc còn bé (n.): <i>given name (Anh Phải Sống)</i>
tha hồ (trt.):	không bị ngăn trở, hạn chế (adv.): <i>freely (NCX-Bên Lò Sưởi)</i>
thảm (tt.):	buồn rầu và xót xa (adj.): <i>pitiful, lamentable (NCX-Đối Đầu)</i>
thăm (đt.):	nghiên ngẫm (v.): <i>to ponder, think over (CPN-Mơ Ngày Chiến Thắng)</i>
thâm giao (dt.):	giao ước sâu sắc với nhau (n.): <i>to vow seriously (Ngày Sum Hạp)</i>
tham tá (dt.):	tham biện, công chức cao cấp trong các công sở thời Pháp thuộc (n.): <i>high official (NCX-Ấn Nhân)</i>
thăm thoát (đt.):	qua nhanh (v.): <i>to pass by quickly (Thăng Long Thành Hoài Cổ)</i>
thần lực (dt.):	sức mạnh do thần hỗ trợ (n.): <i>miraculous strength (Cây Huê Xà)</i>
thân nhân (dt.):	người nhà, người có quan hệ máu mủ, thân thiết (n.): <i>relative (Mẹ Con)</i>
thân thế (dt.):	cuộc đời riêng của mình (n.): <i>personal life (Đi Thi Tự Vịnh)</i>
thần thờ (tt.):	ngẩn ngơ như mất tinh thần (adj.): <i>dumbfounded, bewildered, dazed (Rừng Mắm)</i>
thằng con con (dt.):	thằng tiểu đồng (n.): <i>page boy (Hai Kiều Gặp Kim Trọng)</i>

thanh cao (dt.):	sự trong sạch, cao quý (n.): being noble; purity (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
thánh hiền (dt.):	người tài đức, được đời sau tôn sùng như bậc thánh (adj.): Sages and saints, Confucian deities (<i>NCX-Đối Đầu</i>)
thành liên (dt.):	những thành trì liền nhau. Ngày xưa, nước Triệu được hòn ngọc của họ Hoà, Tần Chiêu Vương xin đổi năm thành liên để lấy hòn ngọc, sau được gọi là ngọc Liên-Thành. (n.): annexed land, citadels (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
Thanh Minh (dt.):	lễ đi tảo mộ (n.): Pure Light Festival (<i>Kiểu Đi Thanh Minh</i>)
thanh y (dt.):	áo xanh. Đây tở gái các nhà giàu sang đời xưa đều mặc áo xanh, nên gọi là <i>thanh y</i> (n.): blue clothes of housemaids (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
thảo hoa (dt.):	cỏ và hoa, cây cỏ nói chung (n.): grass and flowers (<i>Nhớ Rừng</i>)
thất tín (đt.):	không giữ lời hứa (v.): to break one's promise (<i>NCX-Đối Đầu</i>)
thể diện (dt.):	danh dự, bên ngoài làm cho người ta coi trọng mình khi tiếp xúc (n.): honor, reputation (<i>Cây Huê Xà</i>)
thế gian (dt.):	người đời (n.): people (<i>Thế Thái Nhân Tình</i>)
thế hệ (dt.):	lớp người cùng lứa tuổi (n.): generation (<i>Cảm Xúc</i>)
thế lực (dt.):	sức mạnh và uy quyền (n.): power, influence (<i>NCX-Đối Đầu</i>)
thê noa (dt.):	vợ con (n.): wife and children (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
thế thái nhân tình (nhóm từ):	tình người trong cuộc sống the ways of this world (<i>Thế Thái Nhân Tình</i>)
thênh thênh (trt.):	bình yên, thanh thản (adv.): leisurely (<i>Chí Làm Trai</i>)
thết (đt.):	đãi; mời (v.): to treat (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
thiền thiếp (đt.):	đang ngủ (v.): to be asleep (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
thiện căn (dt.):	gốc của điều thiện (n.): root of innate goodness (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
thiên hạ (dt.):	nói chung mọi người sống trên đời, người đời (n.): all the people, people (<i>Chúc Tết</i>)
thiện nhân (dt.):	người lương thiện (n.): honest, good people (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
thiên quan trung tể (dt.):	<i>Thiên quan</i> là loại quan đứng đầu sáu loại quan do nhà Chu đặt ra. <i>Trung tể</i> tức là chức tể tướng. (n.): prime minister (<i>Phận Hồng Nhan</i>)

thiên vị (đt.):	tỏ ra không công bằng (v.): to be partial, biased, showing favor to someone (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
thiếp (đdt.):	tôi - tiếng phụ nữ xưng hô với chồng hay người có địa vị cao hơn. (pron.): I (used by woman when talking to her husband) (<i>CPN-Mơ Ngày Chiến Thắng</i>)
thiều quang (dt.):	ánh sáng đẹp tốt, ngày mùa xuân (n.): serene light, spring days (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
thiều quang chín chục (dt.):	do câu “cửu thập thiều quang” nghĩa là chín mươi ngày xuân (n.): 90 spring days (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
thở hồng hộc (động ngữ):	thở nhanh và mạnh (phrasal v.): to breathe hard, to pant (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
thỏ lặn, ác tà:	mặt trăng lặn, mặt trời xế bóng, chỉ ngày tháng trôi disappearing moon and setting sun; the passing of time (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
thơ thẩn (đt.):	đi đi, lại lại trong phạm vi hẹp với vẻ vô tư lự (v.): to roam, wander (<i>Thú Nhân</i>)
thoai thoải (tt.):	hơi dốc xuống (adj.): sloping (<i>Rừng Mắm</i>)
thoăn thoắt (trt.):	nhanh nhẹn và nhẹ nhàng (adv.): nimbly (<i>NCX-Ấn Nhân</i>)
thối cơm (đt.):	nấu cơm (v.): to cook a meal (<i>Anh Phải Sống</i>)
thôi miên (đt.):	làm cho người nào đó ngủ đi bằng sự ám thị và sai khiến của người có ý chí và nhân diện mạnh hơn (thôi = thúc giục, miên = ngủ) (v.): to hypnotize (<i>Anh Phải Sống</i>)
thơm (dt.):	tiếng thơm, tiếng khen (n.): praise, good reputation (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
thổn thức (đt.):	khóc thầm; (tim) rung động, hồi hộp (v.): to sob; to throb with emotion (<i>NCX-Ấn Nhân, NCX-Trên Đồi</i>)
thông thái (tt.):	học rộng và hiểu biết nhiều (adj.): learned, erudite (<i>NCX-Ấn Nhân</i>)
thốt (đt.):	nói ra (v.): to utter (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
thứ (dt.):	dân thường (n.): common man (<i>Chúc Tết</i>)
thu cúc (đt.):	hoa cúc vào mùa thu (n.): autumn mum (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
(thú) điền viên (dt.):	điền là ruộng, viên là vườn. Thú điền viên là thú hưởng nhàn, không bận lo tranh danh lợi. (n.): the pleasure of a rural life (<i>Đi Thi Tự Vịnh</i>)
thú nhàn (dt.):	sự vui thích khi được rảnh rỗi, thư thả, không phải lo nghĩ gì (n.): the joy of leisure (<i>Thú Nhân</i>)
thù oán (dt.):	sự căm thù và oán giận (n.): enmity (<i>Cây Huê Xà</i>)

thu thảo (dt.):	cây cỏ mùa thu (n.): autumn grass (<i>Thăng Long Thành Hoài Cổ</i>)
thừa phái (dt.):	thư ký trong công sở của Nam triều thời Pháp thuộc (n.): office secretary (<i>NCX-Ấn Nhân</i>)
thuần (tt.):	quen, (đất) trồng trọt được (adj.): arable (land) (<i>Rừng Mắm</i>)
thúc bá (dt.):	chú bác (n.): uncle (<i>NCX-Đối Đầu</i>)
thục nữ (dt.):	người đàn bà hiền lành, thuần hậu (n.): virtuous women (<i>Ngây Sum Hạp</i>)
thung thăng (dt.):	đi thông thả, không vội vàng (v.): to amble (<i>NCX-Ấn Nhân</i>)
thủng thủng (trt.):	thong thả, khoan thai (adv.): leisurely (<i>NCX-Ấn Nhân</i>)
thượng du (dt.):	vùng cao, miền rừng núi (n.): highlands (<i>Anh Phái Sống</i>)
thương tâm (dt.):	sự đau lòng (n.): heart-rending (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
thuyền nan (dt.):	thuyền nhỏ đan bằng nan tre, được sơn kín hai mặt trong và ngoài (n.): small bamboo boat (<i>Anh Phái Sống</i>)
tía (dt.):	danh từ của người Mã lai, từ địa phương gọi cha của người dân quê miền Nam (n.): father (<i>Rừng Mắm</i>)
tịch dương (dt.):	ánh trời chiều (n.): twilight, setting sun (<i>Thăng Long Thành Hoài Cổ</i>)
tiền giấy (dt.):	giấy tiền vàng bạc đốt cho người chết (n.): votive papers (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
tiên phong (dt.):	người đi tiên phong, đi trước để dẫn đường (n.): pioneer (<i>Rừng Mắm</i>)
tiếng lịch kịch (dt.):	tiếng do vật cứng va chạm nhau (n.): thud (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
tiều (dt.):	người đốn củi (n.): woodcutter, logger (<i>Qua Đèo Ngang</i>)
tiểu Khê (dt.):	cái khe, suối nhỏ (n.): rivulet (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
tiểu thuyết (dt.):	cuốn truyện (n.): novel (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
Tiêu Tương (dt.):	tên một con sông thuộc tỉnh Hồ Nam bên Trung Quốc; Tiêu Tương tượng trưng cho sự ly biệt. (n.): Xiaoxiang (<i>CPN-Phút Chia Tay</i>)
(tím) biền biệt (trt.):	(tím) ngất một màu. (Chỉ màu tím mà thôi) trải dài đến vô tận (adv.): (the purple color spreads) endlessly (<i>Màu Tím Hoa Sim</i>)
tĩnh (tt.):	không bị say, vẫn bình thường (adj.): to be sober (<i>Tương Tư</i>)
tình mẫu tử (dt.):	tình mẹ con (n.): love between mother and child (<i>NCX-Đối Đầu</i>)

tỉnh ngộ (đt.):	biết lỗi mình sau một thời gian dài bị mê mẩn (v.): to understand, to realize one's mistakes (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
tinh sương (dt.):	tinh: sao, sương: sương giá. Chỉ thời gian một năm. (n.): one year of time (<i>Thăng Long Thành Hoài Cổ</i>)
tơ liễu (dt.):	lá liễu mềm như tơ (n.): silky leaves of weeping willow (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
tổ nga (dt.):	người con gái đẹp (n.): a beauty (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
Tô phụ (dt.):	vợ Tô Tần, một thuyết khách nổi tiếng của Trung Hoa thời xưa. (n.): Tô Tần's wife (<i>CPN-Mơ Ngày Chiến Thắng</i>)
tổ tôm (dt.):	trò chơi có 120 lá bài, năm người chơi (n.): card game using a deck of 120 cards and played by 5 persons (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
tóc rối da chì (dt.):	tóc không bới chải, da xạm nắng (n.): unkempt hair and dark complexion (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
tối hậu (tt.):	sau cùng (adj.): last of all, ultimate, final (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
tổng (đt.):	đuổi đi (v.): to drive out, kick out (<i>NCX-Đổi Đầu</i>)
trả đũa (đt.):	trùng trị hoặc chống trả lại một cách đích đáng cho hả giận (v.): to retaliate (<i>Mẹ Con</i>)
trạc (trt.):	vào khoảng (adv.): about, around (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
trâm anh (dt.):	“trâm” là cái trâm cài mũ, “anh” là giải mũ. Nhà trâm anh là nhà danh giá. Ngày xưa ở nước Trung Hoa, người thường dân không được đội mũ. (n.): hairpin and ribbon; nobility (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
trâm gãy bình rơi :	chỉ sự tan vỡ nửa chừng. Đường thi có câu “Nhất phiến tình chu dĩ đảo ngạn, bình trâm hoa chiếc dĩ đa thời”: (một chiếc thuyền tình đến bờ, bình đã chìm, hoa đã gãy đi rồi) the pin had broken, the vase had fallen (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
trầm thủy (đt.):	chìm một phần xuống dưới nước (v.): to sink in the water (<i>Rừng Mắm</i>)
trần ai (dt.):	bụi cát; cõi đời này (n.): this world (<i>Đi Thi Tự Vịnh</i>)
trần cấu (dt.):	bụi bặm và cấu ghét, ám chỉ cái thân nhơ nhớp (n.): mire, mud, vileness (<i>Ngày Sum Họa</i>)
trận mây mưa (dt.):	con giận dữ (n.): fit of anger (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
trần tình (đt.):	bày tỏ nỗi lòng, giải bày (v.): to make clear, to express (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
trấn tĩnh (đt.):	giữ thái độ bình tĩnh trước một biến động (v.): to keep calm (<i>Rừng Mắm</i>)
Tràng Dương (dt.):	Đất Tràng Dương thuộc tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc. (n.): Changyang (<i>CPN-Phút Chia Tay</i>)

tráng lệ (tt.):	đẹp lộng lẫy (adj.): magnificent, superb (<i>Mẹ Con</i>)
Tràng Thành (dt.):	thành Trảng-An (n.): Ch'ang-an (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
trang trắng (dt.):	trang trải, thanh toán xong (v.): to pay off (<i>Chỉ Làm Trai</i>)
trăng vòng tròn gương (từ ngữ):	trăng vòng là vành trăng; tròn gương là mặt trăng tròn. Ý nói người con gái còn trong trắng. (phrase): being virgin (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
trạng lòng (dt.):	động lòng vì cảm xúc (adj.): to be susceptible to (<i>NCX-Ấn Nhân</i>)
tri kỷ (dt.):	người hiểu biết lòng bạn mình (n.): soul mate (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
trinh (dt.):	tiết hạnh của người đàn bà chỉ chung thủy với một người (n.): chastity (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
trơ gan (dt.):	phơi bày, thách thức (v.): to challenge, to expose to..., to display (<i>Thăng Long Thành Hoài Cổ</i>)
trợ giáo (dt.):	giáo viên dạy tiểu học trong thời Pháp thuộc (n.): primary school teacher (<i>NCX-Ấn Nhân</i>)
trời đất (dt.):	xã hội, cuộc đời này (n.): this life, society (<i>Đi Thi Tự Vịnh</i>)
trời long đất lở :	trời đất rung chuyển dữ dội sky rending, earth shaking (<i>Anh Phải Sống</i>)
trộm dẫu thắm yêu (dt.):	thương mà không dám nói ra (v.): to love someone unexpressively (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
trót (dt.):	đã lỡ hứa làm việc gì (v.): to have already committed oneself to something (<i>Đi Thi Tự Vịnh</i>)
trừ tuyệt nọc (động ngữ):	trị tuyệt căn (phrasal v.): to completely get rid of (<i>Cây Huê Xà</i>)
truân chuyên (dt.):	long đong, vất vả, gian khổ (adj.): hardship (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
trúc côn (dt.):	gậy tre (n.): bamboo cane (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
trùng trùng điệp điệp (tt.):	hết lớp này đến lớp kia nối tiếp nhau (adj.): stretching endlessly (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
trường ca (dt.):	bài thơ dài (n.): epic
trượng phu (dt.):	người đàn ông có tài đức, có khí phách quân tử (n.): a noble man, a gallant man (<i>CPN-Mơ Ngày Chiến Thắng</i>)
truyền hịch (dt.):	gửi công văn phát ra để hiểu dụ, khuyến khích tướng sĩ (v.): to send draft order, to issue a proclamation (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
tứ đức (dt.):	bốn đức hạnh của người phụ nữ: công, dung, ngôn, hạnh (n.): The Four Virtues of a woman (<i>NCX-Đôi Đầu</i>)

tử sinh (dt.):	chết và sống (n.): death and life (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
tử trần (dt.):	chết, từ già cõi trần (v.): to die, to pass away (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
tự trào (dt.):	tự chế nhạo mình (v.): to mock oneself (<i>Tự Trào</i>)
tự xử (dt.):	tự quyết định về tội lỗi của mình (v.): to judge for oneself, to condemn oneself (<i>NCX-Đổi Đầu</i>)
tuế nguyệt (dt.):	năm tháng (n.): years and months (<i>Đi Thi Tự Vịnh, Thăng Long Thành Hoài Cổ</i>)
tung hoành (dt.):	ngang dọc đây đó, không chịu gò bó (n.): to act willfully (<i>Nhớ Rừng</i>)
tước (dt.):	danh vị của quan lại vua ban cho (n.): title of nobility (<i>Chức Tước</i>)
tường đông (dt.):	là bức tường phía đông, ý nói nơi trai gái lén lút tình tự nhau, vì ngày xưa có câu thơ nói rằng: “trèo qua bức tường phía đông để quyến rũ con gái nhà láng giềng.” (n.): east wall (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
tương tư (dt.):	lòng yêu thương và nhớ ai, nhưng thường thường không được người ta đáp lại (n.): lovesick (<i>Tương Tư</i>)
tuyệt độc (tt.):	chất độc đã bị diệt trừ hoàn toàn, không còn khả năng độc hại (adj.): completely detoxed (<i>Cây Huê Xà</i>)
tuyệt tình thần (dt.):	tình thần trong trắng như tuyết, ý nói tư tưởng trong sạch, đầu óc ngây thơ (n.): pure mind (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
u uẩn (dt.):	giấu kín (nỗi buồn) ở trong lòng (n.): to show hidden (melancholy) (<i>Đôi Mắt Người Sơn Tây</i>)
u uất (tt.):	buồn rầu, dồn chứa trong lòng, không tỏ bày cùng ai (adj.): spleenful (<i>Cảm Xúc</i>)
uất ức (dt.):	bực tức chất chứa trong lòng (n.): writhe (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
uể oải (tt.):	mệt nhọc quá, chân tay rã rời (adj.): sluggish (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
ung dung (trt.):	thong thả (adv.): leisurely (<i>NCX-Trên Đồi</i>)
ương ngạch (tt.):	bướng bỉnh, ngang ngạnh, không chịu nghe lời ai (adj.): stubborn, self-willed (<i>Mẹ Con</i>)
vá (dt.):	phủ lên chỗ rách, chỗ thủng một lớp vải và khâu lại (v.): to mend (<i>Màu Tím Hoa Sim</i>)
văn chương nét đất (dt.):	nhà dòng dõi văn chương (n.): scholar's trade (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
văn nhân (dt.):	người có học, biết làm văn, thơ (n.): man of letters (<i>Tự Trào, Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)

văn vện (tt.):	có nhiều vệt màu xen lẫn nhau (adj.): variegated (<i>Cây Huê Xà</i>)
vằng vặc (trt.):	rất sáng, một cách rõ ràng (adv.): (of moonlight) clearly, brightly (<i>Cảm Xúc</i>)
văng vẳng (trt.):	không rõ lắm (adv.): vaguely (<i>NCX-Bên Lò Sưởi</i>)
vắng vẻ (tt.):	không có người qua lại (adj.): deserted, quiet, desolate (<i>Thú Nhân</i>)
vàng vó (dt.):	vùng Nghệ Tĩnh gọi vàng hồ là vàng vó, một loại giấy vàng bạc cuộn thành thoi rắc theo xe tang hoặc quanh mộ ngày Thanh Minh. (n.): ritual paper ingots (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
vật đổi sao dời (dt.):	sự biến đổi (n.): (things change and stars shift their courses) changes in life (<i>Ngày Sum Hạp</i>)
vật vã (dt.):	vật mình bên này, bên kia, lẫn lộn vì đau đớn, khổ sở (v.): to writhe (<i>Mẹ Con</i>)
vắt vẻo (trt.):	đong đưa một cách ngạo nghễ (adv.): swingingly (<i>Cây Huê Xà</i>)
vay (dt.):	mượn (v.d: tiền) với điều kiện phải trả lãi (v.): to borrow with interest (<i>Anh Phải Sống</i>)
vênh (dt.):	giương lên (v.): to hold up one's face in conceit (<i>Tự Trào</i>)
vị (trt.):	chưa (adv.): not yet (<i>Chí Làm Trai</i>)
việc canh tác (dt.):	trồng trọt (n.): cultivation, farming (<i>Rừng Mắm</i>)
viện dưỡng lão (dt.):	nơi chăm sóc người già (n.): nursing home (<i>Mẹ Con</i>)
viên ngoại (dt.):	tiếng để gọi những người khá giả như ta gọi ông bá hộ, ông trưởng giả, v.v... (n.): noble elder, notables (<i>Giới Thiệu Truyện Kiều</i>)
viễn phương (dt.):	phương xa (n.): distant land (<i>Kiều Đi Thanh Minh</i>)
viễn xứ (dt.):	phương xa (n.): far-away country, distant place (<i>Đôi Mắt Người Sơn Tây</i>)
vinh (tt.):	được xem là tốt đẹp, đáng kính trọng (adj.): honored (<i>Chí Làm Trai</i>)
vịnh (dt.):	miêu tả sự việc bằng thơ (v.): to describe something, using poetry (<i>Đi Thi Tự Vịnh</i>)
vít (dt.):	kéo xuống (v.): to pull down (<i>Cảm Xúc</i>)
vô tư lự (tt.):	không suy nghĩ, ưu tư gì (adj.): thoughtless, carefree, unconcerned (<i>Nhớ Rừng</i>)
vơ vẩn (tt.):	bâng quơ, không có mục đích rõ ràng (adj.): aimless (<i>Anh Phải Sống, NCX-Hai Chị Em</i>)

vội vã (trt.):	gấp gáp (adv.): hurriedly (<i>Áo Lụa Hà Đông</i>)
vua (dt.):	người cai trị một nước quân chủ (n.): king (<i>Chúc Tết</i>)
vực (đt.):	giúp người đứng dậy (v.): to help one stand up (<i>Phận Hồng Nhan</i>)
vùi nông (đt.):	chôn cạn (v.): to bury in a shallow grave (<i>Kiểu Đi Thanh Minh</i>)
vui tuế nguyệt :	để cho qua ngày tháng, để thời gian vui vẻ trôi qua to enjoy the passing of time (<i>Đi Thi Tự Vịnh</i>)
vững dạ (tt.):	tự tin ở mình, không nao núng (adj.): self-confident (<i>Rừng Mắm</i>)
vững nên đời (nhóm từ):	vững sâu biến thành đời cao; ý nói lòng người khi vui khi buồn changes in life (<i>Thế Thái Nhân Tình</i>)
vườn Bách Thú (dt.):	sở thú (n.): zoo (<i>Nhớ Rừng</i>)
vuông tròn (tt.):	suông sẻ, tốt đẹp (adj.): good, healthy, smooth birth-giving process (for both mother and child) (<i>Chúc Tết</i>)
xà (dt.):	con rắn (n.): snake (<i>Cây Huê Xà</i>)
xanh kia (dt.):	ông trời, trời xanh cao (n.): creator, ruler in yonder blue above (<i>CPN-Sửa Soạn Lên Đường</i>)
xe châu (dt.):	xe tang (n.): hearse (<i>Kiểu Đi Thanh Minh</i>)
xe tay (dt.):	xe hai bánh do người kéo (n.): rickshaw (<i>NCX-Hai Chị Em</i>)
xì xào (đt.):	trao đổi, bàn tán chuyện riêng của người khác (v.): to gossip, whisper (<i>Mẹ Con</i>)
xốc (đt.):	để cánh tay ở dưới hông mà nâng một người lên (v.): to lift someone to a higher position/level (<i>Anh Phải Sống</i>)
(xứ) Đoài (dt.):	phía tây, xứ Đoài là tỉnh Sơn Tây (n.): West (region) (<i>Đôi Mắt Người Sơn Tây</i>)
xuân lan (dt.):	hoa lan vào mùa xuân (n.): spring orchid (<i>Hai Kiều Gặp Kim Trọng</i>)
xuất chính (đt.):	ra làm quan (v.): to be an official, to begin a public career (<i>NCX-Đổi Đầu</i>)
xuất thân làm/là (động ngữ):	có gốc gác là, nguyên là (phrasal v.): originally be/do (<i>Anh Phải Sống</i>)
xuồng (dt.):	thuyền nhỏ, không có mái che (n.): small boat, canoe (<i>Cây Huê Xà</i>)
ý nhị (trt.):	nhẹ nhàng và sâu sắc (adv.): delicately (<i>Cảm Xúc</i>)
yến anh (dt.):	chim yến và chim anh (n.): swallows and orioles (<i>Kiểu Đi Thanh Minh</i>)